



LESLIE T.CHANG

GÁI CÔNG XƯỞNG



NHA XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

MADE IN CHINA

Gái Công Xưởng

Tác giả: Leslie T. Chang

Công ty phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản: NXB Hội Nhà Văn

Kích thước: 16 x 24 cm

Dịch giả: Lục Hương

Số trang: 504

Ngày xuất bản: 04/2011

Soát lỗi, làm lại ebook: bun_oc & tamchec

Ngày hoàn thành: 08/09/2015

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Giải thưởng văn chương của Hội Văn bút (PEN) Hoa Kỳ năm 2009 về thể loại sách phi hư cấu nghiên cứu.

Nằm trong danh sách 100 cuốn sách đáng nêu nhất trong năm 2008 của tạp chí New York Times.

“Ngày nay Trung Quốc có khoảng 130 triệu lao động di trú. Trong các nhà máy, nhà hàng, công trường xây dựng, thang máy, dịch vụ chuyển phát, dọn dẹp nhà cửa, chăm trẻ, nhặt rác, tiệm cắt tóc, và cả nhà thổ nữa, hầu hết mọi lao động đều là dân nông thôn gốc. Ở các thành phố lớn như Bắc Kinh hay Thượng Hải, người di trú chiếm khoảng một phần tư dân số, ở các thành phố công nghiệp miền Nam Trung Quốc, họ vận hành các dây chuyền lắp ráp của nền kinh tế xuất khẩu. Tổng cộng lại, họ tạo nên dòng người di cư lớn nhất trong lịch sử, gấp ba lần số người đã di cư từ châu Âu sang Mỹ trong suốt một thế kỷ.”

Leslie T. Chang, cựu phóng viên Wall Street Journal, viết những dòng trên vào tháng Ba năm 2006, khởi đầu cho cuốn sách về những lao động nữ người Trung Quốc ở miền Nam nước này. Các cô gái rời quê nhà, hòa mình vào thế giới công xưởng khắc nghiệt, nơi bạn thậm chí sẽ mất bạn trai chỉ vì đánh mất cái điện thoại, hoặc một chút kỹ năng sử dụng máy tính đủ đưa bạn lên một tầng lớp mới trong xã hội. Trong cuộc vật lộn mưu sinh, họ đã nếm trải đủ mọi thành công cũng như thất bại cay đắng. Và vượt lên trên hầu hết các cuốn sách thời thượng về Trung Quốc khác, *Gái công xưởng* còn là bức tranh đầy thương cảm thiết tha, lưu lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên về một lớp người đang tạo ra hàng hóa công nghiệp và tiêu dùng cho cả thế giới. Ấn tượng đó đồng thời mang lại một cái nhìn hai chiều về nước Trung Quốc hiện nay: Sự thịnh vượng kinh tế cùng những cái giá phải trả.

“Mọi người thường hay hỏi tôi: “Phụ nữ Trung Quốc ngày nay như thế nào?” Thay cho câu trả lời, tôi sẽ giới thiệu với họ Gái công xưởng của Leslie T. Chang, một cuốn sách tuyệt vời. Những câu chuyện của các cô gái công xưởng không chỉ đầy mê hoặc, bi kịch và hứng khởi – những ví dụ thực thụ về sự bền bỉ, tính chịu đựng, và nỗi cô đơn.”

- Lisa See, tác giả *Tuyệt hoa và cây quạt bí mật*



Sau khi tốt nghiệp Đại học Harvard chuyên ngành lịch sử và văn học Mỹ (1991), **Leslie T. Chang** đến Prague (CH Séc) làm phóng viên với mong muốn củng cố lại sức hút của dòng máu Trung Hoa và nề nếp truyền thống của Trung Quốc mà chị mang trong mình. Nhưng với lợi thế biết tiếng Hoa, năm 1993, Chang được cử làm phóng viên cho tờ **Wall Street Journal** trong mười năm tại Hồng Kông, Đài Loan và Bắc Kinh. Kết quả của quá trình ấy là tác phẩm đầu tay: **Gái công xưởng**.

Leslie T. Chang cũng cộng tác với tạp chí **National Geographic**. Hiện chị sống tại bang Colorado (Hoa Kỳ) với chồng là Peter Hessler, một cây bút cũng chuyên về Trung Quốc.

Mục lục

Phần 1: Thành phố

1. Ra đi
2. Thành phố
3. Chết nghèo là có tội
4. Chợ việc làm
5. Những cô gái công xiềng
6. Tấm bia vô danh
7. Vuông và tròn
8. Hẹn hò tám phút
9. Tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp

Phần Hai: Làng quê

10. Làng quê
11. Nhà sử học trong gia tộc tôi
12. Thương xá Hoa Nam
13. Tình yêu và tiền bạc
14. Lăng mộ của hoàng đế
15. Sức khỏe hoàn hảo

CÁC NGUỒN TƯ LIỆU

LỜI CẢM ƠN

Phần 1: Thành phố

1. Ra đi

Khi gặp một cô gái đến từ một nhà máy khác, bạn sẽ đánh giá nhanh cô ấy một lượt. Năm mấy thế? Các bạn hỏi nhau, như thế không phải nói về con người, mà là đang nói về việc sản xuất ô tô vậy. Bao nhiêu một tháng? Có bao ăn ở không? Thêm giờ thì bao nhiêu? Rồi sau đó bạn sẽ hỏi cô ấy quê ở tỉnh nào. Bạn không bao giờ hỏi tên cô ấy cả.

Có một người bạn thực sự trong nhà máy không phải chuyện dễ dàng. Mười hai cô gái ngủ chung một căn phòng, và trong khoảng không gian chật hẹp của nhà tập thể ấy, tốt hơn hết là giữ bí mật cho riêng mình. Một số cô gái vào làm trong nhà máy bằng chứng minh thư đi mượn và không bao giờ nói tên thật của mình cho bất cứ ai. Một số cô chỉ nói chuyện với những người cùng quê, nhưng làm vậy cũng vẫn mạo hiểm: Tin đồn lan từ nhà máy về đến làng rất nhanh, và khi bạn trở về, tất cả các bà các cô trong làng đều biết bạn kiếm được bao nhiêu một tháng, bạn tiết kiệm được bao nhiêu hay bạn có đi chơi với anh chàng nào hay không.

Khi có một người bạn, bạn có thể làm mọi thứ cho cô ấy. Nếu một người bạn bỏ việc, và không có nơi nào để đi, bạn sẽ chia sẻ với cô ấy cái giường chật hẹp của mình bất chấp rủi ro phải chịu mười đồng Nhân dân tệ (khoảng 1,25 đô la) tiền phạt nếu bị bắt gặp. Nếu cô bạn của bạn làm việc ở xa, bạn sẽ dậy sớm trong một ngày nghỉ hiếm hoi và ngồi hàng giờ trên xe buýt, đồng thời, cô ấy cũng sẽ nghỉ làm – lần này, là một trăm đồng tiền phạt – để dành cả ngày với bạn. Bạn có thể làm việc ở một nhà máy bạn không thích, hoặc nghỉ việc ở một nhà máy bạn thích, vì một người bạn yêu cầu như thế. Bạn bè viết thư cho nhau hàng tuần, mặc dù các cô gái đã đi làm lâu hơn coi đó là trò trẻ con. Thay vào đó, họ gửi tin nhắn qua điện thoại di động.

Bạn bè cãi nhau rồi bỏ nhau cũng là chuyện thường, bởi cuộc sống thay đổi quá nhanh chóng. Điều dễ xảy ra nhất trên đời này, chính là đánh mất mối liên hệ với một ai đó.

Ngày tuyệt vời nhất trong tháng là ngày phát lương. Nhưng theo một góc độ nào đó, nó cũng là ngày tệ hại nhất. Sau khi bạn đã làm việc chăm chỉ suốt một thời gian dài, chứng kiến số tiền bị cắt đi chỉ vì những chuyện hết sức vớ vẩn là một điều đáng phẫn nộ: đến muộn vài phút vào một buổi sáng, hoặc nghỉ nửa ngày vì mệt, hoặc phải trả thêm tiền để đổi đồng phục mùa đông sang mùa hè. Trong ngày phát lương, mọi người đều xúm đông xúm đỏ ở bưu điện để gửi tiền về cho gia đình. Các cô gái mới đến đều rất phấn khích gửi tiền về, còn các cô đã ở lâu hơn thì cười chế giễu họ. Một vài cô lập sổ tiết kiệm cho riêng mình, đặc biệt là khi các cô đó đã có bạn trai. Mọi người đều biết cô nào tiết kiệm được nhiều nhất và đã tiết kiệm được mấy nghìn Nhân dân tệ. Tất cả cũng biết ai là người tiết kiệm được ít nhất, với nào là son môi, những chiếc điện thoại di động lấp lánh ánh bạc, mặt dây chuyền hình trái tim, và cả nhiều đôi giày cao gót nữa.

Cả ngày các cô gái đều nói chuyện bỏ việc. Công nhân bắt buộc phải làm việc ở đây ít nhất sáu tháng, thậm chí là sau đó, đơn xin thôi việc cũng chưa chắc đã được chấp nhận. Nhà máy giữ lại hai tháng lương đầu của tất cả các công nhân; ra đi mà không được chấp nhận đồng nghĩa với việc mất số tiền đó và bắt đầu lại từ đầu ở một chỗ khác. Có một sự thật về đời công nhân nhà máy mà bạn không thể nào biết được từ bên ngoài: Vào làm trong một nhà máy thì dễ. Ra khỏi đó mới khó.

Con đường duy nhất để tìm một công việc tốt hơn chính là bỏ công việc hiện tại. Việc phỏng vấn đòi hỏi phải xin nghỉ làm, và người chủ mới mong đợi bạn bắt đầu công việc ngay lập tức. Từ bỏ một công việc cũng là sự đảm bảo tốt nhất để có một công việc mới. Áp lực của chuyện tìm một chỗ để ăn và ngủ sẽ thúc đẩy bạn tìm việc mới nhanh hơn. Các cô gái thường bỏ việc trong nhà máy theo từng nhóm, tìm kiếm sự động viên từ số đông và hứa sẽ vào làm chung trong nhà máy mới, mặc dù điều ấy hóa ra thường là không thể thực hiện được. Điều dễ xảy ra nhất trên đời này, chính là đánh mất mối liên hệ với một ai đó.

Lỗ Thanh Mẫn sống một mình trong một thời gian dài. Chị gái cô làm việc trong một nhà máy ở Thâm Quyển, thành phố công nghiệp đang phát triển nhanh chóng cách đó một giờ đi xe buýt. Bạn bè đồng hương của cô rải rác ở các nhà máy khắp một dải dọc bờ biển Trung Quốc, nhưng Mẫn, như bạn bè cô vẫn gọi, không liên lạc với bất cứ ai. Đây là vấn đề liên quan đến lòng tự trọng: bởi vì cô không thích nơi mình đang làm việc, cô không nói với ai mình đang ở đâu. Đơn giản là cô biến mất khỏi tầm nhìn của mọi người.

Nhà máy nơi cô làm việc có tên Carrin Electronics. Một nhà máy của Hồng Kông, chuyên sản xuất đồng hồ báo thức, máy tính điện tử, và lịch điện tử, loại hiển thị ngày giờ ở các thành phố trên khắp thế giới. Nhà máy trông cũng khá đàng hoàng khi cô đến phỏng vấn vào tháng Ba năm 2003: các khu nhà lợp mái tôn, một cái sân xi măng, một cổng xếp kéo bằng kim loại đóng kín. Cô không được phép vào trong cho tới khi cô được nhận vào làm việc. Các công nhân ngủ chung mười hai người một phòng, trên những chiếc giường chật hẹp cạnh nhà vệ sinh; những căn phòng đều dơ dáy bẩn thỉu và bốc mùi. Đồ ăn trong căng tin cũng tệ: mỗi bữa gồm có cơm, một món thịt hoặc rau, và canh, mà canh thì lỏng bồng toàn nước là nước.

Một ngày ở dây chuyền lắp ráp kéo dài từ tám giờ sáng đến nửa đêm – mười ba tiếng làm việc và hai lần nghỉ ăn cơm – và các công nhân làm việc hàng ngày trong liên tục nhiều tuần liền. Thỉnh thoảng họ không phải làm thêm giờ vào chiều ngày thứ Bảy, đó là thời gian nghỉ ngơi duy nhất. Các công nhân kiếm được chừng bốn trăm Nhân dân tệ một tháng – tương đương năm mươi đô la – và gần gấp đôi chỗ ấy khi làm thêm, nhưng thường xuyên bị trễ tiền lương. Nhà máy sử dụng cả ngàn lao động, hầu hết trong số đó là phụ nữ, cả những cô gái trẻ mới bước chân ra khỏi nhà đến những người đàn bà hơn

ba mươi đã có gia đình. Bạn có thể đánh giá chất lượng của chỗ làm việc thông qua số lượng những người thiếu vắng: các cô gái trẻ tuổi đôi mươi, lực lượng tinh nhuệ của các nhà máy công xưởng. Khi Mẫn tưởng tượng ra cảnh mình sẽ ngồi bên dây chuyền lắp ráp hàng ngày trong mười năm tới, cô đã vô cùng kinh hãi. Cô mới có mười sáu tuổi.

Ngay từ khoảnh khắc đầu tiên bước vào nhà máy, Mẫn đã muốn từ bỏ công việc này, nhưng cô đã cam kết sẽ làm việc ít nhất sáu tháng. Đó cũng là một dịp tốt để cô rèn luyện, và trước mắt các lựa chọn của cô cũng khá là hạn chế. Tuổi đi làm theo luật định là mười tám, song những người mười sáu hoặc mười bảy cũng có thể nhận công việc đó với thời gian làm việc ngắn hơn. Thông thường chỉ có một loại chủ lao động thoải mái phá rào Luật Lao động – “những nhà máy bản thủ nhơ nhuốc nhất,” Mẫn gọi như thế – mới thuê những người ít tuổi như cô.

Trong tuần làm việc đầu tiên, Mẫn bước sang tuổi mười bảy. Cô nghỉ một nửa ngày và một mình lang thang trên phố, mua vài món bánh kẹo và ăn một mình. Cô không hề có khái niệm con người ta làm gì để giải trí. Trước khi lên thành phố, cô chỉ có một ý niệm rất mơ hồ về cái gọi là nhà máy, hết sức mờ nhạt, cô tưởng tượng nó là cả một cộng đồng sống động quần tụ với nhau. “Tôi nghĩ rằng làm việc trong dây chuyền lắp ráp sẽ rất vui,” cô nói sau này. “Tôi nghĩ sẽ có rất nhiều người cùng làm việc với nhau, bạn bịu, chuyện trò và nô đùa vui vẻ. Tôi nghĩ công việc sẽ rất thoải mái. Nhưng hoàn toàn không phải vậy.”

Nói chuyện trong giờ làm bị cấm và sẽ bị phạt năm Nhân dân tệ. Thời gian nghỉ đi vệ sinh chỉ có mười phút và phải đăng ký vào danh sách. Mẫn làm ở bộ phận kiểm định chất lượng, kiểm tra các thiết bị điện tử khi chúng chạy qua trên dây chuyền lắp ráp để chắc chắn rằng các nút ấn hoạt động, những mảnh nhựa đã ghép vào nhau, và pin đã được lắp đúng chiều. Cô không phải một công nhân kiểu mẫu. Cô cứ nhí nhách liên tục và hát với những người phụ nữ khác cùng dây chuyền. Ngồi yên một chỗ làm cô cảm thấy tù túng như chim trong lồng, vì vậy cô thường xuyên ra nhà vệ sinh chỉ để nhìn thấy ngọn núi xanh gợi nhớ về quê nhà qua khung cửa sổ hẹp. Đông Quán^[1] là một thành phố công nghiệp nằm ở vùng á nhiệt đới phì nhiêu màu mỡ, và có vẻ như Mẫn là người duy nhất để ý đến điều đó. Vì cô mà nhà máy đã đặt ra luật lệ giới hạn công nhân chỉ được đi vệ sinh một lần trong bốn tiếng; mức phạt nếu vi phạm là năm Nhân dân tệ.

Sau sáu tháng, Mẫn đến gặp sếp của mình, một người đàn ông tầm từ hai mươi tuổi đến ba mươi tuổi và nói cô muốn nghỉ việc. Anh ta đã từ chối.

“Năng suất của cô ở dây chuyền lắp ráp rất không tốt,” ông chủ của Mẫn nói. “Cô có mù không vậy?”

“Kể cả nếu tôi bị mù,” Mẫn phản kích lại, “tôi cũng không làm việc dưới quyền một kẻ bạc bẽo như anh đâu.”

Cô bỏ ra khỏi dây chuyền trong ngày hôm sau để phản kháng, hành vi này khiến cô bị phạt một trăm Nhân dân tệ. Ngày tiếp theo đó, cô đến gặp ông chủ và một lần nữa yêu cầu cho nghỉ việc. Câu trả lời của anh ta khiến cô ngạc nhiên: ở lại cho đến qua tết Âm lịch, tức là thêm sáu tháng nữa, và cô sẽ được nghỉ việc và nhận lại hai tháng tiền lương mà nhà máy giữ của cô. Ông chủ của Mẫn đánh cược rằng cô sẽ ở lại. Sau năm mới, các công nhân tràn về những thành phố công nghiệp giống như Đông Quán, và cuộc cạnh tranh để giành một công việc sẽ hết sức kịch liệt.

Sau cuộc cãi vã, ông chủ trở nên tử tế hơn với cô. Đã mấy lần anh ta thuyết phục cô nghĩ đến chuyện ở lại; thậm chí còn nói đến chuyện đề bạt cô lên làm thư ký công xưởng, mặc dù sự đề bạt ấy cũng không làm cô tăng thêm đồng lương nào. Mẫn từ chối. “Nhà máy của anh không đáng để tôi phí hoài cả tuổi thanh xuân ở đây,” cô nói với cấp trên của mình. Cô đã đăng ký một lớp học vi tính ở trường thương mại gần đó. Khi không phải làm ca thêm giờ, cô bỏ bữa tối và tốn mấy tiếng đồng hồ để học cách đánh máy và điền các bảng biểu trên máy tính. Hầu hết các cô gái làm trong nhà máy đều tin rằng họ thiếu giáo dục đến mức đăng ký một lớp học cũng chẳng ích lợi gì, nhưng Mẫn thì khác. “Có học có hơn,” cô lý luận.

Cô gọi điện về nhà và nói cô đang nghĩ đến chuyện bỏ việc. Cha mẹ cô, có một khoảnh ruộng nhỏ để canh tác và ba đứa con nhỏ hơn còn đang đi học, khuyên cô không nên làm vậy. “Con lúc nào cũng muốn nhảy hết chỗ này rồi lại đến chỗ khác,” cha cô nói. Con gái không nên lông bông như vậy. Ở nguyên một chỗ và tiết kiệm ít tiền đi, ông bảo cô.

Mẫn ngò rằng đây không phải lời khuyên tốt nhất. “Đừng lo cho con,” cô bảo cha mình. “Con có thể tự lo được.”

Cô có hai người bạn tốt ở nhà máy, Lương Dung và Hoàng Kiều Nga, cả hai đều lớn hơn Mẫn một tuổi. Họ giúp Mẫn giặt quần áo vào những buổi tối cô phải tới lớp. Giặt đồ là một việc cố định trong ngày bởi các công nhân chỉ có vài bộ quần áo để thay. Trong đêm tối ẩm ướt sau một ngày làm việc, hàng dài các cô gái xách xô nước ra nhà tắm khu tập thể rồi lại trở về.

Khi có bạn bè, cuộc sống trong nhà máy có thể thêm phần vui vẻ. Trong những buổi tối được nghỉ hiếm hoi, ba cô gái sẽ bỏ bữa tối và đi trượt patin, rồi trở về xem một bộ phim chiếu muộn ở nhà máy. Khi thu chuyển sang đông, cái lạnh trong khu nhà tập thể không được sưởi ấm khiến các cô gái thao thức suốt đêm. Mẫn kéo hai người bạn ra sân chơi cầu lông cho tới khi cơ thể họ đủ ấm để thiếp đi được.

Tết Âm lịch năm 2004 rơi vào cuối tháng Một. Các công nhân chỉ có bốn ngày nghỉ, không đủ thời gian để về quê rồi lại trở ra. Mẫn ở lại căn hộ tập thể và gọi điện về nhà bốn lần trong hai ngày. Sau kỳ nghỉ, cô lại đến gặp cấp trên, lần này thì anh ta để cô ra đi. Lương Dung và Hoàng Kiều Nga khóc òa lên khi Mẫn báo tin cho hai người. Trong thành phố đầy những con người xa lạ này, họ là những người duy nhất biết về sự ra đi của cô.

Họ khẩn nài cô ở lại; họ tin rằng điều kiện ở các nhà máy khác cũng chẳng khá khẩm gì hơn, và ở lại hay ra đi thì rốt cuộc cũng thế mà thôi. Mẫn không nghĩ thế.

Cô hứa sẽ trở lại thăm sau khi được trả lương ở chỗ làm mới. Mẫn đi luôn ngày hôm đó chỉ với vài bộ quần áo trong ba lô và hai tháng lương nhà máy đã giữ lại của cô. Cô không mang theo khăn bông và chăn, những thứ ấy cũng tốn tiền, nhưng cô không thể chịu đựng việc nhìn chúng thêm một chút nào nữa.

Trong mười tháng làm việc ở đây chuyên lắp ráp, Mẫn đã gửi về nhà ba ngàn Nhân dân tệ – khoảng 360 đô la – và có hai người bạn thật sự.

Đáng lẽ lúc đó cô nên thấy sợ hãi. Nhưng tất cả những gì cô biết chỉ là cô đã tự do.

Ở ngôi làng nơi Lỗ Thanh Mẫn sinh ra, hầu hết mọi người đều mang chung một họ với cô. Chín mươi hộ gia đình sống quây quần ở đó, trồng lúa, cải dầu và bông trên những khoảnh ruộng nhỏ. Gia đình Mẫn canh tác trên nửa mẫu ruộng và hầu như ăn hết những gì họ trồng được.

Có vẻ như tương lai của Mẫn đã được định sẵn khi cô còn là một đứa trẻ, và nó xoay quanh một tập tục ở nông thôn: mỗi gia đình buộc phải có một đứa con trai. Mẹ Mẫn đã có bốn con gái trước khi sinh được đứa bé trai; trong những năm đầu tiên thực hiện chính sách mỗi gia đình chỉ có một con của chính phủ, luật lệ được thi hành rất lỏng lẻo ở nhiều miền quê. Nhưng năm đứa trẻ thì mang đến một gánh nặng tài chính khá lớn khi nền kinh tế mở cửa vào năm 1980 và chi phí cho cuộc sống leo thang. Là con thứ hai trong gia đình, Mẫn phải gánh vác khá nhiều trong số những gánh nặng ấy.

Cô không thích đi học và học rất kém. Theo những gì Mẫn nhớ được, cô luôn gây rắc rối. Cô hay trèo lên cây nhà hàng xóm để vặt trộm mận; và nếu bị bắt, cô sẽ bị một trận đòn nên thân. Một lần khi mẹ bảo cô làm việc nhà, Mẫn đã cãi lại. “Ở nhà có bao nhiêu là người. Tại sao con phải làm chứ?” Mẹ đã chạy đuổi cô suốt nửa cây số, và lấy roi vọt cho cô một trận.

Mẫn khá giỏi bày ra các trò vè. Cô đã học bơi và học lái xe tải; cô yêu thích trượt patin và thường giấu mẹ những vết thương. “Tôi ngã theo mọi kiểu có thể ngã,” Mẫn nói. “Nhưng bạn không thể cứ nghĩ về chuyện đó được.” Mẫn là cô con gái được bố cưng nhất. Một mùa hè, ông thuê một chiếc xe tải và đưa cô đi khắp vùng quê, bán dưa hấu họ trồng. Họ lái xe cả ngày và ngủ trong xe khi đêm về; đó là một trong những hồi ức đẹp nhất của Mẫn. Hầu hết mọi lao động di trú đều liên tưởng quê hương mình với nghèo đói và lạc hậu, thậm chí một số người còn ngần ngại không muốn nói ra tên ngôi làng của họ. Nhưng cả một thời gian khá lâu sau khi Mẫn đến thành phố, cô vẫn nói về quê nhà mình như một nơi rất đẹp.

Cuối thập kỷ 90 của thế kỷ trước, cả bố và mẹ Mẫn đều đi khỏi làng kiếm việc để lấy

tiền nuôi bầy con đi học. Bố Mẫn làm việc trong một nhà máy giày ở vùng ven biển, nhưng sức khỏe yếu đã buộc ông phải trở về. Sau đó, mẹ cô đi khỏi làng chừng một năm. Mẫn học nội trú ở một trường trung học cơ sở trong thị trấn gần nhà, nhưng về nhà vào mỗi cuối tuần để nấu ăn và giặt giũ quần áo cho bố và lũ em.

Hầu hết những người trẻ trong làng Mẫn đều đi khỏi làng. Khi Mẫn còn đang học trung học cơ sở, chị gái cô, Quế Mẫn đã đến làm việc trong một nhà máy ở Đông Quán. Không lâu sau đó, Mẫn trượt kỳ thi quốc gia vào trường trung học phổ thông, và bố mẹ cô đã nghĩ đến chuyện cô cũng thoát ly khỏi làng như chị gái. Quế Mẫn gọi điện về nhà và thuyết phục họ cho Mẫn đi học tiếp; lương của Quế Mẫn ở nhà máy, cô nói, sẽ giúp em gái trả tiền học phí. Cha mẹ họ đồng ý, và Mẫn đăng ký một khóa hai năm ở trường trung học dạy nghề. Điều này đã khiến cô trở thành một trong những người được giáo dục tốt nhất trong làng – hơn cả Quế Mẫn, người chị cả đã hi sinh việc học hành của mình để giúp gia đình.

Quế Mẫn về nhà trong kỳ nghỉ Tết Âm lịch năm 2003 và đưa Mẫn theo cùng khi cô đi. Mẫn còn một học kỳ nữa ở trường, nhưng cô muốn tiết kiệm tiền học và bắt đầu tìm việc trước luôn. Cô rất phấn khích vì được rời nhà đi; cô chưa đi tàu hỏa và nhìn thấy nhà máy lần nào. “Tôi muốn ra đi sớm, học hỏi nhiều điều và nhìn ngắm thế giới,” cô kể.

Ở Đông Quán, Quế Mẫn thuê cho Mẫn một căn phòng trong nhà nghỉ rẻ tiền và kiếm việc cho cô ở một nhà máy sản xuất màn hình tinh thể lỏng của Nhật. Mẫn làm việc ở đó được một tháng rồi nghỉ việc. Cô chưa bao giờ ở một nơi mà cô không quen biết ai, và cô không chịu đựng nổi nỗi cô đơn đó. Cô trở về nhà nghỉ và tìm được việc ở một nhà máy khác nhưng không đi làm. Chị gái cô bảo tiếp tục trả tiền thuê nhà nghỉ, nhưng Mẫn cảm thấy mình đang trở thành một gánh nặng. Ở trạm xe buýt, cô để ý thấy một tờ rơi tuyển người vào vị trí kiểm định chất lượng trong dây chuyền lắp ráp của một nhà máy sản xuất đồ điện tử. Cô gọi đến số điện thoại trên tờ quảng cáo – rất nhiều tờ quảng cáo kiểu như vậy chỉ là trò bịp gạt tiền của những người từ vùng khác đến – và người trả lời điện thoại đã chỉ đường cho Mẫn đến nhà máy. Mất ba tiếng ngồi xe buýt để đến nhà máy Carrin Electronics ở điểm đầu chót đông nam của Đông Quán, nơi Mẫn một mình trải qua một năm đầy khó khăn.

Ngay khi bước vào sân nhà máy, Mẫn nhận ra nơi này còn tệ hơn cái nhà máy Nhật mà cô vừa mới nghỉ việc. Nhưng giờ đã quá muộn để trở lại, và cô không muốn nhờ chị gái mình giúp lần nữa. Cô phải quen dần với cuộc sống tự lập – như vậy thì tốt hơn.

Các lao động di trú dùng một từ ngữ đơn giản chỉ việc di chuyển để định nghĩa cuộc đời họ: *chuqu* (*xuất khứ*), nghĩa là rời bỏ quê hương ra đi. Ở nhà chẳng có gì để làm cả, vì vậy tôi ra đi. Đó là cách bắt đầu một câu chuyện của lao động di trú.

Cuộc sống ở thành phố không dễ dàng gì với họ. Thù lao cho lao động chân tay rất thấp – thường thấp hơn mức lương tối thiểu theo quy định chính thức, tầm khoảng từ năm mươi đến tám mươi đô la một tháng. Giờ làm việc thường xuyên kéo dài vượt quá giới hạn luật pháp quy định là bốn mươi chín tiếng một tuần. Bị ốm, bị thương, hoặc có thai, thì bạn sẽ phải tự lo cho mình. Chính quyền địa phương không có nhiều chính sách để bảo vệ người lao động; việc của họ là khiến các chủ nhà máy vui, điều đó sẽ mang lại nhiều đầu tư và thu nhập từ thuế hơn. Nhưng âm thầm chịu đựng không phải là điều mà những lao động di trú nghĩ về bản thân mình. Rồi bỏ quê hương và làm việc trong nhà máy là việc khó khăn nhất họ từng làm. Đó cũng là một cuộc phiêu lưu. Thứ giữ họ ở lại thành phố không phải nỗi sợ mà là lòng kiêu hãnh: Trở về sớm tức là đã thừa nhận mình thất bại. Rồi quê hương và ở lại – xuất khứ – là để thay đổi số phận của bạn.

Những người thoát ly là bộ phận ưu tú ở nông thôn. Họ trẻ hơn, được giáo dục tốt hơn, và mạnh dạn hơn những người họ bỏ lại quê nhà. Người thành phố gọi họ là *liudong renkou* (*lưu động nhân khẩu*), dân số lưu động – ám chỉ một đám đông không mục đích, nhưng tất cả những người di trú đều rời quê nhà với một mục tiêu tìm việc trong tâm trí, theo chân những người họ hàng hoặc đồng hương đã biết các đường đi nước bước. Và hầu hết những người ly hương trẻ ngày nay không ra đi từ đồng ruộng: Họ đến từ trường học. Đồng áng giờ là việc mà họ quan sát cha mẹ mình làm.

Dòng người di trú là hệ quả ngẫu nhiên của quá trình cải cách nền kinh tế. Vào năm 1958, chính phủ Trung Quốc đã thiết lập một hệ thống đăng ký hộ khẩu mà trong đó ấn định mỗi người là cư dân thành thị hay nông thôn. Cư dân thành phố được phân phối việc làm, nhà ở và tem phiếu để đổi thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác; còn cư dân nông thôn, vì không có bất cứ quyền lợi nào nêu trên, nên buộc phải bám lấy đồng ruộng.

Cuối những năm 1970, cải cách mở cửa cho phép các hộ nông dân bán một phần thu hoạch của mình ra thị trường chứ không phải nộp hết cho nhà nước như trước. Sản lượng nông nghiệp tăng lên vùn vụt. Đột ngột, thực phẩm được bán ở các khu chợ trên khắp đất nước, lần đầu tiên, các cư dân nông thôn có thể tồn tại độc lập trong thành phố. Một chỉ thị của chính phủ năm 1984 đã cho phép các nông dân định cư trong các thị tứ nhỏ; di chuyển chỗ ở không còn là phạm tội nữa. Làn sóng di cư bắt đầu tăng tốc, và đến năm 1990, Trung Quốc đã có sáu mươi triệu người di trú, rất nhiều người trong số họ kéo về các nhà máy và thành phố đang phát triển với tốc độ chóng mặt ở vùng duyên hải.

Ngày nay Trung Quốc có khoảng 130 triệu lao động di trú. Trong các nhà máy, nhà hàng, công trường xây dựng, thang máy, dịch vụ chuyển phát, dọn dẹp nhà cửa, chăm trẻ, nhặt rác, tiệm cắt tóc, và cả nhà thổ nữa, hầu hết mọi lao động đều là dân nông thôn gốc. Ở các thành phố lớn như Bắc Kinh hay Thượng Hải, những người di trú chiếm khoảng một phần tư dân số; ở các thành phố công nghiệp miền Nam Trung Quốc, họ vận hành

các dây chuyền lắp ráp của nền kinh tế xuất khẩu. Tổng cộng lại, họ tạo nên dòng người di cư lớn nhất trong lịch sử, gấp ba lần số người đã di cư từ châu Âu sang Mỹ trong suốt một thế kỷ.

Nhưng chính phủ vẫn còn chậm chạp trong nhận thức thực trạng di trú này. Trong nhiều năm, những người di trú ở thành phố phải lẩn trốn công an; những người bị bắt gặp không có giấy phép tạm lưu sẽ bị phạt hoặc đưa trở về nhà. Cuối cùng, mãi đến năm 2003, Quốc Vụ Viện, chính phủ của Trung Quốc, mới ban hành một văn bản toàn diện gọi di trú là chìa khóa để phát triển nông thôn. Văn bản này cấm việc phân biệt đối xử với lao động di trú đồng thời đề xướng điều kiện làm việc tốt hơn cho họ, và nhận con cái công nhân vào học ở nơi tạm trú. Các khẩu hiệu ủng hộ việc di cư di trú xuất hiện trên tường gạch những ngôi làng ở nông thôn: RA ĐI LÀM VIỆC, TRỞ VỀ PHÁT TRIỂN, SỨC LAO ĐỘNG CHẢY ĐI, TIỀN BẠC CHẢY VỀ.

Làn sóng di trú đã hút sạch người trẻ trong các ngôi làng. Khắp miền nông thôn Trung Quốc, những người lớn tuổi hơn cày cấy và thu hoạch trên đồng ruộng, gắn chặt với việc đồng áng và lo cho những đứa trẻ đang đi học. Tiền được những người thoát ly gửi về đã trở thành nguồn tích lũy của cải lớn nhất ở nông thôn Trung Quốc. Tuy vậy, kiếm tiền không phải là lý do duy nhất để người ta bỏ quê hương lên thành phố. Trong các phiếu điều tra, những người di trú đã xếp “biết đó biết đây”, “phát triển bản thân” và “học kỹ năng mới” cũng quan trọng như là tăng thu nhập vậy. Trong nhiều trường hợp, nguyên nhân khiến người ta bỏ quê nhà ra đi không phải là sự nghèo đói làm méo mó nông thôn, mà là tình trạng nhàn rỗi. Những khoảnh ruộng thì nhỏ và cha mẹ họ có thể dễ dàng phụ trách việc canh tác; các thành phố gần đó cung cấp vài cơ hội việc làm. *Ở nhà chẳng có gì để làm cả, vì vậy tôi ra đi.*

Rất lâu sau đó, Mẫn nhớ lại lần đầu tiên mình đến hội chợ việc làm, cố gắng nắm bắt từng chi tiết như nắm bắt một giấc mơ cô không thể giải thích. Một ngày Chủ nhật tháng Hai năm 2004, sau khi nghỉ việc ở nhà máy Carrin, cô đến hội chợ và ở đó chùng bốn tiếng. Cô bồn chồn. Cô không mang thứ gì theo mình cả. Toàn bộ chiến lược tìm kiếm việc làm của cô có thể tóm gọn lại trong ba chữ: mục tiêu thấp. Cô tham gia phỏng vấn ở khoảng nửa tá công ty đang tuyển thư ký. Một thư ký biết đánh máy, trả lời điện thoại, điền các bảng biểu, sắp xếp tài liệu, đón khách và rót trà; thư ký là người có vị trí thấp nhất trong hệ thống cấp bậc ở văn phòng. “Bạn không nên tìm một công ty có tiêu chuẩn đặt ra quá cao,” sau này cô kể lại, “rồi bạn sẽ bị từ chối và nhanh chóng mất đi lòng tin.”

Ở kiốt của một công ty tên là Điện tử Di Đông (Yidong Electronics), người tuyển dụng hỏi xem hồ sơ của Mẫn đâu. Cô không nghĩ đến việc chuẩn bị một bộ trước đó. Người phụ nữ bảo cô viết lại quá trình làm việc vào một biểu mẫu đơn. Mẫn thậm chí còn không có một cái bút, và người phụ nữ đã cho cô mượn. Rồi cô mỉm cười với Mẫn. “Tôi không

biết. Cô ấy mỉm cười với tôi. Có lẽ là vậy.” Mẫn vẫn nhắc đi nhắc lại điều đó đến tận bây giờ, cố gắng làm sáng tỏ điều huyền bí về khoảnh khắc khi vận may của cô thay đổi.

Người phụ nữ bảo Mẫn đến nhà máy để phỏng vấn lượt sau, nhưng cô không đi. Chỗ đó quá xa. Nhưng ở trụ sở chính của Điện tử Di Đông, một vị giám đốc tên là Lý Bằng Kết đang lướt qua đồng mẫu đơn xin việc, và rồi anh dừng lại ở tờ đơn của Mẫn. Anh nhận ra chữ viết tay của cô rất đẹp.

Ở Trung Quốc xưa, chữ đẹp biểu hiện cho một người có học. Chữ đẹp thể hiện sự tinh tế, và tài năng văn chương; chữ đẹp còn che giấu những điểm yếu nhỏ nhất trong tích cách mỗi người. Suy nghĩ của Lý Bằng Kết thiết thực hơn nhiều. Anh ta cần một thư ký để lưu trữ các hồ sơ về máy móc trong nhà máy, và các hồ sơ phải viết tay hết. Trong một nhà máy sản xuất dây nối và màn hình điện thoại di động, chính kỹ năng lỗi thời này mới là có ý nghĩa nhất.

Lý Bằng Kết gọi vào số điện thoại di động của anh họ Mẫn – cô chưa có một cái cho riêng mình – và yêu cầu Mẫn đến tham dự một cuộc phỏng vấn tuyển dụng kéo dài trong ba tiếng.

Đầu tiên, cô đã không đạt yêu cầu trong bài kiểm tra máy tính. “Các cô khác đều biết sử dụng máy tính tốt hơn cô,” Lý Bằng Kết bảo Mẫn.

Sau đó anh ta hỏi về kinh nghiệm làm việc của cô.

“Tôi chưa bao giờ làm công việc này,” cô đáp. “Tôi không có kinh nghiệm gì.”

Rồi Lý Bằng Kết cho cô làm bài kiểm tra viết, và cô đã viết khá tốt. Lý Bằng Kết nói với Mẫn rằng cô đã được nhận, và anh ta sẽ là ông chủ mới của cô. Anh ta bảo cô đi lấy đồ đạc để chuyển vào trong nhà máy ngay trong ngày.

Đề nghị quá bất ngờ đến nỗi Mẫn không biết nên nói gì. Nhưng khi cô đứng dậy rời khỏi văn phòng, lời tự dưng buột ra khỏi miệng. “Rất nhiều người muốn có công việc này,” cô nói với ông chủ mới của mình. “Tại sao ông lại chọn tôi? Tôi chẳng biết gì cả.”

“Cô rất thẳng thắn,” anh ta đáp. “Và cô thành thật hơn những người khác.”

Ngày hôm sau, Mẫn bắt đầu làm việc ở vị trí thư ký phòng bộ phận vật tư. Phòng của cô phụ trách theo dõi các máy đột lỗ, máy mài và các dây chuyền cán mạ, công cụ sản xuất các linh kiện của một chiếc điện thoại di động. Một quyển sổ đóng bìa chắc chắn ghi chép lại tình trạng và quá trình sử dụng từng chiếc máy, giống như bệnh án của một bệnh nhân không lồ cam lạng vậy. Công việc của Mẫn là sắp xếp những hồ sơ này. Các công nhân ngủ tám người một phòng; bữa ăn gồm có cơm, ba món thịt và rau, cùng với canh. Một ngày ở văn phòng kéo dài mười tiếng, thỉnh thoảng được nghỉ thứ Bảy và Chủ nhật. Mỗi tháng Mẫn kiếm được tám trăm Nhân dân tệ – khoảng một trăm đô la, gấp đôi khoản lương cơ bản ở nhà máy cô làm việc trước đó.

TÔI GẶP MẮN lần đầu tiên là sau đó ba tuần. Cô nhỏ người nhưng khá săn chắc, mái tóc xoăn và đôi mắt đen tuyền nhìn không sót thứ gì. Giống như nhiều người trẻ đến từ các vùng nông thôn Trung Quốc, cô có vẻ ngoài trẻ hơn tuổi thật của mình. Trông cô như mới mười lăm, hoặc mười bốn, hoặc thậm chí là mười hai – một cô bé quậy phá như con trai mặc quần hộp và đi giày chạy, đang nôn nao chờ mình lớn lên. Gương mặt cô non búng ra sữa. Gương mặt ấy tròn và mở rộng với thế giới, với vẻ trông chờ nhẵn nại mà thỉnh thoảng cũng xuất hiện trên gương mặt trẻ thơ.

Chúng tôi gặp nhau trong căn hộ của một người phụ nữ tên là Lâm Tuyết, một người viết bài cho tạp chí địa phương nhắm vào đối tượng độc giả là dân từ nơi khác di trú tới. Trước đó tôi đã gọi cho Lâm Tuyết rằng tôi muốn viết bài về những phụ nữ di trú trẻ cho tờ *Wall Street Journal* (*Nhật báo phố Wall*), em gái Lâm Tuyết làm việc trong một nhà máy và mời Mẫn, một trong những đồng nghiệp của cô đến. Tôi đã gặp rất nhiều người di trú, vậy nên, câu chuyện của Mẫn đã khá quen thuộc với tôi rồi.

“Quê tôi là một làng nông nghiệp ở tỉnh Hồ Bắc, con thứ hai trong gia đình,” cô nói. “Bố mẹ tôi làm việc đồng áng. Hoàn cảnh gia đình chúng tôi không được tốt.”

“Tôi rời làng ra đi với chị gái, chị ấy làm việc ở Thâm Quyển. Chúng tôi muốn làm việc ở chung một chỗ, nhưng chúng tôi không thể làm thế.”

Cô đột ngột dừng lại.

“Tại sao!” Tôi hỏi.

“Bởi vì chúng tôi cãi nhau suốt.” Rồi cô cười phá lên.

Mẫn sẵn sàng nói về bất cứ thứ gì; khác với hầu hết tất cả những người Trung Quốc tôi biết; cô rõ ràng là rất thích kể câu chuyện của mình. Và cô cũng tò mò về tôi như tôi tò mò về cô vậy: Hôm đó, cô đến căn hộ của Lâm Tuyết là vì “Tôi muốn nhìn xem người Mỹ trông như thế nào,” cô kể với tôi sau đó. Lo lắng duy nhất của tôi là có lẽ cô đã ổn định cuộc sống – với một công việc văn phòng ổn định trong tay, có lẽ những sự kiện lớn nhất trong đời cô đã qua đi. Nhưng tôi không cần phải lo lắng về việc đó.

Vào hôm chúng tôi gặp nhau, Mẫn kể cho tôi nghe về kế hoạch của đời mình. Cô sẽ làm việc trong thành phố khoảng bảy năm, gửi tiền về nhà trong suốt thời gian đó để trả ơn bố và mẹ đã nuôi lớn cô; điều đó phản ánh quan điểm truyền thống của người Trung Quốc rằng con cái nên biết ơn cha mẹ vì sự hiện diện của họ trên cõi đời này. Khi cô hai mươi ba tuổi, món nợ được trả, Mẫn sẽ về quê và kiếm ai đó để lấy làm chồng.

Hôm ấy tâm trạng cô rất tốt. Cô đã “bước ra khỏi nhà máy,” như những người di trú vẫn nói, vượt qua khoảng cách giữa những người lao động chân tay và những người lao động trí óc. “Ông Trời vẫn có mắt,” cô nói. “Trời để tôi thật mệt mỏi trong suốt một năm, nhưng giờ Ông đã cho tôi một khởi đầu mới.” Cô vừa bước sang tuổi mười tám, và cô đã là một chuyên gia của những khởi đầu mới.

2. Thành phố

Cuộc hành trình dài kết thúc ở ga xe lửa Quảng Châu, hành khách tràn ra khỏi các toa xe sau chuyển đi dài hai mươi, ba mươi hay năm mươi tiếng đồng hồ. Hầu hết đều còn trẻ và đi một mình, kéo theo va li hoặc ba lô hay bao vải thô, loại trước đây dùng để đựng gạo. Quảng trường rộng mênh mông trước nhà ga chật cứng hành khách, và điều đầu tiên bạn nghe được là tiếng loa thông báo om sòm tìm những người vừa mới đến đã bị lạc. Ai quê ở Hà Nam, em cô đang tìm cô. Chị dâu, ra cửa đi. CHÀO MỪNG ĐẾN VỚI THÀNH PHỐ HOA^[2] XINH ĐẸP: một công ty xe buýt đang chào mời các tour du lịch thành phố. Nhưng thành phố này không đẹp, mà cũng chẳng có hoa ở đây.

Đi lên một đoạn dốc, qua cây cầu bắc qua đường là trạm xe buýt đường dài, nơi có xe tốc hành đến Đông Quán cách đó ba mươi dặm, mười phút một chuyến. Xe buýt chật như nêm, nồng nặc mùi mồ hôi cùng với mùi thứ quần áo ngày nào cũng mặc kể cả lúc đi ngủ - mùi của dân di trú. Xe buýt xuống khỏi đường trục, và các nhà máy hiện ra bên dưới, nhà máy sản xuất sơn và nhựa, nhà máy điện thoại di động và đỉnh vít, nhà máy sản xuất ghế sofa. Các tòa nhà lợp mái trắng, trông giống như những nhà tắm công cộng khổng lồ, khu tập thể của công nhân mọc lên phía sau chúng, ban công chằng đầy quần áo đủ màu. Các nhà máy ở Trung Quốc được đặt những cái tên liên tưởng đến sự hưng vượng, và hành trình đến Đông Quán là một chuyến đi tốc hành đầy các đức tính tốt và may mắn. ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ CAO THƯỢNG. MAY MẶC VĨNH THÀNH. CÔNG TY KHÓA KÉO TÂN THỜI ĐẠI.

Hai thập kỷ sau khi những nhà máy đầu tiên được xây dựng, sự phát triển vẫn còn rất mới. Phần bên trong một quả núi trào ra, đất đỏ và thô, trong khi bề mặt của nó đã bị thổi bay; các đường dốc xuống khỏi đường cao tốc biến mất trong những cánh đồng đầy cỏ dại lầy lội. Tổng hành dinh của một công ty liên doanh mới nhìn ra ruộng lúa, ao cá, và trại vịt; thật phi thường là người ta vẫn còn canh tác và chăn nuôi ở đây được. Hồi thế kỷ mười bảy, những người khai hoang đến đây định cư đã biến vùng đất ngập của châu thổ sông Châu Giang thành một trong những khu vực màu mỡ nhất Trung Quốc, cung cấp cá, rau xanh và gạo cho cả nước đồng thời xuất khẩu tơ lụa sang châu Âu. Ngày nay, ở vùng đất công nghiệp đang phát triển như tên lửa này, chính những cảnh thiên nhiên đầu đó ấy mới là bất ổn. Hầu hết nông dân đều là dân di trú, ở bậc thấp nhất, bởi họ đã rời bỏ quê hương đi hàng ngàn dặm đường đến đây nhưng cũng không thể bỏ lại hoàn toàn đồng ruộng.

Xe buýt chậm lại ở lối vào thành phố Đông Quán, các nhà máy đã hiện lên ở rất gần. Băng rôn đỏ chằng ngang phía trước các tòa nhà vồng xuống tạo thành hình một nụ cười chào đón: CẦN TUYỂN NỮ CÔNG NHÂN CÓ KINH NGHIỆM. Trước cổng một nhà

máy, những người di trú đã tụ tập lại để nhìn chăm chăm, lặng yên như thể bị thôi miên, vào một bảng thông báo tuyển người: GẶP MẶT LÚC 1H30 CÁC BUỔI CHIỀU Ở CÔNG BÊN. Một công ty tên là Jobhop Limited có vẻ đang tuyển công nhân. Xe buýt đi qua một công trường xây dựng lớn khác - không, đây là trạm xe buýt - và cho hành khách xuống.

Cách tốt nhất để hiểu thành phố Đông Quán là đi bộ vào. Trụ sở ngân hàng, tòa tháp kính tráng gương, cao vút lên so với những cửa tiệm ven đường bán phụ tùng xe máy, ống nhựa và có cả dịch vụ chăm sóc răng nữa. Đường rộng mười làn xe chạy, đường cao tốc thay cho phố xá. Những người dân di trú bước đi dọc theo vỉa hè, mang theo va li hay chăn gối, xe buýt và xe tải chen lấn lao tới từ phía sau. Khắp nơi đâu cũng thấy công trường xây dựng, máy móc, búa chèn, xe mô tô, máy khoan và bụi mù, ngoài phố thì tiếng ồn điếc tai. Đường rộng và lát rất đẹp nhưng không có đèn tín hiệu giao thông hay lối qua đường cho người đi bộ. Thành phố này được xây dựng cho máy móc, không phải cho con người.

Các cơ quan hành chính của bộ máy nhà nước xuất hiện ở khắp các góc ngách trong những thành phố Trung Quốc khác lại chẳng hề thấy bóng dáng ở nơi này. Những gã đi mô tô xán lại chỗ mấy người đi bộ, gạ gẫm đi một vòng taxi, tất cả các xe đều hoạt động chui. Bằng đại học giả bày bán đầy các góc phố. Ở Đông Quán, có một chuỗi cửa hàng IKEA^[3] giả mạo và chuỗi nhà hàng bán đồ ăn nhanh mà tên được dịch ra thành “McKFC^[4]”, còn có một tòa nhà mười tầng gọi là Khách sạn Haiyatt^[5], với gian sảnh lát cẩm thạch và thái độ rõ ràng là hết sức không nghiêm chỉnh đối với việc vi phạm bản quyền (“Chúng tôi có thêm một chữ “i” ở tên gọi, họ có đâu,” cô gái trẻ ở bàn lễ tân giải thích). Thành phố được chia thành ba mươi hai trấn (và quận), mỗi khu vực chuyên về một ngành sản xuất. Trường An sản xuất thiết bị điện, Đại Lãng nổi tiếng với áo len, còn Hậu Nhai sản xuất giày. Nhà xưởng của Samsung và Pioneer ở Liêu Bộ, Nam Thành là nơi đặt nhà máy sản xuất điện thoại di động lớn nhất thế giới của Nokia. Tất cả cà phê hòa tan của hãng Nescafé mà người Trung Quốc vẫn uống đều được gia công chế biến trong một nhà máy ở khu trung tâm Đông Quán. Các nhà máy đồng thời là các trạm xe buýt, là đài kỷ niệm, là cột mốc đánh dấu, tất cả mọi thứ ở đây tồn tại để phục vụ chúng. Mạng lưới đường cao tốc ở Đông Quán, thuộc loại dày đặc nhất Trung Quốc, nhưng vẫn liên tục được mở rộng với mong muốn đưa hàng hóa ra thế giới nhanh hơn. Khách sạn cao cấp và sân golf mọc lên để dụ hoặc khách hàng của các nhà máy. Khách mua hàng trên toàn thế giới về đây nghỉ tại khách sạn Sheraton Đông Quán, ở đây họ nhận được một danh sách tất cả các địa điểm họ có thể cần đến:

TRUNG TÂM TRIỂN LÃM QUỐC TẾ QUẢNG ĐÔNG

TRUNG TÂM TRIỂN LÃM QUỐC TẾ ĐÔNG QUẢN

BẢO TÀNG CHIẾN TRANH NHA PHIẾN

ĐÊ CHẨN SỐNG THÁI BÌNH

WAL-MART

CARREFOUR

PARK 'N' SHOP

CÂU LẠC BỘ GOLF HARBOUR PLAZA

CÂU LẠC BỘ GOLF HILLVIEW

CÂU LẠC BỘ GOLF LONG ISLAND

Không ai biết chính xác có bao nhiêu người sống ở đây. Theo chính quyền thành phố, Đông Quán có 1,7 triệu người địa phương và khoảng gần bảy triệu người di trú, nhưng hiếm có ai tin vào những con số chính thức này, và có rất nhiều dự đoán về dân số thực của thành phố. *Đông Quán có tám triệu dân di trú. Một năm Đông Quán nhận thêm một triệu người di trú. Đông Quán có mười triệu dân di trú, nhưng họ chỉ báo cáo là bảy triệu để không phải đóng nhiều tiền thuế hơn.* Thị trưởng thành phố có lẽ còn biết nhiều hơn, nhưng ông không chịu nói. “Dân số Đông Quán nhiều hơn nhiều con số được công bố” ông nói với các phóng viên trong một diễn đàn năm 2005. Cá nhân ông ước tính, “ít nhất”, theo lời ông - là khoảng trên mười triệu.

Đông Quán là thành phố đang được xây dựng, mọi thứ đều đang trong quá trình chuyển đổi thành một thứ gì đó khác. Một đoạn vỉa hè dài được lát đá, bên trên là một tấm biển hứa hẹn NHỮNG TÒA NHÀ VĂN PHÒNG CAO CẤP KIỂU CHÂU ÂU. Quận thương mại trung tâm toác ra với những hố sâu ở khắp nơi. Ở phía đông khu vực này, một trung tâm thành phố mới đang được mọc lên, nơi này sẽ có văn phòng của chính quyền địa phương, một thư viện, một bảo tàng khoa học và một nhà hát. Hiện giờ, các đại lộ rộng mênh mông của khu vực này vẫn còn vắng xe và các trung tâm thương mại vẫn hoàn toàn trống không, hàng rào được cấm ngay ngắn gọn gàng. Phương châm của Đông Quán là “Mỗi năm một bước tiến lớn, một thành phố mới trong năm năm.”

Tạo ra một cuộc sống mới thậm chí còn nhanh hơn nữa. Vài bài học máy tính có thể phóng vọt ai đó lên một giai cấp khác, và một buổi sáng ở hội chợ việc làm đủ để tạo dựng một sự nghiệp mới. Hai mươi nhân dân tệ một gói dịch vụ chụp ảnh nhanh ở tiệm ảnh, chụp trên phong nền vẽ hàng rào hoặc một khu vườn đúng kiểu, các tấm ảnh in ra được gửi về nhà hoặc đưa cho bạn bè, hoặc dính lên tường nhà tập thể, một thứ để nhắc nhở rằng người trong ảnh đã là ai đó hoàn toàn mới. Trên các bức tường khắp thành phố, cạnh những tờ quảng cáo tuyển lao động và phòng khám chữa bệnh giang mai, là thông báo tìm người mất tích. ANH ẤY RỒI NHÀ NĂM NĂM TRƯỚC, DA ĐEN MẶT RỔ NÓI KHÁ NHANH, THÍCH CHƠI TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ. Những thông báo này được thành viên trong gia đình dán lên để tìm kiếm những người thân yêu đã mất tích trong cái miệng khổng lồ của thành phố này.

Đến cuối tuần, thanh thiếu niên tràn ngập khắp Đông Quán, tạo cho các công viên và quảng trường ở đây cảm giác của một trường trung học ngoài trời. Các cô bé đi thành từng nhóm, mặc những chiếc áo kiểu cách và quần jean bó, cô này bá vai cô kia. Các cậu bé đi chơi theo nhóm nhỏ hơn, ống tay áo sơ mi xắn lên dưới nách. Những đôi yêu nhau đi riêng hẳn ra, các cô gái thì tự hào vì quyền sở hữu, các cậu trai thì uể oải thờ ơ. Vào các buổi sáng thứ Hai, công viên và quảng trường ở Đông Quán gần như vắng tanh không một bóng người. Con đường dài toàn các nhà máy chỉ phô bộ mặt tro khắc ra với thế giới, những chàng trai và cô gái bị nuốt bên trong. Việc sản xuất không cần đến người qua kẻ lại và các hoạt động ồn ào, nhưng ở phía đối diện - những con phố trải dài, cũng vẫn chỉ có sự im lìm vô tận.

Buổi tối, các nhà máy dọc theo đường trục đều sáng đèn. Nhìn ở khoảng cách gần, thỉnh thoảng bạn sẽ thấy những cái bóng di chuyển trên một cửa sổ, lập lòe như đom đóm - khi nào còn có ánh đèn, mọi người vẫn còn đang làm việc. Mỗi mảng cửa sổ sáng đèn màu xanh trong đêm tối là dấu hiệu của một nhà máy, mảng này tách rời ra khỏi mảng khác, tựa hồ như những chiếc tàu khách vượt đại dương oai vệ trên biển. Nhìn từ xa, chúng trông cũng đẹp.

Các cô gái đã rời khỏi quê hương được hai mươi ngày, quá lạ lẫm với thành phố đến nỗi họ còn không biết ai là chủ nhà máy nơi mình làm việc. Họ không mang gì theo người: không đồ uống, không túi nylon đựng hoa quả hay đồ ăn vặt. Họ chỉ ngồi đó, dưới ánh nắng chói chang, giữa quảng trường công cộng ở một quận được biết đến với những nhà máy nhỏ sản xuất giày thuộc thành phố Đông Quán.

Họ là Điền Vĩnh Hạ và Trương Đạt Lệ. Cả hai đều mười sáu tuổi và đây là lần đầu tiên họ xa nhà. Họ đã bỏ quê hương, một làng nông nghiệp ở tỉnh Hà Nam, vào ngày mừng Chín Tết âm lịch, thời điểm được cho là may mắn, hanh thông để khởi hành. Một cô gái cùng làng làm việc trong một nhà máy ở đây kiếm được tám trăm nhân dân tệ một tháng, và họ cũng muốn thế. Mỗi người đã trả bốn trăm nhân dân tệ (khoảng năm mươi đô la) cho một cặp vợ chồng, những người đã hứa hẹn công việc trong nhà máy và đưa họ lên thành phố trên một chuyến xe buýt ba ngày. Nhưng lúc đến nơi, chẳng có công việc nào cả, và cặp vợ chồng kia biến mất.

Hai cô gái đã ngủ bốn đêm ở bến xe buýt và cuối cùng cũng liên lạc được với vài người đồng hương, những người này đã tìm cho hai cô công việc trong một nhà máy sản xuất đồ điện tử với mức lương ba trăm nhân dân tệ một tháng. Đó là một mức lương thấp, nhưng hoàn cảnh lúc này không cho phép hai cô thương lượng gì. "Lúc ấy, tôi chỉ muốn vào làm trong nhà máy chỉ để có thể ngủ yên được một đêm" Vĩnh Hạ, cô gái có gương mặt rộng, mắt nhỏ và cười rất nhiều, nói. Hầu hết câu chuyện đều do cô kể. Đạt Lệ có vóc người thon hơn và xinh hơn, nét mặt thanh nhã cùng hàm răng khềnh.

Vĩnh Hạ và Đạt Lệ nhanh chóng tìm hiểu được hệ thống cấp bậc trong cuộc sống ở nhà máy, và biết được rằng họ đang ở dưới đáy của hệ thống ấy. Các công nhân vào làm từ năm ngoài khinh thường những người mới đến và không nói chuyện với họ. Nhà máy nơi họ làm việc là một chi nhánh nhỏ, mức lương thấp hơn, nhưng để làm việc tại cơ sở sản xuất chính của một công ty, bạn cần đến kỹ năng và một tấm chứng minh thư hợp cách, trong khi cả hai cô gái đều vào làm nhà máy này bằng chứng minh thư đi mượn vì họ còn chưa làm chứng minh thư cho mình. Dây chuyền lắp ráp làm việc tám tiếng một ngày và nghỉ cuối tuần, được nghỉ cũng chẳng hay ho gì bởi làm thêm giờ đồng nghĩa với việc bạn có thể kiếm thêm tiền. Làm trong nhà máy giày được trả nhiều hơn, nhưng ở đó nổi tiếng với ngày làm việc cực dài, nên hai cô cứ tranh luận mãi về chuyện số tiền được thêm ấy có xứng đáng với công sức đổ ra hay không. Chẳng bao lâu sau khi Vĩnh Hạ và Đạt Lệ vào làm trong nhà máy, họ đã bắt đầu bàn cách rời bỏ nó.

Trước khi rời khỏi quê hương, hai cô gái đã có một thỏa thuận: nếu công việc ở nhà máy đầu tiên không ổn, họ sẽ trở về nhà luôn. Nhưng khi công việc ở nhà máy đầu tiên không ổn, họ đã ở lại. Họ đã lên thành phố, và đã thay đổi.

TÔI GẶP VĨNH HẠ VÀ ĐẠT LỆ vào hôm thứ hai sau khi đến thành phố. Đó là một buổi sáng thứ Hai nắng nóng, nền trời trắng nhò nhò đục đục, bầu không khí rên xiết trước cái nóng và chất thải từ ống xả xe máy; ở đồng bằng sông Châu Giang, mùa hè sẽ bắt đầu sau một tháng nữa. Tôi dẫn hai cô gái đến một tiệm mì và gọi Coca Cola. Hai cô gái uống từng ngụm một bằng ống hút một cách cẩn thận trong khi kể cho tôi nghe câu chuyện họ đã rời bỏ quê hương như thế nào.

Tôi giải thích rằng mình là phóng viên của tờ *Wall Street Journal*. Vĩnh Hạ lật đi lật lại tấm danh thiếp của tôi, lẩm nhẩm địa chỉ xa lạ ở Bắc Kinh. “Chúng em gửi thư cho chị được không?” Cô bất ngờ nói. “Bọn em nhớ mẹ. Bọn em cô đơn quá.” Qua cửa sổ nhà hàng, một trong hai cô gái nhìn thấy gì đó bên ngoài. Cả hai đứng bật dậy và cuống quýt như hai chú chim bị động, “Xin lỗi, bọn em phải đi ngay.”

Khi tôi bắt kịp, họ đã đi được quá nửa con phố, đang đứng trên vỉa hè với một cô gái khác - niềm tự hào, người đã đi khỏi làng từ năm ngoài và kiếm được tám trăm nhân dân tệ một tháng. Cô ta đang đi đâu đấy, nhưng lần này hai cô gái trẻ không để cho cô kia thoát khỏi mình nữa.

Tôi hỏi Vĩnh Hạ số điện thoại nhà tập thể nơi cô ở, nhưng cô còn quá mới mẻ với công việc và không biết số điện thoại ở đó. Cô gái hứa sẽ viết thư cho tôi. Chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp lại nhau trong hai tuần nữa, cũng ở quảng trường nơi chúng tôi gặp mặt sáng hôm đó. Sau đó họ biến mất. Họ mới mười sáu tuổi, và đang ở giữa một trong những thành phố trên đà tăng trưởng hỗn loạn nhất Trung Quốc, mà không có sự kiểm soát của người lớn. Họ là con mồi cho tất cả các thể loại lừa đảo, họ đưa ra những quyết định của cuộc đời dựa trên những thông tin cực kỳ ít ỏi. Họ nhớ mẹ. Nhưng đồng thời họ cũng

đang hưởng thụ những khoảnh khắc đẹp của đời mình.

HAI TUẦN SAU, tôi đáp máy bay từ Bắc Kinh đến Đông Quán chờ họ trên quảng trường. Chúng tôi đã hẹn gặp nhau lúc mười giờ, nhưng có rất nhiều lý do có thể giải thích việc hai cô gái không xuất hiện. Có lẽ họ đã tìm được công việc tốt hơn có tăng ca và không thể ra ngoài. Hoặc cũng có khả năng họ đã quyết định rằng họ không nên tin tôi. Hoặc đơn giản là hai cô gái đã quên, hoặc có việc khác thú vị hơn để làm, biết đâu họ đã gia nhập hàng ngũ những người mất tích. Tại sao họ lại phải đến gặp tôi? Hy vọng duy nhất của tôi là những gì Vĩnh Hạ đã nói: *Bọn em cô đơn quá*.

Tôi đợi đến gần trưa. Sau đó tôi biết là họ sẽ không đến, nhưng đồng thời tôi cũng biết là một khi rời khỏi quảng trường này, tôi sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa. Hai cô gái mười sáu tuổi quê ở tỉnh Hà Nam, đó là tất cả những gì tôi biết về họ, và cả tên họ. Mặc lên người áo xếp nếp có diềm và quần jean, buộc tóc đuôi ngựa, họ giống với hàng triệu người phụ nữ trẻ khác đến Đông Quán từ nhiều nơi khác. Tôi không còn lòng dạ nào khiến mình gặp bất kỳ ai khác trong ngày hôm đó. Tôi lang thang dưới mặt trời đỏ lửa trong nhiều giờ đồng hồ, nhìn mọi người và tự nhủ mình không tiếp cận họ vì những lý do vãn nhất. Nếu họ đi một nhóm, có thể sẽ khó nói chuyện; nếu họ đang ăn hoặc đang uống, họ có vẻ sung túc.

Nhiều tháng sau đó, bất cứ lúc nào đến Đông Quán, tôi cũng nhìn chăm chú gương mặt của những cô gái trẻ trên phố, hy vọng có thể tìm thấy Vĩnh Hạ và Đạt Lệ lần nữa. Rất nhiều cô gái nhìn lại tôi, cảnh giác, tò mò hay thách thức. Có hàng triệu cô gái trẻ, mỗi người đều có một câu chuyện đáng để kể ra. Tôi phải nhìn vào gương mặt họ để bắt đầu.

LẦN ĐẦU TIÊN TÔI ĐẾN ĐÔNG QUẢN là vào tháng Hai năm 2004. Sự di trú ở Trung Quốc đã có hai mươi năm lịch sử, nên hầu hết báo chí nước ngoài, bao gồm cả *Wall Street Journal*, đã đăng bài về điều kiện làm việc khắc nghiệt bên trong các nhà máy. Tôi muốn viết về một thứ gì đó khác - bản thân những công nhân nghĩ như thế nào về sự di trú. Tôi dành sự chú ý đặc biệt cho phụ nữ, những người có vẻ như thu được nhiều nhất khi rời bỏ làng quê nhưng đồng thời có lẽ cũng là những người đánh mất nhiều nhất. Các dây chuyền lắp ráp ở Đông Quán, một trong những thành phố công nghiệp lớn nhất Trung Quốc, thu hút nhiều lao động trẻ không có kỹ năng, khoảng bảy mươi phần trăm trong số đó là phụ nữ. Đây có vẻ như một nơi tốt để bắt đầu.

Trong hơn hai năm sau đó, mỗi tháng tôi ở Đông Quán khoảng một đến hai tuần. Tôi đã quen thân với vài người, và gặp rất nhiều người khác, những người chỉ kể cho tôi nghe chuyện của họ rồi biến mất, giống như hai cô gái ở quảng trường mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Khả năng chấp nhận rủi ro của những cô gái này thật đáng kinh ngạc. Nếu họ không thích một nhà máy hay ông chủ hoặc đồng nghiệp nào đấy, họ sẽ nhảy việc ngay sang nơi khác và không bao giờ nhìn lại, khi họ kể lại câu chuyện của

mình với tôi, có những khoảng trống thời gian không thể giải thích được, những khoảng thời gian ở các nhà máy mà họ không còn nhớ nữa. Bố mẹ họ ở quê nhà chỉ lơ mơ ý thức được rằng con gái mình đang làm gì. Sinh tồn, đối với các nữ công nhân, là một thứ hiện tại trường cửu, có vẻ như giải phóng cho họ rất nhiều, nhưng cũng mang lại khá nhiều phiền não lo âu. Lên thành phố, đồng nghĩa với việc cắt đứt toàn bộ những mối liên hệ mà họ biết trước đây.

Những cô gái trẻ thân thiết với tôi nhất đều có một vài điểm chung: họ hiểu những chi tiết gây xúc động trong câu chuyện của mình và tại sao tôi muốn biết về những điều đó. Tôi nghĩ họ cũng hiểu tôi, nhiều hơn tôi mong đợi. Tôi đến từ nước Mỹ và tôi đã học đại học; về học vấn và tầng lớp, tôi cách xa họ cả triệu dặm đường. Nhưng tôi biết thế nào là ở một mình, là một người đàn bà đơn độc trong thành phố. Tôi cũng bị đám đàn ông Trung Quốc quấy rối, bị công an quát tháo, bị đám tài xế xe buýt lừa gạt; tôi cũng có những vấn đề nan giải về bạn trai và bố mẹ lo lắng rằng tôi vẫn còn độc thân. Khi tôi lấy chồng vào mùa xuân năm 2006, một trong những phụ nữ di trú biết rõ về tôi nhất đã làm tôi hết sức ngạc nhiên. “Mẹ chị hẳn là phải hạnh phúc lắm” là điều đầu tiên cô nói. “Tôi có cảm giác bà ấy là một người Trung Quốc kiểu truyền thống.”

Có lẽ liên kết chắc chắn nhất giữa tôi và các cô gái là một điều mà họ không bao giờ biết: tôi cũng đã ra đi khỏi mái nhà mình. Sau khi tốt nghiệp đại học ở Mỹ, tôi chuyển đến Prague, Tiệp Khắc cũ. Tổng cộng tôi đã sống ở nước ngoài mười lăm năm, một hai năm lại về thăm gia đình một lần, giống như những người di trú ở đây. Trong một thời gian dài, tôi đã cưỡng lại sức hút của Trung Quốc. Ở trường đại học, tôi lảng tránh các tổ chức của người Mỹ gốc Hoa và chỉ tham gia một khóa học tiếng Trung; tôi học chuyên ngành lịch sử và văn học Mỹ, viết luận văn tốt nghiệp đại học về tiểu thuyết chủ đề Miền Tây nước Mỹ của Larry McMurtry. Ở Prague, tôi viết về chính trị và xã hội Tiệp cho một tờ báo của những người xa xứ. Một ngày mùa đông năm 1992, một cặp vợ chồng người Trung Quốc kéo lê những chiếc va li của họ trên vỉa hè lấm bùn hỏi đường tôi bằng tiếng Trung phổ thông. Tôi lạng mắt một lúc lâu mới trả lời, một cách bực dọc, bằng thứ tiếng của họ - như thể họ buộc tôi phải trở lại với cái thế giới mà tôi đã bỏ lại phía sau.

Mới đầu, sự hấp dẫn của Trung Quốc đối với tôi khá thực dụng - đầu những năm 90 của thế kỷ trước, nền kinh tế phát triển bùng nổ của đất nước này bắt đầu thu hút sự chú ý của toàn cầu, tiếng Trung lưu loát của tôi bỗng nhiên trở thành một tài sản quý giá. Tôi đến Hồng Kông năm 1993 làm phóng viên cho tờ *Wall Street Journal* và bắt đầu đọc sách về lịch sử Trung Quốc lần đầu tiên, loại bỏ hết mọi thứ khác; đối với tôi, Trung Quốc luôn mang lại cảm giác như một bài kiểm tra mà tôi lo là không học. Khi tôi chuyển đến Đài Loan hai năm sau đó, người ở đây thường xuyên hỏi tôi rằng tôi xuất xứ, tôi ra đi sang Mỹ năm nào - họ ngầm mặc định rằng mọi người trên đời này đều là người Hoa hết. Sau đó, khi chuyển đến Trung Quốc, tôi vẫn thường xuyên nghe những câu hỏi

tương tự. Đó là một trong những phương diện mà Trung Quốc và Đài Loan, về mặt hình thức thì vẫn còn đang chiến tranh với nhau cho đến tận gần đây, giống nhau hơn là họ nghĩ.

Một trong những điều đầu tiên hầu hết người Mỹ gốc Hoa nào cũng làm khi họ tới Trung Quốc là đến thăm quê hương của tổ tiên, nhưng tôi đã sống ở Hồng Kông, Đài Loan và Trung Quốc mười hai năm mà không thực hiện chuyến đi đó. Tôi lo rằng mình chưa sẵn sàng để hiểu những gì mình tìm thấy ở ngôi làng quê hương, trong sâu thẳm, tôi sợ rằng điều đó sẽ chẳng có ý nghĩa gì hết. Bằng cách này hay cách khác, tôi hiểu được các nữ công nhân khi họ nói lên cảm xúc phức tạp của mình đối với quê nhà.

NHỮNG PHỤ NỮ TRẺ đến từ các miền quê dạy cho tôi về thành phố. Nhờ họ, tôi biết được nhà máy nào đang hoạt động tốt; không cần phải rời khỏi Đông Quán một lần nào, những công nhân này cũng hiểu được thứ bậc của các quốc gia trên thế giới. Các ông chủ Mỹ và châu Âu đối xử với công nhân tốt nhất, tiếp đó là Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông và sau nữa là những ông chủ nhà máy đến từ Đài Loan. Các nhà máy của người Trung Quốc bản địa là tệ nhất, vì “tất cả bọn họ đều phá sản hết” một người di trú giải thích với tôi. Họ cũng biết khi nào các chính sách lớn sắp có sự thay đổi - đầu năm 2005, một số công nhân nói với tôi mức lương tối thiểu sẽ tăng lên, trước khi điều đó được công bố chính thức.

Rất nhiều điều tôi đọc về người di trú ở Trung Quốc trước đó không đúng sự thật. Họ không còn sống trong nỗi sợ bị công an bắt mà thay vào đó, nhà chức trách đơn giản là lò họ đi. Chuyện họ bị người địa phương kỳ thị cũng không thực sự là một vấn đề, vì người di trú hầu như không bao giờ chạm trán với người địa phương cả. Và tôi cũng lấy làm ngạc nhiên khi biết rằng mức độ thay đổi việc làm ở đây rất cao. Hầu hết những người ở nấc cao hơn trong các nhà máy mà tôi gặp mặt đều bắt đầu từ dây chuyền lắp ráp. Các cô gái tôi quen biết không có vẻ như là đã được định sẵn sẽ trở về với ruộng đồng, vì họ chưa bao giờ làm ruộng cả. Họ thường không biết gia đình mình có bao nhiêu đất hay khi nào thì mùa vụ bắt đầu. Suy nghĩ ngầm định này của tôi bắt nguồn từ những nghiên cứu về người di trú ở Trung Quốc được hoàn thành vào khoảng giữa thập kỷ 90; gần một thập kỷ sau đó, thế giới này đã hoàn toàn thay đổi, nhưng nhiều thứ diễn ra quá nhanh để có thể kịp ghi chép lại.

Tôi bắt đầu thấy thích Đông Quán, thành phố có vẻ như là một biểu hiện tai quái nhất của Trung Quốc: Chủ nghĩa vật chất, môi trường bị hủy hoại, tham nhũng, giao thông, ô nhiễm, tiếng ồn, nạn mại dâm, lái xe ẩu, suy nghĩ thiên cận, stress, vật lộn, và hỗn loạn. Nếu sống được ở đây, bạn có thể sống được ở bất cứ nơi đâu. Tôi đã cố gắng hòa nhập hết mức có thể. Tôi ăn những bát mì hai mươi lăm xu^[6] cho bữa trưa và đi khắp nơi bằng xe buýt. Tôi mặc đồ vải jean và đi dép xăng đan, giản dị hơn rất nhiều cô gái di trú đến đây, họ mặc áo sơ mi thêu diềm trang trí và đi giày cao gót khi ra ngoài. Tôi trở nên

vô hình ở Đông Quán và tôi cũng thích điều đó. Ở những nơi khác: trên đất nước Trung Quốc này, một người nhìn chăm chăm vào người lạ và ghi ghi chép chép các thứ trong một cuốn sổ sẽ thu hút sự chú ý; ở đây, mọi người đều quá tập trung vào các mối quan hệ của bản thân nên không để ý đến tôi. Chỉ một lần duy nhất có người đến làm phiền: tôi đang đứng trong hội chợ việc làm, chép lại hướng dẫn trong một quảng cáo trên tường. Một người bảo vệ bước lại hỏi xem tôi đang làm gì. Tôi nói mình đang luyện tiếng Anh, vậy là anh ta liền để tôi yên.

Đông Quán là một thành phố vô hình với thế giới bên ngoài. Hầu hết các bạn của tôi ở Bắc Kinh đã đi qua thành phố này nhưng tất cả những gì họ nhớ được - với một cái nhún vai - là các nhà máy kéo dài vô tận và những cô gái mại dâm. Tôi đã tình cờ tìm thấy thế giới bí mật này, thế giới mà tôi chia sẻ với bảy triệu, hoặc tám triệu, hoặc thậm chí là mười triệu con người khác. Sống ở Đông Quán giống như là đến đây lần đầu tiên, lao vút đi bảy mươi dặm một giờ trên đường vậy, cảnh vật thay đổi quá nhanh để có thể ghi nhớ chút gì. Đông Quán là vùng đất không có ký ức.

Đông Quán đồng thời là một thành phố của những đối nghịch, bởi lịch sử Trung Hoa hiện đại đã bắt đầu ở đây. Vào thế kỷ mười chín, thuốc phiện nhập lậu của người Anh hủy hoại đất nước và rút cạn quốc khố. Mùa hè năm 1839, đại thần Lâm Tắc Từ của triều đình Mãn Thanh đã ra lệnh công khai thiêu hủy hai mươi nghìn thùng thuốc phiện tại bến cảng Hồ Môn, một thị trấn ở Đông Quán. Hành động ấy khiến hai quốc gia bước vào cuộc Chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất, xảy ra ở Quảng Đông và nhanh chóng kết thúc khi tàu chiến Anh đè bẹp lực lượng quân đội Trung Hoa. Hiệp ước Nam Kinh đã cắt Hồng Kông cho nước Anh, buộc triều đình phải mở cửa các cảng Trung Quốc cho thương mại quốc tế, cho các quốc gia khác đặc quyền thương mại và pháp lý xưa nay chưa từng có trên lãnh thổ Trung Quốc. Trong các bài lịch sử được dạy ở trường học Trung Quốc, ngọn lửa đốt thuốc phiện ở Hồ Môn đã nhóm lên thời kỳ hiện đại: khuất phục trước sức mạnh của nước ngoài, theo đó là sự sụp đổ của triều đình Mãn Thanh, cách mạng, chiến tranh và chiến thắng của Đảng Cộng sản năm 1949.

Nhưng nơi này còn có một lịch sử khác. Mùa thu năm 1978, hãng túi xách Thái Bình của Hồng Kông đã mở nhà máy tại nước ngoài đầu tiên ở Đông Quán. Thu nhập trong năm hoạt động đầu tiên là một triệu đô la Hồng Kông. Nhà máy này xử lý các nguyên vật liệu nhập từ Hồng Kông, biến chúng thành thành phẩm, sau đó sẽ được vận chuyển trở về Hồng Kông để bán đi khắp thế giới. Nó đã tạo ra hình mẫu cho hàng ngàn nhà máy khác học theo. Hơn hai năm sau đó, Trung Quốc thành lập bốn “đặc khu kinh tế” làm nơi thử nghiệm cho các chính sách tự do kinh tế như đầu tư nước ngoài và ưu đãi thuế. Đặc khu lớn nhất là Thâm Quyến, cách Đông Quán năm mươi dặm về phía Nam, nó nhanh chóng trở thành biểu tượng của một guồng quay Trung Quốc sẵn sàng rộng mở cho việc

kinh doanh. Thâm Quyển là một thành phố kiểu mẫu được hoạch định, được các lãnh đạo ở Bắc Kinh quyết định cho ra đời và được các bộ ngành cùng những công ty bên dưới hỗ trợ.

Đông Quán thì khác. Thành phố này mọc lên chẳng theo một sắc lệnh của bất cứ ai, đơn giản là cứ mọc lên mà thôi. Khi Thâm Quyển đặt mục tiêu vào công nghệ tiên tiến và đổi mới, thì Đông Quán nhận lấy những gì có thể, nghĩa là thu nhận các nhà máy kỹ thuật lạc hậu từ Hồng Kông và Đài Loan sản xuất quần áo, đồ chơi và giày dép. Tất cả những gì họ cần chỉ là giá đất và lao động rẻ mạt, cũng như chính quyền địa phương để cho họ yên. Thứ họ xây dựng ở đây vào thuở ban đầu không thể gọi là công nghiệp hiện đại được. Rất nhiều nhà máy vào thời kỳ ấy chỉ là những ngôi nhà hai hay ba tầng, nơi các công nhân ngồi ở bàn, năm chục người một phòng, cầm cúi thực hiện các tác vụ đơn giản như khâu vỏ cho thú nhồi bông hay gắn tóc giả cho búp bê. Một số nhà máy chỉ là những gian nhà tạm bợ bằng kim loại tấm, vì chủ nhân của chúng không muốn phải tốn tiền cho những tòa nhà tử tế.

Trong những ngày đầu, tuyến xe lửa từ Hồng Kông còn chưa mở. Các doanh nhân đi tới biên giới giữa thuộc địa Anh và Thâm Quyển, đi bộ qua, và bắt taxi đến nhà máy của họ tại Đông Quán ở phía bên kia, trên đường đi qua các cánh đồng. “Ở đây không có đường, không có ô tô, không có ti vi, thậm chí cả cái rèm cũng không có nốt,” Allen Lee, cán bộ quản lý ngành công nghiệp sản xuất giày Đài Loan, đã chuyển đến thành phố năm 1989 nhớ lại. “Người ta không thể mua những thứ đó ở đây được.” Tháng Sáu năm 1989, ông ta đã phải đạp xe bốn mươi phút để xem tin tức trên ti vi về vụ bắn giết những người chống đối ở Quảng trường Thiên An Môn.

Nguồn cung cấp lao động địa phương nhanh chóng cạn kiệt nên người di trú bắt đầu đến từ các tỉnh lân cận. Lâm Tuyết, người phụ nữ viết bài cho một tạp chí dành cho người di trú mà tôi quen biết, đã đến Đông Quán từ miền quê Tứ Xuyên vào năm 1990. “Chúng tôi đến đây mà chẳng biết gì cả,” cô nói với tôi. “Tôi đến gặp ai đó bán vé và hỏi: ‘Tôi nên mua vé đi đâu bây giờ?’ và chúng tôi làm theo những gì họ nói.” Lâm Tuyết tìm được một công việc trong nhà máy với mức lương bảy mươi nhân dân tệ một tháng, còn em gái cô làm công việc ép gỗ dán trong một xưởng gỗ.

Những năm 1990, sản xuất chính của thành phố chuyển sang đồ điện tử và linh kiện máy tính. Ngày nay Đông Quán sản xuất ra 40 phần trăm đầu từ dùng trong máy tính cá nhân và 30 phần trăm ổ cứng trên toàn thế giới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình trong hơn hai thập kỷ qua khoảng trên 15 phần trăm một năm. Nhưng có một số điều vẫn không thay đổi. Người di trú vẫn tiếp tục đến. Các nhà máy đòi hỏi nhiều nhân công vẫn thống trị. Mặc dù các sản phẩm đã trở nên tinh vi phức tạp hơn nhiều, bản thân công việc vẫn không hề khác, vẫn còn rất nhiều tòa nhà kiểu căn hộ, nơi công nhân ngồi ở bàn cầm cúi vào những tác vụ thủ công đơn giản.

Vậy, Đông Quán là một vùng đất có các phiên bản hoàn toàn trái ngược nhau trong quá khứ - một phiên bản cương quyết phản đối sự hiện diện của người nước ngoài ở Trung Quốc, một phiên bản kia lại lắng lắng nhiệt tình đón tiếp. Mọi học sinh Trung Quốc đều học về sự kiện đốt thuốc phiện. Nhưng từ Nhà máy túi xách Thái Bình, thứ chẳng xuất hiện trong bất cứ cuốn sách giáo khoa nào, tôi có thể vạch một đường thẳng đến bất cứ người nào tôi từng gặp ở Đông Quán, từ những lao động di trú học cách sử dụng Microsoft Word đến những chuyên gia tự học hoặc đến đại diện bán hàng của hãng Mercedes, người đã kể cho tôi rằng hai loại xe đắt nhất, S-Class và E-Class, bán chạy nhất ở thành phố này, bởi vì “đây là sản phẩm tốt dành cho những ông chủ muốn nâng tầm hình ảnh của mình.” Đối với tất cả họ, lịch sử hiện đại bắt đầu từ nhà máy sản xuất túi xách.

* * *

Tôi đã ở đây vài tháng mà không gặp một người Đông Quán gốc nào. Trong thế giới công xưởng, từ quản lý cấp cao nhất của dây chuyền lắp ráp, là lĩnh vực chỉ toàn dân di trú, cho tới sếp cao nhất đôi khi cũng đến từ Hồng Kông hoặc Đài Loan. Dân địa phương nói tiếng Quảng Đông, nhưng các nhà máy hoạt động chủ yếu bằng tiếng Trung phổ thông, bởi đó là cách duy nhất để người từ những tỉnh khác nhau có thể nói chuyện với nhau. Dân di trú không đánh giá cao dân bản địa cho lắm: dân bản địa là những nông dân thất học, sống bằng cách cho các nhà máy thuê đất nông nghiệp, họ không thể sống sót được một ngày trong môi trường làm việc khắt khe của nhà máy. “Hai bên khinh thường lẫn nhau,” Lâm Tuyết bạn tôi miêu tả mối quan hệ giữa người bản địa và dân di trú.

Sáu tháng sau khi đến Đông Quán lần đầu tiên, tôi đã phỏng vấn phó thị trưởng. Ông ta tên Trương Thuận Quang và là người gốc Đông Quán: người bản địa đầu tiên mà tôi gặp. Chúng tôi ngồi ở phòng tiếp khách lớn trong một tòa nhà công sở, uống trà bằng những cốc giấy bé xíu. Vài tay trợ lý của ông ta tụ tập ở đó, tán chuyện với nhau bằng tiếng Quảng Đông. Tôi chưa bao giờ gặp một người Đông Quán, thì ra tất cả bọn họ đều tập trung ở đây, bên trong chính quyền.

“Chị có nói tiếng Quảng Đông không?” Một tay trợ lý hỏi tôi.

“Xin lỗi, không,” tôi đáp. Chưa ai trong thành phố hỏi tôi một câu tương tự như vậy cả.

“Đây có phải lần đầu tiên chị đến Đông Quán không?”

“Không, tôi đến đây nhiều lần rồi.”

“Ồ, có phải tất cả đều là những chuyến đi bí mật không?”

“Nếu anh không biết về nó thì nó là bí mật à?”

Chúng tôi đã cảm thấy không ưa nhau. Giữa cuộc phỏng vấn, tôi sầm soi nhìn tay trợ

lý và anh ta cũng nhìn chòng chọc lại tôi. Người phụ nữ trẻ ngồi cạnh anh ta đã lăn ra ngủ. Cúm từ khinh thường lẫn nhau nảy ra trong đầu tôi.

Cuộc phỏng vấn cũng khá hữu dụng: không tận mắt chứng kiến, tôi sẽ không bao giờ tin được rằng chính quyền lò người di trú đi một cách triệt để tới mức nào. Ngài phó thị trưởng không có nổi con số chính xác về số lượng dân di trú - đó là việc của ủy ban điều tra dân số, không phải việc của cơ quan ông ta. Ông ta thú nhận rằng chính quyền địa phương thiếu nguồn lực để kiểm tra điều kiện trong các công xưởng. “Nếu tôi thanh tra mỗi nhà máy một ngày,” ông ta nói, “tôi sẽ mất năm mươi năm để thanh tra tất cả các nhà máy ở đây. Vì vậy chúng tôi phải trông vào việc tự kiểm soát của các nhà máy.”

Sau đó, ông ta nói về một kế hoạch để “nâng cao chất lượng người dân Đông Quán,” nhưng nỗ lực này không có lợi ích gì cho những người không phải gốc Đông Quán. Giống như tất cả dân thành phố này, ông ta luôn mang một sự coi thường trong suy nghĩ đối với *waidiren* (ngoại địa nhân), người nơi khác, thuật ngữ thông dụng dành cho dân di trú. “Chất lượng của lao động nhập cư không cao” ông ta nói, “nhưng đây là trách nhiệm của các công ty. Họ nên tổ chức các lớp học cho công nhân.”

Tôi hỏi ngài phó thị trưởng xem tại sao không có người Đông Quán nào trong các nhà máy, ngay cả ở tầng lớp cao nhất, và ông ta mâu thuẫn với chính những gì mình vừa nói mà không hề thấy ngượng mồm.

“Những người từ nơi khác đến,” ông ta nói, “có chất lượng cao hơn và nhận lương thấp hơn.”

Sau cuộc phỏng vấn, ngài phó thị trưởng bắt tay tôi và khen ngợi hiểu biết của tôi về thành phố. Tôi không nói với ông ta những người cung cấp thông tin của mình đều là các cô gái di trú còn rất trẻ có chất lượng thấp và đồng lương thậm chí còn thấp hơn.

MỘT NĂM SAU KHI ĐẾN THÀNH PHỐ này, tôi thuê một căn hộ đơn ở trung tâm thành phố với giá 160 đô la một tháng. Tòa nhà cao tầng này có tên Đông Quán City Holiday, đối tượng nó nhắm đến là phụ nữ độc thân, các bảng quảng cáo tấm lớn rực rỡ chẳng khắp nơi: NHÀ CHO MỘT NGƯỜI, SỰ TRÁNG LỆ CHO MỘT NGƯỜI. Tôi nghĩ mình sẽ gặp các phụ nữ trẻ và nghe họ kể chuyện, nhưng không ai nói một lời nào với tôi trong hành lang và thang máy, và tôi không bao giờ thấy một người nào trong phòng công cộng. Mọi người quá bận rộn với cuộc sống của riêng mình nên chẳng buồn lo chuyện của người khác. Tôi nhận được hầu hết các tin tức từ bảng thông báo trong khu căn hộ, khắc họa một cộng đồng toàn tội phạm vặt vãnh và việc xây dựng diễn ra suốt ngày đêm.

VÌ SỰ YÊN TĨNH CỦA CÁC HỘ DÂN, VIỆC SỬA CHỮA SẼ TẠM DỪNG VÀO NGÀY 1 THÁNG MỘT VÀ SẼ TIẾP TỤC VÀO NGÀY 2 THÁNG MỘT.

KHI CÓ NGƯỜI GỖ CỬA NHÀ, KHÔNG NÊN MỞ CỬA NGAY TRƯỚC KHI XÁC

ĐỊNH ĐƯỢC NHÂN THÂN CỦA NGƯỜI ĐÓ.

AI CÓ THÔNG TIN VỀ BẢNG TRỘM Ở KHU NAM THÀNH HÃY BÁO NGAY VỚI CẢNH SÁT.

Chủ nhà của tôi chuyển đến thành phố từ vùng nông thôn Quảng Đông từ nhiều năm trước. Chị ta thường xuất hiện trước căn hộ của tôi trong bộ pyjama hồng và dép lê đi trong nhà để thu tiền, có lần tôi đã nghe thấy chị ta hét “mã mẹ nhà anh” vào điện thoại với chồng mình vì anh ta vừa bảo sẽ trở về muộn sau chuyến công tác. Chị ta làm nhân viên bán hàng ca đêm ở một khách sạn. Tôi băn khoăn không hiểu chị ta bán loại hàng gì mà phải làm từ nửa đêm đến sáu giờ sáng như thế, nhưng tôi không bao giờ đủ dũng khí để hỏi. Bà chủ nhà luôn có cách để chuyển hướng các câu hỏi.

“Làm sao chị có được hai đứa con thế?” Một lần tôi hỏi chị ta. Hầu hết các gia đình ở thành thị đều bị giới hạn chỉ có một con.

“Làm sao cô lại nghĩ tôi có hai đứa con?” Chị ta đáp.

Môi trường buôn bán bên ngoài căn hộ của tôi luôn luôn thay đổi. Vào hôm chuyển đến, tôi đã rất hưng phấn khi thấy một tấm biển PIZZA LÒ GẠCH bên cạnh lối vào tòa nhà, một hương vị dễ chịu của quê nhà. Lần tiếp theo, tấm biển đó đã chuyển thành SIÊU THỊ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG ĐẠI CHÍ. Đúng là những gì Trung Quốc cần: một cửa hàng bán điện thoại di động khác. Trong hai tuần tiếp sau đó, không gian bên dưới căn hộ của tôi biến đổi từ căn phòng trống với dây điện nhỏ lòng thòng trên trần thành một cửa hàng điện thoại di động hoạt động hết công suất, với những người bán hàng trông như người máy và tiếng nhạc phát ra từ những chiếc loa khổng lồ hướng về phía bãi đỗ xe vắng tanh. Vào hôm tiếp theo, công tác tiếp thị đã bắt đầu, một cô gái trẻ đứng ở cửa vào và đọc tên các đời máy và giá bán vào microphone, hết loại này đến loại khác. Một tấm biển khác hiện lên phía trước tòa nhà tôi ở: CÓ CỬA HÀNG KFC Ở CẠNH NHÀ BẠN! LỢI NHUẬN 8% HÀNG NĂM MÀ KHÔNG PHẢI LÀM BẤT CỨ ĐIỀU GÌ. Tôi không thích thú lắm với việc có một cửa hàng KFC ở cạnh nhà mình. Thứ bất biến duy nhất trong khu này là nhà máy Nescafé ở bên kia đường. Vào những ngày hè, mùi cà phê bọc kín lấy tôi ngay khi bước ra ngoài, một trận tắm ấm áp cả ngọt lẫn đắng.

Khi sống ở Bắc Kinh, bạn bị che đậy khỏi rất nhiều thứ, nhưng ở các thành phố xa trung tâm bạn có thể thấy cận cảnh khuynh hướng của sự phát triển ở Trung Quốc. Xe buýt công cộng thường xuyên rẽ khỏi lộ tuyến cố định để đổ thêm nhiên liệu, thiếu xăng dầu là chuyện rất thường tình, vì vậy trạm xăng nào cũng đáng dừng lại ngay cả khi trên xe có đầy khách. Mất điện cả ngày là chuyện thường xuyên xảy ra, và các nhà máy phải sắp xếp lại lịch sản xuất vì chính quyền phân phối điện theo định mức. Trong các thông báo trên tấm bảng ở khu nhà tôi ở, có một cái không bao giờ thay đổi: ĐƯỜNG DÂY TRỰC CUNG ỨNG ĐIỆN CẤP HIỆN TẠI KHÔNG THỂ THEO KỊP NHU CẦU PHÁT TRIỂN VÀ PHẢI THAY THẾ.

Suốt mùa hè năm 2005, mỗi chuyến đi đến Đông Quán của tôi đều gặp phải ít nhất một ngày không có điện. Nếu được thông báo trước, tôi sẽ sắp xếp lại kế hoạch, nhưng nhiều khi điện bị cắt mà không có một lời cảnh báo, buộc tôi phải ở trong nhà cả ngày trong cái nóng 32 độ C và di chuyển càng ít càng tốt. Tôi bèn gọi điện cho phòng quản lý tòa nhà, trút cơn giận dữ, nhưng đó không phải lỗi của họ. Không phải lỗi của bất cứ ai. Nền kinh tế Trung Quốc phát triển mười phần trăm mỗi năm, ở miền Nam còn nhanh hơn thế, nên chỉ có phép màu mới khiến mọi thứ có thể gắn kết như chúng đã từng.

* * *

Tôi đi khắp nơi bằng xe buýt. Làm vậy một phần là để quan sát thế giới của những người di trú hết mức có thể, song nó cũng rất thực tế. Lái xe taxi là những tên lừa gạt giỏi nhất ở đây - không chỉ một lần tôi nhận ra mình đang lao vút trên con đường tối om khi tay tài xế dọa sẽ bỏ tôi lại giữa đường nếu tôi không chịu trả thêm tiền. Một chiến thuật đàm phán hiệu quả nhanh khác nữa là đề nghị chở một hành khách đi một phần quãng đường tới nơi đến với giá thấp hơn, tài xế là những người suy nghĩ ngắn đến nỗi họ chấp nhận lấy ít hơn để được trả tiền sớm hơn. Thậm chí cả những bác tài thành thật nhất cũng mắc phải những lỗi lầm rất “nông dân”: một khi rời khỏi khu vực họ thông thạo, họ cũng lạc đường hệt như tôi vậy.

Nhân viên trong hệ thống xe buýt làm việc theo từng cặp: lái xe thường là người địa phương, còn người bán vé là một phụ nữ di trú. Đôi khi họ hét với qua đầu hành khách suốt dọc chiều dài chiếc xe để trò chuyện, và đôi khi có một màn hình ti vi nhỏ gắn trên bảng điều khiển để tài xế có thể vừa xem ti vi vừa lái xe. Mỗi khi gần đến điểm dừng, người bán vé thò người qua cửa trong khi xe vẫn di chuyển và khản giọng hét to điểm tới tiếp theo. Những người đang đợi thường dễ bị ảnh hưởng bởi áp lực, nếu bị hét gọi đủ lâu, vài người sẽ leo lên.

Những chàng trai trên xe buýt bốc mùi mồ hôi nồng nặc, mùi của những người đã đi bộ những quãng dài bên ngoài và chưa bao giờ được hưởng cái thú xa xỉ gọi là điều hòa nhiệt độ. Các cô gái lại thường sạch sẽ: họ không bao giờ bốc mùi, mái tóc luôn suôn mượt. Trên xe buýt nào cũng có vài người di trú khur khur cầm túi nylon giơ lên mồm lặng lẽ nôn ọ. Chúng say xe là nỗi sợ của những người đến từ nông thôn, những người không quen đi lại bằng ô tô. Túi nhựa màu nâu treo lơ lửng trên trần xe thành từng chuỗi một, trông như những quả chuối chín nâu sắp hỏng. Hành khách trên xe buýt mang theo nhiều loại đồ đạc một cách đáng kinh ngạc; ở nông thôn, người ta chẳng vứt đi thứ gì cả. Trong những chuyến đi khác nhau, tôi thấy có người mang theo một cái ti vi cổ lỗ sĩ, cả một giỏ dây điện, một xô đóng đầy vữa bùn đựng các đồ lễ thợ xây, và một cái cò lê dài đến nửa mét trông phát khiếp. Có lần, tôi còn thấy một chàng trai trẻ vác theo một cái cán chổi dài gần hai mét.

Các trạm dừng xe buýt không được đánh dấu, và chẳng có tấm bảng nào hiển thị

tuyến đường. Bạn phải hỏi; thông tin truyền đạt bằng miệng, như thể chúng ta sống vào thời cổ đại trước khi chữ viết được phát minh ra. Tôi đã hai lần mua bản đồ thành phố có bảng giờ xe buýt nhưng cả hai lần các tuyến đường đều lỗi thời, mọi thứ xảy đến quá nhanh để có thể ghi chép lại. Những hành khách khác cũng bối rối chẳng kém gì tôi, họ thường lớn tiếng gọi tên những trạm vừa mới đi qua và hoảng hốt xuống xe. Tôi đi đến đâu cũng bị hỏi đường. Một buổi chiều, tôi đã rối beng vì các tuyến đường với một người đàn bà di trú, bà này sau đó đã hỏi tôi: “Cô là dân Hồ Bắc hả?” Đó là một lời châm chọc hay lời khen đây? Tôi chỉ muốn về nhà thôi.

Buổi tối xe buýt ngừng chạy rất sớm, một sự bất công đối với những ai không đủ điều kiện sử dụng các phương tiện giao thông khác. Sau tám giờ tối, người ta chắc chắn phải qua đêm ở chỗ của bạn bè, mặc dù hầu hết các nhà máy cấm khách ở lại qua đêm và bị phạt hiện đồng nghĩa với một khoản phạt lớn. Tôi không bao giờ thấy người già trên xe buýt.

MỘT BUỔI TỐI, tôi bắt xe buýt từ Thâm Quyển trở về Đông Quán. Được khoảng nửa đường, chiếc xe dừng lại và tài xế quát đuổi các hành khách chuyển sang một xe khác. Chuyện này khá phổ biến, dù bất hợp pháp: vào buổi tối khuya, những chiếc xe trống một nửa ghế ư chuyện dồn khách gộp khách hơn là tiếp tục chuyển đi để chịu lỗ. Tài xế xe này sẽ trả cho người kia một giá ấn định cho mỗi hành khách chuyển khỏi xe mình.

Sau khi chiếc xe buýt thứ hai đã lên đường cao tốc, người bán vé mới tuyên bố rằng chúng tôi sẽ không đến Đông Quán. Chuyện này cũng phổ biến: sau khi xe thứ hai được trả tiền để nhận khách, mục tiêu duy nhất của nó chính là thoát khỏi họ càng sớm càng tốt.

Chiếc xe dừng lại. “Người nào đi Hậu Nhai xuống ở đây.” Người bán vé là một gã người Quảng Đông gầy trơ xương lúc nào cũng thét lên bằng giọng mũi. Y đi dọc theo hai dãy ghế, chỉ vào từng người một và ra lệnh cho họ đi xuống. Gã ta chỉ vào tôi.

Một hành khách ngồi trước tôi đã xuống xe, biến mất vào màn đêm tối tăm. Tôi đi ra phía trước xe ngó ra ngoài từ bậc lên xuống dưới cùng. Chúng tôi đang ở trên đường cao tốc tối đen như mực bên cạnh một công trường xây dựng bỏ hoang.

“Ở đây không có taxi,” tôi nói với gã bán vé. “Tôi không xuống đâu.”

“Có taxi đây,” gã hét lên bằng giọng Quảng Đông cau kỉnh.

“Tôi không xuống đây.”

Gã bước tới sau lưng và đặt bàn tay lên vai tôi.

“Đừng có chạm vào tôi!” Tôi bước lên bậc thang trở lại xe ngồi xuống một chỗ ở hàng đầu tiên. Những hành khách khác không ai nhúc nhích.

Và chiếc xe lại tiếp tục lên đường. Nó đã thất bại trong việc tổng khứ đồng hàng hóa

mình đang chờ, vì vậy nó lại chạy tiếp. Hành khách lại tiếp tục xuống ở trạm của họ như chưa từng có chuyện gì xảy ra. “Bọn xe buýt này bẩn lắm,” một phụ nữ trẻ có gương mặt ngăm đen gầy gò ngồi cạnh tôi nói. “Cô chỉ nên bắt xe buýt nào có tài xế mặc đồng phục thôi.” Nói vậy nhưng cô vẫn ở trên chiếc xe này, giống như tôi.

“Cái bọn làm trên cái xe này toàn lũ xấu xa cả,” cô cao giọng nói, “lại toàn nói tục chửi bậy nữa.” Chỉ ngồi bên cạnh cô tôi cũng đã thấy an toàn, nhưng rồi cô cũng xuống xe.

Chiếc xe ngoặt vào ven đường và dừng lại lần nữa. “Được rồi, tất cả xuống xe,” gã bán vé quát lên. Lần này gã đi đi lại lại dọc lối giữa hai hàng ghế, đưa cho mỗi người hai nhân dân tệ.

Tôi bước xuống chỗ gã đang đứng. “Tôi trả hai mươi lăm đồng để đến Đông Quán, giờ tôi muốn lấy lại tiền ấy.”

Gã bán vé quay lại đối mặt với tôi. Tất nhiên, gã cao hơn tôi và là đàn ông. Trong khoảnh khắc ấy, tôi nhận ra thực tế mình bất lực đến nhường nào.

“Nếu cô trả một trăm đồng thì tôi cũng phải trả cô một trăm đồng hả?” Gã hét lên. “Nếu tôi tụt quần ra, cô có trả tôi một trăm đồng không?”

Câu đó chẳng có nghĩa gì và cũng chẳng buồn cười nữa, nhưng gã thích cái kiểu ấy và nói lại một lần nữa. “Nếu tôi cởi quần ra, cô có trả tôi một trăm đồng không?”

“Con mẹ mày,” tôi nói bằng tiếng Anh. “Thằng khốn. Đồ đầu...” Điều này đã vi phạm quy tắc chủ đạo của tôi khi sống ở Trung Quốc - không bao giờ chơi bài Mỹ - nhưng thỉnh thoảng chỉ có chửi thề bằng tiếng Anh mới có hiệu quả. Gã đàn ông nhìn tôi với sự tôn trọng mới.

Tôi gạt gã sang một bên đi tới phía trước xe tìm thứ gì đó để ném. Tôi muốn giật cái túi tiền đeo ở thắt lưng của gã quăng qua cửa sổ, nhưng tất nhiên là gã giữ nó rất chặt. Có một cái khăn bông bẩn thỉu trên bảng đồng hồ, tôi bèn hất nó vào mặt gã tài xế. Sau đó tôi nhảy xuống xe và chạy. Tim tôi đập thình thịch; tôi nghĩ có thể hắn sẽ đuổi theo. Rồi tôi dừng lại, nhận ra chắc hẳn là trông mình ngu ngốc lắm.

Trên một con phố ngang, tôi thấy một chiếc taxi và hỏi tài xế đến Đông Quán thì bao nhiêu tiền. Tám mươi nhân dân tệ - mười đô la. Tôi lên xe. Tôi bực đến nỗi run bần bật. Tôi nghĩ đến tất cả những phụ nữ trẻ sống ở đây mà tôi quen biết, và mỗi người đã bị một kẻ nào đó giống như gã người Quảng Đông gây tro xương kia, những kẻ sáng sớm thức dậy đã thấy nổi giận với cả thế giới này, lừa gạt, nhục mạ và quát tháo như thế nào. Không thể trông đợi gì ngoài nước mắt và nổi giận với sự bất lực của chính bản thân mình. Trong một cuộc cãi vã, mọi chuyện sẽ lập tức chuyển thành bạo lực, người phụ nữ sẽ luôn thua cuộc. Tôi có tiền, và với tiền, tôi có thể trả tiền để đi lại thoải mái và an toàn. Họ thì không.

Nhưng cũng có những người tử tế, giống người phụ nữ trẻ trên xe buýt đã chửi đồng

gã tài xế thay cho tôi. Bạn phải tập trung vào những điều đó, nếu không bạn sẽ không bao giờ sống nổi.

* * *

Đông Quán có thể giống một nơi không có quá khứ, nhưng quan chức thành phố không nghĩ như vậy. Ở khu trung tâm mới, họ đã dựng lên một nhà bảo tàng lịch sử - một khu nhà rộng mênh mông bằng đá xám, thấp lè tè và kiên cố như lăng mộ của một nhà độc tài đã chết. Các tài xế taxi không biết chỗ ấy - họ luôn đưa tôi tới một trung tâm triển lãm thương mại dưới phố - nhà bảo tàng ấy vắng tanh vắng ngắt trong cả ba lần tôi đến thăm vào mùa hè năm 2005.

Bảo tàng lịch sử Trung Quốc là nơi vô cùng lộn xộn. Nền văn minh cổ xưa rất vĩ đại, hoặc lối thuyết minh chính thức nói như thế, nhưng nó phong kiến và lạc hậu. Trung Quốc thời kỳ cận hiện đại bị người nước ngoài cướp bóc tàn phá, nhưng nhân dân Trung Hoa là những anh hùng bị làm nhục và bại trận. Trung Quốc vùng đứng lên năm 1949 khi những người Cộng sản lên nắm quyền lực, nhưng có một số năm sau đó - 1957, 1966 và đặc biệt là 1989 - đã hoàn toàn không được nhắc đến. Tất cả những điều rối tung, không gắn kết với nhau và tốt hơn là không nên nói ra ấy phải được dàn xếp sao cho thành một khuôn mẫu hợp lý, bởi vì mục đích của lịch sử từ thời của Khổng Tử là phải truyền đạt những bài học đạo đức cho đời sau.

Ở Đông Quán, tiền sảnh mở rộng của nhà bảo tàng là một biểu trưng cho sự phí phạm đất đai và cho hệ thống điều hòa công suất lớn. Các tấm biển chỉ đến khu Lịch sử, thẳng phía trước, và Kinh tế, tầng hai. Trong lần tham quan đầu tiên, tôi vào khu Lịch sử. Căn phòng đầu tiên trưng bày từ các hóa thạch sinh vật biển thời tiền sử đến các hiện vật đời nhà Thanh, với các tủ kính trưng bày thứ gì đó trông như mấy cục đá. Nhìn kỹ hơn, chúng là mấy cục đá với dòng chú thích bằng thứ tiếng Anh không thể nào hiểu nổi: *Whetstone appearing from Haogang shell mound remains. (Đá mài xuất hiện từ di chỉ gò vỏ sò (?) Hào Cương)*. Một cảnh nổi khổ lớn bằng cả căn phòng với hình các thợ dệt nữ minh họa nghề thủ công truyền thống ở Đông Quán thuở trước. Một cuộn băng tiếng đập khung cửi phát đi phát lại âm ảnh tôi suốt các gian phòng.

Nhiều đồng đá hơn nữa được bày tiếp theo, sau đó lịch sử đột nhiên lao vọt về phía trước với sự chính xác đến đáng ngạc nhiên. *Dân số tăng lên và đạt 150.378 người vào năm Thiên Thuận thứ sáu triều Minh (1462)*. Chợ búa được xây dựng, ngành sản xuất muối phát triển rực rỡ, nông nghiệp thịnh vượng. Trong một căn phòng lớn, một cái cây giả rủ bóng xuống một cái hồ giả, một con thuyền giả, một cái cầu cạn vòm cuốn giả, ba con ngỗng giả và hai con vịt cũng giả nốt. Tiếng quạc quạc vang lên không dứt.

Còn một khó khăn khác nữa trong việc kể về quá khứ. Mọi nơi đều phải phản ánh tính liên tục của năm ngàn năm lịch sử Trung Quốc, nhưng ở hầu hết mọi nơi, có rất ít thứ được ghi chép lại và chẳng có gì cụ thể còn lại cả. Các mẫu vật có giá trị đã được yêu cầu

chuyên về Bắc Kinh hoặc mất mát trong chiến tranh cũng như những cuộc vận động chính trị, vì vậy các nhà bảo tàng buộc phải tự sáng tác ra phần còn lại. Họ đúc sừng thần công, chuông và các bộ giáp giả, rồi in những văn bản cũ lên các tấm formica và treo lên tường. Cảnh nổi ba chiều ở khắp nơi trong phòng - một kiểu trưng bày được ưa thích, có lẽ bởi vì chúng chiếm rất nhiều không gian. Những mẫu vật gần như là duy nhất ở bảo tàng Đông Quân chính là các đồng đá.

Đến khi lịch sử cận hiện đại bắt đầu bằng cuộc Chiến tranh Nha phiến thế kỷ mười chín, mọi chuyện thật sự trở nên khó hiểu. Một mẫu trưng bày có tiêu đề “Phần nô chống lại quân Anh” gồm có ma nơ canh các sĩ quan hải quân Anh và một viên quan triều đình Trung Quốc có vẻ mặt giận dữ. *Thất bại trong cuộc Chiến tranh Nha phiến luôn luôn là một nỗi nhục, là nỗi đau sâu sắc với Trung Quốc.* Nhưng có lẽ không thể dồn được đủ nỗi phần uất cần thiết để chống lại người Anh trong một thành phố thương mại phồn vinh, cho nên mẫu trưng bày tiếp theo đã chuyển sang cung bậc tình cảm khác. Năm 1878, thống đốc Hồng Kông cho thành lập Bảo lương cục^[7] để bảo vệ phụ nữ và trẻ em Trung Quốc. Vật trưng bày lướt nhanh qua Chiến tranh thế giới thứ hai và thẳng tiến đến thắng lợi của Cộng sản, một tấm ảnh mờ mờ đây những gương mặt hạnh phúc. *Hàng triệu con người hân hoan vì được giải phóng.*

Trong căn phòng tiếp theo, một dòng tiêu đề kéo dài hết cả bức tường: “Tâm nhìn thành hiện thực: từ huyện nông nghiệp đến thành phố công nghệ thông tin”. Một tấm bảng có đèn trưng bày những tấm ảnh đại hội Đảng Cộng sản mà tại đó Đặng Tiểu Bình đã đề ra chương trình cải cách kinh tế và mở cửa đối với phương Tây. Đó là năm 1978. Từ phòng nọ đến phòng kia, triển lãm đã nhảy cóc ba mươi năm, bỏ qua sự thành lập nước Trung Quốc Cộng sản, cải cách ruộng đất và các hoạt động thanh trừng những kẻ phản cách mạng, công kích “kẻ thù giai cấp” và sự thành lập các công xã, công cuộc Đại Nhảy Vọt và nạn đói đã giết chết ít nhất là hai mươi triệu người, và cả một thập kỷ Cách mạng Văn hóa.

Tôi ra khỏi khu Lịch sử, đi vào khu Kinh tế, triển lãm trở nên sống động. Một cảnh ba chiều lớn thể hiện nhà máy túi xách Thái Bình với bốn người phụ nữ khom người xuống bàn khâu giày. Một hình mẫu của cơ quan công quyền nơi người ta đến xin giấy phép kinh doanh đặc tả hình ảnh quen thuộc của Người Đông Quân: một doanh nhân bụng phệ xách cặp táp giả da. Lịch sử tăng tốc - *Nhiều thập kỷ trôi qua trong nháy mắt* - và những tấm ảnh khổng lồ chụp cầu vượt bắc qua đường cao tốc, các nhà máy xử lý nước thải và những hội thảo đầu tư.

CÁC VÒNG TỐT LÀNH^[8] GỒM

ĐẦU VÀO - ĐẦU RA - ĐẦU VÀO

THỊ XÃ ĐẦU TIÊN CÓ MỘT TRIỆU THUÊ BAO DI ĐỘNG

XÂY DỰNG ĐƯỜNG SÁ, CẦU CỐNG VÀ NHÀ MÁY ĐIỆN ĐỂ TẠO RA NGUỒN VỐN CHO NHIỀU ĐƯỜNG SÁ, CẦU CỐNG VÀ NHÀ MÁY ĐIỆN HƠN NỮA

Một gian trưng bày tương tác thể hiện GDP, kim ngạch xuất khẩu, cân bằng thu chi và khoản thu từ thuế của thành phố. Mẫu trưng bày cuối cùng là một tấm ảnh buổi lễ ký kết công nhận Trung Quốc đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2001.

MỘT THỜI ĐẠI MỚI ĐANG ĐẾN!

KHI TÔI RỜI KHỎI BẢO TÀNG, các em học sinh lớp ba và lớp bốn trong giờ ngoại khóa đang chen chúc xếp hàng ở sảnh lớn. Các em mặc quần thể thao đồng phục và đeo khăn quàng đỏ của đội viên Thiếu niên Tiền phong trên cổ. Hướng dẫn viên của bảo tàng, một phụ nữ trẻ có gương mặt nghiêm nghị và cặp giò khẳng khiu, xách theo một cái loa cầm tay. Tôi chờ đợi được nghe về Chiến tranh Nha phiến và 150 năm ê chề nhục nhã.

“Ở tầng ba, các em sẽ thấy một hình mẫu của thành phố,” cô ta bắt đầu. “Cô muốn tất cả các em tìm ra ngôi nhà của mình trong mô hình này. Các em đều biết hồ Tùng Sơn chứ?”

“Vâng ạ.” Các học sinh đồng thanh đáp.

“Hồ Tùng Sơn là khu công nghiệp công nghệ cao của chúng ta. Khẩu hiệu của Đông Quán là: “Mỗi năm một bước lớn, năm năm một thành phố mới.” Chúng ta đang ở năm thứ ba của kế hoạch ấy rồi đấy.”

Cô ta ngưng lại một chút. “Các em có biết “Xây thành phố, làm đường sá, đổi mới núi đồi, lợi dụng sông ngòi” không?”

Im lặng. Không ai biết câu này.

“Đây là chính sách của thành phố, Đông Quán cũng có một bến cảng mở rộng đón tàu nước ngoài...”

Thế kỷ thứ bảy, hoàng đế Đại Đường lệnh cho các sử quan hoàng gia soạn một bộ biên niên về các triều đại trước. Từ đó, mọi triều đại phong kiến đều viết sử cho triều đại trước mình, sửa đổi hoặc xóa bỏ một số sự thực để hỗ trợ cho chế độ cầm quyền. Từ năm 1949, Đảng Cộng sản cũng làm điều tương tự, giới thiệu về lịch sử cận hiện đại như một cuộc đấu tranh anh hùng chống lại ý chí của thế lực ngoại quốc. Nhưng ở Đông Quán này, quá khứ chưa đựng một bài học khác một cách đáng ngạc nhiên: lịch sử là mở cửa, thị trường và đầu tư nước ngoài. Lịch sử bắt đầu với một nhà máy sản xuất túi xách, và trẻ em phải được thấm nhuần tư tưởng biết trân trọng cơ sở hạ tầng tốt.

Hướng dẫn viên nhắc nhở lũ trẻ hãy trở thành “khách tham quan văn minh,” và các em lớp ba, lớp bốn lại lục tục xếp thành các hàng không được ngay ngắn lắm đi vào khu Lịch sử. Chẳng mấy chốc đại sảnh rộng mênh mông lại vắng tanh vắng ngắt và tôi bị bỏ lại một mình để suy nghĩ về một bảo tàng lịch sử Trung Quốc khác biệt, không hề nhắc

một lời nào đến Mao Trạch Đông.

3. Chết nghèo là có tội

25 tháng Năm, 1994

Sau khi bị đuổi việc ở nhà máy Vĩnh Thông (Yongtong Factory), thật may là mình còn được trả lương đầy đủ. Mình có hơn một trăm đồng và mình không sợ sệt gì hết. Mình có hơi lo lắng một chút, vì mình thậm chí còn chẳng có cả chứng minh thư nữa. Nhưng chẳng còn cách nào hơn, mình đành lấy tạm cái chứng minh thư ghi rằng mình sinh năm 1969 và thử vận may vậy. Ai ngờ mình lại may đến thế chứ? Mình đã được vào làm trong bộ phận ép nhựa dẻo của cái nhà máy này rồi.

Từ lúc mình đến Quảng Đông, mình đã nhảy việc ở các nhà máy bốn hay năm lần rồi, cái sau luôn tốt hơn cái trước. Quan trọng hơn cả là trong mỗi lần như thế, mình đều dựa vào chính bản thân. Mình không bao giờ cầu xin sự giúp đỡ của bất cứ ai. Mặc dù mình có vài người bạn tốt, nhưng không ai giúp được mình trong lúc mình cần nhất cả.

Mình nhớ khi mình trốn về từ Thâm Quyển. Vào thời gian ấy, mình thực sự chẳng có gì cả. Ngoài chính bản thân mình ra, mình chẳng có gì hết. Mình lang thang ngoài đường suốt một tháng, hoàn toàn không xu dính túi, thậm chí có lần còn phải nhịn đói hai ngày liền mà chẳng ai hay biết... Mặc dù hai vợ chồng anh họ mình sống ở ngay Long Nhãn, mình không muốn đến tìm họ, vì họ thực sự không thể giúp mình được. Mình thường xuyên muốn dựa vào người khác, nhưng họ không phải là những người có thể dựa dẫm. Chỉ có thể dựa vào chính mình mà thôi.

Phải, mình chỉ có thể dựa vào chính bản thân.

Ngô Xuân Minh không hề nói với cha mẹ khi cô rời bỏ quê hương lần đầu tiên. Đó là mùa hè năm 1992, ly hương là điều gì đó liều lĩnh và nguy hiểm. Ở một làng nhỏ thuộc tỉnh Hồ Nam quê cô, người ta nói rằng cô gái nào lên thành phố sẽ bị lừa vào nhà chứa và từ đó bắt vô âm tín.

Mùa hè năm đó Xuân Minh mười bảy tuổi. Cô đã tốt nghiệp trung học cơ sở và đang bán rong rau quả ở thành phố gần nhà; cô ra đi cùng với một người em họ vẫn còn đang đi học. Hai cô gái vay tiền mua vé tàu đến Đông Quán và tìm được việc trong một nhà máy sản xuất sơn cho đồ chơi. Mùi hóa chất làm họ đau đầu, và họ đã trở về sau hai tháng, nghèo khó như xưa. Mùa xuân năm sau, Xuân Minh lại ra đi lần nữa. Cha mẹ cô phản đối, mắng mỏ và khóc lóc. Nhưng khi cô quyết định bất chấp tất cả để ra đi cùng vài người bạn ở mấy ngôi làng bên cạnh, mẹ cô đã đi vay tiền cho cô mua vé tàu.

Quảng Đông năm 1993 thậm chí còn hỗn loạn hơn ngày nay. Những người di trú từ nông thôn tràn ngập các con phố, tìm kiếm việc làm, ngủ trong trạm xe buýt và dưới gầm cầu. Cách duy nhất để tìm việc là gõ cửa các nhà máy, Xuân Minh và những người bạn

của mình bị xua đuổi khỏi rất nhiều cánh cửa trước khi được nhận vào làm trong nhà máy đồ chơi Quốc Thông. Công nhân bình thường ở đó kiếm được khoảng một trăm nhân dân tệ một tháng, tức là khoảng mười hai đô la. Để chống lại con đói, họ mua những túi mì ăn liền không lò, đổ muối và nước sôi vào ăn. “Chúng tôi nghĩ nếu có khi nào kiếm được hai trăm đồng; một tháng,” sau này Xuân Minh nói, “chúng tôi đã cực kỳ hạnh phúc rồi.”

Sau bốn tháng, Xuân Minh nhảy sang một nhà máy khác, nhưng rồi lại nhanh chóng bỏ đi sau khi một công nhân làm cùng nói họ hàng cô ta nghe đồn công việc ở Thâm Quyển tốt hơn. Xuân Minh và vài người bạn đã tới đó, qua đêm dưới cầu vượt bắc qua đường cao tốc, rồi gặp người họ hàng của cô gái kia vào sáng hôm sau. Anh ta đưa họ đến một tiệm cắt tóc rồi dẫn lên gác, trên đó có một người đàn bà trẻ trang điểm lòe loẹt mặt bụi phấn đang ngồi trên ghế mát xa đợi khách. Xuân Minh hết sức kinh hoàng trước cảnh tượng đó. “Em được nuôi dạy theo cách rất truyền thống,” cô nói. “Em nghĩ mọi người ở nơi đó đều xấu xa và muốn em trở thành một con điếm. Em nghĩ rằng khi bước vào đây, mình cũng trở nên xấu xa theo họ.”

Họ bảo các cô gái nên nghỉ ngơi và tắm qua trong một buồng tắm công cộng, nhưng Xuân Minh khước từ. Cô bước lùi xuống cầu thang, cẩn thận quan sát cửa trước, và chạy, bỏ lại các bạn và cả chiếc va li đựng tiền, một chứng minh thư được chính quyền cấp và tấm ảnh mẹ cô. Có tiếng bước chân phía sau. Cô rẽ vào một ngõ hẻm rồi lại một ngõ khác, rồi tiếng bước chân dừng lại. Xuân Minh chạy vào một cái sân và thấy một cái chuồng gà bỏ không ở đằng sau. Xuân Minh trèo vào chuồng trốn trong đấy, cả ngày và cả đêm. Sáng hôm sau, hai cánh tay cô hằn lên đầy vết muỗi đốt, Xuân Minh đi ra phố và quỳ trên vỉa hè để xin tiền, nhưng không ai cho cò đồng nào. Một người qua đường đưa cô tới đồn công an; nhưng không có tên hay địa chỉ tiệm cắt tóc, công an cũng không thể giúp gì cho cô được. Họ cho cô hai mươi nhân dân tệ để mua vé xe buýt trở về nhà máy.

Tài xế xe buýt bỏ cô giữa đường trở về Đông Quán. Xuân Minh phải đi bộ, và một gã đàn ông trên phố đã đi theo cô. Cô để ý thấy một phụ nữ trẻ mặc đồng phục nhà máy và hỏi xem cô gái đó có thể lên giúp cô vào nhà máy một đêm được không. Cô gái kia mượn chứng minh thư của một công nhân đưa Xuân Minh vào, sau đó cô trốn cả đêm trong nhà tắm. Sáng hôm sau, Xuân Minh trộm một bộ quần và áo phong sạch sẽ đang hong khô trong nhà tắm và trèo qua cổng nhà máy để ra ngoài. Cho đến lúc ấy, đã hai ngày liền cô chưa ăn gì. Một tài xế xe buýt mua cho Xuân Minh một cái bánh mì và cho cô đi nhờ về Đông Quán, nơi vợ chồng anh họ cô làm việc.

Xuân Minh không kể cho họ chuyện gì đã xảy ra với mình. Thay vì thế, cô đi lang thang trên các con phố. Cô quen với một đầu bếp ở công trường xây dựng, cô này cho Xuân Minh ăn chung với những công nhân khác, đến tối cô lên vào nhà tập thể trong nhà máy của bạn bè ngủ nhờ. Không có chứng minh thư, cô không thể tìm được việc mới. Sau một

tháng trời lang thang, Xuân Minh thấy một quảng cáo tuyển người làm trong dây chuyền lắp ráp ở nhà máy sản xuất đồ chơi Ngân Huy. Cô tìm thấy một cái chứng minh thư ai đó đánh rơi hoặc bỏ đi và dùng nó để xin việc, về mặt hành chính tên cô là Đường Tùng Vân, sinh năm 1969. Điều đó làm cô già hơn tuổi thực của mình năm năm, nhưng chẳng ai để ý đến những chuyện như thế cả.

Xuân Minh làm việc ở Nhà máy Ngân Huy trong một năm, việc của cô là trộn lẫn các bình nhựa lỏng lớn với nhau, sau đó thứ này sẽ được đổ vào khuôn để làm ô tô, máy bay và tàu hỏa đồ chơi. Xuân Minh rất bạo dạn và thích nói chuyện, nên cô kết bạn khá dễ dàng. Những người bạn mới gọi cô là Đường Tùng Vân. Cô đã trở thành, gần như là theo nghĩa đen, một người khác.

Nhiều năm sau khi rời nhà máy, cô vẫn nhận được thư gửi cho Đường Tùng Vân. Xuân Minh không bao giờ tìm được cô “Đường Tùng Vân” ấy là ai.

TÔI ĐÃ QUEN XUÂN MINH hai năm trước khi cô kể cho tôi câu chuyện này. Đó là một buổi chiều Chủ nhật cuối năm 2006, cô đang ngồi trong một quán nước ở Đông Quán sau một ngày đi mua sắm quà sinh nhật. “Em chưa bao giờ kể với ai về những chuyện xảy ra với em khi ấy cả,” cô nói trong khi nhấm nháp cốc nước ép hoa quả của mình. “Khi kể ra, em có cảm giác như nó vừa xảy ra hôm qua thôi vậy.”

“Cô có tìm hiểu chuyện gì xảy ra với những người bạn cô bỏ lại ở tiệm cắt tóc không?” Tôi hỏi.

“Không,” cô nói. “Em không biết đây có phải một nơi xấu xa thực sự hay chỉ là nơi người ta có thể làm nhân viên mát xa nếu muốn. Nhưng em sợ họ sẽ không để chúng tôi đi.”

Bạn thân nhất của Xuân Minh là một trong những người mà cô bỏ lại ở tiệm cắt tóc. Họ gặp nhau ở thành phố, bên dây chuyền lắp ráp, nên Xuân Minh không biết tên làng của bạn cũng như không biết cách nào để tìm lại cô. Nhiều năm sau đó, Xuân Minh gặp một cô gái quen người bạn kia, cô gái kể rằng bạn của Xuân Minh đã về quê rồi sau đó lại rời quê hương đến Đông Quán lần nữa. Xuân Minh phải kết luận từ những lời kể vắn tắt đó rằng bạn cô cuối cùng cũng bình yên. Nhưng không có cách nào để biết chắc cả, có lẽ người bạn của cô, đã bị lừa vào trong nhà chứa và không bao giờ có tin gì của cô ấy nữa, như những người trong làng vẫn nói. Người bạn tốt của Xuân Minh đã bị tách khỏi cô, giống vô vàn những người khác cô gặp trên đường đời. Một năm ở Đông Quán rất dài, mà Xuân Minh đã sống trong thành phố này được mười ba năm rồi.

* * *

24 tháng Năm, 1994

Bọn mình bắt đầu làm việc vào bảy giờ sáng và nghỉ lúc chín giờ tối. Sau đó bọn mình tắm và giặt quần áo. Khoảng mười giờ, những ai có tiền thì ra ngoài ăn bữa

khuya, ai không có thì đi ngủ. Bọn mình ngủ đến sáu rưỡi sáng. Không ai muốn dậy cả, nhưng phải làm việc lúc bảy giờ. Hai mươi phút để làm những việc sau: bò ra khỏi giường, dụi cặp mắt đang phù lên, đánh răng và rửa mặt. Còn lại mười phút: ai muốn ăn sáng thì tận dụng để ăn sáng, nhưng mình thấy nhiều người không ăn. Mình không biết có phải vì họ không muốn ăn, hay để tiết kiệm, hay để giữ eo...

Chắc chắn là mình không hy sinh sức khỏe để giữ eo hay tiết kiệm rồi. Rốt cuộc, di trú đến đây làm việc là để làm gì? Có phải chỉ là để kiếm một chút tiền cơm này thôi hay không!

Không bao lâu sau khi lên thành phố, Xuân Minh bắt đầu viết nhật ký. Trong những cuốn sổ bìa màu hồng nhạt, cô miêu tả cuộc đời trong nhà máy, sự khắc nghiệt của người chấm công, cả những khoảnh khắc thư nhàn ngắn ngủi được dùng để tán chuyện, ăn vặt và tơ tưởng các chàng trai. *Phải viết lại mọi thứ bạn nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy và nghĩ hằng ngày*, cô viết. *Như thế, không chỉ có thể nâng cao trình độ viết mà còn thấy được quá trình trưởng thành của mình nữa*. Trong những trang tiếp theo, cô vạch ra kế hoạch trốn thoát khỏi thế giới nghèo đói của mình bằng một chương trình tự rèn luyện bản thân hà khắc: đọc tiểu thuyết, luyện viết chữ, và học nói - để xóa giọng Hồ Nam của mình và tinh thông tiếng Quảng Đông, thứ ngôn ngữ của các chủ nhà máy. Nỗi sợ lớn nhất của cô là bị kẹt cứng lại nơi mình đang ở. Thời gian là kẻ thù của Xuân Minh, bởi nó nhắc cô rằng lại một ngày nữa đã trôi qua và cô vẫn chưa đạt được mục tiêu của mình. Nhưng thời gian cũng là bạn cô, bởi cô vẫn còn rất trẻ.

Các mục ghi trong nhật ký thường không ghi ngày tháng và lộn xộn. Xuân Minh ghi tốc ký, miêu tả những ngày của mình, viết nháp những bức thư gửi cho cha mẹ, chép những câu khẩu hiệu truyền cảm hứng và lời bài hát, và thúc giục bản thân làm việc chăm chỉ hơn. Đôi khi những câu của cô được viết theo đường chéo vắt qua hai trang giấy, to dần lên cho đến khi mỗi chữ phải cao đến hơn hai xăng ti mét. Như thế cô đang gào lên trong đầu mình vậy.

MÌNH KHÔNG CÓ THỜI GIAN ĐỂ BUỒN VÌ CÓ QUÁ NHIỀU ĐIỀU MÌNH MUỐN LÀM.

"THỜI GIAN LÀ CUỘC SỐNG."

"CHÚNG TA CÓ THỂ BÌNH THƯỜNG NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC TÂM THƯỜNG."
- NGÔ XUÂN MINH

"NGAY BÂY GIỜ MÌNH CHẴNG CÓ GÌ CẢ. ĐỒNG VỐN DUY NHẤT CỦA MÌNH LÀ MÌNH VẪN CÒN TRẺ."

Đã gần một giờ rồi! Mình không thể đặt số báo *Công nhân di trú* này xuống được nhưng tối nay lại phải làm lúc bảy giờ rồi. Mình cũng nên đi ngủ nữa.

Ái chà! Mình thật sự khó chịu khi có quá ít thời gian. Hằng ngày mình phải làm việc mười hai tiếng; trong mười hai tiếng còn lại mình phải ăn, tắm, giặt quần áo và ngủ. Còn

bao nhiêu thời gian để đọc chữ? Làm ca đêm, thời gian còn bị xé nhỏ ra nữa: sau khi hết giờ làm và ăn, mình phải đợi một tiếng đồng hồ để tắm. Buổi chiều mình ngủ đến sáu giờ, sau đó phải dậy. Bữa tối lại tốn thêm một tiếng nữa... Mình đọc vào buổi tối cho đến nửa đêm; chỉ còn chưa đầy sáu tiếng để ngủ. Vậy là chỉ có một tiếng nữa để làm những thứ khác.

MÌNH ĐÃ THẤT BẠI, THẤT BẠI PHẢI CHĂNG TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỜI NÀY
SỐ PHẬN CỦA MÌNH ĐÃ ĐỊNH SẴN ĐỂ THẤT BẠI?

MÌNH KHÔNG TIN

MÌNH TUYỆT ĐỐI KHÔNG TIN

Ngô Xuân Minh, mày không thể tiếp tục sống ngày nào cũng như ngày nào thế này được! Nghĩ đi: mày đã ở trong nhà máy này được tròn nửa năm rồi, nhưng mày thực sự kiếm được gì rồi? Mày biết rằng làm công nhân trong cái xưởng ép nhựa này cả đời sẽ chẳng có triển vọng gì hết, nên mày muốn thay đổi và tìm một công việc hài lòng hơn. Trước tiên mày phải học nói tiếng Quảng Đông đã. Tại sao mày vô dụng thế? Có thực là mày ngu thế không? Tại sao mày không thể học những thứ người khác học được? Mày cũng là một con người, Ngô Xuân Minh. Mày có vô dụng đến nỗi thế hay không? Đã hai tháng rồi mà tiếng Quảng của mày chẳng tiến bộ thêm chút nào cả. Mày có nhớ rằng mục tiêu của mày khi vào nhà máy này là học tiếng Quảng hay không? Nếu mày không thể học tiếng Quảng trong năm nay, mày là một con lợn ngu, một con bò ngu và mày không cần phải đến tận Quảng Đông làm việc nữa đâu. Với hai hay ba trăm đồng một tháng thế này, thà mày ở nhà còn hơn.

Ngày 23 tháng Ba,

Ái chà, thực sự có quá nhiều thứ mình muốn làm, và có quá ít thời gian. Vài người nói họ phiền muốn chết đi được, ái chà! Những người khác khó chịu, nhưng mình chẳng có thời gian mà khó chịu.

Một, mình phải tập thể dục. Béo là không chấp nhận được.

Hai, mình phải đọc thật nhiều và rèn luyện khả năng viết, để sau này có thể sống hạnh phúc và sung túc.

Ba, mình phải học nói tiếng Quảng. Chuyện này không thể gấp mà phải học từ từ.

Còn thời gian ngủ, nhiều nhất sáu tiếng là đủ rồi.

29 tháng Ba,

Hôm nay bọn mình được trả lương. Mình được 365 đồng. Trả nợ năm mươi đồng, mình vẫn còn ba trăm. Mình muốn mua một cái đồng hồ đeo tay, quần áo và vài món vật dụng cá nhân. Sau đó mình còn bao nhiêu nữa?... Mùa hè rồi và mình chẳng có quần áo gì hết... Mình phải mua một cái đồng hồ. Không có đồng hồ, mình không thể

sử dụng thời gian tốt hơn được.

Còn chuyện gửi tiền về nhà lại càng ít khả năng hơn. Khi nhận lương tháng sau, mình sẽ đăng ký học ở trường Đại học Hàm thụ kỹ năng Thư ký và Tốc ký. Mình phải có bằng đại học. Mình dứt khoát không đến Quảng Đông chỉ để kiếm hai hay ba trăm đồng một tháng thế này... đây đơn thuần chỉ là điểm dừng tạm thời mà thôi. Đây chắc chắn không phải nơi mà mình sẽ dừng chân mãi mãi.

Sẽ chẳng ai hiểu cho mình cả, mình không cần người nào hiểu mình hết.

Mình chỉ có thể đi con đường của riêng mình và mặc người ta nói gì thì nói!

22 tháng Năm,

Nhiều người bảo mình đã thay đổi. Mình không biết là mình có thay đổi hay không nữa... giờ mình ít nói hơn rất nhiều và mình không thích cười như trước nữa. Thỉnh thoảng mình cười nếu bắt buộc phải thế. Thỉnh thoảng mình có cảm giác mình đã tê liệt cảm giác. "Tê liệt cảm giác." Tê liệt cảm giác. Không! Không! Nhưng mình thực sự không biết nên dùng từ ngữ nào để diễn tả cái đùa mình bây giờ nữa.

Dù sao chẳng nữa, mình rất mệt, rất mệt.

Thực sự, thực sự đấy, mình thấy mệt lắm.

Thân thể và tinh thần mình đều rất mệt.

Quá mệt, quá mệt.

Mình không muốn sống như thế này nữa.

Mình không muốn sống như thế này nữa.

Không bao giờ sống như thế này nữa.

Mình nên sống thế nào bây giờ?

* * *

Đồng thời với việc đặt kế hoạch phát triển trong thế giới của các nhà máy, trong những lá thư gửi về nhà, Xuân Minh vẫn cố gắng tỏ ra là một cô con gái ngoan ngoãn theo kiểu truyền thống.

Mẹ, con đã đan cho mẹ một cái áo len... Nếu không đan áo len, con đã có thể dùng cả ngày đó đọc bao nhiêu là sách. Nhưng mẹ ạ, thỉnh thoảng con nghĩ: con nên làm con gái ngoan của mẹ, một đứa con hiếu thảo hơn, thậm chí là phải gạt bỏ đồng sách con rất thích đọc sang một bên.

Mẹ, con đã đan tình yêu của con dành cho mẹ vào chiếc áo len này... Mẹ, còn nhớ hồi con vẫn ở nhà, mẹ lúc nào cũng nói con gái người ta biết đan áo len còn con thì quá thiếu kiên nhẫn. Nhưng hôm nay, mẹ thấy con gái mẹ cũng biết đan chưa? Mẹ nhớ nhé, con gái mẹ sẽ không bao giờ ngu ngốc hơn người khác đâu.

Kỳ vọng của gia đình đè nặng lên cô. Các cô gái trẻ đến từ nông thôn luôn cảm thấy áp

lực rất lớn từ phía gia đình. Nếu họ không nhanh chóng tiến lên phía trước, cha mẹ họ sẽ thúc giục trở về quê để lấy chồng.

Cuối cùng mình cũng nhận được thư nhà... Ngoài bố ra, còn ai viết thư được cho mình nữa đây? Mẹ thậm chí còn không nhấc vào được một dòng nói rằng bà nhớ mình... Trong lá thư trước, mẹ nhấc một dòng bảo mình đừng tìm người yêu bên ngoài. Mặc dù chỉ có một dòng ấy thôi, nhưng nó khiến mình rất vui, như thể mẹ đang ở bên cạnh dạy dỗ mình vậy.

Mình muốn tuôn trào tất cả những từ ngữ chôn giấu trong lòng cho mẹ biết nhường nào, nhưng mình không thể. Mẹ! Mẹ của con, tại sao mẹ lại thất học? Thất học cũng được thôi. Vậy tại sao mẹ không viết được cả một bức thư nữa? Mẹ không thể viết thư cũng được thôi. Mẹ viết được vài chữ cũng tốt rồi. Cho dù mẹ chỉ viết vài chữ để nói lên những gì mẹ muốn nói với con, con cũng hiểu được suy nghĩ thực sự của mẹ rồi.

Mẹ, con biết mẹ có nhiều điều muốn nói với con, chỉ là bố không viết vào thôi...

Bố, mẹ, có vẻ như chúng ta không thể hiểu nhau. Bố mẹ sẽ không bao giờ biết và hiểu được trong lòng con gái bố mẹ đang nghĩ gì. Có lẽ bố mẹ nghĩ rằng con đã tìm thấy nhà máy lý tưởng, lương ba trăm đồng một tháng. Có lẽ bố mẹ nghĩ con sẽ không bao giờ nhảy việc nữa. Có lẽ bố mẹ mong rằng con không bao giờ nhảy việc nữa, mong rằng con làm việc ở nhà máy này trong hai năm rồi trở về lấy chồng, có một gia đình giống như tất cả những cô gái nông thôn khác. Nhưng con không nghĩ đến những điều ấy...

Con muốn tạo cho bản thân một thế giới riêng ở Quảng Đông này... Kế hoạch của con là:

1. Học đại học hàm thụ
2. Học tiếng Quảng Đông
3. Chưa có gì và chưa đạt được thành tựu gì, tuyệt đối không kết hôn

Ba năm đầu tiên ở thành phố, Xuân Minh không về thăm nhà một lần nào. Cô bảo với bạn bè rằng kỳ nghỉ của nhà máy quá ngắn, nhưng trong nhật ký cô lại viết: *Có ai biết tại sao mình không về thăm nhà vào dịp Tết chứ? Lý do chính là: mình không muốn phí thời gian. Bởi vì mình phải học!* Cô cũng bỏ qua lời khuyên của mẹ và viết thư tình cho một anh chàng đẹp trai làm việc ở công xưởng. Các chàng trai trẻ là của hiếm ở chỗ làm, những anh đẹp trai hơn thường được rất nhiều cô gái chú ý. Anh chàng này không quan tâm đến Xuân Minh, đưa thư của cô cho những người khác đọc.

Sau sáu tháng làm việc ở đây chuyền lấp ráp, Xuân Minh tìm hiểu được rằng nhà máy cô tuyển văn thư bên trong nhà máy, vậy là cô viết một bức thư cho trưởng bộ phận của mình để bày tỏ sự quan tâm đến việc ấy. Người quản lý đã nghe đến thành tích theo đuổi

con trai của cô và ra lệnh cho cô phải chuyển sang một bộ phận khác. Nhưng mệnh lệnh của anh ta không hiểu sao lại bị hiểu lầm, thế là Xuân Minh được chuyển lên làm văn thư. Cô thực hiện công việc rất tốt và ông chủ đã thay đổi ý kiến của mình với cô. Công việc mới được trả ba trăm nhân dân tệ một tháng - gấp ba lần lương của cô một năm trước.

NHỮNG CÂU CHUYỆN CỦA CÁC CÔ GÁI DI TRÚ có nhiều điểm chung. Những người đến thành phố thường mơ hồ, bối rối và đều bị lừa đảo ít nhiều. Các cô gái trẻ vẫn nói họ ra đi một mình, mặc dù sự thật là họ đi chung với những người khác nữa; họ chỉ cảm thấy mình cô đơn. Họ nhanh chóng quên tên các nhà máy, nhưng những ngày tháng đặc biệt thì in sâu vào tâm trí họ, chẳng hạn ngày họ rời bỏ quê hương hoặc bỏ việc ở một nhà máy tồi tệ. Một nhà máy sản xuất thứ gì chẳng bao giờ là điều quan trọng; vấn đề là làm việc ở đó khổ sở thế nào hoặc có cơ hội ra sao. Điểm ngoặt trong vận mệnh của một người di trú luôn xuất hiện khi cô ta thách thức ông chủ của mình. Trong khoảnh khắc cô ta mạo hiểm với tất cả mọi thứ của mình, cô gái đó bước ra khỏi đám đông và buộc cả thế giới phải nhìn vào cô như một cá nhân riêng biệt.

Bạn rất dễ đánh mất mình trong các nhà máy, nơi có hàng trăm cô gái với hoàn cảnh giống hệt nhau: sinh ra ở làng quê, thất học, và nghèo khó. Bạn phải tin rằng bạn quan trọng cho dù sự thực bạn chỉ là một người giữa hàng triệu người khác.

1 tháng Tư, 1994

Phải, mình là một đứa bình thường đến nỗi không thể bình thường hơn, đơn giản đến mức không thể đơn giản hơn, một cô gái giống vô vàn các cô gái khác. Mình thích ăn vặt, thích vui đùa, và thích làm đẹp.

Đừng mộng tưởng rằng mình là siêu nhân.

Mày chỉ là một con bé bình thường, chân chất, bị hấp dẫn bởi mọi thứ đẹp, ngon miệng hay vui vẻ.

Vì vậy, mình sẽ bắt đầu từ bình thường và đơn giản.

* * *

Trong một nhà máy ở Đông Quán, giới tính được phân biệt rất rõ ràng. Phụ nữ làm văn thư và trong bộ phận nhân sự, bán hàng, cũng như thực hiện hầu hết công việc ở dây chuyền lắp ráp; các ông chủ cảm thấy phụ nữ trẻ thì siêng năng hơn đồng thời cũng dễ quản lý hơn. Đàn ông độc quyền trong các công việc kỹ thuật như thiết kế khuôn và sửa máy móc. Họ thường giữ những vị trí cao nhất trong nhà máy và cả những vị trí ở tận dưới đáy: bảo vệ, đầu bếp và lái xe. Bên ngoài nhà máy, phụ nữ làm tiếp viên phục vụ, giữ trẻ, cắt tóc và gội đầu. Đàn ông làm việc ở công trường xây dựng.

Sự phân biệt giới tính này được phản ánh trong những mẫu quảng cáo tìm người:

NHÀ MÁY TÚI XÁCH CAO BỘ TUYỂN NHÂN VIÊN

BÁN HÀNG: NỮ, TIẾNG ANH MỨC BỐN

TIẾP TÂN: NỮ, BIẾT NÓI TIẾNG QUẢNG ĐÔNG

BẢO VỆ: NAM, DƯỚI 30, CAO 1,7 MÉT TRỞ LÊN, CỰU QUÂN NHÂN, BIẾT CỨU HỎA, BIẾT CHƠI BÓNG RỔ LÀ MỘT LỢI THẾ

Sự chia tách giới tính đó ngầm định một số điều. Các cô gái trẻ được hưởng những công việc linh động hơn, họ có thể vào làm việc trong dây chuyền ở một nhà máy và chuyển lên làm văn thư hoặc bán hàng. Các chàng trai khó vào nhà máy hơn, một khi đã vào họ thường bị kẹt cứng trong đó. Phụ nữ, bên trong hoặc bên ngoài nhà máy, tiếp xúc rộng hơn và nhanh chóng tiếp nhận quần áo, kiểu tóc và khẩu âm thành phố; đàn ông có khuynh hướng khóa chặt mình với thế giới bên ngoài của họ. Phụ nữ hòa nhập vào đời sống thị thành dễ hơn đàn ông, và họ có nhiều động lực khuyến khích ở lại thành phố hơn.

Phụ nữ chiếm hơn một phần ba dân số di trú Trung Quốc. Họ có khuynh hướng trẻ hơn dân di trú nam giới cùng lứa và có lẽ là độc thân nhiều hơn, họ đi xa hơn và ở lại lâu hơn. Họ có nhiều động lực để thay đổi bản thân theo hướng tích cực hơn và đánh giá sự di trú vì khả năng thay đổi cuộc đời của nó. Trong một cuộc thăm dò, đàn ông cho rằng mục đích chính của việc ly hương là để có thu nhập cao hơn, trong khi đó phụ nữ lại khát khao “có thêm nhiều kinh nghiệm sống”. Không giống đàn ông, phụ nữ không có nhà để trở lại. Theo truyền thống của Trung Quốc, một người con trai luôn được trông đợi trở về ngôi nhà của cha mẹ cùng với vợ mình sau khi anh ta kết hôn; một người con trai luôn có một ngôi nhà ở làng quê nơi anh ta sinh ra. Con gái, khi đã trưởng thành, sẽ không bao giờ trở về nhà sống - trước khi lấy chồng, họ chẳng thuộc về bất cứ nơi nào cả.

Ở một mức độ nào đó, sự thành kiến giới tính thâm căn cố đế này lại tốt cho phụ nữ. Nhiều bậc cha mẹ ở nông thôn muốn người con trai trưởng thành ở gần nhà, chẳng hạn như đưa hàng hoặc bán rau củ ở thị trấn gần làng. Những người đàn ông trẻ với viễn cảnh không mấy hấp dẫn ấy có thể chỉ đơn giản là *hun (hôn) – sống bừa bãi* - làm những việc lật vật, hút sách nhậu nhẹt và đánh bạc hết số tiền ít ỏi kiếm được. Các cô gái trẻ - ít được coi trọng, ít được cưng chiều hơn - có thể đi xa nhà và có kế hoạch cho riêng mình. Nói một cách chính xác, chính vì họ không quan trọng, nên họ được tự do làm việc họ muốn hơn.

Nhưng đó là một lợi thế bấp bênh. Nếu sự di trú giải thoát các cô gái trẻ khỏi làng quê, nó đồng thời cũng thả họ vào một vị trí chơi vơi. Hầu hết các cô gái nông thôn kết hôn khi mới ngoài đôi mươi, còn người phụ nữ di trú nào trì hoãn việc kết hôn sẽ phải đánh liều với khả năng từ bỏ chuyện đó mãi mãi. Giới tính mất cân bằng nghiêm trọng ở Đông Quảng, theo thống kê có tới 70% lực lượng lao động là phụ nữ, đầy cạnh tranh trong

việc kiếm một tấm chồng tử tế. Và cả sự lưu động về mặt xã hội cũng khiến chuyện tìm một người chồng trở nên phức tạp. Những người phụ nữ đi lên từ dây chuyền lắp ráp coi thường đàn ông ở quê, nhưng đàn ông thành phố lại coi thường họ. Những người di trú gọi tình trạng này là *gaobucheng, dibuiju* (*cao bất thành, đê bất tựu - cao không tới, thấp không xong*) - không phù hợp với một vị trí cao hơn nhưng lại không muốn chọn cái thấp hơn.

Những phụ nữ di trú mà tôi biết không bao giờ phàn nàn về sự bất công đối với phụ nữ. Cha mẹ có thể yêu quý con trai hơn con gái, các ông chủ thích những cô thư ký xinh đẹp, và bảng thông báo tuyển người thì phân biệt một cách rõ ràng, nhưng họ chấp nhận tất cả những điều đó một cách thoái mái - hơn ba năm ở Đông Quán, tôi không bao giờ nghe một người nào biểu thị thứ gì đó kiểu như một ý kiến đòi hỏi nam nữ bình quyền cả. Có lẽ họ đã coi cuộc sống khó khăn với tất cả mọi người là chuyện đương nhiên. Sự phân biệt giữa nông thôn và thành thị là điều duy nhất đáng lưu ý: một khi vượt qua lằn ranh ấy, bạn sẽ thay đổi cuộc đời mình.

* * *

Việc tiến lên có vẻ dễ dàng với Xuân Minh. Năm 1995, cô nhảy việc sang một nhà máy sản xuất súng nước và súng hơi ở ngoại ô Đông Quán. Cuối cùng cô cũng học được cách nói tiếng Quảng Đông. Trong một năm, lương tháng của cô tăng từ ba trăm lên sáu trăm năm mươi nhân dân tệ, rồi sau đó là tám trăm, rồi một ngàn. Cô phát hiện ra các trưởng bộ phận kiếm được nhiều hơn dù cô cũng làm hết những việc như họ. *Nếu ông không tăng lương cho tôi lên 1.500 đồng một tháng, cô gửi thư cho ông chủ, tôi sẽ không làm ở đây nữa.* Cô có được thứ mình muốn, không một ai trong nhà máy nhận được khoản tăng lương lên đến năm trăm nhân dân tệ trước đó. Nhưng sự thăng tiến này không làm Xuân Minh thỏa mãn. Nó ném cô vào một thế giới mới, nơi vẫn còn có quá nhiều thứ để học hỏi.

Quan hệ của cô với những người khác ngay tức khắc trở nên phức tạp hơn bội phần. Ở làng quê, quan hệ giữa người với người quyết định bởi mối quan hệ ruột thịt và quá khứ chung. Ở trường và ở dây chuyền lắp ráp, mọi người đều cùng một vị thế thấp như nhau. Nhưng khi một người bắt đầu vươn lên trong thế giới nhà máy, cán cân quyền lực nghiêng lệch, và điều đó sẽ làm mọi thứ bất ổn. Một người bạn có thể trở thành cấp trên, một cô gái trẻ có thể được đề bạt trước bạn trai cô ta.

26 tháng Ba, 1996

Lần thăng tiến này đã cho mình thấy hàng trăm trải nghiệm khác nhau của đời người. Có người chia vui với mình, có người đố kỵ với mình, có người chúc mừng mình, có người chúc mình may mắn, có người ghen tị với mình, và một số người không thể chấp nhận nó...

Đối với những người đố kỵ ganh ghét... mình sẽ chỉ coi họ như những chướng ngại trên đường tiến lên, đá chúng sang một bên và tiếp tục bước tới. Trong tương

lai sẽ còn có nhiều đồ kỵ hơn nữa cơ!

Tạo ấn tượng tốt với người lạ trở thành một vấn đề quan trọng. Xuân Minh nghiên cứu những cấp trên trong nhà máy mình làm việc, chăm chú như thể một nhà sinh vật học đang sẫm soi mẫu vật. Cô quan sát thấy rằng khi trưởng phòng nhân sự phát biểu, ông ta cũng căng thẳng đến nỗi tay run lấy bầy. Gần Tết, một giám đốc nhà máy lò cô đi cho đến khi cô chúc ông ta năm mới tốt lành, ông ta nồng nhiệt đáp lại và cho cô mười nhân dân tệ trong phong bao đỏ, lì xì, một món quà truyền thống. *Từ sự việc này, tôi hiểu rằng: có những người trông lúc nào cũng có vẻ như không thể đến gần lại không thực sự như vậy. Bạn chỉ cần làm cho mình hơi thân thiện hơn một chút là được.*

Kế hoạch làm mới bản thân của cô bắt đầu tăng tốc. Trong nhật ký của mình, Xuân Minh không ghi chép lại những chi tiết gặp phải trong ngày nữa mà chép vào những quy tắc để trở thành một người nào đó khác, một nhiệm vụ mà vì nó cô đọc rất nhiều nhưng không phải lúc nào cũng thật mạch lạc.

Tự tin, siêng năng và thanh lịch là hình ảnh một người phụ nữ chuyên nghiệp nên có.

Mười ba đức tính tốt cần tuân theo mà Benjamin Franklin đề ra:

1. Chừng mực: Ăn không quá no, uống không quá nhiều.
2. Yên lặng: Tránh những cuộc nói chuyện cà kê mất thì giờ.
3. Trật tự: Hãy để mọi thứ vào vị trí ấn định và hãy ấn định thời gian để làm các việc.
4. Quyết tâm: Quyết làm điều bạn muốn làm, thực hiện bằng được điều bạn quyết tâm.
5. Tiết kiệm: Không lãng phí tiền bạc. Chỉ tiêu tiền vào những thứ có lợi cho bạn và người khác.

Khi bị phê bình

1. Khi người khác phê bình bạn, bạn phải bình tĩnh và thản nhiên, đồng thời tỏ ra là mình đang lắng nghe chăm chú.
2. Nhìn thẳng vào người đang nói chuyện với bạn.
3. Không phê bình lại người nào vừa mới phê bình mình.
4. Không được buồn nản.
5. Không đùa...

Những lý tưởng trong nhật ký của Xuân Minh có mối liên hệ ngược với thế giới cô đang sống. Một trong những danh sách cô ghi trong nhật ký, có tiêu đề “Mười lăm đặc điểm của nhà lãnh đạo không đủ tiêu chuẩn”, có thể dễ dàng gọi thành “Làm thế nào để

trở thành sếp ở Đông Quán”, ví như đặc điểm thứ ba:

Bận bịu với những chuyện nhỏ nhặt và tham gia vào mọi thứ.

và đặc điểm thứ mười lăm:

Khi cả tập thể được khen ngợi hoặc tặng thưởng, ông ta xuất hiện đầu tiên trong danh sách; giữa các quản lý, ông ta ngồi ở hàng đầu.

Xuân Minh đăng ký tham gia một khóa học hàm thụ để học các kỹ năng của thư ký, nhưng rồi bỏ cuộc vì trông cuốn sách giáo khoa quá phức tạp. Nỗ lực để học về quan hệ công chúng (PR) cũng đã thất bại.

Cô định học quan hệ công chúng như thế nào?

Trả lời: Để học quan hệ công chúng được tốt, trước tiên bạn phải học cách cư xử cho ra một con người đã.

Có lúc, Xuân Minh quyết định sẽ tự học tiếng Anh. Cô làm một danh sách các từ vựng...

ABLE

ABILITY

ADD

AGO

ALWAYS

AGREE

AUGUST

BABY

BLACK

BREATH

- nhưng cô đã bỏ cuộc trước khi đến vần C.

Có quá nhiều thứ đáng để học, những quy tắc để tiến lên pha trộn khắp nơi trong nhật ký của cô. Sáu mươi phần trăm người ta không có mục tiêu. Muốn một cái nhìn "lộng lẫy rực rỡ", hãy trộn phần mắt màu đen, xám, vàng kim, xanh mải mè và đỏ sáng với nhau. (A) Có thể giặt khô; "A" có nghĩa là có thể dùng mọi loại chất tẩy. Chào hỏi nhau là chất xúc tác và chất bôi trơn cho các cuộc trao đổi. Khi bạn uống canh, đừng để thìa gõ vào đĩa. Ai không đọc sách sẽ thấy mình nói năng thật ngu ngốc và vẻ ngoài của mình thật đáng ghét.

* * *

Ở xa mẹ, các công nhân di trú kiếm tìm lời khuyên cho mình ở một nơi khác. Các tạp chí cho độc giả di trú xuất hiện vào khoảng giữa những năm 1990, đặc biệt là ở những

thành phố công nghiệp miền Nam Trung Quốc. Chúng được xuất bản trên giấy in báo rẻ tiền, bán với giá khoảng bốn nhân dân tệ, hay 50 xu, một số. Các tạp chí khảo sát điều kiện làm việc của công nhân di trú và cho họ những lời khuyên về mặt pháp lý, tìm việc và quan hệ cá nhân. Trong các câu chuyện ngôi thứ nhất kể về cuộc đời của một người di trú nào đó, theo một hoặc hai quỹ đạo nhất định: một cô gái trẻ lên thành phố, chịu đựng khó khăn và thành công rực rỡ, thường là bắt đầu tự kinh doanh buôn bán và mua một căn hộ. Hoặc một cô gái trẻ lên thành phố, và suy sụp, bởi một gã đàn ông cuối cùng hóa ra lại là một kẻ lười biếng, lật lọng, hoặc đã có vợ con. Đó hẳn có thể là nhân vật nữ chính của Theodore Dreiser^[9], Edith Wharton^[10] và Henry James^[11] bởi những câu chuyện như vậy đã là nền tảng cho bút pháp tiểu thuyết phương Tây hiện đại ra đời. Nhưng trong những trang tạp chí dành cho người di trú, bài học luôn luôn giống hệt nhau: bạn chỉ có thể dựa vào chính bản thân mình.

Mọi câu chuyện thành công đều kết thúc với thành tựu cá nhân có thể ghi vào trong sổ cái của một kế toán viên: doanh số hàng tháng của việc kinh doanh, số mét vuông của căn hộ. Trong “Tham vọng khiến tôi là tôi”, một cô giữ trẻ tuổi thiếu niên đã tự học đọc học viết, rồi chi trả tiền học đại học của mình và em trai bằng những công việc như bán kem, đưa hàng, cắt tóc và bán bảo hiểm. Ở cuối câu chuyện, cô đã đứng đầu bộ phận bán hàng của một công ty bảo hiểm và sở hữu một căn hộ rộng hơn 120 mét vuông. Trong “Làm chủ chính mình”, một cô cắt tóc trẻ tuổi đã làm việc không công hai năm để học nghề và tự mở cửa hàng của riêng mình. *Doanh thu khoảng hơn ba nghìn nhân dân tệ một tháng, mất sáu trăm tiền thuê nhà và một trăm tiền thuế, còn lại là của cô ấy.* Trong “Cô gái muốn làm phim truyền hình”, một phụ nữ trẻ làm việc cần cù ở vị trí trợ lý văn phòng - *cô ấy thường đánh máy mười tiếng đồng hồ không ngừng nghỉ* - và đã vươn lên trở thành phó chủ tịch một công ty giải trí, đồng thời sở hữu một căn hộ rộng gần 75 mét vuông.

Con đường đến với thành công vừa dài vừa khó khăn, nên rất nhiều người đã đi lạc khỏi nó. Một phụ nữ trẻ có thể mơ mộng tìm thấy một người đàn ông yêu và ủng hộ mình. Nhưng điều đó luôn luôn là một con đường sai.

Khi về đến nhà, tôi thốt thức khóc òa lên, không dám tin rằng tình yêu thực sự của mình lại là một tên lừa đảo.

Thứ hẳn thấy ở tôi chỉ là tôi dễ bị lừa như thế nào.

Nếu tôi rời bỏ hẳn như bây giờ, liệu có ai còn muốn lấy tôi nữa không?

Các bài báo còn miêu tả những nỗi xấu hổ nhọc nhằn trong đời sống hằng ngày của dân di trú. Một cô gái trẻ vào phòng tắm ở tiệm ăn McDonald's vì thiết bị trong tòa nhà nơi cô sống quá nghèo nàn: Môi trường trong nhà tắm của tiệm McDonald's thật quá tốt. *Trong ấy chẳng những rất sạch, mà lại có cả giấy vệ sinh và máy sấy tay nữa.* Một công nhân di trú lấy làm hổ thẹn không dám nói với ông chủ rằng anh ta không thể chi trả cho một cái điện thoại di động. Những người may mắn kiếm được việc trong văn phòng thì

cũng thấy hoàn cảnh khắc nghiệt hết như những gì Darwin đã viết:

Vì vài người khách của tôi trả tiền chậm, công ty nói rằng tôi có trách nhiệm thu số nợ đó và sẽ giữ lại 30 phần trăm lương hằng tháng của tôi cho đến khi đòi được hết tiền. Thế có chấp nhận được không chứ?

Quy định của công ty chúng tôi là hằng tháng người nào có doanh số bán hàng thấp nhất sẽ bị đuổi việc. Thế có đúng luật không?

Nhiều khi thông điệp nhấn nhủ về tự lực cánh sinh đi quá xa. Bài báo về một cô giúp việc bị bạo hành không chỉ ra rằng người giúp việc gia đình dễ tổn thương như thế nào mà chỉ ca ngợi cô đã dám trốn khỏi căn hộ của người chủ thuê. *Người duy nhất có thể giải cứu Vương Lệ là chính cô ấy.* Bài báo về vụ cháy chết người ở cửa hàng bách hóa bỏ qua vấn đề lớn hơn - cơ sở vật chất và phương tiện phòng chống cháy nổ nghèo nàn - để tập trung vào lời khuyên để sống sót khi lửa cháy: *Khi lửa thiêu đốt cơ thể bạn, hãy cởi ngay quần áo, lăn lộn dưới đất để dập ngọn lửa.*

Trái ngược với ngành truyền thông ù lì và thích thuyết giáo của Trung Quốc, những tạp chí của người di trú mở ra một hướng đi mới. Họ không khăng khăng vào những kết thúc có hậu, rất nhiều câu chuyện kết thúc trong đau đớn hoặc lúng túng. Họ mô tả một thế giới trong đó người ta lừa gạt lẫn nhau và chẳng làm gì để giúp những người thân cô thế cô và những người lạc lối. Họ không rao giảng về những đạo luật cần phải sửa đổi hay những hành vi cần phải thay đổi, và họ không bao giờ nhắc đến Đảng Cộng sản. Họ viết về cách sống trong một thế giới như nó vốn thế.

* * *

Mùa hè năm 1996, Xuân Minh viết trong nhật ký của mình:

Bạn ạ, chúng ta sinh ra trên đời này nghèo khó, đó không phải lỗi của chúng ta. Nhưng chết nghèo khó là một tội lỗi.

Trong cuộc đời của mình, liệu chúng ta đã làm việc chăm chỉ và kiên trì đấu tranh chưa? Muốn thành công trong mạng lưới bán hàng, chúng ta phải thực sự đạt được bốn điểm sau:

1. Có quyết tâm.
2. Có mục tiêu rõ ràng.
3. Nghiên cứu kỹ càng và hiểu thấu đáo sản phẩm cũng như kế hoạch của công ty.
4. Học tập các kỹ năng bán hàng theo mạng lưới.

Mùa hè năm đó, một người bạn trong nhà máy đưa Xuân Minh đến một buổi diễn thuyết, chính buổi diễn thuyết ấy đã thay đổi cuộc đời cô. Diễn giả làm việc cho một công ty có tên Sản phẩm thường nhật Hoàn Mỹ, nhưng thứ nó đưa ra lại là một giấc mơ giàu sang và thành tựu của cá nhân bọc trong một từ ngữ thần diệu *chuanxiao* (truyền tiêu). Từ

tiếng Trung này dịch ra là “bán hàng theo mạng lưới”, không phân biệt giữa loại hình bán hàng trực tiếp hợp pháp và mô hình kim tự tháp lừa đảo. Sự mục rữa, nhiều khi có cả trong không khí chúng ta thở, cũng đã thấm cả vào thứ ngôn ngữ họ dùng.

Xuân Minh bắt đầu bán các sản phẩm sức khỏe của Hoàn Mỹ để tăng thêm thu nhập, chủ yếu là cho các công nhân làm cùng nhà máy. Cô mua bằng cát xét của Hoàn Mỹ và tham gia các buổi diễn thuyết, rồi nhật ký của cô chuyển thành một hướng dẫn bán hàng của Hoàn Mỹ trộn lẫn với vài triệu chứng sức khỏe dị thường.

THÀNH CÔNG CỦA VIỆC BÁN HÀNG NẪM TRONG BA GIÂY GẶP GỠ ĐẦU TIÊN.

KHI NÓI, HÃY NHÌN VÀO MẮT NGƯỜI KHÁC.

HÃY LÀM QUEN VỚI BA NGƯỜI MỖI NGÀY.

TINH THỂ KHOÁNG LÔ HỘI CÓ THỂ ĐIỀU TIẾT NGŨ TẠNG TRONG CƠ THỂ NGƯỜI.

NGƯỜI TA RỤNG TÓC VÌ THIẾU ĐỒNG.

Cuối năm 1996, Xuân Minh đã ở một vị trí khá thế lực trong nhà máy: cô làm trưởng phòng hành chính, nhưng cô nghỉ việc để bán các sản phẩm của Hoàn Mỹ toàn thời gian. Cô tiêu mười nghìn nhân dân tệ tiết kiệm được để thuê phòng họp và các thiết bị cho các buổi đào tạo. Cô chiêu mộ những đồng nghiệp cũ trong nhà máy gia nhập vào mạng lưới của mình, hứa rằng tất cả bọn họ sẽ trở nên giàu có. Trong những trang sau của cuốn nhật ký, Xuân Minh lên danh sách những người bán hàng cô đã chiêu mộ được. Rất nhiều người trong số họ vẫn còn đang ở tuổi thiếu niên, người nhiều tuổi nhất trong mạng lưới của cô mới hai mươi lăm.

Tại sao chúng ta lại tập trung ở đây ngày hôm nay? Đơn giản chỉ là để mọi người cùng bàn luận xem: “Một người nên sống cả đời mình như thế nào?”

Hãy nghĩ về nó: tại sao chúng ta vẫn quá đổi bình thường? Tại sao có bao người đã làm việc chăm chỉ suốt đời mà vẫn không có được cuộc sống họ mong ước? Chúng ta ai cũng từng mơ mộng. Tất cả chúng ta đều đấu tranh và làm việc chăm chỉ. Nhưng tại sao những gì chúng ta kiếm được và những gì chúng ta bỏ ra lại quá thiên lệch như thế? Đã có bao nhiêu người thương tiếc chúng ta!

Chúng ta đã dần hiểu ra một sự thật: ai muốn phát triển thì phải nắm bắt lấy cơ hội. Chỉ có mỗi giấc mơ và quyết tâm thôi thì không đủ... Nếu lựa chọn phương tiện di chuyển không tốt, các bạn sẽ phải bận bịu với chuyện đi lại suốt cả đời. Giống như cha mẹ chúng ta đã chọn việc đồng áng vậy: họ bận bịu suốt cả đời, nhưng khi tóc đã chuyển sang màu bạc trắng, họ vẫn phải gom góp từng đồng để mua dầu mua muối.

Các bạn của tôi, chúng ta có muốn đi theo con đường của cha mẹ chúng ta không?

Không!

Hãy tự vỗ tay cổ vũ chính mình nào!

Các công ty bán hàng trực tiếp đã phát triển mạnh ở Mỹ suốt thời kỳ bùng nổ kinh tế sau Thế chiến II. Không giống những nhà bán lẻ truyền thống, các công ty như Amway hay Avon bán hàng hóa thông qua những phân phối viên độc lập chứ không phải trong các cửa hàng. Những phân phối viên này kiếm tiền theo hai cách: tự mình bán hàng hoặc thông qua việc chiêu mộ một mạng lưới người bán hàng và nhận hoa hồng dựa trên doanh số của họ.

Giữa thập niên 90 của thế kỷ trước, làn sóng bán hàng theo mạng lưới tràn qua Trung Quốc, vài công ty *truyền tiêu* học theo mô hình bán hàng của Mỹ. Còn những công ty khác đơn giản chỉ là thu của những thành viên mới gia nhập một khoản phí lớn, kèm theo lời hứa về sự giàu có khi họ chiêu mộ thêm nhiều thành viên khác. Đó là mô hình kim tự tháp: tiền không phải từ việc bán sản phẩm thực mà chỉ từ khoản phí gia nhập cao ngất ngưỡng mà họ thu. Mô hình này kiếm tiền cho những người gia nhập sớm nhất nhưng sẽ sụp đổ khi hết thành viên mới, lừa gạt rất nhiều người mất trắng số tiền tiết kiệm của họ.

Mô hình bán hàng theo mạng lưới này đúng là hết sức phù hợp với xã hội Trung Quốc, một xã hội mà quy luật tàn khốc nhất - không tin bất cứ ai, kiếm tiền thật nhanh - đang được áp dụng. Những công ty này hoạt động dựa vào mạng lưới truyền thống gồm các thành viên trong gia đình và bè bạn, điều đầu tiên một người bán hàng *truyền tiêu* thường làm là ép uống tất cả bạn bè và họ hàng mua thứ gì đó. Họ hứa hẹn sự giàu có và thành công. Và họ đưa ra một con đường bằng phẳng thẳng tiến tới thành công: *Làm quen với ba người mỗi ngày*. Việc kinh doanh này lan tràn trong khắp các thị trấn nhỏ và cộng đồng người di trú ở đồng bằng châu thổ sông Châu Giang. Đây là nơi thế giới của người nông thôn và thành thị giao nhau, người ta ganh tị với thành công của người khác và khao khát có được thành công của riêng mình. Nếu có người quen nào hứa hẹn một sự giàu sang nhanh chóng hay một phương thuốc diệu kỳ, họ liền dễ dàng dao động ngay.

Sự nổi lên của các công ty bán hàng theo mạng lưới này làm chính phủ trung ương lo lắng. Một số công ty kinh doanh hàng giả, hàng lậu thuế, hoặc hàng kém chất lượng; những buổi gặp gỡ đào tạo của họ, nơi những nhóm trưởng đầy uy tín đưa đẩy các thành viên vào một cơn sốt bán hàng cuồng tín, bắt đầu trở nên phiền phức như thể các nghi lễ tôn giáo. Hoạt động trở nên quá đà đến mức thậm chí còn đe dọa đến trật tự xã hội; năm 1994, người ta đã phải gọi công an đến để giải tán hàng trăm người phân phối đang sôi giân sau sự sụp đổ của một hệ thống bán kim cương của Đài Loan. Chính phủ Bắc Kinh đã thông qua rất nhiều quy định để đưa ngành kinh doanh theo mạng lưới này vào tầm kiểm soát, nhưng chính quyền địa phương rất hiếm khi kiên quyết chấp hành những quy định này. Một phần lý do của chuyện này là vì các công ty mang đến một khoản thuế khá

lớn và công ăn việc làm cho địa phương, một phần nữa vì phân phối viên bán hàng theo mạng lưới chính là một trong những nghề phụ làm thêm ngoài giờ phổ biến trong giới công chức chính quyền.

* * *

Đối với Xuân Minh, những cuộc gặp mặt bán hàng là sân tập để cô học cách nói chuyện. Ở đất nước Trung Quốc truyền thống, nghệ thuật hùng biện không phải là một kỹ năng quan trọng - viết những bài luận văn nhả bằng chữ viết bay bướm mới là thứ được coi trọng - và những bài phát biểu ở Trung Quốc lúc nào cũng chán ngắt. Diễn giả hay đọc thẳng từ một kịch bản có sẵn, thường thì dài dòng tẻ nhạt. Một người như Xuân Minh - trẻ, đến từ nông thôn và là phụ nữ - sẽ có rất nhiều lý do để im lặng trước những người giỏi hơn mình. Nhưng ở đất nước Trung Quốc đang được điều khiển bởi thương mại và cạnh tranh này, diễn thuyết đã trở thành một kỹ năng thiết yếu.

Các công ty bán hàng theo mạng lưới đã du nhập phong khí của nước Mỹ thẳng đến tầng lớp thấp của Trung Quốc. Kiểu diễn thuyết của họ kết hợp giữa kiểu đối đáp của những người truyền giáo thời trước với kiểu thao thao bất tuyệt không biết mệt mỏi của những diễn giả nhiệt tình tràn đầy hứng khởi. Họ truyền bá rằng mỗi cá nhân đều quan trọng và mọi người đều là người chiến thắng. Và họ mang đến một niềm tin rất Mỹ rằng sự giàu có và đạo đức có thể song hành tay trong tay với nhau được.

Trong nhật ký của mình, Xuân Minh tập hợp các bản nháp cho những bài phát biểu của mình:

Tên tôi là Ngô Xuân Minh, một cái tên hết sức giản dị và bình thường. Nhưng tôi tin chắc rằng một ngày nào đó trong tương lai tôi sẽ khiến cái tên mình trở nên không còn tầm thường nữa...

Các bạn, trong tương lai các bạn muốn trở thành người như thế nào? Đây là một câu hỏi đáng để suy nghĩ đấy. Bây giờ bạn là người như thế nào: Điều đó có quan trọng không?

Không quan trọng!

Điều quan trọng là: Trong tương lai bạn muốn trở thành người như thế nào? Chúng ta đi hàng ngàn dặm và bỏ lại quê hương nhà cửa để ra đi làm việc?

Để kiếm tiền!

Chính xác, để kiếm tiền. Nhưng cho đến bây giờ, chúng ta đã kiếm được số tiền mình muốn kiếm chưa?

Chưa!

Cuộc sống hiện tại của chúng ta có phải là cuộc sống mà chúng ta muốn hay cuộc sống chúng ta có thể sống?

Chính xác, cái cuộc sống mà chúng ta có thể sống...

Các bạn, các bạn muốn trở thành người như thế nào? Tất cả đều phụ thuộc vào các bạn. Nếu bạn không bao giờ dám muốn được thành công, vậy thì bạn sẽ chẳng bao giờ thành công cả... Quan trọng nhất là bạn phải dám nghĩ, dám ham muốn...

Sự thực là, mỗi chúng ta đều độc nhất vô nhị trên đời này. Khi chúng ta sinh ra, số phận chúng ta không định sẵn để thất bại. Bởi vì chúng ta sinh ra đều là người chiến thắng.

Các bạn, hãy tin tôi! Nhưng quan trọng hơn, các bạn hãy tin vào chính mình! Bởi vì các bạn có thể!

Ở Hoàn Mỹ, Xuân Minh nhanh chóng vươn từ vị trí người tập sự lên làm quản lý. Năm 1997, cô bỏ việc để gia nhập một công ty Đài Loan tên là Công ty phát triển Vườn tháp Linh hồn Đường Kinh. Lĩnh vực kinh doanh của nó là xây dựng các công trình cao tầng để chứa tro người chết. Những tòa nhà ấy được biết đến với tên gọi “tháp linh hồn”, chiêu bài bán hàng của công ty này nhằm vào nhu cầu tâm linh, nhu cầu thực tế và niềm đam mê của người Trung Quốc đối với bất động sản. Với những người chết, Công ty Vườn tháp Linh hồn Đường Kinh hứa hẹn một nơi yên nghỉ vĩnh hằng có phong thủy cực tốt. Cho người đang sống, nội dung rao bán hướng đến những vị trí chính của khu vườn, số lượng không gian giới hạn và dân số đang bùng nổ của vùng châu thổ sông Châu Giang. Một nhà đầu tư có thể mua trọn tháp linh hồn sau đó chia ra thành những khoảng riêng biệt bán lấy lãi.

Công việc của Xuân Minh là tổ chức các buổi học cho nhân viên bán hàng của công ty. Cô đã học cách giao tiếp, giờ đây cô dạy lại những người khác - cũng giống như các nhà máy, sản phẩm gì bán ra là mặt ít quan trọng nhất của doanh nghiệp. Lý lẽ để mời gọi khách mua hàng của Xuân Minh hòa trộn giữa đạo Phật, lợi ích của việc hỏa táng đối với môi trường và một khẳng định gần như chắc chắn, nói rằng một tháp linh hồn sẽ đáng giá 300 phần trăm. Cái chết, nói một cách khác, là khoản đầu tư dài hạn tốt nhất từng có.

Hãy để cha ông chúng ta thực hiện chuyến du hành cuối cùng của đời mình theo cách văn minh nhất, trang nghiêm nhất và trịnh trọng nhất.

Chỉ riêng Quảng Đông đã có hơn một triệu người chết mỗi năm.

Về địa điểm trong tháp linh hồn của công ty chúng tôi, giá tháng Bảy năm 1995 là 3.500 đồng giờ đã tăng lên 5.600 đồng rồi.

Chúng tôi cung cấp dịch vụ trọn gói (từ hỏa táng đến đưa vào tháp, bao gồm cả nghi thức xưng tội cho người chết và các thứ khác).

Thời gian hoạt động của chúng tôi từ 11 tháng Bảy năm 1994 đến 10 tháng Bảy năm 2044.

Kế hoạch công tác của Xuân Minh đã rút ngắn đi rất nhiều. Cuối năm 1997, cô lại nhảy việc lần nữa, lần này là đến một công ty bán hàng theo mạng lưới *truyền tiêu*, công ty này thu của mỗi thành viên mới một nghìn nhân dân tệ đổi lấy một hộp thảo dược truyền thống vùng Tây Tạng. Đó là một công ty dạng kim tự tháp, đơn giản và rõ ràng. Xuân Minh đã gia nhập đủ sớm để kiếm được ít tiền thực sự. Cô chiêu mộ khoảng mười người, tất cả đều là những người đã kinh qua thử thách kiếm tiền, chỉ trong vài tháng cô đã đứng đầu một mạng lưới mười nghìn thành viên. Cho đến thời điểm đó, Xuân Minh kiếm được bốn mươi nghìn nhân dân tệ một tháng - khoảng năm nghìn đô la, một khoản thu nhập khổng lồ ở vùng châu thổ sông Châu Giang vào năm 1998.

Công ty bắt đầu ép các phiếu lương của cô bằng nhựa trong để trưng chúng ra với những người được tuyển mộ như một công cụ kích thích. Trong một chuyến về thăm nhà, Xuân Minh đưa cho bố mẹ ba mươi nghìn nhân dân tệ để sửa sang lại ngôi nhà của gia đình, lát nền gạch hoa, mua các trang thiết bị, thêm cả một chiếc ti vi 29 inches nữa. Thành công của cô trên thành phố khiến cô nổi tiếng khắp cả làng và xa hơn thế. “Mọi người sống trong vùng đều nghe nói đến tôi” cô kể.

Nhưng công việc này bắt đầu vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Ở một thị trấn tên là Đạm Thủy, cách Đông Quán chừng 64 kilômét, hệ thống bán máy mát xa chân của Đài Loan đã trở nên rất nổi tiếng. Để gia nhập vào công ty, mỗi người phải mua một cái máy mát xa chân với giá 3.900 nhân dân tệ, tức là gần 500 đô la gấp khoảng tám lần giá thị trường. Những người tham gia được bảo rằng họ sẽ nhận 40% phí gia nhập của bất kỳ ai họ chiêu mộ vào mạng lưới. Dân di trú đổ dồn về Đạm Thủy, có người đã bán nhà, bán đồ đạc và trâu bò để trả phí gia nhập. Nhưng hóa ra bán một cái máy mát xa chân giá 3.900 nhân dân tệ ở một thị trấn nghèo thật chẳng dễ chút nào, đặc biệt là khi có hàng ngàn người khác cũng đang làm cùng một việc đó.

Khi hệ thống sụp đổ, một số thành viên bị lừa tiền đã tấn công những người chiêu mộ họ, trong khi những người khác thì biểu tình trước cửa các cơ quan nhà nước để đòi lại tiền. Công an được gọi đến để dẹp đám đông, lập lại trật tự và đưa những người di trú về nhà.

Sau đó, những tên đầu sỏ tổ chức đã đi sâu vào nội địa tới một thị trấn ở tỉnh Hồ Nam. Chúng đã gây dựng một hệ thống giống hệt và chiêu mộ khoảng ba mươi ngàn người tham gia, cho đến khi hệ thống ấy, cũng sụp đổ.

Tháng Tư năm 1998, nội các của Thủ tướng Chu Dung Cơ đã ra sắc lệnh buộc mọi công ty *truyền tiêu* phải dừng hoạt động.

Hơn hai nghìn công ty đóng cửa, và cả một ngành kinh doanh đã chống lại các luật định của chính phủ trong nhiều năm tức khắc sụp đổ trong nháy mắt. Xuân Minh nhận ra mình đã thất nghiệp; cuộc sống người giàu của cô kéo dài đúng tròn hai tháng. Cô khá choáng váng, và biết ai là người phải chịu trách nhiệm về chuyện này. “Sau khi Chu Dung

Cơ xuất hiện,” cô nói, “ông ta không cho phép bán hàng theo mạng lưới nữa, vì vậy tôi dừng lại thôi.” Thật đáng ngạc nhiên, ở vùng châu thổ sông Châu Giang tự do thoải mái này, nơi Xuân Minh đã học kỹ năng giao tiếp, nơi thương mại là chúa tể, nơi mọi người đều là người thắng cuộc và chết nghèo khó là một tội lỗi, cánh tay dài của chính phủ đã chạm tới cuộc đời cô, lần đầu tiên, một cách đáng ngạc nhiên.

4. Chợ việc làm

Buổi tối sau khi Mẫn tan ca, tôi đi xe buýt đến gặp cô ở trước cổng nhà máy. Đông Quàn vươn mình sống dậy khi vầng dương lặn xuống; khi cái nắng nóng khó chịu của ban ngày biến mất, những con phố đang tối dần sẽ tràn ngập những người trẻ tuổi vừa tan ca làm việc - những người biến hình, lắc mình biến đổi trước mặt tôi, từ những công nhân tận tụy với công việc trở lại thành những thanh thiếu niên hăm hở nồng nhiệt. Mẫn và tôi sẽ dạo bộ quanh vài khu nhà gần nhà máy cô làm việc và chọn một nhà hàng rẻ tiền để ăn tối. Lần nào cô cũng gọi một món thịt, rau xào, và nguyên một con cá mà lần nào cũng hóa ra là toàn xương là xương cho hai chúng tôi; nếu chúng tôi gắp nhau vào thời điểm gần ngày trả lương, cô sẽ khẳng khẳng đòi mời tôi cho bằng được. Mẫn ăn như thể thêm thường được ăn ngon lắm vậy. Sau khi tôi đã ăn xong một lúc lâu, cô vẫn tiếp tục đảo qua các đĩa? Vết sạch mùi vị từ những mẫu vụn nhỏ nhất, hết như một tay sành ăn có cỡ vậy.

Một lần khi anh họ cô vào thành phố, anh ta đưa chúng tôi đến cửa hàng McDonald's. Mẫn nhìn chiếc Big Mac^[12] của mình một lúc lâu, hạ thấp gương mặt xuống bàn cho đến khi chiếc bánh ở ngang tầm mắt, rồi cô ăn nó từng lớp từng lớp một - bánh mì, cà chua, rau diếp, thịt bò. Trước đó, cô chưa bao giờ vào một cửa hàng McDonald's cả. Khi tôi tặng cô hai khung tranh nhỏ nhân một dịp sinh nhật, tôi phải chỉ cho cô cách mở phần sau lưng ra để nhét một tấm ảnh vào trong như thế nào. Có lần cô lại hỏi tôi chứng khoán là gì. Cô hoàn toàn không quan tâm gì đến các sự vụ quốc gia cả. Có một buổi chiều, trong bữa ăn với hai công nhân lớn tuổi hơn cùng làm trong nhà máy, câu chuyện chuyển sang đề tài lớn lên trong thời kỳ những năm 70 của thế kỷ trước dưới thời Mao Trạch Đông. “Chúng tôi lúc nào cũng đói meo cả bụng,” một trong hai người đàn ông nhớ lại. “Phải đến tận những năm 1980, chúng tôi mới hết bị đói ăn.”

“Ai là Mao chủ tịch bây giờ thế?” Mẫn bỗng nhiên cất tiếng hỏi. “Tôi chẳng biết gì cả.”

“Hồ Cẩm Đào,” một trong hai người đàn ông trả lời.

“Hơi hơi nhận ra rồi. Thế không phải là Giang Trạch Dân nữa à?” Cô nói.

Tôi bảo không, Giang Trạch Dân đã về hưu, Hồ Cẩm Đào lên thay vị trí của ông ấy.

“Ồ, em tưởng Giang Trạch Dân chết rồi.” Sau đó cô nói. “Những người đó có vẻ ở rất xa chỗ em.”

Những chi tiết trong cuộc sống của bản thân cô đã lấy số lượng áp đảo mọi thứ khác: hầu như lần nào gặp Mẫn, cô cũng có thứ gì đó mới mẻ để kể với tôi. Thỉnh thoảng tôi tưởng chừng các định luật của thế giới vật chất không hề ảnh hưởng đến cô, rằng cô chỉ phải nghĩ đến một việc gì đó - đổi chỗ làm, chia tay với bạn trai - là đã hoàn thành việc đó

luôn rồi. Nếu bằng đi không gặp cô một thời gian, Mẫn có thể sẽ quên, không kể với tôi rằng cô đã nghỉ việc ở một nhà máy hay mới được tăng lương, bởi vì trong tâm trí cô, cô đã lại tiếp tục tiến lên phía trước rồi. Hiếm khi nào Mẫn dừng lại để điểm lại những gì cô đã làm từ khi rời bỏ quê hương ra đi, một nét tính cách thường thấy ở Đông Quân. Có lẽ người ta e ngại rằng mình sẽ mất đà nếu dừng lại đủ lâu để nhìn về chặng đường mình đã đi qua.

Khi bài báo đầu tiên về Mẫn của tôi được đăng trên tờ *Wall Street Journal*, tôi mang cho cô một bản dịch khi chúng tôi gặp nhau vào buổi tối trong một tiệm bánh gần nhà máy cô làm việc. Chiếc bánh trứng và món đậu xanh đá của cô không hề được đựng đến trong lúc cô đọc. Đến trang ba, cô cười khúc khích - "Chị nhớ kỹ thật đấy," cô nói - và một lần nữa ở trang bốn. Cô đọc một mạch từ đầu đến cuối, rồi lật trang cuối cùng lên, tìm xem còn nữa không. "Thế thôi à?"

"Thế thôi," tôi đáp.

"Phần kết cho thấy chị còn muốn nhiều hơn nữa," cô nói.

"Sẽ còn nữa."

"Thật chứ?" Cô hỏi. "Chị đang viết nó à?"

"Cô đang sống trong đó," tôi nói. "Nó đang diễn ra ngay lúc này đây." Mẫn nhìn tôi bằng ánh mắt kỳ lạ, như thể nghi ngờ rằng có phải tôi đang đùa với cô hay không.

Cô đọc bài báo thêm vài lần nữa, và sau đó cô gửi email cho tôi. *Nhìn lại xem mình từng như thế nào*, cô viết, *tôi nhận ra mình đã thực sự thay đổi*.

Có một chuyện Mẫn không bao giờ quên, cô không thể nào quên nổi quãng thời gian một năm làm ở dây chuyền lắp ráp khó khăn tới nhường nào. Trong cái thế giới công xưởng này, người ta thường hay nói với giọng gần như hoài niệm về những ngày tháng họ làm việc ở dây chuyền lắp ráp, cái thời còn ít lo âu và trách nhiệm. Mẫn không thể. "Chẳng có gì khó khăn bằng làm một công nhân bình thường cả," tôi thường nghe cô nói vậy. Cô không bao giờ quên mình đến từ nơi đâu. Đó là một trong những điểm mà tôi thích nhất ở cô.

Tháng Tư năm 2004, Mẫn nhận được hai tuần lương đầu tiên ở chỗ làm mới, nhưng cô đã không gửi tiền về nhà. Thay vì thế, cô đến cửa hàng bách hóa mua một chiếc sơ mi đen vừa vặn và một chiếc quần lửng trắng. Cô đang thực hiện một lời hứa, đến thăm những người bạn cũ, mà đi thăm bạn cũ thì cần có quần áo mới. Tám giờ sáng hôm sau, Mẫn và tôi bắt xe buýt đến một quận ngoại thành Đông Quân, nơi cô đã làm việc năm đầu tiên khi rời bỏ quê nhà. Chiếc xe buýt chật cứng người di trú đi chơi cuối tuần. Các cô gái trẻ đi thành đôi, diện những bộ đẹp nhất cho ngày Chủ nhật - sơ mi trắng, quần bò sạch sẽ, tóc đuôi ngựa suôn mượt - và những hành khách đứng tràn ra cả lối đi giữa hai

hàng ghế đung đưa một cách vui nhộn, giống như cả đám người đang nhảy điệu conga^[13] theo từng nhịp rung lắc của chiếc xe buýt. Vài phụ nữ trẻ bị say xe bám chặt lấy thanh rào chắn, đầu họ cúi gục xuống, hai mắt nhắm tịt lại, như thể muốn ngăn cảm giác khó chịu ở bên ngoài cơ thể vậy.

Mẫn nói suốt cả hai tiếng ngồi xe. Cô hy vọng thuyết phục được các bạn mình nhảy sang nhà máy khác, giống như cô đã làm. Cô liên tục bình luận về những nơi chúng tôi vừa đi qua.

Chương Mục Đầu: “Người ta gọi chỗ này là Tiểu Hồng Kông. Ở đây sang trọng lắm. Tôi đã đến tìm việc ở đây nhiều lần nhưng chẳng tìm được việc gì cả.”

Thanh Khê: “Ở đây có nhiều nhà máy sản xuất máy tính lắm, nhưng phải có nghề thì mới vào đấy làm được.”

Phong Cương: “Chỗ này không phát triển bằng chỗ tôi bây giờ, đúng không?”

Đối với tôi, chỗ nào cũng như chỗ nào. Các công trường xây dựng và nhà hàng rẻ tiền. Nhà máy, nhà máy và nhà máy, những ô mạng kim loại trên cánh cổng của chúng chi chít như lưới. Mẫn nhìn thành phố qua một cặp mắt khác: mọi nơi đều có triển vọng của một công việc đáng ao ước hơn công việc hiện tại. Bản đồ Đông Quân trong tâm trí cô là tất cả những chuyến đi bằng xe buýt cô đã đi để tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn.

CÁC BẠN CỦA Mẫn đợi chúng tôi dưới gầm một cầu vượt, nồn nóng ngó nghiêng sai hướng. Lương Dung cao, có gương mặt khá xinh xắn, Hoàng Kiều Nga thấp và hơi đậm người, cô có đôi mắt sáng và hai gò má núng nính như trẻ con. Hai cô đều lớn hơn Mẫn một tuổi. Ba cô gái nắm tay nhau rú lên và nhảy tung tung như những người tham gia trò chơi truyền hình vừa mới thắng giải lớn vậy.

“Ồ! Chị giảm cân rồi đấy!”

“Em cao hơn đấy!”

“Chị cắt tóc rồi à!”

“Em vừa mua bộ này này,” Mẫn nhấn giọng nói, “Có đẹp không?” Hai người bạn đều đồng ý rằng bộ đồ mới rất đẹp.

Cạnh đường cao tốc là một công viên nhỏ có một quảng trường lát bê tông. Những chiếc ghế đá bị phơi nắng cho trắng ỏn ra, hết như những lảng mộ cổ, vài gốc cây non gầy guộc trông như đang trút những hơi thở cuối cùng rũ bóng lên ghế đá. Các cô gái tìm một ghế trống, ngồi xuống và nghịch ngợm mái tóc của nhau. Họ lấy làm ngưỡng mộ bộ đồ mới của Mẫn, và cô kể cho hai người bạn nghe mỗi món giá bao nhiêu.

“Vậy, có phải em đã thay đổi rồi không?” Mẫn hỏi. Chính xác là cô đã đi khỏi đây được hai tháng.

“Phải, em đã thay đổi,” Hoàng Kiều Nga đáp.

“Em thay đổi thế nào?”

“Trông em trưởng thành hơn.”

Lương Dung và Hoàng Kiều Nga kể cho Mẫn nghe tin tức ở nhà máy: ai đã tìm việc mới, ai vừa cắt tóc. Đây là ngày nghỉ đầu tiên trong tháng vì nhà máy bị cắt điện. Tiền lương vẫn thế và thường xuyên bị chậm, tùy theo tâm trạng của ông chủ.

Mẫn không thể kìm được mà khoe khoang một chút về nơi cô đang làm việc. “Mọi người ở cái nhà máy này thật sự là rất kém,” cô nói. “Nhà máy em đang làm tốt hơn nhiều. Ông chủ giàu lắm ấy.”

“Đến chỗ em đi,” Mẫn đột nhiên nói. “Em sẽ mời hai chị đi ăn tối. Bao giờ thì hai chị đến được?”

“Nhưng nếu bọn chị đến,” Lương Dung nói, “nhỡ em không được nghỉ thì sao.”

“Các chị đến thăm em và em sẽ giới thiệu bạn trai cho các chị,” Mẫn nói chắc như đinh đóng cột: “Ở nhà máy em làm có nhiều con trai lắm.”

Hai cô gái tròn mắt. Họ đồng thanh thốt lên “ồ chà!” rồi cả ba cùng phá lên cười.

Một người ăn xin chống gậy đi tới, các cô gái ngừng cười. Lương Dung thoáng do dự rồi nhẹ nhàng đặt một quả táo vào cái bát của ông già, cảnh hết như trong một câu chuyện cổ tích. Đông Quán là một nơi không dễ sống, có lẽ chính vì vậy mà người ta có thể tử tế với người khác một cách đáng ngạc nhiên. Tôi thấy người ta bố thí cho ăn xin ở Đông Quán nhiều hơn bất cứ thành phố nào ở Trung Quốc. Các công nhân nhà máy động lòng trắc ẩn với người già hoặc những người tàn tật, nhưng họ tỏ ra không hề thương tiếc những người đồng trang lứa với mình. Nếu anh còn trẻ và mạnh khỏe, không có lý do gì để không làm việc cả.

NHÀ MÁY CŨ CỦA Mẫn cách khu phố chính nửa giờ đi bộ, ở đó, nước Trung Quốc công nghiệp mở rộng ra ruộng đồng bao la. Một dòng nước chảy lờ đờ và đen bóng, trông như dòng sông dầu. Con đường lát gạch chuyển sang thành đường đất nện, một dải bụi bặm hai bên là các tiệm mì lưu động và bàn bi-a ngoài trời. Hàng tốp các chàng trai trẻ mặc áo bảo hộ lao động đi dép lê đang đánh bi-a. Mẫn bước đi, hai bên là hai cô bạn, đầu cô ngẩng cao như một vị bách phu trưởng trở về sau trận chiến. Thanh thiếu niên nam nữ hai bên đường gọi toáng tên cô: “Về lúc nào thế?” “Cậu đang ở đâu rồi?” Tất cả bọn họ đều lấy làm ấn tượng khi biết cô đang làm việc ở khu vực trung tâm Đông Quán.

“Tôi có thay đổi gì không?” Mẫn hỏi tất cả mọi người xuất hiện trước mắt mình.

“Cậu gầy và đen hơn,” một cô gái trẻ nói.

Mẫn hơi thất vọng. “Tôi muốn cậu nói là tôi trưởng thành hơn trước cơ.”

Lương Dung và Hoàng Kiều Nga vào trong nhà máy để lĩnh lương, có lẽ ông chủ đang

trong tâm trạng tốt nên đã đồng ý trả lương cho công nhân của mình ngày hôm đó. Mẫn đợi ngoài cổng, nhìn chăm chăm vào khu nhà lợp ngói và cả núi bùn đất giữa sân. Nhà máy đang mở rộng.

“Chị thấy nó thế nào?” Mẫn hỏi tôi.

“Cũng được,” tôi nói.

“Nhìn bên ngoài thì nó hoàn toàn ổn,” cô nói, “nhưng chị không bao giờ nhìn được bên trong cho đến khi chị chấp thuận làm việc ở đây. Và sau đó là chị chẳng còn chỗ nào khác để đi nữa.”

BUỔI CHIỀU, các cô gái nhập bọn với hai người bạn khác trong nhà máy và tới một công viên gần đó. Một đặc điểm của công nhân di trú chính là không có ý tưởng gì để sử dụng thời gian nhàn rỗi. Ở công viên Đường Hạ, họ thấy một bé gái khoảng sáu bảy tuổi đang ném những hòn sỏi vào đầu một con rùa chồm hồm trong cái hồ nông choen. Nhưng hầu hết các trò giải trí ở công viên đều tốn tiền cả. Du khách có thể dùng súng hơi để bắn cá trong hồ, Mẫn đưa mắt nhìn con cá gầy guộc đang chờ hành quyết và nghiêm nghị nói, “Đây là điều sẽ xảy ra khi ta không có tự do.” Có một xe cáp đưa khách lên đỉnh đồi gần đó, nhưng tốn mười lăm nhân dân tệ. Các cô gái ngồi xuống một điểm cắm trại bên dưới, nhìn chiếc xe đi qua đỉnh đầu mình.

Hoàng Kiều Nga đã tham gia một lớp học vi tính. Cô muốn rời khỏi nhà máy, đến chợ việc làm để tìm một công việc tốt hơn, giống như Mẫn đã từng làm. “Chị đã lên kế hoạch rồi,” cô ngượng ngùng nói.

“Chị biết lên mạng thế nào chưa?” Mẫn hỏi.

“Chị đã bao giờ lên mạng đâu.”

“Em sẽ dạy chị.” Mẫn nhìn đồng hồ: bốn giờ rồi. “Có lẽ không phải hôm nay, thôi thì... để lần sau nhé.”

“Cứ cố học những gì chị có thể ấy,” Mẫn khuyên. “Nếu chị học được gì đó, chị luôn có thể mang nó theo đến với công việc mới. Ít nhất đây là kinh nghiệm của em,” cô kết luận một cách khiêm tốn. Ở đâu đó trong cả ngày hôm ấy, cô đã nhận ra rằng những gì mình có thể làm để giúp bạn bè rất ít ỏi. Tìm kiếm dũng khí để rời bỏ một nhà máy là việc người ta phải làm một mình. Giống như những người di trú vẫn luôn nói: *Bạn chỉ có thể dựa vào chính bản thân mình.*

Năm giờ chiều, các cô gái chia tay nhau với những lời chào tự nhiên nhất. “Em vẫn chưa mệt,” Mẫn nói khi chúng tôi tìm được chỗ ngồi trên xe buýt. “Em sẽ mệt sau. Ngay lúc này, em phấn khởi quá.” Nhưng khi xe buýt đi qua những khu cô đã đến tìm việc, giờ đã chìm vào màn đêm tối, tâm trạng Mẫn trở nên u ám. Cô vừa đến thăm cuộc đời cũ của mình và biết nó đã qua. Nhưng cả cuộc đời mới của cô, vì lý do nào đó, cũng chẳng thấy đâu. Ngoài phố, những bóng đèn trong nhà máy bắt đầu sáng lên, và những cái bóng di

chuyên lạng lẽ sau các ô cửa sổ; thậm chí cả vào tối Chủ nhật, người ta cũng vẫn làm việc. “Nếu em chỉ đi học, rồi bỏ quê nhà và đến đây làm việc vài năm, sau đó trở về, lấy chồng và sinh con,” Mẫn nói, “có lẽ em cũng không sống trọn vẹn được thế này.”

TRONG ÁNH ĐÈN XANH LAM CỦA BUỔI TỐI, tôi và Mẫn đứng bên ngoài cánh cổng nhà máy nơi cô làm việc. Người bạn làm thợ điện của cô sẽ ăn tối cùng chúng tôi, còn chúng tôi đang đợi anh ta thay quần áo. Anh chàng bảo vệ đẹp trai mặc quần rằn ri - 1,7 MÉT HOẶC HƠN, BIẾT CHƠI BÓNG RỔ LÀ MỘT LỢI THẾ - đi qua với một nụ cười lướt qua trên mặt và ném cho Mẫn một chùm chìa khóa, cô đã gửi chúng ở chỗ anh ta nhờ giữ hộ. Mọi người rải rác trở về nhà máy sau buổi đi chơi ngày Chủ nhật của mình. Mẫn gọi to một cô gái trẻ, cô này cứ nhìn chăm chăm vào những cái bóng và quát lên quang quác, “Đói chết rồi đây này!” Nói xong cô ta đi thẳng vào nhà máy mà không thèm chào lấy một câu.

Mẫn có vẻ ngạc nhiên và khó chịu trước sự khiếm nhã của cô ta. Cô gái đó vừa mới cố thử dùng thảo dược phá thai, nhưng không hiệu quả, Mẫn kể với tôi. Cô đã đi cùng với cô ta đến bệnh viện để mổ. “Cô ấy là một trong những người tôi định tạo quan hệ tốt, nhưng thực sự chúng tôi không phải là bạn,” Mẫn giải thích.

Một người đàn ông đứng tuổi bụng phệ đeo kính đi qua chỗ chúng tôi vào nhà máy. “Có phải cô là người để ngỏ cửa văn phòng không?” Ông ta hỏi.

“Tôi ở ngoài cả ngày cơ mà,” Mẫn vặc lại.

Đó là sếp của Mẫn, cô ghét ông ta. “Lão ấy kiêu căng lắm,” cô nói. “Chẳng ai trong nhà máy này thích lão cả.” Vài phút sau đó, sếp cô lại đi qua, lần này là ra ngoài, ông ta lờ mắt nhìn cô. Mẫn đứng thẳng và lườm lại. Cả hai đều không nói năng gì.

“Ngày mai thế nào lão ta cũng hỏi em chị là ai cho mà xem,” Mẫn nói. “Em biết là lão sẽ làm thế mà. Em sẽ bảo chị là một người bạn, thế thôi.” Ở sau lưng, cô thường gọi ông ta là *Liu Laotou* - Lưu lão đầu, lão Lưu già.

Mười phút đứng cạnh cổng nhà máy, tôi có cảm giác như thể mình đã thấy thế giới của Mẫn: tình bạn dễ dàng với người bảo vệ, sự lạnh lùng của cô gái trẻ và cách phá thai vụng về của cô ta, sự ngược ngạo vô cớ của những ông chủ. Sự thực rằng Mẫn vẫn đứng thẳng ở vị trí của mình.

NGƯỜI BẠN LÀM THỢ ĐIỆN CỦA Mẫn XUẤT HIỆN - anh chàng có hai cánh tay khá cơ bắp, gương mặt rộng và nụ cười bẽn lẽn - chúng tôi vào một quán ven đường ăn thịt bò nướng, cá hầm và uống bia. Sau cả một ngày dài, bao nhiêu bực tức khó chịu trong Mẫn ùa ra cùng một lúc. “Ở nhà máy cũ, có lần em đã khóc suốt nửa tiếng đồng hồ, các bạn em đã cố an ủi nhưng không được,” cô kể. “Từ khi vào làm trong cái nhà máy này, em đã khóc hai lần, nhưng chẳng có ai biết cả.”

Anh chàng thợ điện nhìn vào bát cơm của mình mà không nói một lời.

Con giận của Mẫn chuyển sang hai người bạn đã ra công viên chơi với chúng tôi lúc chiều. “Chúng em không thân. Chúng em chỉ giả vờ là bạn thôi,” cô nói. “Cái cô béo hơn ấy à? Tất cả những điều cô ta quan tâm là cổ mà kiếm được một anh người yêu. Khi cô ta nhận lương, cô ta chẳng gửi đồng nào về nhà hết. Cô ta toàn tiêu phí chúng vào những thứ như trả hóa đơn điện thoại di động cho người yêu hay mời lũ con trai ra ngoài ăn tối. Mà cô ta thậm chí còn chẳng xinh xắn gì nữa chứ! Cô kia có bạn trai nhưng đã chia tay anh ta khi phát hiện ra thằng cha ấy lừa mình. Gã người yêu kia cho cô ta một cái đồng hồ và đến giờ cô ta vẫn còn đeo nó.”

“Chị có thấy bọn họ đều không vui vẻ gì khi nhận tiền lương của mình không? Tất cả đều nghĩ: mình làm việc chăm chỉ như thế và đây là tất cả những gì mình nhận được hay sao? Làm việc hằng ngày trong nhà máy là một việc vô cùng khó khăn.”

Rồi sau đó cô chuyển hướng sang tôi. “Chị không thể biết cảm giác ấy nó như thế nào đâu,” cô nói. “Chỉ có ai từng trải qua nó mới biết thôi.”

Mẫn mệt mỏi với những thứ mà cô vừa mới đây còn khao khát. Niềm hứng khởi được tham gia vào công việc văn phòng nhanh chóng bị thay thế bởi nhận thức rằng cô là người có vị trí thấp nhất ở đó. Mọi người đổ dồn việc lên đồng nghiệp trẻ nhất và mới nhất của họ, trong khi ấy, đồng minh duy nhất của Mẫn ở chỗ làm đã biến mất. Hai tuần sau khi cô đến đây, người đàn ông tử tế nhận cô vào làm bất ngờ bỏ đi vì một công việc tốt hơn ở Bắc Kinh. Bị bỏ lại một mình, Mẫn tìm hiểu về quan hệ lỏng lẻo phức tạp trong thế giới cổ cồn trắng này. Sếp mới của cô, người đàn ông bụng phệ lúc này, đã bị đuổi việc khỏi nhà máy năm kia vì tội bao gái - bởi chẳng ai thèm tôn trọng ông ta, nên mọi thứ trở nên khó khăn hơn đối với Mẫn. Những đồng nghiệp của cô có vẻ hăm hở chờ cô phạm lỗi: mỗi khi cô bước vào phòng, các cuộc đối thoại liền ngưng lại, và không ai giúp gì cô trong công việc mới này cả. Cô khám phá ra rằng một người có thể nói thế này nhưng lại mang hàm nghĩa thế khác, và rằng cả cô cũng phải học lấy kỹ năng đó nữa. “Trong văn phòng, họ có thể hết sức thân thiện với chị, nhưng họ nói đủ thứ ở sau lưng chị,” Mẫn bảo tôi. “Chị không thể có lấy một người bạn trong cái nhà máy ấy được đâu.”

Vượt qua lằn ranh tầng lớp làm Mẫn thêm cô đơn. Công nhân làm việc ở dây chuyền lắp ráp là những người gần cô nhất về tuổi tác và hoàn cảnh, nhưng cô không còn thuộc về thế giới đó nữa. Các đồng nghiệp ở văn phòng lớn tuổi hơn cô, nhiều người trong số họ đã có gia đình, và chẳng có điểm gì chung với cô cả. Phòng ở tập thể trống không vào các ngày cuối tuần khi những người khác ra ngoài thăm người yêu hoặc chồng mình. Mẫn giả vờ không quan tâm, và cô không bao giờ để ai nhìn thấy mình rơi nước mắt.

Tháng Tư, sếp cũ của cô gọi từ Bắc Kinh đề nghị cô một công việc mới. Công ty anh ta đang lắp ráp các linh kiện máy tính để bán cho các tỉnh và anh ta cần một người trông cửa hàng. Anh tầm ba mươi tuổi, đã học trường Đại học Thanh Hoa danh tiếng, là người

trưởng thành duy nhất ở Đông Quán này đã đối xử có chút tử tế với cô: đó là tất cả những gì cô biết. Mẫn quyết định lên đường.

Cô gọi cho chị gái mình ở Thâm Quyến.

“Em sẽ làm gì ở đó?” Chị cô hỏi.

“Trông cửa hàng.” Mẫn đáp.

“Lương lậu thế nào?”

“Em không biết. Nhưng chắc là phải khá hơn ở đây.”

“Em tin anh ta à?”

“Vâng.”

“Cẩn thận đấy.”

Mẫn gửi cho tôi một bức thư về kế hoạch của cô:

Cuối cùng tôi cũng quyết định đi Bắc Kinh, để cho bản thân mình một cơ hội. Tôi sẽ xử lý tốt cái cảm giác giữa “anh trai lớn” và “em gái nhỏ”. Nhưng vừa mới quen được việc ở đây, tôi thật không nỡ bỏ đi chút nào.

Một người không thể trưởng thành qua hạnh phúc. Hạnh phúc khiến người ta nông cạn. Chỉ có trong gian khổ chúng ta mới trưởng thành, thay đổi và hiểu thêm về cuộc đời!

Nhưng ở một nơi vốn chẳng có gì chắc chắn, Mẫn rất dễ thay đổi ý kiến của mình theo tâm trạng. Cô quyết định rằng đến chỗ sếp cũ của mình ở Bắc Kinh là không thích đáng lắm. Anh ta là một người đàn ông, anh ta không phải gia đình cô, rốt cuộc thì cô cũng đâu có tin anh ta. Cô nên ở lại nơi cô đang ở thì hơn.

Sản lượng của nhà máy tăng cao, phòng ở tập thể của cô từ sáu người nay đã tăng lên chín người. Có quá nhiều người làm việc trong nhiều ca khác nhau, nên buổi đêm khó mà ngủ cho yên được một giấc, Mẫn lại nghĩ đến chuyện rời bỏ nhà máy. Ngay cạnh văn phòng nơi cô làm việc là bộ phận nhân sự, thỉnh thoảng Mẫn lại thấy người ta xếp hàng để chờ phỏng vấn. Cứ mười người phỏng vấn thì mới có một người được nhận, rất nhiều người trong số họ có bằng đại học. Vậy là, Mẫn lại cảm thấy may mắn vì công việc hiện nay của mình.

Các công nhân dây chuyền lắp ráp trong nhà máy của Mẫn kiếm được 320 nhân nhân tệ một tháng. Đó là mức lương thấp ở Đông Quán, điều ấy làm Mẫn lấy làm khó chịu. Cô luôn chào các công nhân, nhưng không bao giờ có thể kết thân hơn với họ. “Vài người trong văn phòng thậm chí còn chẳng thèm nói chuyện với công nhân, vì họ khinh thường những người ấy,” Mẫn nói. “Nhưng tôi cũng từng là một công nhân mà.”

Cuối tháng Năm, Mẫn gửi cho tôi một tin nhắn qua điện thoại di động. *Em có một điều ngạc nhiên thích thú cho chị. Bây giờ thì chưa nói đâu. He he.*

Tôi đang trên đường đến gặp cô, trong đầu lướt nhanh qua những khả năng có thể xảy ra. Cô đã nghỉ việc. Cô đã có người yêu. Rốt cuộc, cô vẫn sẽ đi Bắc Kinh.

Tôi trả lời: *Tôi tò mò lắm rồi đây.*

Có lẽ chị sẽ thấy điều đó không tốt, cô nhún vai. He he. Em hy vọng chị không quá thất vọng.

Mẫn đang đợi tôi ở cổng nhà máy, tôi nhận ra cô đã ép thẳng mái tóc mình. Nó được cắt một đường gọn ghẽ bất đối xứng, những lọn tóc xoăn dài đầy nữ tính của cô đã biến mất. Cả quá trình xử lý hóa chất ở hiệu tón ba tiếng đồng hồ và một trăm nhân dân tệ, Mẫn kể. Cô vừa nhận được tháng lương đầu tiên.

Cô kể với tôi những tin đồn vặt ở chỗ làm. Cấp trên trực tiếp của Mẫn, một anh chàng chỉ hơn cô vài tuổi, đã cãi lộn với bạn gái của anh ta. Cô gái kia rất giỏi và kiếm được nhiều tiền gấp đôi anh ta, một sự thật mà mọi người trong văn phòng đều biết và lấy làm thích thú. Cô gái đã tiết kiệm được tám mươi nghìn nhân dân tệ, mọi người cũng đều biết chuyện đó. Nếu họ chia tay, cô bạn gái sẽ đòi mười nghìn nhân dân tệ để bồi thường cho bảy năm cô ở với anh ta. Đó là một vụ chia tay kiểu Đông Quân: tổn thương tình cảm được thay bằng tính toán tài chính, mọi người trong nhà máy đều biết từng chi tiết nhỏ nhặt nhất của vụ việc. Giờ anh chàng cấp trên trẻ tuổi đang làm thủ tục nghỉ việc ở nhà máy, vài người khác cũng đi theo anh ta. Chẳng còn lý do gì để ở lại nữa, vì vậy hôm qua cô cũng đã xin nghỉ luôn.

“Cô đã quyết định đi rồi hả?” Tôi hỏi. Sự mau lẹ trong những quyết định của cô làm tôi ngạc nhiên.

“Em đã nộp đơn xin thôi việc hôm qua rồi,” Mẫn nói.

Sếp của Mẫn, người mà cô không thích, đã hỏi tại sao cô muốn đi.

“Tôi muốn về nhà,” Mẫn nói dối.

“Cô đã tìm được việc nào khác à?” Ông ta hỏi.

“Không,” cô đáp. “Đơn giản là tôi có việc ở nhà thôi.” Thêm một lời nói dối nữa.

“Cô đang làm tốt ở đây,” sếp của cô nói. “Tại sao cô muốn đi?” Chỉ một lần duy nhất ông ta không tỏ ra thô lỗ với cô. Nhưng ông ta cũng không đồng ý cho cô ra đi ngay, ông ta bảo sẽ quyết định trong vòng một tháng.

Điều này làm Mẫn hơi ngạc nhiên: cô đã ép thẳng tóc. Cô đã quyết định nghỉ việc và nhảy trở về cõi bất tri, nhưng có vẻ như cô không nghĩ đến chuyện kia.

CHIỀU HÔM ĐÓ, tôi và Mẫn ra công viên nhỏ gần nhà máy cô làm việc. Nó bị các tòa chung cư vây kín xung quanh, giữa có một hồ nước màu vàng xanh, màu của Mountain Dew. Lũ trẻ con lội đến đâu gối, mức đây các bát nông và bình thủy tinh. “Mấy cái ao chúng em hay bơi ở quê sâu lắm và nước thì sạch nữa,” Mẫn nói.

“Những mùa hè hồi em còn bé,” cô mơ màng tiếp tục, “chúng em trồng dưa hấu. Cách

nhà khoảng mười phút đi bộ, người lớn dựng một cái chòi canh có thân cây làm cột trụ và một tấm ván gỗ phủ cỏ lên trên. Chúng em sẽ ngồi dưới cái lán ấy cả ngày để canh dưa hấu, còn bố em thì ngủ qua đêm ở đó.”

“Chị gái em, anh họ em, hai đứa em gái và em nữa, cả bọn ở đấy cả ngày. Chúng em chơi bài, câu cá và bơi lội. Chúng em có bài tập hè, và mẹ thường nhắc chúng em phải làm cho hết nhưng chúng em vẫn không làm.”

“Bọn em thả mấy trái dưa hấu xuống dòng sông chảy xiết. Bọn em đã buộc chúng vào bờ sông bằng dây thừng, nên chúng chẳng thể trôi đi được. Khi bọn em ăn dưa, đúng là mát lạnh.”

Tôi chưa bao giờ nghe một người di trú kể về miền nông thôn giống như Mẫn.

“Nếu em là chị, nếu em có khả năng và nhiều tiền như chị,” cô nói, “em sẽ làm việc thật chăm chỉ khi còn trẻ. Nhưng khi nhiều tuổi em sẽ về nông thôn, kiếm một người chồng và sống trong một ngôi nhà nhỏ ở đó. Sống trong một túp lều và nuôi mấy con gà cũng được.” Cô thoáng im lặng, gạt ra khỏi tâm trí một ảo ảnh mà cả hai chúng tôi đều biết rằng sẽ không bao giờ thành hiện thực.

Đầu tháng Sáu, một công nhân mới vào làm ở nhà máy của Mẫn mất bốn ngón của bàn tay trái trong máy đột dập. Một tuần sau, cũng cái máy đó xoi mất ba ngón tay của một người mới khác. Cả hai công nhân đó đều không được đào tạo bài bản. Trong các công xưởng của thành phố này, thương tật gắn liền với nhu cầu sản xuất. Trong những tháng mùa đông, sản xuất chững lại, các nhà máy có đủ điều kiện để đào tạo công nhân mới; khi các đơn hàng dồn dập đến vào mùa xuân, những khóa đào tạo như vậy thường bị cắt ngắn thậm chí ngay cả khi những người mới không có kinh nghiệm tràn vào. Vì dây chuyền sản xuất trả tiền theo sản phẩm, làm việc nhanh hơn trong thời gian bận bịu đồng nghĩa với một khoản lương nhiều hơn - tổn thời gian dạy cho người khác chẳng mang lại cái gì cả. Đó là quy luật sống còn của nhà máy ở Đông Quán, giúp người khác chính là làm tổn thương chính mình.

Cuối tháng đó, Mẫn bất ngờ được đề bạt vào bộ phận nhân sự của nhà máy. Nhiệm vụ của cô là đứng bên đường dưới cái nóng như đổ lửa thuyết phục người qua đường gia nhập nhà máy, cô đã chiêu mộ được mười công nhân trong ngày đầu tiên. Cô cũng thực hiện các buổi học định hướng cho công nhân mới, những người mà hầu hết đều hơn tuổi cô. Giờ Mẫn không được nghỉ cuối tuần nữa, vì vậy chúng tôi gặp nhau vào một tối thứ Sáu cuối tháng, khi ca làm thêm giờ của cô kết thúc lúc chín giờ, trong một tiệm giải khát bên ngoài cổng nhà máy. Người bạn ở nhà máy cũ của Mẫn, Hoàng Kiều Nga đến ngay sau tôi, chỉ mang theo một chiếc va li nhỏ. Cô đến để làm việc ở dây chuyền lắp ráp.

Mẫn kể cho chúng tôi nghe về công việc mới của mình. “Em đứng bên đường thuyết

phục mọi người đến nhà máy chúng em làm việc.”

“Cô nói gì với họ?” Tôi hỏi.

“Em bảo họ: “Có thể anh chị nghĩ rằng các nhà máy khác trông có vẻ tốt hơn. Nhưng nhà máy nào cũng có những khó khăn riêng mà các anh chị không thể thấy được đâu. Ở lại đây và ổn định có phải tốt hơn không? Tiết kiệm chút tiền, kiếm thêm kinh nghiệm, sau đó hãy quyết định xem các anh chị muốn làm gì”.” Những lời đó khá quen thuộc, đó chính là những điều bố mẹ Mẫn luôn nhắc nhở cô.

“Nhưng nó trái ngược với những gì cô đã làm,” tôi nói.

“Đúng thế.” Cô gật đầu và mỉm cười. “Nó trái hẳn với những gì em tin tưởng.”

“Chị chưa bao giờ nghe thấy em nói kiểu cường điệu như vậy cả!” Hoàng Kiều Nga nói.

“Đây là trách nhiệm của em,” Mẫn phòng thủ. “Chị cũng làm thế nếu chị ở địa vị của em thôi.” Mặc dù cuộc đối thoại có vẻ cộc nhả thoải mái, nhưng vẫn có giới hạn của nó. Hai cô gái từng là bạn và bình đẳng với nhau, nhưng giờ Mẫn làm việc trong văn phòng, cao hơn hẳn những công nhân làm ở dây chuyền lắp ráp như Hoàng Kiều Nga.

Mẫn đi ra cái sạp bên cạnh mua mấy bát mì cho bữa tối. “Nếu không phải vì Mẫn, em còn lâu mới đến chỗ này,” Hoàng Kiều Nga thổ lộ sau khi Mẫn đi khỏi. Hai ngày trước, cô đã đến thăm nhà máy và thấy không thích điều kiện ở đây rồi. Từ đầu đáng lẽ ra cô đã chuyển tới ngày hôm qua, nhưng cô do dự; cuối cùng hôm nay cô rời khỏi nhà máy cũ, không xin phép ai mà cũng không lấy lại hai tháng tiền lương. Có nhiều cách để nghỉ việc ở một nhà máy. Một công nhân có thể nghỉ việc với sự đồng ý của ông chủ và nhận lại toàn bộ số tiền giữ chân. Cô ta có thể tạm nghỉ một thời gian, cách này đảm bảo cho cô một vị trí khi quay lại. Vài công nhân xin nghỉ việc đã đàm phán với những người chủ thuê mình để nhận lấy một phần số tiền vốn là của họ. Nhưng không gì tệ hơn *kuangli* (*cuồng ly*) - dịch theo nghĩa đen: “muốn nghỉ việc đến phát cuồng lên” - chính xác đó là việc Hoàng Kiều Nga vừa mới làm xong.

Tôi hỏi Kiều Nga xem cô định ở lại đây bao lâu.

“Để xem đã,” cô nói. “Em đang thử họ và họ cũng đang thử lại em.”

Mẫn trở lại bàn. “Nếu chị làm tốt, chị sẽ được thăng tiến.” Cô nói thêm, nhưng vẫn đầy vẻ đề phòng, “Lương của bọn em cũng không cao lắm đâu: tám trăm đồng. Nếu chị làm thêm giờ, có khi còn được hơn em ấy chứ.”

“Nhưng chị sẽ mệt đến chết mất!” Hoàng Kiều Nga nói.

“Có nhiều kiểu mệt lắm,” Mẫn nói. “Làm công việc này, cả thân xác lẫn tinh thần em đều mệt mỏi cả.” Cô đang dần nâng cao vị thế của mình. Trách nhiệm mới của cô bao gồm cả rót trà cho khách đến thăm, và cô đã đăng ký vào một lớp học tiếng Anh hằng

tuần dành cho các quản lý của nhà máy. “Chị có biết “pardon” nghĩa là gì không?” Mẫn hỏi Hoàng Kiều Nga một từ tiếng Anh. Cô có vẻ hơi thất vọng khi bạn mình nói “có”.

HOÀNG KIỀU NGA PHẢI thức giục mãi Mẫn mới chịu nói ra tin tức còn lại. Một anh chàng ở quê mới lên Đông Quán làm công nhân dây chuyền lắp ráp. Anh chàng này và Mẫn từng hẹn hò với nhau một thời gian ngắn hồi học cấp II, nhưng đã ba năm rồi cô chưa gặp anh ta lần nào. Mới tuần trước, anh ta đến đây thăm cô.

“Giữa hai chúng em vẫn còn tình cảm,” cô tuyên bố. Rồi ngay sau đó - “nhưng anh ta lùn lắm: có mỗi 1 mét 65.” Cô tiếp tục đi vào chi tiết: “Anh ta hút thuốc, uống rượu và đánh nhau. Hoàn cảnh gia đình cũng không được tốt lắm. Anh ta có một bà mẹ kế.”

“Gia đình anh ta làm gì?” Tôi hỏi.

“Em không biết,” cô đáp. “Em không muốn biết. Đến cuối cùng, chúng ta vẫn phải dựa vào chính bản thân mình thôi.”

Hai người bạn họ đã ở với nhau cả ngày. Lúc ăn cơm trưa, Mẫn rót trà cho anh chàng bạn trai cũ trong khi anh ta cứ nhìn chằm chằm vào cái ti vi gắn đầu đó phía trên đầu cô. Trong các nhà hàng rẻ tiền ở Trung Quốc, lúc nào cũng có một cái ti vi bật to hết cỡ, ánh mắt của khách và cả đám nhân viên thường xuyên gắn chặt vào cái màn hình.

“Tại sao chúng ta không nói chuyện?” Mẫn căn vặn anh chàng kia. “Tại sao anh cứ nhìn vào cái ti vi thế?”

Sau khi anh bạn trai cũ về, Mẫn nhấn tin vào điện thoại di động của anh ta. *Anh cảm thấy một ngày ở bên nhau của chúng ta thế nào?*

Anh thấy rất áp lực, anh ta nhấn lại. Cảm giác của anh rất phức tạp.

Đêm qua họ vừa mới nói chuyện điện thoại với nhau. Mẫn đi thẳng vào vấn đề: “Anh nghĩ chúng ta có tương lai không?”

Anh chàng bạn trai nói cần ba ngày để suy nghĩ về điều đó.

“Vậy là em sẽ có câu trả lời trong hai ngày nữa,” cô nói. “Anh ấy trả lời thế nào em cũng chấp nhận được.” Nói vậy nhưng cô đã xoay tròn giấc mơ của mình xung quanh chàng trai đã được đào tạo làm đầu bếp kia rồi. “Chúng em có thể về quê mở một nhà hàng nhỏ,” cô nói. “Tha phương cầu thực thế này chẳng có tương lai gì hết.”

“Cô có muốn kết hôn không?” Tôi hỏi. Cả cuộc nói chuyện này đã khiến tôi lấy làm ngạc nhiên.

“Đó không phải là vấn đề,” cô nói một cách thiếu kiên nhẫn. “Em đã mười tám tuổi. Em không muốn phí hoài thời gian của mình. Nếu anh ta không nghiêm túc với em, em muốn anh ta nói với mình ngay bây giờ.”

CUỐI CÙNG, mọi việc đều đã quyết định đối với Mẫn. Ba ngày sau cuộc nói chuyện với bạn trai cũ, cô nhận được một tin nhắn qua điện thoại di động lúc bảy giờ sáng: *anh ở*

trước cổng nhà máy. Cô không tin và đã chạy xuống cầu thang để xem. Anh chàng kia vừa hết ca đêm là bắt xe buýt thẳng tới nhà máy của cô. Mẫn phải làm việc, vì vậy anh chàng kia đợi bên ngoài từ tám giờ sáng đến trưa. Hai người cùng ăn bữa trưa, sau đó anh ta trở về và Mẫn quay vào làm việc.

“Anh ấy có nói hai người có tương lai gì không?” Tôi hỏi. “Không,” Mẫn nói. “Nhưng vì anh ấy đã đến, nên em biết.”

Cô vừa mới bắt xe buýt - ngồi hai tiếng đồng hồ - để ở bên anh chàng kia cả buổi chiều. “Anh ấy không cao, anh ấy không đẹp trai, anh ấy không có tiền, công việc của anh ấy cũng không tốt,” Mẫn nói.

Tôi đợi một lời gì đó tiếp theo một tràng những khuyết điểm ấy.

“Nhưng cô thích anh ta,” tôi chốt lại.

Mẫn không nói gì, nhưng cô mỉm cười.

Giờ anh chàng đang rời khỏi Đông Quán vì bố anh ta muốn con trai mình làm việc gần nhà hơn. Mẫn vừa mới nhìn thấy một viễn cảnh ổn định thì anh ta cũng biến mất, nhưng cô không hề bối rối. “Chúng em vẫn liên lạc bằng di động,” cô nói. Cả cô cũng không ở nguyên một chỗ. Cuối tháng đó, sếp đồng ý cho cô đi khỏi nhà máy và trả lại hai tháng tiền lương. Mẫn lại ra chợ việc làm lần nữa. Cô đã làm trong bộ phận nhân sự của nhà máy được chính xác hai mươi tư ngày, và dựa trên đó, cô có thể tạo dựng một sự nghiệp mới.

Trong một thành phố không có sự khoan thứ, chợ việc làm Đông Quán là nơi tàn khốc nhất. Với mười nhân dân tệ, tức là khoảng 1,25 đô la, bất cứ ai cũng có thể vào và phỏng vấn cho hàng trăm công việc được đề nghị tại quầy của các công ty ở bên trong. Nhưng để vào trong, người ta cần đến dũng khí - để nói chuyện với người lạ, để bán chính bản thân mình, để đối mặt với sự từ chối khi mọi người xung quanh đều nghe thấy. Mẫn ghét chợ việc làm vì nó khiến cô có cảm giác “có thể thay thế được”. Danh sách công việc kéo lùi con người xuống chỉ còn những đặc điểm cần thiết cho công việc ấy, và hiếm khi những thành tố cần thiết này cần đến hơn hai mươi từ:

TIẾP TÂN, GIỌNG DỄ NGHE, NGOẠI HÌNH ĐẸP VÀ NGĂN NẮP. BIẾT DÙNG PHẦN MỀM VĂN PHÒNG VÀ TIẾNG QUẢNG.

CÔNG NHÂN TIỆN. 18 ĐẾN 20 TUỔI, NAM, CÓ KINH NGHIỆM LÀM Ở NHÀ MÁY NƯỚC NGOÀI. KHÔNG CẬN THỊ. DA KHÔNG MẮN CẢM.

CHUYÊN VIÊN BÁN HÀNG. CÓ THỂ CHỊU KHÓ CHỊU KHỔ. TUYỂN CẢ NAM NỮ HỘ KHẨU NÔNG THÔN. CHỈ KHÔNG TRẺ EM.

Trong một ngày thứ Bảy đông đúc, chợ việc làm lớn nhất Đông Quán có thể hiện diện

tới bảy mươi nghìn khách. Giữa buổi sáng, tất cả những người này sẽ kẹt cứng trong một đồng hồ ãn ãn phùng phình, khiến cho việc di chuyển trong ấy trở nên bất khả; chock chock, lại có một nhóm người tách ra và tràn vào một quầy nào đó, mặc dù chẳng thể xác định được rằng điều gì đã khiến một công việc đột nhiên có giá hơn mọi cái khác. Những quầy được chuộng nhất có poster được sơn xịt, thường là những công trình dài không cửa sổ nền láng xi măng; một quầy đơn giản thì chỉ có một người, đàn ông hoặc phụ nữ cầm một tập bìa kẹp hồ sơ. Chợ việc làm chiếm trọn cả một khối phố^[14], kín cả một tòa nhà bốn tầng đã một thời dùng làm quán karaoke và sân bowling. Sau khi chuyển sang kinh doanh tương lai con người, người ta mới thấy hóa ra nó còn sinh lời nhiều hơn kinh doanh giải trí.

THƯ KÝ. 18 ĐẾN 25 TUỔI, CAO 1 MÉT 55 TRỞ LÊN. NGOẠI HÌNH CÂN ĐỐI.

BẢO VỆ. 20 ĐẾN 26 TUỔI, CAO 1 MÉT 72 TRỞ LÊN.

Luật ở đây là phân biệt đối xử. Các ông chủ thích thư ký của mình là nữ, xinh xắn và còn độc thân, họ chỉ để ý đến đàn ông trong các công việc kỹ thuật nhất định. Một nhà máy có thể cấm cửa những người quê ở Hồ Nam, nhà máy khác có thể từ chối tiếp nhận bất cứ người nào đến từ An Huy. Đôi khi cả gia cảnh một ứng viên nào đó cũng trở thành một yếu tố cần khảo sát, vì người ta tin rằng những người có anh chị em có vẻ sẽ *chiku nailao* (ngặt khổ nại lao) - chịu khó chịu khổ, giỏi hơn con một. Thấp hơn 1 mét 60 thì đảm bảo là bạn sẽ có một ngày bực bội ở chợ việc làm.

Chiều cao là một nỗi ám ảnh chung của người Trung Quốc. Ở một đất nước đã trải qua thời kỳ thiếu thốn và thậm chí là cả đói khát trong ký ức những người đang sống, chiều cao là biểu hiện của may mắn, và có chức năng như một đại diện của tầng lớp: ở bất cứ công trình xây dựng nào, cả đội quân công nhân - nông dân đều thấp hơn những người thành phố chủ nhân của ngôi nhà họ đang xây dựng. Đội quân lao động chân tay ở miền Tây có thể đông hơn dân cổ cồn trắng, nhưng ở Trung Quốc, phía kia mới có giá trị - những người có giáo dục có thể nhìn xuống các tầng lớp thấp hơn theo đúng nghĩa đen. Đối với phụ nữ, yêu cầu về chiều cao gắn liền với những ngành kinh doanh hấp dẫn quyến rũ hơn. “Em chỉ cần cao hơn mười xăngtimét nữa thôi,” một cô gái trẻ làm việc trong tiệm cắt tóc có lần từng nói với tôi, “thì em đã đi bán ô tô được rồi.”

Tuổi tác cũng là một trở ngại khác - ở chợ việc làm, điều đó có nghĩa với bất cứ ai quá ba mươi lăm tuổi sẽ bị giới hạn ở rất nhiều vị trí công việc. “Những người trên ba lăm tuổi kém suy nghĩ và cả nỗ lực nữa,” một quản lý nhà máy giải thích trên tờ báo quảng cáo được công ty điều hành hoạt động khu chợ này xuất bản. Tờ báo ấy cũng đưa ra lời khuyên cho vấn đề thuộc về nhân khẩu học này: “Đừng bao giờ nói về kinh nghiệm trong quá khứ của bạn. Phải luôn có tâm lý bắt đầu từ con số không.” Nhìn theo hướng ngược lại, giới hạn tuổi tác là bằng chứng của khả năng tiến lên trên nấc thang sự nghiệp. Trong quầy tuyển dụng của một công ty sản xuất tấm ván đầu giường, danh sách công việc và

tuổi tác tương ứng có vẻ như là một thời gian biểu thẳng cấp vậy:

KẾ TOÁN THANH TOÁN: 25

TRƯỞNG PHÒNG MARKETING: 30

PHÓ GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT: 35

Những công việc tuyển nhiều nhất là thư ký, tiếp tân, nhân viên bán hàng, bảo vệ và đầu bếp, ngoài ra nhu cầu tuyển nhân viên thiết kế khuôn và sửa máy móc cũng rất cao. Một công ty đang tìm người “có kỹ năng vận hành các máy móc của hãng Mitsubishi và Fujitsu”. Các chức danh công việc khá đặc trưng và đôi khi gây bối rối: THU THẬP MẪU. CÔNG NHÂN ĐÍNH. THỢ HÀN BÌNH ÁP SUẤT. Ở đây sức mạnh công nghiệp của nước Trung Quốc hiện đại bị đập tan thành từng mảnh nhỏ, các mảnh ấy chính là con người.

Những cuộc phỏng vấn ở chợ việc là ra thường ngắn và thẳng thắn đến độ khốc liệt. Người tuyển dụng không làm bộ làm tịch rằng công việc giống như thứ gì đó để mà viết thư về nhà kể, ứng viên thoải mái thú nhận sự ngu ngơ của mình. Hiếm có cuộc phỏng vấn nào kéo dài hơn năm phút. Việc tuyển dụng thường xong xuôi ngay tại chỗ, cũng chẳng ai buồn đi kiểm tra lý lịch làm gì cả.

Ở quầy của nhà máy sản xuất khuôn Hồng Phong, một cô gái trẻ ngồi xuống.

“Lương chỗ chúng tôi không được cao lắm,” người tuyển mộ nói ngay tức khắc. Sau đó là: “Cô đã làm việc với máy tính bao giờ chưa?”

“Rồi, tôi học sử dụng máy tính ở trường.”

“Ừm, chúng tôi chỉ trả được sáu trăm.”

Ở một quầy khác, một phụ nữ khác: “Cô có thể làm gì?”

“Tôi liên lạc với khách hàng, hầu hết là qua email, nếu họ đến văn phòng, tôi có thể tiếp đãi họ. Nếu công việc đòi hỏi chuyên môn nhiều hơn, thì tôi chẳng biết gì hơn cả.”

Cô có thể làm gì? Ở hầu hết các thành phố trên đất Trung Quốc, những nơi mà yêu cầu để tìm một công việc là bằng đại học, tiền và các mối quan hệ, đó là một câu hỏi hiếm khi được đặt ra. Ở chợ việc làm Đông Quán, bạn sẽ không bao giờ nghe thấy: *Anh, cô học ở trường nào? Anh, cô biết ai?* Hay ít nhất là, *Quê anh, cô có ở gần đây không?* Lúc nào cũng chỉ là: *Anh, cô có thể làm gì? Có biết sử dụng máy tính không? Có biết tiếng Anh không?* Danh sách công việc, thường được viết tay trên những tấm thẻ in sẵn, thường là điền lung tung bừa bãi vào các ô có sẵn. Ở chỗ đáng lẽ phải điền địa chỉ, người sử dụng lao động thường xác định giới tính của nhân viên mà mình muốn tuyển, thay vì điền nghề nghiệp chuyên môn, một công ty có thể đưa yêu cầu chiều cao vào chỗ đó.

Không phải ai đến chợ việc làm cũng dám đi vào bên trong. Một đám đông tập trung trên vỉa hè trước một tấm bảng điện tử khổng lồ thông báo tìm việc, như thể người ta đã

được định sẵn chỉ có thể mơ ước về một miền đất hứa mà họ không bao giờ đặt chân vào. Danh sách công việc chuyển động liên tục từ dưới lên trên, giống kiểu bảng giá chứng khoán, và đám đông nhìn chằm chằm như bị thôi miên.

Đến chợ việc làm lần thứ hai, Mẫn biết chính xác cần làm gì. Cô đặt mục tiêu cao, chỉ tiếp cận những công ty có công việc ở bộ phận nhân sự. “Thư ký là một vị trí rất thấp trong công ty, vì vậy tôi không tìm việc đó nữa.” Trong các cuộc phỏng vấn, cô hỏi về tốc độ thay thế công nhân và quy mô công ty, cô đang tìm một nhà máy nhỏ hơn, có nghĩa là ít cấp trên phải làm vừa lòng hơn. Cô né tránh những câu hỏi lý do tại sao cô lại bỏ công việc cũ. Đó là chuyện cá nhân, Mẫn đáp, rằng tốt hơn là không nói chuyện đó.

Và lần này, cô không còn thành thực hơn những người khác nữa. Ở quầy tuyển dụng của nhà máy cao su Thẩm Tinh, cô nói với người tuyển dụng rằng mình đã làm trong bộ phận nhân sự được một năm. “Nếu chị nói ít hơn,” cô giải thích với tôi sau đó, “họ sẽ nghĩ chị không đủ kinh nghiệm.” Cô được nhận với mức lương cao hơn lương người mà cô thay thế sáu đô la một tháng.

Mẫn bắt đầu làm việc ở bộ phận nhân sự của công ty ấy hai ngày sau đó, công ty này sản xuất các thành phần bằng cao su cho điện thoại di động và bàn phím máy tính.. Ngày làm việc của cô kéo dài tám giờ, nghỉ ngày Chủ nhật. Các nhân viên ở cấp độ cô ngủ bốn người một phòng tập thể, trong phòng có buồng tắm riêng và điện thoại. Cô kiếm được tám trăm nhân dân tệ một tháng, bao ăn bao ở - giống như công việc trước, kèm cơ hội thăng tiến nếu cô làm tốt.

Công việc mới của Mẫn là theo dõi các ghi chép về người lao động, biểu hiện, sai phạm và lương lậu của bốn trăm công nhân nhà máy. Cô đã từng giám sát máy móc, giờ thì cô chịu trách nhiệm ấy với con người, và có vẻ như đó là một công việc phù hợp hơn. Mỗi khi các công nhân đi tới cửa nhà máy, cô lại chặn họ lại để tuyển dụng. *Anh, chị có chứng minh thư không? Anh, chị có kế hoạch ở lại bao lâu?*

Cám ơn, cô đáp lại những người không trả lời đúng ý mình. *Chúng tôi chưa tuyển người ngay lúc này.*

Ngày mừng mười hằng tháng, bà vợ người Đài Loan của ông chủ nhà máy lại đến để trả lương cho công nhân và cầu Phật phù hộ. Mẫn sẽ theo bà chủ đi vòng quanh nhà máy - đến nhà ăn, cổng trước, và cùng chiếc máy nguy hiểm - hai người họ sẽ cầu Phật bảo vệ cho các công nhân và khiến công việc làm ăn thêm hưng vượng. Mẫn sẽ lặng lẽ cầu khẩn cho gia đình và bạn bè cũng như ông bà đã sang thế giới bên kia của mình, nhưng cô không nói điều ấy với bà chủ.

Cô dần tiến bộ trong công tác chính trị văn phòng. Không lâu sau khi vào làm, ông chủ lớn gọi Mẫn đến văn phòng của ông ta. Người ở vị trí cô trước đây, ông ta bảo, nói rất

nhiều và đã gây lỗi. “Cô không thích nói quá nhiều,” ông ta khen ngợi.

“Không ạ,” cô đồng ý.

Ông chủ mỉm cười. “Khi nào cô cần phải nói,” ông ta lên tiếng, “cô nên nói. Nếu cô không được phép nói, thì đừng nói.” Đó là quy tắc bí mật để tồn tại trong các công sở Trung Quốc, nhưng chưa từng một ai chia sẻ nó với Mẫn cả.

Lần này cô đã đối phó với cha mẹ mình một cách thành thực hơn. Cô không kể với họ rằng mình đã nghỉ việc. Thay vào đó, cô tìm một việc khác, gửi về nhà 120 đô la, sau đó gọi điện báo tin cho họ; cú chuyển tiền mặt là một đòn phủ đầu khiến họ sững sờ trong im lặng. “Họ không biết mọi việc bên ngoài diễn ra thế nào hết,” Mẫn kể với tôi. “Vì vậy tôi làm chuyện gì đó trước, rồi kể cho họ biết sau.”

Mọi người cô biết đều thay đổi, nhiều người trong số họ cũng đang vươn lên cao. Chị gái Mẫn ở Thâm Quyển đã được đề bạt lên làm thư ký điều hành, anh họ cô giờ là một quản lý ở Quảng Châu. Hai người bạn ở nhà máy cũ của Mẫn đã chia tách. Lương Dung về quê kết hôn với ai đó mà cha mẹ cô đã chọn lựa. Hoàng Kiều Nga, người đã chuyển tới làm việc ở nhà máy của Mẫn, đã nghỉ việc cùng ngày với cô và chuyển sang làm thư ký phụ trách sản phẩm ở đâu đó trong thành phố. Và sếp cũ của Mẫn cũng trở về Đông Quán. Anh ta rời Bắc Kinh về đây để làm cho một nhà máy sản xuất bút tất của Đài Loan, nhưng Mẫn không chịu gặp anh. Các công nhân ở nhà máy cũ của cô nói anh ta có ý đồ lăng mạn với cô. Cô đọc lại tin nhắn cũ của anh ta - *Anh trai đang nhớ em gái đây* - và cho rằng tin đồn đó là sự thật. Xét cho cùng thì người trưởng thành duy nhất đã tử tế với cô cũng không đáng tin cậy nốt.

Các nhà máy nhỏ cũng có vấn đề của riêng chúng, Mẫn đã nhanh chóng nhận ra những vấn đề ấy là gì. Nơi làm việc rất lộn xộn vô tổ chức, trách nhiệm của cô không bao giờ được làm rõ; cô phải hết sức vất vả để theo kịp tất cả những nhiệm vụ ném lên đầu mình. Giống như người cũ, ông chủ mới của cô lúc nào cũng bấp bênh và có ý thức rất rõ rệt về địa vị. Mẫn tìm hiểu được rằng có rất nhiều người đàn ông Trung Quốc mắc khiếm khuyết này. Ông ta không thích cái kiểu Mẫn không xin phép ông ta trước khi làm bất cứ việc gì. Ông ta không thích việc Mẫn cư xử thân thiện với đám bảo vệ. Ông ta phản ứng lại bằng cách bắt đầu phỏng vấn các ứng viên vào vị trí của Mẫn - một đồng nghiệp, một đối thủ cạnh tranh hay một kẻ sẽ thay thế Mẫn.

Tháng Tám năm 2004, hai tháng sau khi đến làm việc tại công ty này, Mẫn nhận tiền lương và ra đi mà không nói với bất cứ người nào. Một đồng nghiệp cũ đã vào làm ở một nhà máy tại Thâm Quyển mời cô đến đó làm với anh ta, thế là cô quyết định đi. Cô ngủ qua đêm trong một khách sạn gần nhà máy; khi đang ngủ, kẻ trộm đã phá khóa và lấy đi chín trăm nhân dân tệ cùng chiếc điện thoại di động của Mẫn, nơi duy nhất cô lưu giữ số điện thoại của mọi người cô quen biết trong thành phố này; người đồng nghiệp cũ, mối liên hệ duy nhất với công việc mới, những bạn bè cô đã có từ khi rời khỏi quê hương lên

thành phố, và cả người bạn trai ở quê nữa.

Chiếc điện thoại di động là khoản chi mua sắm lớn đầu tiên của hầu hết dân di trú. Không có điện thoại, gần như là không thể giữ liên lạc với bạn bè hay tìm một công việc mới. Thư từ giữa các nhà máy thường xuyên bị thất lạc, và gọi điện cho một công nhân qua số của nhà tập thể, nơi mà có thể có tới một trăm con người dùng chung một cái điện thoại cố định ngoài hành lang, là rất khó khăn. Điện thoại ở văn phòng trong nhà máy thường được lập trình sẵn để không cho thực hiện cuộc gọi ra bên ngoài hoặc tự động ngắt sau vài phút. Mà dù sao chẳng nữa, người ta ngại việc quá thường xuyên nên số điện thoại nhà tập thể và văn phòng đều nhanh chóng trở nên lỗi thời. Trong thế giới của những chuyển động vĩnh hằng này, chiếc điện thoại di động chính là kim chỉ nam, thứ ghim giữ một con người ở một nơi nào đó.

Tôi đã hiểu được tất cả những điều này một cách khá đau đớn. Trong những ngày đầu tiên ở Đông Quán, tôi làm bạn với rất nhiều người mới đến, những người chưa có điện thoại di động, rồi tôi đánh mất liên lạc với họ, hết người này lại đến người khác. Khi gặp Mẫn, tôi quyết định mua cho cô một cái máy nhắn tin, nhưng dịch vụ đó đã bất ngờ tan biến từ mấy năm trước, nên người bán hàng ở tiệm đồ điện tử chỉ cười giấu tôi khi tôi nói mình muốn mua một cái. Vậy nên tôi cho Mẫn một chiếc điện thoại di động để khỏi mất luôn cả cô nữa.

Trong thế giới của người di trú, chiếc điện thoại di động là một ẩn dụ của nhịp sống đô thị không ngừng nghỉ. Một quản lý nhà máy giày đã tổng kết lại sự thiếu kết nối với thế giới xung quanh của người di trú như thế này: “Ở nhà họ chẳng có điện thoại gì hết, và rồi đột nhiên họ ở đây và nó là Nokia 6805.” Để mô tả lại cuộc sống ở nông thôn, một phụ nữ trẻ bán bảo hiểm nói với tôi rằng, “Ở nhà họ chuyền tay nhau một chiếc di động.” Người ta nói về mình bằng những thuật ngữ dùng cho điện thoại di động: *Mình cần sạc. Mình đang tự nâng cấp*. Các ông bố bà mẹ của những cô gái di trú xa quê hương không tin tưởng vào điện thoại di động một cách bản năng, một số người còn cấm con gái mình mua một chiếc. Điện thoại di động, thiết bị cho phép và thậm chí còn cố sùý liên lạc bí mật với người lạ, là tất cả mọi thứ, trừ cuộc sống ở cộng đồng làng quê.

Một cô gái có thể đánh tín hiệu tình cảm của mình với một chàng trai trẻ bằng cách đề nghị trả hóa đơn điện thoại di động của anh ta. Các cặp đôi tuyên bố tình cảm chung thủy của mình bằng cách dùng chung một điện thoại, mặc dù thi thoảng những mối quan hệ này đã tan vỡ khi một người lén đọc tin nhắn gửi riêng cho người kia. Những người di trú mà tôi biết tốn rất nhiều thời gian để chăm sóc cho những chiếc điện thoại của mình - họ đổi số liên tục để được hưởng dụng những gói cước rẻ hơn, và đổi thẻ điện thoại khi đến một thành phố khác để tiết kiệm phí chuyển đổi cuộc gọi. Đó là tâm lý ngắn hạn ở Đông Quán này: tiết kiệm vài xu lẻ vẫn tốt hơn, thậm chí việc đó có làm mất

liên lạc với một số người.

Công nhân di trú là lý do chính để thị trường điện thoại di động Trung Quốc trở thành thị trường lớn nhất thế giới, nhưng cảm giác của những người làm trong ngành này đối với họ lại rất phức tạp, một người bạn làm trong ngành công nghiệp viễn thông của tôi cho biết: có vẻ như họ [các công ty viễn thông] hạ giá cước là vì họ [người dùng] chỉ muốn trả tiền cho dịch vụ nào rẻ nhất. Văn hóa đại chúng cũng bị ảnh hưởng tiêu cực: tôi cũng được nghe người ta nhận xét rằng, chất lượng nhạc pop Trung Quốc tệ hơn trong vài năm trở lại đây, bởi dân di trú thường chọn những bài hát ít phức tạp nhất làm nhạc chuông cho những chiếc điện thoại của họ.

Có hàng trăm nhà máy ở Đông Quán sản xuất linh kiện điện thoại di động, dường như mọi đại lý cấp ba trong thành phố này đều là cửa hàng bán điện thoại di động. Thành phố này cũng là một vùng thịnh vượng của ngành kinh doanh điện thoại ăn cắp. Một số quận nổi tiếng vì tỷ lệ trộm cướp điện thoại di động quá cao, một trong những chiêu được sử dụng là phóng xe máy lao nhanh trên vỉa hè và giật điện thoại khỏi tay người đi bộ, khi họ đang dở câu chuyện. Những chiếc điện thoại bị đánh cắp được thay vỏ khác và bán như đồ mới. Gia công, bán, ăn cắp, đóng gói lại và bán lại, chiếc điện thoại di động tựa hồ như một nguồn tài nguyên có thể làm mới vô tận giữa lòng nền kinh tế Đông Quán.

Điện thoại di động đồng thời cũng là sợi dây liên kết Mẫn với thành phố này. Cùng với chiếc điện thoại bị mất cắp, quan hệ bạn bè một năm rưỡi của cô cũng biến mất như thể chúng chưa bao giờ từng tồn tại. Cô lại đơn độc một lần nữa.

5. Những cô gái công xiềng

Cần đến hai trăm đôi bàn tay để tạo ra một chiếc giày chạy. Mọi thứ bắt đầu với một người gọi là thợ cắt, người này sẽ dập một mảnh vải lưới thành những hình cong khác nhau, giống như bức tranh ghép của trẻ con. Tiếp đó là thợ may. Họ khâu những mảnh đó thành phần trên của chiếc giày, gắn vào những thứ khác - một logo nhựa, lỗ xỏ dây giày - lần lượt. Sau đó, công nhân đế sẽ dùng lò hồng ngoại làm nóng các phần của đế giày rồi gắn lại bằng keo. Thợ ghép, thường là nam giới, vì công việc này đòi hỏi sức mạnh nhiều hơn - sẽ căng phần trên của chiếc giày vào một cái khuôn nhựa, gọi là cốt giày, một thứ trông như bàn chân người. Họ buộc chặt phần trên, quét keo lên đế giày, rồi ép phần trên và đế giày với nhau. Một chiếc máy sẽ đè lên một lực khoảng bốn lăm ki lô gam lên mỗi chiếc giày. Người thợ sửa sang cuối cùng gỡ cốt giày ra, kiểm tra từng chiếc giày một xem có lỗi gì không, sau đó đặt từng đôi vào hộp carton. Các hộp này được đặt vào thùng gỗ, mười hộp một thùng, và chuyển đi khắp thế giới trong vòng ba ngày. Trên lưới mỗi chiếc giày đều có một cái nhãn đề: MADE IN CHINA (Sản xuất tại Trung Quốc).

Nếu bạn đi giày thể thao, rất có thể bạn đã từng đi một đôi giày được sản xuất ở nhà máy Dụ Nguyên (Yue Yuen) ở Đông Quán. Nhà máy của gia tộc người Đài Loan này là nhà gia công lớn nhất cho các hãng Nike, Adidas và Reebok, cả các hãng nhỏ hơn như Puma và Asics. Tất cả các hãng này đã ngừng sản xuất giày từ nhiều năm về trước và quảng việc sản xuất này cho các nhà máy bên ngoài có thể làm với giá rẻ hơn nhiều. Bí mật của nhà máy Dụ Nguyên là sự tích hợp theo chiều dọc: nhà máy kiểm soát mọi bước của quá trình gia công sản xuất - từ thiết kế ban đầu cho tới sản xuất keo, đế giày, khuôn, cốt giày cho đến cắt, may, và ghép các sản phẩm đã hoàn thành lại với nhau. Một phần ba số lượng giày - trên thế giới được sản xuất ở tỉnh Quảng Đông; cơ sở sản xuất của Dụ Nguyên là lớn nhất ở đây.

Bảy mươi nghìn con người làm việc tại nhà máy ở Đông Quán của Dụ Nguyên. Hãy thử hình dung rằng toàn bộ dân số của Santa Fe, bang New Mexico ở Mỹ, đều ở độ tuổi dưới ba mươi và đều liên quan đến việc sản xuất giày thể thao mà xem. Bên trong bức tường gạch của tổ hợp nhà máy, các công nhân ngủ trong khu tập thể, ăn ở nhà ăn tập thể và mua sắm ở cửa hàng bên trong nhà máy. Dụ Nguyên có một vườn trẻ cho con cái công nhân viên và một bệnh viện có đội ngũ y bác sĩ nhân viên y tế lên tới 150 người; nó còn có một rạp chiếu phim và một đoàn nghệ thuật biểu diễn, các hoạt động tình nguyện và cả lớp dạy tiếng Anh. Nhà máy tự điều hành nhà máy điện và bộ phận cứu hỏa của riêng mình. Đôi khi chính quyền thành phố Đông Quán còn mượn xe thang cứu hỏa của Dụ Nguyên, chiếc cao nhất trong vùng, để đi dập lửa. Dụ Nguyên có nước đóng chai do chính nhà máy sản xuất. Những người dân địa phương sẽ kể với bạn rằng nhà máy này còn tự trồng trọt thực phẩm, nhưng điều đó không đúng mà chỉ là nhà máy có ký hợp

đồng với nông dân trong vùng để đảm bảo nguồn thực phẩm cho mình. Không gì ngoại trừ ngày tận thế có thể cản trở nguồn cung cấp cho thế giới cái mà những người làm trong ngành công nghiệp này gọi là “giày thể thao hàng hiệu”.

Đối với những người di trú trẻ, Dự Nguyên tạo ra sự ổn định. Lương công nhân làm việc ở dây chuyền lắp ráp chỉ ở mức trung bình - khoảng bảy mươi hai đô la một tháng sau khi đã khấu trừ các khoản, bằng với mức lương thấp nhất của thành phố - nhưng nó được trả đều đặn hàng tháng và đúng kỳ hạn. Công việc giới hạn trong mười một tiếng một ngày và sáu mươi tiếng một tuần, nghỉ ngày Chủ nhật, một trường hợp hiếm hoi trong ngành công nghiệp chẳng thiếu gì chuyện công nhân phải làm việc qua đêm này. Công nhân nhà máy Dự Nguyên ngủ mười người một phòng trên giường sắt, thế là quá tốt so với mức trung bình. Các cô gái trẻ thường phải trả một trăm nhân dân tệ cho người trung gian để kiếm được một việc làm ở đây, đàn ông thì phải gấp vài lần như thế. Tám mươi phần trăm công nhân ở Dự Nguyên là phụ nữ, hầu hết ở độ tuổi từ mười tám đến hai mươi lăm.

Một người di trú làm việc ở Dự Nguyên có thể sẽ không bao giờ làm việc ở nơi nào khác nữa. Sau một số năm, cô ta có thể nghỉ việc và trở về quê - để thăm một người họ hàng bị ốm hoặc làm lễ đính hôn, để nghỉ ngơi hoặc sinh con - rồi sau đó lại quay lại Dự Nguyên. Công nhân có thể giới thiệu anh chị em hoặc họ hàng hay người cùng làng vào làm việc trong nhà máy, nhà máy khuyến khích điều này; lấy một ví dụ, mười thành viên của một đại gia đình đều làm việc trong nhà máy này. Tốc độ thay thế công nhân khá cao - năm phần trăm một tháng, có nghĩa rằng hơn một nửa lực lượng lao động thay đổi trong một năm - nhưng con số đó chưa tính đến rất nhiều công nhân nghỉ việc chỉ để rồi quay trở lại làm việc tiếp. Chu Ân Phương vào làm ở Dự Nguyên năm 1991, khi cô mười bảy tuổi. Cô gặp chồng mình trong nhà máy, tạm nghỉ để sinh hai đứa con, đàm phán để được thăng tiến và giờ cô đã là giám đốc một nhà máy con quản lý 1.500 công nhân. “Tôi muốn làm việc ở đây cho tới khi về hưu,” cô nói với tôi như vậy. Chu Ân Phương mới ba mươi tuổi, nhưng trong giọng cô đã mang âm sắc khàn khàn của một người đàn bà đứng tuổi. Theo công nhân, tất cả các sếp ở Dự Nguyên, đều có giọng khàn khàn khó nghe sau nhiều năm hét lên ra lệnh trong tiếng ầm ầm của máy móc.

Thăng tiến là chuyện hoàn toàn có thể; nhu cầu sản xuất quá lớn, quá bức thiết đến nỗi Dự Nguyên buộc phải thăng cấp ngay từ bên trong bộ máy của mình. Hầu hết các quản lý trong công ty, từ người giám sát một dây chuyền đơn lẻ cho đến lãnh đạo cả một xưởng sản xuất, đều là những người di trú đến từ các vùng nông thôn, những người bắt đầu tất cả từ dây chuyền sản xuất. Có cả một hệ thống cấp bậc cực kỳ phức tạp. Các quản lý được chia làm mười ba cấp bậc, từ tập sự cho đến giám đốc điều hành, họ có đặc điểm là gọi nhau bằng chức vị chứ không phải bằng tên. Có một quán ăn chỉ phục vụ riêng cho các trưởng dây chuyền sản xuất, trong khi một quán khác phục vụ các giám sát sản xuất, cao

hơn một mức. Trẻ con là một dấu hiệu của địa vị ở nơi đây: chỉ có những người ở cấp bậc trưởng đây chuyền trở lên mới được sống bên trong nhà máy với vợ, chồng và một đứa con. Công nhân bình thường thường bỏ con cái ở quê cho ông bà chăm nom.

Xã hội bên trong nhà máy chia theo ranh giới các tỉnh. Công nhân quê ở cùng một tỉnh tụ lại với nhau, nói thứ tiếng địa phương mà người ngoài không thể nào hiểu nổi. Những người đến từ tỉnh có nhiều dân di trú hơn thì phân chia dựa theo huyện quê nhà của họ. Những công nhân quê ở các tỉnh liền kề nhau như An Huy, Hà Nam, Thiểm Tây và Sơn Đông có thể nói chuyện với nhau bằng phương ngữ riêng của họ; họ gọi nhau là “bạn nửa đồng hương,” một cách gọi gọi cảm giác gần gũi hơn. Công ty không ngăn cản sự phân biệt địa phương này: các quán ăn để cho công nhân lựa chọn nhiều món đặc trưng của Hồ Nam, Tứ Xuyên, hoặc Quảng Đông. Việc đúc kết các tính cách điển hình của từng tỉnh tạo thêm sắc thái cho việc tuyển dụng. Một ông chủ có thể cấm cửa cả một tỉnh nếu ông ta tin rằng cả trăm triệu con người đến từ cùng một nơi có thể sở hữu chung một đặc trưng về tính cách. *Người Hà Nam hay đánh lộn. Người An Huy thì làm việc chăm chỉ nhưng không đáng tin cậy.*

Các công nhân có thể sống nhiều ngày mà không cần phải mạo hiểm đi qua cánh cổng bảo vệ của Dự Nguyên, rất nhiều người trong số họ làm như vậy, lấy lý do rằng thế giới bên ngoài rất *luan (loạn)* - hỗn loạn, nguy hiểm. Nhưng cuộc sống bên trong những bức tường của Dự Nguyên cũng có thể bất ổn chẳng kém. Trộm vặt nhiều như kiến cỏ, trong nỗ lực giảm bớt loại tội phạm này, các công nhân bị cấm lại gần khu nhà tập thể suốt thời gian làm việc. Những cuộc cãi vã ở xưởng bị mang cả về phòng ngủ tập thể, bởi các công nhân ở cùng đây chuyền được yêu cầu ở chung phòng để tăng hiệu suất làm việc. Bên trong Dự Nguyên cũng có các băng đảng hoành hành. Một số băng cướp tiền của công nhân trong ngày trả lương; một số băng khác lại nhắm đến chuyện ăn cắp các phần khác nhau của chiếc giày. Các băng đảng cũng thực hiện sự tích hợp hàng dọc của riêng chúng. Một nhóm có thể lén tuồn dây giày ra khỏi nhà máy, trong khi các nhóm khác ăn trộm đế giày. Các phần này được ghép vào thành những chiếc giày hoàn chỉnh và phân phối ở một khu khác của thành phố. Trong giới hàng giả ở Trung Quốc, khu vực như thế là một lĩnh vực riêng chuyên biệt - lắp ghép trái phép những phần khác nhau của hàng hiệu. Các băng nhóm này được tổ chức theo địa bàn tỉnh, trong đó những người đến từ Hồ Nam đáng sợ nhất.

Tình tay ba và quan hệ ngoài hôn nhân khá phổ biến, cũng nhiều như mang thai ngoài giá thú và phá thai. Vài năm trước, một cô gái trẻ đã tự tử vì thất tình; một người khác đã sinh con trong buồng tắm nhà tập thể và vứt đứa bé vào toilet. Đứa trẻ chết và người phụ nữ trẻ đó bị gửi trả về nhà. “Chúng tôi có bảy mươi nghìn con người. Đây là cả một thành phố,” Luke Lee, quản lý phụ trách sức khỏe và an toàn cho công nhân của Dự Nguyên nói. “Bất cứ vấn đề nào mà thành phố có, chúng tôi cũng có ở trong nhà máy này.”

Vào những dịp cuối tuần, dây chuyền sản xuất ngừng hoạt động, tâm trạng bên trong khu tổ hợp Dụ Nguyên cũng thay đổi. Các cô gái cả tuần trước đó vốn bước đi đầy dứt khoát và đeo gương mặt vô cảm, bỗng trở nên chậm chạp uể oải. Họ đi tay trong tay với các cô bạn gái khác, thẻ nhân viên nhà máy móc dây da đeo lưng lẳng trên cổ hoặc vào những sợi xích gắn ở thắt lưng, trông như mấy cô bảo vệ trường học ở Mỹ. Họ diện áo sát nách mỏng và quần bò, hoặc váy dạ tiệc màu đen, đi giày cao gót; thỉnh thoảng cũng có vài cô bạn ăn mặc giống hệt nhau, tuyên bố tình bạn thắm thiết của họ với cả thế giới. Họ ăn kem ốc quế và ngồi chân trần trên bãi cỏ theo từng nhóm hai hoặc ba người, khi thì đọc tạp chí, khi thì tâm sự chuyện nọ chuyện kia. Cũng có khi chỉ có một cô gái ngồi một mình, nhìn mơ màng vào cõi hư không.

Nhà tập thể không có chỗ cho sự riêng tư. Các cô gái đứng ở hành lang chải mái tóc vừa gội xong của mình trước mảnh gương bé xíu bằng lòng bàn tay, các cô gái mặc quần soóc xách theo xô nước nhỏ lông bông để lau sàn nhà. Những người sống ở tầng trên vươn người qua rào chắn ban công nhà tập thể, soi xem bên dưới có chuyện gì xảy ra không và hét gọi các bạn ở nhiều tầng dưới đó. Một bản pop ballad vang lên từ chiếc đài chạy băng cassette trong buổi sáng mù sương: *Anh yêu em, rất yêu em, như chuột yêu gạo*. Không khí tỏa ra mùi của đồ giặt mới treo lên phơi khô; chất tẩy trắng, bột giặt và mùi ẩm mốc là những mùi vĩnh hằng của nhà máy Dụ Nguyên này.

Một sáng Chủ nhật tháng Sáu năm 2004, vài cô gái trẻ nằm trên giường sắt tán gẫu với nhau trong phòng 805, nhà J. Căn phòng toát lên vẻ bừa bộn của một bữa ngủ rồn đã về đến cuối, các cô gái vẫn nằm ườn ra trong bộ đồ ngủ mặc dù đã mười một giờ trưa.

“Khi gặp gỡ một người đàn ông ngoài làng,” một cô nói, “mình không biết được con người thực của anh ta và cũng chẳng biết gì về gia đình anh ta nốt.”

“Nếu bạn có bạn trai khi đang ở xa nhà, bố mẹ bạn ở quê sẽ chẳng còn mặt mũi nào nữa đâu.”

“Bạn có thể kết bạn với ai đó, rồi về quê và lại mất hết cả liên lạc thôi.”

“Khi về quê, bạn sẽ nhận ra mọi người biết tất cả mọi điều liên quan đến bạn.”

Mười cô gái sống chung trong phòng J805, một căn phòng trên tầng tám diện tích khoảng mười tám mét vuông, có hai dãy giường sắt. Căn phòng, cũng như mọi nơi khác ở Dụ Nguyên, đầy mùi đồ giặt ẩm ướt. Mỗi cô được cấp cho một ngăn tủ tường để chứa quần áo, đồ ăn vặt, đồ trang điểm và trang sức; họ trang trí bên trong đó bằng tranh ảnh những ngôi sao điện ảnh cắt trên tạp chí, trông giống tủ đồ của các nữ sinh trung học ở Mỹ. Khoảng không gian bên dưới giường sắt là nghĩa địa cho các thể loại giày: cao gót, đế mềm, dép xỏ ngón Hello Kitty. Phòng J805 nằm trên một hành lang dài đầy những căn phòng giống hệt nhau, có nhà vệ sinh và phòng tắm ở cuối. Tòa nhà này là nơi ở của hai

nghìn công nhân.

Trên đồng ruộng quê nhà đang là mùa bận rộn nhất trong năm, mùa gặt vụ hè và cấy vụ hè thu. Nhưng vòng quay sản xuất giày trên toàn cầu lại chậm dần lại. Các cô gái ở phòng J805 làm việc trong nhà máy Dụ Nguyên số 8, chuyên sản xuất giày cho các hãng Adidas và Salomon. Thời gian này họ chỉ làm việc mười tiếng rưỡi một ngày cộng thêm nửa ngày hoặc cả ngày thứ Bảy; trong thế giới sản xuất gia công ở Đông Quán, như vậy đã được coi là mùa kém năng suất rồi. Vài cô gái có kế hoạch về quê hoặc rời khỏi nhà máy, nhưng con đường phía trước của họ còn phải tùy xem họ làm ra bộ phận nào của chiếc giày. Người nào làm ở bộ phận gia công đế có thể nghỉ. Còn thợ cắt và thợ may thì phải ở lại.

Giả Kế Mai, hai một tuổi, người Hà Nam, làm ở bộ phận gia công đế giày, lao vào căn phòng sau chuyến đi mua sắm và khoe những gì mình vừa mua được: đồ ăn vặt trên tàu và một chiếc đài băng cassette cho gia đình. Cô vừa được cho phép nghỉ về quê một tháng. “Suốt cả hai đêm trước em không ngủ được tẹo nào,” cô nói. “Khi chị biết được mình sắp trở về nhà, chị sẽ chẳng nghĩ được bất cứ chuyện gì nữa đâu.” Cô có chiếc mũi hếch và đôi mắt rộng trên gương mặt tròn, núng na núng nính mỗi khi cô cười. Cô ngồi xuống chiếc giường sắt ở tầng dưới của mình, ép chặt một con gấu trúc bông vào ngực.

Trương Thiến Thiến, một cô gái trẻ quê tỉnh An Huy ở tầng dưới lên chơi, quan sát đồng nghiệp sửa soạn trở về nhà. Cô có dáng người rắn rỏi, đôi bờ vai rộng và gương mặt cứng rắn nghiêm nghị; cô mặc đồ jean và có một chiếc đồng hồ đeo tay dáng thể thao màu đen khiến cô trông có vẻ mạnh mẽ. Trương Thiến Thiến là thợ cắt, vì vậy cô ở lại nhà máy. “Mỗi khi về đến nhà, tớ lại buồn đến chết đi được,” Thiến Thiến nói. “Chẳng có ti vi và chẳng có cassette. Mà mọi người ở quê đều đã tha hương kiếm sống, thế là tớ lại thui thui một mình suốt cả ngày.”

“Bà nội tớ dậy từ sáng sớm để chuẩn bị bữa sáng,” cô nói tiếp, “rồi bà gọi tớ dậy ăn, mà đôi khi tớ vẫn còn đang ngủ tí. Sau đó bố tớ sẽ quát: Mày nằm uòn ra giường và thậm chí còn chẳng chịu dậy mà ăn bữa sáng bà nội đã nấu cho mày nữa. Ở nhà lúc nào mình cũng bị chê trách đủ điều.”

“Khi về quê, thì không thể ở lại đó được,” Lý Tiểu Yến, một cô thợ cắt quê tỉnh Hồ Nam ở cùng phòng lên tiếng đồng tình. Các cô gái ở đây có mối quan hệ rất phức tạp với quê nhà của mình. Ở ngoài thành phố, họ mệt mỏi, cô đơn, nói mãi đến chuyện về nhà nhưng về đến nhà, họ lại nhanh chóng buồn chán và lại khát khao được ra đi lần nữa. Nếu một cô gái quyết định rời bỏ nhà máy, quyết định ấy sẽ tạo nên một gợn sóng sừng sốt và bất ổn định đối với mọi người xung quanh cô. Là dân di trú, cũng đồng nghĩa với việc hết lần này đến lần khác bị những người gần mình nhất bỏ rơi.

Thiến Thiến là một tay kỳ cựu đối với những chuyện ra đi và trở lại. Cô ở quê nhà lên đây ba năm trước, làm việc ở Dụ Nguyên một năm rưỡi, sau đó nghỉ việc vì có xung đột

với ông chủ, rồi cô trở về quê sống một thời gian. Trở lại Đông Quán, Thiến Thiến làm việc ở một nhà máy điện tử nhỏ mà điều kiện còn tệ hơn Dụ Nguyên rất nhiều lần. Cô nghỉ việc và lại về quê, lần này là vì lễ mừng thọ tám mươi của bà nội cô. Bốn tháng trước, cô lại vào làm việc ở Dụ Nguyên. “Tớ di chuyển từ nơi này đến nơi khác, thế mà có vẻ như lúc nào cũng kết thúc ở cái nhà máy này,” cô tâm sự.

Giả Kế Mai thì không chắc chắn lắm. “Có thể em sẽ trở lại Dụ Nguyên nhưng em còn chưa dám chắc,” cô nói. Một tuần sau, cô về quê mà không nói cho các bạn cùng phòng biết mình có trở lại hay không.

Trung Quốc đã có một phần tư thế kỷ tham gia vào làn sóng di trú lớn nhất trong lịch sử loài người, và lai lịch của những con người đang dịch chuyển ấy cũng thay đổi không ngừng. Những người rời bỏ làng quê ra đi vào những năm 80 và đầu những năm 90 của thế kỷ trước không có mục tiêu xác định, mà thường bị thúc đẩy bởi nhu cầu tiền nong của gia đình và khát khao xây một ngôi nhà khi trở về quê hương. Người ta coi hành động của một phụ nữ độc thân rời bỏ quê hương một mình là mạo hiểm, thậm chí còn là một nỗi xấu hổ. Những người di trú thuở ban đầu ấy thường tìm các công việc theo mùa, thường là vào các dịp nông nhàn. Họ trở về giúp đỡ gia đình suốt thời gian gieo hạt và cả vụ gặt. Khi đã kiếm đủ tiền, họ về quê và không đi đâu nữa.

Thế hệ mới đến tuổi trưởng thành khi mà di trú đã được chấp nhận như một con đường tìm đến cuộc sống tốt hơn. Trẻ hơn và được giáo dục tốt hơn những người đi trước, họ ít bị sự nghèo đói ở nông thôn thúc bách hơn, mà chính các cơ hội ở thành phố thôi thúc họ. Không còn sự xấu hổ nhục nhã nào gắn với di trú nữa. Giờ đây, ở lại quê nhà mới chính là nỗi nhục.

Mối gắn kết của những người di trú mới với làng quê của mình lỏng lẻo hơn. Những chuyến về quê của họ không còn bị chi phối bởi lịch nhà nông hay thậm chí là những ngày lễ tết truyền thống kiểu như Tết âm lịch. Thay vào đó, dân di trú trẻ về quê và lại ra đi tùy theo kế hoạch cá nhân của họ, chuyển việc hoặc xin được nghỉ phép, kế hoạch đó thường gắn liền với nhu cầu của chu trình sản xuất. Giờ đây, thứ ấn định cuộc đời dân di trú là mùa của nhà máy, chứ không còn là mùa đồng áng nữa.

Hành vi và vẻ ngoài của dân di trú mỗi lúc một giống dân thành thị. Các tờ tạp chí dành riêng cho dân di trú được xuất bản từ những năm 1990 đều đã đình bản hoặc đang vật lộn để giành lấy độc giả. Người ta không còn nghe thấy những bài hát về đời người dân di trú trong các thành phố công nghiệp miền Nam nữa, công nhân làm việc ở dây chuyền lắp ráp giờ nghe thứ nhạc pop đám thanh thiếu niên thành thị vẫn nghe. Dân di trú ngày nay tiêu tiền cho bản thân một cách thoải mái - vào quần áo, làm tóc và điện thoại di động - họ có thể chi gửi tiền về nhà vào những lúc cần thiết. Thế hệ di trú mới tham vọng nhiều hơn và ít thỏa mãn hơn những người đi trước. Một cuộc điều tra cho

thấy 12% những người di trú rời bỏ quê hương từ những năm 1990 thỏa mãn với hoàn cảnh sống của họ, so với con số 27% ở những người đã ra đi từ một thập kỷ trước đó. Điều đó không nhất thiết là những người di trú mới muốn trở về quê hương. Nhưng nó gợi ra rằng nền tảng để so sánh của họ đã chuyển dịch lên thành phố, và có lẽ những mong đợi lớn hơn ấy hứa hẹn một cơ hội thành công cũng lớn hơn. Hoặc có lẽ là thế hệ mới này đã được định sẵn là sẽ phải thất vọng.

TÌM HIỂU về các nữ công nhân trẻ của Dụ Nguyên không phải chuyện dễ. Các cô hẹn ngày gặp tôi và rồi không xuất hiện; nếu tôi tìm thấy họ sau đó, họ cũng chẳng giải thích hay xin lỗi gì. Không ai muốn nhận chiếc điện thoại di động tôi đề nghị tặng để chúng tôi có thể giữ liên lạc, có lẽ bởi họ không muốn phải chịu trách nhiệm. Họ có thể rất thân thiện với tôi ngày hôm nay và rồi làm mặt lạnh như tiền vào ngày hôm sau, nếu tôi bắt chuyện được với một cô gái ở nhà tập thể nào đó, những cô khác cùng phòng sẽ tránh mặt tôi đi. Có cô còn hướng dẫn các bạn cùng phòng nói dối tôi rằng cô ta đã rời bỏ nhà máy, chỉ bởi các bạn cô từng nói với cô rằng tôi không đáng tin cậy. Công ty cho tôi quyền đi lại tự do trong các khu nhà tập thể, nhưng giành được lòng tin của những người sống ở đó mới là phần khó khăn nhất. Trong cái bóng của nhà máy giày khổng lồ ấy, họ lả lướt mong manh như lũ bướm đêm, khó nắm bắt hơn bất cứ người nào tôi gặp trong thành phố.

Các cô gái đều giữ thái độ dè chừng với người khác và thường nói năng phũ phàng khi ngồi với nhau. Họ thường chẳng biết gì về những người sống chung và làm việc chung với mình; khi tôi tìm hiểu được sâu hơn về họ, các cô gái thường hỏi tôi tin tức về những người khác. Hầu hết các cô đều có vẻ như có một hoặc hai người bạn thực sự đang sống ở xa, có lẽ là ở một nhà máy khác, và thà tin vào họ còn hơn là vô số những người ở quanh mình. Có lẽ đây là sự đề phòng của họ khi phải sống giữa một tập đoàn đầy những người lạ: họ cho việc ai đó ngủ ở giường ngay bên cạnh mình đêm nay có thể biến mất vào ngày mai là chuyện thường tình.

Công nhân di trú cần nhiều nghị lực để thay đổi hoàn cảnh của mình. Nhưng trong một nhà máy lớn như Dụ Nguyên, áp lực của việc hòa nhập với xung quanh cực kỳ khắc nghiệt. Cô gái nào cũng tuyên bố trước mặt những người khác rằng họ không đồng tình với chuyện kiếm bạn trai ở thành phố, mặc dù rất nhiều người trong số họ đã có một người rồi; họ bịa chuyện học lên cao hơn là vô dụng, đồng thời vài người lại lén lút tham gia các lớp học trong một nỗ lực tự nâng cao bản thân. Dụ Nguyên là một chỗ làm tốt - tất cả những người từng làm việc ở đó đều nói vậy. Nhưng nếu muốn thứ gì đó khác, bạn sẽ phải gồng mình hết sức lên để thoát thân.

Tháng Bảy, mùa bận rộn nhất trong năm của nhà nông, công việc ở Dụ Nguyên chững lại như rùa bò. Các phòng tập thể trống huếch trống hoác vì có nhiều công nhân xin nghỉ

phép về quê. Những người ở lại chỉ làm việc tám giờ một ngày, năm ngày một tuần. Ở đây, thời gian biểu làm việc bình thường của thế giới cổ cồn trắng phương Tây đã là thiên đường rồi.

Thiến Thiến thức dậy lúc hơn mười giờ sáng Chủ nhật, vừa đúng lúc tôi đến gặp cô. Cô ngáp dài, vươn người và lễ rề quăng mình khỏi chiếc giường sắt tầng trên. Cô mặc một chiếc áo sát nách màu xanh lá, quần jean thêu hoa dọc theo một bên ống, kéo lê đôi giày cao gót nhọn hoắt. “Cả một năm dài, chỉ có vài tháng này là vui hơn một chút.” Cô nói. Cách đó hai giường, một cô bạn cùng phòng đang ngồi trên giường thì thảo luận nói tiếng Anh. Cô tham gia một lớp do nhà máy tổ chức. Các câu trong cuốn sách đã sồn gáy của cô nghe khá lạ.

THIS IS LOO. HE'S FROM PERU.

(ĐÂY LÀ LOO. ANH ẤY ĐẾN TỪ PERU.)

Một câu khác có nghĩa:

DONT LOSE THE OPPORTUNITY.

(ĐỪNG ĐỂ VUỘT MẤT CƠ HỘI.)

Thiến Thiến đi xuống cầu thang, qua những tòa nhà tập thể khác, rồi đi qua cánh cổng nhà máy. Trên vỉa hè bên ngoài, ánh mặt trời chói chang đến nỗi cả con phố như trắng lóa lên, giống một bức ảnh bị lộ sáng. Thiến Thiến bước vào một cửa hàng bách hóa và hướng về phía dãy giá để những chiếc giày cao gót có đính cườm trang trí. Cô chỉ ngón tay vào một chiếc giày đế bằng màu vàng, dây giày có ba trái tim hồng lấp lánh, trông như chiếc kẹo Lễ Tình nhân. “Cái này rất hợp một năm nay,” cô nói. Trong khu bán quà, cô chỉ ra một chiếc khung ảnh có gắn những bông hồng giả bên trong, cô đã tặng cho một người bạn một cái y như thế nhân dịp sinh nhật.

Ra ngoài con phố gần như vắng tanh, Thiến Thiến lớn tiếng gọi to một cô gái đi qua bên mình. “Giả Kế Mai! Cậu dạo này biến đi đâu thế?”

Cô gái có những lọn tóc nhuộm đỏ dừng lại. Cô khoác trên vai một chiếc ba lô bằng nylon hiệu Nike. “Tớ về nhà,” cô đáp.

“Cậu về nhà? Bây giờ ư?”

“Bây giờ.”

Thiến Thiến nắm bàn tay cô gái kia một lúc. “Được, tạm biệt nhé,” cô nói. Cô nhìn bạn mình đi xa dần. “Ta gặp quá nhiều bạn bè trong những nhà máy như thế này, thế rồi họ về quê hết.”

“Các cô có giữ liên lạc không?” Tôi hỏi.

“Khó lắm. Thịnh thoảng chúng em cũng trao đổi địa chỉ.” Bạn thân nhất của cô ở thành phố là người cô đã gặp trong thời gian làm việc ở Dự Nguyên lần đầu tiên. Họ đã

cùng lúc nghỉ việc ở nhà máy, người nào về quê người nấy, và hẹn nhau sẽ cùng rời làng quê ra đi một lần nữa. Thiến Thiến thường xuyên ghé thăm bạn vào những ngày được nghỉ. Nỗ lực cần thiết để giữ liên lạc được với nhau giải thích tại sao các nữ công nhân nhà máy lại có ít bạn bè thực sự đến thế. Điều dễ xảy ra nhất trên đời này, chính là đánh mất mối liên hệ với một ai đó.

Chúng tôi ngồi xuống một quảng trường đầy nắng bên ngoài cửa hàng bách hóa ăn kem ốc quế. Một cô gái mặc áo đồng phục nhà máy kẻ xanh trắng có vẻ như quen biết Thiến Thiến ngồi xuống cạnh chúng tôi. Cô vung vẩy tấm bưu thiếp mình đang đi gửi một cách vu vơ. “Tớ bỏ nhà máy rồi,” cô lên tiếng. Trời nóng đến nỗi chẳng ai đáp lại. Hai cô gái ngồi trong yên lặng và nhìn tôi hí hoáy viết vào cuốn sổ.

“Cậu có đọc được tiếng Anh không?” Thiến Thiến hỏi cô gái.

Cô gái kia cười rũ rượi. “Thậm chí tớ còn chưa tốt nghiệp tiểu học nữa là!”

Sau khi cô gái kia đi, Thiến Thiến giải thích rằng họ từng làm chung trong một nhà máy nhỏ gần đây. “Dụ Nguyên tốt hơn,” cô nói. “Phúc lợi tốt hơn. Có cả một thư viện và trung tâm sinh hoạt. Chị có thể chơi cờ hoặc vào câu lạc bộ lắc vòng.” Tôi hỏi cô có tham gia vào hoạt động nào không, thì cô bảo không.

Cô đi bộ dọc xuống phố, ngẫu nhiên gặp những người bạn đang chuẩn bị về quê, chào nhau một câu và rồi tạm biệt với những người mà rất có khả năng cô sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa. Ở quê nhà, cha mẹ Thiến Thiến cũng gây áp lực ép cô trở về, nhưng họ cũng muốn cô gửi thêm tiền. Cô đã gửi cho họ khoảng năm nghìn nhân dân tệ trong hai năm đầu tiên lên thành phố, nhưng sau đó thì không gửi gì nữa cả. Ở làng cô, các bậc cha mẹ có truyền thống xây nhà cho con trai trưởng thành sống sau khi anh ta lấy vợ, em trai Thiến Thiến mới mười bốn tuổi, nhưng cha mẹ cô đã bắt đầu lo lắng về phí tổn đó.

“Mọi người khác trong làng đều đã xây nhà,” bố Thiến Thiến nói với cô. “Làm sao nhà mình vẫn chưa xây được?”

“Con cũng đang định hỏi câu ấy đây,” Thiến Thiến vặc lại.

Từ làng quê, gia đình cố gắng tác động đến các cô con gái của họ. *Gửi tiền về nhà. Đừng có quen bạn trai ở ngoài ấy. Lấy chồng cho sớm đi. Trở về đây.* Trong hầu hết các trường hợp, các cô gái hành xử theo ý thích của mình. Cha mẹ Thiến Thiến thậm chí còn không biết số điện thoại của cô trong nhà máy - khi nào cô muốn nói chuyện, cô sẽ gọi cho họ. Họ lúc nào mà chẳng ở nhà.

Những con phố xung quanh Dụ Nguyên tràn ngập cơ hội tiêu tiền và tự nâng tầm bản thân lên. Những buổi chiều cuối tuần, Trung tâm đào tạo máy tính Hy Vọng đông nghịt công nhân ngồi trước màn hình học sử dụng Word và Excel. (Một tấm biển quảng cáo ở bên ngoài viết bằng tiếng Anh sai chính tả: MICROSOFT WORB.) Một cửa hàng bán áo

sơ mi trắng cho nam giới giá hai mươi nhân dân tệ một chiếc, và một tiệm chụp ảnh đưa ra lựa chọn với các tấm phong nền gợi đầy ý chí vươn lên: khung cảnh điền viên, cột đá kiểu Hy Lạp, những căn biệt thự ngoại ô. Những người bán lẻ phục vụ cho những ai nhớ nhà với những thứ đậm chất vùng miền. BÁNH HẠT VÙNG CHU KHẨU HÀ NAM. CẮT TÓC VŨ HÁN. Một cửa hàng chỉ có một dãy những quầy điện thoại bằng nhựa gắn dọc bức tường, một ngành kinh doanh chỉ tồn tại duy nhất trong các thành phố của dân di trú. Bên bức tường đối diện là lịch trình tàu hỏa đi khắp các thành phố trên đất Trung Quốc: đi Ninh Ba hai mươi lăm tiếng, đi Thành Đô bốn mươi tiếng. Trung tâm y tế thị trấn Thượng Giang quảng cáo thử thai trong một phút, chữa các bệnh lây qua đường tình dục và phá thai. Bệnh viện bên trong nhà máy Dụ Nguyên cũng phá thai được, nhưng hầu như chẳng ai đến đó. Các phòng khám ven đường cũng thực hiện trình tự y như thế và chẳng ai biết là bạn làm gì ở đó cả.

Bên ngoài cánh cổng nhà máy Dụ Nguyên, có lần tôi đã thấy một người đàn ông nói vào bộ micro gắn trên đầu nhanh như một người rao hàng rong trong các hội chợ ngày trước. “Nếu bạn đau bụng, đau lưng, nếu bạn thấp khớp, thứ này chính là dành cho bạn đây.” Không khí chua lèm mùi rượu, trên một tấm chăn trải ra sát bức tường bày mấy con rắn trong lồng, một con sao biển và nhiều chai chất lỏng màu hơi nâu nâu như trà đá pha đặc. Vài con rắn, có vẻ như đã chết, được quấn bưng nhùng vào nhau trong giỏ nhựa; người đàn ông dùng một cái que đảo đảo chúng lên, như đang làm món xào. Anh ta hút thuốc liên tục rồi ho sù sụ, trông chẳng đủ tư cách để đưa ra những lời khuyên về y tế một chút nào. Thế nhưng cũng có một đám đông các chàng trai và cô gái trẻ tranh giành những tờ roi mà anh ta phát ra.

RƯỢU RẮN BỔ THẬN

Thành phần: thành phần chính của sản phẩm này là rắn hổ mang chúa, rắn cạp nong, rắn vòng bạc, và các loại khác, tổng cộng bảy loại rắn độc và rất nhiều được thảo.

Cách dùng: sáng và tối, mỗi lần một hoặc nửa lạng.

Một hôm khác cũng trên đoạn vỉa hè ấy, một người đàn ông nằm sấp, đôi chân tàn tật quấn bên dưới, đang cầm một mẫu phấn viết lên vỉa hè. Một đám đông những người di trú trẻ tụ tập lại đọc câu chuyện của anh ta: vợ anh ta chết, con trai đang ốm, anh ta đã phải đi một quãng đường xa để hành khất. Trong cốc của người đàn ông đã có vài tờ tiền lẻ, lúc tôi đứng quan sát thì có thêm hai người nữa cho anh ta tiền.

Từ con phố chính phía trước nhà máy Dụ Nguyên, các lối đi chạy vòng góc giữa các cửa hàng. Những ngõ ngách này đầy những rác rưởi còn trên tường nhà dán đầy quảng cáo chữa bệnh lậu và giang mai; ở Trung Quốc, những tờ roi kiểu này đầy rẫy ở bất cứ đâu có nhiều gái điếm. Đi dọc theo một trong những lối đi ấy, có lần tôi đã nhìn được qua cửa sổ một căn nhà một tầng. Trong đó có những cô gái trẻ đang ngồi trong bóng tối, mái

đầu cúi xuống khâu vá. Đó cũng là một nhà máy, loại tệ nhất ở đây.

Các cô gái làm việc ở Dụ Nguyên hiếm khi bén mảng tới những nơi này. Các đường ngách này không dẫn đến những con phố khác có trường dạy máy tính và cửa hiệu làm tóc: chúng đi đến khu ruộng đồng. Ngay bên ngoài rìa của thế giới các nhà máy, đàn ông và đàn bà tuổi trung niên đang làm việc trên những ruộng rau xanh ngắt, dưới bầu trời đầy mây nhưng chẳng thể bảo vệ họ khỏi ánh nắng mặt trời.

LỊCH TRUYỀN THỐNG (LỊCH ÂM) của Trung Quốc chia một năm thành hai mươi tư tiết và đưa ra chỉ dẫn cho nhà nông cứ hai tuần một lần. Một năm bắt đầu với tiết lập xuân, vào ngày 4 hoặc 5 tháng Hai và đó là thời gian để gieo hạt vụ xuân. Lịch âm còn chỉ ra lúc nào nên trồng dưa, đậu, hoa màu, củ cải đường, nho và lúc nào thì thu hoạch lúa, lúa mì, táo, khoai tây, củ cải và bắp cải. Nó dự đoán những đợt hạn và mưa lớn. Nó chỉ dẫn khi nào là thời gian chính xác để bảo vệ mùa màng khỏi gió máy, diệt sâu bọ và bón phân, diệt cỏ, tưới nước, khi nào thì đi sửa chuồng cho gia súc và khi nào đón mừng năm mới. Hệ lịch này đã được chuẩn hóa từ thời Tiền Hán - với nhiều khác biệt vùng miền, và nó đã chỉ đạo nhịp sống trên đồng ruộng suốt hai nghìn năm nay.

Các cô gái ở Dụ Nguyên chẳng biết gì về chuyện đồng áng. Khi về nhà, cha mẹ họ thường không muốn họ đụng tay đụng chân vào làm việc; nếu ra đồng giúp việc, các cô sẽ bị cháy nắng và bỏng rộp vì không quen môi trường làm việc. Một công nhân di trú đã mô tả một ngày điển hình ở quê với tôi: Cô tuân theo thời gian làm việc của nhà nông với những thành viên còn lại trong gia đình, nhưng cả ngày chỉ ngồi nhà xem ti vi.

Tôi dậy lúc 6h30. Tôi xem ti vi - Điểm tin tức, sau đó là các chương trình truyền hình dài kỳ. Tôi xem ti vi đến khoảng một hai giờ chiều. Sau đó tôi nằm ngủ và đi loanh quanh một lúc. Tôi ăn tối rồi đi ngủ lúc mười giờ.

Thời gian biểu toàn cầu của ngành gia công giày cũng bắt đầu vào mùa xuân. Máy móc tăng tốc vào tháng Ba và nhanh hơn nữa vào tháng Tư, Năm và Sáu, sản xuất ra giày dép trước mùa mua sắm mùa hè ở Mỹ và châu Âu. Tháng Bảy - khi việc nhà nông bắt đầu chuyển nhanh để vào vụ thu hoạch hè trước khi mưa xuống - ngành công nghiệp sản xuất giày bắt đầu rơi vào giai đoạn lảng. Các đơn hàng giảm xuống thấp nhất vào tháng Tám, dây chuyền sản xuất đôi khi chỉ chạy với hai mươi phần trăm công suất. Tháng Chín và tháng Mười, công việc lại bắt đầu và các máy móc chạy toàn thời gian trong mong ngóng chờ cao trào. Tháng Mười một và đầu tháng Mười hai là giai đoạn dốc hết công suất, mọi người đều phải làm thêm giờ để đón trận bão mua sắm Giáng sinh. Sau kỳ nghỉ lễ, vòng quay lại chậm lại cho đến mùa xuân.

Các cô gái nắm rõ các mùa của giày như lòng bàn tay, và cả nhịp điệu hằng ngày của nó. Trong những công xưởng sâu hun hút của Dụ Nguyên, gia công giày để mềm là một môn khoa học được tính toán bằng đồng hồ bấm giây. Có một tấm bảng nhựa trước mỗi vị trí của dây chuyền sản xuất trên đó viết rõ một công nhân cần bao nhiêu giây để hoàn

thành công việc được giao. Một dây chuyền sản xuất ở Dụ Nguyên cần mười tiếng đồng hồ để hoàn thành một chiếc giày, bốn năm trước thời gian đó là hai mươi lăm ngày, và số lượng giày bình quân một công nhân đã tăng lên 10%.

Công xưởng cũng có hệ thống cấp bậc riêng. Việc làm tốt nhất là ở bộ phận phát triển, công nhân ở đây chỉ sản xuất một lượng hàng hóa nhỏ làm mẫu và không có nhiều áp lực về sản lượng cho lắm. Thợ cắt và thợ làm đế ở nấc tiếp theo: là những người ở vị trí đầu tiên trong dây chuyền, họ dẫn nhịp và được hưởng nhiều tự do hơn. Công việc áp lực nhiều nhất là khâu may và lắp ghép, công nhân làm những việc này bị kẹt cứng giữa chu trình sản xuất. Áp lực dồn xuống họ từ cả hai phía - những người ở đầu trên dồn việc xuống chỗ họ, trong khi những người phía dưới lại yêu cầu họ làm nhanh nhanh tay lên. Có rất ít chỗ cho lỗi lầm ở đây: nhân viên KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) và khách hàng đều tập trung vào những khu dưới của dây chuyền này, vì nhận ra lỗi ở một chiếc giày thành phẩm thì dễ hơn nhiều. Các công nhân ở đây có câu:

*Bạn khâu may bị mắng đến chết,
Bạn phép giày làm việc đến chết,
Bạn thợ cắt chơi cũng đến chết.*

Khi Dụ Nguyên xây dựng nhà máy đầu tiên của tập đoàn này ở Trung Quốc vào năm 1989, Hàn Quốc đang thống trị thị trường giày đế mềm thế giới. Trong thập kỷ đầu tiên ở đây, các nhà máy của Dụ Nguyên thường yêu cầu người lao động làm qua đêm và chỉ cho họ nghỉ một ngày mỗi tháng. “Chỉ cần cung cấp cho những nhãn hiệu ấy hàng hóa với một cái giá hợp lý, họ chẳng cần quan tâm bạn điều hành nhà máy thế nào cả đâu,” Allen Lee, người đứng đầu cơ sở gia công cho Adidas ở Đông Quán của Dụ Nguyên nói. “Chúng tôi không nói về chuyện có trả tiền làm thêm giờ hay là chuyện để sẵn giấy vệ sinh trong nhà tắm hoặc công nhân có cần rửa tay hay không, rồi cả chuyện bao nhiêu người ngủ chung một phòng ở tập thể nữa. Chúng tôi sử dụng phương thức quản lý kiểu đàn áp: đây là việc của cô và nếu cô phải ở lại ba ngày ba đêm để hoàn thành nó, cô cũng phải làm.”

Lực lượng lao động rẻ mạt, tích cực của Trung Quốc rất thích hợp với công việc khát người lao động như khâu giày, nên sang đến thập kỷ 90 của thế kỷ trước, Trung Quốc trở thành người dẫn đầu trong ngành công nghiệp này. Sau khi các nhãn hiệu lớn của Mỹ bị các nghiệp đoàn và các nhóm bảo vệ quyền công nhân phản đối vì điều kiện làm việc quá khắc nghiệt trong các nhà máy của họ, Nike và Adidas bắt đầu ép những nhà cung cấp của mình cải thiện môi trường làm việc. Dụ Nguyên chuyển sang chế độ ngày làm việc mười một giờ và nghỉ mọi ngày Chủ nhật; rất nhiều công nhân đã bỏ việc với lời phàn nàn rằng tiền làm thêm giờ không đủ nữa. Công ty đã thành lập một đơn vị độc lập để xem xét điều kiện làm việc và một trung tâm tư tư vấn, nơi công nhân có thể kêu ca phàn nàn và tìm kiếm sự trợ giúp và nộp đơn khiếu nại. Nhà máy đã cải thiện tiêu chuẩn an

toàn, cấm các hóa chất độc hại, bỏ các bài tập vận động kiểu quân đội. Nhưng mặc dù các nhãn hiệu đã buộc các nhà máy phải đối đãi với công nhân tốt hơn, họ cũng đồng thời gây áp lực ép nhà sản xuất phải giảm chi phí. Nhiều khi những mục tiêu này gây hiệu quả trái ngược hoàn toàn. Trước đây cơ sở sản xuất cho Adidas của Dụ Nguyên cấp đồng phục miễn phí cho công nhân. Nhưng trước áp lực cắt giảm chi phí từ phía Adidas, Dụ Nguyên bắt đầu thu tiền đồng phục của công nhân, nhưng Adidas cũng phản đối cả chính sách này. Cuối cùng thì Dụ Nguyên quyết định bỏ luôn đồng phục, giờ đây các công nhân mặc quần áo của họ khi làm việc.

Năm 2001, Adidas phát động một chương trình gọi là Lean Manufacturing để tăng hiệu suất làm việc và giảm lãng phí ở Dụ Nguyên. Các công nhân nói rằng giờ họ làm việc ít giờ hơn, nhưng thời gian ở dây chuyền lại áp lực hơn trước rất nhiều, các công việc được đặt ra một cách rõ ràng và gần như không có thời gian chết. Dây chuyền lắp ráp được tái tổ hợp lại thành những nhóm nhỏ trong đó công nhân có thể thay đổi công việc vài ngày một, trong khi trước đó họ có thể làm cùng một tác vụ trong suốt một tháng liền. Điều này khiến công tác sản xuất trở nên linh hoạt hơn, nhưng lại vắt kiệt sức lực của các công nhân. Cũng trên danh nghĩa hiệu suất làm việc, chỗ ở cũng được sắp xếp lại sao cho các công nhân sống chung với những đồng nghiệp ở dây chuyền lắp ráp chứ không phải bạn bè họ.

Xu hướng thời trang thay đổi ngày một nhanh trên thế giới làm tăng thêm áp lực xuống các công nhân. Một thập kỷ trước, các nhãn hiệu giày thể thao lớn dành cho nhà máy chín mươi ngày từ khi nhận đơn hàng đến khi giao hàng, vài năm trước thời gian này giảm xuống còn sáu mươi ngày, và giờ đây là ba mươi ngày. Tính toán đến khả năng phản ứng nhanh khi xu hướng thời trang thay đổi, các đơn hàng trở nên nhỏ hơn, công nhân phải sống trong một chu trình không thể nào đoán trước. Chỉ đến ngày thứ Năm thì cấp trên mới bảo họ xem có phải làm thêm giờ thứ Bảy hay không. Suốt thời gian cao điểm, bộ phận đế giày phải làm hai ca; những ai làm ca ngày tháng này thì tháng sau phải làm ca đêm, đồng hồ sinh học của họ nhảy loạn hết cả lên và cơ thể họ phải gắng gượng hết sức để bắt kịp nhịp sống mới.

Những người quản lý nói rằng yêu cầu của thị trường chỉ khiến Dụ Nguyên trở nên tốt hơn. “Nếu chúng tôi không có áp lực, chúng tôi không thể tiến bộ,” Allen Lee nói. “Nhu Darwin đã nói: chỉ có kẻ mạnh nhất mới sống sót.” Một nghiên cứu của Adidas cho thấy công nhân mới đầu cảm thấy căng thẳng bởi chương trình Lean Manufacturing, nhưng qua thời gian, nghiên cứu đó kết luận, họ đã quen với nó.

Tháng Tám là mùa tưới ngô và chuẩn bị cho vụ lúa mì đông. Trong nhà máy Dụ Nguyên, mùa sản xuất mới bắt đầu sớm hơn thường lệ: chuẩn bị cho mùa mua sắm Giáng sinh. Sau khoảng thời gian nhàn rỗi mùa hè, các cô gái phải làm thêm giờ mọi

ngày trong tuần và cả ngày thứ Bảy. Trên dây chuyền lắp ráp, họ làm việc nhanh hơn và nói chuyện ít hơn. Nhưng cơ thể họ bắt đầu phản kháng.

“Em chưa từng đau đầu thế này bao giờ,” một buổi sáng đầu tháng Tám, Thiến Thiến phàn nàn. “Giờ đáng lẽ phải là mùa nhàn rỗi, nhưng chúng em có quá nhiều đơn đặt hàng.” Trước đó một hôm, cô đã bước sang tuổi hai mươi hai; cô đã lên kế hoạch đến thăm người bạn thân nhất của mình để tổ chức lễ kỷ niệm, nhưng thay vào đó, cô lại làm thêm giờ hết cả ngày sinh nhật.

Trở về phòng J805, Giả Kế Mai đã quay lại nhà máy sau chuyến về thăm nhà. Cô ngồi trên chiếc giường tầng dưới của mình, mệt mỏi bơ phờ và không mỉm cười.

“Ở nhà thế nào?” Tôi hỏi cô.

Cô khẽ gượng cười, đáp gọn lỏn: “Tốt.”

“Cô đã làm gì?”

“Chẳng làm gì cả. Em đã nghĩ đến chuyện không quay lại đây,” cô chậm rãi đáp, như thể cô vừa bước ra khỏi một giấc mơ. “Nhưng ở nhà chẳng có gì làm cả. Nếu gần nhà có gì làm được, thì ở gần vẫn tốt hơn. Nhưng chẳng có lấy một việc. Em cảm thấy rất khó chịu khi trở lại đây. Thực tình là em không muốn trở lại làm việc nữa.”

Ở giường tầng trên, Ngô Dung Lợi trông vui vẻ hơn. Cô gái mười chín tuổi này có gương mặt thanh mảnh với những nét rất xinh, trong buổi sáng mùa hè hôm ấy, cô mặc một chiếc váy đen có dây vải xoắn khá thanh lịch, trên cổ đeo dây chuyền mặt hình trái tim. “Kệ chị ấy,” Ngô Dung Lợi nói. “Chị ấy chưa thích ứng với chuyện quay lại đây thôi.” Sắp tới còn nhiều thay đổi khó chịu hơn nữa: mỗi năm một lần, nhà máy lại sắp xếp lại nhà ở cho công nhân. Mục đích là để nắm được những ai đã đi hoặc đến trong một năm và đảm bảo rằng những người cùng đội sản xuất sống chung với nhau, nhưng việc làm này khiến cuộc sống của tất cả công nhân đều bị đảo lộn. “Chúng em đã trở thành bạn,” Giả Kế Mai nói. “Và giờ, rất có khả năng chúng em sẽ lại bị phân tán.”

CUỐI THÁNG ĐÓ, công nhân được chuyển sang nhà tập thể mới. Trong một nhà máy tầm cỡ như Dự Nguyên, các cô gái từng ngày nào cũng gặp nhau bỗng dưng không biết phải làm cách nào để tìm lại ban bè mình. Rất nhiều người đã mất liên lạc vĩnh viễn.

Sau lần chuyển chỗ ở, Thiến Thiến biến mất. Tôi đã đi tìm cô suốt cả tháng Chín. Tôi đến nhà tập thể mới của cô rất nhiều lần - nó ở tầng bốn cùng tòa nhà cũ - nhưng các bạn cùng phòng không biết cô đã đi đâu. Và họ còn hỏi tôi về tin tức của những công nhân khác mà họ cũng mất liên lạc nữa. Tôi gọi cho gia đình Thiến Thiến ở một ngôi làng nông nghiệp thuộc tỉnh An Huy, bố cô nói rằng cô vẫn làm việc ở Dự Nguyên. Theo tư liệu từ phía nhà máy, Trương Thiến Thiến, số hiệu 28013, nhà máy số 8, nhà B, nhóm thợ cắt số 2, vẫn là nhân viên của họ. Trên giấy tờ, cô đang sống trong nhà tập thể, làm việc trên dây chuyền lắp ráp, cắt nguyên liệu cho phần trên của những chiếc giày Adidas. Nhưng về

con người, cô đã tan biến, một sự biến mất như thể đang cưỡi vào mũi những luật lệ về thời gian biểu và đồng hồ bấm giờ có vẻ như đang điều khiển nhà máy vận hành rất trơn tru kia.

Từ cổng nhà máy Dụ Nguyên, đi dọc xuống phố chính, và qua một mê cung những con đường đất hai bên đầy các quầy đồ ăn và cửa hàng, có một khu toàn những căn nhà tập thể thấp lè tè lợp mái đỏ. Cánh cửa của các căn hộ này là những miếng kim loại tấm. Khu vực này lỗ chỗ những mảnh đất trống và công trình xây dở dang, gây cảm giác như đây là một nơi vừa đông đúc đến quá tải lại vừa bị bỏ hoang. Trong cái nóng khắc nghiệt của mùa hè vùng châu thổ, các cư dân mặc áo lót hoặc pyjama ngồi bên ngoài chơi mát chược, trông như lũ gà đang bới đất dưới chân.

Một ngày Chủ nhật giữa tháng Mười, tôi được một cô gái trẻ mà tôi gặp ở nhà tập thể cũ của Thiến Thiến đưa tới đây. Cô gái dẫn tôi đi qua những con ngõ, vào một căn nhà lợp mái đỏ, lên một dãy bậc thang, rồi qua một cánh cửa sắt. Chúng tôi vào một căn hộ một phòng, bên trong kê chiếc giường đôi, và một tấm poster treo ở bức tường phía trên nó:

THÀNH CÔNG

Thành công có vẻ như ở rất xa, rất xa bạn, ngược lại, thất bại dường như lúc nào cũng theo sát bước chân bạn. Bạn phải dũng cảm chiến thắng hết thất bại này đến thất bại khác, rồi thành công sẽ đi về phía bạn.

Bên cạnh tấm poster là bức tranh một người đàn bà không mặc áo ôm một chiếc bình kiểu Hy Lạp cắt ra từ tấm lịch. Cô gái mặc áo phông, quần soóc ngắn và đi chân trần ngồi trên giường, chính là Thiến Thiến. Khi thấy tôi, cô nhoén miệng nở một nụ cười lướt thoáng qua đầy miễn cưỡng, như thể cô không hề thấy vui khi bị tìm thấy vậy.

Sau ngày phát lương tháng Tám, cô đã nghỉ việc ở nhà máy Dụ Nguyên, ra đi không xin phép và không lấy cả số tiền thế chân nhà máy giữ của cô. Từ hôm đó, cô đã ở với nhiều người bạn khác nhau, trong đó có cả một cô gái trẻ tên là Cách Lợi đang sống chung với bạn trai. Thiến Thiến đang cân nhắc giữa việc về quê và đi làm ở một nhà máy khác.

“Tại sao cô rời khỏi Dụ Nguyên?” Tôi hỏi Thiến Thiến. “Chẳng còn gì vui ở đấy nữa,” cô đáp. Mặc dù tôi đã hỏi Thiến Thiến theo nhiều cách khác nhau, song cô cũng không nói gì thêm nữa.

TRONG NHỮNG TUẦN SAU ĐÓ, áp lực sản xuất trong nhà máy tiếp tục tăng cao vì Giáng sinh đang tới gần. Ở nông thôn, thời gian này gọi là *lập đông*, thời điểm khởi đầu mùa đông, thời điểm để sửa chữa lại chuồng lán cho bầy gia súc. Một buổi chiều Chủ nhật tháng Mười một, tôi đến khu căn hộ cửa sắt lợp ngói đỏ và hỏi Cách Lợi xem cô có

tin tức gì của Thiến Thiến hay không.

Cách Lợi đã không gặp bạn mình được một thời gian. “Cô ấy vẫn đang cố quyết định xem nên về nhà hay lại trở về nhà máy làm việc,” Cách Lợi nói.

“Chính xác là cô ấy đang quyết định cái gì vậy?” Tôi hỏi.

Cách Lợi lắc đầu. “Tôi không biết cô ấy nghĩ cái gì trong đầu nữa. Chúng tôi không nói gì về chuyện ấy.” Mới đây Cách Lợi đã nghỉ việc ở Dự Nguyên và có kế hoạch trở về nhà sớm để giới thiệu bạn trai mới của cô với cha mẹ. Cô mà đi khỏi, tôi sẽ không còn cách nào để tìm lại Thiến Thiến được nữa. Có lẽ đây chính là ý nghĩa của thất bại trong thế giới của những người di trú - bạn không thể gọi đó là rắc rối hay bi kịch gì, chỉ đơn giản là từ từ trôi dạt đi, cho đến khi một người khuất hẳn khỏi tầm nhìn của ta.

LẦN CUỐI CÙNG tôi đến Dự Nguyên là tháng Một năm 2005. Các cô gái làm việc dưới công xưởng mặc áo khoác cotton mỏng, bờ vai cong lên vì lạnh. Chịu lạnh có vẻ như là một quyết định mang tính thực tế: mùa đông ở Đông Quán không kéo dài đến mức đáng bỏ tiền ra mua áo khoác ấm. Giả Kế Mai vừa trở lại phòng ở của cô khi tôi ghé qua, và mỉm cười khi thấy tôi. Cô đã nhuộm tóc mình với những vệt dài đỏ thẫm.

Công việc ở nhà máy chậm lại khi qua mùa Giáng sinh, và giờ thì lịch Âm lên lắm quyền kiểm soát, trên phố đông nghịt những đoàn người hồ hởi trở về nhà đón năm mới. Những người di trú mới đến thành phố thường đi lạc lõng lang thang một mình, nhưng những người đang trở về nhà thì khác hẳn. Họ đi có mục đích, thành từng nhóm một; họ vui vẻ hạnh phúc và họ biết đường về. Họ có tiền trong túi, và những túi đầy quà cho gia đình - đầu đĩa CD, khăn quàng, kẹo cho lũ trẻ con. Ở ruộng đồng quê nhà, giờ đang là tiết đại hàn, thời điểm lạnh nhất trong năm, thời điểm để đón mừng năm mới, nhưng tính theo lịch của thành phố Đông Quán, đó là thời điểm để nhận lấy phần thưởng của cả một năm làm việc chăm chỉ. Lúc này, đó là vụ mùa quan trọng nhất.

6. Tấm bia vô danh

Các bậc cha mẹ của những người di trú trẻ có trực giác rất tệ hại. Trong mọi trường hợp, họ đều đưa ra những lời khuyên tồi, họ là chuyên gia của những kiến thức đã lỗi thời và cực kỳ bảo thủ bắt nguồn từ sợ hãi. Vài người còn cấm tiệt con cái mình, đặc biệt là những cô con gái, không được rời bỏ quê hương ra đi. Nhưng một khi con cái đã lên thành phố, những lời nhẩn nhủ của cha mẹ đột ngột thay đổi: gửi tiền về nhà, càng nhiều càng tốt. Một số bậc phụ huynh gây áp lực buộc con gái mình kết hôn, nhưng chỉ được kết hôn với người nào quê ở tỉnh nhà - một việc cũng vô lý như kiểu bảo một người sống ở New York chỉ được hẹn hò với ai quê gốc ở bang Ohio. Trên lĩnh vực nghề nghiệp, lời khuyên của họ cũng luôn luôn tệ hại: họ ngăn cản con cái mình nhảy việc ở các nhà máy, nhưng đó lại là con đường tốt nhất để tiến lên phía trước.

Dân di trú mau chóng học được cách xử trí với cha mẹ. Họ không nghe lời, họ cãi lại, và họ nói dối. Họ giữ khoảng cách giữa hai bên. Xuân Minh không về quê lần nào trong suốt ba năm đầu cô lên thành phố. Các cô gái đều rất thực tế về hành vi “tội lỗi” này của mình. “Các cụ chẳng biết bên ngoài mọi chuyện diễn ra như thế nào cả, vì vậy tôi làm gì đó trước, rồi sau đó mới nói cho họ biết sau,” Mẫn nói. Một cuộc sống mới bắt đầu kể từ ngày họ đặt chân đến thành phố, và họ sẽ làm những gì cần làm để bảo vệ nó. Quá khứ không còn quan trọng, hiện tại mới là tất cả mọi thứ. Nếu không cẩn thận, gia đình sẽ là cạm bẫy kéo bạn ngược trở về.

Sau khi đến Trung Quốc, tôi luôn luôn phản kháng lại lực kéo từ phía gia đình của chính mình, và có lẽ một phần lý do cũng tương tự như những cô gái ở đây vậy. Đất nước Trung Quốc của bố mẹ tôi đã lỗi thời năm mươi năm, khi tôi còn nhỏ, bố mẹ tôi đã dạy tôi rằng người Trung Quốc luôn luôn kính trọng các học giả và coi thường thương nhân, nhưng mọi người tôi gặp đều hoàn toàn ngược lại. Tôi không cố gắng đi tìm những người họ hàng vẫn còn sống ở đây. Tôi muốn tìm hiểu về đất nước này theo cách của chính mình. Và lịch sử gia đình có lẽ giống như một cái bẫy - một cách nhìn định sẵn về Trung Quốc bằng con mắt bi quan, một cách nhìn đã không còn liên quan nhiều đến hiện tại đang diễn tiến như thế nào nữa.

Cùng khoảng thời gian bắt đầu gặp gỡ các công nhân di trú ở Đông Quán, tôi cũng bắt đầu nghiên cứu về lịch sử gia đình mình. Mới đầu đó là hai dự án hoàn toàn tách biệt, một sự tương phản - chẳng thể nào có nền tảng gì chung giữa sự hỗn loạn nhốn nháo của các nhà máy miền Nam Trung Quốc với những thành phố nặng nề xám xịt miền Đông Bắc, với những nhà máy cán thép và tượng đài đá già nua đầy kiêu hãnh. Tôi thích tiết tấu của những chuyến du hành ấy mỗi khi đi đi lại lại giữa miền Nam và miền Bắc, từ tương lai trở về quá khứ, rồi lại trở về với tương lai.

Nhưng càng tìm hiểu sâu, tôi lại càng thấy nhiều mối liên hệ. Gần một trăm năm về trước, ông nội tôi cũng từng là một người dân di trú. Ông đã bỏ làng ra đi, thay tên đổi họ, cố làm mới con người mình để phù hợp với thời đại. Thời ông còn trẻ, Trung Quốc đang vùng mình thoát khỏi sự tự cô lập kéo dài để hòa nhập với thế giới - ngày nay điều ấy lại lặp lại lần nữa. Ông nội tôi rời bỏ quê hương ra đi vĩnh viễn khi ông mười sáu tuổi - tuy nhiên có lẽ ông không biết điều đó, cũng giống như những người di trú hiện nay không biết điều đó vậy. Xuất khứ, ra đi: đây cũng là cách mà câu chuyện của gia đình tôi bắt đầu.

Suốt quãng thời gian tôi lớn lên ở nước Mỹ, cha mẹ tôi rất hiếm khi nói về quá khứ. Có một thứ cảm giác tha hương ngụ trong mọi thứ đã mất - những con đường lớn mờ mờ tối ở thủ đô, ngôi nhà lớn và những người hầu, khu vườn râm mát đầy những cây hồng mà chúng tôi sẽ trở về khi chế độ sụp đổ, sẽ đòi lại những gì thực sự thuộc về mình. Nhưng những người Trung Quốc đã trốn chạy khỏi chế độ Cộng sản rất ít khi chìm đắm trong những ảo tưởng như thế. Con đường của họ là tiến lên phía trước và tạo lập một cuộc sống mới, cứ nấn ná với những gì đã mất là vô nghĩa. Những người di trú và nhập cư mà tôi quen biết cũng có chung suy nghĩ thực dụng này, có vẻ như nó đã bám rễ sâu vào tính cách con người Trung Quốc. Hiện tại là tất cả, còn quá khứ đã lùi xa.

Khi còn là một đứa trẻ, tôi chỉ được nghe những mẩu vụn trong lịch sử gia đình qua lời kể của cha, rồi tôi lại trần trụi chúng trong óc mình cho đến khi mỗi mảnh vụn ấy trở thành một câu chuyện riêng biệt, bí hiểm và hoàn chỉnh. Những câu chuyện ấy chẳng bao giờ kết nối được với nhau, hoặc cũng có thể chúng kết nối theo một cách bí mật nào đó mà tôi không biết.

Bốn trường mỏ tốt nhất nước Mỹ là ở các bang Michigan, Colorado, New Mexico và Tây Virginia.

Chúng ta để những thỏi vàng ở thắt lưng trong những chuyến du hành.

Chúng ta đã để lại bộ sưu tập tem khi trốn chạy khỏi đám Cộng sản. Chúng ta đã bỏ lại mọi thứ sau lưng.

Ngày nào bố cũng đến lãnh sự quán Mỹ ở Đài Bắc chờ người ta gọi tên mình.

Cả đất nước Trung Quốc cũng hiện lên trong tôi với những mảnh vụn nhỏ. Trung Quốc là những chiếc áo len được phủ kín những viên băng phiến mà bà ngoại gửi cho chúng tôi từ Đài Loan, từ trong hộp carton, chúng đã bốc lên cái mùi như mùi bên trong tầng áp mái vậy. Mặc một chiếc áo như thế đến trường, tôi cảm nhận được một cách sâu sắc rằng tôi trông khác, tôi có mùi khác với mọi người khác. Trung Quốc là tờ báo của Quốc dân Đảng được gửi từ Đài Loan đến hòm thư nhà chúng tôi, những tờ báo được gấp chặt đến nỗi bật tung ra, như thể chúng đang hồ hởi kể hết tin tức từ phương xa vậy. Đó cũng là những vận động viên bóng bàn Trung Quốc có cánh tay dẻo dai và gương mặt

xanh xao nhợt nhạt mà cha mẹ tôi cổ vũ trong những kỳ Olympic - một điều mà tôi không thể hiểu nổi. Trung Quốc là những chiếc đĩa hát vinyl mà cha tôi mang về từ chuyến đi tới Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa lần đầu tiên vào năm 1975, hồi Mao Trạch Đông vẫn còn sống, nghe mà đến rùng mình.

*Vầng dương phương Đông đang nhô lên,
Nước Cộng hòa Nhân dân đang trưởng thành,
Lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông Chỉ đường cho ta đi tới.
Đời ta ngày ngày một tốt đẹp,
Tương lai ta rạng ngời ánh sáng huy hoàng.*

Bài hát này tên là “Ca ngợi Tổ quốc”. Tôi nghe bài hát này lần đầu tiên năm lên sáu tuổi, thiên đường đầy nắng ấm mà nó ngợi ca đã tan rã từ rất lâu trước đó. Nhưng cho đến bây giờ, đoạn mở đầu bài hát ấy vẫn khiến tôi rùng mình.

Tôi thuộc lòng rất nhiều bài hát như vậy. Trung Quốc là tiếng mẹ đẻ của tôi, và những điệu hát ru, những bài hát trữ tình của thứ ngôn ngữ ấy đi qua tuổi thơ tôi từ những ngày đầu tiên nhất, tựa như những ký ức kiếp trước của tôi vậy. Gia đình cha tôi vốn quê gốc ở Mãn Châu, vùng đất mà người Trung Quốc chỉ gọi một cách đơn giản là Đông Bắc, trong những bài hát tôi nghe từ thuở ban đầu, có rất nhiều bài đến từ vùng đất ấy. Tôi không có cảm giác gắn kết chặt chẽ với Trung Quốc khi đã trưởng thành, song tôi biết một điều, tôi là người Đông Bắc.

*Quê nhà tôi ở sông Tùng Hoa vùng Đông Bắc
Nơi có những cánh rừng và mỏ than
Đậu nành lúa miến trên những triền đồi, trên những cánh đồng
Quê nhà tôi ở sông Tùng Hoa vùng Đông Bắc
Nơi có những anh em cùng quê hương xứ sở
Và cha mẹ già của tôi
Tôi đã rời khỏi làng quê yêu dấu
Bỏ cả kho báu vô cùng vô tận nơi đây.
Đi, đi, đi
Đi mãi vào quan nội.*

Quan ải mà bài hát nhắc đến là Sơn Hải Quan, pháo đài đá hùng vĩ ở ven Bột Hải, nơi Vạn Lý Trường Thành chạy ra biển. Được xây dựng từ thời nhà Minh để bảo vệ biên giới phía Bắc Trung Quốc, nó là cột mốc đánh dấu điểm tận cùng của xã hội văn minh và nơi bắt đầu của miền hoang dã Mãn Châu.

Với tôi, bài hát buồn nhất là bài về Vạn Lý Trường Thành, được hát bởi một người vùng Đông Bắc tha hương sau cuộc xâm lược của người Nhật Bản. Các tháp canh và lỗ

châu mai của trường thành đã được xây dựng trong nhiều thế kỷ với mục đích bảo vệ Trung Quốc khỏi kẻ thù ở mạn phía Bắc. Sau khi quân đội Nhật Bản tràn vào Mãn Châu năm 1931, bức tường ấy lại có một ý nghĩa khác - vạch ra ranh giới của vùng đất đang dưới ách thống trị của người Nhật. Bài hát là một lời thú nhận ngấm ngầm rằng Vạn Lý Trường Thành đã vô tích sự, bởi kẻ thù của người Trung Quốc đã ở Đông Bắc rồi.

*Vạn Lý Trường Thành dài vạn dặm
Bên ngoài Trường Thành là quê hương tôi
Lúa miến màu mỡ, đậu nành thơm hương
Vàng ở khắp nơi nơi, và tai ương hầu như chẳng có.
Thế rồi trận đại tai ương bất ngờ ập đến
Cuồng hiếp, cướp bóc và bắt bớ, nỗi bi thảm sao quá đỗi cay
Nỗi bi thảm sao quá đỗi cay, trốn chạy đến những miền xa lạ
Gia đình ly tán, cha mẹ thương vong
Đời tôi nhớ mãi nỗi căm hờn
Ngày đêm chỉ mong trở về quê hương...
Để bốn trăm triệu đồng bào cùng đứng dậy:
Trường Thành trong tim ta sẽ dài vạn dặm xa.*

Bố mẹ tôi học bài hát này từ khi còn là những đứa trẻ, cũng giống như tôi. Bài hát kể lại câu chuyện của thế hệ cha ông họ, phải sống tha hương và bị chia cắt khỏi mẹ cha mà họ không bao giờ được gặp lại. Trong truyền thống Trung Quốc, thơ ca tuân theo những niêm luật rất chặt chẽ - với hết khả năng có thể, cái tôi chìm khuất trong trải nghiệm của lời thơ. Bên trong giai điệu của những bài hát ấy dồn nén một cảm xúc chẳng bao giờ được nói ra.

SAU NHIỀU NĂM trăm trở với những mẫu vụn quá khứ, những đoạn lời hát, và những mảnh ký ức, cuối cùng tôi cũng ngồi xuống với cha mình, yêu cầu ông kể cho tôi nghe mọi điều ông biết về lịch sử gia đình. Ông kể cho tôi nghe về sự vươn lên từ nguồn gốc thấp kém của gia tộc trong những năm triều Thanh suy bại. Ông diễn tả lại ông nội tôi đã tha thiết mong muốn rời bỏ quê hương bán quán và đi cho biết đó biết đây như thế nào. Ông nhớ lại cuộc rút lui hỗn loạn trước quân đội Nhật Bản và những hồi còi báo động có oanh kích, đồng thời cũng có nghĩa rằng ngày hôm ấy sẽ không thể đến trường. Nhưng câu chuyện của cha tôi hồng lố chỗ: ký ức của ông về Trung Quốc là những ký ức của tuổi thơ, những ký ức bị bó chặt trong nỗi sợ của một đứa trẻ đối với thế giới bên ngoài.

Bạn bè chơi trốn tìm với bố. Ông nội của con thì đang nằm nghỉ. Bố nấp trong cửa sổ lòi ở phía bên kia chiếc giường nơi ông con đang nằm ngủ, và bố sợ không dám ra ngoài. Nhưng ông nội đã phát hiện ra bố nấp ở đó, và ông nói: “Ra đi,” sau đó ông

chơi chung với bọn bố. Đó là ký ức duy nhất của bố về ông.

Tôi đã nói chuyện với các cô bác anh chị em của cha tôi, tất cả đều nhập cư vào Mỹ từ thuở còn đôi mươi. Một sự kiện xảy ra cách đây nửa thế kỷ có thể được nhớ lại theo nhiều cách khác nhau, phiên bản của mỗi người được ấn định và khác biệt - những mảnh vụn của Trung Quốc mà họ mang theo mình đã rã rụn theo thời gian, tựa như những viên đá quý để càng lâu càng bóng nhoáng vậy. Tôi gặp cả những người trong gia đình vẫn ở lại Trung Quốc; kể cả những anh em họ và bà con xa của cha, những người chưa bao giờ rời khỏi ngôi làng của tổ tiên chúng tôi. Có vài người cố gắng tìm hiểu về quá khứ, nhưng hầu hết là không - cho dù ta đã rời khỏi Trung Quốc hay vẫn ở lại nơi đây, cứ để cho quá khứ trôi đi thì sẽ bớt đau đớn hơn.

Họ mạc của tôi không thích kể câu chuyện của họ. Họ thường bắt đầu bằng việc khẳng định mình không có gì để nói hết. Lời kể của họ thường mở ra bằng một sự không biết, một lời phủ định, hay thậm chí cả cái chết, như thể họ muốn kết thúc câu chuyện trước khi nó thực sự bắt đầu vậy. Có vẻ như tôi không phải một người trong số họ, tôi tin rằng những ký ức của họ là điều quan trọng. *Thực ra thì, trải nghiệm của bác ở Trung Quốc rất nông cạn*, đó là điều đầu tiên bác gái Nellie nói với tôi. *Bọn bác không biết nhiều về lịch sử gia đình*, bác Luke nói, *vì bọn bác chẳng bao giờ có cơ hội nói về nó cả*. Câu chuyện của bố tôi bắt đầu với một sự thiếu vắng: *Bố của ông nội bố. Không ai biết tên cụ cả*. Họ xóa nhòa các chi tiết và coi nhẹ các sự kiện xúc động. Đôi lúc khi họ nhớ lại chuyện gì đó vô cùng đau đớn, họ cười. Có lẽ trong một thế giới nơi có quá nhiều người phải chịu đựng đau đớn, câu chuyện của một người chẳng đáng để nhắc đến. Đau đớn chỉ khiến bạn thêm giống những người khác.

Những cô gái trẻ ở các thành phố công nghiệp miền Nam không nghĩ theo cách đó. Trong một thành phố không bị quá khứ vây nhiễu, mỗi người đều đang sống, đang kể, đang viết câu chuyện của chính mình, giữa hàng triệu cuộc vật lộn đơn độc ấy, chủ nghĩa cá nhân đã ăn sâu bén rễ. Điều này được thể hiện ở những tầng lớp tự nâng cấp bản thân và chợ việc làm, ở những cuộc cãi vã với cha mẹ và những bài học được chép lại một cách cẩn thận trong những cuốn sổ ghi chép: *Đừng để vượt mất cơ hội. Chết nghèo khó là tội lỗi*. Những chi tiết trong cuộc đời họ có thể tàn nhẫn và trần tục tầm thường, nhưng những phụ nữ trẻ ấy kể cho tôi nghe câu chuyện của họ, như thể chúng rất quan trọng.

Đầu đó vào thời hoàng đế Khang Hy, có lẽ là khoảng năm 1700, một người nông dân tên Trương Hoa Long đã rời khỏi quê nhà ở miền đồng bằng Hoa Bắc đông đúc dân cư để tới thảo nguyên Mãn Châu, nơi đất hoang vẫn còn rất nhiều, đủ cho bất cứ ai tạo lập một khởi đầu mới. Những ngày ấy, hầu như ngôi làng nào ở miền Bắc Trung Quốc cũng đều có ai đó rời bỏ quê hương tha phương cầu thực, và cũng như hiện tại, thường là những người trẻ tuổi và mạnh dạn cất bước ra đi. Trương Hoa Long có hai người con trai, hai

người này đã đi xa hơn về phía Bắc lập nên một ngôi làng tên Lục Đài ở tỉnh Cát Lâm, vùng Mãn Châu. Nơi họ chọn lựa còn được biết đến với cái tên Thung lũng Hành khất bởi khí hậu khắc nghiệt và đất đai lầy lội. Mười bốn thế hệ nhà họ Trương đã sống ở đó. Tôi thuộc thế hệ thứ mười một.

Khác với những người di trú thời những năm 1980, hành trình được biết đến của cụ tổ đầu tiên trong gia đình chúng tôi là bất hợp pháp. Năm 1644, người Mãn Châu, tộc người sống ở miền biên viễn phía Đông Bắc đã xâm chiếm Trung Quốc lập nên triều đại nhà Thanh. Ngay sau đó, những người đứng đầu triều Thanh tuyên bố vùng Mãn Châu là cấm địa đối với người Hán, dân tộc chiếm số đông ở khắp phần còn lại của đất nước. Họ làm vậy nhằm độc chiếm tài nguyên thiên nhiên của vùng đất này, đồng thời cũng để bảo vệ miền đất quê hương: chỉ cần biên giới vẫn được giữ nghiêm, họ tin rằng, dân tộc họ sẽ bảo tồn được sức sống và ngăn chặn trước sự thối rữa và trụy lạc khiến cho các triều đại sụp đổ. Để phong tỏa vùng Mãn Châu, các hoàng đế nhà Thanh đã ra lệnh cho xây dựng một bức tường đất bùn dài hai trăm dặm trồng đầy cây liễu. Bức tường này kéo dài từ phía Đông Bắc Vạn Lý Trường Thành qua hầu hết tỉnh Liêu Ninh và Cát Lâm hiện nay, có các trạm canh phòng thủ dọc theo chiều dài của nó.

Đường biên này gọi là Liễu điều biên (Tường rào liễu), thậm chí nó còn nhiều chỗ thủng phải vá hơn cả Vạn Lý Trường Thành. Nó được hoàn thành vào năm 1681, có lẽ khoảng hai mươi năm sau đó tổ tiên của tôi đã vượt qua bức tường rào này để định cư ở Lục Đài, có nghĩa là “trạm thứ sáu” - một trong những tiền đồn phòng ngự dọc đường biên được xây dựng chính xác là để ngăn ngừa những người như ông. Những người tiến vào vùng đất này một cách phi pháp để cấy cày trồng trọt gọi là *liumin* - *lưu dân*, những kẻ lưu lạc. Trong hai thế kỷ tiếp sau đó, tổ tiên của chúng tôi làm nghề nông - trồng lúa miến và đậu nành, và sống trong những túp lều gỗ xung quanh bao bọc bởi rừng cây nguyên sinh.

Cuối thế kỷ mười chín, dân số Mãn Châu bắt đầu tăng mạnh vì nông dân miền Bắc Trung Quốc chạy đến đây để tránh hạn hán và nạn đói. Cuộc di trú của hai mươi lăm triệu con người trong nửa thế kỷ tiếp sau đó là làn sóng dân di trú lớn nhất trong lịch sử, tính đến trước khi làn sóng di trú hiện nay xuất hiện. Nền kinh tế của cả vùng bùng phát mạnh mẽ, những tuyến đường sắt mới nối liền vùng nội địa tới miền duyên hải và thị trường nước ngoài, dự đoán của người nước ngoài cũng khiến người ta say sưa rung động như những gì chúng ta vẫn nghe bây giờ vậy. Năm 1910, Tổng lãnh sự Anh ở Thiên Tân viết:

Khó có thể nghi ngờ, trong tương lai không xa nữa, Mãn Châu sẽ trở thành một đối thủ cạnh tranh của Mỹ trong việc cung cấp các sản phẩm nông nghiệp cho thị trường châu Âu. Những nhà máy xay bột ở Cáp Nhĩ Tân... đang bày bán hàng hóa của họ ở thị trường bản địa với giá mà các nhà máy xay bột Mỹ không thể nào cạnh

tranh nổi... Những gì Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ sẽ mất vì giảm doanh thu từ các sản phẩm nông nghiệp chắc hẳn sẽ phải nhiều hơn những gì họ kiếm được nhờ tăng cường kinh doanh mặt hàng đã chế biến.

Gia đình tôi nổi lên trong giai đoạn bùng nổ kinh tế ấy. Cụ tôi, Trương Nhã Nam, mua một xưởng ép dầu và một nhà máy xay bột, rồi dùng số tiền kiếm được từ hai nơi này để trở thành địa chủ lớn nhất ở Lục Đài. Khoảng năm 1890, cụ Trương Nhã Nam cho xây dựng một khu nhà của gia đình với năm phòng ở giữa và tám ở hai bên cánh. Bàn thờ và các bức ảnh chân dung tổ tiên chiếm mấy phòng giữa, trong khi những người còn sống, ăn, ngủ và làm việc ở hai bên cánh. Đó là cách sống của một gia đình Trung Quốc - đạo hiếu được hiển hiện trong từng chi tiết của khu nhà. Khu nhà được đặt tên là Tân Phát Nguyên, có nghĩa là “khởi nguồn mới”. Nó được bao tường cao xung quanh, với những khẩu Mauser đặt ở các góc và một đội dân quân có vũ trang để bảo vệ gia đình chống lại bọn giặc cướp. Thời ấy, thực phẩm là thước đo đánh giá mức độ thịnh vượng của một gia đình, ở Tân Phát Nguyên thậm chí cả những người làm công cũng được ăn bánh bao nhân đậu xay nhuyễn. Khẩu phần ăn phong phú đến nỗi họ còn sáng tác ra một bài hát mà cả thế kỷ sau đó cha tôi vẫn nhớ.

Tân Phát Nguyên, một nơi tuyệt trần

Chó tung tăng chạy trước, người mang thức ăn đi

Hai cân rươi bánh bao đậu.

Cuối thời nhà Thanh, cụ tổ tôi được ban một chức vụ trong chính quyền địa phương và được triều đình thưởng ba trăm lạng bạc để xây từ đường thờ cúng tổ tiên. Đây là thông lệ: khi ai đó làm quan, người đó phải thờ cúng tổ tiên mình đúng theo nghi lễ của đạo Khổng. Cụ tổ tôi có bốn người vợ - cũng là một thông lệ - và đã lập nên một ngôi trường bên trong khu nhà của gia đình cho chín người con của ông, cả con trai lẫn con gái theo học. Có lẽ vì sự vươn lên của cụ tổ, triều đình ban thưởng cho cha của cụ một danh hiệu trong quân đội, Tướng quân Tam phẩm của triều đình Mãn Thanh, và cấp tiền cho gia đình xây dựng một cổng chào để ngợi ca lòng hiếu thảo của cụ. Mặc dù chuyện này chẳng có nghĩa lý gì ngoài việc tạo ra một cây phả hệ lẫy lừng cho gia tộc. Một nông dân trở thành tướng quân, một chủ nhà máy xay bột thành quan chức của triều đình: ở miền biên viễn này, xây dựng một cuộc đời mới không cần nhiều thời gian lắm.

Cụ tổ tôi đã thực hiện hết những nhiệm vụ khác của một người tộc trưởng Nho gia. Cụ giám sát việc viết lên một bản phả hệ kéo ngược trở về đến đời vị tổ tiên đã di cư đến vùng Mãn Châu. Và cụ liệt kê ra một chuỗi những cái tên mà con cháu cụ sau này sẽ mang trong hai mươi thế hệ tiếp sau, hợp lại thành một bài thơ.

Phượng Lập Đồng Hưng Điện

Hồng Liên Dục Bảo Triều

Vạn Truyền Gia Khánh Yển

Cửu Dương Quốc Ân Chiếu

(Chim Phượng đứng trong cung điện của sự giàu sang

Chim Hồng nổi lên nuôi dưỡng những triều đại giàu có

Vạn thế hệ tiếp nối khánh chúc gia đình

Chín vầng dương soi chiếu ân huệ của đất nước).

Gia đình tôi phồn vinh hơi muộn, chúng tôi giành được vinh quang đúng vào thời điểm triều đình nhà Thanh đi hết vòng đời của nó. Nhà cửa, từ đường, bàn thờ tổ tiên và các tấm chân dung, cùng đồ thờ đều bị phá hủy trong thế kỷ hỗn loạn sau đó; nhiều cuộc đời bị rút ngắn lại. Nhưng không phải thứ gì cũng bị uổng phí. Tên Trung Quốc của tôi là Đồng Hà: chữ đầu tiên trong tên tôi đã được quyết định từ một thế kỷ trước bởi một cụ tổ mà tôi chưa từng biết đến.

Ở ngôi làng ông nội Trương Xuân Ân của tôi sinh ra vào năm 1899, hầu hết mọi người đều cùng họ với ông. Khi còn nhỏ, ông đi học trong trường tư của gia đình, học thuộc lòng những đoạn dài trong Tứ Thư và Ngũ Kinh có từ thời Khổng Tử. Việc ông không hiểu một chữ nào trong những tác phẩm đó không hề quan trọng, mục đích của giáo dục thời ấy là rèn uốn một đứa trẻ cách hành xử đúng đắn, khắc sâu vào nó những đức tính về phục tùng, tôn trọng và kiềm chế. Mục đích tối thượng của việc học hành là để vượt qua kỳ thi khoa cử và trở thành một viên quan của triều đình - hệ thống này đã tồn tại và hầu như không hề thay đổi trong suốt một nghìn năm.

Nhưng thế giới ấy đã vỡ tan từ khi ông nội tôi còn là một đứa trẻ. Thế kỷ mười chín đã chứng kiến những cuộc chạm trán đau đớn với phương Tây; sau thất bại của Trung Quốc trong cuộc Chiến tranh Nha phiến vào những năm 1840 và 1850, triều đình Đại Thanh bị buộc phải ký vào một loạt “điều ước bất bình đẳng”, mở cửa các hải cảng cho giao thương với nước ngoài và cấp đặc quyền kinh tế cho các cường quốc phương Tây và Nhật Bản. Những người chủ trương cải cách đổ lỗi cho nền giáo dục truyền thống đã làm đất nước Trung Quốc phải chịu cảnh nhục nhã ê chề. Những nỗ lực của họ đã dẫn đến việc hủy bỏ kỳ thi khoa cử cũ vào năm 1905 và sự phổ biến của những ngôi trường giảng dạy các môn học hiện đại. Năm 1911, khi ông nội tôi mới bước vào tuổi thiếu niên, triều đình nhà Thanh sụp đổ và nền cộng hòa thay thế.

Từ khi còn là một đứa trẻ, ông nội tôi đã kiên quyết rời khỏi gia đình - giống như bây giờ, mọi con đường dẫn đến thành công đều đi khỏi làng quê. Anh trai ông, Trương Phượng Ân, một ngày nào đó sẽ tiếp quản sản nghiệp của gia đình. Là con thứ của người vợ cả, ông tôi ở vị thế đặc biệt: ông có thể ra đi. Mùa xuân năm 1913, ông vào học trường Trung học tỉnh Cát Lâm. Đó là trường đầu tiên trong tỉnh dạy cái gọi là Tân học, học trình bỏ hết các kinh điển mà tập trung vào toán học, lịch sử, địa lý và khoa học tự nhiên. Ba

năm sau đó, ông rời nhà đến học ở Đại học Bắc Kinh, cánh chim đầu đàn trong mạng lưới trường học hiện đại của nước Trung Quốc.

Hầu hết các sinh viên học ở đây đều đến từ những gia đình thương gia giàu có ở miền duyên hải, ông nội tôi là một trường hợp ngoại lệ, giống như một cậu chàng Colorado được học bổng xuất hiện ở Đại học Harvard vậy. Nhưng với vị thế trung tâm của nền giáo dục tiên bộ, trường đại học này cũng thu hút nhiều người trẻ tuổi tham vọng từ các tỉnh thành khác nữa. Một trong những người cùng thời với ông nội tôi làm việc trong thư viện trường chính là Mao Trạch Đông. Ông nội tôi hồi ấy gần như đã phải vật lộn với chương trình Tân học. Trong hồ sơ lưu trữ của trường Đại học Bắc Kinh, tôi tìm thấy một cuốn sách bìa khâu bằng chỉ, bên trong ghi lại điểm thi của các: sinh viên khóa tiền luật^[15] năm 1917 bằng nét bút nguệch ngoạc. Các môn học nước ngoài không phải thế mạnh của ông nội tôi.

LỊCH SỬ PHƯƠNG TÂY: 73

VĂN CHƯƠNG ANH: 70

NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC: 80

LOGIC: 90

ĐẠO ĐỨC: 100

Nếu hệ thống giá trị truyền thống vẫn còn nguyên vẹn, có lẽ ông nội tôi đã tốt nghiệp đại học với vị trí cao nhất và nhận được một công việc trong chính quyền. Nhưng Tân học đã đưa ông theo một hướng không lường trước: ông nội tôi giành được một học bổng của tỉnh để đi học ở Mỹ, vì vậy ông đã rời trường đại học sau khi kết thúc năm thứ hai. Ông cưới một cô gái trẻ tên là Lý Tú Lan, người được gia đình lựa chọn cho ông - ba ngày sau đám cưới, ông lên tàu thủy đến nước Mỹ.

Sau đó bà nội tôi học ở Cao đẳng Sư phạm nữ Bắc Kinh, một trong những trường cao đẳng đầu tiên tiếp nhận nữ sinh viên của Trung Quốc. Bà học chuyên ngành vật lý và âm nhạc, tham gia vào các cuộc biểu tình phản đối của sinh viên, hút thuốc và đã tự chọn cho mình một cái tên mới, Lý Hương Hành, bởi nó có nhiều chữ lạ hơn cái tên cũ. Sau khi tốt nghiệp, bà tôi dạy tại một trường cấp III ở thành phố Cát Lâm, thủ phủ tỉnh nhà.

Trong bảy năm, bà đã viết rất nhiều thư gửi sang Mỹ, miền đất đã khiến bà phải cô đơn vò võ suốt những năm tháng tuổi đôi mươi, đồng thời cũng là miền đất đã thu nhận những đứa con của bà sau này, từng đứa một. Những lá thư của bà nay đã không còn nữa. Tất cả những gì còn lại của người thiếu phụ trẻ trong bà là vài câu ngắn ngủi trong cuốn nhật ký của ông nội tôi, như thể một bóng thú rừng thoáng lướt qua những hàng cây: nổi cô đơn, hiu quạnh, những khoảnh khắc nổi nóng.

Hương Hành định về nhà vì mẹ tôi ốm.

Tôi mua một đôi giày để gửi về cho Hương Hành.

Trong thư, Hương Hành phản ứng rất dữ dội, nói rằng cô ấy đang phải chịu đựng một sai lầm khủng khiếp.

Tôi nhận được ba lá thư của Hương Hành, tất cả đều thúc giục tôi về nhà. Nhưng kế hoạch của tôi còn chưa thực hiện xong, tôi không thể trở về được.

Bà nội tôi cũng mong muốn được đến nước Mỹ, nhưng cụ tôi đã đặt ra luật lệ. Ngoại quốc không phải là nơi dành cho đàn bà, cụ nói. Một người đàn bà nên ở nhà.

Ngày 1 tháng Một, 1926

Nội loạn ở Trung Quốc là một nguyên nhân khiến tôi lo lắng. Trung Quốc một ngày nào đó chắc chắn sẽ trở nên thịnh vượng phồn vinh. Tôi sẽ thấy ngày ấy khi tôi còn sống. Mọi người đều phải làm việc chăm chỉ để chờ đón nó.

Hành vi cá nhân của tôi phải đáng để người ta kính trọng và tôi phải tận tụy hơn trong cung cách sống.

Tôi ăn trưa với ông chủ nhà, Hairy Weart. Hàng xóm của ông ta, một cặp vợ chồng già, thích chơi với lũ chó và lũ chim, họ luôn miệng nói về lũ thú cưng của mình. Tôi thấy chán ngấy cái kiểu nói chuyện như vậy.

Ông nội tôi đến Mỹ năm 1920. Đó là kỷ nguyên của rượu lậu, cuộc vui sò soạng hôn hít (petting parties), và Al Capone^[16], nhưng ông hầu như không để ý đến những chuyện đó. Trong những trang nhật ký của mình, ông viết về chuyện tìm kiếm một khóa học tử tế và tình hình chính trị ở Trung Quốc. Hai chủ đề này được kết nối với nhau: bằng cách thu lượm những kỹ năng cần thiết ở Mỹ, ông sẽ tìm hiểu được điều gì cần để giúp đất nước quê hương mình trở thành một quốc gia hiện đại. Ông lướt qua văn học và kinh tế một chút trước khi quyết định chọn ngành kỹ thuật khai khoáng: phát triển công nghiệp sẽ là cứu tinh của đất nước Trung Quốc.

Trong bảy năm ông ở Mỹ, tình hình ở quê nhà trở nên tệ hơn rất nhiều. Chính phủ Trung ương về cơ bản không còn tồn tại, bởi các quân phiệt với đội quân của riêng mình không ngừng gây chiến với nhau trên khắp đất nước. Trong cuốn nhật ký của ông tôi ở Mỹ khoảng những năm 1920, những người xuất hiện nhiều nhất là hai nhà quân phiệt Trung Quốc Ngô Bội Phu và Trương Tác Lâm.

Ngày 26 tháng Một

Trương Tác Lâm đã thả Ivanov [Giám đốc người Nga của hãng đường sắt miền Đông Trung Quốc], vì vậy vấn đề Cáp Nhĩ Tân đã tạm thời được giải quyết. Nguyên nhân gây ra sự kiện Cáp Nhĩ Tân có liên quan trực tiếp đến sự trở về của Phùng Ngọc Tường ở vùng Đông Bắc. Một người thích liên minh với người Nga, kẻ còn lại

thì với người Nhật, nhưng mỗi người đều đang theo đuổi mục đích riêng của mình.

Trung Quốc vẫn chưa có người sản xuất các loại máy móc. Để tôi bắt đầu chuyện đó trong tương lai chắc chắn sẽ là điều tuyệt vời nhất.

Ngày 28 tháng Một

Hôm nay có tuyết lớn và gió mạnh, các con đường hầu như không thể nào đi nổi. Đồng nghiệp Backland của tôi chiều nay làm đám cưới lúc năm giờ...

Mãn Châu và Mông Cổ đã trở thành một trong những vấn đề lớn của thế giới. Nếu chúng ta không xử lý một cách đúng đắn, sẽ rất khó ngăn cản chúng trở thành một Triều Tiên thứ hai^[17]. Đây là quê cha đất tổ của tôi. Làm sao tôi có thể để nó vào tay kẻ khác? Tôi thề rằng tôi sẽ coi bảo vệ đất đai và sự phồn vinh hạnh phúc của người dân nơi đó là trách nhiệm của chính bản thân mình.

Ngày 4 tháng Ba

Mất kính vỡ, vì vậy tôi đến chỗ bác sỹ nhãn khoa để mua một đôi mới. Những hai mươi bốn đô la Mỹ. Thật đắt quá!

Những cánh rừng ở Cát Lâm hết sức thích hợp để sản xuất giấy, mỗi năm Cát Lâm xuất khẩu một lượng lớn các sản phẩm da, lông thú thì thậm chí còn nhiều hơn, bởi các tuyến đường sắt ở đây hết sức thuận tiện. Tôi sẽ nghĩ đến chuyện làm việc trong ngành công nghiệp sản xuất giấy.

Ngày 4 tháng Sáu

Hôm nay tôi đi điều nghiên ở núi Franklin. Cây cối sum sê thơm nức, không khí trong lành vô cùng. Buổi sáng sớm trời rất lạnh và đến tôi thì cổ họng tôi ngứa ran đau rát...

Nếu Trung Quốc muốn trở nên giàu mạnh, đất nước phải phát triển ngành công nghiệp thép, bằng không nó sẽ không thể nào kháng cự nổi sự xâm lấn của các quốc gia khác. Trong thời điểm này, tất cả máy móc của Trung Quốc đều dựa vào xuất khẩu. Nếu xảy ra chiến tranh, những nguồn cung cấp từ thế giới bên ngoài bị cắt đứt, Trung Quốc chắc chắn sẽ chiến bại.

Ngày 12 tháng Mười hai

Hôm nay tôi đã làm vệ sinh một cái máy khai thác than và tháo rời nó ra. Đó là phần thú vị nhất.

Để điều hành một đất nước và giáo dục con người của đất nước ấy, hay để chiếm lĩnh một vùng đất, cần phải có chính sách tuyên truyền tốt. Chỉ dựa vào sức mạnh quân sự thì sẽ chỉ dẫn đến thất bại mà thôi.

Hàng ngàn sinh viên Trung Quốc đến Mỹ trong khoảng hai thập kỷ đầu tiên của thế kỷ

hai mươi, đây được coi là làn sóng du học nước ngoài lớn đầu tiên. Họ cho rằng Tây học là con đường tốt nhất để giúp đỡ nước Trung Quốc, và đều tập trung vào các môn học mang tính chất thực tiễn như kinh tế học, khoa học tự nhiên và đặc biệt là kỹ thuật chế tạo máy - ngành học được hơn một phần ba sinh viên Trung Quốc ở Mỹ lựa chọn trong khoảng thời gian giữa năm 1905 và năm 1924. Ông nội tôi học ở trường Đại học Mỏ Michigan, trong một khu vực khai thác đồng cũ gần biên giới Canada. Ông tốt nghiệp năm 1925, xếp thứ ba mươi ba trên tổng số bốn mươi tư thành viên trong lớp. Có vẻ Tân học vẫn khiến ông thấy khó khăn.

TÔI TÌNH CỜ TÌM THẤY cuốn nhật ký của ông nội tôi. Cha tôi nói cả gia đình đã bỏ lại tất cả những gì họ sở hữu trong những năm tháng Thế chiến thứ hai, trong cuộc nội chiến, trong chuyến bay đến Đài Loan và chuyến du hành tới nước Mỹ. Hơn một năm sau khi tôi bắt đầu tìm hiểu về lịch sử gia đình mình, tôi nói chuyện điện thoại với cha tôi và hỏi xem ông có giữ thứ gì của ông nội hay không. Thật bất ngờ, cha tôi nói ông cụ có hai cuốn nhật ký, một cuốn viết trong khoảng thời gian ông nội tôi ở Mỹ và cuốn thứ hai được viết từ khi gia đình sống ở Trùng Khánh trong chiến tranh. Cả hai gộp vào được khoảng gần một nghìn trang viết.

“Nó không hấp dẫn lắm đâu,” cha tôi nói. “Ông chỉ viết những thứ kiểu như “Hôm nay quân đội Nhật đã áp sát thành phố,” những chuyện tầm phào vậy thôi.”

“Thực ra thì,” tôi nói, “thế là hấp dẫn lắm rồi ạ.”

Qua những trang nhật ký của ông nội, tôi bắt đầu hiểu người ông mà tôi chưa từng gặp mặt một lần trong đời. Ông là một người đàn ông trẻ tuổi đang tìm kiếm mục đích của đời mình, mơ về một sự nghiệp có thể phát triển rộng mở. Ông tìm việc và nghỉ việc cũng thường xuyên như những người di trú hiện nay, nhanh chóng thấy buồn chán và luôn bồn chồn lo lắng rằng mình chưa học đủ. Ông cô đơn và trôi dạt.

Ngày 14 tháng Bảy

Mỗi khi rảnh rỗi ở nhà máy, tôi lại nghĩ đến đủ các rắc rối khác nhau. Tôi cảm tưởng mình như một con thuyền lẻ loi lênh đênh trên đại dương mênh mông. Ngay cả khi lòng tôi khát khao được bình lặng, nó cũng không thể bình lặng được.

Ngày 18 tháng Mười một

Tôi đã đi làm được gần hai năm rồi. Thỉnh thoảng tôi thấy mình không hứng thú với công việc. Nhưng người ta phải tự xử lý công việc ngay cả khi nó chẳng làm ta hứng thú chút nào. Với tình hình tồi tệ của Trung Quốc hiện nay, đây chính xác là thời điểm để người đàn ông thực hiện quyết tâm xây dựng sự nghiệp của riêng mình. Tôi phải cố gắng 120 phần trăm mới được.

Tự hoàn thiện mình là chủ đề chính trong cuốn nhật ký. Sau khi tốt nghiệp ở trường, ông nội tôi bỏ ra hai năm rèn luyện thực tế ở các khu mỏ và nhà máy ở miền Đông Bắc và

Trung Tây. Ông đăng ký vào trường ban đêm ở Chicago để học ngành điện máy. Các đoạn nhật ký đầy những từ tiếng Anh lạ mà ông đang cố học thuộc: *Goodman Standard Shortwall Machine* (Máy khai thác gương lò ngắn chuẩn Goodman). *Ratio of cement sand and slag* (Tỷ lệ xi măng cát và xỉ). *Pyramid Pump Open Hearth Mixer Blast Furnace Corrugated Underframe Door* (Bơm hình chóp máy trộn lò Martin lò cao cửa lượn sóng dưới khung). Ông còn chép lại lời khuyên đã truyền cảm hứng cho bao người của người khổng lồ trong ngành công nghiệp Mỹ.

Mười điều đáng nhớ của Marshall Field^[18]

1. Giá trị của thời gian
2. Thành công của nghị lực
3. Niềm vui lao động
4. Tầm quan trọng của tính cách
5. Chân giá trị của sự giản dị
6. Sự tiến bộ của năng lực
7. Sự hân hoan sáng tạo
8. Đức kiên nhẫn
9. Trí tuệ kinh tế
10. Sức mạnh của sự tử tế

Ở quê nhà xa xôi, gia đình ông gây áp lực buộc ông trở về. Đọc câu trả lời của ông nội trong nhật ký - *khao khát trở về của tôi rất mạnh mẽ, song sự học của tôi vẫn chưa xong* - làm tôi nhớ đến Xuân Minh, cô gái cũng có suy nghĩ gần như giống hệt. Có ai biết được tại sao tôi không về nhà đón Tết chứ? Lý do chính là: tôi thực sự không muốn lãng phí thời gian. Bởi vì tôi phải học! Nhưng ở sâu thẳm trong lòng, hành trình của họ có những chủ đích khác nhau. Các cô gái ở nhà máy đến thành phố để tìm kiếm cuộc sống tốt đẹp hơn, còn ông nội tôi rời quê hương để một ngày nào đó ông có thể trở về và phục vụ đất nước tốt hơn. Bạn có thể nói rằng ông nội tôi rời quê hương là vì quê hương, trong khi những cô gái rời bỏ quê hương chỉ vì bản thân họ. Trong cuốn nhật ký của mình, Xuân Minh không bao giờ ngừng xoay quanh chủ đề ưa thích của cô, là chính bản thân cô: thành phố làm thay đổi cô thế nào, những người khác sẽ nhìn cô với ánh mắt ra sao, và từng chi tiết nhỏ về ngoại hình cơ thể cô: *Mắt tôi không có hai mí, cô viết, nhưng mắt cũng không nhỏ lắm. Một mí không ảnh hưởng gì đến tầm nhìn. Tôi không có cặp môi mỏng nhưng miệng tôi có thể nói ra những lời thuyết phục được người khác. Tôi nói to, và hay hấp tấp, nhưng từ khi sinh ra tôi đã thế rồi.* Trong hàng trăm trang nhật ký của ông nội tôi, không xuất hiện đoạn nào tự miêu tả về bản thân như thế. Những đoạn nhật ký của ông như thế là những bài thơ cổ - ngắn gọn và được kiểm soát, cá tính ẩn chứa bên trong nhưng không bao giờ lộ rõ. Trong thời gian ở Mỹ, ông nội tôi đã đổi tên tiếng Trung của mình. Những chữ được chọn cho tên

mới của ông, Sân Phu, có vẻ như bắt nguồn từ một từ cổ là shenshen zhengfu (*sân sân chinh phu*), nghĩa là “người người lũ lượt tòng quân”. Đó chính là điều ông nội tôi ôm ấp: một đội quân tận hiến phục vụ, bản ngã của ông đã ẩn khuất đi trong cái tên ấy.

Ông nội trở về Trung Quốc vào mùa hè năm 1927. Trong ngày đầu tiên trở về nhà, cụ tôi đã tổ chức một bữa tiệc trong làng để chào mừng đứa con trai yêu quý đã mang lại vinh quang cho gia đình vì đã sang tận nước Mỹ xa xôi. Ngày thứ hai, người đứng đầu gia đình lấy ra một chiếc gậy gỗ gọi là *jiafa* - gia pháp - vật chuyên dụng để trừng phạt những đứa trẻ và người hầu phạm lỗi trong các gia tộc truyền thống - và dùng nó để đánh ông. Ở Mỹ, con trai cụ đã chuyển ngành học từ văn học sang kỹ thuật khai thác mỏ mà không được cha mẹ đồng ý, cho dù cha của ông nội tôi ở cách ông bảy nghìn dặm và chẳng hiểu gì về hệ thống trường đại học ở Mỹ. Trong một gia đình Trung Quốc, lời người cha là luật lệ. Trận đòn ấy nặng đến nỗi ông nội tôi không thể ngồi xuống trong suốt mấy ngày liền.

Cụ nội tôi muốn ông ở nhà giúp đỡ điều hành sản nghiệp gia đình, nhưng chàng trai trẻ đã từ chối: ông ghét cuộc sống gò bó trong khu nhà của gia đình và hân hoan được thoát khỏi nó. Ông đi phụ trách khai thác mỏ ở mỏ than Mục Lăng gần Cáp Nhĩ Tân, ở xa tít tận phía Đông Bắc đất nước.

Năm 1931, quân đội Nhật Bản tiến vào miền Nam đất Mãn Châu. Trong vòng sáu tháng, quân đội Nhật đã chiếm đóng toàn bộ khu vực và lập nên nhà nước Mãn Châu độc lập trên danh nghĩa, còn về bản chất thì chỉ là thuộc địa của nước Nhật. Khi người Nhật tiến vào, ông bà nội tôi đã chạy “vào quan nội”, phía Nam đường biên giới chia cắt Mãn Châu với phần còn lại của Trung Quốc. Năm 1937, quân đội Nhật Bản xâm lược vào vùng “bản thổ” Trung Quốc^[19], tiến dọc theo các con đường và tuyến đường sắt để chiếm các thành phố ở miền Bắc và miền Đông. Phần lãnh thổ không bị chiếm đóng của Trung Quốc chuyển vào sâu trong nội địa, và gia đình tôi cũng đi theo. Ngôi nhà ở Mãn Châu trở thành một nơi xa xôi mà lũ trẻ chỉ biết đến trong những câu chuyện và bài hát.

Tôi đã rời khỏi làng quê yêu dấu

Bỏ cả kho báu vô cùng vô tận nơi đây.

Đi, đi, đi

Đi mãi vào quan nội.

CHIẾN TRANH ĐÃ khởi động hành trình di cư của một triệu con người. Trong suốt tám năm kháng chiến chống Nhật, cách người Trung Quốc gọi Thế chiến II, đất nước đã hai lần đổi thủ đô - từ Nam Kinh đến Vũ Hán, rồi đến Trùng Khánh vào cuối năm 1938, sâu trong miền Tây Nam, ra xa khỏi tầm với của các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại và đường giao thông huyết mạch, để quân đội Nhật không thể truy theo mà không bị ảnh hưởng đến nguồn tiếp tế. Trong núi, chính phủ Trung Quốc cố thủ và đội quân Đồng

minh đánh bại nước Nhật.

Khi chiến tranh bùng phát vào năm 1937, ông nội tôi đã giúp đỡ chuyển các thiết bị từ một mỏ than ở tỉnh Hà Nam, nơi ông làm giám đốc nhà máy đi hơn năm trăm dặm vào sâu trong nội địa đến tỉnh Tứ Xuyên. Là quan chức trong ủy ban Tài nguyên Quốc gia - cơ quan của chính phủ phụ trách xây dựng cơ sở công nghiệp cho chiến tranh của đất nước - ông được cử đi những vùng mỏ rải rác khắp nơi để giám sát việc sản xuất các mặt hàng chiến lược. Ông tôi thường đi trước và viết thư cho bà nội khi nơi đó đã an toàn để có thể đi theo ông. Năm người con của ông, mỗi người sinh ra ở một thành phố mỏ xa xôi. Bác Nellie, chị cả, sinh ở mỏ than Cáp Nhĩ Tân, nơi ông tôi làm việc sau khi trở về từ nước Mỹ, bác Luke và bố tôi ra đời trong một vùng khai thác than ở trung tâm tỉnh Hà Nam. Than Tứ Xuyên, có cô Irene; thủy ngân Hồ Nam, có chú Leo. Sự cô lập của những địa phương này đã nói lên sự phát triển của chủ nghĩa lý tưởng trong ông nội tôi. Hầu hết các sinh viên trở về từ nước ngoài đều sống ở các thành phố lớn, nhưng ông nội tôi nghĩ rằng công việc của ông sẽ cần thiết hơn ở những vùng lạc hậu của đất nước.

Những ràng buộc cá nhân trôi tuột đi - trong chiến tranh hỗn loạn, điều dễ xảy ra nhất trên đời này chính là mất liên lạc với ai đó. Gia đình có thể chuyển đến một nơi ở mới, đăng ký cho lũ trẻ vào trường, rồi lại rời đi chỉ vài tuần sau đó. Trong sáu năm học tiểu học, bác Luke kể với tôi, gia đình đã chuyển đi tới bảy lần. Liên lạc với gia đình ở quê rất khó khăn, những lá thư gửi về nhà ở Mãn Châu phải đi loanh quanh một quãng dài phía sau giới tuyến của kẻ địch. Đáng ngạc nhiên hơn là cách người ta tìm lại được nhau. Một hôm, khi chiến tranh đã gần kết thúc, một sinh viên đẹp trai tên là Triệu Hồng Chí bước vào nhà ăn dành cho nhân viên Cục Khai khoáng ở Trùng Khánh và nhận ra ông nội tôi. Gia đình bác Triệu Hồng Chí và gia đình tôi là bạn từ khi còn ở mỏ than Hà Nam mười năm về trước. Bác Triệu được mời đến nhà tôi ăn tối và bắt đầu theo đuổi bác Nellie của tôi, người bác ấy đã biết từ khi họ còn là những đứa trẻ.

Gia đình cũng được đoàn tụ trong diễn biến của chiến tranh. Khi anh cả của ông nội tôi ở nhà để quản lý sản nghiệp gia đình, thì con trai ông, bác Trương Lập Giao đến Bắc Kinh để học đúng vào thời điểm gia đình tôi đang sống ở đó. Trong các gia đình Trung Quốc truyền thống, anh em và anh em họ của cha được coi là thân cận như nhau. Ông nội tôi đã cho bác Lập Giao một ngôi nhà và trả học phí cho bác; từ khi họ còn là những đứa trẻ, bác Luke và bố tôi đã hết sức ngưỡng mộ và sùng bái "Anh Lập Giao". Khi gia đình tôi chuyển đến Trùng Khánh để tránh khỏi sự xâm lấn của người Nhật, bác Lập Giao cũng đi theo họ.

Chiến tranh là một khoảng thời gian gây khó khăn cho ông nội tôi. Chiến tranh mang lại chết chóc, đổ nát và cả những lần lỡ hẹn, công việc bị đình chỉ, cùng những chiếc xe buýt hỏng.

Thỉnh thoảng, ông còn băn khoăn không hiểu công việc của ông có đáng bỏ ra ngần ấy

nỗ lực hay không.

Ngày 14 tháng Bảy năm 1940

Mấy năm này trôi qua thật nhanh và không có nhiều ý nghĩa lắm. Trước tiên, tôi không có bạn bè, bởi tôi đã sống quá lâu trong vùng núi, cách biệt với thế giới bên ngoài. Thứ hai, tôi chẳng có lý tưởng sống gì cả, chỉ biết về mỏ và công việc khai thác mỏ. Mục đích tối thượng của cuộc đời là gì? Tôi vẫn còn chưa quyết định xong. Bốn mươi hai năm đã trôi qua như thế. Điều này đáng để tiếc nuối và ân hận đây.

Mùa hè năm 1939, cụ tôi, Trương Nhã Nam bị ốm và trở về khu nhà của gia đình ở thành phố Cát Lâm, thủ phủ tỉnh Cát Lâm. Người đàn ông đứng đầu một gia tộc giàu sang có thể đòi hỏi một tang lễ trọng thể, nhưng cụ tôi đã để lại di chúc rằng hãy chôn ông trong một chiếc áo choàng trắng, một cái mũ trắng và một đôi dép cỏ - những thứ phục sức mộc mạc của một nhà tu hành. Trên chiếc mũ phải viết dòng chữ *baohen zhongtian (bảo hân trung thiên)*: “ôm mối hận cho đến tận cuối đời,” biểu thị nỗi đau khổ vì quê nhà vẫn bị người Nhật chiếm đóng. Mãi đến tận năm sau, ông nội tôi mới biết tin cha mình qua đời. Tổ chức tang lễ theo đúng truyền thống cho cha mẹ là nhiệm vụ chính yếu của người con hiếu thảo, nhưng chiến tranh đã khiến trở về nhà thành một nhiệm vụ bất khả thực thi.

Ngày 24 tháng Ba, năm 1940

Tôi đã rất sững sốt khi biết tin cha mình qua đời hôm mừng Năm. Hè năm trước ông đã một khối u trong dạ dày. Trong suốt ba tháng mùa đông, ông chỉ có thể ăn sũa bột thay khẩu phần hằng ngày. Trong cơn đau bệnh, ông mong mỏi được gặp chúng tôi. Năm nay ông bảy mươi lăm tuổi. Ông luôn khỏe mạnh và đáng lẽ có thể sống đến tám mươi hoặc chín mươi. Chỉ vì nỗi bất hạnh chung của cả đất nước, tinh thần ông rất kém và chính điều đó đã thúc đẩy ông mau đi đến chỗ lìa đời. Chúng tôi không thể đội trời chung với kẻ thù lâu hơn được nữa...

Ngày 18 tháng Chín năm 1931, tôi rời nhà ra đi. Đã chín năm rồi. Cả ông nội và bố tôi đều đã qua đời. Cuộc đời tôi đã thấy quá nhiều thay đổi. Là một người con, một người cháu, tôi làm cách nào để đền đáp đất nước, làm cách nào để đền đáp ông nội và cha mình đây!

Đã bốn mươi lăm tuổi khi triều đình nhà Thanh sụp đổ, cụ Trương Nhã Nam đã sống đủ lâu để thấy thế giới mà cụ biết đã biến mất và được thay thế bởi một thế giới khác, thế giới mà lũ con gái thì mong mỏi được đi xa còn bọn con trai bỏ lại người cha ngày một già nua để đi làm ở những nơi xa lạ. Cụ không đồng tình với những lựa chọn ấy; có lẽ khi con trai cụ rời bỏ nhà ra đi, giữa họ đã có những trăn trở giận dữ hoặc những điều không vui. Nhưng cuốn nhật ký truyền thống Trung Quốc không phải là chỗ để bộc lộ những điều riêng tư, và người con trai cụ đã không viết về những điều ấy.

Gia đình tôi đang sống ở Trùng Khánh khi người Nhật đầu hàng vào tháng Tám năm 1945. Ưu tiên hàng đầu của chính phủ là giành lại quyền kiểm soát cơ sở hạ tầng công nghiệp khá phát triển của Mãn Châu; ông nội tôi và một người bạn, đồng thời cũng là đồng nghiệp tên Tôn Việt Kỳ được chỉ định đi giám sát quá trình trao trả lại các khu mỏ ở Đông Bắc cho người Trung Quốc. Khu khai thác chính của cả vùng nằm bên dưới một thị trấn xa xôi tên là Phủ Thuận - mỏ than lớn nhất cả nước, cũng là mỏ than lộ thiên lớn nhất thế giới vào thời điểm đó.

Đó là một nhiệm vụ rất nguy hiểm. Chiến tranh đã kết thúc, nhưng một cuộc chiến khác lại vừa mới bắt đầu. Xung đột giữa chính phủ Quốc dân Đảng và những người Cộng sản - chỉ giữ được trong tầm kiểm soát trong những năm tháng chiến tranh, do vậy vùng Đông Bắc chuyển thành một chiến trường có giá trị then chốt. Những người Cộng sản có lợi thế hơn: được quân đội Xô viết đã tiến vào vùng Đông Bắc trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến giúp đỡ, quân du kích Cộng sản nhanh chóng tiến vào Mãn Châu để chiếm giữ đất đai và những vật tư chiến tranh bị những kẻ chiếm đóng bỏ lại. Ở phía bên kia chiến tuyến, những người lính Quốc dân Đảng đang ở căn cứ thời chiến Trùng Khánh nên không thể kịp quay lại nơi này.

Ban đầu, Tôn Việt Kỳ được chọn để xử lý vụ việc trao trả mỏ Phủ Thuận, nhưng ông này tìm có lẽ đã nhận việc ở một nơi khác và đề cử ông nội tôi đi thay mình. Nhiệm vụ ấy hẳn là giống như một định mệnh với ông nội tôi. Cuối cùng thì cũng có một nhiệm vụ để cứu chuộc cho những vai khác hẳn nhau mà ông đã đóng trong cuộc đời mình: sinh viên du học, chuyên gia mỏ, người Mãn Châu lưu vong, nhà yêu nước Trung Quốc. Ông nội tôi nhận nhiệm vụ, mặc dù vậy ông không cho bà nội tôi biết là ông sẽ đi đâu. Trên đường đi khỏi Trùng Khánh, ông đã dừng lại để chào tạm biệt con gái, bác Nellie ở trường trung học của bác ấy. Năm đó bác ấy mười lăm tuổi, và cũng không nghĩ nhiều về lần chia tay này; suốt cả cuộc đời bác ấy, người cha lúc nào cũng đi một nơi nào đó công tác.

Ông đến Thẩm Dương, thành phố lớn nhất vùng Đông Bắc, ngày 7 tháng Một năm 1946 - lần đầu tiên ông trở về quê hương sau mười lăm năm. Một người bạn cũ của ông, Đồng Văn Kỳ, hồi ấy đang là thị trưởng thành phố, đã cảnh báo ông hãy cẩn thận. "Anh ở Trùng Khánh đến," Ông Đồng Văn Kỳ nói. "Anh không biết ở đây như thế nào đâu." Ông nội tôi cũng nhận được cảnh báo từ một đầu mối liên lạc bên phía Liên Xô. Người Nga bảo ông hãy đợi cho đến khi tình hình trị an ở Phủ Thuận được cải thiện, và ông nội tôi đã lưu lại Thẩm Dương trong một tuần.

Tin đồn bắt đầu lan đi: ông sợ phải ra ngoài, người ta nói; ông đã đi suốt quãng đường dài đến Thẩm Dương chẳng để làm gì cả. Sáng ngày 14 tháng Một, cấp trên ở ủy ban Kinh tế Đông Bắc gọi điện hỏi về nhiệm vụ bị trì hoãn. Nổi giận trước ngụ ý ám chỉ mình

hèn nhất đó, ông nội tôi đến khu mỏ ngay hôm ấy với khoảng sáu kỹ sư mỏ và vài người bảo vệ từ nhà ga địa phương. Ở khu mỏ, họ bị bắt làm tù nhân không chính thức, và bị giám sát bởi những người lính Xô viết và cảnh sát Trung Quốc. Trong hai ngày họ chẳng làm được bất cứ việc gì, rồi nhận được yêu cầu rời khỏi khu mỏ. Buổi tối ngày 16 tháng Một, ông nội tôi và đội của ông, vẫn bị giám sát nghiêm ngặt, tất cả lên một chiếc tàu của Liên Xô để trở về Thẩm Dương. Chín giờ tối hôm ấy, một đám lính vũ trang lên tàu ở một nhà ga bỏ hoang ở phía Tây Phủ Thuận. Họ ra lệnh cho ông nội tôi cùng đồng nghiệp của ông xuống tàu và áp giải họ đến một triền đồi gần đấy. Trong đêm đông tối tăm, xung quanh là vùng Mãn Châu hoang vu vắng vẻ, những tên lính ấy đã đâm họ đến chết bằng lưỡi lê.

Ông nội tôi thốt lên vài chữ khi ông hấp hối, theo lời một tờ báo thời bấy giờ. “Tôi là người của chính phủ Trung ương,” ông nói. “Chết vì nhiệm vụ, tôi không có gì để oán trách cả.”

Không có tin tức gì ở Trùng Khánh cả. Một hôm, bà nội tôi đến chùa để hỏi về số phận người chồng mất tích của mình.

Khách viếng chùa sẽ ném hai mảnh gỗ lên cho đến khi chúng rơi tạo thành một sự kết hợp nhất định, rồi sau đó rút một thanh tre có khắc số. Con số đó tương ứng với một lời sấm, được diễn giải bằng một bài thơ mà ý nghĩa thường mơ hồ nhập nhằng. Lời sấm này được xếp hạng, từ “thượng thượng” đến “hạ hạ”.

Ngày hôm ấy, bà nội tôi bắt được thẻ xăm “hạ hạ”. Và ý nghĩa của bài thơ đó quá rõ ràng, đến nỗi sáu mươi năm sau đó, cha tôi, hồi ấy mới chỉ là đứa trẻ mười tuổi vẫn nhớ và ngâm lại cho tôi từng chữ một:

Ngày xưa bánh lái bị lạc tay

Ngày nay vẫn tìm giữa biển cả

Cho dù thứ ngày xưa có thể tìm lại lần nữa

Thì cũng mất nhiều nỗ lực và mệt mỏi con tim

Ở Thẩm Dương, có tin đồn rằng ông nội tôi và sáu người đồng nghiệp đã bị sát hại. Ông Đồng Văn Kỳ, thị trưởng đồng thời cũng là bạn của ông tôi nhận được một cuộc điện thoại từ vị chỉ huy quân đội Xô viết trong vùng. Ông đến tổng hành dinh của họ, trong cuốn hồi ký viết bốn mươi năm sau đó, ông nhớ lại cảnh tượng ấy:

Tôi thấy một chiếc xe tải đỗ giữa sân, bên trong có một chiếc quan tài bọc vải đen. Tôi nhảy lên xe và mở nắp quan tài ra, không nghi ngờ gì nữa, đó chính là Sân Phu. Anh ấy vẫn mặc bộ đồ Tôn Trung Sơn màu xanh sẫm mà tôi và anh đã cùng đi may ở Bắc Bình [Bắc Kinh]. Thân thể anh ấy đã bị đâm mười tám nhát.

Thi thể của ông nội tôi đã được tắm rửa sạch sẽ và chụp ảnh, những bức ảnh chỉ rõ

những vết thương do lưỡi lê gây ra và những dấu dây thừng ở chỗ cánh tay ông bị trói. Quan tài ông được đưa đến đền thờ Thần Chiến tranh ở Thẩm Dương, được trưng bày ở đó trong ba tháng. *Bộ quần áo thấm máu anh ấy đã mặc khi bị đâm mười tám lần treo trong đền để mọi người đến nhìn, Đồng Văn Kỳ viết, để làm tăng thêm cảm giác căm giận kẻ thù trong họ.* Những bức ảnh chụp xác ông tôi cũng được phát tán rộng rãi, cũng với mục đích tuyên truyền. Khi tin tức về vụ sát hại bùng lên vào tháng Hai năm 1946, sinh viên biểu tình ở khắp các thành phố lớn trên đất nước Trung Quốc yêu cầu quân đội Xô viết nhanh chóng rời khỏi Mãn Châu. Ở Trùng Khánh, có khoảng hai mươi nghìn sinh viên phản đối vụ giết chóc và sự hiện diện của quân đội Xô viết ở vùng Đông Bắc. Cách đó nửa vòng thế giới, ở Pulton, bang Missouri (Hoa Kỳ) ngày 5 tháng Ba, Winston Churchill đã có bài phát biểu về Bức màn sắt nổi tiếng của mình và viện dẫn hành động của quân Xô viết ở Mãn Châu như một ví dụ của ý hướng thù địch của họ.

Vụ giết người đó không bao giờ được giải quyết. Quốc dân Đảng cho rằng những người Cộng sản đã giết ông nội tôi và cả đội của ông, như một lời cảnh báo chính phủ Quốc dân Đảng hãy tránh xa đất Mãn Châu ra. Còn những người Cộng sản, ngược lại, nói rằng Quốc dân Đảng đã dàn dựng nên vụ sát hại đó để gây dư luận chống lại Đảng Cộng sản. Liên bang Xô viết quy trách nhiệm vụ này cho “thổ phỉ phiến loạn” ở địa phương. Không một ai đứng lên nhận trách nhiệm về hành vi sát hại một nhóm công dân không có vũ khí - một hành động hèn nhát. Mục đích không được nhắc đến nhưng thông điệp thì rõ ràng như nhau: cuộc chiến cũ đã kết thúc, cuộc chiến mới đã bắt đầu, cái chết của ông nội tôi chỉ là mở đầu cho nhiều cái chết khác.

NHỮNG ĐỨA CON NHỚ LẠI đã nghe tin ấy như thế nào. Một buổi chiều mùa đông, mẹ của họ được gọi đến nhà một người bạn. Khi trở về, bà đi thẳng vào phòng ngủ và bắt đầu khóc lớn đến nỗi tất cả các con đều nghe thấy tiếng bà. Rồi sau đó, bà bước ra ngoài, gọi các con lại xung quanh và nói với chúng rằng, cha chúng đã bị sát hại. “Đừng lo lắng,” người mẹ nói. “Mẹ ở đây.” Bà bảo với những đứa con rằng họ sẽ không bao giờ thấy bà rơi nước mắt một lần nữa.

Sau cái chết của ông nội, bà nội tôi bắt đầu tham gia các hoạt động xã hội - theo cách nào đó, vũ đài lớn hơn ấy phù hợp với tính cách mạnh mẽ của bà hơn. Bà được bầu vào Quốc hội và tiêu tốn hầu hết thời gian của mình ở thủ đô Nam Kinh. Đồng thời, bà cũng xây dựng một đường dây phân phối than để tăng thêm thu nhập cho gia đình. Bà đã nói sự thật: những đứa con của bà không bao giờ thấy bà khóc lần nào nữa. Nhưng mái tóc bà đã ngả sang màu xám bạc và bà bắt đầu hút thuốc liên tục, suốt đêm, dường như đối với những đứa con, bà đã trở nên già cỗi. Lời tiên tri ở ngôi chùa cũng đúng về điều này. *Cho dù thứ ngày xưa có thể tìm lại lần nữa. Thì cũng mất nhiều nỗ lực và mệt mỏi con tim.*

Bà nội tôi luôn tin rằng chính những người Cộng sản đã giết chồng bà. Bà nói, ông Tôn Việt Kỳ, người bạn đã không đến Phủ Thuận của ông nội, đáng lẽ ra phải chết ở đó mới

đúng. Nhưng Tôn Việt Kỳ đã sống sót. Ông ta về sau đã đầu hàng Cộng sản vào năm 1949 - một năm có rất nhiều vụ đầu hàng như thế - và lãnh đạo ủy ban Cách mạng Quốc dân Đảng, một đảng phái không có thực quyền tồn tại chỉ để chứng minh sự hư cấu rằng Trung Quốc không phải một đất nước độc đảng. Nhiều năm sau đó, cha tôi kể rằng ông đã nhận được tin tức từ Tôn Việt Kỳ.

Sau khi bố đến Mỹ, làm việc ở IBM, Tôn Việt Kỳ gửi cho bố một tấm thiệp Giáng sinh. Ông ta nói muốn gặp bố khi bố tới Bắc Kinh lần tới.

Bố không bao giờ gặp ông ta. Bố từ chối.

Tôn Việt Kỳ đã hưởng một sự nghiệp khá dài trong chính phủ, ông ta thọ những 102 tuổi.

Tang lễ bị hoãn hơn một năm. Sau khi cuộc nội chiến chính thức bắt đầu trở lại vào mùa hè năm 1946, cuộc chiến càn qua làng Lục Đài, khu vực này thay đổi phe kiểm soát ba lần trong năm đầu tiên của chiến tranh. Cuối cùng chính phủ cũng quyết định an táng ông nội tôi trong một công viên ở Thẩm Dương, nơi có lăng mộ của vị hoàng đế đầu tiên của triều Thanh. Chỉ có ba người con trai đến tham dự lễ tang, điều mà cô Irene của tôi vẫn nhớ lại đầy phần nộ mãi sáu mươi năm sau đó. Chuyến hành trình đến tham dự lễ truy điệu cha họ là cái mốc đánh dấu việc lần đầu tiên cha tôi, bác Luke và chú Leo lúc ấy mới ba tuổi đi ra “quan ngoại”, đến Mãn Châu. Anh họ của họ, bác Lập Giao, khi đó đã trở thành một giảng viên Đại học Bắc Kinh cũng đi cùng bà nội tôi.

Đoàn diễu hành tang lễ có một đội quân vũ trang đi theo hộ tống. Có tin đồn rằng những người Cộng sản muốn tiêu diệt toàn bộ gia đình chúng tôi, một hình phạt có từ thời phong kiến, gọi là *miemen* (*diệt môn*). Hơn mười nghìn người đã đứng hai bên đường đi, chen chúc bày tỏ lòng kính trọng và cố nhìn vào chiếc quan tài gỗ đàn nặng nề. Cha tôi, năm ấy mới mười tuổi, vẫn còn nhớ mình đã bị đám đông làm cho kích động thế nào. Trong công viên của hoàng tộc ở Bắc Lăng - nghĩa là “Lăng mộ phương Bắc” - ông tôi được đặt nằm yên nghỉ gần “linh đạo,” một con đường hai bên có những bức tượng đá khổng lồ hình người và thú vật để phục vụ cho vị hoàng đế dưới tuổi vàng. Một miếng cẩm thạch đen nhỏ khắc hàng chữ “Mộ của ông Trương Sơn Phu” là vật duy nhất để đánh dấu ngôi mộ. Bên cạnh ngôi mộ có dựng một tảng đá cao, được gọi là bia, mà theo truyền thống, tấm bia này sẽ được khắc lên câu chuyện về cuộc đời ông, ngợi ca tài năng và đức độ của ông nội tôi.

Chính phủ đã thảo ra một bản khắc trên tấm bia để quy trách nhiệm cái chết của ông nội tôi cho phe Cộng sản. Nhưng gia đình tôi cự tuyệt quyết định này. Bác Lập Giao, như hầu hết những tri thức trẻ thời bấy giờ, là một người nồng nhiệt ủng hộ Cộng sản, không đồng ý với phiên bản câu chuyện của chính phủ về cái chết của chú mình. Bà nội tôi cũng

phản đối, mặc dù lý do của bà thực tế hơn nhiều: bà tin rằng phe Cộng sản sẽ thắng trong cuộc chiến. Một tấm bảng chỉ trích Đảng Cộng sản có hành vi ám sát chính trị sẽ không thể tồn tại trong chế độ mới. Tốt hơn là, bà nghĩ, không nói gì hết. Sau tang lễ, cuối năm 1947, gia đình tôi chuyển đến Bắc Kinh. Năm tiếp sau đó, phe Cộng sản chiếm được Thẩm Dương và cả vùng Đông Bắc, nhưng đến lúc đó gia đình tôi đã chạy sang Đài Loan. Sau chiến thắng của phe Cộng sản, bác Lập Giao bị điều động đến Cáp Nhĩ Tân và đất nước bị các cuộc vận động chính trị nuốt chửng, đồng thời việc đi lại tự do cũng bị cấm. Không còn thành viên nào trong gia đình ở lại Thẩm Dương để chăm nom cho ngôi mộ của ông nội. Và tấm bia bên cạnh mộ ông vẫn để trống trong gần nửa thế kỷ. Năm tháng trôi đi, những người ở Thẩm Dương biết câu chuyện về nó đều đã chuyển đi hoặc qua đời. Dân chúng thành phố bắt đầu gọi ngôi mộ là *vô danh bia*: tấm bia vô danh.

Cách mạng vô sản tràn vào Lục Đài mùa hè năm 1946. Tổ chức đảng lan tỏa đến khắp các ngôi làng ở Mãn Châu, đánh giá “tình trạng giai cấp” của từng gia đình một, tịch thu đất đai và gia súc từ những nhà giàu có để chia cho những người nghèo nhất. Làn sóng cải cách ruộng đất thứ hai, cuộc vận động “Đào hầm” vào năm 1947, lùng sục để tìm bằng được của cải mà các gia đình đã giấu đi. Các nhà hoạt động chính trị dạy cho dân làng tố cáo những địa chủ trong các cuộc mít tinh tập thể, hay còn gọi là “đấu tố”, những mục tiêu mà họ lựa chọn bị chửi bới, nhục mạ và đánh đập. Làn sóng thứ ba, nổi lên vào mùa đông năm 1948, là cực đoan nhất và đã kết thúc trong cái chết của vô số “kẻ thù của cách mạng”. Bạo lực ngày một tăng cao là nhân tố chủ chốt để phá vỡ hệ thống cũ. Để *sửa chữa sai lầm*, Mao Trạch Đông đã viết trong một bài luận năm 1927 về các cuộc khởi nghĩa nông dân, *cần phải trở nên cực đoan nếu không sai lầm sẽ không bao giờ được sửa chữa*.

Ở Lục Đài, cán bộ Đảng Cộng sản và dân làng đã tấn công Tân Phát Nguyên, sản nghiệp của gia đình tôi. Họ kéo đổ những mái hiên gỗ của căn nhà và đốt hết sách trong thư viện, họ lấy bộ sưu tập mẫu khoáng vật ông nội tôi thu thập từ thời sinh viên đi rồi ném hết xuống sông. Chính quyền mới của thôn trung dụng chái phía Đông của nhà chính để làm trụ sở, trong khi chái phía Tây bị biến thành nhà kho và nơi xay xát gạo. Vài gia đình nghèo chuyển vào sống trong chái phía Tây và nhà sau, nơi các thành viên trong gia đình chúng tôi thờ cúng tổ tiên.

Anh cả của ông nội tôi là Trương Phượng Ân chạy khỏi làng khi cuộc tấn công bắt đầu. Ông đến sống ở Bắc Kinh với bác Lập Giao và những người còn lại trong gia đình. Ông Phượng Ân là người con trai cả và chủ nhân của Tân Phát Nguyên suốt cả cuộc đời mình, nhưng ở Bắc Kinh, điều này chẳng có ý nghĩa gì cả. Bà nội tôi cần nhàn cách sống lạc hậu và tính tình biếng nhác của ông; bà nhieć mốć thói quen khạc nhổ xuống sàn nhà của ông. Ông Phượng Ân chịu đựng những lời chỉ trích này trong im lặng. Ở thủ đô, ông biết vị thế của mình: ông chỉ là một ông già đến từ vùng quê, và đã hết thời được hưởng đặc

quyền của người con cả.

Mặc dù vậy, lũ trẻ con lại thích ông. Ông hay kể cho các cháu mình về tài sản khổng lồ của gia đình mà chúng chưa bao giờ trông thấy.

“Bác có nhiều tỳ thiếp lắm phải không ạ?” Mấy đứa con trai hăm hở hỏi, nhưng chỉ khi nào mẹ chúng không nghe thấy.

“Không, chỉ có bố bác có nhiều tỳ thiếp thôi,” ông trả lời với một chút tiếc nuối pha trong giọng nói.

Cuộc cách mạng ở những làng quê nông thôn giống như Lục Đài đã trở thành mô hình kiểu mẫu cho những cuộc vận động trên diện rộng của kỷ nguyên Cộng sản. Các chiến dịch chính trị thành từng đợt, đợt sau cực đoan hơn đợt trước, hành vi bạo lực được cổ vũ như sự minh chứng của sự trong sạch cách mạng. Lịch sử không nói nhiều về cuộc cải cách ruộng đất những năm 1940 và những cuộc đời mà nó hủy hoại, có lẽ vì những cuộc vận động sau này xảy ra ở các thành phố và có nhiều nạn nhân dễ nhận thấy hơn. Các nhà sử học không chú ý nhiều đến những người như ông trẻ của tôi, những người đã bị buộc phải trốn chạy khỏi ngôi nhà của mình và sống qua ngày như một người khách trong căn nhà của người khác. Số phận của vợ ông còn bất hạnh hơn nhiều. Khi chồng bà đã trốn đến Bắc Kinh, bà vẫn ở lại làng. Và đó là điều hợp lẽ phải: một người đàn bà thì không nên đi đâu hết. Đàn bà nên ở nhà. Bà trẻ tôi bị đánh cho đến chết, có vẻ như là bởi những người bà đã quen biết cả đời mình, trong một trong những cơn sóng cồn bạo lực cách mạng cán quét qua gia đình tôi vào cuối những năm 1940. Tôi thậm chí còn không biết tên bà là gì.

Bản đồ Bắc Kinh của cha con tôi không giống nhau. Vài năm trước, cha mẹ đến thăm tôi ở đó và chúng tôi lái xe về miền quê ở phía Đông Bắc thành phố. Trong xe, cha tôi trải ra một tấm bản đồ và đọc lớn tên các thị trấn: Cổ Bắc Khẩu, Hỷ Phong Khẩu. Đó là những quan ải nổi tiếng được các hoàng đế triều Minh xây trên Vạn Lý Trường Thành; đối với tôi, chúng là những địa điểm du lịch đông nghịt vào những ngày cuối tuần mùa hè. Đối với cha tôi, đó là những nơi đã đầu hàng mà không hề chiến đấu, từng nơi một, khi Quân Giải phóng Nhân dân khép chặt vòng vây xung quanh Bắc Kinh hồi ông mới mười hai tuổi.

“Không có trận chiến nào để bảo vệ Bắc Kinh cả,” cha tôi nói. “Con có biết tại sao không? Những vị tướng đóng ở đây chưa bao giờ trung thành với Tưởng Giới Thạch. Họ đầu hàng Cộng sản ngay cả khi chưa hề chiến đấu.”

Đó là mùa thu năm 1948, và bà nội tôi đã đoán đúng: phe Cộng sản thắng trong cuộc chiến. Cùng với thất bại về mặt quân sự, số người đầu hàng ngày một tăng, người ta bắt đầu hướng ra các vùng ngoại vi của đất nước để trốn chạy. Đảo Đài Loan, cách bờ biển

Trung Quốc một trăm dặm là một nơi có thể ẩn náu; những gia đình thương gia Thượng Hải thì thích thuộc địa Hồng Kông của nước Anh hơn. Một số người bàn đến chuyện rút về miền Tây Nam, vùng đất đã cứu Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Nhật: từ những căn cứ trong núi ở Trùng Khánh và tỉnh Quảng Tây, ở biên giới Trung Quốc-Việt Nam, những người trốn chạy một ngày nào đó sẽ đánh ngược trở về trung tâm đất nước.

Các gia đình chia lìa trước sự tấn công của phe Cộng sản. Người cha có thể lên đường với những đứa con lớn trong khi mẹ và các em chúng ở lại phía sau, hoặc một gia đình sẽ để lại đứa con nhỏ nhất cho ông bà chăm sóc, còn các thành viên còn lại sẽ đi trước. Mọi người đều nghĩ sự chia tách này chỉ là tạm thời - tất cả đều mong mỗi phe Quốc dân Đảng sẽ giành lại thế chủ động về mặt quân sự trong thời gian ngắn. Bà nội tôi bị dẫn vạt vì không biết đi đâu. Và một lần nữa, bà lại đến chùa, lần này những tấm thẻ tre đã bảo với bà: đi Đài Loan.

Mùa thu năm 1948, Tưởng Giới Thạch và phu nhân Tống Mỹ Linh đến Bắc Kinh. Họ đã đi tham quan Di Hòa Viên, một công viên mệnh mông ở khu ngoại ô phía Tây Bắc thành phố được các hoàng đế triều Thanh xây dựng để tránh cái nóng mùa hè. Triệu Hồng Chí, bạn trai của bác Nellie tình cờ cũng đến Di Hòa Viên ngày hôm ấy. Bác ấy đã chụp một tấm ảnh vị tổng thống nước Trung Hoa Dân quốc và phu nhân khi họ dạo bước qua những khu vườn và đình đài, bên bờ hồ nước trồng hàng liễu xanh um lần cuối cùng. Năm sau đó, khi đã mất hầu hết quyền kiểm soát đất nước, Tưởng Giới Thạch di chuyển thủ đô trở lại căn cứ thời chiến là Trùng Khánh. Rất nhiều gia đình đã chuyển đi cùng ông ta, sau đó thủ đô lại di dời một lần nữa, đến thành phố Thành Đô gần đó. Cuối cùng, tháng Mười hai năm 1949, Tưởng Giới Thạch lên máy bay đến Đài Loan, lập nên một chính quyền mới ở đó, bỏ lại phía sau rất nhiều người đã theo ông đến tận cùng.

KHÔNG PHẢI AI CŨNG MUỐN RA ĐI. Bà nội tôi đã mời bác Lập Giao và bác Triệu Hồng Chí cùng đi với gia đình đến Đài Loan, nhưng cả hai người bọn họ đều làm bà phải thất vọng. Bác Triệu Hồng Chí là một sinh viên còn bác Lập Giao là một giảng viên đại học. Như nhiều trí thức cùng thời, họ ủng hộ phe Cộng sản và mong chờ được xây dựng một đất nước mới. Cha tôi và bác Luke còn quá nhỏ để có cái gọi là quan điểm chính trị. Còn bác Triệu và bác Lập Giao thì đã đủ lớn, chính sự trưởng thành ấy đã phong kín số phận của họ lại.

Bác Nellie của tôi; theo như những người khác trong gia đình kể, cũng muốn ở lại. Là một nữ sinh trung học, bác bị dẫn vạt giữa mong muốn của gia đình và sự ủng hộ phe Cộng sản trong mình. Bác cũng đang yêu nữa - bạn trai bác, bác Triệu Hồng Chí, tin vào cuộc cách mạng và dự định sẽ ở lại. Nhưng bác Triệu lại thuyết phục bác Nellie rằng bác nên ra đi, để giúp đỡ mẹ và bốn đứa em của mình. Hai người đã thỏa thuận rằng cho dù kết cục có thể nào, mỗi người cũng sẽ đăng một quảng cáo "Tìm người" trên tờ báo lớn nhất thành phố để họ có thể tìm lại được nhau.

“Chuyện đó thật vô vẩn!” Bác Nellie nói khi tôi kể lại phiên bản này của câu chuyện cho bác hồi mới gần đây. “Anh ấy muốn bác đến Đài Loan với lũ trẻ rồi trở lại Trung Quốc.”

Là chị cả trong gia đình, bác Nellie luôn là người được cha cưng chiều. Bác đón nhận lấy sự cưng chiều đó như đặc quyền của riêng mình, nhưng; bác cũng được dạy bảo là phải biết trách nhiệm của mình. Khi tôi hỏi xem bác có muốn ở lại vào mùa thu năm 1948 ấy hay không, bác gạt phăng tôi đi. “Bác không cần biết là có đi hay không,” bác ấy nói, “nhưng bác có trách nhiệm phải trông nom những đứa em nhỏ hơn mình.”

Một buổi chiều mùa hè ở Bắc Kinh, tôi đến thăm bác Triệu Hồng Chí, bạn trai cũ của bác Nellie. Bác ấy đã tám mươi tuổi và vừa mới chuyển đến khu chung cư cách chỗ tôi ở một khu phố. Vợ bác Triệu ở nhà. Ngay lần đầu tiên đến, tôi đã gặp bà. Gương mặt bà không để lộ chút cảm xúc nào khi ra đón tôi: cháu của bạn gái cũ của chồng mình, đến để nói chuyện về chuyện tình đã xa xưa ấy.

Trong phòng khách, bác Triệu cẩn trọng nói về tuổi thơ và mối quan hệ với gia đình tôi. Vợ bác đi qua căn phòng, rồi ngồi xuống bàn ở phòng ăn bên cạnh đọc báo. Thi thoảng bà ấy lại sột soạt những trang báo để chúng tôi biết bà ấy vẫn đang đọc. Điều hòa nhiệt độ của căn hộ mới vẫn chưa được nối điện, nên căn buồng hết sức nóng bức ngột ngạt.

“Bác Nellie có tham gia các hoạt động của phe Cộng sản không?” Tôi hỏi bác Triệu.

“Không,” bác ấy đáp. “Hồi đó, cô ấy vẫn còn đang đi học.”

“Nhưng cháu luôn nghe mọi người bảo bác ấy không muốn rời khỏi Trung Quốc.”

“Cô ấy không muốn rời khỏi Trung Quốc.”

Tôi liếc nhìn ông. Bác Triệu ngồi thẳng thớm trên ghế bành - nghiêm nghị như một chàng sĩ quan trẻ kiêu ngạo với điều mình biết.

Bác lặng lẽ chỉ vào mình, ngón tay cái trỏ lên ngực như một lưỡi dao găm đã tìm thấy mục tiêu của nó. Ở căn phòng bên cạnh, không có tiếng giờ báo sột soạt nữa.

MÙA THU NĂM 1948 ĐÓ, Quốc hội vẫn đang họp. Bà nội tôi, lúc ấy đang ở Nam Kinh, cố gắng một cách điên dại để bí mật đưa các con ra khỏi Bắc Kinh khi quân đội Cộng sản đang tiến về thành phố. Vé tàu đi Thượng Hải đã bán hết, còn sân bay địa phương thì đã đóng cửa. Bà nội tôi đến gặp một vị tướng trong Không quân tên là Chu Chí Nhu^[20], và lật lá bài cuối cùng bà có trong tay lên. “Chồng tôi đã hy sinh vì đất nước này,” bà nói, “tôi muốn đưa con của tôi đi khỏi đó.” Những người con của bà rời Bắc Kinh đến Nam Kinh trên một chiếc máy bay vận tải quân sự DC-3 cất cánh từ một con phố đã được chuyển thành đường băng tạm thời. Đó là một trong những chuyến bay cuối cùng rời khỏi Bắc Kinh vào tháng Mười năm 1948.

Triệu Hồng Chí đi cùng cả gia đình để tiễn họ. Bác đạp xe về nhà khi chiếc DC-3 gầm rú trên đầu, mang theo tình yêu của bác đi, cảnh tượng hết như đoạn cuối cùng trong phim Casablanca. Nhiều năm sau đó, bác Triệu đã viết trong một bài văn của mình thế này:

Tôi đã tiễn biệt tình yêu thuở ấu thơ, cô ấy sẽ đi học ở trường Trung học nữ Nam Khai ở Thiên Tân. Khi chiếc máy bay cất cánh và bay qua trên đầu, tôi vừa đạp xe rời khỏi sân bay và đi qua Vườn thú Bắc Kinh. Tôi đã nói với cô ấy rằng tôi sẽ ra vùng tự do trong một tuần nữa. Trong khoảnh khắc ấy, tôi nghĩ hành động ấy thật anh hùng và hấp dẫn.

Bác Triệu có nhận được một bức thư của bác Nellie gửi từ đảo Đài Loan. Bác Nellie quyết định học chuyên ngành ngoại ngữ, ngành học mà bác Triệu cho rằng thích hợp với phụ nữ. Bác không nhận được tin gì của bác Nellie kể từ đó - không có liên lạc gì nữa giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục trong khoảng bốn thập kỷ tiếp đó. Sau khi bác Nellie đi, bác Triệu nghỉ học và cùng mấy người bạn sinh viên đi đến “vùng tự do” đã nằm dưới quyền khống chế của Cộng sản bên ngoài Bắc Kinh. Bác đổi tên mà cha mẹ đặt cho mình thành Lập Sinh, nghĩa là “xây dựng cuộc đời”: chuyện này khá phổ biến, trong thời kỳ cách mạng, lấy một tên mới tượng trưng cho sự cắt đứt với quá khứ. Mùa đông năm sau đó, các sinh viên diễu hành bên cạnh những người lính Cộng sản khi họ tiến vào thủ đô. Bác Triệu tìm được công việc ở Sở Giáo dục thành phố. Trong cuộc vận động chống phái hữu nhằm vào các phần tử trí thức năm 1957, bác mất chức giáo sư đại học và bị đưa về nông thôn lao động. Bác Triệu ở đó hai mươi năm. Đến hơn năm mươi tuổi, bác mới được trả lại công việc và Đảng tịch của mình. Đến lúc đó, bác không còn muốn ở trong Đảng nữa, nhưng bác cũng không dám từ chối nó.

Tôi chưa bao giờ nghe bác Triệu nói mình hối hận vì đã ở lại Trung Quốc. Người Trung Quốc không có cái kiểu hối tiếc như vậy - bởi sẽ có quá nhiều điều để nói và chẳng được ích lợi gì. Trong sâu thẳm, có vẻ như bác Triệu còn tự hào với sự lựa chọn của mình, ký ức về nó vẫn chói lọi ánh vàng, không hề bị lấm bẩn bởi tất cả những gì xảy ra sau đó. “Bác muốn ở lại, để giúp đất nước Trung Quốc,” bác Triệu nói với tôi. “Hồi ấy bọn bác rất có lý tưởng. Ai có thể nói bọn bác đã sai chứ?”

Con tàu đưa những người tị nạn của cuộc nội chiến đến Đài Loan tên là *Thịnh Vượng* (*Prosperity*). Bác Nellie đi trước với ba em trai và một người giúp việc trong gia đình, bà này từng là vú nuôi của cha tôi, cha tôi và các anh chị em của ông gọi bà là má Vượng. Chuyến hải hành kéo dài hai ngày hai đêm, hầu hết mọi người đều bị say sóng. Khi con tàu đến cảng Cơ Long ở Đài Loan, bác Nellie trông thấy các đồng nghiệp cũ và sinh viên của cha mình ra đón ở cầu tàu. Nhưng không ai được xuống khỏi con tàu nếu không có giấy tờ hợp lệ - ngay cả trong những thời khắc hỗn loạn cuối cùng của cuộc nội chiến,

thời quan liêu của người Trung Quốc vẫn cứ hoành hành - không đứa trẻ nào có giấy tờ. Bác Nellie như phát điên lên. Sau đó bác nhận ra vài người trong thủy thủ đoàn đang vác hành lý khỏi tàu qua một lối đi mé bên cạnh, vậy là bác liền dẫn các em đi theo lối đó. Má Vương ngần ngừ ở lại phía sau, chân bà bị bó và bà sợ mất thăng bằng khi đi trên lối đi hẹp ấy. “Má phải đi, hoặc bọn cháu sẽ quay lại,” Nellie ra lệnh, và má Vương nghe lời bác ấy. Trên thực tế, con tàu đã trở lại Trung Quốc với rất nhiều hành khách vẫn đang ở trên tàu - họ trở thành công dân nước Trung Quốc Cộng sản khi chỉ còn cách Đài Loan chỉ vài bước chân. Bà nội và cô Irene của tôi cũng đến được Đài Loan hai tuần sau đó.

Đối với họ, hòn đảo ấy chưa bao giờ là quê hương. Trong mắt họ, nó chỉ là một trạm dừng chân chờ đến ngày họ trở về Đại lục. Những người tị nạn đến từ Trung Quốc Đại lục được gọi là *waishengren* (*ngoại tỉnh nhân*), người đến từ các tỉnh ngoài. Họ sống tách rời khỏi những người Đài Loan bản địa và không bao giờ thấu nhận thổ âm địa phương. Ở trường, con cái họ học thuộc lòng tên núi tên sông ở Trung Quốc và hát những bài hát về bức Vạn Lý Trường Thành mà có thể chúng không bao giờ trông thấy. *Vạn Lý Trường Thành trong tim ta dài vạn dặm*. Đất nước của thời ấu thơ và của tổ tiên họ trở thành vùng đất trong ký ức, một vùng đất để tái tạo lại trong trí tưởng tượng của họ.

Cha tôi sống ở Đài Loan mười một năm, gần bằng thời gian ông sống ở Trung Quốc. Khi kể tôi nghe câu chuyện của gia đình, ông mất vài tiếng đồng hồ để nói về Trung Quốc; còn Đài Loan, ông bỏ qua chỉ sau ba bốn câu ngắn ngủi.

Bố và những người thân sống ở Đài Bắc khoảng sáu tháng, sau đó chuyển đến Đài Trung. Bọn bố chỉ được ăn thịt gà khi Tết đến và hai hay ba quả dưa hấu trong mùa hè. Mẹ bố là một nhà lập pháp khi bà ấy qua đời.

Từng người một, bố cùng những người thân đến Mỹ.

Chính phủ đã lập một quỹ quyên góp để hỗ trợ gia đình sau khi ông nội tôi bị giết. Bà nội đã dùng số tiền đó để mua vàng miếng và trái phiếu chính phủ, đóng trái phiếu đã thành một mớ giấy lộn vô giá trị, nhưng số vàng thì đã giúp gia đình duy trì được trong nhiều năm. *Bố và người thân để vàng miếng trong thắt lưng mỗi khi đi đâu*, bố tôi hồi tưởng lại. Vì họ là con liệt sĩ, nên chính phủ trả tiền học và thậm chí cả tiền đồng phục ở trường cho họ.

Trong ngày giỗ thứ tư của cha họ, bác Nellie, lúc ấy đã là một tân sinh viên đại học, có viết một bài thơ được đăng trên tờ *Nhật báo Tin tức Trung ương*, tờ báo của Quốc dân Đảng:

Bốn năm rồi, cha ơi.

Cỏ trên mộ cha đã mọc cao,

Những cánh đồng phương Bắc một lần nữa lại phủ tuyết,

Ôi, con của cha đang lang thang trên hòn đảo giữa biển khơi

Đang thành tâm gửi nỗi nhớ vời vợi đến cha.

Những thứ đã mất

Có thể tìm lại được

Nhưng những gì con mất

Là tình yêu của cha

Quần áo rách có thể vá lành

Nhưng, than ôi, đây là

Một trái tim bị xé nát!

Ngày 16 tháng Một, ngày hôm nay của bốn năm về trước,

Ngày hôm đó, khi người ta ca khúc khải hoàn

Cha trở thành kẻ hy sinh đầu tiên của sự chuyển đổi

Liêu Ninh, mỏ than Phủ Thuận -

Vùng đất không ai dám tới

Nhưng cha...

Có lẽ đó cũng giống như những gì cha hay nói

“Đã sống, thì phải sống mạnh mẽ,

Đã chết, thì phải chết có mục đích.”

“Con đường được tạo nên bởi bước chân người,

Thành công phụ thuộc vào công lao chăm chỉ”...

Vâng,

Nước mắt không bao giờ ngưng chảy,

Những lời cay đắng sẽ không bao giờ dứt,

Món nợ máu sẽ không bao giờ được rửa sạch,

Vết thương sẽ chẳng bao giờ lành,

Biến đau thương thành sức mạnh để sống tiếp!

Nhưng con ghét điều ấy,

Cha ơi.

Nhiều người viết thư cho bác Nellie nói họ cảm động trước bài thơ của bác làm. Một chàng trai trẻ tự gọi mình là “Người Lười” gửi cho bác Nellie những vần thơ do chính anh sáng tác. Bài thơ của anh ta đã tránh nói đến nỗi đau khổ của chính bác ấy; cái chết của cha cô, anh viết, sẽ thôi thúc mọi người thực hiện nhiệm vụ xây dựng đất nước. Chàng trai trẻ kia không biết địa chỉ của bác Nellie, vì vậy trên phong bì anh chỉ viết rất đơn giản: Trương Á Lôi^[21], Đại học Quốc lập Đài Loan, thành phố Đài Bắc.

Hét lên chỉ là điên rồ

Chỉ im lặng mới là sức mạnh
Gào lên than trách là mất đi dũng khí
Chỉ có sắt ở trong lò mới luyện được thành thép.
Trước cơn bão tố,
Biển lặng không gợn sóng cồn
Ở dưới đáy sâu
Dòng nước chảy không một tiếng động
Hãy thu nỗi đau của em lại
Cả một ngòi bút cũng thành súng
Đó là căm hờn
Đó là món nợ máu
Ôi, một món nợ!
Không chỉ của em,
Không chỉ của ông,
Không chỉ của anh,
Nó là của mọi người,
Nhưng ai có xương
Nhưng ai có máu có thịt
Nhưng ai đáng người, và một trái tim
Nhưng ai một tâm hồn
Món nợ ấy thuộc về tất cả chúng ta!

Những thành viên gia đình tôi ở lại Trung Quốc đã phải chịu những năm tháng tồi tệ. Năm 1950, một năm sau chiến thắng của phe Cộng sản, anh họ Lập Giao của cha tôi kết hôn với một cô y tá tên là Chu Thu Lan và chuyển đến Cáp Nhĩ Tân, nơi bác làm giáo sư của một trường đại học nông nghiệp. Họ có hai người con trai và một con gái. Năm 1957, Mao Trạch Đông có bài phát biểu mời trí thức phê bình các biểu hiện của Đảng Cộng sản. Bác Lập Giao, lúc ấy đang là trưởng khoa, đã công khai đề nghị rằng Đảng nên đánh giá các trí thức dựa trên kỹ năng và kiến thức của họ. Trình độ học vấn của một người, bác nói, không phải là thước đo đánh giá cống hiến của anh ta đối với cách mạng.

Đó là một tuyên bố ở mức độ vừa phải - nhưng trong hoàn cảnh thời điểm đó, nó là

chất độc. Những người lãnh đạo đất nước, lấy làm kinh ngạc trước những lời phê bình Đảng Cộng sản và thậm chí cả bản thân Mao Trạch Đông ngày một nhiều hơn, nên cuối cùng họ quay lưng lại những con người mà chính họ đã cổ vũ để đứng lên cất tiếng nói. Hơn năm trăm nghìn người bị dán nhãn “hữu khuynh” và mất việc hoặc bị điều về nông thôn để lao động chân tay. Bác Lập Giao mất chức trưởng khoa và bị cắt lương. Tội thật thà của bác còn được tăng nặng thêm bởi nguồn gốc gia đình: cha và ông nội bác từng là địa chủ ở Mãn Châu, gia đình chú bác đã chạy sang Đài Loan. Lịch sử gia đình khiến bác Lập Giao mãi mãi là kẻ đáng nghi trong con mắt Đảng Cộng sản.

Trước khi các con của bác Lập Giao bắt đầu đến trường tiểu học, họ đã hiểu rằng dòng máu chảy trong người họ là dòng máu xấu. Trong tất cả các biểu mẫu họ phải điền ở trường học, có một ô trống dành cho “thành phần giai cấp”. Và họ sẽ viết “địa chủ” vào đó, chỉ vì có một gia sản mà đã biến mất từ rất lâu trước khi họ có mặt trên cõi đời này. Các giáo viên trù dập lũ con trai và con gái của địa chủ, lũ trẻ con thì xóc xĩa nhau bằng vốn từ vựng đấu tranh giai cấp của chúng: *Cha mày là đồ phái hữu! Nhà mày là nhà địa chủ*. Đất nước Trung Quốc dưới quyền cai trị của Mao Trạch Đông là một nhà nước theo chế độ quý tộc đảo ngược: huyết thống luôn luôn là một nỗi ám ảnh mang tầm quốc gia, vị thế của một gia đình trước đó cao bao nhiêu, thì khi ấy tình hình của nó sẽ càng tệ bấy nhiêu.

Cuộc Cách mạng Văn hóa bắt đầu năm 1966 hoàn toàn lật đổ các trật tự đã được thiết lập. Trong hơn một thế kỷ, các nhà lãnh đạo và nhà tư tưởng của Trung Quốc đã dần vật nghĩ cách làm thế nào để điều chỉnh truyền thống của họ cho phù hợp với thế giới hiện đại. Cách mạng Văn hóa đã đưa ra một câu trả lời đơn giản: ném bỏ tất cả đi. Trong hơn một thập kỷ sau đó, những nhóm học sinh cực đoan gọi là Hồng vệ binh đánh đập, và đôi khi giết hại chính thầy cô giáo dạy mình. Mười bảy triệu sinh viên về nông thôn lao động trên những cánh đồng cằn cỗi, cuộc sống mà người Trung Quốc ở nông thôn đã trốn chạy trong nhiều thế kỷ. Giáo dục, dấu hiệu của sự thành đạt và con đường dẫn đến đổi thay, được cho là “phản cách mạng”. Cách mạng Văn hóa đã lấy đi mọi thứ người Trung Quốc từng sùng kính trong cả một thời gian dài và nghiền nát chúng ra thành từng mảnh nhỏ, giống như ném một chiếc bình gốm cổ vào tường vậy. Nó chấm dứt thế giới của rường cột đạo đức và giá trị Khổng giáo mà ông nội tôi, cùng vô số thế hệ trước ông được sinh ra trong đó.

Và thay vào đó là gì? Trong một khoảng thời gian nhất định, sự nhiệt tình đến cực đoan đã là đủ. Nhưng khi Cách mạng Văn hóa cuối cùng cũng chấm dứt và những nhà lãnh đạo thực dụng như Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền, người Trung Quốc sẽ nhận ra họ đang sống trong một xã hội rỗng tuếch - bị lột sạch mọi niềm tin và trống rỗng như đứa trẻ sơ sinh, ngẩng nhìn một thế giới hoang tàn mà họ phải tạo dựng lại bằng cách nào đó.

Năm 1968, Hồng vệ binh đến ngôi mộ ông nội tôi ở Thâm Dương. Chúng đào quan tài

lên và vứt vung vãi những gì còn lại của ông trong đó, chúng đập nát ngôi mộ và dấu tích ngôi mộ. Chúng đập cái bệ tấm bia bên cạnh cho đến khi nó vỡ toác, nhưng chúng lại để tấm bia được nguyên vẹn. Có vẻ như không ai biết đó là cái gì - bề mặt trống không của nó chẳng gọi nên điều gì cả.

Lần lượt từng người một, những người con của ông nội đến nước Mỹ, như cha họ đã từng làm. Nhưng ông nội tôi ra nước ngoài để một ngày nào đó trở lại và giúp đất nước Trung Quốc. Còn con cái ông thì rời bỏ quê hương để phát triển sự nghiệp riêng của mình - không còn Trung Quốc nào để mà trở về nữa. Số tiền dùng để di cư sang bên ấy, một phần là vay mượn từ bạn bè, một phần là tiền bán những miếng vàng, số tiền đã được quyên góp ủng hộ gia đình tôi khi ông nội bị sát hại. Cái chết của ông đã được chuyển thành chuyến đi tới nước Mỹ.

Những ngày ấy, nếu muốn đến Mỹ [cha tôi kể], phải cần có 2.400 đô la trong ngân hàng cho đến khi tốt nghiệp. Chị gái bố đã đi mà không gặp nhiều trở ngại lắm. Gia đình gom góp được 2.400 đô nhờ tiết kiệm và vay mượn. Bác ấy đã tiêu mất một ít trong số đó, nhưng bác ấy kiếm được tiền và gửi trả lại 2.400 đô la đó, vì vậy bác Luke cũng có thể đến Mỹ với số tiền ấy. Họ cách nhau bốn tuổi. Nhưng bác Luke và bố chỉ cách nhau hai tuổi, vì vậy khi đến lượt bố đi, số tiền đó vẫn chưa được bổ sung lại...

Anh chị em bố giữ các miếng vàng trong một cái hộp màu vàng, mọi thứ dần dần đội nón ra đi. Anh chị em bố đi mượn tiền bạn bè, nhưng không ai muốn giúp đỡ cả. Cha bố đã qua đời, tại sao họ phải giúp bọn bố cơ chứ?

Bố là người đứng ra đi vay tiền. Bố còn nhớ mình đã đến nhà một người bạn của gia đình và ngồi lì ở đấy. Họ lò bố đi. Cuối cùng, họ nói cha họ không có nhà, nhưng bố biết ông ấy đang ăn cơm trưa ở trong.

Sau khi có tiền trong tay, nhiệm vụ tiếp theo là phải có được một con dấu visa. Bất cứ ai rời khỏi Đài Loan đều phải đảm bảo với những viên chức ở tòa lãnh sự Mỹ rằng anh hoặc cô ta sẽ trở lại ngay sau khi kết thúc khóa học của mình.

Bố tốt nghiệp trường cao đẳng năm 1957 rồi đi nghĩa vụ quân sự một năm rưỡi. Tháng Một năm 1959, bố ra quân. Ngày nào bố cũng đến lãnh sự quán Mỹ ở Đài Bắc với một cuốn tiểu thuyết và đợi nhân viên ở đó gọi tên mình. Sau sáu tháng, cuối cùng bố cũng có được visa.

Bà nội tôi thúc giục các con mình ra đi. Bà cảm thấy Đài Loan quá nhỏ bé, nước Mỹ là nơi duy nhất để học lên cao hơn. Nhưng chuyến đi bằng tàu biển vượt Thái Bình Dương nên khó có thể đi một lần. Mỗi lần nói chào tạm biệt với một đứa con, bà đều biết đó là lời vĩnh biệt.

Ở bên kia đại dương, những đứa con bà tiếp tục làm những gì họ được trông chờ. Các cô con gái có nhiều tự do hơn để học những gì họ muốn, bác Nellie học chuyên ngành giáo dục học còn cô Irene học tiếng Anh. Cha tôi, người có giọng lưỡi sắc bén nhất trong một gia đình toàn những người hay nói, bị chính trị và luật học hấp dẫn. Nhưng những người con trai được mong đợi sẽ nghiên cứu khoa học và kỹ thuật như cha họ, và như tất cả những sinh viên du học giỏi nhất. Khi bác Luke tốt nghiệp trung học, bà nội tôi nói với bác: “Con muốn học ngành gì? Mẹ hy vọng con sẽ theo bước của cha các con.” Bác Luke đồng ý với nguyện vọng của bà. Sau đó bà nội đưa cho bác một cuốn sách tên là *Field Geology* (*Địa chất học thực địa*), một cuốn sách giáo khoa đã ba mươi năm tuổi mà ông nội tôi đã dùng khi học ở Mỹ. Và vậy là chấm dứt cuộc nói chuyện duy nhất của bác Luke với mẹ về tương lai của bác.

Bà nội tôi biết những điểm mạnh và điểm yếu của các con mình, và bà đã bảo cho họ biết điều đó. Bác Nellie thông minh nhưng thiếu sự kiên trì bền bỉ cho nghề y mà bác muốn theo đuổi. Bác Luke cứng đầu và có thể phát triển trong giới học thuật. Cha tôi thông minh nhưng hay nói quá nhiều về ưu điểm của mình. Cô Irene cần cù nhưng hay khóc. Chú Leo là một sinh viên kém, nhưng chú sẽ giỏi việc kinh doanh. Tất cả những dự đoán đó hóa ra đều thành sự thật. Bác Nellie bỏ ngành y để trở thành một giáo viên trường tiểu học và giáo dục đặc biệt, bác Luke trở thành một giáo sư địa chất học và trưởng khoa ở Đại học Maryland. Cha tôi học kỹ thuật điện và sau đó chuyển sang vật lý, ông làm nghiên cứu khoa học cho hãng IBM và nhận chức chủ nhiệm khoa kiêm phó hiệu trưởng Đại học Khoa học và Kỹ thuật Hồng Kông. Cô Irene, người hồi nhỏ thường xuyên khóc nhè vì bị các anh trêu chọc, đã trở nên cứng rắn hơn và trở thành chuyên gia ngành dược, sau đó lãnh đạo một công ty chuyên về công nghệ sinh học. Còn chú út của tôi, chú Leo, trở thành một doanh nhân thành công và giàu có ở Đài Loan. Bằng cách này, bà nội tôi đã quyết định số phận cho tất cả các con.

BÀ NỘI TÔI QUA ĐỜI vì bệnh khí thũng (giãn phế nang) năm 1965. Mùa hè năm đó, cô Irene đến Đài Loan thăm bà; các anh chị cô đã góp tiền lại để chi trả cho chuyến đi. Trên giường bệnh, bà nội tôi đã gọi cô Irene đến bên cạnh. Bà đã tiết kiệm tất cả số tiền các con ở Mỹ gửi về, và bà muốn số tiền đó được chuyển cho con trai út. Chú Leo là người con duy nhất của bà không ra nước ngoài. Vì bốn anh chị em của chú đều không thực hiện lời hứa trở lại Đài Loan, lãnh sự quán Mỹ đã từ chối cấp thị thực nhập cảnh cho chú. Bà nội tôi bảo cô Irene tìm cho bà bộ quần áo bà muốn mặc khi được chôn cất. “Mặc cho mẹ luôn bây giờ đi,” bà bảo, “vì sẽ khó hơn sau khi mẹ chết đấy.” Bà đã điều khiển mọi thứ, cho đến tận lúc chết.

Bố tôi trở lại Trung Quốc lần đầu tiên năm 1975. Ông là thành viên của một phái đoàn đại biểu các nhà Vật lý được Viện Khoa học Hoa Kỳ lựa chọn - một trong những phái

đoàn đầu tiên của Mỹ đến Trung Quốc, vào thời điểm mà hai quốc gia vẫn chưa thiết lập quan hệ ngoại giao với nhau. Khoa học là một vùng trung lập, không cần đến sự can thiệp của chính phủ - chính là khoa học đã đưa cha tôi đến nước Mỹ, và cũng chính khoa học đã mang ông trở về. Năm ấy cha tôi ba mươi chín tuổi. Ông đã rời Trung Hoa đại lục khi ông mười hai, và nó là một đất nước hoàn toàn mới khi ông trở lại. Trong một giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, ông đã hết sức xúc động khi nghe người dẫn chương trình gọi tên “Tĩnh Cát Lâm!” Ông nghe thấy tiếng hoan hô, có vẻ dường như tất cả những khẩu hiệu chống Trung Quốc ông đã được dạy ở Đài Loan đều tan biến trong khoảnh khắc ấy. “Bố cảm thấy cuối cùng nó cũng là nước Trung Quốc thực thụ,” ông kể với tôi. “Bao nhiêu năm nay họ nói Đài Loan là Trung Quốc, nhưng đây mới thực sự là Trung Quốc.”

Ông thấy những thứ còn sót lại của kỷ nguyên chính trị cực đoan đang ở giai đoạn kết thúc. Phái đoàn của cha tôi đến thăm một công xã - sau này ông được biết, đó là một công xã giả được dựng lên để gây ấn tượng với khách tham quan. Khi đến thăm các trường học, cha tôi đã lấy làm ngạc nhiên khi thấy sinh viên cãi lại giáo viên của họ. Đây là một hệ quả của Cách mạng Văn hóa, nhưng vẫn là một tiến bộ so với nền nếp cũ, ông cảm thấy như vậy. Một ngày nọ, cha tôi đến thăm trường trung học cũ của mình, một nơi cách Tử Cấm Thành chừng nửa dặm về phía Đông. Khi ông nhìn qua cánh cổng, một người đàn ông đi dép lê và mặc áo phong ngắn tay bước ra để nói chuyện. Ông ta là người đứng đầu ủy ban cách mạng của trường này, một cương vị gần như là hiệu trưởng trong những ngày đó. Người đàn ông đó hỏi một câu: “Đi tàu hỏa đến Mỹ thì mất bao nhiêu tiếng?”

Cha tôi yêu cầu được gặp anh họ Lập Giao của mình. Ông nói với người dẫn đoàn đại biểu rằng anh họ ông đã từng dạy ở Đại học Bắc Kinh giai đoạn cuối những năm 1940 nhưng ông không biết chuyện gì đã xảy ra với anh ấy sau đó. Câu trả lời là, bác Lập Giao của tôi, đã được cử đến vùng Tây Bắc xa xôi và không thể gặp bác ấy được. Đó là một lời nói dối, sau này cha tôi được biết, bác Lập Giao và vợ đang sống ở thành phố Cáp Nhĩ Tân, miền Đông Bắc, nhưng họ sẽ đối diện với nguy hiểm về mặt chính trị nếu gặp một khách nước ngoài ở thời điểm đó.

Cuộc Cách mạng Văn hóa đã đến giai đoạn cuối cùng, nhưng nó vẫn còn gây rất nhiều tổn hại. Thủ tướng Chu Ân Lai đang nằm viện vì bệnh ung thư; Bè lũ bốn tên, nhóm tả khuynh gắn liền với những hành vi thái quá nhất của Cách mạng Văn hóa, đang nắm quyền. Một hôm cha tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe thấy những cán bộ chính phủ làm hướng dẫn cho mình nói Đặng Tiểu Bình, người cán bộ Đảng Cộng sản tận tụy nhất với sự nghiệp cải cách và hiện đại hóa, sẽ sớm bị miễn chức. Những người hướng dẫn này quá lo lắng về tương lai của chính họ, nên đã để lộ tin này trước mặt cha tôi. Tháng Tư sau đó, Đặng Tiểu Bình bị loại khỏi hàng ngũ lãnh đạo Đảng lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng. Trong ngôi nhà ở ngoại ô New York của mình, chúng tôi nghe đi nghe lại những đĩa nhạc cha tôi mang về từ Trung Quốc.

*Vâng dương phương Đông đang nhô lên,
Nước Cộng hòa Nhân dân đang trưởng thành,
Lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông chỉ đường cho ta đi tới.
Đời ta ngày ngày một tốt đẹp,
Tương lai ta rạng ngời ánh sáng huy hoàng.*

Cha tôi trở lại Trung Quốc lần thứ hai vào năm 1979. Mỹ và Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao, Đặng Tiểu Bình đã vững chắc ở ghế cầm quyền, khôi phục lại vị trí cho hàng triệu nạn nhân của cuộc Cách mạng Văn hóa và thực hiện chính sách cải cách kinh tế mà chỉ không lâu sau đã làm thay đổi bộ mặt cả đất nước. Một lần nữa, cha tôi lại yêu cầu được gặp bác Lập Giao, lần này hai vợ chồng bác ấy đã được đưa đến Thẩm Dương để gặp ông. Khi chuyển tàu của cha tôi vào ga, ông trông thấy bác Lập Giao đang đợi trên sân ga, bác ấy đang khóc.

Bác Lập Giao muốn biết tất cả mọi chuyện đã xảy ra trong ba mươi năm xa cách. Cha tôi kể cho bác nghe về cuộc sống khó khăn ở Đài Loan, về người mẹ đã một mình nuôi dạy năm đứa con và chuyện tất cả bạn bè của gia đình đã lặn lẽ biến mất sau khi cha họ qua đời. Bác Lập Giao nói về cuộc sống dưới chế độ Cộng sản tươi đẹp hơn nhiều như thế nào. Bác không kể với cha tôi rằng bác đã bị đưa đi diễu qua các phố như một tên kẻ thù giai cấp khi Cách mạng Văn hóa bắt đầu, sau đó bị đày đi làm việc trong một nông trang trồng lúa gần biên giới Liên Xô. Bác cũng không nhắc đến chuyện hai người con trai bác chỉ vừa mới trở về thành phố sau mười năm lao động ở nông thôn, hay cả hai người bọn họ đều chưa học hết lớp tám. Bác không nói cha mẹ bác đã phải chết thế nào.

Rồi vợ bác Lập Giao hỏi cha tôi: “Chú có biết chuyện gì đang xảy ra ở Trung Quốc không?”

“Có,” cha tôi trả lời. “Nhiều hơn so với chị.”

Cùng với những đợt trao đổi khoa học giữa Trung Quốc và phương Tây càng lúc càng nhiều, cha tôi cũng thường xuyên trở lại Trung Quốc. Năm 1982, ông ở với gia đình bác Lập Giao tại Cáp Nhĩ Tân, con trai thứ hai của bác Lập Giao nhớ lại, cha tôi đã từng đứng vài phút trước bản tin buổi tối và nói: “Chú không thể xem thứ tin tức giả tạo này được.” Năm 1984, cha tôi đứng trên lễ đài ở Quảng trường Thiên An Môn trong lễ kỷ niệm ba mươi lăm năm cuộc Cách mạng của Đảng Cộng sản.

Sau khi tôi chuyển đến Bắc Kinh năm 2000, cha mẹ tôi đến thăm tôi ít nhất một lần mỗi năm. Thỉnh thoảng tôi có cảm giác họ đã quên mất cách giao thiệp với người Trung Quốc. Họ thiếu sự kiên nhẫn cho những cuộc nói chuyện phiếm và những lễ tiết nhỏ nhặt vốn là nền tảng của giao tiếp xã hội, và họ lảng tránh việc đến thăm họ hàng, những người mà tôi biết chắc là đang nôn nóng chờ họ gọi điện tới. Thi thoảng họ làm tôi thấy bối rối vì ngược: có lần cha tôi đã gọi cô lau nhà giúp việc cho một người bạn là *yongren*

(*dùng nhân*), nghĩa đen là “người bị sử dụng”, một từ cũ dùng cho những người hầu đã không được nhắc đến từ thời Cách mạng của Đảng Cộng sản. Nhưng họ vẫn biết tất cả về lịch sử, ngôn ngữ, văn học và văn hóa Trung Quốc, và bằng một khả năng ngoại cảm thần bí nào đó, họ luôn biết được nhà hàng nào là ngon nhất trong thành phố.

Khi tôi kể chuyện gia đình mình cho những người bạn Mỹ, họ hỏi tôi bằng cách nào mà cha tôi có thể trở lại Trung Quốc và tốn thời gian với những quan chức thuộc Đảng phái đã giết chết cha của ông. Hồi ở Prague, tôi đã gặp những đứa con của người Czech lưu vong sinh ra ở Mỹ, những người phản đối chế độ Cộng sản đến nỗi họ đã không dạy con cái mình nói tiếng Czech khi chúng lớn lên. Dân lưu vong Cuba thì chống Castro tới mức họ sẽ không trở về Cuba khi nào ông ta còn nắm quyền ở đó. Nhưng người nhập cư Trung Quốc thì khác: cho dù chuyện tệ hại đến đâu xảy ra với gia đình họ ở Trung Quốc, họ vẫn trở về, bất cứ dịp nào mà chính phủ cho phép. Điều này một phần là do chủ nghĩa thực dụng đã bén rễ quá sâu và nó có thể tha thứ cho quá khứ, nhưng còn hơn thế, Trung Quốc đối với họ không phải là một thể chế chính trị hay một nhóm những người lãnh đạo, mà là thứ gì đó lớn hơn mà họ mang bên trong con người mình, ký ức về một vùng đất đã không còn tồn tại trên thế giới này nữa. Trung Quốc kêu gọi họ trở về với sức nặng của truyền thống, sự giàu có của ngôn ngữ và năm ngàn năm lịch sử mà đôi khi có vẻ như một vòng lặp của những bi kịch và đau thương. Lực kéo của Trung Quốc rất mạnh, đó là lý do tại sao tôi cưỡng lại nó lâu đến vậy.

Ngôi nhà ở số 6 ngõ Phấn Tử Hồ Đồng, phố phấn thoa mặt; thời nhà Minh, đây từng là một trong những khu đèn đỏ của Bắc Kinh, được đặt tên theo những cô kỹ nữ trang điểm rất đậm sống ở đây. Ngôi nhà giờ là Nhà dưỡng lão Phồn Vinh Viên, nơi chăm sóc người già được điều hành bởi chi bộ Đảng địa phương. Đó là tòa nhà một tầng màu đỏ lợp ngói men màu vàng, trên một con phố nhỏ toàn những căn nhà với khoảnh sân nhỏ gỗ ghề, nứt nẻ. Tôi mở cánh cửa trước, bước qua một hành lang lò mờ tối, bước vào nơi đã từng là sân chính của một ngôi nhà Trung Quốc theo kiểu truyền thống.

Sáu mươi năm trước, cha tôi đã sống ở đây. Đây từng là ngôi nhà cuối cùng của gia đình trước khi họ rời Trung Quốc vào mùa thu năm 1948. Và đây cũng là nơi, tôi bắt đầu cuộc điều tra về lịch sử gia đình mình ở Trung Quốc vào một chiều trời trong và lạnh tháng Một năm 2004. Người dẫn đường cho tôi là bác Triệu Hồng Chí, ông già tám mươi tuổi một thời hẹn hò với bác Nellie của tôi. Khoảng sân đã được lợp mái che, và những cành cây từng rủ bóng che phủ nó không còn nữa. Một giàn cây thường xuân giả và hoa nhựa vươn qua chỗ mái lợp. Hai ông già đang ngồi bên dưới giàn cây đọc báo, một trong hai người không về phía trước với cái lưng còng, khiến ông trông như một dấu hỏi.

Bác Triệu theo sau tôi bước vào trong sân. Bác chỉ một dãy phòng phía trái. “Chỗ đó từng là nhà bếp.” Rồi bác chỉ vào bên phải. “Chỗ kia là phòng ngủ.”

“Làm ơn nói nhỏ thôi,” một y tá nhắc nhở chúng tôi. “Đang là giờ nghỉ ngơi của họ.” Bác Triệu lại chỉ tay, như thể đang lần theo dấu vết tinh thần của những người mà chỉ mình bác mới nhìn thấy. “Đó là nơi bà nội cháu ngủ. Thỉnh thoảng bác ngủ trong phòng khách ngay bên ngoài phòng ngủ của bà. Cháu biết đấy, bác là con trai đỡ đầu của bà mà.”

CHÚNG TÔI RỜI CĂN NHÀ SỐ 6. Một cơn gió buốt thổi qua, bác Triệu bước đi nhanh với những sải chân dài. Bác cao, mái tóc bạc, sống mũi cao và đôi gò má cân xứng được nhào nặn bởi một bàn tay tỉ mỉ. Ở tuổi tám mươi, cùng với tất cả những nỗi đau bác đã chịu đựng, không ai có thể cản nhằn nếu bác có một kỳ nghỉ dài ở Nhà dưỡng lão Phồn Vinh Viên. Nhưng trong đầu bác vẫn còn những thứ khác.

“Cháu có biết chuyện của bác với bác gái cháu không?” Bác Triệu hỏi.

Tôi đáp rằng có, và cảm thấy bối rối.

“Bác ấy đã lấy Triệu Ngôn Kỳ, bác rể cháu. Và họ đã giành được rất nhiều giải thưởng khiêu vũ. Còn bác, bác còn chẳng biết khiêu vũ nữa,” bác ấy nói, như thể khuyết điểm duy nhất này gây ra mọi chuyện vậy.

Chúng tôi đi bộ vài khu phố đến căn hộ của bác. Vợ bác đã ra khỏi thành phố trong vài ngày, tâm trạng bác lúc ấy khá cởi mở. Bác lấy ra một chiếc phong bì hồ sơ đựng các tấm ảnh. Tấm đầu tiên là một tấm ảnh đen trắng chụp ở tiệm của cha tôi và các anh chị em vào hôm trước khi họ rời khỏi Trung Quốc. Bác Triệu đứng ở hàng sau, trông khá đẹp trai và nghiêm túc với cặp kính có vành; bên cạnh bác, bác Nellie trông rất giống một đứa trẻ với gương mặt tròn và cái áo len xoắn. Cha tôi, đứng trước, có gương mặt ngăm đen xương xương và cái đầu vênh về một phía. Một tấm ảnh khác: bác Nellie đứng trên con đường lợp mái che của ngôi nhà bác ở Ottawa, khi ấy bác đã ngoài sáu mươi, trông rất thanh lịch trong một chiếc váy vừa vặn cắt may kiểu Trung Quốc màu ngà điểm hoa đỏ.

“Bác gái có không hài lòng không?” Tôi hỏi.

“Bà ấy thoải mái lắm.” Như để chứng minh, một tấm ảnh khác: bác Triệu và bác Nellie đang đứng bên nhau. “Thậm chí bà ấy còn để bọn bác chụp ảnh chung nữa.”

Bác Triệu Hồng Chí đã không thể trở thành con rể của gia tộc tôi, nhưng bác lại trở thành người bảo vệ cho lịch sử gia tộc. Khi các chú, các bác tôi đến Bắc Kinh, lần nào họ cũng đến thăm bác. Mỗi khi có một người họ hàng xa trong gia đình tôi qua đời, bác là người đầu tiên biết tin. Và khi tôi muốn đến thăm ngôi nhà số 6, cha tôi bảo tôi nên đến gặp bác Triệu Hồng Chí, vì bác vẫn còn sống ở Bắc Kinh và chỉ có bác mới nhớ đường về đó.

Tôi nghĩ gia đình tôi là mối dây liên kết đến một cuộc đời mà đáng lẽ bác đã có, nếu như mọi thứ khác đi. Bác Triệu cân trọng bảo vệ mối liên kết đó qua nhiều thập kỷ hỗn loạn chính trị. Khi bác chọn cái tên Lập Sinh vào thời kỳ diễn ra cuộc cách mạng, nó

không chỉ tượng trưng cho niềm tin chính trị mới tìm thấy của bác. Chữ *lập* có ở trong tên đệm của tất cả những người đàn ông thế hệ cha tôi trong gia đình chúng tôi. Bên trong tuyên ngôn chính trị còn ẩn chứa một ý nghĩa cá nhân: bác Triệu đã tái sinh là một người Cộng sản và là một thành viên của gia đình chúng tôi.

Chúng tôi có được ngôi nhà số 6 này theo một cách lạ kỳ. Trong thời chiến, nó đã bị quân xâm lược Nhật Bản chiếm dụng, sau đó chuyển sang tay Tôn Việt Kỳ, người bạn đã không đi Phủ Thuận của ông nội tôi. Sau cái chết của ông, Tôn Việt Kỳ bán ngôi nhà cho bà nội với giá rẻ. Có lẽ đây là cách ông ta ăn năn hối lỗi, mặc dù ông ta không bao giờ nói thế.

Gia đình tôi mất ngôi nhà này hai lần. Chúng tôi đã đánh mất nó vào tháng Mười năm 1948 khi chúng tôi trốn chạy khỏi Trung Quốc, rồi lại mất nó lần nữa vào sự phát triển kinh tế. Ngôi nhà cũ đã bị kéo sập xuống để xây lại thành một nhà hàng, tiếp đó là một vườn trẻ, sau nữa là trụ sở của chi bộ Đảng địa phương, và giờ là một nhà dưỡng lão. Người sống ở đây trả một trăm đô la một tháng và có ba chỗ ở cho ba mươi con người ở nơi gia đình tôi đã từng sinh sống. Nhưng những người thuê hiện nay cũng sẽ phải đi sớm: ngôi nhà sẽ bị phá dỡ để làm đường tàu điện ngầm.

Những năm 1990, gia đình tôi đã đệ đơn lên chính quyền thành phố để lấy lại ngôi nhà dựa trên một đạo luật cho phép trả lại những căn nhà đã bị tước đoạt thời Cách mạng Văn hóa. Thành phố từ chối đề nghị của chúng tôi nhưng đền bù khoản tiền chín mươi nghìn đô la. Gia đình đã chia số tiền làm bảy phần: cho cha tôi và bốn anh chị em đang sống ở nước ngoài của ông, cho gia đình bác Lập Giao, và người bà đang sống ở Bắc Kinh. Số tiền đó không có ý nghĩa nhiều lắm với chúng tôi. Nhưng con gái của bà trẻ tôi khi ấy đang có dự định sang Mỹ học, số tiền đó đã giúp cô chi trả cho chuyến đi. Trong gần một trăm năm, gia đình tôi đã rời Trung Quốc để đến nước Mỹ. Ông nội tôi trở lại, cái chết của ông đã mang đến ngôi nhà số 6; nửa thế kỷ sau, nó lại chuyển thành một chuyến đi khác đến Mỹ. Và điều đó rất phù hợp, bởi lịch sử một gia đình bắt đầu khi có một người rời bỏ ngôi nhà ra đi.

7. Vuông và tròn

Không một ai trong các công xưởng ở Đông Quán được đào tạo đúng chuẩn để có thể làm việc ngay lập tức. Trong quá khứ, giáo dục ở Trung Quốc luôn được định hướng, và những con đường đều rành mạch rõ ràng. Thời nhà Thanh, người con trai nổi dãi đọc Tứ thư và Ngũ kinh để chuẩn bị cho kỳ thi khoa cử của triều đình. Ở Đài Loan, bố tôi và các anh em của bố học các môn khoa học để có thể đến nước Mỹ. Trong thời Cách mạng Văn hóa, sinh viên ở Trung Quốc Đại lục thuộc nằm lòng cuốn Sách Đỏ của họ để sống qua các chiến dịch chính trị của Mao Trạch Đông. Nhưng không có chương trình giảng dạy phù hợp cho Đông Quán. Thế giới trong các công xưởng là nơi không có truyền thống hay dòng dõi, và con người phải học cách để xác định lại bản thân họ. Phần lớn các chàng trai và cô gái trẻ đã cắt ngắn thời gian học của họ để ra ngoài làm việc, những người tốt nghiệp đại học tôi quen biết đã học những ngành xa cách công việc hiện tại của họ đến độ nực cười. Một thầy giáo đã nghiên cứu môn giáo dục chính trị đi đào tạo các quản lý nhà máy, trong khi đó, một nhà báo ở tờ báo địa phương đã học kế toán và từng làm việc trong ngành quản lý rừng. Nhìn từ Đông Quán, nhu cầu của nền kinh tế Trung Quốc thay đổi quá nhanh đến nỗi hệ thống giáo dục thậm chí còn chẳng buồn cố theo kịp nó nữa.

Nhưng nếu chương trình học của nhà nước không thỏa đáng, thì những trường học thương mại phát triển rất mạnh trong thành phố. Vào buổi tối và các ngày cuối tuần, những lớp học tối lò mờ của họ đông nghịt những thanh thiếu niên mặc áo sơ mi lao động, tất cả bọn họ đều đang tham lam nuốt lấy những kỹ năng họ chưa bao giờ được học ở trường. Tiếng Anh và máy tính là những môn học phổ biến nhất, nhưng cũng có cả những bài học đặc thù dành riêng cho ngành kinh tế sản xuất của thành phố. Một số giảng viên tập trung vào cách làm các bộ phận bằng nhựa, các buổi thảo luận hướng về chủ đề thi đỗ khuôn nhựa. Những lớp học như vậy không truyền đạt một kiến thức toàn diện - thông thường họ chỉ dạy học viên đủ để phỏng vấn vào những công việc mà họ chẳng có khả năng chuyên môn thực sự gì. Đó chính là chìa khóa của nền giáo dục ở Đông Quán: bất cứ thứ gì khác bạn cần đến sẽ được học sau.

Các bạn không biết tất cả mọi điều mà các bạn cần phải biết, giáo viên lúc nào cũng nhắc đi nhắc lại với các học viên. Nhưng trong quá trình làm việc các bạn sẽ được học.

Một phụ nữ di trú trẻ kể với tôi rằng cô đang học ở một trường học của Công ty Tư vấn Quản lý Doanh nghiệp Suren (Tổ Nhân). Cái tên ấy, Tổ Nhân, cứ lờn vờn mãi trong đầu tôi: nó có nghĩa là “nhà nặn con người”. Các lớp học dạy những công nhân ở đây chuyên lắp ráp cách cư xử trong môi trường văn phòng, những người tốt nghiệp ở đây tìm kiếm các công việc như thư ký, văn thư và trợ lý bán hàng. “Trong bốn tháng, chúng tôi nâng cao chất lượng của họ,” Hoàng An Quốc, một quản lý ở trường nói với tôi khi tôi gặp anh ta để phỏng vấn. “Chúng tôi là trường duy nhất có hình thức đào tạo này.”

Khoản tiền học phí 680 nhân dân tệ - khoảng một tháng lương của công nhân bình thường - tính kèm cả bốn cuốn giáo trình bìa mềm mà Hoàng An Quốc đưa cho tôi với một thái độ có vẻ như là miễn cưỡng:

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KỸ NĂNG
THƯ KÝ KINH DOANH
PHÉP XÃ GIAO VÀ CHẤT LƯỢNG
GIAO TIẾP XÃ HỘI VÀ HÙNG BIỆN

Chương trình giảng dạy thật sáng tạo độc đáo, Hoàng An Quốc nói với tôi rằng các giáo viên của anh ta không thể tìm được bộ giáo trình nào phù hợp, vì vậy họ đã tự viết lấy. Anh ta mời tôi tham gia một lớp học. Tôi bảo với anh ta rằng tôi rất hứng thú.

Các bạn phải nắm lấy cơ hội hoặc các bạn sẽ luôn luôn chậm một bước.

Ngày hôm sau tôi đến tham quan một trường khác, do Công ty Phát triển Trí tuệ Tài năng Trí Đồng Đông Quản điều hành. Lớp Đào tạo Đặc biệt Kỹ năng Thư ký Công sở của họ cũng nhắm vào đối tượng là các cô gái làm việc trong công xưởng muốn vươn lên thế giới văn phòng. “Chúng tôi tự phát triển các tài liệu giáo dục của mình để giảng dạy cho nhóm người này,” Lưu Lập Quân, giám đốc bộ phận đào tạo nói với tôi. Sau đó anh ta giới thiệu cho tôi một bộ giáo trình:

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
KỸ NĂNG THƯ KÝ KINH DOANH
PHÉP XÃ GIAO VÀ CHẤT LƯỢNG
GIAO TIẾP XÃ HỘI VÀ HÙNG BIỆN

Tôi không nói với Lưu Lập Quân mình vừa đến thăm một ngôi trường cạnh tranh cũng có chiến lược kinh doanh giống hệt như họ. Tôi không có ý cho rằng, trường này đã đánh cắp chương trình giảng dạy của trường kia; có vẻ như khả năng lớn hơn là cả hai đã sao chép nó từ một nơi nào khác. Tôi đơn giản chỉ cảm ơn Lưu Lập Quân về mấy cuốn sách và nhận lời mời của anh ta tham gia một học kỳ của Lớp Đào tạo Đặc biệt Kỹ năng Thư ký Công sở.

Tôn trọng ý kiến của người khác và đừng lỗ miệng chỉ ra lỗi lầm của họ.

Tôi ra đi năm tôi mười lăm tuổi. Trước tiên tôi làm bán hàng ở một thành phố gần nhà. Rồi tôi đến Đông Quán, ở đây tôi là một công nhân bình thường và sau đó làm trợ lý ở nhà máy sản xuất ti vi Nhã Tâm ở Thạch Kiệt.

Trong một nhà máy có một nghìn hoặc mười nghìn con người, rất khó để ông chủ có thể phát hiện ra bạn. Bạn phải tự phát hiện ra mình. Bạn phải tự phát triển mình.

Để nhảy ra khỏi nhà máy, bạn phải học tập.

Bạn ở đây bởi vì bạn không muốn là một công nhân bình thường với cuộc đời buồn tẻ. Nếu bạn đang đợi công ty cất nhắc mình, thì bạn sẽ phải đợi đến già.

Diễn giả tên Điền Bồi Diễm. Cô mười bảy tuổi, hôm nay cô mặc một chiếc áo ngắn màu xanh, đeo cà vạt sọc đỏ, như thể cô vừa bước ra từ một cuốn sách quảng cáo cho trường nội trú ở New England vậy. Khi cô nói, đôi má gầy guộc phập phồng xúc động, hơi thở cô nghe rất rõ, nhịp nhàng theo từng câu nói, giống như ai đó đang chạy thi vậy. Nếu việc một thanh niên trẻ cảnh báo những người đến nghe giảng về chuyện trưởng thành có vẻ kỳ lạ, thì Điền Bồi Diễm chính là một ví dụ có sức thuyết phục: từng là học viên ở Trí Đồng, giờ cô là cố vấn giáo dục cho ngôi trường này.

Một diễn giả khác, Trần Anh, làm việc ở dây chuyền sản xuất của một công ty tên là VTech, chuyên sản xuất điện thoại không dây. Cô có gương mặt rộng và cặp môi đầy đặn; đã hai mươi tuổi, Trần Anh đang hết sức vội vã hoàn thiện bản thân. Thỉnh thoảng những người trong nhà máy lại nói với cô: “Cô già quá rồi mà vẫn còn là một công nhân bình thường.”

Tôi cũng giống như các bạn. Tôi tốt nghiệp trường trung học. Tôi làm việc ở dây chuyền lắp ráp cho đến khi nào tê liệt. Tôi thậm chí còn không biết mình đang nghĩ đến cái gì nữa.

Một hôm, tôi hỏi một người bạn: “Đời là gì nhỉ? Tại sao chúng ta lại làm việc vất vả thế?” Người bạn ấy của tôi không thể trả lời. Tôi tìm trong sách. Chúng cũng không có đáp án. Tôi thầm nghĩ: “Nếu ta làm việc ở dây chuyền lắp ráp, cuộc đời còn nghĩa lý gì không? Không.”

Vì vậy tôi bắt đầu tham gia lớp học này. Trong một tháng, tôi đã học được rất nhiều. Trước đây thậm chí tôi còn không thể nói nổi một từ trước mặt người khác nữa. Tôi hay xấu hổ và sợ hãi. Giờ bạn thấy khả năng hùng biện của tôi thế nào?

Tôi nghĩ tất cả các bạn đều muốn học những gì tôi đã học được. Rời khỏi dây chuyền lắp ráp. Đừng để người khác khinh thường mình thêm giây phút nào nữa. Đừng để người ta nói: “Mày chỉ là đồ công nhân mạt rệp.” Chúng ta phải ngẩng cao đầu lên và nói: “Chúng tôi cũng có thể thành công.”

Các buổi tối mùa xuân ấm áp năm 2005, khi công nhân đã trở về thành phố sau kỳ nghỉ Tết, trường Trí Đồng tổ chức chiêu sinh cho lớp Công sở. Giáo viên mở những buổi cung cấp thông tin miễn phí xung quanh thành phố, ở những nơi có thể mở lớp được. Các buổi gặp mặt thường kéo dài trong vài tối, lúc nào cũng chật cứng người. Vài học viên tiềm năng đến đi đến lại nhiều lần, đắn đo không biết có nên đăng ký học hay không.

Những người mới tốt nghiệp đứng lên và kể về kinh nghiệm mình đã bỏ lại nhà xưởng phía sau lưng như thế nào, kể lại những câu chuyện thay đổi của họ như thể đang

trong một buổi gặp mặt cái đạo tôn giáo vậy. Thời gian làm việc ở đây chuyên lắp ráp đã khiến họ ngu dốt và tê dại - *mamu (ma mọt)*, một từ nghe rùng cả mình khi nó thốt ra từ miệng một cô gái trẻ vẫn còn ở tuổi thiếu niên. Họ phát hiện ra lớp học Công sở, và lớp học đã cho họ được tự khám phá bản thân. Tôi đã từng lạc lối nhưng giờ tôi tìm được đường. *Giờ tôi làm thư ký và kiếm được 1.200 nhân dân tệ một tháng. Giờ bạn thấy khả năng hùng biện của tôi thế nào?* Nhưng mọi bằng chứng của thành công vinh hiển đều ẩn chứa một lời cảnh báo ngầm: Thay đổi sớm hoặc sẽ quá muộn.

Rất nhiều học viên của chúng tôi đã chuyển sang một công việc mới thậm chí trước cả khi khóa học ba tháng kết thúc. Vài người đã kiếm được 1.200 nhân dân tệ một tháng. Khoản lợi nhuận đầu tư là một ăn năm trăm.

Nếu bạn không làm việc chăm chỉ khoảng hai hay ba năm này, cả đời bạn sẽ ở tầng thấp nhất của xã hội. Khi bạn hai tư hai lăm và bắt đầu cuộc sống gia đình, người bạn đời của bạn có khả năng cũng là một công nhân bình thường. Hai người các bạn có thể kiếm được một nghìn nhân dân tệ mỗi tháng. Nhưng nếu bạn vươn lên, người bạn kết hôn có thể là một quản lý. Toàn bộ thế giới của bạn sẽ khác biệt.

Người đứng đầu tổ chức lớp học tên là Đặng Thuận Trường. Ông này bốn mươi tuổi, đến vùng đồng bằng sông Châu Giang này sau một sự nghiệp nghèo khổ ở tỉnh Hồ Nam, bao gồm cả dạy ở trường trung học, làm việc trong chính quyền địa phương, bán quảng cáo trên báo, điều hành một cửa hàng bán băng ca nhạc. Ở Đông Quán, ông đã từng quản lý các nhà máy - sản xuất đồ chơi, đế giày, cây Noel giả, và những bức tượng Ông già Noel nhỏ bằng nhựa - nhưng trông ông ta không giống một ông chủ nhà máy điển hình. Ông có đôi mắt đen tử tế trên gương mặt thanh mảnh màu như màu quả óc chó, ông nói năng khá thận trọng, với điệu bộ chuẩn xác như một nghệ sĩ Kinh kịch, và không bao giờ lên giọng ca. Dù thời tiết có thế nào, ông cũng luôn mặc một bộ com lê, áo len không tay và thắt cà vạt.

Thầy giáo Đặng là người trưởng thành tử tế đầu tiên mà rất nhiều người di trú gặp ở Đông Quán, và trong suốt các buổi giới thiệu thông tin, họ hỏi ông các câu hỏi họ đã giữ kín từ rất lâu. *Phải xử lý thế nào khi ông chủ quấy rối tình dục? Trung Quốc là đất nước tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa? Nếu ai đó quát mắng tôi và tôi khóc, thế có nghĩa tôi là kẻ yếu đuối phải không?* Thầy giáo Đặng kiên nhẫn trả lời từng câu hỏi một. Ông để phần nhồi nhét lại cho những cô gái từng một thời làm trong các công xưởng dưới quyền ông.

Các bạn sẽ chờ đợi đến già.

Rời bỏ đây chuyên lắp ráp đi.

Bạn phải tự khám phá bản thân.

Tôi cũng giống như các bạn.

Hơn hai trăm phụ nữ trẻ đã đăng ký vào khóa học mùa xuân của Lớp Đào tạo đặc biệt kỹ năng thư ký công sở. Mỗi học viên trả trước 780 nhân dân tệ tiền học phí - hơn một

tháng lương của nhiều người trong số họ. Họ sẽ đến lớp ba buổi một tuần trong ba tháng tới. Có nhiều thời gian để trở thành một ai đấy khác.

Các lớp học được tổ chức trên tầng sáu của một tòa nhà văn phòng phía đối diện nhà máy sản xuất điện thoại không dây VTech, tầng trệt của trường học là một cửa hàng bán điện thoại di động. VTech và nhà máy của Pioneer sản xuất đầu DVD gần đó tổng cộng có mười sáu nghìn công nhân, một nhóm đông các học viên tiềm năng với giờ làm việc ổn định. Giống như mọi thứ khác ở Đông Quán, giáo dục xoay quanh nhu cầu của sản xuất. Các lớp học bắt đầu từ 8 giờ 30 đến 10 giờ 30 để không gây trở ngại gì cho việc làm thêm giờ. Nếu ngày làm việc của một nhà máy kéo dài lâu hơn, các giáo viên sẽ tổ chức một giờ học bổ sung cho những người phải nghỉ học.

Buổi tối sau một ngày làm việc mười giờ ở dây chuyền lắp ráp, các cô gái công nhân nhà máy sẽ đến trường. Những con phố xung quanh các nhà máy đầy những quầy hàng bán mấy món ăn vặt, nước hoa quả, các đồ trang sức tóc và áo nịt ngực cỡ bằng quả bưởi. Các quầy hàng chiếu sáng bằng những bóng đèn để trần, và trên nền bóng đêm thăm thẳm chúng tạo nên một đường lấp lánh giống như một quãng đường lễ hội sau khi mặt trời đã lặn. Các cô gái khó khăn lắm mới chen chúc được qua cửa hàng bán điện thoại được chiếu đèn lòe loẹt và lúc nào cũng đông nghịt người, sau đó đi qua một tấm quảng cáo lớn hình ba cô gái mặc bikini trên bãi biển. Mỗi cô đội một cái mũ miện và vuốt ve một chiếc điện thoại di động, chòe ghẹo các cô gái với những lời chiêu dụ dễ chịu: gọi tình, quyến rũ, chiếc Nokia mới nhất.

Trong lớp học kê những chiếc ghế sắt thấp và bàn cỡ trẻ con, rồi các học viên ngồi ở đó hai người một bàn. Một tấm quảng cáo cho lớp học Công sở chiếm cứ bức tường phía sau, với hình ảnh một cô thư ký mặc váy ngắn hở hang bên dưới khẩu hiệu ĐÀO TẠO TĂNG CƯỜNG TÍNH CẠNH TRANH. Ngay cả trong nhà tắm chỉ có một ngăn toilet và một bồn nước đổ luôn xuống sàn, cũng có những chỉ dẫn về phép lịch sự: ĐỂ TRÁNH TRƯỜNG HỢP KHÓ XỬ, LÀM ON KHÓA CÁNH CỬA SAU LƯNG BẠN LẠI.

Mỗi lớp học đều bắt đầu với một bài phát biểu động viên của hiệu trưởng Lưu Kiệt Nguyên. Ông này luôn nói với vẻ khích lệ gượng ép của một người bán đồ dùng nhà bếp trong chương trình quảng cáo giới thiệu sản phẩm phát buổi tối muộn trên ti vi. Trong ngày đầu tiên của khóa học, ông ta quan sát kỹ cả lớp học gồm hai mươi lăm cô gái trẻ và nói: “Tôi muốn đề nghị các bạn không mặc đồng phục đến lớp học này.”

“Nhưng chúng tôi từ nhà máy đến thẳng đây,” một học viên phản đối.

“Tôi muốn các bạn cố gắng hết sức và không viện cớ gì hết. Hiểu không?”

Bài học ngày hôm ấy là “Tăng trình độ xã giao lịch sự và bộc lộ nét hấp dẫn của tính cách”. Thầy giáo Phó là một người đàn ông trẻ trông có vẻ đứng đắn, mặc áo sơ mi trắng,

quần đen và thắt cà vạt, tất cả các giáo viên đều được yêu cầu phải thắt cà vạt khi đứng lớp. Có rất nhiều luật lệ mà các học viên sẽ cần phải nắm được trong ba tháng tới đây, nhưng thầy giáo Phó đã bắt đầu giờ học với một câu chuyện.

“Giấc mơ của bạn là gì? Mời bạn ngồi giữa ở hàng cuối cùng.”

Một cô gái đứng lên. “Ngay từ lúc rời nhà ra đi...” Cô sụp xuống, nhìn ngó bên này bên kia, dò người ra sợ hãi vì mình là người được thầy gọi.

“Đứng ngay ngắn vào,” thầy giáo Phó bảo cô. “Tự tin lên.”

Cô đứng thẳng hơn, rồi lại sụp xuống, bắt đầu, ngưng lại, và cuối cùng nói liền một hơi: “Ngay từ lúc rời nhà ra đi, tôi muốn trở thành một trợ lý trong bộ phận kinh doanh.”

Cả lớp vỗ tay cổ vũ. Cô gái ngồi xuống.

“Được rồi,” thầy giáo nói, “Tôi sẽ kể cho các bạn nghe giấc mơ của mình.”

Hồi tôi còn là một đứa trẻ, tôi rất thích môn lịch sử. Tôi muốn mình có tên trong sử sách. Tôi muốn cống hiến gì đó thật lớn lao cho Tổ quốc quê hương.

Khi lớn hơn, tôi nhận ra điều này chẳng thực tế chút nào. Sau đó tôi quyết định mình muốn đứng trên Quảng trường Thiên An Môn và vẫy tay với ba quân. Nhưng tôi lại quyết định, có thể mình sẽ không đạt được ước mơ ấy. Đứng trên Quảng trường Thiên An Môn vẫy tay với những người lính không thực tế đối với một người đến từ nông thôn như tôi. Tôi sẽ để lại ước mơ này cho những thế hệ sau.

Tiếp đó tôi quyết định mình sẽ đưa gia đình từ nông thôn lên thành phố: để nuôi dạy con cái tôi ở thành phố và cho chúng phát triển xa hơn. Khi nâng tầm mình lên, bạn đồng thời cũng nâng cả gia đình mình theo nữa.

Tôi tin rằng các bạn cũng đến Đông Quán với cùng một lý do như tôi. Chúng ta cùng mang trên lưng gánh nặng giống nhau. Tất cả chúng ta đều muốn đưa gia đình mình ở nông thôn lên thành phố, giúp đỡ gia đình mình. Điều này có đúng không?

Nếu bạn bước được ra khỏi vùng nông thôn, bạn sẽ nâng được cả gia đình theo mình. Cha mẹ bạn sẽ khác đi bởi những thành tích bạn giành được.

Từ khi tôi đến Đông Quán, tôi đã gặp phải rất nhiều trở ngại khó khăn. Nhiều lần tôi đã muốn trở về quê nhà. Nhưng bạn phải kiên cường. Nếu trở về, tất cả sẽ lại như thể bạn chưa từng ra đi vậy.

Thầy giáo quay người lại phía tấm bảng đen sau lưng và viết: *Làm thế nào để tạo một hình ảnh lịch thiệp: Cách ăn mặc.*

“Màu của quần áo bạn hết sức quan trọng. Giờ tôi cho các bạn biết người ta sẽ nghĩ bạn là người thế nào khi bạn mặc các màu khác nhau. Hãy chép chúng lại.”

Màu đỏ thể hiện nhiệt tình.

Màu cam thể hiện sự sôi nổi.

Màu vàng thể hiện sự sáng sủa.

Màu tím thể hiện sự thần bí.

Màu xanh lục thể hiện sự tươi mới.

Màu đen thể hiện sự điềm tĩnh.

Màu trắng thể hiện sự thuần khiết.

Xanh da trời thể hiện sự đúng mực.

Thầy giáo Phó giảng rất nhiều điều trong ngày đầu tiên đó. Thầy đưa ra những lời khuyên nhỏ về cách xây dựng lòng tin. *Hãy tập luyện thể hiện mình một cách táo bạo. Bước vào một căn phòng như thể nó chính là phòng của bạn.* Để khơi nguồn cảm hứng, thầy chuyển sang nói về lịch sử. *Thần tượng của tôi là Mao Trạch Đông. Tưởng Giới Thạch đã phá đê Hoàng Hà để ngăn bước quân đội Nhật: đó chính là dám quyết định.* Con lũ đã ngăn bước quân đội Nhật ấy đồng thời cũng giết chết vài trăm nghìn nông dân Trung Quốc, đó là sự thật mà thầy giáo Phó không nhắc đến. Và đây là lớp học nghi thức xã giao, chứ không phải giờ lịch sử.

Đến 9 giờ 15 phút, thầy ngừng bài giảng lại để hát vài đoạn trong một bài hát nổi tiếng. Bài học ở đây là: *Khi nào bạn thích thú với cái gì đó, bạn phải thể hiện mình.* 9 giờ 30 phút, một học viên giơ tay để trả lời câu hỏi, lần đầu tiên có người dám xung phong. 10 giờ 15 phút, lớp học kết thúc sớm vài phút, hiệu trưởng Lưu trở lại với một bài phát biểu hô hào kêu gọi. “Hãy tự nói với bản thân mình rằng bạn là thành viên của lớp Công sở,” ông ta nói với các học viên. “Các bạn không giống với tất cả những người khác trên phố.”

Đây là một mớ hồ lộn kỳ lạ nhất mà tôi từng thấy, kết hợp tính ưu việt của cá nhân với những quy tắc ngay từ đầu đã thấy là cứng nhắc và học theo phong trào New Age^[22]. *Màu tím thể hiện sự thần bí.* Thông điệp hiện đại - thể hiện mình, hãy tự tin - nhưng lại đi cùng với một giả định truyền thống: *Bạn sẽ đưa cả gia đình mình lên theo.* Và lịch sử thì không biến mất khỏi các lớp học ở Đông Quán, mà chỉ hết sức không thích hợp. Một cô công nhân mười bảy tuổi thì học được gì từ Tưởng Giới Thạch, người đã xả lũ vào quân đội Nhật và nhấn chìm vài trăm nghìn đồng bào của chính ông ta?

Trong những tuần tiếp theo, những quy tắc được chất chồng rất nhanh. *Khi rót trà, chỉ nên rót đầy khoảng 70% chiếc tách. Phấn mắt màu tím phù hợp với tất cả phụ nữ châu Á. Trên con đường đeo đuổi thành công, kiến thức chiếm ba mươi phần trăm và quan hệ giữa cá nhân với cá nhân chiếm bảy mươi phần trăm, cầm ống nghe bằng tay trái và quay số bằng tay phải. Khi mỉm cười, miệng phải hé mở sao cho không được lộ răng, môi thẳng và góc miệng hơi nhếch lên.* Trong giờ nghỉ trưa, đừng nằm ngang ra trên ghế hoặc bàn. Không hành động nào là so sánh đến mức không cần phải hướng dẫn, nên thỉnh thoảng có cảm giác lớp học như một khóa cấp tốc của người Sao Hỏa để vượt qua kỳ kiểm tra làm con người. Những

người hùng trong lịch sử không bao giờ thay đổi. Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông đứng hàng đầu, còn Hitler xếp thứ ba nhưng ở xa phía sau. Ông ta được đánh giá cao nhờ tài hùng biện của mình, nhà lãnh đạo Đức Quốc xã là một diễn giả tuyệt vời. Nghi thức xã giao, không phải lịch sử.

Nhưng tôi để ý thấy vài điều: các học viên không ngủ gật. Họ không có vẻ buồn chán. Không ai ra ngoài để đi vệ sinh trong suốt hai tiếng học, họ sợ rằng sẽ bỏ lỡ mất điều gì đó. Cả cuộc đời mình, những phụ nữ trẻ này đã được các giáo viên cùng những cuốn sách giáo khoa dạy dỗ cách cố gắng để hòa nhịp với thế giới hiện đại. Họ thuộc lòng những mớ hồ lốn lổn lẻo những quy tắc, những bài học tự giúp bản thân và những lời khuyên dụ của Khổng Tử. Họ chỉ chọn lấy những thứ họ cần, nắm bắt bài học chính yếu trước thôi từ rất lâu: nếu bạn có vẻ ngoài và hành xử giống ai đó ở tầng lớp trên, bạn sẽ trở thành người đó.

Sau ngày đầu tiên, tôi không bao giờ thấy cô gái nào mặc đồng phục nhà máy đến trường nữa.

BUỔI HỌC ĐẦU TIÊN, tôi đi chung taxi về thành phố với thầy giáo Phó. Buổi học này mới là buổi thứ hai anh ta dạy - buổi đầu tiên là sáng ngày hôm ấy. Hầu hết tài liệu giảng dạy của anh ta đều lấy từ Internet. Thầy giáo Phó là hiện thân của đặc điểm ngành giáo dục Đông Quân: *Thông qua làm việc, bạn sẽ học được cách làm việc ấy*. Anh ta vẫn là một sinh viên năm cuối đại học, nhưng đã kết thúc đời sinh viên của mình sớm hơn để ra ngoài làm việc. Như hầu hết mọi người khác trong thành phố, anh ta đang sống theo lối tua nhanh về phía trước. Chuyên ngành của anh ta là quản lý nhân sự và thần tượng là một nhà quản lý bậc thầy người Đài Loan, người đòi 1.200 nhân dân tệ cho mỗi bài giảng. Tôi lấy làm băn khoăn không hiểu bằng cách nào mà tất cả những điều ấy có thể đúng chung với một thần tượng khác của anh ta là Mao Trạch Đông.

Tôi hỏi thầy giáo Phó xem anh ta đã ở Đông Quân được bao lâu.

“Hôm nay ngày mấy nhỉ?”

“29 tháng Ba.”

“Tôi ở đây được hai mươi hai ngày rồi,” anh ta đáp.

Trong khi chiếc taxi lướt nhanh trên con đường cao tốc tối om, anh ta kể cho tôi nghe vài chuyện đã thấy khi mới đến thành phố. Ở một chỗ giao lộ, một chiếc xe con vượt đèn đỏ, dưới lòng đường, thầy giáo Phó thấy một người đi mô tô nằm trong vũng máu. Anh ta nghĩ hai chuyện này hẳn phải có liên quan đến nhau và nên báo thông tin này với ai đó, nhưng anh ta không biết nên phải báo cho ai. “Có lẽ, giống như tôi, người đó cũng không có người thân nào ở đây,” anh ta suy đoán về người lái mô tô đã tử nạn. “Chắc sẽ mất một thời gian dài để gia đình anh ta biết được chuyện gì đã xảy ra với người thân của mình.”

Chúng tôi đến khu nhà có căn hộ thầy giáo Phó ở chung với bốn thầy giáo khác. Những người đến từ nông thôn hiếm khi nói xin chào hay tạm biệt, sống trong thành phố có vẻ như cũng không thay đổi thói quen này. Thay vào đó, anh ta nói điều mọi người ở Đông Quán thường nói với nhau khi chia tay: “Cẩn thận khi cô ra ngoài đấy.”

Việc học ở Đông Quán diễn ra ở những nơi cơ sở hạ tầng nghèo nàn. Lớp học tro tro, tối tăm và hay mất điện, còn máy tính bần thủ và cổ lỗ sĩ như thể chúng được các nhà khảo cổ học tìm ra. Các học viên nghèo và có trình độ giáo dục không đồng đều, thậm chí cả các giáo viên cũng phải xin lỗi vì giọng địa phương rất nặng của mình. Hầu như là không có giảng viên nào có bằng cấp tử tế; rất nhiều người, giống như thầy giáo Đặng, mang theo một chuỗi những công việc thất bại phía sau lưng. Nhưng dù vậy, họ vẫn mang khí chất cách mạng.

Trong hệ thống trường học Trung Quốc thông thường, sinh viên không nói trong giờ học, thậm chí họ thường không ghi chép cho tới khi nào giáo viên bảo họ làm vậy. Họ học theo chương trình giảng dạy được quyết định bởi một hội đồng của chính phủ. Các giáo viên để sinh viên cạnh tranh ganh đua lẫn nhau hòng khiến họ học tập chăm chỉ hơn, toàn bộ hệ thống xoay quanh các kỳ thi cử - một kỳ thi để vào trường trung học cơ sở tốt, tiếp đó là trường trung học phổ thông tốt, cuối cùng là một trường đại học tốt, hoặc bất cứ trường đại học nào. Giống như kỳ khoa cử thời phong kiến, hệ thống giáo dục được thiết kế để thưởng thường cho số ít hàng năm, chỉ có khoảng mười một phần trăm số người đến tuổi sinh viên vào được trường đại học. Những người trượt khỏi con đường ấy được chuyển hướng sang các trường dạy nghề để học những kỹ năng có thể kiếm được việc làm như vận hành máy móc công cụ và sửa chữa ô tô, nhưng về cơ bản, chương trình học đã quá lỗi thời đến nỗi các trường học hoạt động giống như là giữ chân học viên cho đến khi họ ra ngoài làm việc hơn là giảng dạy.

Trung Quốc đang cố gắng cải cách lại hệ thống giáo dục của mình. Một số giáo viên nêu cao khẩu hiệu “giáo dục chất lượng,” nhấn mạnh vào khả năng sáng tạo và sự chủ động của sinh viên hơn là học vẹt học gạo. Nhằm mục đích ấy, những trường học giàu hơn và cấp tiến hơn đã đưa ra những môn học tự chọn như nghệ thuật và âm nhạc. Một mục tiêu nữa là làm cho nền giáo dục đại học dễ tiếp cận hơn: trong những năm gần đây, chính phủ đã tăng mạnh chỉ tiêu đại học. Nhưng giáo dục vẫn là một trong những vấn đề thủ cựu nhất trong xã hội Trung Quốc, nặng gánh với những giáo viên và nhà quản lý bảo thủ, những ràng buộc chính trị và nỗi ám ảnh xưa nay về điểm thi.

Các trường học thương mại ở Đông Quán thuộc về một thế giới khác. Không mang gánh nặng của lịch sử, họ được tự do dạy thứ mà họ muốn. Họ tập trung một cách không hề ngưng ngáp vào các kỹ năng thực hành, giáo viên sử dụng tài liệu từ Internet hoặc từ kinh nghiệm của chính họ khi làm việc tại các nhà máy hay công ty. Họ không ép các học

viên phải cạnh tranh với nhau và cũng không xếp hạng xếp thứ. Vì mọi sinh viên đều ở đó để nâng cao khả năng thành công trong công việc của họ, nên xếp thứ trong lớp học là điều thừa thãi. Họ bỏ qua kỹ năng viết - nền móng của nền học thuật truyền thống - mà ưu đãi nhiều cho khả năng nói trước công chúng. Biết cách nói sẽ giúp các học viên giành được công việc tốt hơn, có được báo giá thấp hơn, hoặc bán được nhiều hơn bất cứ cái gì mà họ bán. “Tất cả chúng ta đều ở trong ngành kinh doanh hết,” các giáo viên của lớp Công sở nhắc nhở những học viên của mình hết lần này đến lần khác. “Chúng ta bán cái gì? Chúng ta bán mình.”

Các giáo viên đến từ những nhánh giữa và thấp hơn của ngành công nghiệp. Thầy giáo Đặng từng làm việc cho các công xưởng ở Đông Quán trong mười năm. Thầy giáo Đoàn Mộc, dạy môn hùng biện từng là nhân viên bán hàng cho một công ty điện tử, trong khi đó, một phụ nữ trẻ từng làm việc cho hãng luật giờ dạy môn Nghi thức xã giao và trang điểm. Hầu hết các giáo viên đều tầm hai mươi đến ba mươi tuổi. Cũng như những học viên của mình, họ đến Đông Quán từ nơi nào đó khác để gây dựng nên sự nghiệp của mình; khác với hầu hết những người Trung Quốc được giáo dục tốt, các giáo viên không coi thường công nhân di trú. “Những cô gái này giỏi hơn tôi rất nhiều,” thầy giáo Đoàn Mộc nói với tôi sau buổi học đầu tiên của anh. “Để rồi bỏ quê hương và làm việc trong nhà máy, điều đó cần rất nhiều sự tự tin.”

Thành phần lớp học ở Đông Quán chủ yếu là nữ; một cuộc điều tra với đối tượng là bốn nghìn công nhân ở gần Thâm Quyến cho thấy một phần ba trong số họ đã đăng ký học các lớp thương mại, tỷ lệ phụ nữ đi học nhiều hơn đàn ông. Các phụ nữ trẻ bắt đầu với kiến thức nền ít hơn, phản ánh truyền thống trọng nam khinh nữ của cha mẹ họ. Họ cảm thấy bức thiết cần phải vươn lên hơn: các gia đình thường gây áp lực buộc con gái phải về quê và kết hôn, nhưng một công việc tốt hơn sẽ làm cha mẹ họ im lặng và nâng cao cơ hội hôn nhân. Sự mất cân bằng giới ở Đông Quán có lẽ cũng là một nguyên nhân - trong một công xưởng hầu hết toàn là phụ nữ, học tập là một cách để không bị thua cuộc. *Trong một nhà máy có một nghìn hoặc một vạn con người, rất khó để ông chủ có thể phát hiện ra bạn. Bạn phải tự phát hiện ra mình.*

Khi tôi tham dự hết một khóa học của lớp Công sở, tôi nhận ra rằng mình đang là nhân chứng của một cuộc cách mạng bí mật trong ngành giáo dục Trung Quốc. Những người bị từ chối bởi hệ thống giáo dục truyền thống được trao cho cơ hội thứ hai. Các nhà máy cũng đang vươn đến lĩnh vực đào tạo con người. Những lớp học này không hề có thứ bậc và cũng không có thi cử kiểm tra, đó là điều thích hợp. Bài thi chính là thế giới bên ngoài lớp học, chính là cuộc đời.

Từ màu sắc quần áo, các cô gái ở lớp Công sở tiếp tục học cách sử dụng cử chỉ tay và cách đứng, ngồi, gập chân, bước đi, mang tài liệu và ngồi xồm để nhặt thứ gì đó trên sàn

văn phòng. Một phụ nữ nên ngồi trên khoảng từ một phần ba đến một nửa chiếc ghế của cô ta, sử dụng điều bộ một cách tự nhiên, không gượng ép. Đầu tháng Năm, thầy giáo Phó dành cả một buổi học giảng về phép xã giao trong khi ăn uống, và dự tiệc. Anh ta viết lên tấm bảng đen những quy tắc khi tham dự một bữa tiệc buffet.

1. Xếp hàng để lấy thức ăn.
2. Lấy thức ăn theo thứ tự.
3. Đi nhiều lượt nhưng mỗi lượt chỉ lấy một chút.
4. Chỉ lấy một ít thức ăn để chúng không trộn lẫn vào nhau.
5. Không mang đồ từ một bữa tiệc buffet về nhà.

Uống rượu đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng với môi trường làm việc ở Trung Quốc, mặc dù chuyện ép uống liên tục sẽ biến niềm vui thích thành nhiệm vụ khủng khiếp. Những hướng dẫn của thầy giáo Phó về chuyện sử dụng chất cồn rất chi tiết và không chút khoan dung. Theo như anh ta, uống rượu là công việc.

Thứ tự những người các bạn chạm cốc nên giống như thứ tự những người các bạn bắt tay. Các bạn phải bắt đầu với người quan trọng nhất hoặc lớn tuổi nhất và lần lượt đến những người thấp hơn.

Các bạn phải tránh không để bị say.

Để hòa nhập với mọi người ở Trung Quốc, các bạn phải học cách uống rượu, cũng như đàn ông phải hút thuốc lá vậy thôi.

Trước khi tham dự một bữa tiệc, các bạn nên ăn hoặc uống thuốc nếu bị dị ứng với chất cồn.

Sau đó thầy giáo Phó chuyển qua những phép xã giao trong một bữa ăn kiểu phương Tây. Anh ta viết lên bảng:

Món khai vị→bánh mì→xúp→món chính→món tráng miệng→hoa quả→thức uống nóng.

“Tôi lấy những thông tin này trên mạng Internet,” anh ta nói, “nhưng tôi chưa bao giờ dự một bữa ăn kiểu phương Tây cả. Nhưng hôm nay chúng ta rất may mắn vì có nhà báo Trương, cô ấy lớn lên ở Mỹ.” Anh ta chỉ tay về phía tôi. Tôi đứng lên và bước lên phía trước căn phòng. *Bước vào một căn phòng như thế bạn sở hữu nó.*

Tôi nói cho cả lớp biết ở thời điểm nào trong chuỗi trên thì ta có thể gọi một ly rượu. Sau đó tôi giải thích đôi khi ta không có cả món khai vị và xúp. Tôi còn nói thêm rằng có vẻ như là có rất nhiều thức ăn, và đúng là như vậy, đó là lý do tại sao rất nhiều người Mỹ mắc bệnh béo phì. Các học viên chép lại mọi thứ ấy.

“Có ai muốn hỏi gì không?”

Thầy giáo Phó gio tay lên. “Tôi luôn bắt khoản một điều: món khai vị là những món gì?”

Tôi giải thích về các loại salad và đồ biển khác nhau.

Thầy giáo Phó lại gio tay lần nữa và yêu cầu tôi giải thích rõ hơn quy tắc sử dụng bộ dao nĩa. Tôi vẽ sơ đồ cách bày dao nĩa lên tấm bảng. Tôi giải thích đâu là thìa dùng ăn xúp và thìa dùng ăn món tráng miệng, cái nĩa nào để ăn salad và cái nĩa nào để dùng cho món chính. Tôi diễn tả lại cách cắt một miếng bít tết, về cách bạn phải cầm dao tay phải và nĩa tay trái rồi cuối cùng chuyển nĩa sang tay kia như thế nào.

“Nghe có vẻ phức tạp không?” Tôi hỏi cả lớp.

“Có!”

“Nếu các bạn không biết phải làm thế nào,” tôi nói, “chỉ cần nhìn những người bên cạnh và làm hệt như họ.”

“Và nếu các bạn làm sai điều gì đó,” tôi vốn định nói, “thì cũng chẳng sao cả.” Nhưng tôi đã kịp thời kìm mình lại. Chìa khóa dẫn đến thành công chính là cách cư xử đúng mực - đó là điểm mấu chốt của lớp học này. Sự thoải mái tự nhiên là dành cho người Mỹ. Buổi học hôm đó kết thúc với màn thực tập uống rượu. “Nếu quản lý của bạn hơi ngà ngà say, có thể bạn sẽ phải thay thế anh ta,” thầy giáo Phó nói, với vẻ long trọng của một người đang nói về việc cần phải hạ cánh một chiếc 747 trong trường hợp khẩn cấp. Anh ta nói lướt qua quy tắc của trò chơi đoán ngón tay và trò đập tay - những trò tiêu khiển khi uống rượu ở Trung Quốc - rồi sau đó anh chia các học viên thành những nhóm nhỏ để thực hành.

HAI TUẦN SAU KHI BẮT ĐẦU khóa học, một cô gái bước đến chỗ tôi ngồi ở cuối phòng học. Tôi chưa thấy cô phát biểu trong lớp, và cô đỏ mặt khi giới thiệu về bản thân. Tôi có cảm giác mình vừa mới trở thành một phần trong kế hoạch phát triển bản thân của ai đó.

Cô gái tên là Giang Hải Yến. Cô có gương mặt rộng xinh xắn với vẻ mơ màng, những đường nét mềm mại mơ hồ và mái tóc nhuộm màu hạt dẻ buộc đuôi ngựa. Mười sáu tuổi, cô đang làm việc ở dây chuyền lắp ráp nhà máy VTech vì cha mẹ cô không thể trả tiền học phí cho cả cô và anh trai cô được. “Em nghĩ rằng trong hai bọn em, em sẽ dễ dàng trụ được trong thế giới lao động hơn, bởi vì thị lực của anh ấy kém lắm,” cô kể với tôi trong bữa tối không lâu sau khi chúng tôi gặp nhau. “Vì vậy em nói dối bố mẹ và bảo với bố mẹ là em không muốn đi học nữa.” Giờ anh trai cô đang học thiết kế trong trường đại học.

Hành động hy sinh kiểu Nho giáo ấy ẩn chứa một ý chí rất khủng khiếp thì mới thực hiện được. Qua một người họ hàng đang làm việc ở VTech, Giang Hải Yến tìm được công việc lắp ráp những linh kiện điện tử nhỏ xíu tạo thành một chiếc điện thoại không dây.

Trong ngày đào tạo thứ ba, cấp trên yêu cầu một người tình nguyện làm việc ở bộ phận sản xuất. Giang Hải Yến không hề biết bộ phận sản xuất là gì, nhưng cô đã táo bạo giơ tay lên, và đoán rằng dù là cái gì thì cũng còn tốt hơn sự nhàm chán, tẻ ngắt của công việc lắp ráp linh kiện. Ở bộ phận sản xuất, cô nói dối và bảo với cấp trên mới của mình rằng cô từng là thư ký trong một nhà máy khác ở Đông Quân.

“Cô làm thư ký được bao lâu rồi?” Cấp trên mới của cô hỏi.

“Một năm,” Giang Hải Yến nói.

“Vậy tại sao cô lại vào làm công nhân bình thường ở nhà máy này?” Anh ta chất vấn.

Dưới áp lực, cô nhận ra khả năng hùng biện của mình. “Tôi muốn phát triển bản thân trong lĩnh vực này,” Giang Hải Yến trả lời. Anh ta liền giao cho cô việc kiểm tra các máy điện thoại thành phẩm xem có lỗi không; sau một tháng, cô được chuyển đến nhà kho để lưu giữ các bản ghi về nguyên vật liệu trong nhà máy. Câu chuyện của cô cũng giống như tất cả những câu chuyện của dân di trú khác tôi từng nghe: nhờ khả năng ăn nói và nói dối, cô đã vươn lên.

Vì mới mười sáu tuổi, Giang Hải Yến đã mượn chứng minh thư của một người họ hàng để vào làm trong nhà máy. “Mọi người ở nhà máy biết em với cái tên Trần Hoa,” cô nói. “Chỉ có chị họ em và vài người bạn tốt mới biết em là Giang Hải Yến.”

“Em có thấy không quen khi bị gọi bằng tên của ai đấy khác không?” Tôi hỏi.

“Không, giờ cảm giác giống như nó là tên của em rồi,” cô nói. “Trong nhà máy, em là Trần Hoa. Khi người ta gọi em là Giang Hải Yến, em phải nghĩ mất một giây trước khi nhận ra đó là mình mà!”

Giang Hải Yến rất chủ động. Cô đã tham gia một khóa học máy tính, và tập luyện trong hành lang khu nhà ở tập thể của mình để giữ dáng. Cô mang theo một cuốn sách giao tiếp tiếng Anh bỏ túi để học trong lúc rảnh rỗi - *It's nice to meet you. It's been donkey's years*. Khi chúng tôi tạm biệt nhau sau bữa tối, cô trở về nhà tập thể để đọc một cuốn sách về hoạt động đẩy mạnh tiêu thụ đang mượn của thư viện nhà máy. Giấc mơ của cô là được trở thành thư ký trong một văn phòng.

MỘT CHỦ ĐỀ KHÔNG BAO GIỜ XUẤT HIỆN trong lớp học này là đạo đức. Các học viên học để biết thế giới văn phòng hoạt động như thế nào và họ dùng kiến thức đó để gian lận hòng giành được công việc mà họ không đủ tiêu chuẩn. Nếu mảnh lối này thành công - nó thường xuyên thành công - điều chắc chắn sẽ xảy ra tiếp theo đó là một cuộc gọi hoảng loạn cho thầy giáo cũ: Tôi nên làm gì bây giờ? Trên đường đến thăm vài trường học vào sáng Chủ nhật nọ, tôi ngồi chung xe taxi với thầy giáo Đặng khi điện thoại di động của anh ta đổ chuông.

“Bạn khỏe không?” Anh ta nói. “Phối hợp năng lực sản xuất hả? Ok. Lấy ví dụ một nhà máy có ba khu vực sản xuất, mỗi khu vực có thể sản xuất được mười nghìn cái ti vi một

tháng. Đó là năng lực sản xuất. Nếu một trong ba khu vực sản xuất ấy đã hoạt động hết công suất, nhưng nó vẫn phải hoàn thành gấp một đơn đặt hàng, nó có thể phối hợp với một khu vực khác để mượn năng lực của cái kia. Câu hỏi tiếp theo là gì nào?”

Sau khi gác máy, anh ta kể với tôi là một học viên cũ vừa bắt đầu đi làm và không hiểu công việc của mình, nhưng cũng không muốn để lộ sự kém cỏi của mình với các đồng nghiệp mới. “Tôi có những học viên đến một hai năm sau vẫn còn gọi điện xin lời khuyên,” anh ta nói. Các giáo viên không nói rõ với học viên rằng họ nên không thành thực; đó là một sự thật đã được chấp nhận của cuộc sống. Khi đã quen thân với thầy giáo Đặng hơn, tôi hỏi anh ta về điều đó.

“Trong các cuộc phỏng vấn tuyển người,” tôi nói, “các cô gái thường được hỏi họ có kinh nghiệm không. Họ nói có, nhưng sự thực là không.”

Tôi đang định tiếp cận chủ đề này một cách thận trọng, thì thầy giáo Đặng đã xổ toẹt ra luôn. “Đúng thế, và câu hỏi tiếp theo là: “Cô đã làm công việc gì?” Chúng tôi dạy họ những chi tiết nhỏ về nhà máy để họ có thể trả lời những câu hỏi này sao cho có sức thuyết phục.”

“Nhưng họ đang nói dối,” tôi nói.

“Đúng thế.”

“Thế nếu họ không muốn thì sao?”

“Tùy họ thôi,” thầy giáo Đặng nói. “Nhưng những người quá thành thật sẽ bị loại ra khỏi cái xã hội này.” Sau này tôi tìm hiểu được, không phải từ thầy giáo Đặng mà từ các học viên của anh ta, rằng trường Trí Đồng bán bằng cấp giả. Đó là một cuốn sách nhỏ có bìa bọc bằng màng nhựa co giãn, giống như những cuốn album ảnh rẻ tiền mà vài cô gái vẫn mang theo mình. Một chứng chỉ giả của trường cao đẳng dạy nghề giá sáu mươi nhân dân tệ - khoảng 7,5 đô la - trong khi bằng của trường trung cấp dạy nghề chỉ bằng nửa giá đó. Giáo dục chính quy không có giá trị ở Đông Quân, nhưng cho đến khi ấy tôi vẫn còn chưa nhận ra nó rẻ mạt đến nhường nào.

Một buổi tối đầu tháng Sáu, Trần Anh đến lớp trong chiếc váy vàng dài cùng chiếc áo rất hợp. Cô là người phụ nữ trẻ đã nói ở buổi giới thiệu thông tin đầu tiên; cho đến thời điểm ấy, cô vẫn mặc quần jean và đi giày đế mềm giống những cô gái khác. Kiểu cách ăn mặc là một lời tuyên bố rằng giờ cô đã là một người khác. Cô đã nghỉ việc ở nhà máy, đến chợ việc làm ba ngày một tuần, với hy vọng sẽ được nhận vào làm văn thư hoặc trợ lý bộ phận kinh doanh. “Như thầy giáo Đặng đã nói: không cần thiết phải nôn nóng,” cô nói với tôi. “Thực tình thì tôi khá thích đi phỏng vấn.” Buổi học tiếp theo, Trần Anh thậm chí còn ăn mặc cầu kỳ hơn: váy màu vàng chanh tia đăng ten gần như trong suốt, tất trắng, giày cao gót. Trước khi buổi học bắt đầu, tôi đã quan sát khi một phụ nữ trẻ từ lớp khác

bước đến chỗ Trần Anh và tự giới thiệu. Trần Anh đứng lên bắt tay đối phương và hai người họ nói chuyện một lúc.

Trước đó, tôi chưa bao giờ thấy người, dân di trú làm vậy, bắt tay và nói chuyện với một người lạ. Thậm chí cả người Trung Quốc ở thành thị cũng không thực hiện được hành động đơn giản ấy một cách thoải mái. Người Trung Quốc rất kém xử lý với người lạ: nếu ai đó không nằm trong vòng quen biết gồm gia đình, bạn học hay đồng nghiệp của họ, phản ứng thông thường là lơ anh ta đi. Những người bạn Trung Quốc của tôi ở Bắc Kinh không bao giờ hy vọng gì ở những bữa tiệc - họ dính chặt với nhóm bạn mà họ đi cùng, khóa chặt vào vị trí như một phi đội máy bay chiến đấu bay vào vùng chiến sự theo đội hình mà họ biết.

Lớp học Công sở buộc các học viên phải phá vỡ rào cản của nhóm. Trong khóa học, mọi học viên đều phải phát biểu tự giới thiệu bản thân. Các bài phát biểu lúc nào cũng bắt đầu giống nhau: *Tôi cũng như các bạn*. Đó là một cách ngồ ngộ để một cô gái bắt đầu câu chuyện của riêng mình, và thậm chí câu chuyện ấy còn không phải là sự thật. Nhưng có lẽ chỉ bằng cách dựng lên rằng cô ta là một phần của cả nhóm, thì một cô gái trẻ mới đủ dũng khí để đứng tách ra khỏi nó. Ngày hôm ấy, khi Trần Anh đứng lên và bắt tay với một người lạ, cô làm tôi gợi nhớ đến, hơn hết thảy, một người Mỹ.

CÁC HỌC VIÊN ĐÃ MẤT ĐI nỗi sợ nói trước đám đông của mình và đua nhau trả lời câu hỏi. Họ chủ động chào giáo viên, chào tôi. Họ ồn ào và thích tán gẫu, bây giờ tất cả họ đã là bạn. Nhưng thời điểm họ phải rời cộng đồng này đã tới. Giờ mỗi khi các cô gái gặp nhau, câu hỏi đầu tiên là: “Cậu đến chợ việc làm chưa?” Những cô đã kể chuyện về trải nghiệm của mình ở đó giống như những người du hành mới trở về từ miền đất xa lạ nơi những người bản địa tra vấn liên tục và không thương xót:

Cô ta hỏi tôi: “Nếu cô cố bán hàng cho một vị khách và người ta từ chối, cô sẽ làm gì?”

Tôi chẳng biết trả lời ra sao cả. Tôi nói: “Chuyện như vậy là bình thường mà.”

Trong buổi phỏng vấn, họ hỏi tôi, “Nếu ba chiếc điện thoại đồ chuông cùng một lúc? Cô sẽ làm gì?”

Tôi nói, “Tôi sẽ trả lời từng chiếc một, tìm ra cuộc gọi nào quan trọng nhất, và xử lý nó trước tiên.”

Một cô gái trẻ có mái tóc cắt như con trai diễn tả lại buổi phỏng vấn của mình tại một công ty viễn thông tên là Kỹ thuật Hoa Vi^[23].

Tôi muốn làm việc ở Hoa Vi, vì vậy tôi đã đến buổi tuyển dụng của họ. Cả đám người đang ngồi trong phòng, người phụ trách tuyển dụng sẽ chỉ vào ai đấy và hỏi. Sau đó cô ta sẽ nói: “Được rồi, cô có thể đi ra.”

Cuối cùng chỉ còn lại ba người đàn ông và tôi. Người phụ trách nhìn tôi và nói, “Cô không thích hợp với công việc này. Cô có thể đi.”

Tôi thầm nhủ: “Thật là mất mặt! Nhưng người phụ trách này thậm chí còn chẳng biết tôi. Làm sao chị ta biết được tôi có thích hợp hay không?” Vì vậy tôi vẫn ngồi nguyên đấy và không đi ra.

Sau đó người phụ trách hỏi một trong mấy người đàn ông: “Kể cho tôi nghe về khoảnh khắc đáng tự hào nhất của anh.”

Anh ta rất bồn chồn lo lắng. Anh ta trả lời rằng anh ta vẫn đang đi tìm việc và chưa có thành tựu nào đáng để tự hào cả.

Tôi khế bảo anh ta: “Anh có thể nghĩ đến điều gì đó đáng tự hào anh đã làm ở trường học.” Người phụ trách nghe thấy và đưa mắt nhìn tôi.

Cuối cùng cả ba người đàn ông đều bị loại. Chỉ còn lại mình tôi. Người phụ trách nhìn tôi và nói: “Ba người đó đều là đối thủ cạnh tranh của cô, nhưng cô lại cố giúp họ. Tại sao thế?”

Tôi đáp: “Em không nghĩ họ là đối thủ của mình. Nếu chúng em được chọn, trong tương lai chúng em sẽ là đồng nghiệp và chúng em sẽ phải giúp đỡ lẫn nhau.”

Người phụ trách nói: “Tôi đã nói rằng cô không thích hợp, nhưng cô vẫn không đi. Tại sao?”

Tôi trả lời: “Chị chưa biết gì về em cả. Chị không biết em có thích hợp hay không. Em luôn có ấn tượng rất tốt về Hoa Vi, nhưng em phải nói rằng em rất không bằng lòng với thái độ của chị đối với những người tìm việc hôm nay. Dù em có trở thành nhân viên của Hoa Vi hay không, là một khách hàng của Hoa Vi, em cảm thấy rất bất mãn.”

Người phụ nữ ấy mỉm cười. Chị ta hài lòng với câu trả lời của tôi. Vậy là tôi được nhận.

Ngày 2 tháng Sáu, lớp học bắt đầu với một thông báo đầy phấn khích của thầy giáo Đoan Mộc dạy môn Hùng biện. “Tôi vừa nghe được tin tốt. Một học viên của chúng ta đã tìm được việc làm.” Cả căn phòng vỡ òa. Một cô gái trẻ tên là Mã Tiểu Nam đã được nhận vào làm nhân viên tiếp tân. Cô là người đầu tiên trong lớp tìm được việc làm mới, tin tức này nhắc nhở mọi người rằng đã đến thời điểm bắt đầu hành động. Giờ học hôm đó, và tất cả những buổi tiếp theo, đều tập trung vào tìm việc làm. Thầy giáo Đoan Mộc giảng giải cách tự giới thiệu mình với người tuyển dụng, và phương pháp đi phỏng vấn càng nhiều càng tốt, cùng với cách để nhận ra và tránh các mô hình bán hàng kiểu kim tự tháp. Cuối giờ học, mỗi cô gái đứng lên và đọc to khẩu hiệu của mình:

Người buồn nhất thế giới là người không có mục tiêu hay giấc mơ.

Vì tuổi trẻ, hãy tự tin.

Người quan trọng nhất thế giới là bản thân bạn.

Mã Tiểu Nam không bao giờ đến lớp học nữa. Đó là dấu hiệu duy nhất của thành công ở cô: cô đã biến mất.

GIANG HẢI YẾN CŨNG MUỐN RA ĐI. Cô bắt đầu đến chợ việc làm để thực hành phỏng vấn, nhưng cấp trên của cô ở VTech phản đối. Anh ta thiếu người, anh ta cần cô giúp đỡ. Giang Hải Yến lại nói dối một cách tự động - chị họ cô ở Thâm Quyển biết có một vị trí tiếp tân còn trống ở nhà máy của cô ta - nhưng cấp trên đã khản nài cô ở lại.

“Em muốn nghỉ,” cô nói với tôi. “Nhưng không dễ gì để nói ra điều đó.”

“Sếp của em có phải là người xấu không?” Tôi hỏi. “Anh ta không có vẻ xấu cho lắm.”

“Không, anh ta là người tốt,” cô trả lời. “Nhưng vài người khác đã ra đi, vì vậy anh ta thực sự rất thiếu người.”

“Nếu em đã quyết định,” tôi nói, “em phải cho anh ta biết rằng em muốn đi, anh ta sẽ phải để em đi.” Đối với tôi, thái độ của cô rất đặc trưng cho người Trung Quốc. Cô đã gian dối để có công việc, và sau đó lại gian dối để leo lên trong bậc thang công việc, cô không hề day dứt gì về sự thật Nhưng giờ sếp của cô đang khiến cô cảm thấy tội lỗi vì rời bỏ nhóm của mình, có vẻ như cô bất lực trong việc xử lý vấn đề này. Trong xã hội Trung Quốc truyền thống, duy trì sự hòa hợp với những người khác là chìa khóa để sinh tồn. Quan niệm đạo đức không cần thiết phải sai hay đúng, quan trọng là mối quan hệ của ta với những người xung quanh. Và ta phải dồn hết sức lực của mình để phá vỡ rào cản của mỗi quan hệ ấy.

Một hôm sau khi hết giờ học, Giang Hải Yến xin lời khuyên của Vũ Trâm, cô giáo dạy môn Nghi thức xã giao và trang điểm. Cô giáo Vũ lập tức nắm quyền kiểm soát. “Bạn đang làm việc ở đâu?” Cô ta hỏi.

“Trong nhà kho.”

“Bạn đã đến chợ việc làm chưa?”

“Rồi.”

“Bạn có quyền nghỉ việc,” cô giáo Vũ nói.

“Nhưng họ đã giữ một tháng lương của em,” Giang Hải Yến nói.

“Tôi biết rất nhiều người gặp phải tình huống như vậy,” Cô giáo Vũ nói nhanh. “Nhưng nếu bạn đã quyết định, vậy thì bạn nên ra đi. Nếu cần phải thế, thì hãy bỏ một tháng lương ấy lại. Để theo đuổi mục tiêu thì phải trải qua cả gian khó nữa.”

Đó là một lời khuyên táo bạo, chính xác là những gì lớp Công sở cố thấm nhuần vào tư tưởng của các học viên. Nhưng Giang Hải Yến vẫn không thể thực hiện được. Tháng Sáu

đã chuyển qua tháng Bảy, khóa học sẽ kết thúc sớm, cùng với việc các học viên nhẩy sang công việc mới, lớp học cứ thu lại dần theo từng buổi học. Giang Hải Yến đã mua một tấm bằng trung học dạy nghề giả nhưng cô vẫn sợ sử dụng nó trong các cuộc phỏng vấn. Những cuộc nói chuyện của cô với tay sắp tiếp tục kéo dài mà không có giải pháp, cô đã nghĩ đến việc tham gia vào một lớp học khác, lần này là để học tiếng Anh. “Thật là khó để biết cách xử sự đúng hướng!” Cô nói.

Bạn có thể nói Giang Hải Yến sợ hãi, và chắc chắn là có một phần trong cô đang sợ hãi. Nhưng tình huống có vẻ phức tạp hơn thế. Cô muốn biết cách cư xử với người khác - cốt yếu là làm thế nào để những quy tắc ứng xử truyền thống của Trung Quốc phù hợp với thế giới làm việc hiện đại. Nhưng điều đó thì nằm ngoài chương trình giảng dạy của lớp Công sở.

Vùng đồng bằng sông Châu Giang này thu hút các nhà diễn thuyết và những bậc thầy quản lý ở mọi cấp hạng. Ở tầng cao, thị trường do các nhóm chuyên gia Đài Loan chiếm lĩnh, có những cuộc hội thảo về quản lý riêng biệt đến nỗi chỉ những người được mời mới được tham dự. Ngôn ngữ của sự tự trau dồi bản thân cũng lan tỏa đến cả đời sống thương mại bình thường: các công ty bán hàng trực tiếp, các chuyên gia “săn đầu người”, và người mai mối, tất cả đều hướng lời chiêu hàng của mình vào kho từ vựng khơi gợi tham vọng. Những cửa hàng sách ở Đông Quán xếp hết giá này đến giá khác toàn những cuốn sách về chủ đề tự trau dồi bản thân. Vài cửa hàng còn chẳng có khu vực nào khác. Dale Carnegie là tác giả được ưa thích mọi lúc mọi nơi, mặc dù rất dễ nhận ra những dấu hiệu của trò cắt dán bất cần. *Cách để có bạn bè và gây ảnh hưởng tới người khác và quảng gánh lo đi mà vui sống. Hướng dẫn nhanh và dễ dàng để nói năng hiệu quả.* Những bí mật kinh doanh của người Trung Quốc bán khá chạy - *Ba mươi sáu kế kiếm tiền của người Ôn Châu* - và có một niềm tin huyền bí vào các con số. *Bảy bí mật của một nhà lãnh đạo tự mình làm nên. Năm mươi chín chi tiết để quyết định thành công hay thất bại trong bán hàng.* Có một số ít sách đưa ra những lời khuyên về quan hệ - *Tại sao đàn ông yêu phụ nữ hư hỏng* - nhưng sách công cụ vẫn nhiều hơn gấp mười lần. Loại sách tự giúp bản thân có thể là một phát kiến của người Mỹ, nhưng người Trung Quốc đã tinh lọc và đổi tên thể loại này để phản ánh mối bận tâm trong khoảng hẹp hơn của họ: *chenggong xue (thành công học)*, môn học để thành công.

Một buổi tối ẩm ướt tháng Năm năm 2005, tôi bước qua cửa hàng sách ở phố đi bộ gần căn hộ tôi ở. Trên một bục tạm đặt trước cửa hàng, một người đàn ông đang diễn thuyết với đám đông vài trăm thính giả, hầu hết đều là dân di trú nam giới, khoác trên mình những chiếc jacket và quần không hề hợp nhau. “Tôi muốn viết một cuốn sách,” người đàn ông nói. “Tôi có đợi cho đến khi tôi học được mọi thứ rồi mới viết nó không? Không. Tôi học trong khi tôi viết, và tôi viết khi tôi học. Phần mềm máy tính có thể lọc ra tất cả

những từ tôi viết sai. Và biên tập viên thì cũng chỉ làm việc ấy thôi.”

Tiếng cười lan đi trong đám người đứng nghe. Người đàn ông ấy người tầm thước, đầu hói, gương mặt mập mạp, trắng và bóng nắn như cái bánh bao. Anh ta không có vẻ gì là một người phát ngôn cho môn khoa học về thành công mà bạn có thể tưởng tượng ra được.

“Vì vậy nếu bạn muốn trở thành một nhà doanh nghiệp,” anh ta tiếp lời. “Bạn đang đợi khi nào tình hình trở nên lý tưởng. Nhưng có bao giờ nó được lý tưởng không? Không. Hành động ngay bây giờ, bạn sẽ khiến nó trở nên lý tưởng. Bạn có biết tất cả những điều bạn cần phải biết không? Không. Nhưng thông qua làm việc bạn sẽ học được, và bài học này rất đáng giá.”

Rồi bài phát biểu chuyển hướng một cách đáng ngạc nhiên. “Giờ tôi sẽ nói về việc sao chép. Tôi nghĩ sao chép có vai trò rất quan trọng. Mọi người đều nói về chuyện sáng tạo quan trọng thế nào. Nhưng bạn sẽ phải đầu tư rất nhiều thời gian để sáng tạo và mức độ mạo hiểm cũng rất cao. Tại sao lại không lấy những thứ đã được chứng minh là có thể thực hiện ở nơi khác chứ? Đó chính là sao chép.”

Người đàn ông này tên là Đinh Viễn Trĩ. Không lâu trước đó anh ta từng dạy môn vật lý ở trường trung học. Cuốn sách của anh ta, *Vuông và tròn*, nghe nói đã bán được sáu triệu bản. Giờ Đinh Viễn Trĩ đang đi khắp đất nước để dạy người ta cách tìm đến thành công như anh ta đã từng làm.

Hằng ngày bạn sẽ cảm thấy một áp lực vô hình không để cho bạn ngừng nỗ lực phấn đấu. Chúng ta đều là con người, nhưng những người khác thì tới nhà hàng và các buổi biểu diễn đắt đỏ còn bạn chỉ đến những nơi có chất lượng thấp... tại sao người khác có thể hưởng thụ xa hoa trong khi bạn chỉ có những thứ chất lượng thấp? Khi bạn nghĩ đến những điều ấy, bạn có cảm thấy nhục nhã không?...

Trên đường ngày ngày có vô số chiếc Mercedes-Benz đi qua. Giờ chúng ta không có chiếc nào, đó không phải bi kịch. Bi kịch là chúng ta không dám khao khát sở hữu lấy một cái.

Vuông và tròn là sự bóp méo của một cuốn sách dạng tự giúp bản thân kiểu Mỹ. Nó không khuyến khích người ta tự khám phá mình, nhìn vượt lên những thành công vật chất, hoặc thành thật về những thất bại và trong các mối quan hệ. Nó không cố thay đổi độc giả của mình. Thay vào đó, cuốn sách dạy họ phương pháp để làm tốt hơn những gì họ vốn đã biết rất rõ: hẹp hòi, trọng vật chất, ganh tị, tranh đấu, bỏ dõ và mách khoe. *Vuông và tròn* là cuốn sách tương đương với việc đứng ở một góc phố Đông Quan rao giảng về ích lợi của việc vi phạm bản quyền. Cả đám đông đã thuộc về ta.

Vuông và tròn mô tả một thế giới ám đạm đầy những mối quan hệ phức tạp, môi trường làm việc khắc nghiệt, tình bạn hai mặt, tham ô hối lộ và những ông sếp ý thức

được địa vị của mình có quyền lực tuyệt đối với số phận của ai đó. Đồng nghiệp ngầm ngầm chơi xấu nhau trước mặt cấp trên. Các sếp lạm dụng quyền lực để làm giảm giá trị của người khác và nhận tiền hối lộ. Những người đàn ông vô sỉ có được những cô gái hấp dẫn nhất. Tiền và địa vị là thước đo hạnh phúc. Trung thực chưa bao giờ được đặt lên hàng đầu. Nếu chính phủ đã từng để ý, chắc chắn cuốn sách này sẽ bị cấm - chưa bao giờ tôi thấy một cái nhìn đen tối về xã hội Trung Quốc được nêu lên một cách bình thản như thế. Nhìn bề ngoài *Vuông và tròn* là cuốn sách về cách thức có thể tồn tại trong một xã hội trong khi mình vẫn là người tốt. Nó đề xướng theo ý tưởng truyền thống *neifang waiyuan* (*nội phương ngoại viên*) - trong vuông, ngoài tròn - một người kết hợp sự chính trực và sự lão luyện trong những quan hệ giữa người với người. Nhưng cuốn sách đã bỏ qua sự chính trực chỉ sau bảy mươi trang, trong khi các kỹ năng xã hội chiếm hơn hai trăm trang, vì vậy bất cứ ai cũng có thể nhận ra vấn đề nào được ưu tiên hơn.

Tôi luôn có cảm giác sự tương tác xã hội giữa người Trung Quốc với nhau phức tạp một cách không cần thiết. Truyền thống đạo Khổng không nhấn vào cá nhân mà vào vai trò của anh ta trong một hệ thống thứ bậc tôn ti phức tạp, đánh giá hết sức cao địa vị, sự tự kiềm chế và việc thể hiện sự tôn kính đúng mực. Người Trung Quốc đã sống trong những cộng đồng đông đúc qua vài ngàn năm, và họ đã phát triển những kỹ năng tài tình vì trong việc thể hiện và phát hiện sự khinh mạn, vận dụng sức mạnh thông qua các phương tiện gián tiếp, lợi dụng tình huống để có lợi cho mình, tất cả đều nằm bên dưới một lớp vỏ lịch sự nhã nhặn trau chuốt tinh vi. Thậm chí cả bản thân người Trung Quốc cũng than phiền rằng sống trong xã hội họ thật *lei* (*lụy*), mệt mỏi. Tôi còn chưa đánh giá đúng mức độ mệt mỏi ấy cho đến khi tôi đọc cuốn sách này, một cuốn sách dành đến tám trang để dạy cách mỉm cười và bốn mươi lăm trang để khuyến dụ người khác gỡ hàng rào cảnh giác quanh mình xuống.

Bắt tay: *Bắt tay ngay khi gặp gỡ thể hiện rằng bạn không khác gì đối phương cả.*

Đưa hối lộ: *Cố gắng tránh thói quen cho ai đó thứ gì mỗi lần anh ta giúp đỡ bạn.*

Nhờ vả: *Nếu bạn có một yêu cầu nhỏ, trước tiên hãy đưa ra vài yêu cầu lớn hơn và để người đó từ chối. Khi anh ta cảm thấy có lỗi, hãy đợi cơ hội để đưa ra yêu cầu nhỏ của mình.*

Lấy lòng: *Nhớ ngày sinh nhật và những ngày kỷ niệm quan trọng của trưởng phòng và các khách hàng dài hạn, cả vợ, bố mẹ và con họ nữa.*

Tiếp tục lấy lòng: *Nếu ai đó mặc một bộ đồ giá hai trăm đồng, bạn hãy nói: “Bộ này chắc phải ba trăm đồng đúng không?”*

Mặc cả: *Hỏi giá những quần áo đắt tiền trước nếu bạn muốn mua thứ rẻ hơn. Hỏi giá những bộ rẻ hơn nếu bạn muốn mua những thứ đắt tiền.*

Giúp người: *Đừng nhận những món quà cảm ơn và lời mời các bữa tối cảm ơn... Chi bằng để người ta nhớ sự giúp đỡ của ta và món nợ họ nợ ta.*

Lại tiếp về lấy lòng: *Làm cho người khác cảm thấy họ quan trọng là một phương cách hiệu*

quả để tăng lòng nhiệt tình của họ.

Một cách hiệu quả để hủy diệt sự tự tin của một con người là nhìn đi nơi khác khi anh ta nói chuyện với bạn. Để các thuộc cấp xử lý công việc trong khi giới hạn sự xuất hiện của bản thân sẽ làm tăng độ quan trọng của bạn lên. Dàn dựng những cuộc gọi giả của khách hàng trong buổi họp sẽ giành được các điều khoản tốt hơn từ phía nhà cung cấp. Chia sẻ bí mật tài chính của một công ty với cấp dưới là một cách hay để giành được sự trung thành của họ. Và đến thăm người nào đó đang ốm nằm bệnh viện là phương thức tốt nhất để xây dựng quan hệ. *Nếu một người đàn ông muốn tiến tới với một cô gái trẻ nào đấy, anh ta nên tấn công khi cô ta bị ốm để lấy lòng. Cách đó chắc chắn sẽ hiệu quả, bởi trong thời điểm đó cô ta đang yếu ớt và cần đến sự an ủi nhất.*

VUÔNG VÀ TRÒN về mặt bản chất là một sự chối bỏ đến từng chi tiết đức hạnh truyền thống của người Trung Quốc đã được rao giảng suốt hai ngàn năm nay.

Học hành: *Người có thành tích tốt nhất làm thuê cho người khác, người có thành tích hạng hai là những ông chủ.*

Khiêm tốn: *Nếu người khác chưa hiểu bạn, sự khiêm tốn của bạn sẽ không được coi là một đức tính tốt mà là sự bất tài.*

Gia đình: *[Một người bạn] đã được Đại học Thâm Quyển tuyển dụng tạm thời, nhưng vợ anh ta thúc giục anh ta trở về, và nói: “Nếu anh không về nhà, chúng ta sẽ ly dị.” Anh ta nghĩ vợ mình quan trọng hơn công việc, vì vậy anh ta từ bỏ vị trí của mình và trở về nhà. Nhưng rốt cuộc thì cô ta vẫn ly dị anh ta.*

Trung thành: *Nếu bạn và người bạn thân nhất cư xử với nhau rất tốt, vậy thì các bạn là những người bạn chân chính trong thời điểm này. Nhưng giả dụ có một thương vụ trị giá một triệu đô la, nếu bạn không đá anh ta sang một bên hoặc anh ta không đá bạn sang một bên, vậy thì cả hai đều có vấn đề về tâm lý.*

Trung thực: Một ‘lời nói dối vô hại’ đôi khi cũng cần thiết. Lấy ví dụ, đối với một bệnh nhân mắc phải chứng bệnh không chữa được, thì sự trung thực có thể hủy diệt tinh thần của anh ta. Một lời nói dối có thể giúp anh ta kéo dài thêm một thời gian và vui sống những ngày còn lại.

Phần lạnh lùng nhất của cuốn sách là về các mối quan hệ. Các quy tắc của những cuộc chiến trên thương trường lúc nào cũng có thể áp dụng vào những mối quan hệ cá nhân. Chiêu Trước tiên hãy đưa ra những mục tiêu mà đối phương có thể chấp nhận thích hợp cho cả một cuộc đàm phán khó nhằn hay cuộc hẹn hò đầu tiên. Một cách khá hay để chia tay bạn gái là “Trở nên lịch thiệp”: Anh ta đột nhiên trở nên lịch sự một cách quá mức với bạn gái. Nếu cô ta giúp anh điều gì, anh ta nói cảm ơn. Khi người ta đi, anh ta chào tạm biệt. Kiểu lịch thiệp quá đà này khiến một người trở nên lạnh lùng và không thể tiếp cận. Chiến thuật này cũng rất hữu dụng khi từ chối những người bạn nhờ giúp đỡ.

Khi tất cả các phương cách khác đã thất bại, tác giả đưa ra phương thức hết sức dễ hiểu của cá nhân anh ta dùng để phá vỡ hàng rào phòng vệ của những người khác:

Một trong những kỹ thuật quan trọng để đánh thức và lay động lương tâm của người khác và khơi gợi những ý định tốt đẹp trong họ là khóc... dùng răng cắn vào môi dưới và để nước mắt ngân ngấn long lanh ở khóe mắt khi bạn nhìn kiên định về phía trước. Lần sau khi bạn làm sai việc gì, hãy giả bộ như vậy, tôi tin rằng chẳng ai lại không cảm động đâu.

TÁC GIẢ của cuốn cẩm nang tâm lý không có nguyên tắc đạo đức này ra mở cánh cửa căn hộ ở Thâm Quyến của anh ta trong bộ áo ngắn tay, quần kaki và đi chân trần. Ở khoảng cách gần, anh ta trông có vẻ già và u sầu hơn, với những đường rãnh sâu dọc theo mũi và miệng. Anh ta dẫn tôi bước vào một căn hộ độc thân sành điệu - sàn nhà gỗ sẫm màu, thảm thô màu trắng, ghế bành ghép màu xanh sẫm - rót cho tôi một cốc Pepsi, cái cốc được đặt cẩn thận trên cái bàn cà phê bằng kính.

Vốn là một giáo viên dạy môn Vật lý trung học ở tỉnh Hồ Bắc, Đinh Viễn Trĩ đến Thâm Quyến năm 1987 và kiếm được một chân dạy học, tất nhiên là nhờ mách lới. Anh ta đã tìm hiểu được hiệu trưởng của trường anh ta muốn làm việc là người đam mê Hồng Lâu Mộng, cuốn tiểu thuyết được viết hồi thế kỷ mười tám. Một buổi tối nọ, Đinh Viễn Trĩ đến thăm nhà ông hiệu trưởng. Anh ta không nói thẳng mục đích của mình; thay vào đó, như đã kể lại trong những trang sách *Vuông và tròn*, anh ta hút người đàn ông kia vào một cuộc thảo luận dài về cuốn tiểu thuyết.

Chúng tôi càng nói càng thấy hợp nhau, và đến khi chúng tôi nhận ra thì đã là mấy tiếng đồng hồ sau rồi. Ông hiệu trưởng đột nhiên nhìn lên và nhận ra đã hơn mười giờ. Như thể vừa tỉnh giấc mơ, ông ta hỏi tôi, “Ồi chà, anh đến gặp tôi có việc gì thế nhỉ?”

Trong cuộc trò chuyện suốt mấy tiếng trước, tôi đã hoàn toàn giành được thiện cảm của ông hiệu trưởng, vì vậy khi tôi nói lên ước vọng đến Thâm Quyến làm việc, đương nhiên là ông ta không thể tìm cách từ chối và đã đồng ý để tôi có thể dạy học...

Tôi đã đánh bật rất nhiều đối thủ để được thuyên chuyển đến Thâm Quyến. Và tôi không phải tốn một đồng xu nào.

Không lâu sau đó, Đinh Viễn Trĩ và một người bạn quyết định mở công ty PR (Quan hệ công chúng). Cả việc ấy, cũng là một bước đi được tính toán. “Chúng tôi nghĩ sẽ thật dễ dàng khi nói: chúng tôi là công ty PR đầu tiên của Trung Quốc,” Đinh Viễn Trĩ kể với tôi. “Bọn tôi đoán các cơ quan thương mại không biết nó là cái gì, vì vậy sẽ dễ dàng được chấp thuận hơn.” Vấn đề là cả Đinh Viễn Trĩ và bạn anh ta cũng đều không biết nhiều về quan hệ công chúng. Họ đã tổ chức một sự kiện quảng cáo nhưng không thể kiếm thêm được vụ làm ăn nào mới. Sau đó họ bắt đầu tổ chức đào tạo về PR cho những người quản lý, Đinh Viễn Trĩ khám phá ra anh ta có biệt tài này. Anh ta bắt đầu đọc các sách của Dale Carnegie và xuất hiện trên truyền hình.

Ấn bản *Vuông và tròn* năm 1996 gần như là không chính thống. Đinh Viễn Trĩ không ký hợp đồng xuất bản hợp pháp, anh ta đơn giản chỉ mua một số đăng ký từ một nhà xuất bản sau đó tự in và bán sách ra thị trường. Những ngày cuối tuần, anh ta đi đến các cửa hàng sách khắp Thâm Quyến, treo băng rôn, kê một chiếc bàn bên ngoài cửa trước, và ký tên sách. *Vuông và tròn* được viết ở mức độ dành cho học sinh trung học nên cả công nhân nhà máy cũng hiểu được. “Các công nhân di trú cần được khuyến khích trong tâm hồn,” Đinh Viễn Trĩ nói. “Họ cần được biết rằng thành công là có thể. Những cuốn sách này là niềm an ủi đối với họ.”

Tôi hỏi Đinh Viễn Trĩ xem anh ta nghĩ gì về những cuốn sách *thành công học* khác được bán ở Trung Quốc. Anh ta chưa từng đọc một cuốn nào. “Tất cả sách ở Trung Quốc đều chỉ lấy ý tưởng từ nước ngoài,” anh ta nói. “Sự thực là Trung Quốc chẳng có ý tưởng ban đầu nào hết.”

Khi tôi hỏi về dự án tiếp theo, Đinh Viễn Trĩ rời phòng và trở lại với một cuốn *Lợi thế cạnh tranh* của Michael Porter bản tiếng Trung Quốc. Cuốn sách tiếp theo của anh ta, Đinh Viễn Trĩ ôn tồn nói, sẽ tái sử dụng những ý tưởng này, và một lần nữa, lại ở mức độ dành cho học sinh trung học. “Cuốn sách của tôi về cơ bản sẽ tóm lược lại khái niệm của Porter thành dạng có thể hiểu được,” anh ta nói. “Ở Thâm Quyến có rất nhiều ông chủ trình độ mới ở mức tiểu học, nhưng họ rất khao khát học hỏi.” Đó là sao chép.

Cuộc gặp với Đinh Viễn Trĩ là một sự thất vọng. Anh ta không có phẩm chất nào để trở thành một giáo viên *thành công học*. Anh ta không phải một diễn giả gây cho người khác ấn tượng sâu sắc và cũng không có những ý tưởng hấp dẫn, công việc PR của anh ta chưa bao giờ ra đâu vào đâu. Và không ai từng gặp tay họ Đinh này mà lại coi những lời khuyên về quyến rũ các cô gái trẻ của anh ta là thật. Nhưng Đinh Viễn Trĩ đã dám làm điều những người khác không dám làm. Anh ta đã lập nên một công ty. Anh ta đi nói chuyện. Và anh ta viết sách dạy thành công. Hành động là thứ duy nhất để phân tách những người thành công khỏi những người khác. *Sự khác biệt giữa những người thành công và thất bại không phải ở chất lượng ý tưởng hay cách đánh giá khả năng của họ*, anh ta viết, *mà là ở chỗ họ có tin vào phán đoán của mình và dám hành động hay không*. Trần Anh đã mạo hiểm nhảy sang một công việc mới, trong khi Giang Hải Yến thì không. Xét cho cùng, đó là điểm khác biệt quan trọng duy nhất giữa hai người họ.

Một buổi tối Chủ nhật tháng Bảy năm 2005, các học viên khóa hai của Lớp Đào tạo đặc biệt kỹ năng thư ký công sở tốt nghiệp. Để tổ chức buổi lễ, bàn trong lớp học được đẩy lại thành một hình vuông với khoảng trống ở giữa dành cho các bài phát biểu và biểu diễn. Mỗi chỗ ngồi đều đặt rải rác những đĩa lạc, kẹo dẻo, bánh quy và cốc dùng một lần đựng nước ấm. Các giáo viên mặc sơ mi lễ phục, quần tối màu và đeo cà vạt. Khoảng năm mươi học viên đến tham gia, bao gồm cả những người mới tốt nghiệp, tốt nghiệp từ

khóa trước và những học viên của kỳ tiếp sau đang chuẩn bị bắt đầu nhập học. Hiệu trưởng Lưu, người chủ trì buổi lễ, chính thức giới thiệu từng giáo viên một, từng tràng pháo tay vang lên. Thầy giáo Dương hát một bài tên là “Chúng ta sẽ gặp lại nhau trong hai mươi năm nữa”.

Hai mươi năm sau chúng ta hãy gặp lại,

Đất mẹ của ta khi ấy sẽ đẹp nhường nào!

Thiên đường sẽ mới, mặt đất mới, cảnh tượng mùa xuân sẽ thêm rực rỡ huy hoàng,

Thành phố làng mạc đều quang vinh hơn bội phần.

“Tôi nghĩ nếu chúng ta gặp lại trong hai mươi năm nữa,” thầy giáo Lưu nói, “tất cả các bạn sẽ trở thành những triệu phú và bà chủ lớn.” Ông ta đọc to tên của tất cả những học viên tốt nghiệp - khoảng nửa lớp - đã tìm được việc làm và không thể có mặt tối hôm ấy. Trần Anh cũng có tên trong danh sách đó, cô đã tìm được một chân văn thư trong nhà máy sản xuất đồ ngũ kim. “Chúng tôi hy vọng công việc của họ sẽ được suôn sẻ.” Vài học viên tốt nghiệp đứng lên phát biểu.

Mười năm nay, đây là giây phút tự hào nhất của tôi, vì tôi chưa bao giờ tham gia buổi lễ tốt nghiệp nào cả. Giờ tôi đang làm nhân viên kinh doanh cho một công ty. Công việc rất mệt mỏi và tôi phải ở bên ngoài cả ngày. Tôi học được rất nhiều điều.

Tên tôi là Diệp Phương Phương. Tôi hy vọng mọi người sẽ nhớ tôi. Mọi người đã thay đổi tôi từ một người nhút nhát rụt rè thành một cô gái tự tin. Tôi đã học cách hành xử. Đó là sự hòa hợp giữa vuông và tròn. Tôi sẽ luôn nhớ đến mọi người.

Giữa buổi lễ tốt nghiệp thì mất điện, vài học viên đi quanh phòng thấp nển lên. Giang Hải Yến, mặc váy, đi tất mỏng và giày cao gót, đã làm tôi ngạc nhiên khi biểu diễn một bài hát và tự tin ôm cả phòng. Trong khi một bài hát tên là “Tiếng cổ vũ” vang lên, các học viên tốt nghiệp đi vòng quanh căn phòng thấp nển và bắt tay với các giáo viên, long trọng cảm ơn từng người một. Hiệu trưởng Lưu tuyên bố khóa học thứ ba của lớp Công sở sẽ bắt đầu sau một tuần nữa.

Chỉ có bốn học viên tốt nghiệp đã tìm được việc làm mới đến tham dự buổi lễ. Đó chính là thước đo thành tựu của trường học: sự vắng mặt của thật nhiều cô gái trẻ, rải rác đi khắp vùng đồng bằng sông Châu Giang, những người không thể có mặt ở đây tối nay vì họ đã vươn lên một nấc. Các giáo viên cũng đang không ngừng chuyển động. Thầy giáo Phó đã tốt nghiệp đại học, nghỉ dạy và chuyển đến Thượng Hải sống chung với bạn gái anh ta. Thầy giáo Đoan Mộc đã được đề bạt và nhận thêm trách nhiệm quản lý.

Trong năm tới, mọi người tôi quen biết ở trường Trí Đồng đều trải qua một hoặc vài thay đổi quan trọng trong đời mình. Trần Anh nhảy việc đi làm nhân viên bán hàng ở một nhà máy sản xuất băng dính trong và sau đó là một tổ hợp sản xuất điều hòa nhiệt độ, nơi cô quản lý việc thu mua và sản xuất của hai mươi công nhân. Khi tôi gặp cô trong

bữa tối một năm sau đó, cô đã thay hình đổi dạng. Cô nói chuyện với giọng đều đặn chừng mực, tay mang một chiếc túi xách dài sành điệu, và tự tin gọi món trong một nhà hàng có những chiếc bàn gỗ cổ. Cô kiếm được 1.600 nhân dân tệ một tháng - hai trăm đô la - và có ba người đàn ông đang theo đuổi. “Nếu chị muốn em trở lại là em trước đây,” cô nói với tôi, “em không nghĩ là em có đủ dũng khí để tiếp tục sống.”

Giang Hải Yến trở về nhà, rồi lại ra đi một thời gian ngắn để tìm việc, sau đó lại trở về giúp gia đình trông coi cửa hàng bán thực phẩm và văn phòng phẩm. Cha mẹ cô không muốn cô sống ở Đông Quán vì họ cảm thấy thành phố này không an toàn. Bị mắc kẹt trong tấm lưới nghĩa vụ gia đình, Giang Hải Yến không muốn thách thức cha mẹ mình một cách trực tiếp. “Em không muốn gia đình có cảm giác em bắt buộc phải làm chuyện này, hoặc là sẽ rất khó xử cho mọi người,” cô nói khi tôi gọi điện cho cô ở nhà.

Thầy giáo Đặng nghỉ việc ở trường Trí Đồng để theo đuổi công việc sinh lợi nhiều hơn: dạy kỹ năng quản lý cho những người phụ trách, với năm nghìn nhân dân tệ mỗi kỳ học. “Tôi bốn mươi tư tuổi rồi,” ông ta nói. “Tôi cần phải nghĩ đến chuyện chăm sóc tuổi già của mình.” Một tối sau giờ học, ông bỏ chiếc va li có điện thoại di động của mình trong cốp một chiếc taxi, khiến tất cả học sinh cũ của ông đều không thể liên lạc với ông được nữa.

Khi buổi lễ gần kết thúc, đèn sáng trở lại, và các học viên hát một bài cuối cùng - “Bạn bè”. Âm nhạc ngân lên và vang khắp căn phòng khi thầy giáo Đặng lấy danh thiếp của mình phát cho các học viên tốt nghiệp và hiệu trưởng Lưu giới thiệu chứng chỉ của họ, những cuốn sách nhỏ bìa bọc lụa. Bên trong có in tên và mẫu biểu trưng của Công ty Phát triển Trí tuệ Tài năng Trí Đồng Đông Quán ở phần trống, nơi mà đáng lẽ in tên trường học.

Bạn bè, ôi bạn bè

Bạn có nghĩ đến tôi

Nếu bạn đang hưởng hạnh phúc,

Xin hãy quên tôi đi.

Bạn bè, ôi bạn bè

Bạn có nhớ đến tôi

Nếu bạn đang chịu nỗi khổ đau

Xin hãy nói với tôi.

Bạn bè, ôi bạn bè Bạn có nhớ đến tôi,

Nếu bạn tìm thấy bến bờ xa lắc của mình

Hãy bỏ tôi, bỏ tôi lại sau lưng.

8. Hẹn hò tám phút

Có vài cách khác nhau để kiếm một tấm chồng. Sau khi người phụ nữ di trú đã có một công việc ổn định, đó là việc tiếp theo mà họ phải làm. Một số cô gái phó mặc chuyện ấy cho ông mai bà mối ở quê, mặc dù làm vậy có nguy cơ phải ghép đôi với một chàng trai trẻ không có triển vọng và chưa bao giờ dám đi đâu xa khỏi gia đình. Các cô gái đã sống ở Đông Quân một thời gian thì nhờ bạn bè giới thiệu, nhưng khi gặp gỡ một người đàn ông ở thành phố, có những điều mà ta không biết về đối phương, chẳng hạn như anh ta đã có vợ con ở quê hay chưa. Cũng có cô đăng ký với các dịch vụ hẹn hò, nhưng nhiều người cảm thấy phương thức này quá “trực tiếp”. Những cô nào bạo gan nhất thì gặp gỡ với đám đàn ông trên mạng. Rủi ro của cách này đã khơi gợi cảm hứng cho một bài hát tên là “Tình QQ”, QQ là tên của dịch vụ chat (tán gẫu) phổ biến nhất trên mạng Internet Trung Quốc.

*Anh chàng này tự nhận mình đẹp trai
Với trái tim lương thiện và tính tốt
Hỏi tôi năm nay bao nhiêu tuổi
Và đã từng có bao mối tình một đêm
Làm tôi sợ đến cứng người
Kỷ nguyên Internet gì thế này?
Nhanh nhanh và chào anh ta “bye bye”
Ôi! Tình QQ
Thật hay ảo, ai mà đoán được?*

Không bao giờ có chuyện không để làm cả. Cuộc sống ở thành phố rất cô đơn và chia sẻ với ai đó sẽ làm nhẹ bớt gánh nặng đi phần nào. Hôn nhân là nhiệm vụ của con cái với cha mẹ; khi một công nhân di trú bước vào tuổi hai mươi, áp lực buộc phải kết hôn từ phía các bậc cha mẹ sẽ trở nên gay gắt và trực tiếp, dù là con trai hay con gái. Không ai muốn trở thành *daling qingnian* (đại linh thanh niên), một cụm từ có nghĩa đen là “thanh niên cứng tuổi” và được định nghĩa trong từ điển là “đàn ông hoặc đàn bà chưa kết hôn trong khoảng hai mươi tám đến ba mươi lăm tuổi”, về điểm này, thời gian biểu truyền thống của làng quê rất hợp với chủ nghĩa thực dụng ở thành thị: một người phụ nữ trẻ nên kết hôn sớm, khi giá trị của cô ta ở mức cao nhất.

Câu lạc bộ Kết bạn Đông Quân là trung tâm dịch vụ hẹn hò lớn nhất thành phố. Ban đầu được dựng lên với mục đích giúp phụ nữ tìm kiếm nửa kia của mình trong một thành phố mà khoảng 70% dân số là nữ giới, câu lạc bộ đã phát triển lên đến hơn năm nghìn thành viên. Nơi này được điều hành bởi Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung Quốc, tổ chức quốc gia gồm một đội ngũ những phụ nữ có ý hướng tốt tin rằng nhiệm vụ của họ

là “dẫn hướng cho đám đông”, mặc cho đám đông ấy có muốn sự chỉ dẫn của họ hay không. Tỷ lệ thành viên nữ trong câu lạc bộ so với nam giới là hai trên một. Những nhà tổ chức đã chỉ ra rằng tỷ lệ này tốt hơn so với tỷ lệ bốn nữ một nam hay năm nữ một nam, hoặc có thể là ba nữ hai nam của thành phố - giống như dân số Đông Quán, tỷ lệ giới tính cũng là một số liệu biến động rất lớn.

Ở Mỹ, các dịch vụ môi giới hẹn hò được cơ cấu sao cho một người lạ có thể yêu cầu hẹn hò với một thành viên đăng ký. Nhưng điều đó có vẻ bất nhã đối với hầu hết người Trung Quốc. Thay vào đó, các thành viên gặp nhau hàng chiều Chủ nhật ở trụ sở câu lạc bộ, trên tầng hai một tòa nhà văn phòng cũ kỹ, để thực hiện cái được gọi một cách tế nhị là “trao đổi thông tin”. Câu lạc bộ cũng tổ chức những buổi đi chơi cuối tuần cho thành viên của mình. Ở Trung Quốc, hẹn hò là một hoạt động tập thể.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG BÊN CẠNH TÔI đứng dậy. “Xin chào. Số hiệu thành viên của tôi là 2740.” Nói đoạn, anh ta ngồi xuống.

Lý Phụng Bình, người phụ nữ trung niên điều hành công tác ghép đôi của câu lạc bộ, lên tiếng phản đối: “Thế thôi à? Anh phải tự giới thiệu mình nữa.”

Người đàn ông ấy lại đứng lên. “Tôi quê ở tỉnh Hồ Nam. Mới đầu tôi chỉ thi vào trường cao đẳng dạy nghề, nhưng sau đó tôi đã tự học, nên giờ tôi đã có bằng đại học.” Anh ta lại ngồi xuống.

Ba mươi người tụ tập trong phòng họp chính của câu lạc bộ trong một buổi chiều Chủ nhật mùa thu năm 2004. Không gian này tạo cảm giác như một lớp học với những bóng đèn nê ông và ghế nhựa, có lẽ để hướng ứng, các thành viên cũng tách biệt thành từng nhóm như lũ trẻ còn đi học, nam giới ngồi thành hàng dọc các bức tường, còn phụ nữ tụ thành các nhóm nhỏ để có cảm giác an toàn.

“Tôi quê ở Quảng Đông. Tôi làm bán hàng, một nhân viên bình thường.”

“Tôi đến từ tỉnh Giang Tây. Tôi là người rất thẳng thắn.”

Một phụ nữ mặc áo len màu vàng chanh, quần jean trắng đứng lên. “Xin chào mọi người, tôi đã đến Đông Quán được một thời gian khá lâu, tôi làm ở bộ phận kinh doanh. Quê tôi ở tỉnh Hồ Nam. Tôi đến đây ngày hôm nay là để có thêm cơ hội cho bản thân.”

Hầu hết những lời giới thiệu đều ngắn gọn và ngượng ngùng bối rối. Mọi người nêu số hiệu thành viên của mình và quê, nhưng không nói tên; họ tự miêu tả mình là “bình thường.” Đàn ông là thợ điện, luật sư, phụ trách quảng cáo và công nhân dây chuyền lắp ráp; phụ nữ làm y tá, văn thư, giáo viên, nhân viên kinh doanh và cả công nhân ở dây chuyền lắp ráp. Một tỷ lệ đáng kể ở cả nam lẫn nữ đã ly dị. Thi thoảng một giọng theo trường phái tự nỗ lực vang lên, và không khí trong căn phòng trở nên im lặng, giống như một phòng thú tội.

Tôi đã trải qua rất nhiều thăng trầm. Tôi đã chịu nhiều nỗi đau. Hôm nay, tôi phải

vượt qua nó.

Tôi tốt nghiệp đại học. Tôi học chuyên ngành máy tính. Tôi làm quản lý văn phòng. Mục tiêu của tôi là tìm thấy một người yêu tôi, và là người tôi có thể yêu.

“Bây giờ,” Lý Phượng Bình nói khi phần giới thiệu đã kết thúc, “mọi người có thể bước ra khỏi chỗ mình và bắt chuyện với bất cứ ai mà các bạn thích.”

Không ai nhúc nhích.

Sau một khoảnh khắc im lặng giãy vò, người phụ nữ mặc áo len màu vàng chanh cất tiếng. “Tôi có một đề nghị. Trong tương lai, chúng ta nên có những cuộc gặp gỡ chuyên nghiệp hơn, để bớt đi những giây phút ngượng ngập thế này và để không lãng phí ngàn ấy thời gian.”

“Phải, cần lên kế hoạch nữa,” một người đàn ông ngồi cạnh cô đồng tình. Vụ mai mối có nguy cơ biến thành một cuộc kết tội dành cho tất cả mọi người. Mỗi khi tôi quan sát người Trung Quốc tương tác với nhau theo nhóm, sâu trong tâm khảm, tôi hiểu được cuộc Cách mạng Văn hóa đã diễn ra như thế nào. Người ta sợ bị tách riêng ra, nhưng với sự đảm bảo an toàn từ tập thể, họ có thể công kích ai đó với tốc độ và sự khùng khiếp có thể khiến bạn tắc thở.

Bất thành linh, một cô giáo tiểu học có đôi mắt đen dữ tợn đứng lên.

“Tên anh là gì?” Cô hỏi một người đàn ông đang dựa vào chiếc ghế kê sát tường.

Anh ta ngồi thẳng lên và trả lời.

“Quê anh ở tỉnh nào?” Cô lại hỏi tiếp.

“Quý Châu.”

“Tôi rất thích anh.”

Cô ngồi xuống. Tiếng vỗ tay vang lên như sấm.

Tiếp sau đó, lại là im lặng.

Người đàn ông ngồi cạnh tôi - thành viên số hiệu 2740 - đứng lên và bỏ đi. Tôi quay sang Lý Phượng Bình gợi ý rằng mọi người có thể đi lại quanh phòng. “Chúng ta có thể bật nhạc lên không?” Ai đấy lên tiếng yêu cầu. Cuối cùng, áp lực của việc bước qua cả căn phòng và bắt chuyện với một người lạ trước cặp mắt của ba mươi người khác là quá sức chịu đựng. Hầu hết các thành viên lẩn ra khỏi cuộc gặp mặt Kết bạn theo cách nhanh nhất có thể. Người đàn ông đã được cô giáo tiểu học kia chọn không có động thái gì để tiếp cận cô, còn cô giáo kia cũng vẫn ngồi yên tại chỗ, nhìn thẳng về phía trước với vẻ mặt cương quyết.

SAU BUỔI GẶP MẶT, tôi bước lại gần cô gái mặc áo len màu vàng chanh. Cô thấp hơn so với dáng người cô lúc nhìn từ phía xa - chỉ khoảng hơn một mét rưỡi - đường nét tròn

trịa và đôi mắt hiệu động trên gương mặt trái xoan xinh xắn, cô thoa son bóng màu hồng và dùng một cái kẹp tóc bằng hạt cườm. Cô đã hai mươi chín tuổi và làm việc ở bộ phận kinh doanh. “Hồi trước, tôi lo những vấn đề cá nhân của mình đi để tập trung vào công việc,” cô kể với tôi. “Nhưng giờ tôi đang nghĩ đến nó, đấy chính là lý do tại sao tôi đến đây.”

Tôi hỏi cô trông đợi gì ở một người đàn ông.

“Đối với tôi, trình độ anh ta thế nào, công việc ra sao hay anh ta kiếm được bao nhiêu tiền không quan trọng lắm,” cô nói. “Với tôi, cảm giác là thứ quan trọng nhất.”

Cô gái này chính là Ngô Xuân Minh. Sau khi gặp cô lần đầu tiên ngày hôm đó, điều tôi nhớ nhất là những gì cô đã nói với các thành viên trong câu lạc bộ - *Tôi đến đây ngày hôm nay là để có thêm cơ hội cho bản thân*. Chính câu nói đó, cả giọng nói của cô nữa: sắc bén như lưỡi hái, không hề hồ thẹn với chất giọng nông dân nặng trịch mà bao nhiêu năm tháng ở thành phố cũng không thể xóa nhòa đi được. Giọng cô là giọng nói đã giành chiến thắng trong các cuộc cãi vã và đi qua những công trường xây dựng, khiến đám đàn ông phải ngồi thẳng lên và để ý đến nó.

Dần dần, tôi tìm hiểu được tường tận câu chuyện của Ngô Xuân Minh - cô đã bắt đầu đi làm ở một nhà máy đồ chơi, suýt chút nữa thì bị lừa vào nhà chứa, dùng tài ăn nói của mình để giành được vị trí quản lý, rồi giàu lên nhanh chóng nhờ bán thuốc thảo dược Tây Tạng và chỗ chôn người chết. Sau khi chính phủ cấm hình thức bán hàng trực tiếp, Ngô Xuân Minh tìm được công việc làm phóng viên ở tờ *Thanh tra và Kiểm dịch Trung Quốc*. Tờ báo được điều hành bởi một cơ quan nhà nước phụ trách thanh tra nhập khẩu và xuất khẩu, nên bản chất công việc của cô không hề giống với bất cứ người làm báo thông thường nào. Xuân Minh quyết định viết bài về một công ty nào đó; đối tượng bị cô chọn, sợ rằng hàng hóa của mình sẽ gặp rắc rối khi qua hải quan, sẽ trả tiền cho tờ báo để đổi lấy tin tức tích cực. Giá cả của những tin tức tốt được quyết định theo kiểu co giãn, cũng giống như giá quảng cáo vậy. Hai nghìn nhân dân tệ đổi lấy một nhận xét sơ qua, trong khi một chuyên đề dài có thể tiêu phí tới năm mươi nghìn. Đây là hình thức tổng tiền bằng báo chí, còn Xuân Minh hưởng hoa hồng và đã làm rất tốt. Sau đó cô làm việc hai năm ở bộ phận kinh doanh trong một công ty vật liệu xây dựng, rồi năm 2001, cô và người bạn trai đầu tiên của mình xây dựng một đường dây bán buôn vật liệu xây dựng. Dự án kinh doanh mạo hiểm này kéo dài sáu tháng, trong thời gian đó Xuân Minh đã mất hết toàn bộ khoản đầu tư một trăm nghìn nhân dân tệ - tất cả số tiền cô tiết kiệm được từ những ngày còn làm bán hàng trực tiếp, trừ đi số tiền cô đã chi ra để tân trang lại căn nhà cho gia đình. Khi tôi gặp cô, cô đã chuyển sang làm nhân viên kinh doanh ở một công ty của Thụy Điển chuyên sản xuất sơn và các vật liệu phủ ngoài khác cho các công trình.

Sự đảo lộn khốc liệt của vận may trong đời Xuân Minh phản ánh đặc tính bùng nổ của

miền Nam Trung Quốc. Nhưng có lẽ phần không thực nhất trong câu chuyện của cô chính là trong hoàn cảnh tàn khốc của thành thị ấy, cô vẫn kiên trì mong đợi một tình yêu - giống như người đàn ông kia đã từng nói: *để tìm ai đó yêu tôi, người tôi có thể yêu.*

Bạn trai đầu tiên của cô là lái xe ở công ty vật liệu xây dựng nơi cô làm việc. Mới đầu Xuân Minh không thích anh ta cho lắm, nhưng họ ở cạnh nhau khá nhiều và anh ta biết cách quyến rũ phụ nữ. Khi ấy cô đã hai mươi lăm tuổi, nhưng chưa ngủ với đàn ông bao giờ.

Chẳng bao lâu sau khi họ bắt đầu hẹn hò, Xuân Minh đã cảm nhận được anh ta không phải người dành cho mình. Anh ta thường xuyên vay mượn tiền của bố mẹ và không có khả năng làm việc chăm chỉ giống như cô. “Anh ta không thể làm được việc lớn và không muốn dính dấp đến những việc nhỏ nhặt.” Xuân Minh đã nói như thế. Đã hai lần khi họ cãi vã, anh ta đánh cô.

“Anh ta vung cánh tay lên thế này, tát mạnh vào mặt em,” Xuân Minh kể với tôi, khẹp chặt bàn tay lại, lòng bàn tay giơ lên để diễn tả. “Lần đầu tiên anh ta đánh em, em đã khóc rất nhiều. Anh ta hứa sẽ không bao giờ lặp lại hành động ấy nữa. Lần thứ hai anh ta đánh em, em không hề phản ứng gì. Em chỉ hết sức bình tĩnh. Tục ngữ có câu, gã đàn ông nào đã đánh ta một lần ắt sẽ đánh lần nữa. Giờ thì em biết câu ấy đúng rồi.” Đó là năm 2002, nhưng Xuân Minh vẫn ở với tay bạn trai kia một năm rưỡi nữa. Họ thuê chung một căn hộ ba phòng ngủ đối diện siêu thị Wal-Mart ở khu trung tâm Đông Quận.

“Lần nào em nói với anh ta rằng em muốn chia tay, anh ta cũng không trả lời, hoặc anh ta nói em chỉ đang đùa cợt với tình cảm của anh ta. Em không biết phải làm sao để bỏ anh ta được nữa,” Xuân Minh nói. “Em nói với anh ta rằng chúng ta nên chia tay, sau đó ở chỗ làm về nhà và anh ta đã ở đó rồi. Em không biết phải đi đâu.” Câu viện đến biện pháp gián tiếp, cô viết thư cho anh ta vào cuốn nhật ký của mình: *Lần này em thực sự đã quyết định rằng em phải chia tay với anh. Chúng ta không có tương lai.* Mực nhòe đi trên trang giấy vì cô khóc trong khi viết. Cô để cuốn nhật ký trên bếp, nhưng nếu anh ta có đọc nó, anh ta cũng không bao giờ để lộ ra.

Nhờ một người phụ nữ khác mà vấn đề được giải quyết. Một hôm có một người đàn bà ở quê bạn trai Xuân Minh gọi điện cho cô và cho cô biết họ đang có quan hệ. Xuân Minh thở phào nhẹ nhõm, khi cô nói với bạn trai cô rằng cô đã biết về người phụ nữ kia, anh ta liền gói ghém đồ đạc rồi ra đi không một lời biện hộ. Từ đó, cô chưa có một mối quan hệ nghiêm túc nào, dù có rất nhiều mối tình. Nhiều khi như vậy cũng đã đủ với cô; trong tương lai, khi cô kiếm được tiền, Xuân Minh mơ màng, cô sẽ có một căn hộ và một chiếc ô tô, những người tình sẽ đến bất cứ lúc nào cô muốn. Những lúc khác, những mối quan hệ tạm bợ ấy lại khiến cô thêm cô đơn: “Nếu bạn chỉ có người tình,” cô nói, “cảm giác giống như bạn luôn mãi lênh đênh trên biển và không bao giờ cập bến ấy.”

KẾ TOÁN VIÊN 25 TUỔI TÌM MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG QUẢNG ĐÔNG CÓ NGHỀ NGHIỆP, CÓ CĂN HỘ, BIẾT YÊU THƯƠNG VÀ CÓ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM.

Phụ nữ muốn một người đàn ông có nghề nghiệp tốt và thu nhập ổn định. Đàn ông muốn một phụ nữ còn trẻ và khỏe mạnh. Phụ nữ muốn đàn ông phải cao trên 1,7 mét và có căn hộ riêng. Đàn ông không quan tâm đến chiều cao hay bất động sản nhưng họ thích một phụ nữ tính tình nhã nhặn hiền lành hơn. Một số phụ nữ thích đàn ông người tỉnh Quảng Đông, vì anh ta sẽ mang đến lợi ích của người có hộ khẩu bản địa, trong khi những người khác lại cảm thấy một người đàn ông địa phương sẽ là gánh nặng đối với họ. Đàn ông không quan tâm đến chuyện hộ khẩu. Phụ nữ có nhiều yêu cầu hơn đàn ông rất nhiều.

Các thành viên Câu lạc bộ Kết bạn điền thông tin cá nhân và những gì họ muốn ở người bạn của mình lên những tấm phiếu. Trên thẻ liệt kê ra nghề nghiệp và tình trạng hôn nhân của thành viên, cùng với các chi tiết cá nhân như chiều cao, cân nặng và sức khỏe. Nó cũng bao gồm cả những đặc điểm mà chỉ xuất hiện khi đăng ký một dịch vụ mai mối của Trung Quốc, chẳng hạn như thành phần chính trị, quyền sở hữu nhà, và sức khỏe cũng như tình hình tài chính của các thành viên trong gia đình. Thành phần chính trị thể hiện một người có phải đảng viên Cộng sản hay không, ít thành viên có được vị trí cao như thế nên hầu hết đều chỉ đơn giản điền vào “quần chúng”. Tấm thẻ cũng đề cập đến vấn đề một người có phải nuôi dưỡng cha mẹ già hay các em hay không - những người không có gánh nặng ấy phải gắng sức lắm mới chỉ ra được rằng cha mẹ họ vẫn khỏe hoặc anh chị em họ đều đã trưởng thành.

Dán phía sau mỗi tấm thẻ là một bức ảnh. Phụ nữ mặc váy ren và đi giày cao gót làm dáng trong công viên hoặc ngồi trên những tảng đá lớn giữa hồ nhân tạo, trông như những nàng tiểu thư chờ được giải cứu; đàn ông thì mặc bộ com lê đứng trên triền đồi. Cả đàn ông và đàn bà đều chụp ảnh trước những khu căn hộ cao cấp mà chắc chắn là hầu như tất cả bọn họ không sống ở trong đó. Rất nhiều bức được chụp trong những tiệm ảnh ven đường, người chụp cố làm ra vẻ tự nhiên khi đứng trên một đoạn Vạn Lý Trường Thành giả hoặc bên dưới một cây phong giả hay bên cạnh một hàng rào mà tôi chưa từng thấy ở Trung Quốc. Một người đàn ông có ghi sở thích là khiêu vũ chụp một kiểu tạo dáng đang nhảy điệu disco trên nền một bức tranh quảng cáo vẽ cảnh thành phố của hãng McDonald's. Những tấm thẻ này được đóng thành các tập có thể tháo ra tùy theo giới tính và năm sinh. NỮ 78, NAM 77. Một tỷ lệ khá NỮ 71 và NỮ 72 đã ly dị và có một con. Những cô gái già nhất được xếp chung trong một tiêu đề lạnh lùng: NỮ TRÊN BỐN MƯƠI.

Hầu hết thành viên câu lạc bộ đều không tìm kiếm tình yêu. Họ không khao khát chờ mong những cuộc đi dạo trên bãi biển hay những chuyến đi bằng khinh khí cầu, mỗi

quan tâm hàng đầu của họ rất thực tế. MẠNH DẠN, DÁM NGHĨ DÁM LÀM. CÓ HOÀN CẢNH TÀI CHÍNH TỐT. CÓ CÔNG VIỆC VÀ THU NHẬP ỔN ĐỊNH. CÓ THỂ CHỊU KHÓ CHỊU KHỔ. Phụ nữ có ám ảnh đặc biệt với chiều cao: giống như ở chợ việc làm, vóc người là một dấu hiệu của chất lượng - một đảm bảo rằng người đàn ông đó khỏe mạnh, chắc chắn và may mắn. Mặc dù rất nhiều phụ nữ khẳng khẳng yêu cầu người đàn ông ít nhất phải cao trên mét bảy, cũng có một số ít chấp nhận mức một mét sáu lăm. Không ai muốn hẹn hò với một người đàn ông chỉ cao mét sáu cả.

Trên cái kệ cũng chỉ ra những lý do mà mỗi quan hệ trước đó đã trở nên tồi tệ. TÌM MỘT NGƯỜI 28 ĐẾN 34 TUỔI, TÍNH TÌNH CỎI MỎ, KHÔNG ĐÁNH BẠC. TÌM MỘT NGƯỜI CÓ GIÁO DỤC, KHÔNG NGHIỆN RƯỢU VÀ ĐÀN BÀ. Thịnh thoảng có một người phụ nữ dũng cảm đã tung hô tất cả: TÌM NGƯỜI TỪ 35 ĐẾN 45 TUỔI, PHẦN CÒN LẠI TÙY THEO SỐ PHẬN. Rất nhiều phụ nữ nhắc đến quyền sở hữu căn hộ như điều kiện tiên quyết của một cuộc hẹn hò. Đó là tính cách phổ biến của người Trung Quốc, nhiều khi rất thích liệt kê các bất động sản của mình ra, giống như mẫu quảng cáo trên một tờ tạp chí cho phụ nữ nông thôn này:

NAM GIỚI 27 TUỔI... ĐÃ LY DỊ, TÍNH TÌNH CỎI MỎ, THOẢI MÁI... SỞ HỮU MỘT CĂN NHÀ NGÓI NĂM BUỒNG NGỦ CÓ ĐỒ NỘI THẤT, CÁC ĐỒ GIA DỤNG HIỆN ĐẠI VÀ MỘT CHIẾC XE MÁY, ĐANG TÌM MỘT PHỤ NỮ LÀM BẠN ĐÒI.

Mỗi bận tâm với bất động sản không phải vì hám lợi như vẻ bề ngoài của nó thể hiện. Giống như chiều cao, quyền sở hữu căn hộ là dấu hiệu chứng tỏ rằng người đàn ông ấy có thể là chỗ dựa dẫm vào. “Phụ nữ không đòi hỏi những người rất giàu có,” một người đàn ông tên là Đường Ngạo, điều hành một trung tâm mai mối trong thành phố giải thích với tôi. “Họ chỉ muốn có sự đảm bảo nào đó.”

Tất cả những thành viên câu lạc bộ Kết bạn nói chuyện với tôi đều bất mãn với câu lạc bộ ở điểm nào đó. Các thành viên nam đều vô giáo dục và ở tầng lớp thấp, họ nói với tôi như thế. Đôi khi, những người đàn ông có vợ muốn tìm một mối quan hệ bất chính len vào bằng giấy tờ giả. Ban điều hành câu lạc bộ là “một đám bà nội gia,” Xuân Minh bảo. Nhưng mỗi lần tôi đến câu lạc bộ, thì vài thành viên câu lạc bộ vẫn ở đó, họ đang lần tìm trong tập NỮ 78 hoặc NAM 71.

Khi vươn lên trong thế giới này, Xuân Minh đã bỏ lại rất nhiều người phía sau mình. Bạn bè từ những ngày đầu ở đây chuyện sản xuất của cô đã về quê kết hôn, sinh con đẻ cái. Hầu như tất cả các nhà máy có điều kiện tốt hơn đều không nhận phụ nữ trên hai lăm tuổi làm công nhân bình thường, những phụ nữ lớn tuổi hơn thường đến làm việc ở những nhà máy nghèo nàn hoặc làm các công việc của người giúp việc như dọn dẹp nhà cửa. Đối với phụ nữ di trú, kết giao để vươn lên tầng lớp cao hơn là một phương cách để sinh tồn - cách tốt nhất để ở lại thành phố một khi tuổi trẻ đã qua đi.

Bạn bè của Xuân Minh, những người phụ nữ tuổi *cuối hăm đầu băm*, đều đã sống sót qua sự đào thải hàng loạt này. Hầu hết bọn họ, đều đến từ nông thôn giống cô, cũng có một số ít lớn lên ở thành phố và đi học đại học. Họ thường điều hành các nhà máy gia công một bộ phận rất nhỏ của cả một dây chuyền cung ứng khổng lồ kéo dài từ Đông Quán ra thế giới. Một phụ nữ cùng chồng sản xuất đỉnh tán kim loại để trang trí các túi xách, một cặp đôi khác lại sản xuất keo dùng để dính chặt gót vào phần trên của chiếc giày. Một phụ nữ hai mươi sáu tuổi đang điều hành một nhà máy sản xuất đế giày, còn một người khác chuyên về sàn gỗ, thêm một người nữa bán vật liệu xây dựng nhưng đang cân nhắc đến chuyện chuyển sang bán buôn đồ lót. Đối với Xuân Minh, mạng lưới những người bạn này chính là gia đình. Trong những chuyến công tác bán hàng, cô thường xuất hiện ở căn hộ của một người bạn mà không hề báo trước và ở lại trong mấy ngày liền; quần áo thay ra và kem đánh răng thừa của cô rải khắp cả vùng đồng bằng sông Châu Giang. Một lần khi tôi gặp Xuân Minh ở Thâm Quyển, đã năm ngày rồi cô không về nhà, nhưng trên người chỉ mang theo một cái xách nhỏ đủ chứa một thỏi son và chiếc điện thoại di động.

Thời gian trôi đối với những người như Xuân Minh chẳng khác gì nhìn vào một trong đám ảo ảnh thị giác hiện lên hai sự vật cùng một lúc. Ở thành phố, họ có vẻ như thuộc giai cấp trung lưu. Họ sở hữu căn hộ và xe hơi, hoặc đã lên kế hoạch mua chúng sớm. Họ tham gia các buổi tập lái xe và có những kỳ nghỉ, họ đi cắt sửa móng tay và ăn kiêng, đi học nhảy điệu Latin. Lúc nào họ cũng biết về nhà hàng thịt nướng Brazil mới nhất hoặc chỗ nào bán sữa chua ngon nhất. Vào những lúc khác, làng quê dường như đã gắn chặt vào ADN của họ và không thể xóa đi nổi. Căn hộ của những người này có thể được trang trí nội thất một cách trang nhã thẩm mỹ, nhưng trong buồng tắm thì luôn luôn có bệ xí xồm. Kiến thức y tế của họ là những tri thức dân gian học từ bà nội: để hồi phục sức khỏe sau cơn ốm họ hầm gà với sâm, khi thời tiết mát hơn, họ ăn canh phổi lợn để tránh mắc phải bệnh về đường hô hấp. Họ vẫn vượt qua những khoảng cách xa bằng xe buýt và tàu hỏa, hầu như chưa ai trong số họ từng lên máy bay. Truyền thống là thứ đầu tiên trong tâm trí những người này khi họ trở về nhà trong dịp Tết, che lấp khoảng cách họ đã đi trong nhiều năm.

XUÂN MINH HIẾM KHI NÓI VỀ những ngày đầu của cô ở nhà máy. Tôi không nghĩ rằng cô thấy xấu hổ vì nó, nói một cách chính xác - đúng hơn là cô gái từng làm việc ở dây chuyền lắp ráp đồ chơi, cô gái từng viết nhật ký và khó khăn vật vã học tiếng Quảng Đông, thuộc lòng cả mười ba quy tắc đạo đức của Benjamin Franklin, đã khác xa con người cô hiện nay trở thành. Cô vẫn làm việc không mệt mỏi để nâng tầm bản thân mình lên. Trên giá sách trong căn hộ cô ở hầu như toàn bộ là những cuốn sách dạng *self-help* (tự nỗ lực, dùng nguồn lực tự thân để hoàn thành mục tiêu): *Một trăm câu chuyện thành công* và *Chín chìa khóa lãnh đạo dẫn đến thành công của Mary Kay* cùng một loạt sách về nghi thức xã giao với tên sách bằng tiếng Anh như *Tone* và *Crass*. (Trong tất cả các cách

viết nhằm chữ *class*^[24], đây là cách tệ nhất.) Trên tường phòng khách là một tấm ảnh lớn rất đẹp chụp Xuân Minh, môi tô son hồng bóng nhoáng và cặp tóc đính đá quý trên tóc. Căn hộ là hình ảnh phản chiếu của tính cách cô - cẩn thận tinh tế, không ngừng tự xem xét nội tâm.

Mọi thứ đều là cơ hội học tập. Từ những bộ phim truyền hình dài tập Hàn Quốc, Xuân Minh học được rằng phải cầm nĩa bằng tay phải và thìa trong tay trái, nhưng nĩa lại ở tay trái khi có dao ở tay phải. Cũng ở trên phim truyền hình Hàn Quốc, cô đã nhìn thấy những hộp nhựa Tupperware đựng thức ăn lần đầu tiên. Một lần tôi đưa cho cô DVD của bộ phim *Roman Holiday*^[25] - cô đã hỏi xin tôi vài bộ phim Mỹ - và qua những sản phẩm giải trí của Hollywood cô đã đúc kết được một bài học đạo đức của những người theo chủ nghĩa Mác. “Nhà báo nghèo có thể kiếm được rất nhiều tiền nhờ câu chuyện về công chúa,” cô tổng kết lại cốt truyện với tôi. “Khi anh ta từ bỏ cơ hội để kiếm một khoản tiền lớn, giá trị đạo đức của anh ta tăng lên.” Cô không biết Audrey Hepburn là ai, nhưng dứt khoát nói rằng bà “không đẹp bằng Julia Roberts.”

Xuân Minh không bao giờ ngừng quan sát, ở một góc độ nào đó, cô cũng đang ghi chép về tôi theo cách mà tôi ghi chép về cô vậy. Lần đầu tiên chúng tôi hẹn gặp nhau, cô chọn địa điểm - Nhà hàng Cà phê phương Tây kiểu châu Âu - và gọi đúng những thứ tôi gọi, mì spaghetti Bologne. Cô để ý thấy tôi thường uống bia trong bữa tối, thế rồi một hôm cô bảo rằng mình đã tự tập uống riêng và giờ cô có thể uống một cốc với tôi. Cô hỏi tôi sao tôi lại thích món bíp tết của mình, đàn ông nước nào chu đáo nhất, rồi cả các bà mẹ người Mỹ nuôi dạy con mình thế nào nữa. Cô liên tục thử nghiệm một phiên bản mới của chính mình: nhuộm tóc, hoặc làm xoăn, hoặc ép thẳng. Quần áo cô lúc nào cũng rất hợp, tôi chưa bao giờ thấy cô mặc một bộ hai lần cả.

Trước khi tôi đến Đông Quán, hầu hết người Trung Quốc mà tôi quen đều thuộc về tầng lớp được giáo dục đầy đủ, và họ cảm nhận một cách sắc sảo những khác biệt giữa chúng tôi. Họ muốn biết xem tôi nghĩ mình là người Mỹ hay người Trung Quốc, họ luôn ngạc nhiên, thậm chí còn không hài lòng khi nhận ra tôi không thể đọc tiếng Trung Quốc một cách thông thạo, hoặc tôi hẹn hò với những người đàn ông Mỹ. Họ thuyết giáo với tôi về dân chủ và cuộc chiến tranh Iraq, cũng như sự bất lực của báo chí nước ngoài trong việc tìm hiểu Trung Quốc. Đất nước của họ đã trải qua 150 năm lệ thuộc vào phương Tây, đoạn lịch sử rắc rối này lúc nào cũng nổi lên giữa chúng tôi bất cứ khi nào chúng tôi nói chuyện. Đó là thế giới của ông nội tôi, của tất cả họ hàng gia đình tôi, thế giới mà nhiều người Trung Quốc vẫn còn sống trong ấy.

Xuân Minh và bạn bè cô không hề quan tâm chút nào đến chuyện đó. Họ không quan tâm đến chuyện tiếng Trung của tôi thật tồi tệ và tôi không biết tên của những nhà văn Trung Quốc nổi tiếng, họ không bao giờ hỏi xem quan điểm của tôi về dân chủ như thế nào. Họ sinh ra trong hoàn cảnh thiếu nhiều điều kiện thuận lợi nhưng đồng thời cũng

không có cả gánh nặng của đất nước đè lên những người được giáo dục đầy đủ, đặc biệt là đàn ông. Khi tôi gặp một trong những người bạn nam của Xuân Minh, những mối ưu tư này thường nổi rõ lên bề mặt. Có lần, một người bạn làm bác sĩ phẫu thuật của cô, tên anh ta là A Cường, hỏi tôi làm gì, tôi bảo anh ta mình đang viết một cuốn sách về những người phụ nữ di trú.

“*Nanfengchuang* (Nam phương song - cửa sổ phương Nam) có rất nhiều bài về vấn đề đó,” anh nhắc đến một tờ tạp chí tin tức của Trung Quốc. “Cô chỉ cần dùng lại các bài viết của họ và tiết kiệm cho mình được vô khối thời gian.”

Xuân Minh cười phá lên. “Những người khác nhau có cách nhìn của riêng họ,” cô nói. “Có thể chị ấy nhìn sự việc theo cách khác những người khác, đó mới là điều mà chị ấy muốn viết.”

Tôi cảm thấy mình muốn đứng phắt dậy và cổ vũ cô.

Xuân Minh quay sang phía tôi. “Đúng vậy không?”

“Đúng thế.”

A Cường vẫn khẳng khái. “Cô nên viết về những vấn đề của hiến pháp Trung Quốc,” anh ta nói với tôi. “Chúng ta có một hiến pháp tốt đẹp đến thế, nhưng khi xuống đến cơ quan chính quyền cấp thấp nhất, những công chức đã làm trái nó.”

“Điều đó quá xa vời với những gì chị ấy đang viết!” Xuân Minh cau kinh thốt lên. Cô lấy điện thoại di động ra và bắt đầu đọc tin nhắn, một dấu hiệu cho thấy cuộc đối thoại đã kết thúc.

Xuân Minh hiểu tôi một cách bản năng. Theo một ý nghĩa nào đó, cô cũng đang có những dự định giống với tôi: quan sát cuộc đời từ một góc nhìn khác và viết câu chuyện của riêng mình. Cô đã cất giữ tất cả những cuốn nhật ký từng viết từ khi rời nhà ra đi. “Một ngày nào đó, nếu tôi có tiền của, tôi sẽ viết,” cô nói với tôi. “Tôi sẽ chỉ viết về những thứ đơn giản nhất, bình dị nhất thôi.”

Một buổi tối Chủ nhật tháng Mười hai năm 2004, Xuân Minh mời tôi đến một nhà hàng Hồ Nam cùng các bạn cô: một y tá tên là A Ninh, có nước da rất trắng và chất giọng kim hấp dẫn, còn có hai chàng trai trẻ làm quản lý trong một nhà máy. Xuân Minh trông rất sành điệu trong chiếc áo len đen và quần kẻ ca rô ống rộng, cô mang một chiếc túi Fendi nhái. Hai người đàn ông mặc áo bảo hộ lao động của nhà máy.

Ngay khi tôi vừa ngồi xuống, một trong hai người đàn ông trẻ tuổi quay sang tôi hỏi. “Theo ý chị thì đâu là sự khác biệt giữa Kerry và Bush?”

“Anh ta đang cố làm chị nói ra chị bầu cho ai đấy,” Xuân Minh nói.

“Tôi bầu cho Kerry,” tôi miễn cưỡng nói. Tôi không thực sự muốn cuộc nói chuyện đi

theo chiều hướng này.

“Chị có nghĩ Trung Quốc đã sẵn sàng cho dân chủ không?” Anh ta hỏi. Anh ta không nghĩ như vậy. “Nếu chúng tôi có thể bầu cử,” anh ta nói tiếp, “tôi sẽ bầu cho Tưởng Giới Thạch. Tôi nghĩ ông ta là một nhà lãnh đạo giỏi.” Tiếp sau đó là: “Chị cảm thấy mình Trung Quốc hơn hay Mỹ hơn không?”

Ba chai bia Thanh Đảo xuất hiện trên bàn ăn. Người đối thoại với tôi tỏ ra thích thú rõ rệt: điều duy nhất hay hơn đồn ép tôi với chính trị là đồn ép tôi với cả bia lẫn chính trị. “Tôi nay phải say đây nhé,” anh ta tuyên bố.

Xuân Minh lên tiếng giải vây cho tôi. “Tôi nghĩ cứ ép uống nhau uống thì thật ngu ngốc,” cô nói.

A Ninh nhanh chóng đổi chủ đề câu chuyện. Cô vừa mới đăng ký tham gia một lớp nhảy hiện đại ở câu lạc bộ sức khỏe.

“Tôi cũng muốn học nhảy!” Xuân Minh nói. “Tôi muốn học điệu cha cha cha.”

“Tôi muốn học yoga,” A Ninh lại nói.

Nói đoạn, cô quay sang tôi. “Chị có biết pha đồ uống không?”

“Đồ uống loại gì?” Tôi hỏi.

“Kiểu như cocktail ấy,” cô nói.

Tôi nói mình chỉ biết vài loại cơ bản.

“Tôi thực sự muốn học cách pha chế đồ uống,” A Ninh nói. “Thậm chí tôi sẽ làm việc không công ở một quán bar chỉ để học thôi.”

“Vừa mới rồi tôi đi dự tiệc với khách hàng ở một khách sạn,” Xuân Minh nói. “Có nhiều người nước ngoài ở đấy lắm, và chúng tôi uống rượu ngâm lạnh trong ly. Tôi cầm ly rượu ở phần trên, nhưng có người bảo tôi rằng ta phải cầm nó ở dưới chân.” Đôi mắt cô mở to, theo cách chúng vẫn thế khi cô ngạc nhiên hay hứng thú về điều gì đó. “Thật là nhiều quy tắc! Nhưng học các thứ ấy cũng hay, vì trong đời thế nào chẳng có lúc ta phải tham gia các bữa tiệc kiểu thế chứ.”

Chàng trai trẻ cố gắng trở lại cuộc nói chuyện bằng cách hỏi Xuân Minh làm việc gì. “Công ty tôi là công ty có vốn đầu tư nước ngoài,” cô nhặt giọng nói. Tôi không nghĩ cả hai người đàn ông nói thêm tiếng nào suốt nửa sau của bữa ăn. Sau khi ăn xong, Xuân Minh và A Ninh đẩy cả hai người bọn họ vào một chiếc taxi. Họ sống ở một khu vực xa trung tâm thành phố, điều này có nghĩa là phải ngồi xe mất một tiếng mới về đến nhà.

Chúng tôi bắt một chiếc taxi khác để đến xem một câu lạc bộ sức khỏe có tổ chức lớp dạy yoga. Xuân Minh ngả người ra sau ghế và thở hắt ra một tiếng. Anh chàng đó là người cùng quê Hồ Nam với cô, Xuân Minh kể với tôi, anh ta được một người bạn muốn ghép đôi cho họ giới thiệu. Anh chàng này đã gọi điện cho cô buổi chiều hôm đó và nói

anh ta chỉ ở thành phố một ngày. “Anh ta cùng huyện với tôi, nếu không tôi đã chẳng mời anh ta đi ăn tối,” cô nói.

“Anh ta thật trẻ con!” A Ninh lên tiếng.

“Anh ta không chấp nhận được,” Xuân Minh đồng tình. “Anh ta chẳng biết nói cái gì. Và lại còn nhỏ hơn tôi ba tuổi nữa chứ.”

Tôi không nói gì hết - lúc đó tôi cảm thấy hơi tiếc cho chàng trai kia. Đồng thời tôi cũng nhận ra rằng tôi vừa mới lần đầu tiên tham gia một cuộc hẹn hò sắp đặt kiểu Trung Quốc.

Ở CÂU LẠC BỘ SỨC KHỎE, lớp dạy nhảy đã kết thúc, lớp yoga chỉ có hai buổi một tuần và không có huấn luyện viên nào ở đó. A Ninh bỗng nhiên nhận ra chúng tôi đang ở gần câu lạc bộ Kết bạn. “Không hiểu tối nay có hoạt động gì không nhỉ. Đi xem nào!” Chúng tôi đi dọc xuống phố và lên cầu thang để vào câu lạc bộ. Phòng chính vắng hiu vắng hắt: không có hoạt động kết bạn nào tối nay cả. Xuân Minh và A Ninh ngồi xuống và bắt đầu lật qua những gáy bìa của các thành viên nam trong câu lạc bộ. “Có bao nhiêu là phụ nữ đẹp, vậy mà hãy nhìn đám đàn ông này đi!” Xuân Minh thốt lên.

Cô lật rất nhanh. “Tôi nhìn ảnh trước,” cô nói. “Chị không thể chỉ nhìn ảnh mà bảo người nào tốt ở điểm nào. Nhưng ảnh rất hữu ích để lọc ra những người thực sự tệ hại.” Cô chỉ vào một người đàn ông béo lùn với gương mặt khắc khổ bất hạnh, đứng bên cạnh một hàng rào giả. “Chỉ có những người ở tầng lớp thấp nhất mới vẫn còn chụp ảnh trong hiệu. Cái kiểu như vậy tôi làm từ mười năm trước rồi! Chụp ảnh trong công viên hay ở khung cảnh thiên nhiên đẹp hơn nhiều.”

Có vẻ như A Ninh đã hẹn hò với một tỷ lệ đáng kể các thành viên nam trong câu lạc bộ. Cô chỉ cho tôi tấm ảnh một người đàn ông dựa lưng vào cái cây. “Anh ta trông có vẻ cao ráo, nhưng thực ra không phải vậy đâu. Chẳng qua chỉ vì anh ta đứng bên cạnh cái cây này thôi.”

Cô lật qua một tấm ảnh khác. “Thằng cha này trông mặt thì có vẻ tử tế, nhưng thực ra anh ta chẳng tốt đẹp gì đâu.”

Lật. “Ông này bốn mươi tám tuổi rồi. Tôi bảo ông ta: kể cả cháu chấp nhận được chứ thì bố mẹ cháu cũng không chịu đâu.”

Lật. “Người này có vấn đề tâm lý đấy.”

A Ninh vừa mới ly dị nên rất hăng hái tìm bạn trai. Cô đã hẹn hò với hơn hai mươi người đàn ông trong câu lạc bộ và có lần còn đi tới bốn cuộc hẹn hò do người khác sắp xếp trong cùng một ngày. “Tôi gặp một gã nói gã ta sống rất hạnh phúc trong căn phòng tám mét vuông đi thuê,” A Ninh kể với tôi. “Tôi nói: Ồ, thật hả? Anh sống hạnh phúc trong căn phòng tám mét vuông của anh à?” Một cuộc hẹn được sắp xếp với một thầy giáo cũng thất bại nặng nề. “Khi anh ta nhai xong kẹo cao su, anh ta nghịch nó trên mấy

ngón tay. Tôi không thể chấp nhận nổi. Người này là một thầy giáo! Anh ta dạy lũ trẻ con cơ mà!”

“Mỗi lần sau khi gặp một gã như thế,” A Ninh thốt lên, “Tôi thấy mình muốn khóc.”

“Sau khi gặp một tên như thế,” Xuân Minh nói, “Tôi thấy buồn nôn.” Cô nhặt một tấm bìa lên - NỮ 74 - cho tôi xem ảnh của cô. Một tấm ảnh đen trắng theo kiểu hơi mờ mờ rất tinh tế chụp Xuân Minh trông rất nữ tính với mái tóc tía - có lẽ là quá tinh tế, vì chỉ có hai người đàn ông gọi điện cho cô sau khi xem ảnh. Điều kiện ban đầu cô đặt ra cho bạn đời của mình là: TỬ TẾ, TRUNG THỰC, HÀI HƯỚC, CÓ CĂN HỘ. Cô là người duy nhất tôi thấy có nhắc đến tính hài hước.

“Căn hộ không phải là yêu cầu tuyệt đối,” cô nói. “Chúng tôi có thể mua chung một căn hộ. Tôi chỉ có ý rằng tôi sẽ thích hơn nếu anh ta có một căn hộ.” Nhưng cô tuyệt đối không hẹn hò với ai thấp hơn một mét bảy, vì một người đàn ông thấp không đem lại cho cô cảm giác an toàn.

SAU KHI CHÚNG TÔI RỜI CÂU LẠC BỘ, A Ninh kể chi tiết hơn về người đàn ông mắc bệnh tâm thần. “Tôi hẹn hò với gã ta một lần và gã kể với tôi mình đã phải vào viện hai tuần vì có xu hướng tự tử,” cô nói. “Đầu tiên tôi có cảm giác mình nên giúp gã, vì tôi là một y tá. Nhưng sau đó tôi quyết định mình không nên dính vào chuyện này.”

Người đàn ông đó vẫn tiếp tục gửi tin nhắn vào điện thoại di động của cô những lúc rảnh rỗi. “Tôi thực sự không hiểu tại sao một người mắc bệnh tâm thần lại có thể là giám đốc tài chính của một khách sạn năm sao được,” A Ninh nói.

“Gã nói dối cậu đấy, thế thôi,” Xuân Minh nói.

Chúng tôi đi vào tiệm sữa chua đá TCBY, ở đây Xuân Minh bắn khoản mãi rồi cuối cùng mới quyết định gọi một món mứt trộn sữa chua đá với bánh kem việt quất. Cô chỉ cho A Ninh rằng, người đang có kinh không được ăn thứ gì lạnh, vì vậy bạn cô đã gọi một cốc sữa dâu nóng. Nó có màu hồng của hóa chất, trông giống như chất thải công nghiệp vậy.

Chuyến thăm câu lạc bộ Kết bạn cũng không phải vô ích. Cuối tuần này có một hoạt động mới gọi là Hẹn hò Tám phút, A Ninh giải thích những gì cô đã nghe được về kiểu hẹn hò cấp tốc này. Xuân Minh rất hứng thú tham gia. Cô thích thử nghiệm những thứ mới và là người lạc quan từ trong bản tính. Những phẩm chất ấy đã giúp cô trụ vững ở Đông Quân, cho dù chúng là điều may mà cũng không may khi hẹn hò.

“Vấn đề là,” A Ninh nói, “đôi khi tám phút cũng là quá lâu.”

Cuộc sống trong thành phố thay đổi những gì người phụ nữ trẻ đến từ nông thôn mong đợi ở hôn nhân. Những cuộc điều tra cho thấy di trú khiến phụ nữ nông thôn có

nhều khả năng tự gặp người chồng của mình hơn, kết hôn muộn hơn, muốn có ít con hơn, sinh nở trong bệnh viện, tìm kiếm sự bình đẳng trong hôn nhân, và coi ly dị như một lựa chọn có thể chấp nhận được. Hơn 60% phụ nữ di trú trong một cuộc điều tra đã chỉ ra cả “xây dựng một gia đình hạnh phúc” và “có đồng bạn trong nỗ lực xây dựng sự nghiệp” là mục đích của hôn nhân, trong khi ít hơn 10% chọn “có ai đó để dựa dẫm trong đời”.

Trong xã hội truyền thống, một phụ nữ trẻ sẽ sống với gia đình nhà chồng sau khi cô kết hôn và phục tùng các quy tắc của mẹ chồng. Cô sẽ sinh con trong gia đình nhà bố mẹ chồng, tượng trưng cho quyền sở hữu của gia đình chồng với đứa bé. Nhưng sự di trú đã giải phóng thế hệ trẻ hơn khỏi những nghĩa vụ ấy: các cặp vợ chồng ở thành phố thường tự chi trả cho đám cưới của mình, một phụ nữ di trú thường sẽ tạm trở về nhà mình khi sắp sinh nở hơn là nhà của gia đình chồng cô.

Trong một thời gian dài, các học giả tin rằng phần lớn phụ nữ di trú cuối cùng cũng trở về làng quê của mình để kết hôn, sinh con để cái và làm việc trên đồng ruộng. Rất nhiều người di trú trong những năm 1980 và 1990 đã đi theo con đường này, nhưng vận mệnh của lớp người di trú mới hơn đang thay đổi. Nhiều phụ nữ trẻ đang kết hôn với những người di trú khác và xây dựng gia đình ở những thành phố thu dưỡng họ. Nếu họ có trở về tỉnh nhà, họ thường chuyển đến một thành phố cấp tỉnh hơn là trở về ngôi làng nơi họ sinh ra. Và hôn nhân không nhất thiết đánh dấu sự chấm dứt cuộc đời di trú: các cặp vợ chồng trẻ thường trở về quê làm đám cưới rồi lại cùng nhau ra đi.

Thời gian ở chung với Xuân Minh và các bạn cô đã thuyết phục tôi rằng hiểu biết từ trước đến nay - hầu hết phụ nữ di trú cuối cùng cũng trở về với đồng ruộng - là sai sót. Mọi người trong nhóm họ đều đã xa quê nhiều năm, sự thực rõ ràng là họ sẽ không bao giờ trở về đó. Nhưng vì việc đổi hộ khẩu rất rắc rối và đắt đỏ, nên họ cũng không được coi là cư dân Đông Quán. Các học giả nghiên cứu những người di trú trở về thực hiện điều tra ở các làng quê nông thôn, nơi họ chỉ có thể kết luận rằng, một người giống như Xuân Minh đang tạm thời vắng nhà. Họ không thể thấy rằng cô đã định cư ở một nơi nào đó khác.

Xuân Minh đã có hai cuộc hẹn hò ở câu lạc bộ Kết bạn. Lần đầu tiên, một người đàn ông đi taxi từ phía bên kia thành phố Đông Quán tới. Cô đi xuống để gặp anh ta trên vỉa hè bên ngoài khu căn hộ của mình. Họ nhìn nhau một lúc lâu.

“Chào em,” anh ta nói.

“Chào anh,” cô đáp.

“Anh thấy em thật xinh đẹp,” anh ta nói.

“Chỉ là bạn thôi nhé,” cô nói. Chiếc taxi vẫn chưa đi, vậy là người đàn ông trở lại trong

xe và đi mất hút.

Cuộc hẹn thứ hai diễn ra ở một nhà hàng sữa đậu nành gần căn hộ của Xuân Minh. Người đàn ông bị lạc và đến muộn nửa tiếng, vì vậy cô bắt đầu ăn một mình. Đã chín giờ sáng. Khi đối tượng hẹn hò của Xuân Minh xuất hiện, anh ta lấy làm khó chịu vì Xuân Minh đã bắt đầu ăn mà không có anh ta. Anh ta cố giành quyền ra lệnh và gọi cho cô một bát xúp, nhưng cô đã từ chối.

“Anh ta gọi xúp nóng và sữa đậu nành lạnh,” Xuân Minh kể với tôi. “Chị có tưởng tượng được không? Một chất lỏng nóng và một chất lỏng lạnh: đây là bữa sáng của anh ta đấy.”

Sau màn dinh dưỡng bằng chất lỏng, tay kia đề nghị họ đi dạo cùng nhau. “Chín giờ sáng và anh ta muốn đi dạo bộ!”

Xuân Minh bảo anh ta rằng cô phải làm mấy việc, nhưng tay kia không hiểu ẩn ý. “Cứ chỉ là bạn thôi đã nhé,” Xuân Minh nói. Cuối cùng anh ta cũng hiểu ra. Sau vụ đó Xuân Minh đã bỏ cuộc ở câu lạc bộ Kết bạn. Cô đặt niềm tin nhiều hơn vào chuyện gặp gỡ qua mạng Internet, phương thức mà cô tin rằng sẽ đưa đến những người đàn ông ở tầng lớp cao hơn.

Một hôm khi tôi đến thăm căn hộ của cô, Xuân Minh cho tôi xem dịch vụ chat QQ hoạt động như thế nào. Khi bạn vào mạng, bạn có thể kéo xuống một danh sách tất cả những người đang trên mạng trong lúc đó, chọn ra những đặc điểm như quê ở tỉnh nào, hộ khẩu thành phố nào, tuổi tác và giới tính. Cô cảnh báo tôi rằng người ta nói rất nhiều về sex. “Có những thứ chúng tôi không thể nói trong thế giới thực,” cô giải thích, “vì vậy chúng tôi nói chúng ra ở trên mạng.”

Cô lên mạng được vài phút thì có một người đàn ông tiếp cận. Anh ta là bạn của một người bạn và đã được giới thiệu cho cô như một người có tiềm năng làm bạn trai.

Anh đang làm việc à?

Phải, còn em?

Không, em ở nhà.

Em ở đâu?

Đối phương là một nhân viên quy hoạch đô thị ở Đông Quán, quê ở tỉnh Sơn Đông. Anh ta hai mươi bảy tuổi, nhỏ hơn Xuân Minh ba tuổi, tuy vậy cô đã nói dối là cô hai mươi lăm tuổi. Cuộc trò chuyện nhanh chóng tiến tới bước bật webcam lên để hai người có thể nhìn thấy nhau. Chàng trai trẻ trông có vẻ nghiêm túc và đậm người, đeo kính.

Xin lỗi, anh hơi xấu xí. Em có sợ không?

Xuân Minh quay sang phía tôi. “Có vẻ anh ta là người thành thật.”

Không hề, cô nói. Em nghĩ anh ổn mà.

Em kết hôn chưa? Em có bạn trai không?

Không.

À, vậy là em hơi thủ cựu đúng không?

Không, em không thủ cựu, nhưng em thuộc típ người truyền thống

Về cái gì?

Cô dựa người vào ghế, nhìn tôi, lẩm bẩm tự nói một mình. “Về cái gì?”

Chàng trai đã hết kiên nhẫn. *Sex?* Cuộc đối thoại thường ngắc ngứ ở chỗ cô, anh chàng kia gõ nhanh hơn Xuân Minh rất nhiều. Những người được giáo dục biết cách gõ máy tính, còn Xuân Minh thì chỉ được học một ít ở trường chính quy.

Không, không phải về sex. Cô viết. Kỳ thực, em lên mạng là để tìm một người bạn trai.

Tại sao mục đích cứ phải là hôn nhân?

Không nhất thiết phải thế. Gặp gỡ bạn bè cũng tốt.

Em có thể chấp nhận đến mức nào? Anh ta hỏi cô có làm tình với một người đàn ông chỉ là bạn bè bình thường thôi không, Xuân Minh giải thích cho tôi.

Bao giờ chúng ta có thể gặp nhau nhỉ? Sau giờ làm việc thì anh rảnh.

“Ồ không!” Cô rú lên. “Anh ta muốn gặp em!”

Tối hôm ấy, Xuân Minh gặp anh chàng đó. Sau đó cô kể với tôi rằng anh ta có vẻ là người tốt và có một công việc tốt. Nhưng anh ta rất xấu trai, bụng phệ và có một nốt ruồi ở ngay dưới mũi. Mấy tháng sau đó, cô cứ trượt qua trượt lại giữa những quan điểm mâu thuẫn. Anh ta rất xấu trai. Anh ta đi học ở trường danh tiếng. Anh ta trưởng thành hơn so với tuổi. Anh ta rất xấu trai. Cô đã cùng anh chàng đó đi mua một chiếc sofa cho căn hộ của anh ta. Cô ngủ với anh ta một lần, nhưng không thể khiến mình bắt đầu một mối quan hệ thực sự với đối phương. “Hầu hết các cuộc hôn nhân của người Trung Quốc đều không dựa trên tình yêu,” cô nói. “Có lẽ em cũng sẽ có một cuộc hôn nhân như thế. Nhưng em chỉ chưa sẵn sàng để thỏa hiệp với nó thôi.”

Đông Quán không chỉ là một nơi cho các phụ nữ trẻ thay đổi vận mệnh. Những phụ nữ lớn tuổi hơn cũng xem thành phố này như là một nơi để xác định lại mình. Một hôm nọ tôi ghé thăm một trung tâm dịch vụ hẹn hò tên là Công ty hoạch định số phận Thành phố Đông Quán. Câu lạc bộ nhỏ hơn câu lạc bộ Kết bạn và tự nhận là có chọn lọc hơn. Thành viên buộc phải tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc kiếm được ít nhất hai nghìn nhân dân tệ một tháng. Tôi gặp giám đốc điều hành của công ty và hai nữ trợ lý của anh ta, một trải nghiệm không thể chịu nổi bao gồm việc cả ba người bọn họ liên tục nói tranh nhau trong khi điện thoại di động của cả ba thì không ngừng rung chuông. Một trong hai trợ lý trẻ và nói năng thỏ thẻ; người kia, Hạng Dương, là một phụ nữ trung niên to lớn

đường bệ, gương mặt đỏ và cái mũi da với những chiếc lông trông có vẻ đậm chất gây hấn. Cả hai phụ nữ đều độc thân, và có vẻ như họ làm việc ở công ty này một phần là để tăng triển vọng hôn nhân của mình lên.

Tay giám đốc điều hành có kế hoạch xây dựng những văn phòng kết đôi ở khắp thành phố dựa trên mô hình nhượng quyền (franchise). Nhưng từ danh thiếp của anh ta, tôi nhận ra rằng anh ta cũng đang chơi trò đặt cược nhiều cửa.

QUY HOẠCH TỔNG HỢP

KINH DOANH DU LỊCH

QUY HOẠCH BẤT ĐỘNG SẢN

GIA SƯ VÀ QUẢN GIA

ĐẠI LÝ CẤP PHÉP

THIẾT KẾ SÁNG TẠO

ĐÀO TẠO NGHỆ THUẬT

CÔNG TY MARKETING

ĐẠI LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

KIỂM TRA TÀI SẢN THƯỜNG NIÊN

CIS INPUT

NGHI LỄ VÀ KỶ NIỆM

SĂN ĐẦU NGƯỜI

TƯ VẤN LUẬT

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TƯ VẤN QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH ĐÁM CƯỚI

TRUNG TÂM GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

THÁM TỬ DÂN SỰ

KIỂM TOÁN THUẾ

Khi chúng tôi đang nói chuyện, một người đàn bà tuổi trung niên từ ngoài phố bước vào để hỏi về dịch vụ của câu lạc bộ. Chị ta có gương mặt dài khá đẹp, trên mình mặc một chiếc áo khoác đen nhã nhặn cùng chiếc quần rất hợp. Hạng Dương đề nghị đưa cả hai chúng tôi xuống phố để xem các trung tâm hoạt động của câu lạc bộ. Lúc rời khỏi văn phòng, tôi để ý thấy cửa sổ phía trước của nó dán đầy những mẫu thông tin nhà đất.

Tên người đàn bà trung niên kia là Tôn Thúy Bình, quê chị ở tỉnh An Huy. Chị đã bị

tạm thôi việc ở một cửa hàng bách hóa, rồi sau đó ly dị chồng khi phát hiện ra anh ta đang ngoại tình. Bạn bè ở Đông Quán thúc giục chị lên thành phố - chị đã ở đây được hai mươi ngày rồi.

“Chị rất dũng cảm,” tôi nói với chị Tôn. Tôi hết sức sửng sốt khi biết một người đàn bà cả đời bị đảo lộn bởi một kẻ phá hoại tổ ấm đã lựa chọn đến Đông Quán, thành phố nổi tiếng với số lượng gái bao và gái ở các quán karaoke.

“Cô nên viết về cuộc sống của những người phụ nữ trung niên nữa,” Hạng Dương khuyên tôi. “Mọi thứ đều rất khó khăn với chúng tôi. Tôi vừa mới gặp chị Tôn, và chỉ biết một phần câu chuyện của chị ấy. Nhưng tôi biết chị ấy đã phải chịu đựng nỗi đau.”

Hạng Dương vẫn nói khi tôi nhận ra chị Tôn đang khóc. Chị đứng đờ đẫn giữa vỉa hè và ngoảnh mặt đi nên chúng tôi không nhìn rõ gương mặt chị. Sự biểu lộ cảm xúc của những người Trung Quốc luôn làm tôi thấy bất ngờ: người ta tự kiềm chế bản thân một cách hoàn hảo cho đến khoảnh khắc họ bắt đầu khóc nức lên ngoài đường phố giữa ban ngày ban mặt. Chị Tôn lục lọi mãi trong túi xách, tôi đưa cho chị một cái khăn giấy. “Hãy dành cho mình một chút thời gian,” tôi ấp úng nói nhỏ một câu an ủi chung chung. “Cứ từ tốn chấp nhận sự việc.”

Chúng tôi tiếp tục bước đi. Hạng Dương im lặng một cách thiếu tự nhiên, nhưng giờ chị ta lại bắt đầu nói tiếp như thể chị Tôn thậm chí còn không hiện hữu ở đó vậy. “Chị Tôn thuộc thế hệ sinh vào những năm 60,” chị ta nói. “Chị ấy ưa nhìn, cao ráo, lại có năng lực. Nhưng xã hội lại bảo với chị ấy rằng nó không cần chị ấy. Chị ấy từng có thời là một cô gái xinh đẹp, nhưng giờ chị ấy đã đến độ tuổi nhất định. Chị ấy không thể tránh có tóc bạc. Chị ấy không thể giấu đi những nếp nhăn.”

Chị ta tiếp tục cảm hứng diễn thuyết của mình, đem chị Tôn ra làm vật hy sinh ngay trước mắt chúng tôi. Tôi hết sức bất nhẫn với sự nhẫn tâm của chị ta, nhưng khi tôi liếc nhìn chị Tôn, tôi thấy chị đang lặng lẽ gật đầu đồng tình. “Rất nhiều bạn bè ở tuổi tôi đang làm thủ tục ly dị,” chị Tôn nói.

“Đáng lẽ chuyện ấy phải xảy ra sớm hơn mới đúng!” Hạng Dương bất thành linh thốt lên.

“Đây là giai đoạn người đàn ông bắt đầu thoải mái hơn về mặt tài chính, và có rất nhiều hoạt động dành cho anh ta,” chị Tôn tiếp tục. “Anh ta đến khách sạn, ở đó có các cô gái trẻ. Anh ta đến phòng tắm hơi, ở đó có các cô gái trẻ. Rồi anh ta vào tiệm cắt tóc, ở đó cũng có các cô gái trẻ nốt.”

“Trong xã hội ngày nay, tình hình tài chính của đàn ông đang dần cải thiện nhưng đạo đức của họ thì ngày một tệ đi,” Hạng Dương đồng tình. “Chúng ta phải dẫn hướng cho xã hội giúp đỡ những phụ nữ tuổi trung niên như chị Tôn đây.”

Chúng tôi đến trung tâm hoạt động, ở đây có máy tập thể dục, bàn chơi mạt chược, và

một phòng đọc sách. Hạng Dương vẫn tiếp tục cơn hứng nói không ngừng nghỉ của chị ta. “Đây là khoảng thời gian cực kỳ quyết định,” chị ta nói. “Nếu chị Tôn không hồi phục bây giờ, có thể chị ấy sẽ giống như đám rong biển, cứ lênh đênh mãi trên biển thôi.”

Tôi không trả lời chị ta - tôi bắt đầu có ý tưởng khá hay về lý do tại sao chị ta vẫn còn độc thân. Tôi sẽ thích ở bên cạnh chị Tôn lâu hơn, nếu không có những lời giải thích bình luận ấy; thật không thể nào chịu nổi khi nhìn một phụ nữ khóc trong khi một người khác so sánh chị ta với rong biển. Chị Tôn cho tôi số điện thoại di động của chị ở Đông Quán để chúng tôi có thể hẹn gặp nhau vào một ngày khác. Khi trở về căn hộ của mình, tôi có cảm giác như thể vừa trải qua một trải nghiệm đau lòng - như thể tôi mới là người khóc òa lên trên vỉa hè vậy.

Cả mấy tháng sau đó, tôi đã gọi vào số của chị Tôn rất nhiều lần, nhưng nó đã bị khóa mạng. Tôi không bao giờ biết được chị có tìm được thứ chị đang tìm kiếm ở Đông Quán hay không, bất kể đó là thứ gì.

Đông Quán là thủ đô mại dâm của Trung Quốc. Chuyện làm ăn và mại dâm đi sánh đôi với nhau, một tối đi giao thiệp với đối tác hoặc khách hàng thường kết thúc ở một trong rất nhiều quán karaoke, phòng massage, tiệm cắt tóc, hoặc nhà tắm hơi của thành phố, mà tất cả những nơi đó đều là bình phong che chắn cho dịch vụ mại dâm. Những khách hàng thường xuyên nhất của ngành công nghiệp này dường như là các ông chủ nhà máy từ Hồng Kông và Đài Loan - những người có tiền nhưng lại sống xa vợ. Tất cả bạn bè nam giới của tôi tại Bắc Kinh đều biết về tiếng tăm của Đông Quán, những người đã đến đây đều nhận được lời đề nghị ngay ở sảnh khách sạn và bị gọi điện thoại lên phòng vào giữa đêm: “Ông có muốn massage không?” Tôi lấy làm tò mò về thế giới này, nhưng tôi cần một người đàn ông để thâm nhập vào trong đó.

Tôi biết một người Mỹ tên là Ben Schwall sống trong thành phố. Anh ta có mái tóc vàng cắt cua và thân hình vạm vỡ của một vận động viên bóng bầu dục (rugby), và từng kinh doanh kim cương ở Đài Loan. Giờ anh đang ở Đông Quán điều hành một nhóm các công ty bán hệ thống an ninh, thiết bị chiếu sáng, và chắc chắn là, cả điện thoại di động nữa. Tôi gọi điện cho anh hỏi xem anh có thể giới thiệu cho tôi những cô gái ở quán karaoke có bán dâm hay không. Ben đã làm ăn ở Trung Quốc một thời gian và anh nhận lời đề nghị này ngay lập tức, anh tổ chức một buổi chơi tối với người bạn làm ăn ở đây. “Mấy thằng cha này hơi thô bỉ đấy nhé,” anh cảnh báo tôi.

Bạn của Ben đón chúng tôi trong một chiếc minivan Honda tám chỗ mới tinh. 280.000 nhân dân tệ, anh ta nói khi chúng tôi trèo vào xe, anh ta có một chiếc khác nữa cũng giống thế này, một chiếc BMW.

Anh ta hỏi Ben: “Cô ấy là vợ anh à?”

“Không, chúng tôi chỉ là bạn thôi.”

“*Vậy thì tôi có cơ hội rồi.*” Anh ta cười phá lên. Anh ta tên là Công Diệu Bồi, nhưng mọi người đều gọi anh ta là *Lao Gong (Lão Công)*, Công già, đồng thời cũng là một từ thường dùng để chỉ người chồng. Anh ta khoảng năm mươi tuổi, gương mặt tiêu tụy và đôi mắt mệt mỏi, giống như hầu hết những doanh nhân Trung Quốc mà tôi biết. Thậm chí anh ta trông còn mệt mỏi hơn khi cười.

Tôi hỏi Lão Công xem anh ta làm gì. Anh ta trả lời lấp ba lấp bắp, thứ gì đó về các thiết bị đo lường khoa học được các thanh tra y tế sử dụng để kiểm tra vi khuẩn trong thực phẩm.

“Sao anh lại tham gia vào một công việc kinh doanh đặc thù như vậy?” Tôi hỏi. Anh ta không trả lời trực tiếp. Thay vào đó anh ta nói trước đây anh ta bán thiết bị hồng ngoại cho những người đo đạc địa chính để đo đếm khoảng cách. Các doanh nghiệp Trung Quốc chẳng là gì cả nếu không giỏi đầu cơ, và rất nhiều doanh nghiệp tham gia vào một chuỗi những công việc kinh doanh đặc biệt và hoàn toàn không hề liên quan. Bạn cùng lớp của một người bạn Trung Quốc của tôi điều hành nhà hàng, một chuỗi cửa hàng thuốc và một trường dạy tiếng Anh.

Lão Công đưa chúng tôi đến một nhà hàng Nhật Bản rộng tám nghìn mét vuông, đó có lẽ cũng là điểm đặc sắc nhất của nhà hàng. Nơi này thật nguy nga tráng lệ: thảm nhung đỏ dài cả dặm, những bụi tre giả, những bể nước khổng lồ chứa tôm hùm và bào ngư. Các cô phục vụ ào tới chỗ Lão Công và bước đi giật lùi trước mặt anh ta, như những triều thần sợ quay lưng họ lại với hoàng đế. Hóa ra Lão Công còn sở hữu một công việc kinh doanh khác cũng không liên quan gì nữa - thiết kế nội thất - và nhà hàng này nợ tiền anh ta. “Vì vậy tôi ăn uống miễn phí,” Lão Công nói, “càng nhiều càng tốt.” Anh ta dẫn chúng tôi đi qua một mê cung những hành lang, thi thoảng lại xuất hiện những cánh cửa mở rộng. Tôi liếc vào những căn phòng riêng rộng bằng cả nhà hàng, một cái bàn rộng mênh mông đủ cho cả một đại đội ngồi ăn sushi. “Anh ta là vua của Đông Quán,” Ben kinh ngạc thốt ra.

Chúng tôi tham gia bữa tối với một doanh nhân khác có gương mặt nhăn nheo, hòa nhã và đôi mắt thậm chí còn mệt mỏi hơn, anh ta và Lão Công cùng lớn lên với nhau (“Gia đình anh ta đã ức hiếp gia đình tôi suốt thời Cách mạng Văn hóa,” Lão Công nói). Những người khách khác là giám đốc một ngân hàng địa phương và một giáo viên được Lão Công giới thiệu là “người đứng đầu bộ môn âm nhạc của trường trung học, hát karaoke cực hay.” Ben giải thích cho tôi bản chất tình bạn của họ với Lão Công: tay giám đốc ngân hàng duyệt khoản vay nợ để làm ăn của anh ta, trong khi tay giáo viên đảm bảo rằng con trai anh ta nhận được điểm tốt ở trường.

Một cô gái trẻ tên là Dung Dung ngồi cạnh Lão Công. Cô là sinh viên năm cuối của một trường đại học ở Quảng Châu, chuyên ngành tiếng Anh. Cô mặc một bộ đồ cắt may

bằng vải len màu nâu, đi giày cao gót và mang một chiếc xách tay đắt tiền. Dung Dung trông giống như một sinh viên đại học đi phỏng vấn xin việc, ngoại trừ một điều rằng chẳng có sinh viên đại học nào ở Trung Quốc ăn mặc như thế. Cô là bồ của Lão Công, nhưng tôi không thể nào khiến mình tin nổi điều đó. Một cô gái như vậy có thể kiếm được việc làm ở một công ty đa quốc gia hoặc ra nước ngoài học cao học. “Tại sao một cô gái như cô ấy lại ở bên cạnh một người đàn ông như thế nhỉ?” Tôi nói với Ben.

Ben đã gặp Dung Dung đi với Lão Công lần đầu tiên từ ba năm trước, khi ấy cô mới chỉ là sinh viên năm thứ nhất. Anh nhún vai. “Cô ấy thích những món quà.”

Trong bữa ăn xa hoa nhất từng được ăn ở Đông Quán - sashi- mì tươi, thịt bò Kobe, cua nấu cari, cá hồi - những người đàn ông chuyển qua chuyển lại một thếp giấy. Tôi đề nghị được xem nó: đây là một danh sách dự báo tỷ số những trận đấu sắp tới ở giải Ngoại hạng Anh. Tất cả mấy người đàn ông ở đây đều là những con bạc cỡ bự, mỗi năm phải ghé sòng bạc ở Macao vài lần.

Những người đàn ông như thế ở Trung Quốc được gọi là *dakuan* (đại khoản) - những thương gia tự mình làm nên, những người mà sự giàu có của họ bốc mùi hủ bại nồng nặc. Họ bị nhiều người coi thường vì thói ưa chưng diện và tiêu tiền như rác; khi một người trong số họ bị bắt, thường là cùng với quan chức đã nhận hối lộ của anh ta, người ta lại có cơ để ăn mừng. Đối với nhiều người Trung Quốc có giáo dục, những tay *đại khoản* tham lam vô đạo đức đại diện cho tất cả những gì sai sót của đất nước họ ngày nay. Có lẽ thế là sai, nhưng tôi thích họ. Khi Lão Công và các bạn anh ta hỏi tôi cuốn sách của tôi viết về điều gì, họ lắng nghe những gì tôi nói và không lập tức bảo tôi phải nên viết nó như thế nào, tôi không phải phiền não với chuyện chứng minh lòng trung thành của tôi với đất nước Trung Quốc. Họ thừa nhận mọi thứ theo giá trị bề ngoài của chúng, thứ còn xa mới giải thích được sự thành công của họ. Họ chẳng có gì để chứng minh cả.

Tay giáo viên trung học thì khác: anh ta khẳng khẳng đòi phân loại, định nghĩa và ghì chặt mọi thứ xuống, và anh ta bắt đầu với tôi. “Vậy chị đang viết cuốn sách của mình từ góc độ tích cực?” Anh ta hỏi.

Tôi giải thích rằng chẳng có tích cực hay tiêu cực gì ở đây cả, và tôi hy vọng cuốn sách sẽ phản ánh được sự thật. Sau đó tôi tình cờ nghe thấy anh ta nói với một người khác: “Cô ta đang viết một cuốn sách từ góc nhìn tích cực.”

Sau đó anh ta chuyển sang Ben. “Khi trở về Mỹ, liệu anh có thấy không quen khi ăn thức ăn Tây không?”

Ben nói anh thích cả món ăn Trung Quốc và món ăn phương Tây.

“Anh thích ăn món Trung Quốc hơn hay món phương Tây hơn?” Tay giáo viên hỏi.

“Món Trung Quốc,” Ben trả lời theo nghĩa vụ. Rồi anh nói với tôi bằng tiếng Anh: “Tôi có thể thấy rồi chuyện này sẽ đi đến đâu.”

“Món ăn Trung Quốc ngon nhất thế giới tay giáo viên tuyên bố. “Và tất cả người Trung Quốc đều là người tốt.”

“Thật à?” Tôi nói. “*Tất cả* người Trung Quốc đều là người tốt ư?”

“Không,” Lão Công trả lời, đến giờ anh mới tham gia vào cuộc trò chuyện của chúng tôi. “Bảy mươi phần trăm người Trung Quốc là người xấu.” Anh ta nói đầy vẻ uy quyền, đến nỗi tay giáo viên không dám cãi lại câu nào. Vậy là vấn đề kết thúc: bảy mươi phần trăm người Trung Quốc là người xấu. Bạn đã có thể thấy tại sao một người là vua của Đông Quán còn người kia chỉ là một giáo viên trung học giỏi hát karaoke mà thôi.

CÂU LẠC BỘ Ở KHÁCH SẠN THẾ GIỚI BẠC có cổng vào riêng, hai bên có mười sáu cô phục vụ cúi khom người đến tận thắt lưng khi chúng tôi bước vào. Tiền sảnh của nó được làm theo kiểu câu lạc bộ đêm xa hoa lộng lẫy: nội thất đen, đèn nê ông tím, một bức tường bằng giá thủy tinh kê đầy những chai Chivas Regal, Johnie Walker và Trường Thành. Những chai rượu này được chiếu từ phía sau, trông như những tác phẩm nghệ thuật hiếm có. Chúng tôi được hộ tống vào một phòng riêng, bên trong kê những chiếc trường kỷ đối diện với ba màn hình ti vi. Màn hình khổng lồ ở giữa là màn hình video của bài hát, màn hình bên phải để chọn bài và gọi đồ uống. Tay bạn làm ăn của Lão Công quay sang màn hình bên phải xem trận Liverpool-Manchester United và có vẻ như sẽ lơ mọi người hết cả buổi tối hôm nay. Tiền đánh bại sex: chẳng có gì đáng ngạc nhiên ở đây cả.

Dung Dung và Lão Công ngồi xuống trường kỷ. Cô nhón một quả nho trong đĩa hoa quả trên bàn đút vào mồm anh ta; anh ta khéo léo nuốt chửng nó, như một chú hải cẩu đã được huấn luyện. Phục vụ mang vào các đĩa hoa quả, cốc, đá viên, chanh lát, soda, rượu Chivas và vodka. Cuộc diễu hành của những thứ lật vật này sẽ tiếp diễn suốt cả đêm, khi người ta ra ra vào vào căn phòng để mời chào thuốc lá, những bó hoa hồng, thú nhồi bông cỡ lớn và biểu diễn nhảy dân tộc. Một người đàn bà gọi là *má mì* bước vào kiểm xem khách nào muốn mua dâm và khách nào chỉ muốn hát.

Sau đó các cô gái bước vào. Họ có bảy người, mặc váy dạ hội lấp lánh ánh vàng với sợi dây đeo áo trong mỏng trông như những cô nữ sinh trong buổi dạ tiệc tốt nghiệp. Họ xếp hàng gần cửa, đôi vai trần run lên trước làn gió điều hòa thốc mạnh. Vài cô chọc vào người đứng bên cạnh và cười khúc khích, nhưng không ai ngẩng đầu lên nhìn vào khách. Mỗi cô gái có một thẻ nhựa in bốn chữ số gắn trên hông. Độ dài của các con số khiến tôi thấy ấn tượng - về mặt số liệu, khách sạn Thế Giới Bạc có khả năng có tới một vạn cô gái. Ở Mông Cổ có những khu vực mà số điện thoại thậm chí cũng chẳng dài đến thế.

Nếu một người đàn ông thích cô gái nào, anh ta sẽ bảo với *má mì* số của cô gái đó, cô này sẽ đến ngồi cạnh anh ta trên trường kỷ, đặt bàn tay mình lên đùi anh ta. Khách hàng có thể rất kén cá chọn canh, vì vậy *má mì* sẽ đưa vào hết đợt này đến đợt khác các cô gái, một người đàn ông có thể giải tán hết đợt này đến đợt khác như một vị sultan (tiểu

vương Hồi giáo) buồn chán với đám cung tần mỹ nữ của mình vậy. Nhưng thường có ai đó thỏa mãn được thậm chí cả những khách hàng cầu kỳ nhất. Khách sạn Thế Giới Bạc không lớn lắm so với chuẩn chung của thành phố Đông Quân, nó có khoảng ba trăm cô gái.

MỘT CÔ GÁI TRẺ TÊN LÀ A LÂM, số 1802, ngồi xuống bên cạnh tôi. “Có ông nào trong mấy ông đây muốn đi “thêm” nữa không?” Cô thì thầm. A Lâm mười bảy tuổi, cô có làn da trắng như kem và gương mặt tròn hoàn hảo của một cô bé. Cô đã học hai năm trung học ở Trùng Khánh trước khi ra làm việc, cha cô là một người di trú còn mẹ cô làm ruộng. A Lâm mới đầu dự định vào làm việc trong một nhà máy, nhưng bạn bè cô nói làm việc trong một quán bar karaoke được nhiều tiền hơn. Cô vẫn còn trinh khi bắt đầu vào đây, và hồi đó cô đã khóc rất nhiều khi đám đàn ông sờ soạng cô quá nhiều. Giờ thì cô làm tình với khách trung bình bốn đêm một tuần.

Giờ làm việc ở Thế Giới Bạc bắt đầu từ 7 giờ 30 tối đến 11 giờ 30. Một cô gái kiếm được hai trăm nhân dân tệ cho một buổi tối - hai trăm đô la - để ngồi với khách, rót đồ uống cho anh ta, đút hoa quả vào tận miệng, vỗ tay cổ vũ anh ta hát, và để anh ta ôm ấp, hôn hít, sờ soạng.

“Nếu cô nào nổi tiếng hơn, thì kiếm được nhiều hơn.” A Lâm nói.

Tôi hỏi cô “nổi tiếng hơn” nghĩa là gì.

“Nếu ngực người đó to hơn,” cô nói thẳng thừng, “hay trông sành điệu hơn.”

Nếu một cô gái ra ngoài quan hệ tình dục với khách, câu lạc bộ sẽ thu tám trăm nhân dân tệ để quan hệ một lần, kiểu đó gọi là *kuaican* (*khoái xan*), đồ ăn nhanh. Giá qua đêm là một nghìn nhân dân tệ, tuy nhiên một khách hàng hài lòng có thể bỏ thêm gấp hai hay gấp ba lần khoản đó. Có một số cô gái không thích đi khách thường xuyên quá. Những cô đi thường xuyên có thể kiếm được khoảng hai mươi nghìn nhân dân tệ một tháng - 2.500 đô la, một khoản tiền khổng lồ trong thế giới những người di trú. Các cô gái không được hút thuốc và ăn quá nhiều đồ khách gọi trong khi làm việc, hoặc làm tình với bất cứ ai trong phòng karaoke. Ngoài những điều đó, họ sống buông thả và bừa bãi. Trong một thành phố mà cuộc sống của hầu hết mọi người đều bị điều khiển bởi đồng hồ của nhà máy, họ ngủ muộn đến khi nào họ thích và có thời gian làm việc ít hơn bất cứ ai tôi từng gặp.

A Lâm đã nhìn đời đủ để đưa ra vài kết luận. Đàn ông Tứ Xuyên là những tay sờ soạng ác nhất, cũng keo kiệt nhất. Đàn ông nước ngoài tử tế hơn đàn ông Trung Quốc. Vài khách hàng đề nghị các cô gái làm bạn gái họ, song A Lâm không bao giờ ngã lòng bởi những lời đề nghị như thế. Nhưng cô nói, một ngày nào đó cô muốn có bạn trai và kết hôn. Không ai ở quê nhà biết A Lâm làm công việc gì. Cô bảo cha mẹ mình là cô làm việc trong một nhà máy, chỉ gửi về nhà một phần thu nhập để họ không nghi ngờ. Một số cô

gái đã từng làm việc trong nhà máy khi họ lần đầu tiên rời xa quê nhà, nhưng giờ thì họ sẽ không bao giờ trở lại cuộc sống kiểu đó. Họ không ảo tưởng gì về nó nữa.

MÁ MÌ NGỒI TRÊN ĐỈNH CỦA THẾ GIỚI trong cái thế giới karaoke này. Bà ta ghép cặp cho những khách hàng muốn mua dâm với những cô gái muốn ra ngoài đi khách, một cô gái có thể đề nghị không đi nếu cô đang đến kỳ kinh nguyệt hoặc không được khỏe. *Má mì* thu một phần trong thu nhập của các cô gái, đầu đó khoảng 15%. Một *má mì* tốt sẽ có được sự trung thành của các cô gái dưới quyền mình, khi bà ta chuyển đến một câu lạc bộ khác, các cô gái cũng đi theo.

Có hai loại phụ nữ làm việc trong phòng karaoke. “DJ” quản lý các phòng, phục vụ thức ăn và đồ uống cũng như giúp khách chọn bài hát, những cô gái uống rượu với khách gọi là *zuotai xiaojie* (tọa đài tiểu thư), những cô gái trẻ ngồi ở bàn. *Tiểu thư* thường quan hệ tình dục với khách và cả một vài DJ cũng làm chuyện này. DJ không phải trích phần trăm cho *má mì*, nhưng họ phải mang đến một lượng khách nhất định hằng tháng hoặc trả một khoản phí cho câu lạc bộ. Nhiều câu lạc bộ thuê nhiều DJ hơn là số phòng họ có, cho họ cạnh tranh với nhau để làm vừa lòng khách hàng và kiếm nhiều tiền hơn cho câu lạc bộ. Ở vị trí thấp nhất trong hệ thống câu lạc bộ này là các phục vụ viên, những người đến và đi vô hình như những thái giám: bị tách khỏi công việc kinh doanh mại dâm, họ là những người kiếm được ít tiền nhất.

Thế giới trong quán karaoke đầy mơ mộng và không thật. Những cô gái trẻ mặc đồ dạ tiệc cười phá lên với bất cứ câu đùa nào của bạn, cho đến khi những lời tăng bốc của họ trở nên tự nhiên như hơi thở. “Chị có làn da được chăm sóc tốt quá!” Một *tiểu thư* nói với tôi, rồi lại quay sang phía Ben thốt lên, “Tiếng Trung của anh giỏi quá!” Họ cợt nhả với khách và gọi khách là *lão công*, nghĩa là chồng; những người đàn ông có vẻ thích thế, có lẽ vì họ không thể nào tưởng tượng nổi, thậm chí trong những ảo tưởng hoang đường nhất, về một thế giới không có các bà vợ. Thi thoảng lại có người đứng lên hát và những người khác vỗ tay. Căn phòng tối om và không có cửa sổ, còn cốc của bạn thì lúc nào cũng đầy tràn.

Những cô gái trẻ thẳng thắn một cách đáng ngạc nhiên về những gì họ làm để kiếm sống. Tôi đã gặp rất nhiều người trong số họ trong hai đêm liên tiếp ở những câu lạc bộ khác nhau; khi tôi nói tôi đang viết một cuốn sách về Đông Quán và hỏi về công việc của họ, không người nào tỏ ra bẽn lễn xấu hổ hay chối rằng mình đã quan hệ tình dục với khách. Đôi khi tôi cảm thấy một chút dối trá nho nhỏ. Có lẽ họ đã cường điệu thu nhập của mình lên, hoặc quả quyết rằng họ đã bị lừa vào công việc này; vài người nói với tôi, có vẻ khá đáng nghi, rằng họ có ý định nghỉ việc trong nay mai. Nhưng họ không cay độc và cứng rắn như tôi mong đợi. Họ rất nữ tính và cười khúc khích như thiếu niên, thỉnh thoảng khi chúng tôi đang nói chuyện, họ khóc.

Tôi bị giảng xé không biết nên nghĩ về họ như thế nào. Chắc chắn là rất tệ hại khi phải

làm tình với loại đàn ông Trung Quốc suốt ngày la cà ở quán karaoke, về điểm này, họ có được sự đồng cảm của tôi. Nhưng hầu hết thời gian làm việc của họ đều rất nhàn tản - nhấm nháp cocktail, ăn đậu phộng, xem video ca nhạc - và chỉ như thế, một tháng họ kiếm được nhiều tiền hơn những người như Mẫn kiếm được trong cả năm. Quyết định bước vào thế giới này thuở ban đầu của họ nông cạn thiếu suy nghĩ một cách đáng ngạc nhiên. Hầu hết những cô gái trẻ nói chuyện với tôi đều bắt đầu làm việc ở một câu lạc bộ karaoke vì một người bạn hay họ hàng của cô đang làm việc đó, giống như một người di trú sẽ đến một thành phố hay nhà máy nhất định vì cô quen biết ai đó ở đấy. Sau khi đã tham gia, họ lại đưa ra những lý do để tiếp tục: đó là một công việc dễ dàng, thu nhập khá, và ta có thể tìm hiểu thế giới.

Các cô gái ở quán karaoke có hoàn cảnh xuất thân tốt hơn những cô gái làm việc trong nhà máy mà tôi từng gặp gỡ - điều đó, cũng là một sự ngạc nhiên. Họ thường lớn lên ở một thành phố nhỏ hoặc thị trấn hơn là ở nông thôn, một tỷ lệ không nhỏ là con một hoặc con út trong gia đình, có nghĩa rằng họ có ít gánh nặng tài chính hơn. Không ít người đã đi học trung học, tức là đã được liệt vào hàng tinh tú ở nông thôn. A Lâm, đã đi học hai năm trung học, là người trẻ tuổi có giáo dục nhất trong làng cô. “Ở quê họ mong đợi tôi ra đời và làm nên thành công,” cô nói. “Nếu biết tôi đang làm việc ở một nơi thế này, họ sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi đâu.”

So với những cô gái làm công nhân nhà máy, họ được tự do làm điều họ muốn hơn. Có lẽ bởi quá tự do và thiếu một mục đích rõ ràng, nên họ đã đánh mất phương hướng khi đến thành phố. Không ai bắt ép họ làm gái điếm cả. Trên thực tế, họ đã lựa chọn công việc này vì họ mong đợi nhiều hơn trong cuộc sống. Hầu hết các cô gái đều muốn sau này trở về nhà mở một cửa hàng quần áo hoặc cửa tiệm cắt tóc - hầu như tất cả đều quen biết ai đó đã làm như thế. Một cô gái tích cực có thể tiết kiệm đủ tiền để làm điều đó trong một hoặc hai năm. Nhưng cũng rất dễ lạc lối.

Đêm tiếp theo ở một câu lạc bộ trong khách sạn năm sao khác, tôi gặp Đinh Hà. Cô hai mươi ba tuổi, vóc cao, gò má xương xương và sống mũi cao - cô đẹp thực sự, không giống như hầu hết các cô gái khác chỉ mảnh mai và trẻ trung. Cô đã xa nhà được sáu năm và nói mình đã tiết kiệm được bốn trăm nghìn nhân dân tệ. Khi nào kiếm được thêm một trăm nghìn nữa, cô nói, cô sẽ chuyển đến một thành phố mà ở đó không ai quen biết cô, mở một cửa hàng và sống cuộc đời đơn giản. Câu chuyện của cô không ăn khớp nhau lắm, bởi mở một cửa hàng chỉ cần một phần của số tiền mà Đinh Hà đang nói tới. Lời nói dối của cô có vẻ như để thanh minh, có lẽ là với chính bản thân cô, rằng tại sao cô vẫn còn ở chốn này.

Cũng có khả năng một *tiểu thư* sẽ vươn lên và trở thành *má mì*. *Má mì* trong câu lạc bộ nơi Đinh Hà làm việc trông mảnh dẻ và rất có dáng làm ăn, chị ta mặc một bộ đồ màu xanh nước biển và cầm theo một chiếc bộ đàm, chúc danh trên danh thiếp của chị ta ghi

là GIÁM ĐỐC QUẢNG BÁ. Chị ta nói với tôi rằng mình đang điều hành sáu mươi cô gái, và trước đây chị ta từng kinh doanh quần áo.

“Có nhiều cô gái làm tiểu thư trở thành má mì không?” Tôi hỏi.

“Ít lắm,” chị ta đáp. “Một phần trăm.”

“Tại sao thế?”

“Cần có kỹ năng thì mới làm được,” chị ta bảo. Chị ta lịch sự cung một cốc bia với tôi và cáo lỗi phải đi có việc. Ngay sau khi chị ta vừa đi, Đình Hà lại chỗ tôi và nói, “Trước đây chị ta cũng làm *tiểu thư* ở đây thôi.” Sau đó cô đặt một ngón tay lên môi. Đình Hà đã làm việc ở câu lạc bộ này đủ lâu để biết điều đó. Nhưng hầu hết mọi người nghỉ việc rồi lại tìm việc quá nhanh nên chuyện sáng tác quá khứ, cùng với tương lai đều khá là dễ dàng.

ĐÊM VỀ KHUYA, thế giới của những ảo ảnh cũng tan vỡ: đồ ăn đã hết, rượu cũng hết và mọi người đều chán hát. Vài *tiểu thư* xin phép ra ngoài thay quần áo; họ quay lại với bộ quần jean và áo gió, khiến họ trông trẻ một cách đáng ngại. Họ ngáp dài và ngả đầu lên vai đám đàn ông. Thỉnh thoảng cảnh này gợi lại ảo tưởng rằng những người đàn ông ấy là chồng họ - nhưng trông họ giống với những cô con gái buồn ngủ và đáng yêu, đã thức quá giờ đi ngủ của mình nhất.

Cuối cùng hóa đơn cho cả buổi tối được đưa đến. Có một khoản tiền phòng, tiền thức ăn và đồ uống và hai trăm nhân dân tệ tiền mặt trả cho mỗi *tiểu thư*. Người đàn bà bán thú nhồi bông trở lại để thu tiền, nhưng tay đồng nghiệp của Ben, người đã dỗ dành một cô gái trẻ hờn dỗi suốt cả đêm không muốn tốn thêm tiền cho cô nữa vì buổi tối nay đã chấm dứt. Cô nàng ngượng ngập trả lại một con gấu nhồi bông - một cô con gái khác, cô bé này thì hơi nhõng nhẽo. Cô nàng DJ bắn thông tin liên lạc của mình vào chiếc Palm Pilot của một khách hàng khác để sau này còn đặt phòng, rồi mọi người cùng rời khỏi phòng hát karaoke. Đám đàn ông, có *má mì* đi cùng, đi thẳng ra thang máy, còn mấy cô gái thì biến mất trong một hành lang khác.

Thỉnh thoảng cũng có một phụ nữ trúng quả lớn. A Ninh, người bạn vừa ly dị chồng của Xuân Minh, bắt đầu hẹn hò với một người đàn ông Đông Quân giàu có. Một tối cô mời tôi và Xuân Minh qua ăn cơm. Khu nhà cô ở khiến người ta có cảm giác nặng nề với những chỗ hư hỏng, nước thải ra từ các máy điều hòa nhiệt độ nhỏ xuống tường nhà thành những vệt vàng cam gỉ sét, trông như những giọt nước mắt. Nhưng bên trong căn hộ rất rộng rãi và được trang trí đẹp đẽ, có đèn màu và sàn gỗ.

A Ninh mặc một chiếc váy dài viền đăng ten lỗ và chiếc áo len không tay khá hợp. Trông cô xinh đẹp và hạnh phúc. Cô đã nấu cho chúng tôi bữa tối gồm cá hấp, sườn lợn cay và canh chân gà, đu đủ, cà chua. Trong bữa tối, cô kể cho chúng tôi về tay bạn trai

suốt ngày đi làm ăn xa của mình. Anh ta lớn hơn cô tám tuổi. Hai người bọn họ vừa mới đi nghỉ ở Bắc Kinh về, ở đó, anh ta tiêu phí hầu hết thời gian của mình để chơi cá độ bóng đá.

“Anh ta làm gì?” Xuân Minh hỏi.

“Anh ấy làm mọi việc,” A Ninh đáp.

Hai mắt Xuân Minh mở to. “Mọi việc?”

“Anh ấy lớn lên ở vùng này. Tất cả những người gốc ở đây đều dính dáng đến cờ bạc và buôn lậu,” A Ninh nói. “Đơn giản là họ lớn lên cùng với những thứ ấy.” Được bạn trai khuyến khích, A Ninh bắt đầu chơi mạt chược ăn tiền và vừa mới thua mất sáu nghìn nhân dân tệ - khoảng 750 đô la - trong một buổi.

Mỗi chi tiết lộ ra đều có vẻ như tệ hơn chi tiết trước. “Anh ta có tốt với cô không?” Tôi hỏi.

“Ồ, anh ấy tốt với tôi lắm!” A Ninh nói.

Xuân Minh hỏi, đi thẳng vào vấn đề hơn. “Trước đây anh ta đã kết hôn chưa?”

A Ninh hạ thấp giọng xuống. “Rồi. Anh ấy có một đứa con gái, khoảng bảy tuổi.”

Ngày hôm ấy Xuân Minh tình cờ tham gia một kiểu gặp gỡ đàn ông mới. Ai đó đã đưa ảnh của một phụ nữ xinh đẹp lên trang web kết đôi nhưng lại để số điện thoại của Xuân Minh ở cạnh đó. Cô không chắc đây là sự nhầm lẫn hay một trò đùa, nhưng cả ngày hôm ấy cô đã bị bom điện thoại của những người theo đuổi.

Cô có phải người phụ nữ trong ảnh không?

Cô có tóc dài không?

Cô có cao 1,66 mét không?

Sau bữa tối, Xuân Minh ra phòng khách để xem một bộ phim truyền hình dài tập về những thầy thuốc thời cổ đại ở Hàn Quốc gắng sức chữa bệnh cho những người bị bệnh phong. Xuân Minh cảm thấy nỗ lực nhân đạo của họ hết sức cảm động, nhưng cô cứ bị quấy rầy bởi những cú điện thoại từ những người đàn ông lạ.

“Xin chào,” cô nói. “Ai đấy?”

Nghe. Sau đó là: “Vâng, ai đấy đã gửi tấm ảnh và thông tin đó lên nhưng đó không phải là của tôi. Chỉ có số điện thoại này là của tôi thôi.”

Im lặng. “Không sao, chúng ta vẫn có thể kết bạn,” cô nói với giọng ngọt ngào như mật. “Anh quê ở đâu? Anh làm việc gì?”

Những người đàn ông làm tự động hóa công nghiệp và làm quản đốc ở nhà máy; họ đến từ Giang Tô và Cam Túc. Sau khi nói chuyện thêm vài câu, Xuân Minh nói cô đang bận, nhưng họ sẽ giữ liên lạc. Cô luôn là người cắt ngắn cuộc đàm thoại. Sau khi gác máy,

cô lướt qua những tin nhắn trên điện thoại. *Xin chào, tôi là giám đốc một nhà máy ở Đường Hạ* [26]. Cô mỉm cười vui vẻ.

“Chẳng sao cả. Tôi vẫn có thể quen thêm bạn mới. Và có lẽ vài người trong số họ sẽ muốn mua các thứ của công ty tôi.” Tôi buộc phải khâm phục tài biến báo của cô. Cô đã biến một vụ lùm lẫm nhận dạng thành dịch vụ hẹn hò cá nhân của mình, thêm cả lựa chọn dự phòng là sẽ thuyết phục những người đàn ông đó mua các bộ phận của khuôn đúc công nghiệp”.

“Người phụ nữ ấy hẳn phải đẹp lắm,” Xuân Minh nói sau khi đã xem qua danh sách tin nhắn và cuộc gọi nhỡ.

“Nhưng khi cô nói với họ đó không phải là cô,” tôi nói, “họ vẫn tiếp tục nói chuyện.”

“Nhiều người ở trong thành phố này cô đơn thế đấy,” A Ninh lên tiếng.

TỐI HÔM ĐÓ, chúng tôi quyết định đi xem cuộc sống về đêm xung quanh đây, cuộc sống chỉ tập trung vào các khu mua sắm mới mở đầy những câu lạc bộ và quán bar. Bên trong những nơi ấy tối om và vắng vẻ, đèn nê ông tím và nhạc xập xình, những nhóm nhỏ các phụ nữ trang điểm rất đậm toát lên một vẻ nhảm chán đặc trưng của gái bán dâm. Xuân Minh vẫn đọc tin nhắn trên điện thoại khi chúng tôi bước đi.

Tôi làm trong chính quyền. Tôi đã sống ở đây sáu năm rồi.

Tôi nay cô làm gì?

Xin chào, chúng ta kết bạn được không?

Chúng tôi dừng lại trong một quán bar gần nhà A Ninh. Bên trong chật kín nhân viên văn phòng trẻ, và chúng tôi ngồi đủ lâu để chứng kiến vài cảnh tượng lạ lùng. Sau nhiều lượt chơi phạt rượu, một cô gái trẻ ngả người mình vào một anh chàng có vẻ như là đồng nghiệp cùng chỗ làm. Cô vòng cánh tay qua cổ và dựa hẳn vào lòng anh ta. Anh chàng kia không ôm mà thậm chí còn như chịu đựng: anh ta đứng đờ người, tay thả xuống hai bên, như thể một người lính được giao nhiệm vụ canh gác trong cơn mưa bão. Khi tôi nhìn lại về phía ấy, cô gái trẻ kia đã trở lại tư thế bình thường và đang nói chuyện với các cô bạn của mình; có vẻ như anh chàng kia đã nhân cơ hội đó chuồn khỏi quán bar. Gần đấy, một cô gái có cặp đùi nần nần mặc chiếc váy ngắn in hoa văn da báo nhảy trong cái lồng sắt cách mặt đất chừng vài mét. Sau vài bài hát, cô ta bò ra khỏi lồng qua một cửa thấp hình vuông phía đằng sau, trông như cửa dành cho chó. Cô trườn người ra sàn nhà, phúi đầu gối, và rồi - trong một thoáng huy hoàng chỉ được tôi thừa nhận - trở lại tư thế đứng của loài động vật linh trưởng. Cô bước đến quầy bar và gọi đồ uống.

Một cô bạn của A Ninh tham gia với chúng tôi. Năm chai bia Thanh Đảo ở trên bàn chúng tôi, và đám phụ nữ bắt đầu chơi trò uống phạt. A Ninh và bạn cô uống nhanh, mấy người đàn ông ở bàn cạnh đó lượn lờ rủ chơi xúc xắc. Khoảng nửa đêm, Xuân Minh đề nghị tôi và cô quay về căn hộ của A Ninh, chúng tôi sẽ ngủ qua đêm ở đó. Đám đàn ông

vẫn gửi tin nhắn cho cô.

Cô đang ở đâu?

Cô đang làm gì?

Tôi là một bó đuốc đang cháy.

MỘT GIỜ SÁNG, điện thoại đổ chuông. Đó là cô bạn của A Ninh. A Ninh đã uống quá say, không đi nổi, chúng tôi có thể giúp gì được không? Xuân Minh ra ngoài. Cô bạn kia sống ở một căn hộ khác trong cùng tòa nhà chung cư này, rồi Xuân Minh trở lại nói với tôi rằng họ đã để A Ninh ngủ trên ghế bành của nhà cô bạn ấy.

Hai giờ sáng, điện thoại lại rung chuông lần nữa. A Ninh đang đi lang thang ngoài hành lang và không chịu ngủ, chúng tôi có giúp gì được không? Xuân Minh lại ra ngoài. Tôi cố trở lại giấc ngủ không yên.

Hai giờ ba mươi sáng, Xuân Minh quay lại. Cô bước vào căn phòng dành cho khách chỗ tôi đang ngủ, bật đèn trần lên, ngồi khoanh chân trên giường. “Tôi muốn nói chuyện với chị,” cô nói. Khi cô vào căn hộ của người bạn kia, A Ninh đang lảm nhảm về chuyện phải lên tầng và giải thích gì đó với một người đàn ông. Xuân Minh và cô bạn kia không biết A Ninh đang nói chuyện gì, nhưng cuối cùng họ cũng đồng ý đưa cô lên tầng trên. Người đàn ông ra mở cửa trông gầy gò, đen đúa, mặc quần đùi và áo may ô. Anh ta và ba người đàn ông khác cũng ăn mặc tương tự như vậy đang chơi mạt chược. Anh ta để A Ninh và hai người bạn vào trong, dẫn họ đến một phòng ngủ thừa, chỉ vào cái giường để họ đỡ cô vào, rồi quay lại chơi tiếp.

Xuân Minh hiểu ra rằng người đàn ông này chính là bạn trai của A Ninh. Anh ta không đi công tác, và anh ta chẳng có vẻ gì là quan tâm chút nào đến cô cả. “Cô ấy nói dối, bảo rằng hấn ta đang đi làm ăn xa, trong khi hấn đang ở nhà chơi mạt chược với mấy thằng bạn,” Xuân Minh kể với tôi. “Còn cô ấy thì lúc nào cũng bảo hấn tốt với cô ấy lắm. Còn nữa, thằng cha này già lắm! Và thực sự là rất xấu!”

Sáng hôm sau, chúng tôi ghé qua căn hộ của người đàn ông đó để đưa cho A Ninh cái xác tay. Gã bạn trai ra mở cửa. Mặt anh ta hẹp, dữ dằn và đỏ thẫm lại, trông như một miếng thịt bò khô; anh ta trông khoảng hơn bốn mươi tuổi. Anh ta không nói một lời nào với hai chúng tôi. Xuân Minh đã nói đúng: anh ta có vẻ không thích lắm. A Ninh vẫn đang thiêm thiếp trong căn phòng ngủ thừa ấy. Cô hầu như không mở được mắt ra, nhận lấy cái xác tay mà chẳng nói lời nào. “Gọi cho tôi khi cô dậy nhé,” Xuân Minh nói.

Lần sau gặp Xuân Minh, tôi hỏi cô về A Ninh. Cô ấy nói gì về đêm hôm đó? Cô ấy có còn đi lại với gã bạn trai ấy nữa không? Xuân Minh nói bạn mình đã không thành thực về chuyện đó, và họ không nói lại nó nữa. Rốt cuộc là, A Ninh không hề trúng quả hên hò. Cô chỉ giả vờ hạnh phúc. Cuối cùng, mối quan hệ của cô có vẻ như cũng chỉ là một trường hợp nhầm lẫn mà thôi.

9. Tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp

Ở Đông Quán, tôi thường đến nhà hàng một mình. Khi ăn, tôi hay viết vào cuốn sổ tay hoặc đọc một tờ tạp chí Mỹ. Lần nào cũng có một cô phục vụ hoặc một khách ăn xuất hiện bên cạnh tôi, nhìn tôi một cách sùng kính khi tôi sử dụng thứ ngôn ngữ tôi được học đầu tiên. “Chắc tiếng Anh của cô phải giỏi lắm nhỉ!” Cuối cùng họ sẽ nói như thế.

Tôi phải giải thích rằng tôi sinh ra ở Mỹ.

“Có lẽ tiếng Anh của cô phải trình độ cấp tám đúng không?”

Tôi phải trả lời rằng người Mỹ không chia cấp độ về khả năng tiếng Anh như người Trung Quốc. Tiếng Anh đối với tôi cũng bình thường như tiếng Trung Quốc với họ vậy, tôi nói như thế, nhưng điều ấy chỉ làm tăng thêm nỗi kính sợ trong họ.

“Tiếng Anh của cô chắc ít nhất cũng phải cấp tám, đúng rồi!”

Người ta luôn thất vọng khi biết rằng tôi là một nhà báo. Họ bảo với tôi rằng, với khả năng của tôi, tôi có thể làm phiên dịch viên được trả lương cao ngất ở một công ty thương mại. Tiếng Anh là con đường dẫn đến sự giàu có và thỏa mãn, đối với họ tôi giống như người vừa trúng xổ số nhưng lại từ chối không chịu đổi vé lấy tiền vậy.

HẦU NHƯ MỌI NGƯỜI Ở TRUNG QUỐC đều học tiếng Anh ở trường, có trường hợp học hàng năm trời, nhưng hiếm có người nào nói được ngôn ngữ ấy. Các bài học nhấn mạnh vào ngữ pháp và học thuộc lòng danh sách từ vựng; các giáo viên nhiều khi cũng tắc tị như học sinh. Tâm lý bầy đàn là một nhân tố - thà ẩn danh trong im lặng còn hơn là liều chịu xấu hổ mở miệng. Sự phổ biến của việc học tiếng Anh có vẻ như chỉ để tăng thêm sự tôn kính với nó: mặc dù rất nhiều người thử nỗ lực, người ta vẫn không thể nắm vững được thứ ngôn ngữ đó.

Tiếng Anh cũng là cơ sở của công việc ở Đông Quán, ở thành phố này, nó là ngôn ngữ của công việc đối với hàng nghìn nhà máy gia công cho khách hàng nước ngoài. Như vậy không có nghĩa là người ta thực sự hiểu tiếng Anh; họ học chỉ đủ để làm việc trong ngành nghề chuyên biệt của mình. Họ thường nói tắt nói cụt, một thứ ngôn ngữ giản hóa sẽ làm bất cứ người Mỹ nào cũng thấy bối rối. Trên một mẫu đơn đặt hàng, FOB HK viết tắt cho “Free on Board Hong Kong” (Giao lên tàu Hồng Kông) - là điều kiện chỉ ra người mua sẽ nhận quyền sở hữu của thứ anh ta đã đặt trước ở điểm nào. L và W, H thể hiện kích thước của món hàng. Đóng gói nhựa là PP hoặc PE, mặc dù rất ít người có thể nói với bạn những chữ cái ấy đại diện cho chữ gì. Máy móc ở dây chuyền lắp ráp cũng hoạt động dựa trên thứ tiếng Anh nghèo nàn, chỉ đạo cho công nhân ROUTE FINDER (NGƯỜI TÌM TUYẾN ĐƯỜNG) và KEYBOARD TEST (THỬ BÀN PHÍM) hay PRESS ANY KEY TO SEND LOOPBACK Q TO QUIT (NHẤN BẤT KỲ PHÍM NÀO ĐỂ GỬI VÒNG TRỞ LẠI Q ĐỂ THOÁT.)

Hầu hết những người tôi quen biết ở Đông Quán đều tập trung tinh thần và tấn công đây quyết tâm vào môn tiếng Anh ở một thời điểm nào đó. Một thời gian, Mẫn đã học theo một cuốn sách cũ nhàu mép quăn như tai chó tên là *Crazy English Crash Course* (*Học tiếng Anh cấp tốc điên rồ*) vào các buổi tối, một phần ba phần đầu của cuốn sách được đánh dấu chi chít qua lần thử nghiệm với thứ ngôn ngữ này và đã thất bại của chị gái cô. Giang Hải Yến mang theo bên mình một cuốn sách mẫu câu bỏ túi. Lần cuối cùng tôi gặp Trần Anh, cô gái ở lớp Công sở đã vươn lên làm quản lý, thì cô đã có kế hoạch tự học tiếng Anh và thi vào trường cao đẳng nghề. Thậm chí cả những cô gái trong quán karaoke cũng cho tiếng Anh là một con đường thoát ra khỏi đó: nó có thể khiến một khách ngoại quốc ấn tượng và thuê một *tiểu thư* làm văn thư hoặc thư ký.

Thỉnh thoảng những người khát khao nhiệt tình nói tiếng Anh đẩy tôi vào những cuộc đối thoại rời rạc không liên quan hết như một đoạn thoại trong kịch của Beckett vậy.

Cô bao nhiêu tuổi?

Rất tốt! Cô bao nhiêu tuổi?

Vâng.

Tôi không lấy làm ngạc nhiên khi Xuân Minh quyết định học tiếng Anh. Cô đăng ký học ở một trường dạy tiếng bảo đảm rằng học viên sẽ nói tiếng Anh như học sinh lớp năm ở Mỹ sau một năm học. “Tôi nghĩ thế là khá tốt,” cô nói. “Một học sinh lớp năm có thể diễn tả gần như mọi thứ rồi.” Chiêu bài quảng cáo chủ đạo của trường là đưa con trai chín tuổi của người thành lập, một thằng bé nói tiếng Anh lưu loát. Xuân Minh có lý do để học thứ ngôn ngữ này. “Nếu tôi học tiếng Anh,” cô nói, “tôi có thể gia nhập những nhóm người mới.” Sau đó, tôi hiểu cô đủ để diễn dịch ra ẩn ý đằng sau lời nói: Tiếng Anh có thể là một con đường khác để kiếm chồng.

Trường dạy ngoại ngữ nằm bên trong Viện Bảo tàng Khoa học Đông Quán, một đồng những hình thù bê tông lộn xộn trông có vẻ vị lai khi nó được xây dựng vào năm 1994. Một hôm, Xuân Minh đưa tôi đến đó sau bữa tối. Viện bảo tàng đã đóng cửa để cải tạo; trong bóng tối, những giàn giáo treo lơ lửng trên tường trông như bệnh dịch ngoài da nào đó đang ăn mòn cả công trình kiến trúc. Chúng tôi leo lên năm tầng lầu, vừa đi Xuân Minh vừa thì thầm kể lại truyền thuyết về ngôi trường này. Người sáng lập ra nó đã mất hai mươi năm để hoàn thiện hệ thống dạy học của ông ta; mới đây, ông đã được cấp bằng sáng chế cho nó. Ngôi trường có ba trăm học viên. Học phí trung bình mỗi tháng là sáu trăm nhân dân tệ, tức là khoảng bảy mươi lăm đô la.

Trên tầng cao nhất của viện bảo tàng là một văn phòng duy nhất còn sáng đèn. Một tấm biển ở lối vào đề:

MÁY HỌC DÂY CHUYỀN

Trong một căn phòng rộng và được thấp sáng bởi ánh đèn nê ông, khoảng gần chục học viên đang đứng tách riêng rẽ bên cạnh những chiếc bàn dài. Trên mỗi bàn đều đặt một chiếc máy bằng kim loại hình ô van với những miếng xoay theo chiều dọc gắn các thẻ; trên thẻ in những cột từ trôi qua trước mặt học viên với một tốc độ ổn định. Căn phòng tràn ngập những tiếng rì rì của những chiếc máy, giống như một bộ bài đang được xáo lên vậy.

Một cột từ trôi qua trước mặt tôi.

FUCK

CLEAN

RUDE

PIZZA

CREEP

Ở đầu hồi căn phòng, một người đàn ông nhiều tuổi hơn đang ngồi trước máy tính. Ông ta đưa cho tôi tấm danh thiếp mà chẳng buồn đứng lên. Trên đó viết bằng tiếng Trung:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT GIÁO DỤC NĂNG ĐỘNG CỦA
NGÔ TIÊN SINH NGÔ QUAN HỆ, CHỦ TỊCH

KỸ SƯ THIẾT KẾ CHÍNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NGÔN NGỮ NĂNG ĐỘNG CỦA NGÔ
TIÊN SINH NHÀ SÁNG CHẾ CÔNG CỤ HỖ TRỢ GIÁO DỤC NĂNG ĐỘNG CỦA
NGÔ TIÊN SINH NHÀ SÁNG LẬP MÔN KHOA HỌC GIÁO DỤC NĂNG ĐỘNG CỦA
NGÔ TIÊN SINH NGƯỜI KHỞI PHÁT NGÔN NGỮ THẾ GIỚI NĂNG ĐỘNG CỦA
NGÔ TIÊN SINH TỔNG CHỈ ĐẠO LỚP ĐÀO TẠO DỊCH THUẬT ĐỒNG BỘ TIÊN
TIẾN TIẾNG ANH NĂNG ĐỘNG

Ông Ngô bốn mươi lăm tuổi, gương mặt vuông chữ điền, cằm xị ra và mái tóc rối bù như thể vừa mới ngủ dậy. Ông ta hơi béo phì. Người đàn ông này không phù hợp với hình ảnh một giáo viên hay thậm chí là một người thành phố - ông ta trông giống như tài xế của quan chức chính quyền. Trông ông ta không được năng động cho lắm.

Tôn chỉ trong trường học của ông Ngô coi con người như máy móc là chìa khóa để chinh phục môn tiếng Anh. Sau khi học bảng chữ cái và cách phát âm, học viên sẽ ngồi cạnh một cái máy trong khi những cột từ tiếng Anh trôi qua trước mặt. Học viên sẽ đọc to mỗi từ và viết lại mà không cần biết nó nghĩa là gì, tuần này qua tuần khác, đến khi nào anh ta đạt được tốc độ cao nhất.

Sau đó anh ta sẽ chuyển qua một chiếc máy khác có nghĩa tiếng Trung của các từ, tiếp đó anh ta tiến tới các câu ngắn. Ở mỗi giai đoạn, anh ta viết lại các từ hay câu bằng tiếng Anh và đọc to chúng lên mà không hề lĩnh hội được ý nghĩa của chúng. Khi một học viên

đạt tới tốc độ cao nhất - có thể viết sáu trăm câu tiếng Anh trong một giờ - anh ta chuyển lên học ngữ pháp căn bản. Chỉ khi đó anh ta mới học nghĩa của từ, mẫu câu và các câu anh ta đã lặp đi lặp lại hàng tháng trời.

Ông Ngô gọi phương thức này là “dạy học theo chỉ đạo.” Theo như tôi hiểu, vậy có nghĩa là không có giáo viên nào hết - những cái máy truyền đạt tất cả mọi thứ các học viên cần biết. Học viên lý tưởng của ông Ngô học mười một giờ một ngày: học bốn tiếng, ăn trưa, nghỉ, học thêm bốn tiếng nữa, ăn tối, lại học thêm ba tiếng nữa. Đó chính xác là lịch làm việc của một nhà máy ở Đông Quán, kể cả ba tiếng đồng hồ làm thêm mỗi ngày được luật lao động giới hạn. “Ở đây chuyên lắp ráp, người ta có thể ngồi và làm việc tám hay mười tiếng đồng hồ không ngừng nghỉ,” ông Ngô nói. “Giá mà chúng ta có thể học theo cách đó thì thật tốt!”

Phương thức của ông ta đi ngược lại với tất cả những tri thức được chấp nhận xưa nay về việc học một thứ ngôn ngữ - quan trọng nhất là nói và hiểu, và giáo viên là nhân tố quyết định. Ông Ngô số toẹt tất cả những điều đó. Phương thức dạy học của Trung Quốc tập trung quá nhiều vào sự ghi nhớ, ông ta nói; phòng học biến học viên thành những vật chứa thụ động. Tiếng Anh kiểu dây chuyền sản xuất buộc họ phải hành động.

“Bàn tay, bộ óc, mắt và miệng của bạn phải học cách phản ứng nhanh và tự động,” ông Ngô giải thích. “Bạn không có thời gian để dịch một từ sang tiếng Trung hay nhớ lại nó. Bạn phải luyện cho mình phản ứng một cách bản năng.” Bằng cách buộc nhiều bộ phận cơ thể cùng lúc hoạt động, ông ta nói, tiếng Anh kiểu dây chuyền sản xuất kích thích những bộ phận khác nhau của bộ não hoạt động mạnh hơn. Khoa học đã chỉ ra rằng con người chỉ sử dụng 5% khả năng của đại não. Ông Ngô có rất nhiều số liệu kiểu như thế. Một người trung bình có thể viết hai trăm câu một phút. Phụ nữ có thể đọc chín mươi câu một phút, nhưng đàn ông chỉ xử lý được bảy mươi lăm. Nếu một người học tiếng Anh mười tiếng mỗi ngày, anh ta có thể làm phiên dịch đồng bộ trong ba năm. Ở phương diện này, ông Ngô giống như người đã thu gọn cả vũ trụ vào thành một chuỗi công thức hóa học: không dữ liệu nào sai cả, nhưng sự kết hợp của chúng lại thiếu một thứ gì đó. Nhưng ông ta đúng ở một điểm - cách dạy tiếng Anh ở Trung Quốc thực sự có vấn đề, sự thụ động của người học chiếm một phần lớn trong vấn đề đó. Người ta có thể luyện thi để đạt điểm tối đa trong kỳ thi TOEFL - bài sát hạch tiếng Anh được sử dụng rộng rãi nhất - nhưng không thể chỉ dựa vào thuộc lòng mà nói thông viết thạo được, cho dù cố gắng đến mấy đi chăng nữa.

Sau bài thuyết giảng của ông Ngô, Xuân Minh và tôi đi quanh quần trong lớp học. Cô nhận ra một học viên đã gặp từ lần trước đến đây. Lưu Nghi Hà hai mươi một tuổi, có gương mặt tròn, đôi mắt sáng và mái tóc cắt kiểu bát úp khiến cô trông như một búp bê. Cô đã học tiếng Anh ở đây được một năm, đồng thời làm công việc văn thư để trang trải chi phí ăn ở và được miễn học phí. Trước ánh mắt thận trọng của Xuân Minh, Lưu Nghi

Hà nói chuyện với tôi bằng tiếng Anh. Cô không có vẻ gì là giống một học sinh lớp năm người Mỹ cả. Nhưng cô không sợ nói, không đưa tay che miệng hay xin lỗi liên tục vì những lỗi sai của mình.

Giờ Lưu Nghi Hà đã có việc mới, dạy tiếng Anh cho các quản lý nhà máy - điều này làm tôi ngạc nhiên, mặc dù không nên như thế. Ở Đông Quán, biết thứ gì đó một chút làm bạn đủ tư cách để dạy nó cho người khác. Tôi hỏi cô xem cô định làm gì tiếp theo.

“ “Thương mại quốc tế” nói như thế nào chị nhỉ?” Cô hỏi tôi bằng tiếng Trung. Tôi trả lời. Tham vọng của cô có vẻ rộng lớn như cả thế giới, và dễ dàng đạt được như thể nói to một từ.

Xuân Minh và tôi bước ra khỏi tòa nhà và đi qua bãi cỏ xanh phía trước viện bảo tàng. Đêm đã buông xuống và những ngọn đèn đường trải bóng dài xuống đường đi của chúng tôi. “Tôi phải quyết định,” Xuân Minh nói. “Năm nay tôi sẽ học tiếng Anh hoặc tự mở công ty riêng.”

Trong năm đầu tiên xa nhà, Lưu Nghi Hà sống, thở, và ngủ với tiếng Anh kiểu dây chuyền sản xuất. Cô làm việc trong văn phòng cả ngày, còn buổi tối cô học với những cái máy của ông Ngô. Cô ở trong một căn phòng nhỏ phía sau lớp học chung với hai cô gái khác; cả ba đều đang học tiếng Anh, nhưng Lưu Nghi Hà là người chăm chỉ nhất. “Tôi lớn hơn hai người kia một tuổi,” cô kể với tôi, “vì vậy tôi cảm thấy có áp lực phải làm tốt hơn họ.” Quê cô ở tỉnh Giang Tây nghèo nàn nằm trong nội địa, ở đó cha mẹ cô trồng trọt và nuôi vịt. Cô luôn thích ngôn ngữ; ở nhà, cha mẹ cô nói bằng những thổ âm khác nhau và cô đã quen với việc chuyển đổi qua lại giữa những thổ âm ấy. Khi bắt đầu học tiếng Anh ở trường cấp hai, cô đã học khá giỏi. Nhưng cô không thi vào đại học, gia đình cô không đủ tiền để cô học tiếp, vì vậy Lưu Nghi Hà ra đi và đến Đông Quán làm việc.

Ở trường của ông Ngô, cô làm việc để tăng khả năng phát âm của mình - tôi không biết làm sao cô có thể làm được điều đó khi xung quanh chẳng có ai sửa lỗi cho. Cô là học sinh hạng sao của ông Ngô, nhưng quan hệ của họ không được vững bền cho lắm. “Thỉnh thoảng ông ấy quá keo kiệt với em.” Cô kể. “Và ông ta còn không cho em học thuộc các từ vựng nữa.”

“Ông ta không cho cô học thuộc từ vựng?” Tôi hỏi.

“Ông ta khẳng khái bắt em học tiếng Anh theo cách của ông ta. Vì vậy em phải lén học thuộc lòng các từ vựng.”

Lưu Nghi Hà còn xung đột với ông Ngô một trận nữa khi cô ra đi. “Ông ta muốn chụp ảnh em,” cô nói, “nhưng em không để ông ta làm thế.” Ông Ngô dùng ảnh của các học viên để làm tài liệu quảng cáo cho trường học của mình, nhưng Lưu Nghi Hà tự hào với những gì cô hoàn thành và không muốn bất cứ ai nhận ra đó là công của mình. “Mọi thứ

tôi đã làm được,” cô bảo ông Ngô, “Tôi đã tự làm, chứ không phải nhờ có ông.”

Ngay cả theo tiêu chuẩn của Đông Quán, Lưu Nghi Hà cũng tiến nhanh một cách đáng sợ. Trong chín tháng từ khi rời trường học của ông Ngô, cô đã làm sáu công việc dạy học khác nhau, lướt đi như một con lốc qua những thể hiện khác nhau của sự quản lý kém cỏi. Ở công việc nọ, cô đã chủ động đến tham quan các trường khác để quan sát những cách thức dạy học khác nhau; ông chủ của Lưu Nghi Hà buộc tội cô lén lút làm hai công việc một lúc và sa thải cô. Ở công việc tiếp theo, ai đó nghĩ rằng tổ chức một trường học ngoại ngữ không theo lịch định trước là một ý kiến hay. Bất cứ khi nào một sinh viên đến, Lưu Nghi Hà phải dạy ngay lập tức. “Em dạy năm hay sáu tiếng một ngày, ở tất cả các cấp độ khác nhau,” cô nói. “Lúc này đang dạy mức cơ sở, ngay sau đó em đã phải dạy mức nâng cao rồi.” Cô quá kiệt sức đến nỗi phải nghỉ việc sau một tháng mà không nhận tiền lương.

Ở công việc hiện tại, Lưu Nghi Hà dạy hai tiếng mỗi tối và có cả ngày để chuẩn bị bài cũng như tự học. Cô kiếm được 1.500 nhân dân tệ mỗi tháng - khoảng gần hai trăm đô la, một món khá đáng kể. Nhưng cô lại vừa mới xung đột với giám đốc của trung tâm giảng dạy đó. Ông ta muốn cô nhanh chóng dạy được thật nhiều bài; cô lại nghĩ học viên nên có được sự tự tin khi nói chuyện trước đã. Ông ta phủ quyết cách dạy tập trung vào các trò chơi và sự tham gia của sinh viên hơn là các bài giảng. Ông giám đốc trung tâm ấy không biết ngoại ngữ nào.

Tất cả những người thuê Lưu Nghi Hà làm việc đều nghĩ cô đã tốt nghiệp đại học ngành Tiếng Anh vì đó là điều cô nói với họ trong buổi phỏng vấn xin việc. Điều gây ấn tượng sâu sắc nhất ở cô - là cô đã tìm được cách học một ngôn ngữ khác mà không cần được đào tạo chính quy - đồng thời cũng là điều cô che giấu với hầu hết những người cô quen biết.

SÁU THÁNG SAU LẦN GẶP GỠ ĐẦU TIÊN, tôi đến thăm Lưu Nghi Hà ở ngôi trường nơi cô dạy học ở Thạch Kiệt - một quận công nghiệp khác của Đông Quán mà tôi chưa bao giờ đến. Cô để tóc dài, đeo kính gọng bạc và mặc một chiếc váy kẻ trông rất đứng đắn nghiêm túc, đi giày cao gót đen. Trông cô khá trưởng thành, mặc dù vẫn hơi loạng choạng khi bước đi. Trong lúc ăn cơm sườn ở một nhà hàng bán đồ ăn nhanh, chúng tôi nói chuyện, bằng tiếng Trung, về tiếng Anh. Lưu Nghi Hà muốn xin việc làm phiên dịch ở nhà máy để có thể nâng cao khả năng tiếng Anh của mình - *Thương mại quốc tế nói như thế nào chị nhỉ?* - nhưng nếu không có kinh nghiệm làm việc trong nhà máy, sẽ chẳng ai nhận cô cả. Cô bị ám ảnh bởi thứ ngôn ngữ đó; câu chuyện trong bữa tối của chúng tôi không bao giờ lạc ra khỏi chủ đề này.

Sau khi ăn xong, Lưu Nghi Hà nhìn tôi và hỏi: “Chị nghĩ em nên làm gì để nâng cao khả năng tiếng Anh của mình?”

“Cô nên nói chuyện với những người bản ngữ càng nhiều càng tốt,” tôi đáp. Lời vừa

tuột ra khỏi miệng, tôi liền nhận ra đó là một lời khuyên vô dụng, bởi hiếm khi tôi thấy một người phương Tây nào ở Đông Quán bên ngoài sảnh của khách sạn Sheraton. Sự thực là, cách tốt nhất để học tiếng Anh là hẹn hò với một người nước ngoài - có vô số *tiểu thư* đã trở nên nói thông viết thạo bằng cách này - nhưng tôi không thể nói chuyện đó với Lưu Nghi Hà được.

“Còn ngành du lịch thì thế nào?” Tôi hỏi cô.

Cô đặt lòng bàn tay lên đỉnh đầu. “Nhìn em đây này. Em không đủ tiêu chuẩn chiều cao. Hướng dẫn viên du lịch ít nhất phải cao 1,6 mét.”

Đúng vậy - đó là một đề nghị ngu ngốc khác. Tôi đã hoàn toàn quên rằng chiều cao có thể ảnh hưởng đến công dụng của tiếng Anh ở một nơi như Đông Quán. Trong khi đó, Lưu Nghi Hà lo lắng rằng kỹ năng ngôn ngữ của cô đang thui chột dần, làm giáo viên ở các trường học có vẻ như là một ngõ cụt. Trong một thành phố bị chiếm lĩnh bởi các nhà máy, trường tư cũng chỉ là một dịch vụ chất lượng thấp khác mà thôi. Trong hệ thống trường học chính quy, giáo viên được hưởng sự tôn kính và các lợi ích khác, nhưng Lưu Nghi Hà sẽ không bao giờ bước vào được thế giới của họ. “Họ có hệ thống riêng của mình,” cô nói. “Họ không thể chấp nhận được rằng em có kinh nghiệm từ xã hội.”

Sau bữa ăn, Lưu Nghi Hà đưa tôi về trường cô - một tòa nhà văn phòng bốn tầng hầu như trống không vào giờ này. Vài giáo viên đang chơi bi-a trong một phòng học, hai chàng trai trẻ hát karaoke ở một phòng khác, giọng lạo xạo của họ vang vọng dọc hành lang. Các phòng học chỉ đầy người vào buổi tối khi người ta đi làm về. Trường học thường đóng cửa vào buổi tối, nhưng ở Đông Quán, thời gian biểu cho việc học đã đảo lộn, như thể những nơi này được gắn với một múi giờ cách đây nửa vòng trái đất vậy.

Trong lớp của mình, Lưu Nghi Hà cho tôi xem các cuốn giáo trình tiếng Anh của cô. Cô chỉ ra một cuốn mình thích vì nó khuyến khích người học thực hành những gì họ đã học được; cô phê bình một cuốn khác vì mỗi bài học có quá ít kiến thức. Trong cuốn *Từ ABC đến đàm thoại bằng tiếng Anh* có một đoạn hội thoại mẫu chẳng liên quan gì đến thực tế ở Đông Quán cả:

Are those factories?

No, they aren't. They are parks.

(Đó có phải các nhà máy không?)

Không, không phải. Chúng là công viên.)

Lưu Nghi Hà nhặt một mẫu phấn và bắt đầu ngoáy chữ lên tấm bảng. Đây là sự khác biệt, cô hỏi tôi, giữa âm *s* trong *television* và âm *ge* trong *change*? Trọng âm của từ *consultant* ở đâu? Âm *s* trong từ *sea* khác âm *ts* trong từ *cats* thế nào? *Television. Change. Sea. Cats.* Đó là những câu hỏi lạ lùng và chẳng liên quan gì đến nhau, nhưng đó là chuyện xảy ra khi giáo viên của bạn là một cái máy.

Cô sống ở tầng: trên lớp học trong một căn phòng tập thể với hai cô gái khác. Căn phòng có hai giường tầng, một phòng tắm nhỏ và nhiều giáo trình hơn: trên bàn của Lưu Nghi Hà, dưới gầm giường cô, trong một chiếc ba lô để trên sàn. Cô là một người nghiện giáo trình tiếng Anh. “Có lẽ em phải có ba mươi quyển sách tiếng Anh ấy,” cô nói. “Không cuốn sách nào có đủ mọi thứ mình cần biết cả.” Một trong vài vật sở hữu ít ỏi không phải sách giáo trình của cô là một cuốn album ảnh. Bên trong có những tấm chụp Lưu Nghi Hà trong dáng điệu của dân di trú điển hình: đứng trước một tòa nhà công sở, đi chơi công viên với các cô bạn gái. Cô chỉ vào một trong những tấm ảnh. “Hai cô gái này giờ đã quyết định “ngâm mình trong tiếng Anh”. Họ muốn bỏ ra một hoặc hai năm tới chỉ để học tiếng Anh thôi.” Cả hai cô gái trẻ đó đều đăng ký học ở trung tâm của ông Ngô. Họ đã cạo trọc đầu để biểu thị lời cam kết của mình, như các nhà sư làm khi họ vào tu trong chùa. Để học tiếng Anh, cần phải từ bỏ thế giới trần tục.

Tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp không phải là trung tâm ngôn ngữ đáng ngờ duy nhất ở Đông Quân. Một tiếng Anh, đi kèm với sự háo hức học thứ ngôn ngữ ấy mà hoàn toàn không biết gì về cách thức học, mười mười là mảnh đất béo bở cho nạn lừa đảo. Một công ty tên Tiếng Anh Bạc Thang nhắm vào đối tượng là các bậc cha mẹ có tham vọng. Với khoản phí 5.500 nhân dân tệ - khoảng gần bảy trăm đô la, một món tiền lớn đối với một gia đình Trung Quốc - trường sẽ cung cấp tài liệu giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em và thường xuyên có các “cố vấn sư phạm” đến thăm nhà để theo dõi quá trình học tập của đứa trẻ. Như một công cụ tiếp thị, nhà trường mời các bậc phụ huynh và con em họ đến các lớp học miễn phí có hiệu quả như những cuộc họp mặt với người bán hàng trực tiếp. Các chuyên gia phát triển trẻ em không tiếc lời ca ngợi phương thức giáo dục của trường, trong khi các bậc cha mẹ thì tranh nhau đăng ký cho con mình. Vài giáo viên sẽ dẫn lũ trẻ sang một phòng khác và dạy chúng vài mẫu câu tiếng Anh, khi đám trẻ quay lại, bập bẹ ngoại ngữ, cha mẹ chúng thường xúc động mà đăng ký học ngay tại chỗ.

Trên thực tế, Tiếng Anh Bạc Thang hoàn toàn là trò lừa đảo. Theo một bài báo trên tờ báo địa phương, các chuyên gia phát triển trẻ em và vài người trong số những phụ huynh nhiệt tình nhất trong các lớp học miễn phí thực ra là nhân viên của công ty. Các “cố vấn sư phạm” không ghé thăm các gia đình nhiều hơn một hoặc hai lần, và họ không phải giáo viên mà là người bán hàng, những người này nhận được một nghìn nhân dân tệ tiền hoa hồng cho mỗi khách hàng. Những người bán hàng này phải bỏ ra một khoản tiền đáng kể để mua các tạp chí giáo dục, trả tiền đi lại, thuê phòng cho các lớp học miễn phí... khi gia nhập công ty. Tiếng Anh Bạc Thang về bản chất là một mô hình kinh doanh kiểu kim tự tháp, được đổ năng lượng bằng ham muốn học tiếng Anh đến bất chấp tất cả của con người.

Không ai trong công ty hoạt động theo mô hình nhượng quyền ấy đồng ý nói chuyện

với tôi. Lưu Nghi Hà đã làm việc cho Tiếng Anh Bậc Thang một thời gian ngắn và mô tả cách thức hoạt động của nó. Những người bán hàng được hướng dẫn là phải đợi bên ngoài trường tiểu học khi lũ trẻ ra về, để tiếp cận những bậc cha mẹ lái xe riêng và vờ như yêu mến bọn trẻ. “Khi đưa trẻ đi ra, thì phải chơi với nó,” Lưu Nghi Hà kể với tôi. “Sau đó cha mẹ và con họ cùng được mời đến tham dự buổi diễn thuyết của Tiếng Anh Bậc Thang.” Lưu Nghi Hà rời công ty sau mười ngày. “Em nghĩ ở góc độ nào đó thì như vậy là lừa đảo,” cô nói.

Một sự lừa đảo khác là chuyện về các giáo viên nước ngoài. Những người đàn ông da đen trẻ tuổi nói mình là người Canada hoặc người Anh xuất hiện ở các trường học khắp thành phố Đông Quán, nhận làm giáo viên tiếng Anh. Đó có thể là khoảnh khắc đánh dấu bước ngoặt trong cuộc hành trình tiến đến đa dạng chủng tộc của Trung Quốc, ngoại trừ một việc rằng nó không phải thế. Một phụ huynh kể với tôi, cả lớp mẫu giáo của con gái chị khóc khi nhìn thấy thầy giáo mới, vì chúng chưa bao giờ thấy một người da đen cả. Nhà trường đã sa thải anh ta.

Một hôm tôi đang ở chỗ Lưu Nghi Hà thì Joseph, một thầy giáo cùng trường cô, nghe nói là đến từ Canada bước vào căn phòng. Anh ta da đen, khoảng ba mươi tuổi, có gương mặt khá điển trai và thái độ dễ dãi. Anh ta chào tôi bằng tiếng Anh giọng rất nặng.

“Cô có chồng chưa?” là câu hỏi đầu tiên của anh ta.

“Số điện thoại di động của cô là gì?” là câu thứ hai.

Sau khi Joseph ra khỏi căn phòng, tôi hỏi Lưu Nghi Hà, “Anh ta ở đâu đến thế?”

“Anh ta bảo anh ta là người Canada.”

“Anh ta không phải người gốc Canada,” tôi nói. “Nghe cách anh ta nói, tôi có thể khẳng định điều ấy.”

Cô nghĩ ngợi một thoáng. “Anh ta cũng nhắc đến một đất nước khác nữa. Gan Da...”

“Uganda?”

“Đúng rồi. Uganda.”

Cuối cùng tôi cũng hiểu ra bí ẩn của những giáo viên da đen. Họ là người châu Phi, đến từ những vùng lạc hậu và giả bộ với những người quản lý nhà trường vốn chẳng biết mô tê gì, rằng mình là những người nói tiếng Anh bản ngữ. Trong nhiều năm, đã có hơn ba mươi nghìn sinh viên châu Phi đến học đại học ở Trung Quốc, đây là một phần trong chính sách hỗ trợ các đồng minh ở thế giới đang phát triển của chính quyền Bắc Kinh. Có thể hiểu được tại sao họ ở lại với tư cách là giáo viên người nước ngoài. Ở trường của Lưu Nghi Hà, Joseph kiếm được nhiều tiền hơn cô trong khi lại dạy ít giờ hơn.

Lưu Nghi Hà cảnh báo tôi vì đã cho Joseph số điện thoại. “Chị nên cẩn thận,” cô nói.

“Anh ta sẽ gọi cho chị suốt cho mà xem.” Cô kể rằng Joseph thường xuyên cửa cầm các học viên nữ của anh ta, khi anh ta hỏi số điện thoại một người, cô gái đó thường xuyên phản ứng lại bằng cách không bao giờ đi học nữa. Thỉnh thoảng, một trong đám học sinh của Joseph lại hỏi Lưu Nghi Hà cách nói một câu bằng tiếng Anh: *Tôi có thể kết bạn với anh nhưng không phải là bồ của anh.*

Các buổi tối thứ Năm hằng tuần, Lưu Nghi Hà dạy tiếng Anh ở một nhà máy điện tử của Nhật Bản. Có một buổi tôi đi theo cô đến lớp. Bốn người đàn ông và hai phụ nữ trong lớp làm ở bộ phận kinh doanh hoặc quản lý, tất cả bọn họ đều lớn tuổi hơn cô.

Cô trả lại bài kiểm tra của họ. “Đừng lo về điểm số của các anh chị ngày hôm nay,” cô nói, ngay lập tức phá vỡ truyền thống trọng điểm số đã có nghìn năm tuổi. “Bài kiểm tra tiếng Anh của các anh chị không phải ở đó. Nó ở chỗ các anh chị có thể dùng được nhiều đến đâu.

Các học viên bắt đầu ôn lại bài tuần trước. Lưu Nghi Hà quay sang một trong những học viên ngồi ở hàng trước và hỏi bằng tiếng Anh: “Anh đã học gì?”

“Cô muốn tôi nói tiếng Anh hả?” Anh ta hỏi bằng tiếng Trung - không phải một khối đầu hứa hẹn cho lắm. Anh ta cố gắng mãi, cuối cùng cũng nói bằng tiếng Anh: “Tôi học vài câu chuyện. Nó thú vị lắm.”

“Anh có thể kể cho tôi nghe vài câu chuyện tiếng Anh không?” Cô hỏi.

Một thoáng im lặng dài. Sau đó, bằng tiếng Trung: “Tôi quên mất rồi.”

Học viên tiếp theo nói: “Tôi học mấy từ và cách biểu đạt mới.”

“Còn gì nữa không?”

Một thoáng im lặng dài. Sau đó, bằng tiếng Trung: “Tôi không biết nói thế nào.”

“Okay, đến lượt chị,” Lưu Nghi Hà nói với người phụ nữ ngồi hàng thứ hai.

Bằng tiếng Trung: “Khó nói lắm.”

Lưu Nghi Hà chuyển sang nói tiếng Trung: “Học tiếng Anh tức là nói tiếng Anh. Nếu các anh chị không nói tiếng Anh, vậy thì không phải các anh chị đang học tiếng Anh. Các anh chị không được sợ mắc lỗi. Tôi mắc rất nhiều lỗi, nhưng tôi không bao giờ sợ cả.”

Đó là sự thật. Lưu Nghi Hà không thể phân biệt âm *l* và *n*. Thậm chí cô còn không thể nói được từ *pronunciation* - cô đọc nó thành “*pronuntion*”. Thỉnh thoảng cô không hiểu học viên của mình nói gì, đôi khi cô sửa cho họ trong khi họ đúng. Cô thường xuyên trả lời sai câu hỏi của họ. Nhưng cô có bản năng dạy học, đâu đó trên chặng đường ấy cô đã đoán ra được bí mật của việc học một ngoại ngữ, chính là bắt đầu từ việc không sợ hãi.

CÁC HỌC VIÊN QUÂY LẠI XUNG QUANH TÔI trong giờ nghỉ. Tôi đã có một bài phát biểu ngắn bằng tiếng Anh lúc lớp học bắt đầu, giới thiệu bản thân và nói đủ chậm

để họ có thể hiểu tôi nói gì. Xét cho cùng, họ là những người đã tốt nghiệp đại học và đã tham gia lớp học này trong nhiều tháng. Nhưng sau khi quan sát họ vật vã với bài học, tôi nhận ra rằng có lẽ họ không hiểu một chút nào những gì tôi nói.

Mấy người đàn ông lên tiếng trước. “Ở đâu tốt hơn, Trung Quốc hay Mỹ?”

“Các thành phố ở Mỹ an toàn hơn nhiều, đúng không? Và chất lượng con người thì cao hơn nhiều.”

“Chị có nhớ Trung Quốc lắm không?”

“Chị ấy đã sống ở Trung Quốc sáu năm,” người phụ nữ giỏi tiếng Anh nhất lớp sốt ruột trả lời thay. “Anh vẫn chưa nghe thủng ra à?” Các học viên hỏi tôi rất nhiều điều về nước Mỹ. Nhưng không người nào dám nói với tôi bằng tiếng Anh.

Sau giờ nghỉ, họ chuyển sang một bài về chủ đề đi cắm trại. Lưu Nghi Hà yêu cầu các học viên hoặc là đọc thành tiếng một đoạn văn hoặc tự kể câu chuyện bằng ngôn từ của mình. Các học viên đều chọn đọc đoạn văn - họ đọc khá tốt, tốt hơn nhiều so với nói. Sau đó Lưu Nghi Hà yêu cầu các học viên kể lại câu chuyện. Người phụ nữ giỏi tiếng Anh nhất lớp nhớ toàn bộ đoạn văn, chính xác đến từng chữ một. Người tiếp theo cũng cố gắng lặp lại thành tích ấy. Nhưng khi anh ta quên mất một từ trong đoạn văn, anh ta dừng lại, như băng ghi âm bị kẹt, cho đến khi Lưu Nghi Hà nhắc cho anh ta nhớ.

Tôi có cảm giác thật lạ lùng khi ngồi trong một nhà máy ở Đông Quán nhìn những con người trẻ tuổi quá đỗi gương ép bởi chính sự rụt rè của họ. Thành phố này được xây dựng trên sự tạm bợ và chấp vạ, bí mật của sự thành công là chỉ cần học đủ để dựa vào tài miệng lưỡi mà kiếm được một công việc văn thư hoặc đi dạy, hoặc bất cứ thứ gì khác mà ta muốn. Nhưng trong lớp học của Lưu Nghi Hà, tôi đã thấy những hạn chế của lối suy nghĩ ấy. Học một thứ ngoại ngữ một cách tử tế cần thời gian, và không có đường tắt. Bạn không thể bịp bợm mà học được tiếng Anh.

Rủi ro bám theo ông Ngô. Trường của ông ta đã bị trục xuất khỏi Viện Bảo tàng Khoa học sau khi ông ta cãi vã với chủ đất, hầu hết các học viên đều bỏ học. Vợ ông ta bỏ rơi ông và đưa con trai chín tuổi của họ. Ông ta chuyển hoạt động của tiếng Anh kiểu dây chuyền sản xuất về nhà mình. Các lớp học chen chúc trên tầng cao nhất của ngôi nhà bốn tầng, phòng làm việc của ông Ngô ở tầng ba và phòng ngủ của ông ở tầng hai. Hôm tôi ghé qua, chân cầu thang chất đầy những rác, chủ yếu toàn là thùng các tông và báo cũ. Ông Ngô vui vẻ chào đón tôi và đẩy tôi vào xưởng làm việc của mình, chúng tôi ngồi trên ghế đầu kim loại nói chuyện trong cái nóng hè oi ả, xung quanh toàn là những mẫu gỗ thừa lớn.

Thế giới vật chất của ông Ngô đã bị nén lại thành một không gian khiêm tốn, song tham vọng của ông vẫn mênh mông như thế. Đột phá mới nhất của ông nằm trên một

chiếc bàn: chiếc máy dạy tiếng Anh được làm hoàn toàn bằng nhựa màu da cam và xanh lam, từ một bộ khuôn mà ông tự thiết kế lấy. Tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp đã bước vào kỷ nguyên công nghiệp. Giờ đây những chiếc máy ấy đã có thể sản xuất hàng loạt, tôi được biết rằng ông Ngô đã gia công được năm trăm chiếc; chúng được bọc trong giấy báo và chất khắp nơi xung quanh căn hộ của ông. Ông có kế hoạch cho các học viên thuê máy để họ có thể học tiếng Anh ở nhà. Phát minh của ông Ngô đã khiến các giáo viên trở nên lỗi thời, giờ cả phòng học cũng không còn cần thiết nữa.

Tôi nói với ông Ngô rằng tôi muốn tìm hiểu thêm về lý thuyết dạy tiếng Anh của ông.

“Cái này không chỉ để học tiếng Anh nữa,” ông ta ngắt lời. “Nó là để phát triển đại não. Cô có thể học toán, lịch sử, bất cứ cái gì bằng cái này. Đây là một vật phi thường.” Ông ta vừa nói vừa âu yếm vỗ nhẹ lên phát minh của mình.

Giả dụ, ông Ngô nói, một sinh viên lịch sử muốn học về cuộc chiến xâm lược Trung Quốc năm 1937 của Nhật Bản. Trước tiên, cậu ta sẽ đọc một đoạn viết về sự kiện được in trên những tấm thẻ đặt trên các tấm bảng chuyển động của chiếc máy. Một bộ thẻ khác sẽ chạy qua với những câu hỏi để kiểm tra xem cậu ta nắm bắt được đến đâu: Cuộc xâm lược xảy ra khi nào? Ý nghĩa đằng sau sự kiện này là gì? Những gợi ý khác nhau sẽ xuất hiện, thúc đẩy cậu sinh viên nghĩ đến những ý tưởng mới, rồi cậu ta sẽ viết những điều ấy dưới dạng một bài luận.

Tôi hỏi ông Ngô tại sao như vậy lại tốt hơn là đọc những thông tin đó trên một trang giấy in.

“Khi tay phải cô viết, não trái của cô hoạt động,” ông ta trả lời. “Khi não trái của cô hoạt động, nhãn cầu phải của cô cũng hoạt động. Khi cô đọc một cuốn sách, nhãn cầu của cô chỉ nhìn chăm chăm vào trang giấy. Nhưng khi cô đọc trên chiếc máy này, nhãn cầu của cô chuyển động nhanh.” Ông Ngô giải thích rằng ông đang phát triển một bộ giáo trình toàn diện cho chiếc máy này và có kế hoạch tìm kiếm nhà đầu tư.

“Có ai hứng thú không?” Tôi hỏi.

“Có,” ông Ngô đáp. “Một người Mỹ đã tỏ ra hứng thú.”

“Ai thế?”

“Anh ta đến từ Seattle. Michael.” Ông Ngô đột nhiên nhìn vào khoảng không. “Tôi để danh thiếp của anh ta ở đâu đó quanh đây này.”

Ông Ngô đưa tôi lên tầng để tham quan trường học. Mười chiếc máy Tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp đang chen chúc trong một căn phòng chật hẹp, đặt trên những chiếc bàn chỉ cách nhau vài bước chân. Mấy học viên đang đọc thành tiếng từ và các câu, giống như một căn phòng đầy ních những tổng đài viên điện thoại lẩm bẩm bằng một thứ ngôn ngữ gần giống như tiếng Anh nếu bạn đủ tập trung để nghe. Đây là những phần tử trung kiên, tất cả những phụ nữ trẻ đã theo chân ông Ngô từ Viện Bảo tàng Khoa học đến

chỗ chật hẹp ở nhà ông. Bị tính nôn nóng muốn học thục đây, họ nghiêng người về phía những cái máy. Trước mặt mỗi học viên là đồ ăn cho buổi tối: nước đóng chai, ba quả mận. Nơi này thật ngọt ngào.

Tôi đi theo ông Ngô vòng quanh căn phòng. Tôi nghĩ ông ta sẽ giới thiệu vài học viên với tôi, nhưng thay vì thế, ông ta lại dẫn tôi đến cạnh một trong những cái máy. “Những cái này cồng kềnh nặng nề hơn những cái mới của tôi nhiều,” ông ta nói. “Phải hai người mới khiêng được một cái.”

Giờ trời đã chạng vạng tối, tôi có ý kiến rằng không có đèn thì hơi tối để có thể đọc được.

“Thế không có hại cho mắt,” ông ta nói. “Ánh mặt trời chói lóa có hại cho đôi mắt ta.”

“Tôi không nói rằng ánh mặt trời chói lóa tốt cho mắt,” tôi nói. “Tôi chỉ nói đọc trong bóng tối thì không tốt thôi.”

“Không đúng,” ông ta nóng nảy gắt lên. “Đây là chỉ khi nào nhãn cầu của cô không di chuyển. Nếu nhãn cầu của cô di chuyển, có tối đến mấy cũng chẳng ảnh hưởng gì cả.”

Ngày hôm đó tôi tìm hiểu thêm được vài điều về ông Ngô. Ông ta chẳng có một chút nền tảng sư phạm gì cả; trước khi lập ra trường dạy ngoại ngữ này, ông ta làm việc trong một nhà máy sản xuất thiết bị sưởi ấm. Tiếng Anh của ông ta rất tệ, có lẽ là không biết chữ nào - đã vài lần khi tôi dùng những thuật ngữ tiếng Anh trong cuộc trò chuyện, ông ta gật đầu và vội vàng chuyển chủ đề. Từ tiếng Anh duy nhất tôi từng nghe ông ta dùng là “okay,” như trong câu: “Thập yếu sự liên thượng đại não, na tựu okay.” Từ đó nghe có vẻ đơn độc một cách lạ lẫm khi ở cuối một câu như thế. Câu ấy có nghĩa là “một khi bạn liên hệ với đại não, mọi thứ đều sẽ tốt.”

Ông Ngô không giỏi giao thiệp với người khác. Ông ta đã nổi điên lên với chủ cho thuê nhà ở bảo tàng khoa học, đồng thời cũng nổi điên lên với Lưu Nghi Hà, học trò ngôi sao của mình. Có thể chắc rằng ông ta đã xua đuổi vợ mình đi, mặc dù khó có thể biết rằng chuyện đó xảy ra trước hay sau khi ông ta đã sản xuất hàng loạt năm trăm chiếc máy học tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp và để chúng khắp nơi trong căn hộ của họ. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi tôi quen biết ông ta, ông Ngô cũng nổi giận với tôi nữa; thật dễ nổi điên khi qua lại với ai đấy giáo điều đến vậy. Tôi có thể kết luận rằng cả nhân loại làm ông ta cáu kỉnh. Ông ta thích nói về con người ở những bộ phận riêng biệt: nhãn cầu, tay, bộ não. Nhưng con người như một tổng thể lại chẳng có nghĩa gì với ông Ngô này cả. Họ là những kẻ thiếu hiệu năng, họ chỉ sử dụng 5% đại não, họ có thứ ác cảm khiến người ta phải nổi điên lên đối với chuyện ngồi trước một cái máy mười một tiếng một ngày để học ngoại ngữ. Về cơ bản, con người không làm việc - tưởng chừng như thế Đấng Tạo hóa tạo ra họ đã sử dụng các bộ phận thượng hạng nhưng lại lắp ráp hỏng vậy.

Máy móc là một vấn đề khác. Một ngày nào đó, khi đã sửa chữa vá víu đầy đủ, ông Ngô

sẽ thiết kế một cái máy học kiểu dây chuyền lắp ráp hoàn hảo cho phép người ta có được toàn bộ kiến thức của nhân loại mà thậm chí không cần phải ra khỏi nhà. Ông ta có một niềm tin tuyệt đối vào kỹ thuật, ông ta biết rằng máy móc là câu trả lời. Thật trớ trêu thay, người đàn ông này lại bị trục xuất khỏi Viện Bảo tàng Khoa học.

Nỗ lực tự hoàn thiện bản thân đưa Lưu Nghi Hà sang một hướng đi mới. Ở thư viện công cộng Đông Quán - tôi chưa từng biết đến sự tồn tại của một nơi như thế - cô đã đọc những cuốn sách như *Học tập toàn não bộ* và *Thánh Kinh tự học tại nhà của người Do Thái*. Cô muốn cải thiện trí nhớ và học cách kinh doanh dựa trên những bài học của kinh Talmud. Cô bắt đầu uống những viên thuốc bổ não, vì làm việc quá sức sẽ dẫn đến bị gàu và rụng tóc. Cô bắt đầu nghĩ đến chuyện học thêm tiếng Nhật.

“Em nghe nói một người Trung Quốc phải mất một năm để học tiếng Anh, nhưng chỉ cần ba tháng để học tiếng Nhật thôi,” cô nói với tôi. “Nghe đồn sinh viên tốt nghiệp đại học ở Bắc Kinh có thể kiếm thêm một nghìn đồng một tháng cho mỗi thứ tiếng họ nói được. Thật không thể?”

Tôi bảo Lưu Nghi Hà rằng có lẽ cô nên tập trung vào việc nâng cao trình độ tiếng Anh lên trước đã.

“Em đang dồn hết sức để mở rộng vốn từ đây,” cô nói. “Mỗi ngày em ghi nhớ năm mươi từ.”

“Năm mươi từ một ngày?” Tôi ngạc nhiên nhắc lại.

“Thế là nhiều hay ít?”

Lần cuối cùng tôi gặp Lưu Nghi Hà, cô đã có một tạo hình khác. Cô nhuộm và uốn tóc khiến nó trông dài và lượn sóng nhấp nhô, trông như cái kẹo caramen. Cô đã quyết định rằng, một giáo viên tiếng Anh có mái tóc đen bình thường thì thật *tu (thô)*, nhà quê quá. “Em làm vậy để trông mình Tây hơn.” Cô nói. Cô đã thuộc lòng toàn bộ một cuốn sách từ vựng cho tiếng Anh cấp sáu, gồm năm nghìn từ. Những cô gái ở trường của ông Ngô tự cao đầu lần nữa để biểu thị lòng quyết tâm học tiếng Anh. Ông Ngô đề nghị Lưu Nghi Hà làm đối tác trong công việc kinh doanh mạo hiểm mới của mình, đồng thời hứa cho cô một phần ba lợi nhuận, nhưng cô không tin ông ta. Kỹ năng giao thiệp với con người của ông ta vẫn chưa tiến bộ.

“Với trình độ tiếng Anh của cô,” mới đây ông ta nói với Lưu Nghi Hà, “cô có thể trà trộn làm giáo viên dạy thêm cùng lắm là một năm nữa. Sau đó, sẽ không còn chỗ nào cho cô nữa vì tôi đã chiếm lĩnh toàn bộ thị trường. Nhưng cô cũng vẫn có thể đi dạy ở nơi nào đó khác.”

“Tại sao ông ta lại nói thế?” Tôi hỏi.

“Em nghĩ ông ta đang cố buộc em trở lại làm việc cho ông ta.”

“Thật tệ quá.”

“Phải,” cô nói, “nhưng em cảm thấy thương hại cho ông ta. Ông ta hoàn toàn cô độc.”

Cô đã từ chối đề nghị của ông Ngô. Thay vào đó cô nhảy sang một công ty Internet để điều hành trang Web tiếng Anh nhắm vào đối tượng khách hàng nước ngoài. Một tháng sau khi cô gia nhập, công ty phá sản và người chủ biến mất mà không trả hơn một trăm nghìn nhân dân tệ tiền lương nhân viên. Lưu Nghi Hà cùng với những nhân viên khác tham gia vào một vụ kiện để đòi tiền, mặc dù họ không hy vọng nhiều lắm.

Vài tháng sau đó, mùa xuân năm 2007, Lưu Nghi Hà tìm được một công việc ở bộ phận thương mại quốc tế của một nhà máy sản xuất các bộ phận của chiếc micrô. Cô làm việc với khách hàng nước ngoài, tháp tùng họ trong các chuyến thăm nhà máy và tham dự các hội chợ thương mại. Công việc này yêu cầu tiếng Anh cấp sáu và bằng đại học. “Tôi không có những thứ ấy,” cô đã nói như thế khi đến phỏng vấn vào vị trí ấy. Giờ đây, các buổi tối Lưu Nghi Hà dạy tiếng Anh cho đồng nghiệp hoặc các học trò riêng ở nhà. Cộng cả ba việc lại, cô kiếm được khoảng năm nghìn nhân dân tệ một tháng (625 đô la), một mức lương tuyệt vời ở Đông Quán. Cô có kế hoạch tiết kiệm tiền để mở một trường mẫu giáo tiếng Anh. Đó là kế hoạch năm năm của cô.

Sau khi vào làm việc ở bộ phận thương mại quốc tế, Lưu Nghi Hà gửi cho tôi thông tin liên lạc mới của cô qua email. Đó là số điện thoại di động thứ sáu cô cho tôi từ khi chúng tôi gặp nhau lần đầu. *Sometime I feel very tried, but sometime I feel very enrichm* (Thỉnh thoảng tôi cảm thấy rất mệt mỏi, nhưng thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy rất giàu có)^[27], cô viết. Tiếng Anh của cô vẫn những lỗi là lỗi, cô tiến quá nhanh để có thể tự sửa cho mình. Nhưng tôi là ai mà có tư cách phê bình cô chứ? Trong hai năm tôi biết cô, cô đã có được chính xác thứ mà cô muốn.

Phần Hai: Làng quê

10. Làng quê

Sau khi Mẫn bị mất điện thoại mùa hè năm 2004, cô gây dựng lại cuộc đời từ đầu. Cô gọi cho anh họ - số điện thoại duy nhất mà cô thuộc - anh ta nối lại liên lạc cho cô với chị gái, với cả tôi nữa. Mẫn trở lại thị trường tuyển dụng lao động và tìm được việc ở phòng nhân sự của một nhà máy sản xuất túi xách của Hồng Kông. Công việc này được trả tám trăm nhân dân tệ một tháng, không phải làm thêm giờ và được nghỉ ngày Chủ nhật. Cô mười tám tuổi, đây là nhà máy thứ tư mà cô đến làm việc trong vòng một năm.

Tôi đến thăm Mẫn ở ký túc xá mới, ngăn nắp và mới được quét vôi trắng toát, trên tường dán đầy tranh ảnh của các minh tinh màn bạc Trung Quốc. Trong khi tôi và cô cùng ăn mì ở tiệm mì gần đó, tôi hỏi thăm tình hình bạn cô.

“Ý chị là bạn trai của em à?” Cô hỏi thẳng, không dùng lối nói vòng vo của người Trung Quốc. “Từ khi anh ấy về quê, em không có tin tức gì của anh ấy hết.”

“Cô không nhắn tin cho cậu ấy à?” Tôi hỏi.

“Em quên mất số điện thoại của anh ta rồi.”

“Thế thì cô không thể liên lạc với cậu ta, và cậu ta cũng không thể liên lạc với cô à?”

Cô gật đầu. “Có lẽ em sẽ gặp anh ấy ở quê vào dịp năm mới.”

Tôi hỏi Mẫn về hai người bạn của cô ở nhà máy cũ, những người mà chúng tôi đã cùng đến thăm. “Một người tìm được việc ở một nhà máy tại Trường Bình nhưng em không biết là nhà máy nào,” Mẫn nói. “Người kia về nhà để đính hôn, nhưng em không biết quê của chị ấy ở đâu.” Ở quê, mọi người đều biết nhau cả và có nhiều cách để giữ liên lạc với nhau. Nhưng bạn bè của Mẫn ở thành phố đều không quen nhau, nên chỉ trong phút chốc, cô mất gần hết liên lạc với những người mình biết. “Bây giờ em chẳng có bạn bè gì nữa,” cô nói.

Vì vậy cô bắt đầu lại từ đầu. Ở nhà máy mới, cô gặp A Kiệt. Cậu ta hơn Mẫn ba tuổi, gầy như que củi, chân tay nguần ngoào, gương mặt nhỏ nhắn đẹp trai với nụ cười rụt rè; khi nói chuyện với người lạ, cậu ta ngượng đỏ mặt tới tận mang tai. Cậu ta làm trợ lý ở nhà máy và đáp ứng được hầu hết các yêu cầu về người yêu của Mẫn: tốt bụng, không hút thuốc, không uống rượu hay cờ bạc, cao hơn một mét bảy. Gần như ngay lập tức, A Kiệt bắt đầu thúc giục Mẫn lấy cậu ta. Cô bảo cậu ta trước tiên phải dành dụm được ít tiền đã, thực ra là cô chưa muốn nghĩ đến hôn nhân. “Em muốn để dành ít tiền làm vốn để buôn bán nhỏ. Nếu lấy chồng sớm, thì em phải ở nhà,” cô kể với tôi. “Thà ra ngoài làm việc cả đời còn hơn là ở nhà.”

Cô kể với cha mẹ về người yêu mới. “Cậu ta là người ở đâu?”

“Anh ấy làm cùng nhà máy với con,” Mẫn ngập ngừng nói.

“Cậu ta quê ở đâu?” Bố mẹ cô hỏi lại.

Anh chàng không phải quê ở tỉnh Hồ Bắc, đó là điều cha mẹ Mẫn lo ngại. Ở đất nước Trung Quốc truyền thống, một cô gái trẻ lấy chồng thì thành người làng chồng, nhưng quê chồng vẫn phải gần nhà để cô có thể về thăm nhà những dịp lễ tết. Giờ đây việc ra thành phố có thể khiến cho hai người ở hai làng quê cách xa nhau hàng nghìn cây số gặp gỡ và kết hôn. Đối với cha mẹ của cô gái trẻ mà nói, đó là một thảm họa: không quen phải đi xa, họ lo lắng rằng con gái mình lấy chồng xa sẽ gần như biến mất khỏi cuộc đời họ.

Khi Mẫn gặp chàng trai mà cô ưng ý, quan điểm của cô là biết càng ít về xuất thân của anh ta càng tốt. “Gia đình anh có nghèo không?” Một lần cô hỏi A Kiệt. “Nghèo lắm,” cậu ta đáp. Đó là tất cả những gì cô biết, và thế là đủ đối với cô. “Tôi không muốn biết về gia cảnh nhà họ, cũng không mong họ biết về gia cảnh nhà tôi,” cô kể với tôi. “Rốt cuộc thì chúng tôi phải tự lực cánh sinh chứ.”

MÙA THU NĂM ĐÓ, cuộc sống của Mẫn xem ra đã ổn định hơn. Hầu hết thời gian rảnh rỗi cô ở bên A Kiệt. Chị gái cô, Quế Mẫn, đã chuyển đến Đông Quán làm việc tại bộ phận chuyển hàng ở nhà máy của Mẫn. Hai chị em chung nhau một phòng trong ký túc xá và cùng ăn trưa với nhau hằng ngày. Mùa đông tới, cả hai đều lên kế hoạch về thăm nhà. A Kiệt cố gắng vận động Mẫn đưa cậu ta về giới thiệu với gia đình, nhưng cô không đồng ý; trước sự phản đối của bố mẹ, cô cảm thấy thật khó xử. Sự dàn xếp của Quế Mẫn đối với bạn trai, quê ở tỉnh Hồ Nam, khó khăn hơn nhiều. Trong một thời gian dài cô khẳng định sẽ không về nhà, rồi đột nhiên lại thay đổi ý kiến, dự định sẽ mang bạn trai về giới thiệu với gia đình. Cha mẹ cũng không tán thành chàng trai này, nhưng Quế Mẫn hơn Mẫn ba tuổi và sẵn sàng phản kháng lại cha mẹ.

Một buổi chiều Chủ nhật tháng Một, Mẫn và tôi đi dạo trong công viên gần nhà máy nơi cô làm việc, cùng ngồi trên bức tường thấp cạnh sân bóng rổ. Cô mặc bộ đồ mới mua dành cho chuyến đi - chiếc quần bò đầu tiên trong đời, áo khoác bò, và đôi boot thấp gót. Trong ánh nắng chiều nhàn nhạt, chúng tôi ngồi ăn cam và lên kế hoạch; cô mời tôi về thăm quê vào dịp năm mới. Ngày hôm đó, Mẫn toàn nói chuyện về quê nhà. Rau quả ở nông thôn ngon hơn ở thành phố, cô nói. Nếu một cái nấm dại dễ dàng bị bóp nát thì đó là nấm độc, nhưng một cái nấm chắc khỏe thì ăn được. Khi con lợn đói, nó sẽ đứng bằng hai chân sau kêu eng éc đòi ăn. Vào đầu năm mới gà hay bị bắt trộm, vì vậy cần phải trông chừng thật kỹ. Công thức dưỡng da mặt tốt nhất là bột ngọc trai nghiền nhỏ trộn với lòng trắng của trứng gà mới đẻ. Cuộc sống ở làng quê thật yên bình, nhưng có khi cả năm trời bạn hầu như chẳng kiếm được đồng nào.

“Có bao giờ chị nghĩ đến việc về nông thôn sống không?” Mẫn hỏi tôi.

“Về nông thôn Trung Quốc ấy à?” Tôi hỏi. “Không.”

“Chắc là vì ở đó cô đơn quá nhỉ,” cô nói.

Đối với những người mà cuộc đời là những chuyến đi đến vùng miền xa lạ, có một điểm cố định trong cái vũ trụ dịch chuyển đó: ngôi làng quê hương của họ. Nghề nông giờ đây mang lại rất ít lợi nhuận kinh tế. Những thửa ruộng của gia đình, trung bình thường nhỏ hơn một mẫu, quá nhỏ để có thể kiếm lời trên đó. Nhưng trên khắp đất nước Trung Quốc, nông nghiệp gia đình vẫn được duy trì, vì đó là điều mà mọi người luôn thực hiện. Ruộng đất là sự đảm bảo hơn là một nguồn thu nhập - đảm bảo rằng con người vẫn có cái để ăn mà sống chứ không đến nỗi chết đói. Mỗi liên kết với nông nghiệp gia đình đã giữ vững sự ổn định cho Trung Quốc trong thời đại của sự di cư hàng loạt từ nông thôn ra thành phố. Những khu nhà ổ chuột không mọc lên như nấm ở các thành phố của Trung Quốc như đa phần các nước đang phát triển khác, vì những người di trú nếu có gặp thất bại thì vẫn luôn có thể trở về nhà và ở nhà luôn có người thân chào đón. Thanh thiếu niên có thể lên thành phố kiếm việc, để bố mẹ ở nhà coi sóc mảnh ruộng. Người chồng đang lao động ở thành phố có thể có người vợ ở nhà cày cấy trồng trọt, hoặc đôi khi là ngược lại. Một cặp vợ chồng có thể cùng lên thành phố kiếm ăn, để con ở nhà cho ông bà trông nom. Ở thành phố, một người di trú trông có vẻ tuyệt vọng, nhưng hầu hết những người di trú này đều có một mảnh ruộng ở quê hương để có thể quay về.

Về quê đón Tết âm lịch vào cuối mùa đông là sự kiện trung tâm trong kế hoạch cả năm của người di trú - trong sáu tuần lễ trước và sau Tết, có gần 200 triệu người lên tàu về quê. Khi năm mới sắp đến, chuyến về quê trở thành mối bận tâm chính trong thế giới công xưởng. Sự nháy việc ngừng lại vì công nhân tập trung tiết kiệm tiền để về quê cho thật oách. Các cặp tình nhân bắt đầu thương lượng chuyện tế nhị với nhau: Họ sẽ về thăm gia đình của ai và tình trạng của mối quan hệ của họ là gì? Việc dự trù này có thể gây ra nhiều sự đau buồn và những người di trú không hạnh phúc với số phận của mình có thể quyết định không về quê nữa. Kỳ nghỉ Tết âm lịch là bản lề cho cả một năm - là thời điểm để bỏ việc, nghỉ ngơi, đính hôn, bắt đầu lại từ đầu.

Việc về quê thường là cũng mệt mỏi không kém gì chuyến đi đầu tiên tới thành phố. Hệ thống đường sắt của Trung Quốc là phần cuối cùng của mạng lưới giao thông hoạt động vẫn gần giống như hồi còn kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Ngày nay ở Trung Quốc, di chuyển bằng máy bay hoặc ô tô thì tốt hơn, cả hai loại hình giao thông này đáp ứng với nhu cầu của thị trường. Ngành hàng không đã phát triển dịch vụ và cắt giảm chi phí, đường cao tốc liên tục được mở rộng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp và số lượng xe hơi ngày càng tăng. Nhưng đường sắt vẫn là lãnh địa của người nghèo.

Trong những dịp lễ tết, một người bình thường gần như không thể mua được vé tàu với giá phải chăng. Những đại lý của ngành đường sắt để dành vé cho những người có mối quan hệ thân thiết hoặc bán cho bọn phe vé, những kẻ bán với giá cắt cổ. Vì việc bán

vé tàu chưa được vi tính hóa, những người bán vé không biết được ghế nào còn trống trong cả chuyến đi; trừ phi hành khách khởi hành từ ga đầu tiên thì mới có thể lấy được một ghế có đánh số cụ thể. Vé chỉ được bán ra vài ngày trước chuyến đi, cung cấp cho đám đông đầy lo lắng cắm trại qua đêm ở các nhà ga. Trên những chuyến tàu kéo dài nhiều giờ hoặc nhiều ngày, nhà vệ sinh tắc nghẽn, vòi nước không chảy, còn hành khách ngồi xồm trên những lối đi tay ôm lấy đầu. Các hành khách hiếm khi phàn nàn, và họ vẫn vui đùa trong những điều kiện kinh khủng nhất. Họ dành hầu hết sức lực để trông nom mọi thứ họ mang theo. Đây là một lý do khác khiến cho các chuyến tàu vào năm mới luôn luôn đông đúc: không người di trú nào có thể về quê mà lại không mang theo quà.

Ở nhà, những người dân di trú quay trở lại với nhịp sống chậm rãi của nông thôn. Tôn ti trật tự thống trị đời sống ở làng quê: những người lớn tuổi, những người trụ cột đưa ra quyết định trong gia đình họ, sẽ lựa chọn điều gì là tốt nhất cho cả gia đình. Một gia đình cùng ăn và cùng lao động, ban đêm trẻ con thường ngủ với bố mẹ trên một chiếc giường rộng. Những đứa trẻ lớn dạy dỗ những đứa trẻ nhỏ, và đứa nhỏ nghe lời. Khách khứa đến không báo trước và ở lại nhiều ngày; những thói quen cộng đồng về việc ăn, ngủ, và ngày nay là xem truyền hình thẩm thấu vào họ dễ dàng. Không có gì là bí mật riêng tư ở làng quê cả.

Ở thành phố, lối sống này đã mất. Những gia đình nhỏ sống trong những căn hộ cao tầng cạnh những người hàng xóm không phải là họ hàng của mình. Mọi người phải xây dựng quan hệ với những người mình không biết. Những người di trú sống một cách thoải mái giữa những người lạ, họ phải cạnh tranh để kiếm việc làm, họ hẹn hò với những người mình thích. Mặc dù họ nhớ lại thời thơ ấu ở làng quê với xiết bao triu mến, thực tế là làng quê không thể gọi họ quay về.

Đó không phải là một câu chuyện mới mẻ. Nỗi đau của một kẻ lữ thứ quay về nhà là chủ đề cổ điển trong văn học Trung Quốc. Một trong những bài thơ đầu tiên mà một học sinh phải học, từ thế kỷ thứ tám, là về một người đàn ông trở về quê hương sau cả một đời lưu lạc, rồi thấy rằng ông ta không còn thuộc về nơi đây nữa.

*Xa quê khi còn trẻ, quay lại khi đã già,
Giọng quê không thay đổi nhưng thái dương đã điểm bạc.
Lũ trẻ nhìn thấy nhưng chẳng biết tôi là ai,
Cười phá lên, chúng hỏi người lạ này từ đâu đến*^[28].

Trong chuyến đi Mẫn mang theo một cái áo trượt tuyết, một hộp thuốc Đông y có thành phần chính là da lừa, một cái ví Dooney & Bourke màu hồng sản xuất tại nhà máy nơi cô làm việc, bột sữa Nestlé, một hộp bánh quy, hai áo sơ mi nam, một hộp kẹo hình trái tim bằng nhựa, và một nghìn nhân dân tệ - tương đương một trăm hai mươi đô la

Mỹ, một tháng lương được gói chặt thành một cục hình vuông, về tư trang cô chỉ mang điện thoại di động, máy nghe nhạc MP3, và gương trang điểm; mọi thứ khác cô mang theo đều là quà tặng. Đó là tháng Hai năm 2005, một tuần trước Tết âm lịch.

Chuyến xe buýt tới Quảng Châu mà chúng tôi lên trong chốc lát đã chật kín. Một tấm biển dán trên cửa kính viết rằng: CHÀO MỪNG QUÝ KHÁCH ĐẾN VỚI XE BUÝT CAO CẤP. VÌ GẦN ĐÂY HÀNH KHÁCH ĐÃ BỊ MẤT CẤP NHIỀU ĐỒ VẬT CÓ GIÁ TRỊ, ĐỀ NGHỊ QUÝ KHÁCH KHÔNG NGỦ TRONG SUỐT CHUYẾN ĐI VÀ NÂNG CAO CẢNH GIÁC. Hầu hết hành khách đều tranh thủ ngủ ngay lập tức. Xe lướt nhanh qua các nhà máy ở hai bên đường cao tốc, nhưng tâm trí Mẫn đang ở rất xa. “Khi em còn nhỏ, chúng em đi bộ nửa tiếng để đến trường tiểu học,” cô kể. “Có vài đứa đến từ những ngôi làng ở cách đây vài ngọn núi. Hồi đó vẫn còn lợn lòi và sói. Chị sẽ không thấy lũ sói nhưng có thể nghe thấy tiếng tru của chúng. Bây giờ thì không còn nghe thấy tiếng sói tru nữa.”

Nhà ga ở Quảng Châu cực kỳ đông đúc; hằng năm vào thời điểm này, khoảng bốn triệu rưỡi người dừng chân tại nhà ga này trên đường về nhà và trên đường quay trở lại thành phố. Quảng trường đổ bê tông trước cửa nhà ga được hàng rào cảnh sát cách ly thành từng khu. Cảnh sát ở khắp nơi, hét lên những mệnh lệnh qua loa phóng thanh khiến mỗi từ của họ là một âm thanh chói tai. Khi mọi người đi vào phòng đợi lớn của nhà ga, một cách bản năng họ trở nên đi vội vã như chạy: là một người Trung Quốc khiến họ biết rằng không bao giờ có thứ gì là đủ. Mẫn và tôi có ghế đã được xếp sẵn, nhờ có một người họ hàng của cô đi cùng chúng tôi một đoạn đường, nhưng chúng tôi cũng bắt đầu chạy. Trong đám đông chen lấn xô đẩy, chúng tôi chen lên hai chiếc ghế cứng trên tàu tốc hành qua đêm khởi hành lúc 7 giờ 32 phút đi Vũ Xương.

Cuộc sống trên tàu là cuộc sống cộng đồng, giây phút tàu chúng tôi rời khỏi nhà ga, hành khách cư xử như thể họ đã về nhà. Họ bỏ giày và cởi áo, chỉ mặc độc có áo lót; họ ăn quýt và cắn hạt *guazi* (*qua tử*), một loại hạt dưa mặn. Điện thoại di động réo liên tục, nhạc chuông vui vẻ và âm ỉ: “Happy Birthday”, “Dixie.” Một người đàn ông ở phía bên kia lối đi trải báo trên sàn tàu dưới ghế ngồi, cuộn mình trong khoảng không gian chật hẹp đó cho tới khi chỉ còn phần chân dưới thò ra. Hành khách chen chúc trên các lối đi, ngồi trên các bồn kim loại cạnh nhà tắm và lén kín các khoảng trống giữa các toa tàu, ngồi thành từng hàng trong những bộ đồ sẫm màu trông như đàn quạ đậu trên dây điện.

Những chiếc xe đẩy bằng kim loại lăn bánh qua, khiến đám đông cứ vài phút lại phải di chuyển một lần. Các xe này bán chân gà, bia ủ ấm và xúc xích xiên que. Những người bán hàng cất tiếng rao: *Sữa nóng, sữa nóng đây, rất tốt cho sức khỏe*. Chỉ có những người có tiền mới mua đồ ăn trên tàu. Đa số mang đồ ăn theo - trứng luộc kỹ, bánh xốp và trà xanh đựng trong bình vịn chặt nắp có màu vân đục đến mức tảo mọc lên được. Vào lúc 10 giờ 45 phút, người quét dọn đi qua. Chúng tôi mới lên tàu được ba tiếng đồng hồ, nhưng bà ta đã quét ra được cả đồng rác gồm vỏ lạc, vỏ cam, cùng các vỏ chai rỗng. Hành khách

Trung Quốc là những người có tốc độ xả rác nhanh nhất thế giới.

Với Mẫn, thời gian trôi qua thật quá chậm. Đây mới là chuyến viễn du thứ hai trong cuộc đời cô. Cô ngó ra ngoài cửa sổ, xem đồng hồ, nghịch nghịch cái điện thoại. Cô thường xuyên thông báo cho tôi - Chúng ta còn phải ngồi tàu chín tiếng nữa - cho tới khi tôi phải bảo cô thôi đi. Cô mở hộp ăn vài cái bánh quy - “Không sao,” cô bảo, “còn nhiều lắm mà” - rồi biến đi thăm anh họ. Cô quay trở lại với một chiếc cánh gà mặn gói trong giấy bóng kính, cùng một vài thông tin: một thủ đoạn hay gặp của bọn trộm cắp là làm sao nhăng hành khách với một chiếc ví “nhặt được”, đồng thời thó luôn ví của anh ta.

Vừa mới qua nửa đêm, tôi nhận được tin nhắn chào mừng đã đến Hồ Bắc, quê hương của Mẫn. Chúng tôi ngủ chập chờn. Vào lúc ba giờ sáng, một gia đình ở phía bên kia lối đi đột nhiên tỉnh giấc, và giống như lò xo được thả, tiếng cười nói của họ vang khắp toa xe như thể đang là giữa buổi chiều vậy. Vào lúc 6 giờ 57 phút, chúng tôi đến ga, tạm biệt anh họ của Mẫn, rồi bắt xe buýt về nhà.

Vào lúc 10 giờ 12 phút, khi xe buýt đi ngang qua sông Trường Giang, Mẫn giật mình tỉnh giấc. Cô gọi to tên từng thị trấn mà chúng tôi đi ngang qua trên đường quốc lộ: Hoàng Thạch, Mai Xuyên, Hoàng Mai. “Sắp về đến nhà rồi,” cô nói đầy hoan hỷ.

Mẹ của Mẫn, bà Trần Mỹ Dung, đang ngồi chờ bên vệ đường ở ngoại vi một thị trấn tên là Đại Kim. Bà bốn mươi hai tuổi, đôi mắt sâu màu nâu và gò má cao - một vẻ đẹp hiếm thấy ở những người dân nông thôn. Nụ cười của bà rạng rỡ phô cả hàm răng, tôi nghĩ là bà nở nụ cười không ngớt trong ngày đầu tiên Mẫn về thăm nhà. Hai mẹ con không ôm nhau khi gặp - đó không phải là phong tục của người Trung Quốc - nhưng Mẫn chạm vào cánh tay và sờ vào vành tai mẹ khi nói chuyện. Đã hai năm liền cô không về nhà.

Đại Kim là một thị trấn thuần nông chỉ có một con phố, nơi các cửa hiệu bán thức ăn gia súc và thuốc trừ sâu vẫn vượt trội về số lượng so với các cửa hiệu bán xe máy và điện thoại di động. Công việc kinh doanh hai bên đường phản ánh đặc tính nông thôn không bao giờ vứt bỏ thứ gì: ở Đại Kim bạn có thể trả tiền cho ai đó để sửa đồng hồ, đồng hồ đeo tay, bếp, điện thoại, hay ti vi. Ở thành phố, hiếm khi nhìn thấy những cửa hàng làm dịch vụ đó, người thành phố tin tưởng vào chất lượng của các sản phẩm mới hơn. Ở các sạp hàng ngoài trời, mặt hàng thường gặp nhất là những chiếc va li vỏ cứng, lời nhắc nhở về sự lựa chọn tốt nhất ở thị trấn này là ra đi để lập nghiệp.

Mẫn có rất nhiều ý tưởng cải tiến đối với nhà mình. Cô muốn mua một đầu đĩa DVD cho cả nhà. “Mua cả bình đun nước nóng nữa,” cô nói. “Như thế sẽ tiện nghi hơn nhiều.”

Chốc chốc mẹ Mẫn lại ngược nhìn qua đầu con gái về phía tôi. “Nơi này thật là tệ nhỉ!” Bà cười tươi nói. “Nhà chúng tôi cũng thật nghèo!”

Đến lối rẽ về làng, mẹ Mẫn gọi taxi địa phương: một động cơ xe máy kéo một thùng xe

bằng sắt gắn trên hai bánh xe với những tấm ván hẹp làm ghế ngồi. Đã có năm phụ nữ ngồi trên xe, mặc quần jean bó và áo phao - những người lao động ra thành phố làm việc, giống như Mẫn, trở về nhà vào dịp Tết. Khi chiếc taxi chạy lạch cạch trên con đường bẩn, Mẫn ngoái về phía sau nhìn cảnh mọi người trở về nhà. Một người phụ nữ trẻ mặc quần da đen, đi boots cao gót đi qua ruộng lúa; một người đàn ông trong bộ vest kẻ sọc dắt hai đứa trẻ ăn mặc rách rưới mới biết đi lẫm chẫm, mỗi đứa một bên. Một người đàn ông đi xe đạp toét miệng cười vẫy tay chào. “Đó là cha của một bạn học hồi tiểu học của em,” Mẫn nói. “Ông ấy trông già hơn xưa.”

Chúng tôi ra khỏi xe xuống một khu gồm toàn những ngôi nhà gạch hai tầng. Cha của Mẫn đi lên con đường dốc về phía chúng tôi - gương mặt ông gầy, có vẻ buồn rầu, nụ cười đầy mệt mỏi - Mẫn thấy ông cũng già đi. Căn nhà thật yên tĩnh. Em trai và em gái Mẫn đang đi thăm họ hàng, một em gái khác đang ở nhà, xem truyền hình. Cô bé thoáng ngược nhìn khi Mẫn bước vào rồi lại quay ra chăm chú xem phim.

Trong lúc ăn mì với gan và trứng luộc - mẹ Mẫn cho vào bát cô ba quả trứng luộc để mừng cô đã về nhà - Mẫn đã kịp cập nhật thông tin. Cha cô nói ông muốn mua một cái xe máy. “Bao nhiêu thế bác?” Tôi hỏi.

“Khoảng bảy hay tám nghìn nhân dân tệ,” Mẫn trả lời hộ cha.

“Nhiều nhì!” Tôi thốt lên.

Cha của Mẫn nói rằng ông có thể mua được một cái với giá thấp hơn ba nghìn nhân dân tệ.

“Thế thì không phải đồ tốt rồi,” Mẫn nói. “Bố có muốn suốt ngày phải đi sửa xe không?”

Có tiếng chuông điện thoại. Đó là một người bạn của Mẫn, gọi từ Đông Quán để xem cô đã về nhà an toàn chưa. “Mẹ em sợ chết khiếp khi nhìn thấy em,” Mẫn kể qua điện thoại. “Cha mẹ em đã già đi nhiều, nhà cửa thì bừa bộn, lạnh lẽo. Chị chẳng muốn làm gì ngoài việc ngủ.”

Chuông điện thoại lại reo. Lần này là A Kiệt, cậu ta ở lại Đông Quán đón năm mới. “Bây giờ em không nói chuyện được đâu,” cô thì thào nói. “Ở đây đông người lắm.” Vì mẹ của Mẫn không tán thành, nên Mẫn đã chọn con đường phản kháng ít nhất: cô đã nói dối với mẹ là hai người chia tay rồi. Giờ đây cô đã mang bí mật này về nhà. Mỗi lần chuông điện thoại reo, lại là một lần cô sợ bị lộ bí mật này.

Trong vài ngày tới, Quế Mẫn sẽ trở về nhà cùng với người yêu. “Em đưa bạn trai cùng về,” Quế Mẫn nhắn tin cho tôi, “mặc dù ở nhà mọi người không đồng ý cho em yêu một người ở xa.” Một hôm khác, cô lại nhắn: “Em đã lớn rồi và biết cách xử lý mọi việc. Mọi người không cần phải lo lắng cho em.” Tôi thấy có vẻ như cô đã sẵn sàng cho một trận chiến.

Ngày khi Mẫn về đến nhà, cô bắt đầu thực hiện chiến dịch văn minh hóa gia đình mình. Trong những buổi sáng có sương mù, cô đi quanh nhà đóng các cửa sổ; cô bảo mẹ không khí ẩm ướt không tốt cho sức khỏe. Khi cha cô châm điếu thuốc sau bữa ăn sáng, ông nhận được ngay một bài thuyết giáo: ông không nên hút thuốc, và phải súc miệng bằng nước trà, nếu không răng sẽ bị đen xỉn. Mẫn đi quanh nhà chỉ ra những cái tiến mà cô mong muốn: bình đun nước nóng, máy giặt, con đường đổ bê tông đi qua cái sân bùn lầy lội. Ở các ngôi nhà trong làng, người ta thường xuyên vứt rác, vẩy tàn thuốc, khạc nhổ ra sân nhà; người ta cũng thường xuyên quét rác rồi hất ra sân. Mẫn để một cái túi nylon vào góc phòng dành cho trẻ con và yêu cầu các em cô phải vứt rác vào đó. Tôi quan sát khi cô hướng dẫn lại cho mẹ mình.

Việc Quế Mẫn sắp trở về khiến cô bận tâm. Mẫn sợ rằng cha mẹ mình sẽ tỏ ra bất lịch sự đối với bạn trai của chị. Người dân nông thôn không quen tiếp xúc với người lạ, cô nói, và họ có thể vô tình làm tổn thương anh ta. Quế Mẫn trở thành chủ đề bàn tán của cả làng: chưa từng có cô gái trẻ nào lại mang người yêu ở xa như vậy về nhà giới thiệu. “Chị cháu đang về thăm nhà cùng bạn trai,” Mẫn kể với bất kỳ người hàng xóm nào mà cô gặp.

“Anh ta người ở đâu thế?” luôn là câu hỏi đầu tiên bật ra.

“Hồ Nam,” cô đáp - và cuộc trò chuyện kết thúc, vì chẳng có câu trả lời nào hay hơn nữa.

Nhà của gia đình họ Lữ được xây dựng vào năm 1986, năm Mẫn ra đời. Tầng dưới có phòng sinh hoạt chính, mỗi bên có một phòng ngủ, phòng trẻ em có hai chiếc giường đôi và một chiếc ti vi luôn được vặn tiếng to hết cỡ. Phòng sinh hoạt chính có một chiếc bàn ăn bằng gỗ, đằng sau nó là bàn thờ, với bài vị của tổ tiên, một bức ảnh bà nội Mẫn, và một bức trướng thêu những chữ vàng óng ánh thể hiện sự phân chia cấp bậc của vạn vật: Thiên (Trời), Địa (Đất), Quốc (Tổ quốc), Phụ (Cha mẹ), Sư (Thầy). Trên bức tường cạnh bàn thờ dán những tấm giấy khen của hai đứa bé ít tuổi nhất trong nhà. Lữ Tú xếp thứ năm trong lớp. Lữ Xuân Thanh là học sinh “ba tốt”. Mọi thứ xung quanh ngôi nhà đều hữu dụng. Tầng trên có một hố sâu trên sàn để chứa hạt giống, những miếng thân lợn tươi và cá ướp muối treo trên móc, một căn phòng chất đầy bông ngập đến đầu gối - thu hoạch từ vụ mùa năm nay, chưa đem bán. Một bên nhà là bếp, tường bếp ám khói đen, một bên nhà là chuồng gia súc dành cho bò, lợn nái và mấy chú lợn con. Gà quanh quần dưới chân và đẻ trứng bên dưới chạn đựng bát đĩa.

Điện được sử dụng một cách tần tiện để tiết kiệm tiền, hầu hết các bữa tối chúng tôi ngồi ăn dưới ánh sáng lò mờ. Không có hệ thống ống dẫn nước và hệ thống sưởi ấm. Trong cái lạnh lẽo ẩm ướt của mùa đông Hồ Bắc, ở trong nhà cả gia đình vẫn mặc áo khoác và đi găng tay, những bức tường và nền nhà trát xi măng ngấm nước như miếng bọt biển. Nếu ngồi quá lâu, chân tay bạn sẽ lạnh cóng, phương thuốc tốt nhất là uống một cốc nước nóng, cầm nó trong tay trong khi hơi nước sưởi ấm khuôn mặt. Bọn trẻ

thường đứng xem truyền hình, nhảy lên nhảy xuống để chân khỏi tê rần.

Mẫn thích thú hưởng thụ địa vị hiện tại của cô ở trong nhà. Vào các bữa ăn, các em cô ăn nhanh chóng và rời khỏi bàn, Mẫn nán lại nói chuyện với cha mẹ và với tôi. Mẹ và các em gái cô nấu nướng, dọn dẹp và giặt giũ, còn cha cô cho lợn ăn, làm các việc vặt khác trong nhà. Mẫn không giúp một tay làm việc nhà. Cô dành rất nhiều thời gian tán gẫu qua điện thoại, lên kế hoạch đi thăm những bạn bè đã trở về nhà. A Kiệt tiếp tục gọi điện với một số tin tức: cậu ta đã giúp Quế Mẫn mua vé tàu hỏa. Cậu nhớ Mẫn. Cậu mơ thấy Mẫn bỏ đi cùng một chàng trai khác.

Ba em của Mẫn vẫn ở nhà. Sa, em gái thứ ba, năm nay mười sáu tuổi; cô bé có mái tóc dài đến eo và nụ cười tươi tắn của mẹ. Cô cũng đang học trường nghề mà trước kia Mẫn đã học và dự định sẽ lên thành phố làm việc sau khi tốt nghiệp trong một vài tháng nữa. Tú, em gái thứ tư, và Xuân Thanh, em út và là cậu con trai duy nhất trong nhà, đang học trung học cơ sở. Bọn trẻ học nội trú trong thị trấn và về nhà vào cuối tuần; chúng hầu như không biết về các công việc đồng áng. Khi cha mẹ Mẫn làm thịt và vặt lông mấy con gà vào một buổi sáng, Tú chỉ đứng ở cửa bếp nhìn ra. “Bọn trẻ không chịu làm công việc này,” mẹ Mẫn nói.

Một buổi sáng khác, Sa bước ra sân với một bát thóc trên tay để gọi gà ra ăn. “Tục tục, tục tục,” cô cất tiếng gọi. Bọn gà không xuất hiện.

Tôi trở vào đàn gà ở thửa ruộng bậc thang phía dưới ngôi nhà. “Kia có phải gà nhà cô không?”

Cô nheo mắt. “Có vẻ là của nhà em đấy. Tục tục, tục tục...” Bọn gà vẫn tảng lờ.

Mẹ cô bước ra khỏi nhà. “Con đang làm gì thế? Đấy không phải gà nhà ta!” Mẹ Sa đi ra đuổi lũ gà. Sa cười khúc khích đi vào trong nhà.

VÀO NGÀY THỨ HAI SAU KHI VỀ ĐẾN NHÀ, Mẫn đưa ba em ruột và hai em họ đến thị xã gần nhất là Vũ Huyệt, cách nơi đây một giờ đi xe buýt. Cải thiện nhà cửa vẫn là điều luân quản trong tâm trí Mẫn: cô muốn mua bình đun nước nóng và máy sấy tóc. “Bọn trẻ chẳng bao giờ được đi đâu,” cô nói với tôi. “Chúng ta hãy đưa chúng ra thành phố vui chơi một lúc.” Điểm dừng chân đầu tiên là một tiệm cà phê Internet nơi Mẫn gặp một người bạn thời trung học tên là Hồ Đào. Cậu ta có gương mặt hẹp với cằm nhọn và một hàng ria mép nhỏ hình vuông nằm ở gần môi trên, giống như một cái tem dán sai chỗ. Cậu ta mặc áo khoác vải bò màu xám, đi đôi giày đen mồm nhọn, mắt lúc nào cũng quắc lên đầy căng thẳng giận dữ; cậu ta trông có vẻ như đang cố gắng học đòi phong cách của một tay anh chị. Hồ Đào đang làm việc trong nhà hàng của người chú trên thành phố, nhưng cậu ta đang hy vọng sẽ ra ngoài kiếm việc.

“Anh ta thích em,” Mẫn nói, không để cho Hồ Đào nghe được, “nhưng chúng em chưa bao giờ có quan hệ tình cảm gì với nhau. Hơn nữa em có bạn trai rồi. Anh ta trông cũng

không được đứng đắn lắm nhỉ?”

Chợ hôm nay đông nghịt người đi mua sắm chuẩn bị cho dịp năm mới. Các quầy hàng bán những cuộn giấy đỏ viết câu đối với những lời chúc phúc cho năm mới, cùng với những poster có hình Mao Chủ tịch anh hùng và những khẩu hiệu gần như mang tính tôn giáo: *Người là nhà giải phóng vĩ đại của dân tộc*. Mẫn dẫn bọn trẻ đi qua các quầy hàng mua sắm đồ đạc cho nhà mình: tất cho cha, khăn mặt cho khách, dầu gội đầu. Cô mặc cả rất ghê và mua được bình đun nước nóng với giá 11 đô la Mỹ, máy sấy tóc với giá 3,3 đô la Mỹ. Cô mua những chiếc cốc nhựa dùng một lần, vệ sinh hơn nhiều so với những chiếc chén sứ mà cả gia đình dùng chung và hiếm khi được rửa. Ở siêu thị, bọn trẻ chất đầy xe hàng của cô với bánh gạo ngọt và bánh quy.

Vũ Huyệt có những thứ mà bạn không còn nhìn thấy ở những thành phố hiện đại ven biển, ví dụ như kho chứa thóc và cửa hàng cung cấp thóc của quân đội - đều là di tích của một thời bao cấp khi nhân dân phụ thuộc vào chính phủ trong việc phân phối thóc gạo theo định mức. Một cửa hàng quảng cáo cho Old Fogey - một nhãn hiệu com lê đàn ông. Mẫn đã đến Vũ Huyệt hai năm trước. Lần trở lại này khiến cô hết sức thất vọng. “Thành phố này chẳng có gì tốt cả,” cô nói. “Nó không phát triển bằng những nơi khác.”

Hồ Đào biến mất một lúc rồi lại xuất hiện sau bữa trưa để đưa lũ trẻ đi trượt băng. Cậu lại có thêm một phụ kiện khác của dân anh chị - điều thuốc giắt sau vành tai, khiến cậu ta trông càng thiếu đứng đắn hơn nữa. Ở một quầy bán hoa quả, cậu ta dừng lại trò chuyện với một phụ nữ trẻ có đôi mắt đen kẻ đậm và mái tóc tẩy màu đã bị ngả sang màu da cam. Cô ta đi đằng trước với Hồ Đào, trong khi Mẫn và bọn trẻ leo đẹo theo sau. Không ai thèm để ý đến việc giới thiệu cả.

Sân trượt băng chật ních người, bên trong tối thui, chỉ có ánh sáng chớp nhoáng từ cái đèn disco tròn nhấp nháy. Bây giờ là ba giờ chiều. Mẫn đi dọc theo bờ tường, lần mò đường đi và cố gắng không để mất dấu lũ trẻ. Trong khu vực quầy bar dưới ánh sáng mờ ảo ở một đầu của sân trượt băng, Hồ Đào ngồi trên một cái ghế cao và cô gái kia ngồi bên cạnh anh ta. “Em nghĩ là chúng ta nên đi thôi,” Mẫn nói với tôi. Chúng tôi tập hợp lũ trẻ và đi ra ngoài, quay lại lối mà chúng tôi đã vào. Ở chân một quả đồi nhỏ, Hồ Đào lại xuất hiện trước mặt chúng tôi, một mình. Cậu ta đã lựa chọn, không còn dích dắc đến cô gái có mái tóc màu da cam.

Cậu ta hỏi Mẫn về chỗ làm của cô. Nhà máy nơi cô làm sản xuất túi xách và có năm nghìn nhân công, cô kể. Công nhân làm ở đây chuyên lắp ráp được trả tám trăm nhân dân tệ một tháng.

“Tôi lại muốn ra ngoài kiếm việc,” cậu ta nói. “Mọi việc ở nhà không được tốt lắm.”

“Nhà máy cũ của anh thì thế nào?” Cô hỏi. Cậu ta đã từng có thời gian làm việc ở Đông Quán.

“Tệ lắm. Khi nào bạn quay lại chỗ làm?”

“Ngày mừng năm,” Mẫn nói - rồi cô đưa ra điều kiện. “Bạn giúp chúng tôi mua được vé tàu, rồi bạn có thể đi cùng. Nhà máy vẫn đang tuyển thêm công nhân đấy.”

Sau khi mỗi người rẽ một ngã, Mẫn có vẻ đắc thắng. “Anh ta sẽ mua vé quay lại Đông Quân cho chúng ta,” cô nói. Hồ Đào sẽ sử dụng các mối liên hệ ở địa phương để mua được vé, Mẫn sẽ đưa anh ta ra thành phố và tìm cho anh ta một công việc ở nhà máy. Trong ngày thứ hai ở nhà, cô đã tính toán đến việc quan trọng nhất: làm thế nào để ra đi.

Bảy thế hệ nhà họ Lỗ đã sống ở làng Liệt Mã Hồi Đầu. Nhà họ Lỗ gồm chín mươi gia đình, hầu hết đều mang họ Lỗ, sống trong những ngôi nhà gạch cạnh ruộng lúa mọc thấp lè tè, những con đường ở giữa các ruộng lúa thỉnh thoảng lại điểm tuyết miếu thờ, nơi dân làng thấp hương cho tổ tiên của mình. Những thửa ruộng bậc thang bắt đầu từ đáy thung lũng, xếp chồng trên những ngọn đồi màu xanh xám như hộp đựng trang sức nhiều ngăn kéo đang mở. Chỉ có một điều bất thường đối với ngôi làng là sự nông cuồng trong cái tên của làng - Liệt Mã Hồi Đầu, “con ngựa bất kham đang quay đầu lại”. Tên này lấy từ hình dáng của một ngọn núi gần đó. Bao thế hệ đã sống và chết ở đây mà không đi xa nhà quá hai mươi dặm. Có một câu ca ngợi sự cách ly: “Sống cả đời mà không cần đi xa nhà là cả một gia tài.”

Vào đầu những năm 1990, các cặp vợ chồng trẻ bắt đầu hướng ra thành phố kiếm việc làm, chống lại mong muốn của những người lớn tuổi. Khi người chú độc thân của Mẫn chuyển đến Vũ Huyệt mở cửa hàng, cả gia đình phản đối. “Chúng tôi cảm thấy những người chưa lập gia đình không nên ra ngoài làm việc vì họ sẽ học những thói hư tật xấu,” cha Mẫn kể với tôi. Trong thập niên vừa qua, việc di trú đã trở thành phổ biến. Những đứa trẻ trong làng ra đi trong thời gian học trung học hoặc thậm chí khi còn đang học tiểu học; cả trai lẫn gái đều đi, mặc dù một vài gia đình thích để con trai ở gần nhà hơn. Cha mẹ Mẫn đều đã từng làm việc trong một nhà máy giày tại Ôn Châu ở bờ biển phía Đông, nhưng đã quay về nhà mà chẳng dành dụm được chút gì. Một vài người di trú trước Mẫn vài thế hệ đã quay trở về làng gây dựng một số công việc buôn bán nhỏ. Chưa có người nào thuộc thế hệ trẻ quay trở về: một vài người đã lập gia đình và tiếp tục làm việc xa nhà, một vài người mua căn hộ ở thị xã Vũ Huyệt gần quê.

Việc di trú đã trở thành nguồn thu nhập chính của làng. Mẫn và chị của cô năm ngoái đã gửi về nhà 600 đô la Mỹ, so với 240 đô la Mỹ mà cha mẹ cô kiếm được nhờ việc bán lợn và bông. Tiền này dùng để trả tiền học cho các em, và nó đem lại tiếng nói cho những người chị trong gia đình. Khi Quế Mẫn lần đầu đi làm, cô đã thuyết phục cha mẹ để cho Mẫn học hết trung học cơ sở. Trình độ học vấn của hai chị em là chuyện bất bình thường trong làng. “Chúng tôi đối xử với con gái cũng như con trai,” mẹ Mẫn kể cho tôi vào một buổi sáng khi bà ngồi bên cạnh cửa sổ phòng ngủ khâu một chiếc dép đi trong nhà bằng

nhưng kiểu cũ. Bà và chồng đều đã tốt nghiệp trung học cơ sở, là điều hiếm thấy đối với những người dân nông thôn cùng thế hệ với họ.

“Rất nhiều người trong làng không đồng ý với tôi,” bà tiếp tục. “Họ nói con gái không cần phải học hành gì nhiều, vì đằng nào chúng cũng đi lấy chồng. Nhưng tôi tin rằng có học có hơn.”

Thứ tự ra đời là yếu tố quyết định ảnh hưởng đến vận mệnh. Quế Mẫn, người con cả, rời nhà tìm việc sau khi học hết trung học cơ sở. Mẫn, người con thứ hai, học gần hết hai năm ở trường dạy nghề, và Sa sẽ tốt nghiệp trước khi ra đi hội tụ cùng hai chị. Hai người con nhỏ nhất, niềm hy vọng của bà mẹ, sẽ học tiếp phổ thông trung học và đại học vì bây giờ đã có đủ tiền cho việc đó. “Đó là lý tưởng của tôi,” mẹ Mẫn nói, “nhưng nó còn phụ thuộc vào bọn trẻ và việc bọn chúng có làm việc, học hành chăm chỉ hay không.”

Một vài anh chị em họ của Mẫn đã bắt đầu ra ngoài kiếm việc khi mới mười hai tuổi. Trong số hai mươi bảy học sinh cùng lớp sáu với cô, mười người đã đi làm ngay thay vì học tiếp trung học cơ sở. Một vài bậc cha mẹ dường như coi con cái mình như những cỗ máy in tiền: nhà hàng xóm của Mẫn yêu cầu mỗi cô trong số bốn cô con gái phải gửi về nhà mười nghìn nhân dân tệ một năm. Một người khác trong làng còn lập tài khoản tại ngân hàng để lương của ba cô con gái của ông ta, đang làm việc tại một nhà máy sản xuất áo len, sẽ trực tiếp đến thẳng tay ông.

Những cặp vợ chồng di trú cũng gặp phải những vấn đề tiến thoái lưỡng nan riêng. Một người chú của Mẫn làm thợ nề ở Đông Quán cùng với vợ nhưng để hai đứa con trai đang trong độ tuổi thiếu niên ở quê đi học tại trường làng, hy vọng rằng một ngày nào đó chúng sẽ học đại học. Nhưng hai đứa trở nên ngỗ nghịch vì không có ai rèn giũa. “Mặc dù con trai tôi mới mười bốn tuổi, cả ngày nó chỉ chơi bời với bọn con gái,” chú của Mẫn phàn nàn vào một lần ăn tối tại gia đình Mẫn. “Nhưng làm sao tôi có thể kiểm soát nó được? Tôi ở Đông Quán, vợ tôi cũng thế.” Con trai ông ta đứng ở góc phòng đằng kia lắng nghe. “Khi tôi bằng tuổi nó,” cha cậu ta tiếp tục, “con trai và con gái thậm chí còn không nói chuyện với nhau. Nhưng bọn trẻ bây giờ sống trong một thế giới khác rồi.”

Chỉ có một người trong làng ở độ tuổi của Mẫn mong muốn đi học đại học: Lỗ Tắc Hoàn, bạn thời thơ ấu của Mẫn. Khi Mẫn ra ngoài làm việc tại Đông Quán, Lỗ Tắc Hoàn bị suy nhược thần kinh do áp lực từ việc học ôn thi đại học. Mẫn đến thăm cô vào ngày thứ ba sau khi về nhà, Lỗ Tắc Hoàn đang ngồi trước ti vi, mặc một chiếc áo khoác vải nylon có thêu dòng chữ *450 Fifth Avenue, New York* trên nắp túi trước. Giờ đây cô hiếm khi ra khỏi nhà, để tránh nghe những lời xì xào bàn tán về mình. Khi Mẫn rủ cô ra ngoài đi dạo, một vài người hàng xóm nhòm ngó Lỗ Tắc Hoàn và ngập ngừng gọi tên cô ta, bởi vì họ đã không nhìn thấy cô trong một thời gian dài.

Việc di trú tìm việc đã trở nên thông thường đến mức việc học hành có vẻ như là một vụ cá cược mang tính rủi ro hơn. Vũ Kiện Hán, bạn học của Mẫn ở làng khác, đến chơi và

ở lại nhiều ngày. Cậu ta mặc quần vải đen, sơ mi trắng, đeo cà vạt kẻ sọc - ngày nào cũng một bộ đồ đầy tham vọng như vậy, thậm chí ngay cả khi cậu ta giúp bố Mẫn lợp lại mái nhà xí. Cậu ta đã tham gia kỳ thi tuyển vào đại học, nhưng anh trai cậu ta từ chối chi trả tiền học phí. “Anh ấy nói là bây giờ thậm chí sinh viên đại học cũng phải chắt vật kiếm việc. Anh ấy cho rằng tôi nên đi làm ngay thay vì đi học đại học,” Vũ Kiện Hán nói vào một buổi sáng khi cậu đang quét phân gà và xác pháo hoa vương vãi trên con đường bẩn thỉu trước cửa gia đình Lỗ. “Đó là quan điểm của anh ấy. Tôi có quan điểm khác.” Vũ Kiện Hán làm việc ở Bắc Kinh, nhưng cậu ta từ chối nói về công việc của mình.

Mẫn và chị gái của cô nhận được sự kính trọng của dân làng vì họ đã thăng tiến lên các công việc văn phòng. Chẳng có ai khác từng tới Đông Quán, mặc dầu những nơi ưa thích khác của mọi người cũng xa tương đương: các nhà máy giày ở Ôn Châu, cách nơi đây 22 giờ đồng hồ đi xe buýt, các tiệm làm tóc ở Cáp Nhĩ Tân, cách 28 giờ đồng hồ đi tàu hỏa. “Đó là tín ngưỡng nơi đây,” Mẫn nói. “Bạn càng đi xa nhà, công việc càng trở nên vinh quang.”

Hai ngày trước năm mới, Mẫn tức giận với mẹ cô. Một trong những người chú của Mẫn mời cả gia đình đến ăn bữa cơm tất niên, một sự kiện chủ chốt của dịp Tết - nhưng rồi điện thoại reo với một lời mời hấp dẫn hơn. Một bà cô trẻ đẹp đang điều hành một tiệm làm tóc ở Vũ Huyệt vừa mới về nhà và mời Mẫn đi mua sắm ở thành phố.

“Sao lại phải ra ngoài khi trời đang mưa?” Đó là tất cả những gì mẹ cô nói. Bà hoàn toàn không hài lòng trước cơn giận dữ của Mẫn.

Mẫn vẫn giữ vững lập trường. “Là em làm chủ bức mình, chứ không phải mẹ, vì thế mẹ chẳng liên quan gì đến chuyện này cả” cô suy luận.

Cô của Mẫn, Hoàng Thái Hà, đến nhà đón chúng tôi. Cô ta hai mươi lăm tuổi, mặc một chiếc áo khoác có thắt lưng hợp thời trang, quần bằng vải xa tanh bóng nhoáng, và đi đôi giày chạy thể thao. Điều đầu tiên cô ta làm là lôi chiếc điện thoại di động màu đỏ thẫm mở ra như hộp phấn trang điểm và chuyền tay cho mọi người cùng trầm trồ tán thưởng. Trên chuyến xe buýt ra thành phố, cô và Mẫn bàn luận về các bí quyết nhuộm tóc và hát theo những bài hát nhạc pop trong máy nghe nhạc MP3 của Mẫn. Cô của Mẫn biết hết lời của các bài hát.

Ba mươi sáu kế sách tình yêu

Giống như trò chơi

Tôi muốn điều khiển từ xa được bản thân mình.

Ba mươi sáu kế sách tình yêu

Bạn phải duy trì sự quyến rũ

Để ghi điểm và không bị loại khỏi cuộc chơi.

Mẫn kể với cô của mình là cô muốn cha mình xây một phòng tắm trong nhà. “Cha có thể đặt máy giặt trong đó, nhà mình sẽ có một chỗ để tắm rửa,” Mẫn nói. “Thậm chí còn có thể lát gạch để nó trở thành một phòng tắm thật sự.”

“Cả bình nóng lạnh nữa,” cô của Mẫn chêm vào.

“Cả bình nóng lạnh nữa,” Mẫn lặp lại, “vì vậy chúng ta có thể tắm vào mùa đông mà không bị lạnh.”

Cô của Mẫn tính toán là việc sửa sang này sẽ tốn khoảng năm nghìn nhân dân tệ, tương đương sáu trăm đô la Mỹ. “Khi đã sống ở thành phố một thời gian, suy nghĩ của con người ta sẽ thay đổi,” cô của Mẫn nói với tôi. “Bạn thường xuyên nghĩ đến việc làm thế nào để cải thiện chất lượng cuộc sống ở nông thôn.” Cô cùng chồng làm việc ở Vũ Huyệt, thuê một căn hộ ở đó, còn cô con gái bốn tuổi của hai người thì sống ở quê với bà nội. Họ dự định sẽ mang con lên thành phố ngay khi tiết kiệm đủ tiền mua một căn hộ. Vợ chồng cô đã không yêu cầu làng cấp ruộng khi họ lấy nhau; bố mẹ chồng cô vẫn đang cày cấy thửa ruộng rộng một phần ba mẫu, và thế là đủ đối với họ. “Làng quê là nhà,” cô của Mẫn nói. “Nhưng tôi không còn thấy thoải mái khi sống ở đó nữa.”

BUỔI CHIỀU HÔM ĐÓ, Quế Mẫn về nhà cùng bạn trai. Cô cao hơn Mẫn nửa cái đầu, có gương mặt thanh tú xinh đẹp và một tư thế đỉnh đặc bẩm sinh của người con cả trong một gia đình đông anh em. Khi bạn trai của cô bước vào nhà, anh ta chạy về phía cha của Quế Mẫn đang bước ra. Cậu ta cúi đầu, nói “Chào bác”, và đưa cho ông một điều thuốc lá. Thế là xong: không cần giới thiệu, không trò chuyện, chỉ có thuốc lá - tấm danh thiếp và loại tiền tệ lưu hành trong thế giới của những người đàn ông Trung Quốc.

Trong bữa tối, cha mẹ Mẫn không nói chuyện nhiều với bạn trai của con gái. Có thể là vì ngại ngùng, hoặc là sự phản đối ngầm. Nhưng đó chính là những gì Mẫn lo sợ: họ không thể hiện sự kính trọng đúng mực đối với một người khách ở xa đến. Chàng trai, người hiểu tiếng địa phương cũng không khá gì hơn tôi, ngồi một cách lịch sự và không nói lời nào. Khi rượu nhà tự cất được rót ra, Mẫn thực hiện nhiệm vụ của mình. Cô quay sang người đàn ông mà bản thân cô coi là “anh rể”. “Xin chào mừng anh đến thăm gia đình,” cô nói, nâng cao ly rượu của mình.

Hầu hết những ngày sống ở làng bắt đầu bằng một cuộc điện thoại lúc rạng đông phá vỡ sự tĩnh lặng: có ai đó vừa mới về nhà. Cha mẹ Mẫn dậy sớm và di chuyển khắp nhà, đóng sầm cửa nọ cửa kia và nói chuyện oang oang trong khi những người khác đang ngủ. Ý tứ với người khác không phải là phong cách sống của làng: mọi người đều sinh hoạt theo nhóm, vì vậy họ đã thành thạo việc tâng lờ người khác.

Hầu như mọi việc đều làm theo tập thể gia đình. Trẻ em cùng thức dậy, đứng thành hàng ở mép sân, đánh răng và khạc nhổ sang sân nhà hàng xóm. Các bữa ăn đều ăn cùng

nhau - rau, com, và luôn luôn là thịt lợn, vì một gia đình thường giết thịt một con lợn vào mùa thu và ăn thịt nó trong suốt cả mùa đông. Giò tắm rửa cũng là một hoạt động theo nhóm: vào buổi tối, những người phụ nữ trong nhà sẽ đun một chậu nước nóng. Lần lượt, họ sẽ rửa vùng kín và chân mà không hề thay nước. Rồi những người đàn ông lại đổ tiếp nước nóng vào chậu và cũng làm như vậy. Những người trong gia đình tắm xà phòng cũng khá thường xuyên, nhưng thường thì việc này hoàn toàn khác so với việc cách nhiều ngày họ mới gội đầu một lần. Rốt cuộc là mọi bộ phận của cơ thể sẽ được rửa ráy sạch sẽ, nhưng hiếm khi vào cùng một lúc.

Khách khứa đến thăm ở lại chơi cả ngày, vài người ở lại mấy ngày liền. Một em họ chín tuổi của Mẫn nằm ngủ giữa chúng tôi trong nhiều đêm, rồi hai em họ đằng nhà mẹ của Mẫn đến, rồi lại đến hai anh chị họ đằng nhà bố. Vũ Kiện Hán, chàng trai mặc áo sơ mi và đeo cà vạt kẻ sọc, ở lại lâu nhất, cậu ta thích Mẫn, nhưng cô thì lại tặng lờ cậu ta. Mẹ Mẫn chuyển sang ngủ cùng các con gái, để phòng của bà cho chồng và các cậu con trai. Vào ban đêm Mẫn, mẹ cô, và tôi ngủ xoay ngược đầu đuôi trên một chiếc giường đôi, đắp một chiếc chăn lông vịt, nằm bất động như những con búp bê.

Trung tâm của đời sống trong làng là chiếc ti vi. Bọn trẻ ngồi trước ti vi cả ngày; nếu bạn đến thăm một người hàng xóm, bạn thường sẽ được dành cho chỗ gần màn hình nhất nơi bạn có thể bắt gặp một tập phim mà bạn đã xem ở đâu đó. Thể loại ưa thích của mọi người là phim truyền hình cổ trang về cuộc sống trong cung đình. Những bộ phim truyền hình dài tập này là mối liên kết chủ yếu của dân làng với lịch sử, mặc dù chúng chỉ kể về một giai đoạn nào đó trong quá khứ. Phù thủy, thần tiên, pháp thuật, nghi lễ, phép màu, án mạng, đều là những thứ bọn trẻ bị mê hoặc. Trong khi Đảng Cộng sản tuyên truyền về đạo đức, chủ nghĩa duy lý, và tiến bộ khoa học, thì hầu hết các chương trình giải trí đều đi ngược lại những điều này.

Trẻ em đứng giữa hai thế giới, ngôi làng và thế giới tưởng tượng bên trong các món đồ điện tử của chúng. Chúng có thể giúp mẹ giặt quần áo ở bờ sông rồi lại tập trung vào máy chơi xếp hình cầm tay. Thỉnh thoảng chúng trông như có vẻ vừa mới hạ cánh xuống trái đất từ hành tinh Truyền hình. Khi tôi lấy máy ảnh ra để thay phim, em họ chín tuổi của Mẫn lại gần để xem. “Phim trông như thế nào ạ?” Bé hỏi. “Trông có giống như trên truyền hình không ạ?”

Mọi người đều có họ hàng với nhau, theo những cách lòng vòng mà thậm chí tiếng Trung Quốc không có tên để đặt cho những mối quan hệ đó. Có một người đàn ông đến thăm gia đình Mẫn là con rể của em trai ông nội cô; một hôm khác, chúng tôi đến thăm chị em ruột của con dâu của anh trai của ông nội cô và cha của họ. Tôi cứ nghĩ bọn trẻ ngồi xem truyền hình liên miên trong nhà Mẫn là lũ trẻ hàng xóm, nhưng một hôm chúng tôi đi thăm bà dì của cô ở làng khác và tôi cũng thấy những đứa trẻ đó ngồi xem truyền hình: chúng là họ hàng với nhau. Một chàng trai trẻ sống bên cạnh làm việc ở một

nhà máy giày tại Ôn Châu thường xuyên đến chơi nhà khiến tôi chắc chắn rằng anh ta say mê Mẫn. Tôi đang định chia sẻ ý nghĩ này với cô thì phát hiện ra: anh ta là anh em họ của cha Mẫn.

Những người dân trong làng cư xử với tôi theo nhiều cách khác nhau. Những người đang làm việc ở thành phố bắt chuyện, hỏi tôi về Bắc Kinh và nước Mỹ, họ nhòm vào cuốn sổ ghi chép của tôi và cố gắng giải mã chữ viết tay của tôi. Những người ở làng, bao gồm cả cha mẹ Mẫn, lịch sự nhưng rụt rè - trong khi họ sẵn sàng trả lời câu hỏi của tôi, họ không bao giờ hỏi tôi điều gì cả. Không có người đàn ông lớn tuổi nào nói chuyện với tôi. Là một phụ nữ trẻ và là người ngoài, hai điều đó khiến tôi hoàn toàn không liên quan gì đến họ.

Tôi không bao giờ thấy có ai đọc báo hoặc xem tin tức thời sự buổi tối, và có rất ít dấu hiệu chứng tỏ sự hiện hữu của chính quyền. Trong hai tuần sống tại nhà Mẫn, tôi không hề gặp một viên chức nào, luật pháp dường như cũng khá lỏng lẻo. Trên toàn quốc, chính sách giới hạn hầu hết các gia đình chỉ có một hoặc hai con đã được thi hành trong hơn hai thập kỷ, tuy nhiên ở ngôi làng này trung bình mỗi gia đình có nhiều hơn hai con, cha Mẫn nói. Gia đình họ Lỗ có năm con, nhưng một gia đình khác trong làng có những sáu con, và một gia đình khác có bảy con. Người đàn ông là cha của bảy đứa con thậm chí còn là trưởng làng, một trong những vị trí cao nhất tại địa phương.

MẶN DỄ DÀNG HÒA MÌNH TRỞ LẠI thế giới này, nhưng cô vẫn giữ những bí mật của mình. Cô không hề nói gì về bạn trai của mình ở nhà máy, và tôi nhận thấy rằng cô không tham gia vào câu chuyện mỗi khi thấy nó không phù hợp với mình. Cô tự lên kế hoạch đi thăm bạn bè, đôi lúc trái ý mẹ cô; cô nói gay gắt với những người họ hàng lớn tuổi hơn mà mình không ưa. Tôi chưa bao giờ thấy cô làm điều mình không muốn. Một bà thím yêu cầu Mẫn đưa cô con gái mười bốn tuổi của bà ta đến làm việc tại nhà máy, nhưng Mẫn từ chối thẳng thừng. Một buổi sáng khác, một ông bác xuất hiện sau bữa sáng và tựa như một tên lửa tầm nhiệt, nhắm vào cái áo khoác trượt tuyết mà cha cô đang mặc. Đó là quà của Mẫn tặng cha.

“Cái áo này bao nhiêu tiền thế?” Ông già hỏi. “Hai mươi nhân dân tệ à?”

“Dù bác có ba trăm hai mươi nhân dân tệ,” Mẫn cúi kính nói, “bác cũng không mua được đâu. Đó là áo khoác trượt tuyết đấy.”

Mẫn có thái độ khinh khỉnh đối với nhiều người lớn tuổi trong làng. “Họ lúc nào cũng muốn biết tôi kiếm được bao nhiêu tiền hay tôi mang bao nhiêu tiền về nhà,” sau này cô kể lại với tôi. “Tôi nghĩ đây là chuyện riêng tư.”

Những thanh niên di trú thống trị cuộc sống ở làng trong kỳ nghỉ, tận hưởng quyền lực mà tiền bạc mang lại cho họ. Họ đi khắp nơi phô trương điện thoại di động và quần áo mới; họ so sánh các vị trí công việc. Họ là những người mai mối nhiệt tình nhất, cho

chính bản thân họ và cho người khác, và họ biếu tiền cho những người họ hàng lớn tuổi nghèo túng. Trong quá khứ, những trách nhiệm này thuộc về các bậc cha chú của họ, nhưng giờ đây thế hệ đó đã quá nghèo khổ và bất lực trong việc hoàn thành các nghĩa vụ đó. Cha mẹ chẳng còn việc gì làm ngoài chuyện ngồi lê đôi mách về thu nhập của con cái và triển vọng hôn nhân của chúng.

“Tôi chỉ muốn công việc của con bé được suôn sẻ. Thế là đủ,” mẹ Mẫn nói, khi tôi hỏi bà về hy vọng của bà đối với Mẫn. “Chuyện tương lai là việc riêng của con bé.” Bà hy vọng rằng Mẫn và Quế Mẫn sẽ yêu người ở gần nhà. Nhưng nhìn chung là dường như bà chấp nhận rằng mình đã không còn khả năng giúp đỡ hay hiểu các con gái của mình nữa rồi.

ĐỐI VỚI TÔI, việc khó khăn nhất khi sống ở quê Mẫn là lối sống tập thể. Không ai ở một mình bao giờ. Khi ai đó ngồi xem truyền hình, anh ta sẽ gọi mọi người xung quanh đến cùng xem; nếu Mẫn chuẩn bị nước nóng để rửa mặt, tôi cũng phải rửa mặt. Thỉnh thoảng khi tôi cố gắng đọc sách - cố tàng lò tiếng ti vi om sòm ngay cạnh - thì bọn trẻ lại đến từng đứa một để nói chuyện với tôi với vẻ mặt đầy quan tâm.

Ở tại quê Mẫn khiến tôi nghĩ đến gia đình mình. Ngày xưa khi cha mẹ tôi còn là những đứa trẻ sống ở Trung Quốc, họ cũng lớn lên theo cách tương tự. Ở Mỹ, họ đã nuôi dạy anh trai tôi và tôi theo cách hoàn toàn khác, khuyến khích sự độc lập của chúng tôi, giải phóng chúng tôi khỏi những bốn phận gia đình. Cha mẹ tôi không mong đợi chúng tôi phải đi thăm họ hàng, họ không bao giờ bảo chúng tôi phải học gì ở trường. Và trong tất cả những năm tôi sống ở nước ngoài, cha mẹ tôi chưa một lần bắt tôi phải về thăm quê. Ở quê Mẫn, lần đầu tiên tôi nhận ra điều này, và tôi thấy biết ơn cha mẹ.

Vào một buổi sáng sau bữa ăn với cả gia đình, tôi ra ngoài đi dạo một mình trên con đường lầy lội hướng về phía thị trấn. Tôi nhìn thấy những thứ mà trước đó tôi không để ý: một tấm bảng đen liệt kê các loại học phí và giá tiệm phòng cho vật nuôi, một cửa hàng bán thuốc lá và pháo hoa, những đứa trẻ chỉ bốn tuổi đang cùng nghịch bật lửa. Ở làng bên cạnh, tôi nhìn thấy một ngôi nhà bốn tầng lát gạch trắng. Ở những vùng ven bờ biển giàu có hơn thì toàn là những làng gồm các ngôi nhà lát gạch trắng như thế này. Ở đây chỉ có duy nhất một cái, là dấu hiệu cho những thứ tương tự sắp xuất hiện tại đây. Tôi đã ra ngoài khoảng một giờ đồng hồ thì điện thoại di động của tôi đổ chuông. “Chị đang ở đâu thế?” Mẫn giọng hỏi. “Chúng em đang đợi chị về để ăn trưa.”

Tôi vội vã quay về, nhận được những lời chỉ trích đáng kinh ngạc. “Chị không ăn trưa à! Chị đã đi đâu thế?”, “Chị làm gì khi đi bộ một mình trên đường chứ?”

Nông thôn Trung Quốc không bao giờ thư giãn. Đó là nơi chốn của sự tiếp xúc xã hội liên tục và sự thương lượng, một cuộc trò chuyện đã diễn ra trong một thời gian dài và sẽ tiếp tục khi bạn đã ra đi. Ở quê của Mẫn, tôi đã hiểu tại sao những người di trú lại cảm thấy cô đơn đến vậy khi lần đầu họ lên thành phố. Nhưng tôi cũng thấy được họ đã trở

nên quý trọng sự tự do mà họ tìm được ở đó như thế nào, cho tới khi cuối cùng họ không thể sống được nếu thiếu nó.

Trong ngày cuối cùng của năm cũ, gia đình Mẫn và gia đình các chú bác cùng đi thăm mộ tổ tiên. Mọi người len lỏi qua những ruộng lúa - bây giờ là những ao bùn đầy cuống rạ sau vụ thu hoạch - đi qua con suối nơi dân làng đang giặt quần áo, rồi đi lên núi theo con đường đi qua những vườn bông và vườn trà. Trong một khu vực được phát quang, có những cây thông bao quanh là mộ của bà nội Mẫn, người đã mất cách đây hai năm, một tấm bia đá đánh dấu mộ của hai cụ nội của Mẫn. Ngọn núi này được gọi là núi Lỗ Mộ (nơi đặt mộ của những người trong dòng họ Lỗ). “Tất cả ông bà cụ kỵ của gia đình tôi đều được chôn cất ở đây,” Mẫn nói. Mẹ cô đặt xuống những chiếc bát đựng quả chà là và kẹo lạc, là đồ cúng cho những người đã khuất. Cha Mẫn đốt tiền giấy - trên tiền có ghi “Tiền sử dụng ở trên trời và dưới đất” - rót rượu lên nền đất trước các nấm mộ. Thanh niên treo pháo hoa lên những bụi cây trà, tựa như đèn Giáng sinh treo lên những bụi cây xung quanh một ngôi nhà ngoại ô. Rồi tất cả mọi người trong gia đình quỳ xuống nền đất ẩm khấu đầu lạy tạ ba lần. Việc chôn cất, pháo hoa, đốt tiền giấy - tất cả đều trái với chính sách của nhà nước. Để xóa bỏ các tập tục “phong kiến” này, chính phủ đẩy mạnh việc hỏa táng và phạt mỗi gia đình vài ngàn nhân dân tệ cho mỗi lần chôn cất. Tất cả các gia đình trong làng của Mẫn, dù nghèo đến đâu, vẫn chịu trả tiền phạt để chôn cất người thân.

Ở nhà, cha Mẫn cẩn thận viết lời chúc phúc cho Táo quân trên một miếng giấy đỏ hình vuông. Ở cửa trước, ông dán các câu đối để chúc mừng nhân dịp năm mới. Mẫn đã mua những câu đối này ở thị trấn mà không buồn để tâm đến nội dung, nhưng nội dung thì rất thích hợp:

Rồng chơi bốn biển mang lộc đến

Phượng bay ngàn dặm tới cùng vui

Buổi tối hôm đó, cả gia đình cùng đốt pháo hoa và xem chương trình truyền hình đặc biệt nhân dịp năm mới. Suốt cả đêm vang tiếng pháo hoa - một tiếng rít lạnh lạnh, im lặng một lúc, rồi tiếng nổ nghèn nghẹt. Đèn trong phòng ngủ sáng cả đêm, trong ba đêm đầu tiên của năm mới cũng như vậy. Không ai còn nhớ ý nghĩa của tục lệ này, nhưng nó vẫn được tuân theo. Những ngôi nhà trong làng bừng sáng trong đêm, rải rác khắp thung lũng, ánh đèn xanh lạnh lẽo gợi nhớ đến những con tàu chở hàng cho các nhà máy ở Đông Quân.

TRONG NGÀY ĐẦU TIÊN của năm mới, lũ trẻ dậy sớm và lần lượt soi gương. Mẫn buộc tóc đuôi ngựa và cặp lên tóc mái một cái kẹp tóc có hình Barbie màu xanh nõn chuối; ba cô gái lớn trong nhà bôi son bóng Maybelline màu hồng. Ngày đầu tiên của năm, theo tục lệ, sẽ là ngày đi thăm hỏi quanh làng. Trẻ con chạy từ nhà này sang nhà kia để xin kẹo, trong khi những đứa lớn hơn ngồi uống nước nóng pha đường và nói chuyện

với người lớn. Trước khi vào từng nhà hàng xóm, Mẫn sẽ hỏi Sa xem phải xưng hô với những người lớn trong nhà đó như thế nào. Cô đã quên mất phải xưng hô thế nào với nhiều người dân trong làng. Tại nhà một bà dì của mẹ Mẫn, ba cô con gái lớn hội ý một lúc, rồi Quế Mẫn lấy ra một trăm nhân dân tệ đưa cho bà già, họ cũng tặng tiền cho một ông trẻ bị què chân. Theo tục lệ vào dịp năm mới, những người lớn sẽ đưa cho bọn trẻ *hong bao* (*hồng bao*) - phong bì màu đỏ bên trong có tiền - nhưng giờ đây tiền lại được trao tặng theo hướng ngược lại.

Những người di trú trong làng đã tự xây dựng nên tục lệ của riêng họ. Trong ngày đầu tiên của năm mới, thời điểm duy nhất tất cả cùng về nhà, thanh niên tụ tập ở đền thờ Phật trên núi. Tôi đi cùng Mẫn, Quế Mẫn và Sa khi họ bắt đầu lên đường vào buổi sáng hôm đó dưới cơn mưa phùn nhẹ nhẹ. Tại một lối rẽ trên đường, một đám đông nhỏ đứng chờ họ. Đây là những thanh niên thuộc diện bánh chọe ở trong làng: một vài người đã lập gia đình, một số thì chưa, mọi người mặc áo khoác da màu đen, quần bò, bình thản đứng hút thuốc nhìn ba chị em và tôi đi lên trên dốc. Các chàng trai ôm pháo bông trữu tay. Một chàng thanh niên giắt bốn điếu thuốc lá vào một bên đầu bằng gọng kính mắt - sự bối rối của người giàu.

Ngôi đền là một tòa nhà màu kem có mái ngói màu đen uốn lượn một cách duyên dáng ở các góc. Trước khi vào đền, các chàng trai đốt hàng tràng pháo hoa nổ đieếc cả tai. Ở căn phòng đầu tiên, có một tấm bảng gỗ dùng để liệt kê danh sách những người đã quyên góp tiền cho việc trùng tu ngôi đền. Mẫn tìm thấy tên của cha cô và tất cả các chú bác trong một nhóm những người mang họ Lỗ ở mục quyên góp năm mươi nhân dân tệ.

Trong đám thanh niên, chỉ có mình Mẫn đi tới bàn thờ ở căn phòng trong cùng của ngôi đền. Cô bỏ tiền vào hòm công đức và hỏi một vị ni cô trung niên liệu cô có thể cầu may mắn cho việc hôn nhân được không. Vị ni cô gật đầu. Mẫn quỳ xuống khấn rằng cô sẽ gặp được người đàn ông định mệnh của đời mình. Vị ni cô đi đến bên Mẫn, đặt một bàn tay lên vai cô. “Kiếm thêm được nhiều tiền,” bà nói. “Tìm được người bạn đời ưng ý.”

Đây là lần đầu tiên Mẫn cầu khấn may mắn cho chuyện hôn nhân. Cô không chắc chắn về mức độ tin tưởng của mình, nhưng việc đó cũng không vấn đề gì cả. “Thậm chí nếu ta không tin,” cô nói, “ta cũng phải tôn trọng điều đó.” Vị ni cô đưa cho Mẫn một mảnh vải đỏ - cô phải giữ gìn cẩn thận mảnh vải và nó sẽ bảo vệ cho cô. Nếu Mẫn gặp may mắn, cô nên quay trở lại ngôi đền trong vòng một năm và cảm tạ Quán Âm, vị Phật Bà nhân từ, là người bảo hộ cho thủy thủ trên biển, phụ nữ vô sinh, và những người trong khắp thiên hạ đang phải gánh chịu nỗi đau khổ.

Năm mới qua đi, Mẫn từ bỏ những kế hoạch cải thiện cuộc sống trong nhà. Bình đun nước nóng cạn khô, mọi người bắt đầu dùng lại những chiếc chén sứ. Túi nylon đựng rác

bị bỏ quên trong xó nhà, cho tới một ngày nó biến mất. Sự tập trung của Mẫn chuyển sang chuyển ra đi sắp tới của cô.

Trong một ngày có tuyết rơi, cô đi một tiếng đồng hồ bằng xe ôm và xe buýt đến thăm hai chị em gái là bạn của cô từ thời học trung học cơ sở. Cả hai chị em, đang làm việc tại vùng ven biển, đều đã về nhà; cha mẹ họ ở nhà làm ruộng và chăm sóc đứa em trai thiếu năng trí tuệ. Khi Mẫn đến nhà họ, cô ngạc nhiên khi thấy một bé gái khoảng hơn một tuổi, vừa mới biết đi. Cô bế đứa bé lên và giải thích tình huống này cho tôi, tựa như một thám tử kỳ cựu tình cờ xuất hiện tại hiện trường nơi xảy ra vụ án. “Đứa con trai bị chậm phát triển, nên họ muốn có thêm một đứa con trai khác. Nhưng họ lại có thêm một đứa con gái. Tất nhiên, họ vẫn rất yêu con bé,” Mẫn nói có vẻ tỏ ý bảo vệ cho gia đình hai cô bạn khi cô nâng đứa trẻ lên xuống xuống.

“Cháu làm việc ở đâu thế?” Mẹ của hai cô bạn hỏi Mẫn.

“Ở Đông Quán, trong văn phòng ạ,” Mẫn nói.

“Chị làm gì cơ?” Cô bé ít tuổi hơn hỏi.

“Thư ký,” Mẫn nói.

“Tốt quá!” Bà mẹ nói.

Mẫn quay sang cô chị, Trình Mỹ Lâm, cô này hai mươi tuổi, có gương mặt thanh tú xinh đẹp. “Thế còn chị?”

“Không tốt lắm,” Mỹ Lâm nói. “Tôi làm ở một nhà hàng.”

“Phục vụ bàn à?” Mẫn hỏi. Mỹ Lâm ngoảnh đi không trả lời. Em gái cô, Trình Lợi, làm ở bộ phận đồ gia dụng trong một siêu thị ở Hà Nam. Điều này đặt hai chị em vào vị trí cuối cùng trong hệ thống phân loại những người di trú của Mẫn. Công việc dịch vụ thật mệt mỏi và mang lại sự hổ thẹn khi phải hầu hạ những người giàu có.

Trong bữa trưa, Trình Lợi kể cho Mẫn nghe về công việc của cô. Cô làm việc mười ba giờ một ngày và chỉ có hai ngày nghỉ trong tháng, hai ngày này còn bị trừ vào lương.

“Đến nhà máy của tớ làm đi,” Mẫn đột nhiên nói. “Nhà máy chỗ tớ làm sản xuất túi xách. Công nhân được nhận bảy hoặc tám trăm nhân dân tệ một tháng, được nghỉ ngày Chủ nhật.”

Trình Lợi nhìn mẹ cô, mẹ cô nói, “Để xem cha con nói gì đã.”

Cũng trong ngôi làng đó, Mẫn tới thăm nhà một bạn học khác, hiện đang vắng nhà, Mẫn được người hàng xóm kể lại rằng bạn cô đã lấy một người đàn ông gấp đôi tuổi cô và giờ đây ở nhà chăm sóc đứa con gái mới sinh. Bà hàng xóm đứng trước cửa oang oang kể chuyện. “Ông chồng nó thấp. Ông ta còn già và xấu nữa. Cha mẹ nó phản đối cuộc hôn nhân.”

Mẫn băn khoăn trước tin tức này. “Cô ấy có vẻ rất có triển vọng,” cô kể cho tôi trên

đường quay về. “Em nghĩ cô ấy sẽ làm người di trú một thời gian dài. Em thật sự nghĩ cô ấy sẽ đi đây đi đó.”

ĐÊM TRƯỚC KHI Mẫn và chị gái chuẩn bị lên đường, cả gia đình cùng ngồi xem truyền hình. Bạn trai của Quế Mẫn ra ngoài đi vệ sinh, đột nhiên không khí trong phòng thay đổi hẳn. Quế Mẫn và mẹ cô bắt đầu thì thầm nói chuyện bằng giọng gay gắt, từ ngữ tuôn ra ào ạt - như thể một cuộc tranh luận chưa thốt nên lời đã hình thành trong im lặng bao ngày nay.

Mẹ Mẫn chỉ trích Quế Mẫn vì đã có quan hệ yêu đương với một người đàn ông quê không ở tỉnh Hồ Bắc. “Nếu con lấy nó,” bà nói, cất cao giọng, “có thể mẹ sẽ không bao giờ gặp được con nữa.”

Quế Mẫn cãi lại mẹ trong giận dữ. “Ai cũng có khoảng trời riêng,” cô nói. “Nếu mẹ muốn con chia tay anh ấy, con sẽ lập tức làm ngay. Và con sẽ chẳng lấy ai nữa.” Mẹ cô bắt đầu khóc.

Anh bạn trai quay lại, và như thể anh ta mang sự yên tĩnh trở lại. Ngay lập tức những lời lẽ giận dữ biến mất, không ai nói gì nữa. Quế Mẫn nhìn chăm chăm vào màn hình tivi. Mẹ của họ đứng dậy đi vào phòng. “Vào với mẹ đi con,” bố Mẫn bảo cô. Cô đứng dậy, mắt mở to lấp lánh đầy kích động, rồi đi ra. Quế Mẫn bắt đầu sắp xếp đồ đạc. Cha họ tiếp tục xem truyền hình như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Mẫn cố gắng thuyết phục mẹ cô. “Ai cũng phải tìm ra con đường riêng của mình,” cô nói. “Nếu Quế Mẫn không hạnh phúc với anh ta, chị ấy sẽ quay lại với gia đình. Nếu chị ấy hạnh phúc, mẹ sẽ thấy hạnh phúc hơn nhiều.”

Quế Mẫn và mẹ cô không nói chuyện với nhau trong suốt buổi tối hôm đó. Nhưng họ vẫn ngủ trên cùng một giường, đầu đầu, như họ vẫn ngủ trong suốt thời gian cô ở nhà. Sáng sớm ngày hôm sau, mẹ cô giúp cô chuẩn bị lên đường. Hai người bọn họ vẫn nói chuyện bình thường, tựa như cuộc cãi vã đêm qua chưa từng xảy ra. Anh bạn trai của Quế Mẫn cũng cư xử bình thường. Quế Mẫn và bạn trai của cô đi trên con đường lầy lội bùn đất về phía đường cái, Quế Mẫn chào tạm biệt mà không nhìn vào mắt mẹ cô. “Chúng con sẽ về thăm vào dịp nghỉ lễ tháng Mười,” anh bạn trai nói với bố mẹ Quế Mẫn khi chia tay. Họ gật đầu mỉm cười, như thể anh ta vẫn được chào đón.

VÀO NGÀY MỪNG NĂM Tết, Mẫn ra đi. Bạn cùng lớp Hồ Đào của cô, như đã hứa, mua vé tàu khởi hành lúc 3 giờ 20 phút đi Đông Quán cho chúng tôi. Đó là tàu chậm, chạy trong mười sáu tiếng đồng hồ, không có số ghế được gán sẵn, nhưng anh ta đã rất may mắn là mua được vé trong thời điểm hỗn loạn sau kỳ nghỉ. Chúng tôi tạm biệt cha mẹ Mẫn và leo lên xe máy của một ông chú, người sẽ đưa chúng tôi vào thị trấn. “Ôm chặt vào” là tất cả những gì mà mẹ cô nói khi chia tay.

Mẫn đến nhà ga sớm hơn một tiếng đồng hồ cùng hai người bạn đến tiễn cô. Tàu hỏa

lúc đến sẽ chật ních những người và sẽ rất vất vả để lên được tàu, trong phòng chờ không khí đầy căng thẳng và chờ đợi, tựa như những giây phút cuối cùng trước khi cuộc đua bắt đầu. Không có dấu hiệu gì cho thấy sự xuất hiện của Hồ Đào. Mỗi lần Mẫn gọi cho anh ta, cô lại nghe thấy câu trả lời tự động rằng điện thoại di động của anh ta đang tắt.

Lúc 2 giờ 45 phút, có thông báo về số sân ga và phòng chờ nhanh chóng trở nên vắng vẻ. Mẫn ra ngoài đi tìm Hồ Đào. Cô quay lại một mình và bàn bạc với cô bạn, Lưu Lợi Á. Có lẽ hai chúng tôi cứ nên lên tàu trước đã, sau đó sẽ mua vé sau. Lưu Lợi Á tỏ ra nghi hoặc. “Họ sẽ đuổi hai người xuống ngay,” cô ta nói.

Sau ba giờ một chút, Hồ Đào xuất hiện với vẻ mặt lơ đãng đầy căng thẳng và hàng ria nhỏ vẫn lơ lửng trên môi. Mẫn và các bạn cô nhảy bổ vào anh ta.

“Anh đã ở đâu thế hả?”

“Anh có biết là ba giờ rồi không?”

Anh ta không biết. Điện thoại của anh ta tắt máy và anh ta lại không đeo đồng hồ.

“Tại sao anh lại tắt điện thoại? Chúng tôi đã gọi bao nhiêu lần mà không liên lạc được với anh.”

Anh ta nói là điện thoại hết pin.

“Lẽ ra tôi phải cho anh mấy cái tát mới đúng!” Mẫn nói. Hồ Đào trông có vẻ ngạc nhiên khi anh ta đưa vé tàu cho Mẫn.

Chúng tôi hòa vào đám đông đang đứng đợi để được đi qua cánh cửa bằng kim loại vào sân ga. Cảnh sát đi qua đi lại la hét với hành khách rằng không được chen lấn xô đẩy. Mẫn và tôi nằm trong số những người đầu tiên được đi qua cửa, nhưng Hồ Đào bị rớt lại đằng sau. “Không cần phải lo lắng gì cho anh ta,” Mẫn nói. Khi tàu đến, mọi người cố gắng trèo lên nhưng hầu hết các cánh cửa đều đóng. Khi cửa vừa mở, đám đông tràn lên. Tay chân vươn ra từ phía trong các toa tàu, cố gắng làm kìm hãm đám đông đang chen lấn xô đẩy. Các hành khách cố gắng ngăn người lên tàu, có lẽ vì toa tàu đã chật hoặc họ muốn để dành chỗ cho bạn bè. Có ai đó bị đá vào bụng, giọng vang lên giận dữ. Tình trạng này kéo dài mười phút, chẳng thấy bóng dáng cảnh sát đâu. Vào giây phút quyết định này, họ lại biến mất.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng nhận thấy một cánh cửa mở cách đây một số toa tàu, và len lỏi đi về hướng đó. Toa tàu chật ních người, nhưng trong vòng một tiếng đồng hồ cả Mẫn và tôi đã chen lấn vào ngồi được ở mép ghế. Hồ Đào đã nhập bọn cùng chúng tôi, Mẫn cho anh ta ngồi chỗ của cô và ngồi trong lòng anh ta trong khi họ cùng nghe nhạc bằng chiếc máy nghe nhạc MP3 của cô. Đây có vẻ là một sự thân mật hiếm hoi, cuối cùng Mẫn sang chỗ tôi. “Anh ta là người bạn trai cũ của em,” cô nói.

“Sao kia? Hồ Đào ấy à?”

Năm kia cô đã hẹn hò với Hồ Đào, khi anh ta sống ở Đông Quán - anh ta chính là người mà cô bị thất lạc sau khi mất điện thoại di động. Hồ Đào gọi cho cô trong ngày đầu tiên khi cô về nhà, suy nghĩ về việc nối lại mối quan hệ đã mất. Bí mật này đã được giữ kín đến mức tôi không hề biết, giờ đây tôi cố gắng ghép các sự việc rời rạc lại với nhau.

“Anh ta có biết cô đang có bạn trai không?” Tôi hỏi.

“Không.”

“Cô có định nói với anh ta không?”

“Em muốn anh ta tìm được việc ở nhà máy trước đã,” Mẫn nói. “Sau đó em sẽ nói với anh ta và anh ta sẽ phải tự xoay xở. Chúng em có thể chỉ là bạn mà.” Cô cười phá lên trước sự ngỡ ngàng của mình. “Anh ta không ổn bằng bạn trai hiện tại của em nhỉ? Bạn trai em là người đáng tin cậy hơn.”

Còn có nhiều bí mật nữa. Quế Mẫn không quay lại Đông Quán như cha mẹ cô nghĩ. Buổi sáng hôm đó cô lên tàu đi tới Trường Sa, thành phố nơi bạn trai cô sống, họ sẽ chuyển đến sống cùng nhau và anh ta sẽ giúp cô tìm việc ở đó. “Em là người duy nhất biết chuyện này,” Mẫn nói. “Chị không được kể với mẹ em đâu đấy. Bà sẽ càng tức giận hơn thôi.” Cô quay lại đi xuống dọc theo lối đi. Sau đó tôi nhìn thấy cô ngồi trong lòng Hồ Đào trong khi anh ta lùa tay vào nghịch tóc cô. Cô nhìn tôi qua làn tóc lòa xòa và bàn tay, nụ cười của cô đầy vui sướng và xấu hổ.

Vào buổi tối hôm đó, tôi nhận được tin nhắn từ Quế Mẫn. Tôi kể cho cô nghe rằng chúng tôi đang ngồi trên tàu hỏa và hy vọng mọi việc với cha mẹ cô sẽ ổn. “Cám ơn chị, em không bao giờ lo lắng,” cô trả lời. “Em chỉ đang đi trên con đường riêng của mình thôi.”

Tám giờ sáng hôm sau, tàu tới Đông Quán. Ở miền Nam thời tiết ẩm áp, Mẫn cởi áo len phàn nàn về sự nóng nực, quên đi nỗi thống khổ do cái lạnh trong suốt thời gian ở quê. Cô và Hồ Đào ra khỏi nhà ga để bắt xe buýt về nhà máy. Cô sẽ tắm gội, những việc cô đã không làm trong nhiều ngày vì ở nhà không có nước máy. Rồi cô sẽ ngủ một giấc dài. Cô chưa có kế hoạch giải quyết tình trạng tiến thoái lưỡng nan giữa hai người bạn trai, nhưng cuối cùng thì việc đó sẽ được quyết định cho cô. Buổi sáng hôm đó, Mẫn sẽ giới thiệu bạn trai cô và Hồ Đào với nhau, mỗi người điên tiết lên vì biết được sự tồn tại của người kia. Bạn trai của cô sẽ bảo: “Nếu hấn không cuốn gói trong vòng ba ngày, tôi sẽ gọi người và cho hấn một trận.” Mẫn sẽ cho Hồ Đào vay ba trăm nhân dân tệ. Và anh ta sẽ biến mất khỏi cuộc đời cô, có lẽ là vĩnh viễn.

Nhưng giờ đây trên chuyến xe buýt lén chặt những người di trú quay về thành phố, ý nghĩ của Mẫn đang ở nơi khác. Ở nhà chẳng có gì làm ngoài việc xem truyền hình, cô nói. Cô làm tôi nhớ lại những thứ ít ỏi mà thị xã Vũ Huyệt lân cận có thể đáp ứng. Cô dường như đang rà soát lại tất cả những gì cô đã nhìn thấy ở nhà, cố gắng tìm hiểu xem mình

đang đứng ở đâu. Khi những nhà máy của Đông Quân lọt vào tầm mắt qua cửa sổ xe buýt, cô nhìn từng cái từng cái một lướt qua mà không nói gì. “Quê hương cũng tốt,” cuối cùng cô nói, “nhưng chỉ có thể ở lại vài ngày mà thôi.”

11. Nhà sử học trong gia tộc tôi

Vào mùa xuân năm 2005 tôi về thăm quê nhà nơi tổ tiên của tôi từng sống. Người Trung Quốc gọi đây là *huijia* (hồi gia), quay về nhà, cho dù bạn đến một nơi bạn chưa từng đến bao giờ. Cha tôi sáu mươi tuổi khi ông lần đầu quay về Lục Đài. Tôi đã sống ở Trung Quốc bảy năm, trong suốt thời gian đó tôi cố gắng củng cố lại lực kéo của quê hương. Nhưng có điều gì đó từ chuyến đi cùng Mẫn về thăm nhà khiến tôi muốn đến thăm nơi bắt nguồn của gia đình mình. Đã chín mươi năm kể từ khi ông nội tôi rời Lục Đài, và tôi không chắc rằng làm thế nào mà cái chết của ông lại diễn ra tại nơi này. Tôi thậm chí còn không biết nên nghĩ thế nào về *hồi gia*: quay về nhà là bốn phận hay là quyền lợi, liệu nó có ý nghĩa gì không sau một khoảng thời gian dài như thế.

Đường về Lục Đài một bên là hàng cây bu lô lá óng ánh màu bạc, tựa như khung cảnh trong tiểu thuyết của Tolstoy, một bên là những cánh đồng đất đen đã được bón phân trải dài đến tận đường chân trời. Còn hai mươi ngày nữa là đến vụ gieo hạt mùa xuân. Từ cửa sổ ô tô tôi nhìn thấy nông dân dùng bò cày ải lật đất, một số người đốt những đồng cỏ ngô trên cánh đồng, những đống lửa rực sáng trên suốt cánh đồng. Đây là vùng thảo nguyên Mãn Châu đã thu hút những vị tổ tiên đầu tiên của tôi đến lập nghiệp tại nơi này, nhưng tôi không thể tưởng tượng được cái thế giới từ thời nhà Thanh ấy. Thay vào đó tôi nghĩ đến những cuốn truyện kiểu *Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên* mà tôi đã từng yêu thích khi còn nhỏ - đó là hình ảnh đã xuất hiện trong đầu tôi, nhưng nó sai lệch hoàn toàn về cốt lõi. Những người nông dân Trung Hoa thời nhà Thanh không bao giờ viết những cuốn sách như vậy. Thậm chí ngay cả thời nay, hầu hết những người Trung Quốc đều không tin rằng lịch sử của một gia tộc tiên phong đi khai khẩn đất hoang lại đáng được kể lại.

Con đường hẹp dần lại, đi qua một vũng bùn, và đột ngột bị chặn lại ở chỗ một cây chổi đặt ngang đường trên lưng hai cái ghế. Một bà già đòi tiền mãi lộ. Đây là chuyện thường gặp ở vùng nông thôn - một trạm thu phí tạm thời, hoạt động dưới quyền lực to lớn của đói nghèo và sự ương ngạnh.

“Hãy để chúng tôi qua đi,” người lái xe nài nỉ. “Chúng tôi đã vất vả cả ngày trời rồi.”

Bà già vẫn không hề mềm lòng. “Tôi bị què chân đây này,” bà ta nói. “Tôi cũng phải chịu đau đớn đấy chứ.” Tôi đưa cho bà ta một nhân dân tệ, tương đương với mười hai xu Mỹ, và cái chổi được nhắc lên.

Những ngôi nhà đầu tiên của Lục Đài nằm rải rác xuất hiện trong tầm mắt. Tôi chỉ biết mỗi một cái tên, Trương Lập Cách. Khi cha mẹ tôi về thăm quê năm 1995, họ đã tình cờ gặp người họ hàng xa này và được ông ta mời về thăm nhà.

“Cho hỏi ông Trương Lập Cách còn ở đây không?” Tôi hỏi một thanh niên đang đứng

bên vệ đường. Câu hỏi này có nghĩa là: Ông ấy còn sống không?

“Ông ấy không còn nữa,” người thanh niên đáp, “nhưng bà vợ ông ấy vẫn còn đấy.” Cậu ta chỉ đường cho tôi. Hai phụ nữ trẻ ở độ tuổi hai mươi mở cửa; họ mang vẻ đẹp của miền Bắc Trung Quốc, vai rộng và xương to, gò má ửng đỏ vì gió. Họ đưa tôi lên đồi đến thăm ngôi nhà của bà bác.

Thẩm Tịnh Chi tám mươi ba tuổi, bà sống cạnh khu thái ấp của gia đình chúng tôi khi còn trẻ. Ngay khi hiểu ra tôi là ai, bà bắt đầu nói một cách dữ dội với tôi bằng chất giọng địa phương nặng nề, lợi bà lặng lẽ siết lại trong khoảng lặng giữa các từ. Gương mặt của bà gầy và đầy nếp nhăn, tựa như da dê, với đôi mắt kèm nhèm. Tôi không hề hiểu bất cứ thứ gì bà nói. Một người họ hàng ít tuổi hơn, người đàn ông trạc ngũ tuần có gương mặt vuông đẹp trai, dịch từ tiếng địa phương sang tiếng phổ thông.

“Những bức tường ở chỗ này. Ta sống ở bên kia bức tường,” bà già kể, đôi tay xương xẩu phác ra một khu hợp viện đã biến mất từ sáu mươi năm trước. “Mặc dù gia đình cô là gia đình quan lớn, họ luôn luôn hồ hởi khi nhìn thấy chúng tôi, dù cho chúng tôi có địa vị thấp kém hoặc quần áo rách rưới.”

Tôi hỏi liệu bà có nhớ ông nội tôi, hay anh của ông, hay cha của họ hay không. Mỗi khi tôi đọc lên một cái tên, bà lắng nghe rồi lắc đầu. “Bọn họ luôn ở Bắc Kinh,” bà nói.

Nhưng người đàn ông ít tuổi hơn, có cái tên là Thẩm Chân Pháp, biết mọi thứ. Ông biết rằng cha tôi sống ở Mỹ và từng làm việc trong một trường đại học tại Hồng Kông, tôi có họ hàng ở Cáp Nhĩ Tân. Ông ấy biết một người họ hàng tên là Trương Hồng và nói rằng sẽ lấy số điện thoại của ông ta cho tôi. Ông biết về ông nội tôi. “Ông ấy là một người xuất sắc,” Thẩm Chân Pháp nói. “Ông muốn làm điều gì đó cho đất nước Trung Quốc, vì vậy ông đã chết ở mỏ Phủ Thuận.”

Tôi hỏi Thẩm Chân Pháp làm sao ông biết nhiều như vậy về gia đình tôi.

“Khi cha tôi còn sống, ông nói rất nhiều về những chuyện lịch sử đó,” ông đáp. “Cha tôi đã từng làm việc cho gia đình cô. Ông chán lộn và cừ.”

Thẩm Chân Pháp cũng nhớ chuyến về thăm của cha tôi. Một thập kỷ trước, sự kiện đó dường như còn được nâng tầm ảnh hưởng lên nhiều. “Ông ấy đi cùng một người nữa, tôi nghĩ là người của chính phủ. Ông ấy có đôi vai rộng. Có đúng thế không?”

“Không hẳn thế,” tôi nói. Cha tôi người mảnh khảnh, ông ấy có đôi vai của một bác sĩ phẫu thuật Trung Quốc.

“Vai rộng,” Thẩm Chân Pháp khẳng định, “và mắt to. Đúng không?”

Đúng là như vậy - cha tôi có đôi mắt to.

“Sau khi cha cô đến, nhà thờ họ bị thiêu hủy.”

Bà lão nói rằng các viên chức nhà nước đã đến và lấy đi cuốn gia phả, cuốn sổ ghi chép

lịch sử gia tộc tôi từ cách đây ba trăm năm. Bà bị ám ảnh bởi sự mất mát này. “Không có gia phả,” bà nói, “thật nguy hiểm vì những người họ hàng ở các thế hệ khác nhau có thể sơ suất mà lấy phải nhau.”

Sau chuyến viếng thăm của cha mẹ tôi, các viên chức nhà nước tháp tùng họ đã quay lại ngôi làng, lấy đi cuốn gia phả, và gửi cho cha tôi ở nước Mỹ. Tôi nói với bà lão rằng tôi có thể gửi cho bà một bản sao.

“Không cần đâu,” một trong số mấy người đàn bà trẻ tuổi hơn trả lời thay. “Bây giờ không còn người nhà họ Trương nào ở đây nữa.”

TÔI TỪNG HÌNH DUNG RẰNG sẽ có một ngôi làng gồm toàn những người có cùng cái mũi và đôi mắt giống mình, và tôi từng nghĩ rằng mọi người sẽ đều có cùng một họ với mình. Nhưng tất cả bọn họ đã ra đi từ lâu lắm rồi. Ngôi mộ của ông cố nội tôi, nằm trên một sườn đồi nhìn xuống ngôi làng, đã bị đào lên và phá hủy trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa. Nhà thờ của dòng họ đã bị thiêu hủy, nhưng ông Thẩm vẫn đề nghị đưa tôi bằng xe máy đến nơi xưa kia là ngôi từ đường. Khi chúng tôi chuẩn bị đi, bà lão đứng dậy và nắm lấy tay tôi, có vẻ xúc động. Bà vẫn nghĩ về cách xưng hô đúng đắn giữa những người ở các thế hệ. “Nhưng ta sẽ gọi cô là gì?” Bà hỏi. “Và cô sẽ gọi ta là gì đây?” Tôi nắm tay bà nói lời từ biệt.

Chúng tôi đi nhanh xuyên qua ngôi làng trên chiếc xe máy của ông Thẩm. Những ngôi nhà của Lục Đài nằm giữa những ngọn đồi uốn lượn, các ngôi nhà nằm cách xa nhau và quay ra các hướng khác nhau, tựa như một nắm xúc xắc được quăng xuống thung lũng này. Bên cạnh những nếp nhà tranh cũ kỹ xây bằng gạch và bùn là những ngôi nhà mới hơn được lát gạch men trắng; nhiều thanh niên trẻ tuổi trong làng đã ra ngoài làm việc hoặc chuyển ra thành phố. “Làng đã thay đổi nhiều trong những năm gần đây,” ông Thẩm nói.

Những ngôi nhà thưa thớt dần. Chúng tôi leo lên con dốc dẫn đến một cánh đồng mà vỏ ngô vẫn còn ngập đến tận mắt cá chân kể từ vụ thu hoạch năm ngoái. Những bức tường đã từng bao quanh nhà thờ họ vẫn còn đó, ở ba phía của cánh đồng - phần dưới xây bằng đá, phần trên xây bằng bùn. Những gì còn lại của những bức tường này cao khoảng 1,2 mét. Nằm ngoài bức tường, trải dài đến tận đường chân trời, là những cánh đồng ngô.

Khu vực này giống như một phế tích cổ - Karakorum, thủ đô của Mông cổ vào thế kỷ thứ mười ba - chứ không phải là thứ vừa mới được xây dựng chỉ cách đây chừng một thế kỷ. Nơi này cũng không lâu đời hơn ngôi nhà xây vào thời điểm chuyển giao giữa hai thế kỷ ở San Francisco, nơi anh trai tôi sống. Có lẽ là vì mặt đất bị che phủ quá nhiều, và có quá nhiều người ra đi, nên có cảm tưởng rằng nó đã có từ thật lâu đời.

Tôi chỉ vào những chiếc vỏ ngô. “Ai đã trồng ngô ở đây thế?”

“Chúng tôi cho một gia đình hàng xóm canh tác trên mảnh đất này,” ông Thẩm nói một cách lo lắng, tựa như tôi có thể đột nhiên đòi quyền thừa kế đối với mảnh đất này. Chúng tôi đứng im lặng nhìn mảnh đất có gió thổi qua xào xạc. “Đã từng có ba mảnh sân trong,” ông Thẩm nói. “Những người lớn tuổi kể lại rằng khi trời mưa cô có thể đi từ đầu đến cuối mà không bị ướt.” Đó là cách ông mô tả nơi này đã từng rộng lớn như thế nào.

Có lẽ không thể viết về lịch sử của một nơi nhỏ bé trên đất nước Trung Quốc, bởi vì tất cả những người có tài hoặc có tham vọng đều đã ra đi cả. Lịch sử diễn ra ở một nơi khác. Khi cuối cùng tôi đã quay trở về quê hương, chẳng còn ai ở đó đón tôi - chỉ có một bà lão với một ít ký ức và một người đàn ông có cha từng chần lộn và cừu cho gia tộc tôi. Gia tộc tôi đã phân tán ở trên khắp xứ Mãn Châu, trên toàn thế giới. Với những người còn ở lại, chỉ còn một vài mảnh quá khứ còn sót lại. Những thứ đó không đủ để kể một câu chuyện. Những điều mà ông Thẩm kể lại toàn là những điều tôi đã biết, tức là ông cũng chỉ biết những điều về lịch sử gia tộc giống như tôi mà thôi.

Tôi cũng không cảm thấy buồn. Tôi đã chờ đợi một thời gian dài để tới được nơi này, và giờ đây tôi đã hiểu ra một điều. *Tân Phát Nguyên, một nơi tốt đẹp*: giờ đây tôi là hiện thân của từ này. Một gia tộc không phải chỉ là một mảnh đất. Nó chính là những con người thuộc về gia tộc đó, là những sự kiện tạo nên cuộc đời họ. Thỉnh thoảng những sự kiện này sẽ được gom lại - đó là vai trò của tôi hiện giờ. Gia tộc tôi là cả một câu chuyện, không phải là một địa điểm, và ở tại Lục Đài này tôi có thể thấy được mục đích của việc viết ra câu chuyện này.

Tôi chỉ mới ở trong làng một tiếng đồng hồ, nhưng đã đến lúc phải đi. Thẩm Chân Pháp đưa tôi quay trở lại nơi xe taxi đang đợi. “Sau này khi cô quay trở lại đây,” ông nói, “cô cứ đến thẳng nhà tôi.” Những lời không nói ra trong lời mời của ông là: *Bởi vì cô chẳng còn gia đình quyến thuộc ở đây nữa.*

Chẳng còn người nhà họ Trương ở đây nữa, người phụ nữ trẻ tuổi ở quê hương tổ tiên tôi đã nói như vậy. Người họ hàng gần nhất của tôi ở Trung Quốc là gia đình của bác Lập Giao, người bác họ đã lớn lên cùng cha tôi. Vào mùa hè năm đó, ba tháng sau chuyến đi của tôi tới Lục Đài, tôi đến gặp họ lần đầu tiên ở Cáp Nhĩ Tân, một thành phố Mãn Châu cách biên giới nước Nga khoảng ba trăm kilômét.

Họ đã ở lại đằng sau và chịu nhiều đau khổ, và có phần là vì chúng tôi. Việc sở hữu đất đai trong quá khứ của gia đình tôi đã khiến bác Lập Giao trở thành kẻ thù giai cấp và vợ chồng bác cùng với hai người con trai bị kết án đi lao động tại nông thôn trong cả một thập kỷ. Việc gia đình cha tôi đến Đài Loan còn làm mọi việc trở nên tồi tệ hơn - trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, mối liên hệ gia đình đó khiến gia đình bác Lập Giao bị coi là gián điệp.

Khi tôi tới thăm, cả gia đình tập trung trong căn hộ ba phòng ngủ của con gái bác Lập

Giao. Ba người con của bác Lập Giao cùng thế hệ với tôi nhưng đều đã ở độ tuổi ngũ tuần. Người anh cả cao và chắc nịch, đeo đôi kính gọng đen dày cộp gọi tôi nhớ đến Giang Trạch Dân, người anh thứ hai gầy hơn một chút, xương quai hàm hẹp dần thành một điểm nhọn ở cằm. Tôi nhận ra những đặc điểm đó - gương mặt của cha tôi. Hai anh em họ gặp tôi mà chỉ mặc áo may ô và nói chuyện như những người công nhân, dậm vào những từ *tamade* (*tha mụ đích*), một từ dậm đa năng, có nghĩa là “fucking” (đ. mẹ) trong tiếng Anh. Họ đang học trung học cơ sở khi Cách mạng Văn hóa bắt đầu, và trong suốt thập kỷ đó họ bị đưa đi cải tạo ở nông thôn. Khi họ lần đầu quay trở lại thành phố, người anh kiếm được việc ở một nhà máy sản xuất lò xo còn người em làm việc ở một nhà máy xẻ gỗ. Ân Kiều, cô em út, thuộc về một giai cấp khác. Chị đã tốt nghiệp trung học cơ sở vào năm 1971, sau giai đoạn triệt để của Cách mạng Văn hóa, nên không phải đi về nông thôn như các anh mình. Chị còn lấy được bằng phổ thông trung học, và bây giờ chị giữ một chức vụ quản lý cấp cao ở trường đại học. Giống như nhiều gia đình Trung Quốc khác, thứ tự ra đời đã xác định số phận của các con bác Lập Giao.

Vợ của bác Lập Giao, bà Chu Thư Lan, đưa tôi vào một phòng ngủ. Một ông già nằm trên giường, bất động, một con mắt hé mở. Mặt ông sưng húp, đầu hói nhẵn thín và các cơ thịt trên mặt và cổ của ông mềm và trần trụi như thể một quả trứng luộc kỹ vừa mới bóc. Bụng ông nhấp nhô như một cái gò nhỏ dưới tấm ga trải giường bằng vải bông. Đó là bác Lập Giao.

“Ông ấy không nhận ra ai cả,” vợ bác Lập Giao nói.

“Ông ấy không biết gì nữa đâu,” vợ của người con trai thứ nói. Chị ta vỗ nhẹ vào mặt ông già. “Bố có nhận ra con không?” Chị ta nói to.

Lông mày phía trên con mắt đang mở của ông khẽ nhích động. Cả hai người đàn bà phá lên cười. Họ đối xử với ông như thể một đứa trẻ đại khờ - giờ đây ông chỉ còn là một trách nhiệm đối với họ. Họ làm mọi thứ cho ông, cho ông ăn thức ăn mềm, giặt ga trải giường cho ông và giám sát mức độ bình oxy của ông. Ông đã như thế này kể từ lần bị đột quỵ vào năm kia và đã suyết chết.

Tôi hỏi Ân Kiều liệu họ có thể thuê ai đó để giúp chăm sóc ông ấy. “Nếu bố chị không được gia đình chăm sóc,” chị ta nói thẳng thừng, “ông ấy đã chết rồi.”

Trong suốt cả một ngày dài mà tôi ở cùng với gia đình, ông lão nằm trên giường. Đối với tôi thì như thế thật đáng buồn, nhưng trên thực tế cuộc đời ông đã thắng lợi. Bác Lập Giao đã bảo vệ cả gia đình không bị ảnh hưởng gì qua cuộc Cách mạng Văn hóa. Vào những năm 1980, ông đã giúp các con mình xin được việc ở trường đại học nông nghiệp nơi ông làm việc, cả ba người bây giờ vẫn đang làm việc ở đấy. Đó là thành tựu của bác Lập Giao, ở tuổi tám mươi chín, định mệnh của ông là ra đi một cách thanh thản trên giường.

BÀN ĂN BÀY ĐẦY những món ăn trưa. Ân Kiều đã chuẩn bị *chunbing* (*xuân bính*), món ăn miền Bắc ưa thích của tôi làm từ vỏ bánh xèo với nhân là thịt trộn rau húng mà mẹ tôi luôn làm vào dịp sinh nhật tôi. Tôi kể cho họ về chuyến thăm Lục Đài của mình - họ rất ấn tượng về việc tôi đã đến nơi đó.

“Chưa có ai trong số chúng tôi từng quay về quê hương,” Ân Kiều nói. Cha của họ có hai người chị gái mà họ chỉ gặp đúng một lần khi còn nhỏ. Không thành viên nào của gia đình còn ở lại làng, tôi nói, nhưng có một người hàng xóm cho tôi số điện thoại của Trương Hồng.

Các anh chị em họ của tôi nhìn nhau. “Cô biết gì về Trương Hồng không?” Người anh cả hỏi.

“Em nghĩ là anh ta rất giận gia đình em vì một lý do nào đó,” tôi cân trọng nói. Cha tôi đã từng đề cập đến người họ hàng “điên khùng” này.

“Ông ta có vấn đề về thần kinh!” Vợ của người con thứ thốt lên.

Trương Hồng là người em họ đầu tiên của cha tôi. Bác Lập Giao và cha tôi là hậu duệ của con cái người vợ cả của ông cố nội tôi, còn Trương Hồng là hậu duệ của con cái người vợ thứ ba. Ông ta phải chịu nhiều đau khổ vì mối liên hệ này. Năm 1957, cha ông ta bị coi là phần tử cánh hữu và mất việc ở trường đại học tại Thẩm Dương. Suốt cuộc Cách mạng Văn hóa, cả gia đình đã bị đưa xuống nông thôn trong cả một thập kỷ. Sau khi họ quay về thành phố, cha của Trương Hồng đã bỏ ra hàng năm trời viết thư và đưa đơn kháng cáo để rửa sạch tội lỗi của mình. Ông muốn Đảng Cộng sản tuyên bố rằng mình chưa bao giờ là phần tử cánh hữu. Ông đã đề nghị, và đã thắng, về việc yêu cầu trường đại học đền bù số lương bị mất. Sau khi cha của Trương Hồng mất, Trương Hồng tiếp tục việc kiện tụng. Ông ta không chỉ nghiên cứu vụ kiện của cha mình mà còn nghiên cứu cả lịch sử của ông nội tôi và của gia đình ông nội; ông ta dành toàn bộ thời gian rỗi để đọc báo cũ và sao lưu tài liệu. “Bất cứ nơi nào ông ta tới, ông ta đều mang theo hai túi đựng đầy tài liệu,” vợ của bác Lập Giao kể lại với tôi.

Tôi đã gặp loại người này - mọi phóng viên ở Trung Quốc đều đã từng gặp. Ông ta là một người khiếu kiện, khiếu nại, chỉ chăm chăm vào việc sửa chữa một oan sai đến nỗi mà những nỗ lực này chiếm cả cuộc đời và đưa ông ta vào một vũ trụ riêng biệt nơi ông ta sống cô đơn. Ở Trung Quốc, sự tập trung đầy ám ảnh ấy là cần thiết để chiến đấu với một hệ thống pháp luật được thiết kế nhằm chôn vùi bạn trong sự quan liêu và chậm trễ. Nếu nhìn từ xa, một người như vậy quả là đáng ngưỡng mộ, nhưng không thể chịu đựng nổi nếu đến gần. Ông ta nói hàng giờ về “Vụ kiện 7 tháng 3” hay “Quyết định 14 tháng 12” - người ta có xu hướng tập trung vào những ngày tháng cụ thể mà các phán quyết được đưa ra. Nhưng những con số cứ bao trùm lên cuộc nói chuyện, chúng lặp đi lặp lại, người đi khiếu kiện lần theo những mốc thời gian của những oan khiên mà ý nghĩa của chúng chỉ có mình ông ta biết. Bạn muốn thông cảm với ông ta, nhưng cuối cùng bạn chỉ

cảm thấy tro cứng vì những tài liệu và đơn kiện, sự kiện và ngày tháng.

Lần lượt, Trương Hồng phá vỡ mối liên hệ với mọi thành viên trong gia tộc. Ông ta gửi một lá thư đầy giận dữ cho bác Lập Giao và sau đó không còn đến thăm nữa. Ông ta cãi nhau với bà bác của tôi ở Bắc Kinh. Ông ta viết những lá thư đầy độc địa cho cha và chú tôi, Ân Kiều đã giữ và trao lại cho tôi đầy miễn cưỡng - chị ngưng ngưng vì lời lẽ trong thư đầy vẻ thù địch.

“Ông ta buộc tội ông nội cô đã gây nên việc cha ông ta bị coi là phần tử phái hữu,” Ân Kiều nói. “Một triệu người đã bị coi là phần tử phái hữu. Tất cả chỉ tại vì họ đã biết ông nội cô hay sao? Thậm chí đến cả Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ cũng không được bảo vệ nữa là một người dân thường như vậy.” Gò má chị bừng đỏ khi nói chuyện.

“Ông ta đến gặp cha tôi nhiều lần,” người anh cả nói. “Cha tôi luôn thuyết phục ông ta rằng: “Đã có quá nhiều người phải chịu đau khổ, đâu chỉ có mỗi mình anh. Anh phải bỏ qua mọi việc và nhìn về tương lai.” Nhưng ông ta không thể.”

Trương Hồng phủ một bóng đen lên ngày hôm đó. Khi gia đình họ nói về ông ta, luôn là những lời lẽ thô bạo - ông ta có vấn đề về thần kinh! - nhưng vẫn có cả sự kính sợ trong đó. Có thể những mối hận mà ông ta bày tỏ là những gì mà họ vẫn giữ sâu kín trong lòng, có lẽ họ đã cố nén lại những suy nghĩ đó để có thể sống tiếp một cách bình thường. Có lẽ họ cũng ngờ rằng ông ta đúng.

“Ông ấy cảm thấy ông ấy xứng đáng được nhận thứ gì đó từ cha và chú cô,” Ân Kiều nói với tôi, hết lần này đến lần khác. “Ông ấy đã chịu đựng quá nhiều đau khổ trong suốt ngàn ấy năm chỉ vì quan hệ họ hàng với ông nội cô, và giờ đây ông ấy thấy rằng gia đình cô nợ ông ấy điều gì đó. Nhưng gặp được cô là chúng tôi đã thấy mừng rồi.”

Lắng nghe họ nói chuyện, tôi nhận ra rằng thật ngạc nhiên khi không có nhiều người như Trương Hồng ở Trung Quốc. Hầu hết những người bạn gặp ở một độ tuổi nhất định đã mất đi nhiều năm trời vì các chiến dịch chính trị, nhiều người vẫn đang phải trả giá cho sức khỏe kém, hoặc thất học, hoặc các thành viên trong gia đình không còn. Nhưng đáng ngạc nhiên là sự thiếu vắng của nỗi cay đắng. Khi bạn hỏi về những trải nghiệm cá nhân, mọi người có xu hướng lùi lại thành một giọng mang tính tập thể. *Có rất nhiều người phải đau khổ* - như thể điều đó hợp lý hóa mọi việc. Các anh em họ của tôi luôn viện dẫn Lưu Thiếu Kỳ, người từng là Chủ tịch nước của Trung Quốc và là người kế thừa chính thức của Mao. Ông đã phải chịu đựng hai năm bị đánh đập và đấu tố. Mặc dù ông có địa vị cao nhưng ông đã chết trong một nhà tù ở tỉnh Hà Nam vào năm 1969. Tầm quan trọng của người đàn ông này, và kết cục bi thảm của ông, đã ảnh hưởng sâu sắc đến những người họ hàng của tôi. Dường như họ coi ông là một vị Chúa Jesus của Trung Quốc, với một đức tin hư vô ngoan cố: Bởi vì Ngài còn qua đời theo lối đó, chuyện của người phỏng có nghĩa lý gì kia chứ?

Trương Hồng lại khác. Ông ta giận dữ vì những gì mình đã mất và không thể bỏ qua điều đó, ông ta cư xử như thể những nỗi đau đớn của cá nhân là quan trọng. Ông ta dám coi nỗi đau đớn của mình ngang với nỗi đau đớn của Chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ. Câu chuyện của Trương Hồng có tính chất quan trọng và ông ta kiên quyết kể nó. Trước đó tôi luôn luôn tự hỏi rằng tại sao không có nhiều người giận dữ trước những tổn thương mà Cách mạng Văn hóa đã gây ra. Thì đây là một người như vậy, và ông ấy là người trong gia tộc.

SAU BỮA TRƯA, tôi ngồi nói chuyện với người anh cả về lịch sử gia đình. Những người họ hàng khác thỉnh thoảng tham gia vào cuộc trò chuyện khi họ đi qua phòng khách. *Anh có biết gì về ông nội em không?* Tôi hỏi.

Người có thể trả lời rõ ràng nhất cho câu hỏi của cô - anh ta lặng lẽ chỉ tay về phía phòng ngủ nơi có ông lão bất động, không thể thốt nên lời, đang nằm chờ chết.

Anh biết những gì về ông nội của mình?

Sau này ông đổi tên thành Trương Thanh Ba.

Ông ấy đến Bắc Kinh học đại học. Ông làm việc ở Bắc Kinh.

Không, ông làm việc ở Cáp Nhĩ Tân.

Trong suốt cả một ngày thật dài - chín tiếng đồng hồ, với sáu người họ hàng trò chuyện không ngừng - tôi đã cố thử, nhưng không thể. Mỗi lần tôi đặt một câu hỏi, chúng tôi lại chuyển chủ đề sang một cuộc bàn luận về tên của một ai đó khác, hay là năm sinh chính xác của ông, hoặc ai đó đã từng nói về ông một lần nào đó. Chúng tôi chìm đắm trong các sự kiện, luẩn quẩn trong hàng đồng ngày tháng. Không ai có thể tập hợp chúng lại, gom các chi tiết này thành một câu chuyện mạch lạc. Thậm chí còn khó khăn khi tìm hiểu những nỗi khổ mà họ hàng của tôi phải chịu đựng hàng năm trời. Họ bùng bít những chuyện cá nhân, họ bỏ qua những khoảng thời gian dài và dường như họ quên đi những sự kiện chủ chốt. Trong một thế giới mà có quá nhiều người phải chịu đau khổ, câu chuyện của một người chẳng có nghĩa lý gì. *Thậm chí cả Chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ cũng không được bảo vệ, nữa là một kẻ vô danh tiểu tốt.*

Cuối cùng tôi cũng đành từ bỏ việc đặt câu hỏi. Trong cuộc trò chuyện kéo dài bảy tiếng của chúng tôi, tôi biết được rằng bà nội của họ - mẹ bác Lập Giao - đã ở lại Lục Đài và bị giết chết trong giai đoạn cải cách ruộng đất vào cuối những năm 1940. Trong bữa tối, Ân Kiều quay sang tôi và nói, “Ông nội chúng tôi đã tự tử. Cô có biết điều đó không?” Tôi ngồi và để cho cuộc trò chuyện trôi tuột qua trong trí óc, chỉ để lại những mẩu rời rạc tôi muốn biết như thể đá cuội lắng xuống rìa đại dương.

Quay trở về Bắc Kinh, tôi ngồi đọc lá thư của Trương Hồng mà con gái của bác Lập Giao đã giữ lại cho tôi. Lá thư gồm hai trang giấy đánh máy gửi cho cha tôi và các cô chú

tôi. Thậm chí một người không biết tiếng Trung Quốc cũng có thể thấy được đó là một lá thư toàn những lời rửa xả. Các chữ cái in đậm toàn bộ và được gạch chân một cách bức bối, cỡ chữ to quá khổ, với rất nhiều dấu chấm than, như thể những chữ cái được đánh máy nằm ngay ngắn trong các ô vuông không thể nói hết cảm xúc của ông ta. Chữ viết tiếng Trung Quốc không hề được mong muốn sẽ thành như thế này.

Ông đã nói bao lần rằng ông sẽ không gặp chúng tôi... Thay vào đó ông đứng đưng trước nỗi thống khổ của chúng tôi và hả hê trước sự bất hạnh của chúng tôi.

Vài năm trước, tôi đã gửi một lá thư gần như là một lời thông báo sự tình nguy ngập, hy vọng rằng ông sẽ đứng ra giúp đỡ cha tôi và cha ông trong cùng thời điểm đó. Nhưng ông chẳng hề để tâm, ngoảnh mặt đi một cách tàn nhẫn trước một người đang gặp mỗi hiểm nguy chết người.

Nhà họ Trương ở Lục Đài tiếp tục thực hiện những hành động độc ác của quá khứ, chà đạp lên nhân quyền và gian xảo giành lấy địa vị về mình giữa chi của chính thất và chi của thê thiếp trong gia đình.

Mục đích của tôi là phục hồi lại truyền thống hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ và trách nhiệm của anh em trong nhà đã được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác mà ông nội và ông cố nội của chúng ta đã tạo ra. Tôi không bao giờ nghĩ rằng cha tôi cuối cùng lại bị Trừng phạt vì các ông, những người anh em ruột thịt!!

Ở đầu trang hai, ông ta đề cập đến tôi:

Liệu Trương Đồng Hà vẫn còn muốn viết về lịch sử của gia đình hay không? Nó có viết về những điều này không? Nếu nó không viết, thì đó là loại lịch sử gia đình kiểu gì vậy?

Lá thư này, theo như tôi được biết qua việc nói chuyện với cha tôi, là cao trào của một chuỗi thư từ trao đổi qua lại mà hầu hết nội dung đều chỉ từ một phía. Vào cuối những năm 1990, Trương Hồng viết thư cho cha tôi. Ông ta muốn cha tôi xin Đảng Cộng sản bãi bỏ những phán quyết chính trị đối với ông nội tôi, quá trình này, gọi là *pingfan* (bình phản), cho phép những người đã bị đấu tố trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa phục hồi lại danh dự của mình. Dường như Trương Hồng nghĩ rằng điều này sẽ có ích cho trường hợp của cha ông ta, và ông ta đề nghị cha tôi hỗ trợ. Nhưng đó là một lời yêu cầu kỳ quái. Cha tôi tin rằng, ông nội tôi đã bị Cộng sản giết chết, vậy thì giờ đây làm sao chúng tôi có thể đề nghị Đảng đã giết ông trả lại sự trong sạch cho ông? Cha tôi đáp lại một cách lịch sự rằng ông không có hứng thú với việc đó.

Trương Hồng viết lại một lá thư đầy phần nộ cho cha và chú tôi. Một vài năm sau, ông ta gửi thêm một lá thư khác, buộc tội gia đình cha tôi đã gây nên đau khổ cho ông ta và không để ý đến những nỗi thống khổ mà ông ta phải gánh chịu. Ông ta thề sẽ trả thù và gửi bản sao của bức thư tới các đồng nghiệp ở trường đại học mà cha và chú tôi đang giảng dạy. “Cha cho rằng Trương Hồng cảm thấy là chúng ta không quan tâm đến ông ấy, rằng chúng ta không quan tâm đến các vấn đề của gia đình,” cha tôi nói với tôi. Ông ngừng lời rồi nói thêm: “Mà có lẽ là đúng như thế.”

Trương Hồng đã dành hàng năm trời để nghiên cứu lịch sử của gia đình. Ông ta đã được đưa tới sống ở Lục Đài trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, nơi ông ta lần đầu gặp rất nhiều người họ hàng. Ông ta đã xem các tài liệu lưu trữ của Đảng Cộng sản.

Ông ta đã phỏng vấn vị giám đốc đã nghỉ hưu của mỏ than Phủ Thuận, nơi ông nội tôi đã bị giết chết. Ông ta có những bức ảnh về nhà thờ họ trước khi nó bị đốt cháy và sơ đồ mô tả bố cục của các tòa nhà.

Càng biết về Trương Hồng nhiều chừng nào, tôi càng nhận ra rằng cần phải nói chuyện với ông ta. Ông ta là nhà sử học chân chính trong gia đình tôi, dù cho ông ta có bị thần kinh vì quá khứ ám ảnh. Ông ta có tư liệu và các bức ảnh, ông ta đã thực hiện nghiên cứu. Là kẻ đến sau và là một người nghiệp dư, tôi sẽ không bao giờ biết được những gì ông ta biết. Ý nghĩ gặp ông ta khiến tôi kinh sợ.

Lá thư cuối cùng Trương Hồng gửi cho gia đình chúng tôi là vào năm 2004, khi tôi vẫn còn là phóng viên tác nghiệp tại Bắc Kinh. Lúc ấy tôi vẫn chưa về thăm quê hương, hoặc nghĩ về việc viết lịch sử gia đình. Tuy vậy trong lá thư của ông ta, Trương Hồng dường như đã biết về dự định tương lai của tôi.

Liệu Trương Đồng Hà vẫn còn muốn viết về lịch sử của gia đình hay không? Nó có viết về những điều này không?

Người Trung Quốc ngày nay có một mối quan hệ phức tạp với quá khứ của họ. Bên ngoài, họ tự hào về quá khứ của mình - người Mỹ nên nhớ rằng Trung Quốc có năm nghìn năm lịch sử - tuy nhiên họ vẫn e ngại việc tìm hiểu sâu xa hơn mức độ một bộ phim truyền hình về thời nhà Thanh. Tại sao một nền văn minh lớn đến vậy lại sụp đổ quá nhanh chóng khi phải đối đầu với phương Tây? Điều gì đã khiến mọi người sẵn sàng trở nên thù địch với nhau - ở nơi làm việc, ở làng quê, trong gia đình - trong suốt các phong trào chính trị những năm 1950 và 1960? Và làm sao họ có thể trở lại cuộc sống bình thường sau tất cả những chuyện đó, tựa hồ như chẳng có chuyện gì xảy ra?

Câu hỏi cuối cùng là dễ trả lời nhất: thông qua sự quên lãng. Vào năm 1980, Đặng Tiểu Bình đã chỉ đạo rằng chính sử của ba mươi năm vừa qua nên được ghi chép “sơ sài thay vì chi tiết” vì mục đích đoàn kết dân tộc. Vì vậy Cách mạng Văn hóa thường được đổ cho một nhóm các lãnh đạo có tư tưởng cực đoan và vụ biểu tình tại Thiên An Môn là tác phẩm của một vài kẻ khủng bố lôi kéo và thao túng đám đông quần chúng. “Hãy để điều đó cho lịch sử quyết định,” người ta nói vậy khi bàn đến các vấn đề này - tựa như đang nói về chuyện xa xưa thay vì những sự kiện mà bản thân họ đã từng chứng kiến và tham dự vào.

Quên lãng là lựa chọn cá nhân - một thỏa thuận ngầm giữa nhiều người đối với việc để quá khứ sang một bên. Đối với những người trong gia tộc tôi đã rời bỏ đất nước Trung

Quốc, tốt hơn là tiếp tục sống thay vì than khóc cho tương lai đầy hứa hẹn đã bị tước mất của ông nội tôi. Đối với những người trong gia tộc còn ở lại, tốt hơn hết là nói về Lưu Thiếu Kỳ thay vì truy vấn xem tại sao những năm tháng tươi đẹp nhất trong cuộc đời họ đã bị đem làm vật hy sinh. Việc này là dễ dàng nhất đối với những người di cư. Thoát khỏi cái bẫy của gia tộc, lịch sử, quá khứ cũng đơn giản như là thay tên đổi họ hoặc nói thật to một từ. “*Thương mại quốc tế*” nói như thế nào nhỉ?

Quá khứ dường như chỉ toàn những câu chuyện đau buồn. *Một người đàn ông bị ám sát ở ga tàu hỏa sau chiến tranh. Một người phụ nữ bị đánh đến chết tại quê hương. Một người phụ nữ đến đền thờ và rút được quẻ bói “đại hung”.* Quá nhiều đau khổ xứng đáng được ghi chép trong sử sách vào một ngày nào đó - nhưng bản năng chống lại sự tự vấn nội tâm đã ăn sâu vào trong nền văn hóa này.

Ở HUYỆN LÝ nằm gần Lục Đài, tôi đến thăm một ông già chín mươi hai tuổi tên là Quách Đức Huy. Ông có đôi mắt sáng, đôi lông mày bòm xòm, rai tai dày và dài tròn trịa như dấu hỏi: ở Trung Quốc tai to là dấu hiệu của sự may mắn. Ông Quách Huy Huệ đã từng là viên chức cảnh sát trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Mãn Châu và sau đó là chuyên viên lập pháp của Quốc dân Đảng, và ông ta biết gia tộc chúng tôi. Một viên chức địa phương đi cùng tôi và anh ta giải thích cho ông già rằng tôi là cháu gái của Trương Sơn Phu. Lanh lợi như một đứa trẻ, ông hỏi: “Cháu là con gái của Trương Lập Dụ hay Trương Lập Cương?”

“Ông từng đến nhà cháu chơi,” ông nói. “Nhà cháu ở Bắc Kinh, quận Tây Thành, Phấn Tử Hồ Đồng, số hai mươi lăm.” Ông đọc một mạch địa chỉ, tựa như lúc này chúng tôi có thể bắt một chiếc taxi và đi đến đó. Sau đó tôi phát hiện ra rằng ông chỉ nhớ sai ba số nhà so với địa chỉ thực - không tồi chút nào sau hơn nửa thế kỷ. Ông nhớ lại chuyến thăm nhà của gia đình tôi vào năm 1947, lần cuối cùng ông gặp bà nội và ông họ của tôi. Ông và ông họ của tôi đã làm bạn từ những năm 1930 ở vùng Lục Đài, nơi ông làm quan chức cảnh sát còn ông họ của tôi làm thị trưởng. “Ông ấy rất thân thiện và được mọi người yêu mến. Đó là lý do tại sao ông ấy không hề gặp phải vấn đề gì cả sau thời kỳ cách mạng.”

“Ông cháu có quay lại trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa,” tôi nói. “Ông có gặp ông ấy không ạ?”

Ông già lắc đầu. “Sau đó ta không gặp lại ông ấy nữa.”

Vào năm 1954, ông Quách bị buộc tội làm gián điệp cho Đài Loan trong chiến dịch “Thanh trừ các thế lực phản cách mạng”. Ở tỉnh Cam Túc miền Tây Bắc, ông bị cầm tù trong một nhà kho tọa lạc sau nhà máy sản xuất ô tô. Ông dành cả ngày đọc báo, chăm nom các cây táo và đào - ông ở đó trong hai mươi năm.

Khi quay trở lại thành phố vào năm 1975, ông đã ở độ tuổi về hưu. “Bây giờ nhà nước chăm sóc ta,” ông nói. Tôi hỏi ông già bí mật sự trường thọ của ông. “Ta ăn thịt, nhưng ta

không ăn thịt mỡ,” ông nói. “Hồi chưa đến tám mươi tuổi, hằng ngày ta đều chạy bộ nửa tiếng đồng hồ. Bây giờ ngày nào ta cũng đi bộ. Nhưng vấn đề quan trọng nhất là suy nghĩ. Suy nghĩ phải phóng khoáng. Khi điều gì đã là quá khứ, đừng lo lắng gì về nó nữa. Cháu phải luôn nghĩ về mặt tích cực của vấn đề.”

Mùa thu năm đó, tôi trở lại quê nhà. Ngô đang chín trên cánh đồng và cao hơn đầu người, một tháng tới sẽ là thời điểm thu hoạch. Tôi đã quay lại bởi vì nghĩ rằng điều không hoàn toàn chính xác là không còn người họ Trương nào ở đó nữa. Sau chuyến viếng thăm của tôi, một người họ hàng tên Trương Đồng Hiến sống ở thị trấn gần đó đã nghe tin về tôi và liên lạc với tôi. Anh ta gặp tôi ở chợ của thị trấn gần làng. Đồng Hiến có gương mặt dài đẹp trai và mặc một bộ com lê màu đen sọc nhỏ trang trọng - tựa như một nhà truyền giáo ở phương Tây thời xưa, ngoại trừ cặp kính màu và chiếc xe máy màu đỏ. Anh dạy ở trường tiểu học.

Đồng Hiến đưa tôi quay trở lại nhà anh, nơi anh và vợ trồng trọt hai mẫu ngô, hai con gái của họ đi học ở thành phố. Tôi ngồi xuống *kháng*^[29], loại giường truyền thống phổ biến ở các làng quê phía Bắc Trung Quốc, và anh đặt cuốn sách vào tay tôi. Đó là phả hệ của gia tộc tôi, được biên soạn dưới sự chỉ đạo của ông cố nội tôi vào năm Dân quốc thứ mười hai, năm 1923. Cuốn sách được buộc dây ở ngoài. Nó có các vết ố nước ở bìa, mép các trang giấy mềm và xơ ra. “Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, cha tôi đã bọc nó bằng nylon và chôn xuống đất,” Đồng Hiến kể lại.

Cuốn phả hệ truy nguyên gia tộc tôi đến mười một đời tới những vị tổ tiên đã chuyển tới Mãn Châu. Một phiên bản cập nhật, từ năm 1993, đã mở rộng phạm vi thêm ba thế hệ nữa. Đồng Hiến đã tham gia vào việc chỉnh lý này, đó là phiên bản của cuốn phả hệ đã bị lấy đi khỏi quê và đưa cho cha tôi.

Tôi hỏi Đồng Hiến mục đích của việc biên soạn cuốn phả hệ này là gì.

“Nó dùng để xử lý các mối quan hệ trong gia tộc.” Anh ta nhỏ giọng đáp.

“Một vài người” - anh đọc tên một làng - “lấy người trong họ. Đây là điều mà cô không nên ghi vào làm gì.”

“Họ không biết họ là họ hàng à?” Tôi hỏi.

“Họ không rõ lắm về điều đó,” anh trả lời, “và họ không được giáo dục tử tế. Điều này là lý do tại sao phải giáo dục cho thế hệ trẻ.”

Anh rút ra một chiếc hộp các tông. Trong chiếc hộp có những bức ảnh, thư từ, bản vẽ thái ấp của gia tộc tôi và ngôi đền mà anh đã vẽ lại dựa trên việc thu thập các lời mô tả của những người già trong làng. Bản vẽ thể hiện các căn phòng ở trung tâm là chỗ ngủ của mọi người trong gia tộc, các kho ở hai bên là nơi ở của người hầu. Các ký hiệu được

đánh dấu chỉ ra chỗ của bồn rửa mặt, các bài vị bằng đá, và các khẩu súng Mauser được đặt ở bốn góc sân - quá chi tiết, được biên soạn hết sức cẩn thận và góp nhặt từng chút một. Đồng Hiến còn đưa cho tôi một tài liệu hai mươi ba trang về lịch sử gia đình mà anh đã viết lại, tổng kết tất cả những gì anh biết được.

Cũng vào ngày hôm đó tôi hiểu được định mệnh của cha bác Lập Giao, Trương Phụng Ân. Ngay sau khi các cuộc tấn công chính trị bắt đầu, bác Lập Giao đã đưa cha quay lại Lục Đài để được an toàn - ông tin rằng ngôi làng là một nơi ẩn náu truyền thống. Đó là một tính toán sai lầm. Hồng vệ binh đang tiến đến vùng nông thôn Trung Quốc, và họ đem theo các sách lược tàn bạo của đấu tranh giai cấp. Cha của bác Lập Giao đã thoát được các cuộc tấn công này trong thời kỳ cải cách ruộng đất những năm 1940. Giờ đây ông sẽ hiểu rằng đôi khi những người biết bạn lâu nhất lại là những người có lý do để ghét bạn nhất.

Là một cậu bé tám tuổi, Đồng Hiến đã chứng kiến mọi chuyện.

Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, bác Lập Giao bị quy chụp chính trị xấu xa và bị đưa về nông thôn. Ông Phụng Ân quay trở lại Lục Đài sống trong nhà của cô cháu họ.

Vào năm 1969, hai đội công tác tới Kỳ Tháp Mộc. Đó là mùa hè. Họ ra lệnh đưa ông Phụng Ân đến. Có câu tục ngữ rằng, *Mỡ dưng đến miệng mèo*^[30]. Ông Phụng Ân là mỡ, đội công tác kia là những con mèo.

Đêm hôm đó, ông treo cổ tự tử trên cây.

Trước đó, ông đã bị đấu tố. Họ giải ông đi khắp làng, trên đầu ông phải đội mũ chóp nhọn. Một trong những người đấu tố ông chính là Trương Lập Cách.

Tôi biết cái tên này. Trương Lập Cách là người họ hàng mà cha mẹ tôi đã gặp khi họ về thăm làng năm 1995. Họ đã làm khách trong nhà ông ta và tỏ ra kính trọng ông ta, vì ông ta là người duy nhất của gia tộc còn sống tại đó. Vậy là người đàn ông này đã tố cáo cha của bác Lập Giao và góp phần đẩy ông vào chỗ chết.

Trương Lập Cách rất lười biếng. Cả đời ông ta chẳng chịu làm gì cả. Ông Phụng Ân đã giúp ông ta tổ chức đám cưới mà ông ta không phải trả chi phí gì. Rồi trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, Trương Lập Cách lại buộc tội ông. Bạn làm ơn cho ai đó và đây là cách hằn trả ơn bạn. Trương Lập Cách và những người khác hô to các khẩu hiệu: *Đả đảo Trương Phụng Ân! Đả đảo bọn địa chủ!*

Lúc đó tôi đang đứng bên rìa đám đông và tôi nhìn thấy cảnh tượng đó. Tôi òa khóc. Ông Trương Phụng Ân thường đến nhà chúng tôi, và tôi mến ông ấy. Chúng tôi gọi ông là chú Sáu.

Tôi thấy ông bò trên sân trường học bằng tay và đầu gối. Điều tồi tệ nhất tôi thấy

là việc đó xảy ra ngay trước mắt nhân dân Lục Đài. Ông bị đánh đến mức lung nhuộm toàn máu đỏ. Đó là ngày tồi tệ nhất.

Lúc đó tôi chỉ là một đứa trẻ. Nhưng không người lớn nào đứng đó dám đứng ra nói điều gì. Nếu bạn nói, bạn sẽ gặp rắc rối.

Trước khi tôi đi, Đồng Hiến nói rằng anh có một thứ muốn cho tôi xem. Anh đưa tôi đi bằng xe máy đến một ngôi nhà xây bằng gạch đơn sơ của một người nông dân là người bà con xa trong họ. Ở chân cửa trước có hai khối cẩm thạch lớn khác thường - những viên đá ở nhà thờ họ của chúng tôi. Khi tòa nhà bị phá hủy trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, ông lão sống ở đây đã bỏ trốn và mang những thứ này về nhà. Chôn vùi trong đám bùn của sân nhà người nông dân là tất cả những gì còn lại của ngôi nhà gia tộc - hai tảng đá, trơn nhẵn và trắng tinh tựa như các cây cột trong một đền thờ Hy Lạp. Mỗi tảng đá được khắc chữ *shou* (*thọ*), có nghĩa là “sống lâu”.

Theo gia phả Trung Quốc truyền thống, một gia tộc truy nguyên dòng dõi của mình đến vị *shiqiamu* (*thủy thiên tổ*), “vị tổ tiên đầu tiên di cư đến nơi đây”, người đến từ đâu đó và kiến lập cơ đồ nơi các con cháu của người ấy hiện đang sinh sống. Các gia đình mong muốn có được địa vị có thể sẽ đòi được chứng nhận mối liên hệ với một người nổi tiếng ở trong quá khứ xa xôi, nhưng các mối liên hệ giả mạo đó sẽ tự phản lại chính nó trong những trang phả hệ. Chỉ có những ghi chép sau vị tổ tiên đầu tiên được coi là đáng tin cậy. Việc di cư ấn định người ta vào một vị trí trong không gian và thời gian, lịch sử của một gia tộc bắt đầu khi có một người rời nhà ra đi.

Gia phả của người Trung Quốc, bắt đầu xuất hiện rộng rãi từ đời Tống cách đây hơn một nghìn năm, là một văn bản Nho giáo rất cứng nhắc. Mục đích của nó là để ghi chép lại những thành tựu và đạo đức của các thành viên trong gia tộc, tựa như tài liệu tuyên truyền của Đảng Cộng sản, người ta thích nhấn mạnh vào sự tích cực hơn. Các góa phụ tái hôn sau khi chồng chết - vi phạm vào khuôn phép của đạo Khổng - thường bị bỏ qua trong các trang gia phả, cũng như những người thiếp không có con và những người con trai đi tu. Danh sách các tội ác dẫn tới việc bị trục xuất tên ra khỏi gia phả rất dài. Theo một bộ luật được ban hành trong thời nhà Thanh, các tội này bao gồm: *xúc phạm phần mộ tổ tiên, lập gia thất không môn đăng hộ đối, có các hành vi bạo lực, làm dâm, tham gia quân phiến loạn có vũ trang, phản quốc hoặc dị giáo, giấu giếm sự thật trước hoàng đế, bóp cổ đến chết một người mà không có lý do, hoặc lấy kỹ nữ, ca kỹ, nô lệ, hoặc người hầu làm vợ*. Gia phả phản ánh quan điểm truyền thống của người Trung Quốc rằng mục đích của lịch sử không phải là để thuật lại các sự kiện hoặc ghi chép các câu chuyện, mà là để thiết lập một chuẩn mực đạo đức để hướng dẫn những người đang còn sống. Lịch sử không đơn giản chỉ là những gì đã xảy ra, mà là những gì lẽ ra đã xảy ra nếu con người cư xử như họ nên làm.

Ông tổ đầu tiên di cư đến nơi này Hoa Long

Thành thân với Lưu thị, cùng được chôn cất tại nghĩa địa huyện Khai Nguyên, Phụng Thiên

Hai con trai Dịch Quân, Dịch Chấn

Trong cuốn *Phả hệ gia tộc họ Trương ở Cát Lâm* mà Đồng Hiến đưa cho tôi, bản ghi về ông tổ đầu tiên di cư đến vùng đất này của chúng tôi, Trương Hoa Long, chỉ dài có năm dòng. Hầu hết các bản ghi tiếp theo cũng chỉ ngắn gọn như vậy. Một người đàn ông được xác định bởi tên của ông ta, họ của người vợ, tên của các con trai, và nơi chôn cất. Đó là những sự kiện duy nhất đáng để biết: liệu anh ta có tiếp tục dòng giống gia tộc hay không, và được chôn cất ở đâu để con cháu đời sau tỏ lòng tôn kính. Các bản ghi sau cung cấp thêm ngày sinh và ngày mất, thỉnh thoảng có một bản ghi liệt kê thành tựu, mặc dầu các bản ghi này cũng chỉ tuân theo một tiêu chuẩn hạn hẹp - bằng cấp, chức vụ, và các giải thưởng. Hầu hết các bản ghi chỉ tiếp tục liệt kê tên của người đàn ông, vợ, các con trai, nơi chôn cất. Việc thiếu vắng các chi tiết khác chỉ ra rằng người đàn ông này đã không đạt được điều gì đáng kể trong cuộc đời: ông ta là một người nông dân.

Bản ghi dài nhất trong cuốn gia phả thuộc về ông nội tôi.

Xuân Ân

Tên thường gọi Hạnh Phu, sau đổi thành Sân Phu

Đại học Quốc gia Bắc Kinh

Tốt nghiệp khoa Kinh tế

Sang Mỹ

Tốt nghiệp khoa kinh tế Đại học Chicago

Tốt nghiệp khoa Mỏ Đại học Michigan

Sau đó trở về Trung Quốc nhậm chức giám đốc kỹ thuật tại Cục Công nghiệp tỉnh Cát Lâm (một chức vụ cao hơn chuyên gia cao cấp)

Giám đốc và kỹ sư trưởng mỏ than Mực Lãng

Kỹ sư trưởng mỏ than Tiêu Tác

Dạy học tại Học viện Kỹ thuật Đường Sơn

Để chống lại quân Nhật, đứng đầu kế hoạch chiến lược sản xuất thủy ngân, thiếc và vonfram

Sinh năm 1899 Mất năm 1946

Vợ Lý Hương Hành

Tốt nghiệp trường cao đẳng Sư phạm Nữ Bắc Kinh

Các con trai Lập Dự, Lập Cường

Trong thế hệ của cha tôi, chỉ có một bản ghi duy nhất trong các chi phả hệ của gia đình: *Lập Giao. Sinh năm 1917*. Cả phần còn lại của trang giấy để trống.

Nhưng cuốn gia phả không mô tả nhiều về từng thành viên trong gia đình bằng việc xóa đi tất cả những điều khiến họ trở nên khác biệt. Đọc *Phả hệ của gia tộc họ Trương ở Cát Lâm* giống như việc đọc nhật ký của ông nội tôi. Các mô tả về ông bị khuyết ở cả những nơi mà tôi hy vọng sẽ tìm thấy. Bản ghi chép về ông nội tôi - *mất năm 1946* - có thể đã đề cập đến vị trí chính xác trong hệ thống cấp bậc của chính phủ của ông - một vị trí cao hơn chuyên gia cao cấp - nhưng không nói gì về việc ông bị ám sát khi quay lại Mãn Châu, việc người vợ góa của ông phải một mình nuôi nấng năm đứa con, hay những đứa trẻ đó sẽ lớn lên và đi tới Đài Loan và Mỹ nhưng trong lòng luôn luôn hướng về quê hương, giống như bác Nellie của tôi:

Con trẻ lang bạt nơi hải đảo

Một lòng vẫn hướng về quê hương

Bản ghi về ông trẻ của tôi, Trương Phượng Ân - *mất năm 1969* - cũng không nói gì về việc tại sao ông chết, tự tử vào một đêm mùa hè trong làng sau khi bị đánh đập và lăng mạ bởi những người thân trong chính gia tộc của mình. Gia phả cũng không đề cập đến việc Trương Lập Cách - thuộc thế hệ thứ mười, được nêu tên trong trang năm mươi lăm của cuốn gia phả - là kẻ cầm đầu đám người hành hạ ông. Gia phả cũng không ghi chép rằng Trương Đồng Hiến - thuộc thế hệ thứ mười một, ghi chép ở trang ba mươi bảy - đã chứng kiến vụ việc đó khi còn là một đứa trẻ.

Nhưng có lẽ đó là bí mật của cuốn gia phả, lý do của truyền thống không ghi chép các vấn đề riêng tư của từng cá nhân đã tồn tại hàng nghìn năm qua. Bằng cách chỉ bám vào các thông tin thiết yếu - tên, vợ, con trai, nơi chôn cất - gia phả áp đặt nền nếp trật tự và sự hài hòa lên sự tồn tại của con người. Gia phả tô hồng những sự thật về một thế giới đã không cư xử như lẽ ra nó phải làm, và có lẽ là sẽ không bao giờ làm. Ý nghĩa của việc tiếp tục truyền thống này cũng thật là kỳ lạ. Mười bốn thế hệ sau khi tổ tiên của chúng tôi tới Mãn Châu, phần lớn các con cháu trong gia tộc vẫn được đặt tên theo thứ tự được đặt bởi ông cố của tôi vào sáu thế hệ trước.

Cuốn gia phả còn chứa một sự bất ngờ bị che giấu. Ông tổ đầu tiên của gia tộc tôi đã rời huyện Uyển Bình ở tỉnh Hà Bắc để tới Mãn Châu. Khi tra cứu tài liệu, tôi phát hiện ra rằng Uyển Bình là một phần của Bắc Kinh ngày nay. Ông nội tôi đã rời Bắc Kinh năm 1920 để du học tại Mỹ, để có thể giúp đỡ đất nước. Cha tôi rời Bắc Kinh năm 1948 trên một trong những chuyến bay cuối cùng rời khỏi thành phố, khi phe Dân quốc gần như đã thua trận. Và từ Mỹ tôi quay trở lại sống ở Bắc Kinh, nơi mà ông tổ đầu tiên của gia tộc đã rời khỏi cách đây ba trăm năm.

Vào mùa đông năm 2005, tôi tới Thẩm Dương để gặp người đàn ông đã thề sẽ trả thù gia đình tôi. Trương Hồng hẹn gặp tôi ở cổng trường Đại học Kỹ thuật Thẩm Dương, nơi ông ta dạy môn vi tính. Ông ta có gương mặt dài nhợt nhạt, mũi cao cùng các nếp nhăn sâu hai bên khóe miệng - gương mặt giống cha tôi, mặc dầu các đường nét sâu hơn khiến ông ta trông buồn bã hơn. Ông ta có mái tóc gọn sóng lò xo kiểu các ca sĩ thần tượng thiếu niên, mặc chiếc quần sẫm màu và chiếc áo len dài tay kiểu polo có hình con cá sấu trên ngực đang quay đầu ngược hướng so với hình trên áo chính hãng. Trương Hồng bắt tay tôi không hề mỉm cười, đôi mắt đen nhìn tôi chăm chú một cách điềm tĩnh sau cặp kính đầy trí thức. Tôi có cảm giác rằng ông ta hiếm khi mỉm cười.

Ông ta dẫn tôi đi qua khu học xá đến một tòa nhà vắng vẻ và leo lên các cầu thang tối đen như mực. Văn phòng của ông ta rất đơn sơ, với hai chiếc bàn gỗ kê sát đối diện nhau.

Ông đứng đứng trước nổi thống khổ của chúng tôi và hả hê trước sự bất hạnh của chúng tôi.

Tôi không bao giờ nghĩ rằng cha tôi cuối cùng lại bị trừng phạt vì các ông, những người anh em ruột thịt!!

Trương Hồng lấy ra một máy ghi âm cầm tay. “Cô có bằng lòng cho tôi ghi âm cuộc trò chuyện ta không?” Ông ta hỏi. “Trí nhớ của tôi rất tệ.” Chắc là trông tôi có vẻ sững sốt lắm, nên ông ta nhanh chóng cất cái máy ghi âm đi.

“Cô đang viết cuốn sách này theo quan điểm nào?” Trương Hồng tiếp tục hỏi. “Quan điểm của nhân dân Trung Quốc?”

Tôi suy nghĩ về câu hỏi này, một câu hỏi thật là mang tính đặc trưng Trung Quốc. “Cháu viết cuốn sách này theo quan điểm của bản thân cháu,” cuối cùng tôi nói. Ông ta kể rằng mình cũng đang viết sách, về lịch sử của gia tộc chúng tôi. Cuốn sách bao gồm ba phần: Hưng thịnh, Suy tàn, Phục hưng. Ông ta đã nghiền ngẫm về nó trong vòng mười lăm năm.

Trong hai ngày tôi gặp Trương Hồng, ông ta luôn tỏ ra lịch sự. Ông ta đưa tôi về nhà gặp vợ và con trai, ông mời tôi ăn tối và ăn bữa trưa vào ngày kế tiếp. Ông ta nói rằng cuộc trò chuyện của chúng tôi là một trong những điều quan trọng nhất mà ông đã trải nghiệm trong cả năm nay. Ông ta không đả động gì đến bức thư đầy hằn học đã gửi cho cha tôi nhiều năm về trước, tôi cũng không đề cập tới việc này.

TRƯƠNG HỒNG MỚI BA TUỔI khi cha ông ta bị gán cho tội danh là phần tử cánh hữu, thậm chí khi đó dù mới chỉ là một đứa trẻ ông ta đã cảm thấy hổ thẹn vì thân phận chính trị đó. Nếu một người lớn nói chuyện với ông ta, ông ta lập tức sẽ thú nhận tội lỗi của gia đình: *Cha cháu là phần tử phái hữu*. Nhưng khi không có ai ở xung quanh ông ta sẽ

hét lên những lời nguyên rủa. *Đả đảo Đảng Cộng sản! Cuộc cách mạng của Trung Quốc đã thất bại!* “Tôi cho rằng có hai mặt tồn tại trong con người tôi,” Trương Hồng nói. “Một mặt hét lên những lời nguyên rủa đó và một mặt nói với mọi người “Cha cháu là phần tử phái hữu”. Thật khó mà giải thích được điều gì nảy sinh ở trong trí óc một đứa trẻ.”

Cha Trương Hồng bị buộc thôi việc giảng dạy ở trường đại học và bị đưa xuống nông thôn lao động chân tay. Mẹ ông bị đưa tới bệnh viện tâm thần với lời chẩn đoán của bác sĩ là mắc chứng tâm thần phân liệt. “Tình trạng chính trị của cha tôi đã dẫn đến điều đó,” Trương Hồng nói sau đó cha ông ta cũng bị đưa vào bệnh viện. Nhìn lại quá khứ, Trương Hồng không thể nhớ nổi ai đã trông nom ông và người em trai trong suốt thời gian dài đó. Vào một học kỳ, hai anh em nội trú tại trường để nhờ các thầy cô giáo chăm sóc, và trong những kỳ nghỉ thì hai anh em được đưa đến sống cùng với các bác bảo vệ ở trường đại học. Khi Trương Hồng lên tám tuổi, cha mẹ ông ta ly dị, rồi ba năm sau bà mẹ bỏ đi biệt tích.

Cách mạng Văn hóa đã triển khai ở các trường học rõ rệt hơn bất kỳ nơi nào. Nạn nhân bị đánh đập trong các lớp học và bị bắt đi diễu quanh các sân chơi thể thao, bị các giáo viên đồng nghiệp đấu tố và bị học sinh cũ hành hạ. Văn hóa truyền thống Trung Quốc luôn coi trọng hàng đầu việc dạy và học. Việc trường học trở thành địa điểm của sự lăng mạ và tra tấn là một trong những điều làm cho cuộc Cách mạng Văn hóa trở nên quá đỗi khủng khiếp.

Giờ đây thỉnh thoảng trong khuôn viên của trường, Trương Hồng vẫn chạm trán những người đã từng tấn công cha mình; giống như ông, họ vẫn ở lại nơi này. Một người đàn ông khi còn là sinh viên đã nổi tiếng vì ra những đòn đánh tàn bạo. Sau Cách mạng Văn hóa, anh ta đến gặp cha Trương Hồng nói lời xin lỗi.

BUỔI TỐI HÔM ĐÓ, tôi đi ăn lẩu cùng gia đình Trương Hồng. Vợ ông ta có gương mặt béo tròn và mái tóc uốn quăn. Bà ta làm ở phòng kế toán của một công ty bất động sản. Con trai ông là sinh viên năm thứ hai, đang học ngành kế toán. Trong bữa ăn, Trương Hồng nói chuyện với tôi hai tiếng đồng hồ về Đảng Cộng sản và đạo Khổng, sử dụng các câu tục ngữ và những lời trích dẫn mà tôi không hiểu. Shakespeare được nhắc đến, rồi cả Tolstoy và Beethoven nữa. Tôi nhớ rằng Trương Hồng chỉ mới tốt nghiệp lớp bảy.

Mao Trạch Đông đã nói: Nếu đội quân của bạn chỉ còn một chiến sĩ, hãy để cho chiến sĩ đó tấn công.

Beethoven đã nói: Có hàng nghìn hoàng tử, nhưng chỉ có một Beethoven.

Vợ con Trương Hồng không tham gia vào cuộc trò chuyện. Họ chỉ lặng lẽ nhìn vào khoảng trống trước mặt, giống như mọi người quen với tình trạng người họ hàng đang ở trong tình trạng bệnh tật đáng xấu hổ. Vợ Trương Hồng chỉ nói một lần. Khi chồng bà hỏi tôi có biết một câu nói nổi tiếng của Khổng Tử hay không - tôi nói là không biết - thì bà

lặng lẽ nói: “Ai cũng học theo nền văn hóa của nơi người ấy trưởng thành.”

Con trai của Trương Hồng cũng không nói gì. Cậu ta là một thanh niên đẹp trai với đôi mắt tròn sẫm màu và mái tóc ngắn lỏm chớm. Mỗi lần tôi nhìn cậu ta, cậu ta lại nở nụ cười chân thành nhưng đầy ranh mãnh, tựa như cậu ta hiểu rằng mọi thứ mà cha cậu ta và tôi đang nói là vô nghĩa nhưng cậu ta hiền lành nên không thốt lên điều đó. Sau đó tôi hỏi Trương Hồng liệu ông có nghĩ rằng con trai ông ta một ngày nào đó sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu giành lại sự trong sạch cho thanh danh của cha ông hay không. Ông ta đáp rằng không, và ông kể lại một cuộc trò chuyện giữa hai cha con. “Bây giờ là thời đại kinh tế,” con trai Trương Hồng đã nói với ông, “Đảng chỉ quan tâm đến kinh doanh thôi, vấn đề của cha là vấn đề chính trị. Nếu cha tìm kiếm ở Đảng một câu trả lời, cha sẽ chẳng bao giờ nhận được đâu.”

NHỮNG GÌ MÀ TRƯƠNG HỒNG ĐÃ PHẢI CHỊU ĐỤNG suốt thời kỳ Cách mạng Văn hóa chẳng có gì là khác thường so với mọi người. Thậm chí những chi tiết kỳ lạ của lịch sử gia đình ông - vụ ly dị, chứng bệnh tâm thần phân liệt - cũng chỉ là bình thường trong một thời đại mà nhiều cá nhân, và gia đình tan vỡ dưới áp lực của truy bức. Trong hầu hết các trường hợp, những trải nghiệm của Trương Hồng phản ánh những trường hợp tương tự của gia đình bác Lập Giao - mang danh phần tử phái hữu, mất việc làm ở trường đại học, cả thập kỷ lao động ở nông thôn. Thậm chí, gia đình bác Lập Giao còn tổn thất nặng nề hơn: cả bố mẹ bác đều chết tức tưởi ở quê hương, trong khi đó bố mẹ Trương Hồng đều sống sót.

Gia đình Trương Hồng bất bình thường ở một khía cạnh: họ phản kháng lại. Khi cha ông ta bị gọi là phần tử phái hữu trong những phiên đấu tố, ông đáp trả: “Cút!” Nếu một Hồng vệ binh dẫm vào mặt ông, ông dẫm trả. Ông đã viết những lá thư cam đoan về sự vô tội của mình, bắt đầu bằng việc gửi tới Đảng ủy Thẩm Dương và gửi tới các cấp cao hơn. Đầu những năm 1970, cha của Trương Hồng đã gửi thư cho Mao Chủ tịch và vợ ông là Giang Thanh, thậm chí ông còn tới Bắc Kinh để đưa đơn kiến nghị rửa sạch thanh danh cho mình.

Vào năm 1978, Đảng Cộng sản lập ra các ủy ban để rà soát và sửa sai cho hàng trăm nghìn nạn nhân của hai thập kỷ đấu tố chính trị. Theo nhận định của Đảng Cộng sản, phong trào chống phái hữu đã “mở rộng không cần thiết”, với nhiều người bị buộc tội là phần tử phái hữu “một cách lầm lẫn”. Việc này đi theo hướng tiếp cận từng mẫu cụ thể với lịch sử do Đặng Tiểu Bình sắp đặt, cho phép sửa sai cho từng cá nhân mà không nêu cụ thể liệu có phải bản thân phong trào là sai hay không. Nhưng con số nạn nhân lại nói lên điều đó. Trên khắp đất nước Trung Quốc, hơn nửa triệu người bị buộc tội là phần tử phái hữu - không phải tất cả nhưng cũng phải đến chín mươi sáu phần trăm cuối cùng đã được kết luận là bị buộc tội oan.

Cha của Trương Hồng đòi bồi thường cho khoản tiền lương ông đã bị mất, trường đại

học trả cho ông mười một nghìn nhân dân tệ - hơn 1.300 đô la Mỹ, một khoản tiền lớn vào giữa những năm 1990. Trường còn nhận Trương Hồng vào học một khóa hai năm về máy tính và xếp cho ông một công việc giảng dạy sau khi tốt nghiệp. Trường học còn cố gắng bỏ đi danh hiệu phần tử phái hữu của ông ta, nhưng cha Trương Hồng không đồng ý. Ông mong muốn trường phải nói là ông chưa bao giờ là phần tử cánh hữu - một lời tuyên bố triệt để mà không quan chức nào muốn nói ra cả.

Thái độ duy lý của gia đình Trương Hồng có phần kỳ lạ. Khi ai đó bị quy chụp là phần tử phái hữu trong những năm 1950, điều này phải được xác nhận bởi một đảng ủy Đảng Cộng sản của thành phố. Ở Trung Quốc, đến cả việc săn lùng phù thủy cũng phải tuân theo các thủ tục mang tính quan liêu. Nhưng trong trường hợp của cha Trương Hồng, cái mác này đã không được chính thức thông qua. Lý lẽ của ông ta là không phải phán quyết đó là sai lầm, mà là nó không tuân thủ đúng quy trình. Đối đầu với một trong những thời kỳ hỗn loạn nhất trong lịch sử Trung Quốc, cha của Trương Hồng đã lựa chọn việc tranh cãi theo hướng chuyên môn.

Trong một chuyến đi tới Bắc Kinh, em trai của Trương Hồng đã chết đuối trên một con kênh ở vùng ngoại vi phía Bắc thành phố, rõ ràng là một vụ tự tử. Sau khi cha mất vào năm 2001, Trương Hồng tiếp tục theo đuổi vụ kiện của cha mình. Ông viết thư gửi tới nhà trường và chính quyền thành phố, tới Ban Lịch sử của Đảng Cộng sản, tới tòa án, tới cả văn phòng của Thủ tướng. Ông nói với tất cả họ rằng cha mình chưa bao giờ là phần tử phái hữu, bởi vì ông đã bị gán tội không theo đúng quy định. Một vài nơi gửi thư trả lời rằng họ không thể xử lý trường hợp này vì lý do này lý do kia, còn hầu hết không trả lời. Trương Hồng giống như một tù nhân tiếp tục chứng minh sự vô tội của mình một thời gian dài sau khi cửa phòng giam đã mở và những người cai ngục đã cuốn gói cao chạy xa bay.

TRƯỚC KHI RỜI THẨM DƯƠNG, tôi ăn trưa cùng Trương Hồng và một người bạn của ông hiện làm việc ở phòng kỹ thuật của Tân Hoa xã. Người bạn này chuẩn bị đi công tác tại Ai Cập theo nhiệm kỳ ba năm. Hầu hết những người được Tân Hoa xã cử đi công tác ở nước ngoài nghe nói là điệp viên của chính phủ, nhưng tôi quyết định rằng bây giờ không phải là thời điểm tốt nhất để khám phá vấn đề đó. Tôi hỏi Trương Hồng cuốn sách của ông viết tới đâu rồi.

“Tôi đã viết sáu vạn từ, nhưng tôi chỉ mới viết đến giai đoạn Đại Nhảy Vọt,” ông nói. “Cả cuốn sách phải cỡ sáu mươi vạn từ.”

“Đại Nhảy Vọt,” tôi nhắc lại, mà thâm tâm đột nhiên cảm thấy rất mệt mỏi.

Người đàn ông làm ở Tân Hoa xã nói với vẻ ngạc nhiên: “Chị cũng biết về Đại Nhảy Vọt à?”

Tôi hỏi Trương Hồng: “Tại sao chú chưa viết xong sách?”

“Sức khỏe tôi kém,” ông nói, “vì vậy tôi chỉ viết sách khi nào có thể viết thôi.” Ông ngừng lời. “Nói thật là, tôi không biết nên tiếp cận lịch sử từ góc độ nào. Tôi nên nhìn nhận về quá khứ như thế nào? Tôi có nên nói mọi việc đã xảy ra là sai? Hay tôi nên chấp nhận điều đó?”

“Chú không thấy tiếc về tất cả những điều tồi tệ đã xảy ra à?” Tôi hỏi.

“Trong suốt thời gian đó cũng có rất nhiều người đối xử tốt với chúng tôi,” Trương Hồng đáp. “Tôi phải quyết định quan điểm của mình về việc nhìn nhận thời kỳ đó. Hoặc là tôi có thể kết hợp cả hai quan điểm, nhưng điều này không được thú vị lắm.”

Sau bữa trưa, Trương Hồng đưa tôi quay trở lại căn hộ của ông. Ông có một số tài liệu về ông nội tôi mà ông muốn đưa cho tôi. Trong phòng ngủ tù túng rộng gấp đôi văn phòng của ông, Trương Hồng lấy ra hai túi ni lông và đổ các thứ bên trong túi ra: những bản photocopy sòn rách, các bài xã luận, thư từ. Giấy, giấy, cơ man là giấy. Ngay khi tôi nhìn thấy hệ thống lưu trữ tài liệu của Trương Hồng, tôi nhận ra rằng ông sẽ không bao giờ viết xong cuốn sách của mình.

Chồng tài liệu bao gồm các lá thư mà cha ông đã viết để gửi cho nhiều cơ quan chính quyền, một văn bản xác nhận cha ông nhập viện tâm thần vào giữa những năm 1960, một lá thư gửi từ đơn vị làm việc của em trai ông sau khi người em này tự tử, xác nhận rằng người đã khuất là một công nhân chăm chỉ, và một tờ giấy xác nhận được ký bởi một viên chức tám mươi một tuổi đã về hưu, người không thể nhớ liệu cha của Trương Hồng có bị gán là phần tử phái hữu hay không. Giấy tờ của vụ ly dị, tiền cấp dưỡng cho vợ sau khi ly dị, các thẻ báo cáo. Liên quan đến ông nội tôi, Trương Hồng có một vài bài báo cắt ra - mà tôi cũng đã có rồi - và hai bài báo lấy từ mạng Internet với những suy luận vô tích sự về vụ giết ông nội tôi.

Trương Hồng ghi bản kiểm kê mỗi lần ông gửi thư hoặc lời yêu cầu thay mặt cho cha mình. Từ năm 1993 đến năm 2005, có năm mươi một lần, năm 2002 có mười một lần, và mười hai lần trong năm 2003. Lá thư gần đây nhất, gửi Tòa án Nhân dân tối cao, được viết năm ngày trước chuyến thăm của tôi.

CHO TỚI KHI TÔI GẶP TRƯƠNG HỒNG, thật không thể nào tưởng tượng được ông ta giống như một vị anh hùng. Trong một thế giới mà hầu hết mọi người chọn cách im lặng và quên lãng, thì ông dám đứng lên và nói ra. Trong suốt lịch sử Trung Quốc, đã có những người như vậy - những nhà chép sử cá nhân, viết những ghi chép của riêng mình về các sự kiện trong khi chính sử lại quá ngắn gọn. Trương Hồng tin tưởng vào tầm quan trọng của câu chuyện của ông, và ông nói điều này với bất kỳ ai chịu lắng nghe.

Nhưng nỗ lực của ông không dẫn tới một sự rõ ràng sáng sủa nào - thay vào đó, nó đã bóp méo suy nghĩ của ông đến mức không thể cứu chữa được. Ông khẳng định rằng cha mình không phải là phần tử phái hữu, nhưng không nhận ra rằng toàn bộ phong trào

chống các phần tử phái hữu đã là vô nghĩa. Ông có bản năng của chủ nghĩa cá nhân - *chỉ có một Beethoven và chỉ có một Trương Hồng*, ông khẳng định - nhưng những ý tưởng thì lại lẫn lộn một cách tuyệt vọng. *Tôi nên nhìn nhận về quá khứ như thế nào?* Ông đã hỏi tôi, tựa như tôi có thể cho ông câu trả lời.

Trong các thành phố nhà máy phía Nam, tôi đã gặp những cô gái trẻ và xem cách họ học trở thành những con người độc lập như thế nào. Họ đã tìm được việc làm, họ đương đầu với các ông chủ, họ cố gắng học các kỹ năng mới. Hầu hết trong số họ bắt đầu tin rằng mình đã trở thành người quan trọng, mặc dầu có xuất thân thấp kém. *Đừng cảm thấy xấu hổ vì chúng ta chỉ là những công nhân di trú bình thường*, Xuân Minh đã viết như vậy trong nhật ký của cô. *Chúng ta không có lý do gì phải cảm thấy thấp kém cả*. Còn trong thế giới của Trương Hồng, mọi thứ vẫn đang là năm 1957. Ông ta yêu bản thân mình, ông cũng ghét bản thân mình. Ông ghét Mao, nhưng lại thường xuyên trích dẫn lời của Mao. Ông khinh miệt Đảng Cộng sản, nhưng lại ở trong hàng ngũ đảng viên. *Cuộc Cách mạng Trung Quốc đã thất bại! Cha tôi là phần tử cánh hữu*.

12. Thương xá Hoa Nam

Bản đồ Đông Quán của Xuân Minh ghi dấu những người mà cô từng gặp. Trong mười ba năm qua, cô đã sống ở bảy thành thị trấn của Đông Quán và thay đổi chỗ ở, theo ước lượng của cô, tới mười bảy lần. Ở Thanh Khê hẻo lánh từ một thư ký nhà máy cô đã vươn lên vị trí trưởng bộ phận và được tăng lương năm trăm nhân dân tệ. Ở Trung Sơn cô tham gia vào con số bán hàng trực tiếp. Ở Quảng Châu cô là nhà báo với biệt tài biến báo. Cô chuyên đến sống tại khu thương mại của thành phố cùng với bạn trai và mở công ty cùng anh ta - một sự đặt cược đúp ở Đông Quán - nhưng rồi công việc kinh doanh này đổ bể, hai người chia tay, cô buộc phải bắt đầu lại từ đầu.

Kể từ cuối những năm 1990, cô bán vật liệu xây dựng. Hầu như cả ngày cô làm việc tại các công trường xây dựng và bên trong các khu cửa hàng bán sơn, ống nước, vữa, keo dán. Đó là thế giới của đàn ông nhưng cô thích công việc đó, cô thích làm việc ngoài trời và không bị chôn chân nơi văn phòng. Nghề xây dựng đối với tôi có vẻ là xa vời nhất trong số các ngành nghề công nghiệp, nhưng đối với Xuân Minh nó lại có nghĩa là tự do.

Cô đã sống ở một vài nơi không chỉ một lần, nhưng chỉ có nơi gần đây nhất cô đã từng sống còn lưu lại trong ký ức của cô, tựa như một văn bản máy tính tự ghi đề lên các phiên bản cũ hơn. Vào một đêm mùa xuân, cô và tôi thuê một chiếc xe máy đi qua một quận tên là Hồ Môn. Chúng tôi đi ngang qua một khách sạn sang trọng có tám trăm phòng. Từ trên nóc nhà, ánh đèn màu đỏ, xanh da trời và xanh lá cây quét những vòng cung rộng trên bầu trời. “Em đã thấy tòa khách sạn này từ từ mọc lên,” Xuân Minh nói. “Em đã bán ống nước cho tòa nhà này.” Đó là bảy năm về trước, khi cô bắt đầu công việc kinh doanh vật liệu xây dựng. Hồ Môn cũng là nơi cô đã lang thang không nhà không cửa sau khi trốn thoát khỏi tiệm làm tóc. Và đó cũng là nơi cô đã làm việc khi cô lần đầu thoát ly khỏi làng quê.

Sau khi đã sống ở Đông Quán vài năm, cô coi thành phố này như là nhà mình. Quá khứ của cô được khắc ghi trên những tòa nhà của thành phố, trong những đường ống dẫn nước cho một trong những khách sạn lớn nhất của thành phố, lịch sử của cá nhân cô được viết trên thạch cao, thép và đá.

Một buổi chiều tôi đi cùng Xuân Minh đến một quận xa trung tâm thành phố, gần bến xe buýt. Ở một công trường xây dựng lớn, khu thương xá lớn nhất thế giới đang được xây dựng. “Chỉ có năm trăm nhãn hiệu lớn nhất thế giới mới được có mặt ở đây,” Xuân Minh nói với tôi, “ví dụ như KFC và McDonald’s.” Nhưng Thương xá Hoa Nam đang khiến cô phải đau đầu. Một nhà thầu phàn nàn rằng sơn do công ty cô cung cấp xuất hiện các vết nứt, ông ta muốn được tu sửa lại. Cho đến lúc này, ông ta vẫn đang giữ lại khoản tiền

140.000 nhân dân tệ, tương đương với hơn 17.000 đô la Mỹ.

Các thương xá (shopping mall) - tiếng Trung Quốc gọi là *mo* (*ma*), giống như trong từ *modeng* (*ma* *đăng* - *modern*), hiện đại - là những thứ đây mới mẻ đối với hoạt động bán lẻ của Trung Quốc. Các chủ đầu tư xây dựng công trình mong muốn công trình có được vẻ hoành tráng và nét đặc sắc kiểu phương Tây, nhưng trước đó họ hết sức lúng túng, họ không có khái niệm gì về việc ngành công nghiệp bán lẻ sẽ hoạt động như thế nào trong một khu thương xá. Khi bắt tay vào việc thiết kế, điều quan trọng là xây dựng chúng càng lớn càng tốt. Thương xá Hoa Nam tọa lạc trên mảnh đất rộng 6,5 triệu mét vuông, có một con sông nhân tạo dài 2,1 km được trang bị các con thuyền gondola^[31]. Một tập sách quảng cáo nhắc đến thương xá này như là “Công viên giải trí năng động theo chủ đề” và đặc biệt đề cập đến tàu lượn giải trí siêu tốc (roller coaster), rạp chiếu phim IMAX (khổ lớn) với màn hình rộng bằng sân bóng rổ, và một thứ gọi là Trung tâm giải trí giáo dục Teletubbies^[32]).

Xuân Minh và tôi chờ đại diện nhà thầu đến. Nhiều tòa nhà của khu thương xá đã được dựng lên, mặt tiền của chúng theo các phong cách kiến trúc khác nhau. Có các mái vòm, tháp, cột, một tòa nhà được trang trí với những chữ thập theo mô típ Cơ Đốc giáo rõ rệt. Một dãy biển quảng cáo cho khu thương xá dọc theo vỉa hè, trên mỗi biển quảng cáo là một từ tiếng Anh, giống như trò chơi đố chữ không lời giải đáp.

SPIRIT (Tinh thần)

STINK (Khó ngửi)

ILLUSIVE (Ảo tưởng)

NATURE (Tự nhiên)

SPORT FUL (Đầy chất thể thao)

POPPL (Cuồn cuộn)

GLORIOUS (Huy hoàng)

“Cô có chắc là họ sẽ không phản đối việc tôi có mặt ở đây chứ?” Tôi hỏi Xuân Minh.

“Chị đừng lo lắng về điều đó,” cô nói to. “Những người này cũng làng nhàng thôi.”

Ngay lúc đó, một chàng trai trẻ gầy gò đi xe đạp địa hình đến và phanh kít lại, bùm bắn tung tóe lên giày chúng tôi.

“Anh là Mộc đúng không?” Xuân Minh nói, có vẻ hơi bối rối một chút.

“Phải. Tôi là quản trị dự án.”

“Thế ai là ông Vương? Người đi lại có phần khó khăn ấy, anh có biết không?” Cô tế nhị hỏi.

“Ông ấy là chủ tịch.”

“À, ra là ông chủ tịch. Có phải ông Hoàng là giám đốc điều hành không?”

“Không có ai tên là Hoàng cả. Chỉ có ông Vương thôi.”

Một đại diện của công ty Xuân Minh đến và đưa chúng tôi đi xem xung quanh một vòng. Công trường xây dựng giống như một cái hồ đầy bùn, những vũng bùn lớn nhất được bắc tấm ván gỗ ngang qua. Đi qua một tòa nhà là đến một tòa nhà khác có các vết nứt trên bề mặt, một vài vết nứt chạy dọc cả bề mặt tòa nhà. Đồng nghiệp của Xuân Minh phàn nàn về chất lượng thi công. Các bề mặt khác được sơn bằng sản phẩm của một công ty đối thủ cũng cần phải tu sửa lại. Xuân Minh gật đầu: “Họ chỉ đang cố gắng tránh phải trả tiền,” cô nhanh chóng kết luận.

Đồng nghiệp của cô dẫn chúng tôi đến góc tòa nhà. “Nhìn này,” anh ta nói, chỉ vào một vết nứt khá lớn ở chân tường. Xuân Minh quỳ xuống và thọc mấy ngón tay vào chỗ đó. Một mảnh vữa bằng nắm tay của thương xá lớn nhất thế giới bong ra rơi xuống tay cô.

Cô nghi ngờ là có sự tham nhũng ở đây. Giá vật liệu thô đang tăng, nhiều công ty xây dựng chọn cách lược bớt quy trình và đang nợ dây dưa. Trong thế giới thương mại nơi việc dám mạo hiểm được thưởng, mọi người đều căng thẳng. Chúng tôi đi lại một vòng quanh khu liên hợp. Xuân Minh ngược nhìn tòa tháp bằng thép đang vươn lên trời cao; trong tương lai gần, một trò chơi trong công viên giải trí sẽ ném các hành khách xuống từ độ cao sáu chục mét. “Tôi hy vọng rằng việc xây dựng tòa tháp này sẽ có chất lượng tốt hơn,” cô nói. Anh chàng đại diện nhà thầu lại xuất hiện trên chiếc xe đạp. “Tôi nghĩ vấn đề là do việc xây dựng tòa nhà này, không phải do sơn,” Xuân Minh nói với anh ta. Cô liền thoáng lặp lại những điều mà đồng nghiệp của cô đã nói về lưới thép, bê tông cốt sắt và bong bóng khí.

Anh chàng nhà thầu không giấu nổi vẻ thất vọng. Ngày khánh thành giai đoạn đầu tiên của khu thương xá, anh ta nói, chỉ còn hai tuần nữa. Điều này có vẻ cực kỳ không khả thi với tình trạng hiện tại của khu thương xá nhưng lại hoàn toàn có thể nếu xem xét đến mọi việc xung quanh đang vận hành. “Tôi không quan tâm đó là vấn đề của nhà máy hay vấn đề của ai,” anh ta nói. “Nếu chúng ta không hoàn thành, chúng ta sẽ không nhận được tiền. Và chúng ta đang nói tới vài triệu nhân dân tệ, chứ không phải vài nghìn.”

Lâm vào tình trạng bế tắc, họ bấm số di động gọi điện cho các vị lãnh đạo của mình. Giọng của Xuân Minh là to nhất. “Tôi đã nói chuyện với anh què!” Có lúc cô hét lên. Cả ba người đều trẻ trung và nói tiếng phổ thông với giọng thôn quê rất nặng; có thể chẳng ai trong số họ từng được hướng dẫn về kinh doanh, xây dựng, hay thầu khoán trong đời. Xuân Minh quay sang anh nhà thầu và bình tĩnh nói: “Tôi tin rằng vấn đề không phải là do sơn. Nhưng nếu anh muốn thử kiểm tra, tôi sẽ cử cán bộ kỹ thuật của chúng tôi đến.” Cuối cùng công ty của cô đồng ý làm một vài việc tu sửa, còn nhà thầu đồng ý trả số tiền còn nợ, thế là thương xá đã khánh thành vào hai tuần sau, đúng theo kế hoạch.

HAI NĂM SAU TÔI GHÉ QUA THƯƠNG XÁ HOA NAM vào một chiều cuối tuần. Quầy McDonald's và Pizza làm ăn rất phát đạt, nhưng những chỗ còn lại thì đều không sinh lời. Chỉ có một vài cửa hàng, nhưng hoặc bị bỏ hoang phế hoặc đã đóng cửa. Hầu hết khu thương xá là những phòng trống, với những cánh cửa kính được xích lại và những bức tường vừa trần trụi, tựa như việc thi công vẫn đang tiếp tục. Hai khu vực mở cửa ở sảnh chính để đầy nhà phao hình lâu đài, các ông bố bà mẹ trả vài nhân dân tệ cho trẻ em vào chơi nhảy lên nhảy xuống. Đó có vẻ như là một phát kiến trong chừng mực nào đó - việc sử dụng không gian bên trong thương xá theo cách kém hiệu quả nhất trong toàn bộ nền công nghiệp bán lẻ.

Thương xá Hoa Nam đối với tôi giống như là một bảo tàng lịch sử khác của Đông Quân. Dựng lên một tòa nhà là việc đơn giản, việc khó khăn là tính toán được trong tòa nhà đó sẽ có những gì. Cuối cùng, sơn hóa ra lại là vấn đề nhỏ nhất nhất đối với khu thương xá, trong ánh chiều tà mặt tiền của các tòa nhà trông rực rỡ và mới tinh. Có nhiều hơn một cách dẫn đến thất bại của một khu thương xá.

Nạn tham nhũng thấm vào trong cuộc sống ở Đông Quân. Những người lái xe mô tô mời mọc khách bộ hành mặc áo khoác có chữ DÂN PHÒNG TÌNH NGUYỆN, một danh hiệu rõ ràng là thiếu trung thực được sử dụng để lách luật cấm các hoạt động mang lại lợi nhuận liên quan đến xe mô tô. Một quy định giới hạn các bữa tiệc của chính quyền chỉ có “bốn đĩa, một bát canh”, nhưng các quan chức đối phó lại bằng cách gọi những món khai vị nấu từ hải sản quý hiếm giá hàng nghìn nhân dân tệ. Bằng lái xe là một thủ đoạn làm tiền khác. Các lái xe khao khát lấy được bằng lái phải tham dự năm mươi giờ học ở các lớp học thuộc trường của nhà nước, nhưng trong ngày kiểm tra họ vẫn phải hối lộ những người chấm thi. “Trong mỗi xe có bốn người tham dự thi kiểm tra,” một quản lý nhà máy giải thích cho tôi, “nếu một người không chịu đưa tiền, cả bốn người có thể bị đánh trượt.”

Mọi việc dễ dàng hơn nhiều khi mua một bằng lái giả, giống như Xuân Minh đã làm cách đây một năm. Vào lúc đó cô đã theo học một vài lớp - “Tôi biết làm thế nào để lái về phía trước” - và cô phát hiện ra rằng cho đến một ngày cô sẽ học được tất cả những gì cần biết. “Lái xe không khó,” cô bảo tôi. “Vấn đề mấu chốt là không được giận dữ với những người khác.”

Tiền lại là một vấn đề phổ biến trong ngành của cô. Để có thể bán được hàng, cô thường phải chi bồi trơn khoảng 10% là tiền lót tay cho bên mua, điều đó có nghĩa là những người đi mua một sản phẩm còn kiếm được nhiều tiền từ hợp đồng hơn cả nhà máy bán sản phẩm. Một vài khách hàng tiềm năng sẽ hỏi thẳng Xuân Minh: Cô sẽ đưa tôi bao nhiêu? Những người khác thì dè dặt hơn. Nhưng cứ nhìn các căn hộ và xe hơi đẹp của họ thì biết, cô nói, rốt cuộc ai cũng nhận tiền lại quả. Tham nhũng đã thâm nhập vào

ngôn ngữ. Từ “tiền hoa hồng,” *yongjin (dung kim)*, nghĩa là một khoản phần trăm hợp pháp mà người bán được hưởng, nhưng nó cũng có nghĩa là tiền lại quả bất hợp pháp cho người mua. Về mặt ngôn ngữ, bạn không thể phân biệt giữa giao dịch hợp pháp và không hợp pháp, dù cho bạn muốn làm điều đó chẳng nữa. Vào dịp Tết âm lịch, khách hàng được tặng các hồng bao - phong bao màu đỏ đựng tiền - và những hộp quà hoành tráng đựng trà, rượu và thuốc lá, gọi là *li* (lộc), nghĩa là quà. Tôi chưa bao giờ nghe thấy người ta sử dụng từ “hồi lộ”.

“Điều này thật xấu xa,” Xuân Minh nói. “Nhưng thậm chí dù bản thân chị không làm như vậy, cũng chẳng thể thay đổi được gì.” Cô có quy tắc đạo đức cá nhân của riêng mình. Cô từ chối bán các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng có thể gây hại cho người khác. Nếu cô ở phía người mua trong một cuộc giao dịch, cô nói: “Em sẽ không hỏi, nhưng nếu người ta đưa tiền lại quả cho em thì em cũng không từ chối.”

Một buổi chiều, cô nói đến chuyện anh trai cô đã chuyển tới sống ở Thâm Quyển. “Anh ấy làm gì ở đó?” Tôi hỏi.

“Công việc của anh ấy không được đúng đắn cho lắm,” cô nói. “Anh ấy làm việc với những người khác...” Cô do dự, rồi tiếp tục nói. “Về cơ bản thì những gì anh ấy làm là bất hợp pháp.” Anh trai cô bán lại điện thoại di động cũ. Thường những chiếc điện thoại này là đồ án cắp, sẽ được thay lớp vỏ bảo vệ bàn phím để trông có vẻ mới. Xuân Minh không chê trách gì anh trai, cô nói với tôi rằng anh ấy cố gắng làm ăn ở nhà nhưng không thành công.

“Liệu ở Đông Quân có nhiều tham nhũng hơn ở quê cô không?” Tôi hỏi.

Xuân Minh lắc đầu. “Cũng tựa tựa nhau thôi. Chỉ có điều ở đây có nhiều cơ hội hơn.”

Một hôm khác cô kể với tôi anh trai của một người bạn đã thi được điểm cao trong kỳ thi tuyển công chức của thành phố. Tôi hỏi cô kiểu người nào mong muốn được trở thành công chức. “Các ông chủ lớn cần sự giúp đỡ của công chức với các mối quan hệ phù hợp,” cô giải thích. “Và các công chức làm việc với công ty. Đó là một hình thức hợp tác. Vì vậy quyết định trở thành công chức nhà nước chỉ là một cách khác để kinh doanh.” Cô không đề cập đến sự ổn định trong công việc, hay uy tín, hay mong muốn được phục vụ đất nước. Trở thành công chức nhà nước chỉ là một con đường khác để thâm nhập vào nền kinh tế thị trường. Đó là lời giải thích hay nhất mà tôi từng được nghe về lý do tại sao ở Trung Quốc người ta lại muốn vào làm trong nhà nước.

Ông chủ của Xuân Minh đỗ chiếc xe đa dụng thể thao Toyota màu xanh lá cây rồi đi về phía cô và tôi đang đợi. Ông ta trạc tuổi tứ tuần, gương mặt vuông nhát nhéo đeo kính, ông ta có vẻ ngoài phổ biến của các doanh nhân, với cái áo sơ mi màu nâu và bộ com lê màu xám. Ông ta cất tiếng chào Xuân Minh và tặng lời tôi.

“Chủ tịch Trần, xin giới thiệu đây là bạn tôi,” Xuân Minh nhắc. Chủ tịch Trần quay đầu một góc mười lăm độ cho tới khi tôi lọt vào tầm nhìn của ông ta. Ông ta mỉm cười bắt tay tôi, tựa như lúc đó tôi mới trở nên hữu hình. Họ đã tới Thâm Quyển để đàm phán hợp đồng với các đại lý bán hàng. Điểm dừng đầu tiên là một văn phòng ở vị trí mặt tiền, nơi họ ngồi đợi giữa các thùng dán nhãn VỮA GẠCH MEN và HỒ CHỐNG THẤM NƯỚC. Và chờ đợi. Lúc đó là mười giờ sáng, ông chủ Tạ đến muộn.

Có một vài quy tắc khi làm kinh doanh ở Trung Quốc: *Không bao giờ lên kế hoạch trước. Không bao giờ tắt điện thoại di động. Không bao giờ đến đúng giờ.*

Xuân Minh giết thời gian bằng cách moi tin tức từ một cô gái trẻ làm việc trong văn phòng. “Tôi vừa thấy nhiều hàng đặt theo đơn cho sản phẩm của Davco chở ra khi chúng tôi đến,” cô nói, điểm tên một nhãn hàng của công ty đối thủ.

“Phải.”

“Chở tới đâu vậy? Đến công trường xây dựng à?”

“Phải.” Cô gái kể tên một dự án.

“Hàng đó bán rất chạy phải không?”

“Phải.”

“Cô mới vào đây làm việc phải không?” Xuân Minh hỏi.

“Tháng trước.”

Chủ tịch Trần hạ thấp tờ báo ông đang đọc xuống. “Doanh số bán hàng tháng dạo này thế nào?”

“Vẫn tốt,” cô gái đáp.

“Nhưng nếu cô mới chỉ vào đây làm có một tháng,” ông ta nói, “làm sao cô biết được là doanh số bán hàng vẫn tốt hay không?” Cô gái đỏ mặt không nói gì nữa.

Chủ tịch Trần hỏi Xuân Minh rằng, cô đã tìm được địa điểm cho cửa hàng mới ở Đông Quán chưa? Cô mô tả một vài vị trí có khả năng trong khi ông ta tiếp tục đọc báo, thỉnh thoảng lại nhếch mép hỏi vài câu mà không nhìn Xuân Minh. Khi cô vẫn tiếp tục nói, ông ta lấy điện thoại di động ra và bắt đầu bấm số. Điều đó có nghĩa là báo hiệu cho Xuân Minh biết cuộc trò chuyện của họ đã kết thúc.

ÔNG CHỦ TẠ ĐẾN MUỘN MỘT TIẾNG ĐỒNG HỒ. Ông ta mặc chiếc áo vest màu nâu và chiếc quần đen của hai bộ com lê khác nhau. Ông khoe khoang rằng có một khách hàng nợ ông ta chín trăm nghìn nhân dân tệ. Ông ta nói với Xuân Minh và chủ tịch Trần là ông ta muốn rút ra khỏi lĩnh vực bán lẻ. Xuân Minh nói trước tiên ông ta phải chuyển giao lại danh sách đầy đủ các khách hàng. Để đáp lại, ông chủ Tạ bắt đầu chìa mũi dùi vào các sản phẩm do công ty của Xuân Minh sản xuất. Nhặt một viên gạch lát nền, ông ta dùng một hòn đá nhỏ rạch một đường lên bề mặt miếng gạch. “Xem này? Chất lượng

không tốt.” Vụ trình diễn này có vẻ như đã được luyện tập trước, viên gạch lát nền đã lỗ chỗ những vết rạch cũ.

Xuân Minh vội vã phản bác. “Đó chỉ là viên gạch mẫu.”

“Đó là một viên gạch thật.”

Chủ tịch Trần ngồi ngả người ra sau ghế, hút Marlboro một cách đầy khoa trương mà không thèm mời ai. Khi ông ta cất lời, thường là để chỉnh lại những điều mà Xuân Minh đã nói.

“Chúng tôi sẽ thảo một hợp đồng...”

“Hợp đồng không quan trọng. Điều quan trọng nhất là chúng ta cần lập danh sách khách hàng.”

Tôi tưởng tượng ra Xuân Minh sẽ nói gì nếu cô được sắp xếp gặp chủ tịch Trần trong một cuộc hẹn hò mà hai bên chưa hề biết mặt nhau.

Anh ta không hề nhìn vào mắt tôi trong suốt thời gian chúng tôi nói chuyện!

Anh ta mặc áo sơ mi màu nâu với quần màu xám!

Anh ta thật là hạ cấp!

Nhưng vì ông ta là ông chủ, nên cô không phản ứng gì.

CUỐI NGÀY HÔM ĐÓ, Xuân Minh và ông chủ của cô đến gặp một đại lý bán hàng khác. Họ đã sắp xếp cuộc gặp với ông chủ Lạc tại cửa hàng của ông ta nằm trong một khu buôn bán vật liệu xây dựng, nhưng họ gặp khó khăn khi tìm ông ta. Họ tìm kiếm các cửa hàng bán sơn, trong khi đó hóa ra cửa hàng của ông ta lại bán vòi nước và tay nắm cửa. Đây là một quy tắc kinh doanh khác: *Đa dạng hóa một cách điên cuồng.*

Xuân Minh thông báo rằng họ muốn dành cho ông ta đặc quyền với hoạt động bán lẻ của công ty tại Thâm Quyển. Ông chủ Lạc tỏ vẻ quan tâm.

“Tất cả dữ liệu bán hàng của ông có được nhập vào máy tính không?” Xuân Minh hỏi.

“Không,” ông chủ Lạc đáp. “Các nhân viên bán hàng của chúng tôi hoạt động trực tiếp ngoài thị trường. Một khi họ tới đó, họ sẽ biết được mọi việc đang diễn ra.”

“Không cần thiết,” Xuân Minh nói. “Nếu ông có những con số chính xác, ông sẽ biết được hoạt động bán hàng của ông đang diễn ra thế nào.”

Ông chủ Lạc không nói gì. Không để lại dấu vết gì về mặt giấy tờ. Chủ tịch Trần lên tiếng. “Ông thấy thế nào về việc bỏ những vòi nước này đi? Chúng thể hiện hình ảnh thương hiệu không phù hợp.”

“Tôi không thể làm như vậy được,” ông chủ Lạc nói, trông có vẻ phiền lòng. “Vòi nước là một mặt hàng mang lại doanh thu lớn cho chúng tôi.”

Xuân Minh hỏi ông chủ Lạc về các mục tiêu bán hàng của ông ta, nhưng một lần nữa

ông chủ của cô lại ngắt lời. “Cô có thể tìm hiểu sau.” Chủ tịch Trần dường như thể hiện quá nhiều dấu hiệu của một nhà lãnh đạo không chuyên. Nhưng khi tôi đọc cuốn sách *Vuông và Tròn*, tôi thấy rằng các quy tắc để thành công trong cuốn sách mô tả chính xác hành vi của ông ta.

Khi ngồi đàm phán mặt đối mặt, ai thay đổi tầm nhìn trước sẽ giành được lợi thế.

Để duy trì vàng hào quang của mình và gia tăng tầm quan trọng, bạn phải xuất hiện càng ít càng tốt. Hãy để một cấp dưới thao việc xuất hiện ở vị trí của anh. Chỉ khi mọi việc đã được giải quyết anh mới xuất hiện để đưa ra quyết định cuối cùng.

Ngày hôm đó kết thúc tại một công trường xây dựng khác, nơi Xuân Minh có cuộc gặp với hai đồng nghiệp. Nhiều sự cố hơn: một khách hàng phàn nàn rằng sản phẩm sơn lót của công ty họ - là loại sơn sẽ được sơn lên bề mặt của tòa nhà trước khi sơn thật sự - quá bột. Phải chờ đợi: người phụ trách dự án đang họp. Một ngày nào đó, Xuân Minh nói với tôi, hàng loạt căn hộ cao cấp sẽ mọc lên ở nơi này. Khi bóng họ đổ dài lên khu đất dưới ánh tà dương, cô và các đồng sự nói về nơi chôn nhau cắt rốn của mình ở nông thôn.

Ở quê có một nghĩa địa đằng sau nhà tôi. Tôi không sợ những người đã chết từ lâu. Nhưng những người vừa mới được chôn thì...

Ở làng tôi, cũng có một nghĩa địa đằng sau nhà tôi. Tôi đã tận mắt chứng kiến ngọn lửa xanh nhảy từ ngôi mộ này sang ngôi mộ khác. Họ nói rằng đó là linh hồn của những người đã khuất.

Bao lâu thì anh về nhà một lần?

Đã tám năm rồi tôi chưa về thăm nhà.

Cuối cùng đốc công cũng đến. Mọi người tập hợp lại quanh một mảng tường đã được sơn lót. Nó nhẵn và khô, như yêu cầu đối với sản phẩm. Xuân Minh chịu trách nhiệm. “Thỉnh thoảng có đôi chút khác biệt giữa các lô hàng khác nhau. Điều này có thể gây ra một chút khác biệt về mặt chất lượng.”

“Nếu có vấn đề về chất lượng, thì điều này đối với tôi là rất quan trọng,” người đốc công nói, anh ta không sẵn sàng nhượng bộ.

“Và nếu có vấn đề về chất lượng, đối với chúng tôi nó còn quan trọng hơn,” Xuân Minh nhẹ nhàng nói. “Các ông cũng rất quan trọng đối với chúng tôi.”

“Nhưng ngày ghi trên bao bì sản phẩm của tất cả lô hàng này đều ghi rằng chúng được sản xuất vào cùng một ngày. Làm sao lại có sự khác biệt về mặt chất lượng được?”

Lai Công, đồng nghiệp của Xuân Minh làm ở phòng kỹ thuật, giải thích rằng một nhà máy sản xuất nhiều lô hàng trong cùng một ngày.

“Công nhân của ông phải đảm bảo việc sơn lót đúng quy cách,” Xuân Minh nói. “Ông không thể để quá lâu giữa lớp sơn lót và lớp sơn chính, bởi vì lớp sơn lót sẽ bị quá khô. Hiện giờ ở Thâm Quyển trời rất khô. Ngay cả con người cũng cảm thấy điều đó.” Nhân

tính hóa bề mặt sơn rất xuất sắc.

Người đốc công bắt đầu xin lỗi mọi người. Đó là dấu hiệu thông thường rằng một cuộc họp bàn về công việc của người Trung Quốc đã kết thúc. “Thật ngại khi các anh chị đã phải đi đến tận nơi để xem xét!” “Không sao,” Xuân Minh nói. “Nếu còn vấn đề gì nữa, hãy gọi trực tiếp Lai Công. Lai Công, anh đưa cho ông đây danh thiếp của anh đi” - chàng trai trẻ dò dẫm tìm trong túi đựng máy tính - “anh ta sẽ hỗ trợ ông.” Xuân Minh và tôi đi ra đường quốc lộ để bắt taxi đến gặp các bạn cô trong bữa ăn tối. Hai chàng trai trẻ, những người có lẽ đang hy vọng về một lời mời ăn tối, thì đi dọc con đường theo một hướng khác, trông họ có vẻ thất vọng và đói.

XUÂN MINH VÀ TÔI NGỒI CHUNG XE TAXI quay về Đông Quán vào buổi tối hôm đó. “Đôi khi em thấy mình cần phải nạp lại năng lượng, như thể em không có đủ năng lượng,” cô nói. “Em thiếu nhiều thứ. Em không biết tiếng Anh, em không biết sử dụng máy tính. Khi em gia nhập công ty này, em bảo ông chủ rằng em sẽ học tiếng Anh trong vòng hai năm. Giờ đây em đã làm được gần ba năm mà vẫn không biết tiếng Anh.” Cô đang suy nghĩ về việc quay lại trường học tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp, nơi cô đã học một vài buổi và rồi bỏ ngang. Cô cũng nghĩ về việc bỏ công ty sơn nơi cô đang làm.

“Thế cô định làm gì?” Tôi hỏi.

“Các bạn em, những người đều đã là chủ của các công ty tư nhân do họ tự sáng lập nên, đang cố gắng thuyết phục em bắt đầu gây dựng công ty riêng của mình. Họ kiếm được hai mươi đến ba mươi ngàn nhân dân tệ một tháng. Nhưng nếu em làm như vậy, cuộc đời em chỉ còn có mỗi việc kiếm tiền. Em muốn nâng cao chất lượng cuộc sống của mình. Em muốn tìm kiếm những loại hạnh phúc khác.”

Dường như mọi thứ ở Đông Quán đều có thể quy về các con số: doanh số bán hàng, tiền lại quả, khả năng ngôn ngữ. Chiều cao của một anh bạn trai triển vọng. Bạn bắt đầu với các con số - *Năm mấy thế? Kiếm được bao nhiêu tiền một tháng? Tăng ca thì được bao nhiêu tiền?* - Các con số khác vẽ lại đồ thị phát triển của bạn: lương, số mét vuông của một căn hộ, giá của một chiếc xe hơi mới. Nhưng Xuân Minh đang tìm kiếm những thứ không thể đo đếm được. Khi chúng tôi đi nhanh trên đường cao tốc tối đen, các nhà máy của Trường An lướt qua vèo vèo ở hai bên đường. “Nếu vẫn còn ánh đèn sáng, có nghĩa là mọi người đang tăng ca,” Xuân Minh nói. “Có nhiều người làm việc hàng năm trời trong cùng một nhà máy.” Lúc đó là mười một giờ, nhưng nhiều nhà máy vẫn sáng đèn, mỗi nhà máy tỏa ra một quầng sáng xanh lạnh trong đêm tựa như một ngôi sao đang hấp hối.

Có hai điều quan trọng xảy ra ngay sau đó. Ông chủ của Xuân Minh cắt giảm tiền hoa hồng trên doanh số bán hàng của cô mà không một lời giải thích nào, và một người bạn

tốt có tên là Lưu Hoa Xuân mua một chiếc Buick. Cô ta hai mươi sáu tuổi. “Cô ấy từng là thư ký trong một nhà máy giày,” Xuân Minh kể với tôi. “Rồi cô bắt đầu tạo dựng nhà máy riêng của mình với tiền đầu tư của anh trai, học mọi thứ từ đầu đến cuối, trong vòng một năm cô ấy có đủ tiền mua xe hơi.”

Những sự kiện đó khuyến khích Xuân Minh hành động. Mùa xuân năm 2005, cô hợp tác với một người bạn để buôn bán phụ tùng khuôn - các bộ phận bên trong của máy ép nhựa làm ra mọi thứ từ pít tông nước đến mắc áo. Họ đầu tư một trăm nghìn nhân dân tệ, tức là khoảng 12.500 đô la Mỹ, bao gồm tiền tiết kiệm và tiền đi vay của bạn bè. Đối tác làm ăn mới của Xuân Minh đã làm sáu tháng trong bộ phận tài chính của một nhà máy sản xuất phần cứng. Mỗi liên hệ duy nhất của Xuân Minh đối với khuôn đúc là từng làm việc trên dây chuyền lắp ráp từ một thập kỷ trước, khi cô làm xe ô tô và tàu hỏa đồ chơi bằng nhựa, nhưng cô không hề tỏ vẻ lo sợ. “Làm bất cứ việc gì tức là biết được cách cư xử như một con người,” cô bảo tôi. “Nếu bạn có thể cư xử tốt, bạn sẽ làm tốt.”

Cô không hề nói với ông chủ là mình bỏ việc, thực tế là cô cũng không bỏ việc. Vì dù sao cô cũng hiếm khi đến văn phòng, chủ tịch Trần không có cách nào biết được một trong những ngôi sao của đội bán hàng đã bỏ đi để bắt đầu gây dựng sự nghiệp riêng trong khi vẫn ăn lương của ông ta. Cô vẫn tiếp tục duy trì việc liên lạc với các khách hàng của mình và nhận lương hằng tháng. Đó là cách cư xử cổ điển kiểu Trung Quốc về mọi mặt: ông ta không nói với cô tại sao lại cắt giảm tiền hoa hồng. Cô không nói với ông ta cô đã bỏ công ty.

Cô cũng bắt đầu đi khám răng. Hai răng cửa của cô hơi bị chìa ra và cô đang cân nhắc việc “làm răng thẩm mỹ”, nghĩa là bắt buộc phải nhổ các răng xấu và thay thế với răng giả bằng sứ. Sau đó bạn sẽ không thể cắn thứ gì cứng, ví dụ như gặm xương chẳng hạn. Xuân Minh cũng đang cân nhắc việc nẹp răng, nhưng việc này sẽ mất ít nhất một năm - làm răng thẩm mỹ thì có kết quả ngay lập tức. Một người bạn của bạn cô đã trải qua quá trình này. “Điều đó làm thay đổi vẻ bề ngoài của cô ta,” Xuân Minh kể, “và hoàn toàn thay đổi cuộc đời cô ấy.” Trong lần tới Đông Quán tiếp theo của tôi, Xuân Minh đã cung cấp cho tôi thông tin về những sự phát triển này, nhưng cô đề cập về những cái răng trước. Khuôn đúc là sự thay đổi về sự nghiệp, răng là sự thay đổi về thẩm mỹ, nhưng đối với Xuân Minh chúng đều là một phần của cùng một dự án. Cô lại đang trở thành một người khác.

CÔNG VIỆC KINH DOANH MỚI KHỞI ĐẦU bằng một sự dối trá: các đối tác in danh thiếp bằng tiếng Trung Quốc và tiếng Anh viết rằng CÔNG TY PHẦN CỨNG VÀ CÁC BỘ PHẬN KHUÔN ĐÚC NGỌC HƯNG ĐÔNG QUẢN. Thực tế là không có công ty nào như vậy tồn tại, vào lúc đó, tất cả những gì có trên đời chỉ là một cửa hàng. “Công ty nghe có vẻ quy mô hơn,” Xuân Minh giải thích.

Cô và đối tác làm ăn là Phú Quý, đang trên đường đến Thâm Quyển. Đó là ngày đầu

tiền của Triển lãm quốc tế Trung Quốc lần thứ sáu về ngành công nghiệp máy móc và khuôn đúc. Trong xe taxi, Xuân Minh tiếp tục trả lời các cuộc gọi từ công việc cũ của cô. “Nếu nó ghi là chất phụ gia cho vữa không trộn cát trên bao bì, thì có nghĩa là ông có thể dùng nó,” cô hét vào điện thoại. “Tôi có thể cho ông xem bảng giá, nhưng ông không được cho ai xem đấy nhé.” Vào giữa các cuộc gọi, cô gọi cho anh trai để thông báo tin xấu về gia đình. “Chú bị ung thư dạ dày,” cô nói bằng một giọng khẽ khàng hơn. “Em và anh phải gửi tiền về nhà ngay.” Hội chợ được tổ chức tại Trung tâm Hội nghị và Triển lãm Thâm Quyến. Trung tâm này vẫn đang xây dựng và chưa được khánh thành chính thức, nhưng trên sàn nhà rộng lớn của khu trung tâm chật kín người, Xuân Minh và Phú Quý nhập hội với đám đông, giống như những chú cá tuế nhập vào dòng nước mạnh mẽ.

“Một vài máy này đáng giá cả triệu đồng!” Xuân Minh nói, mắt cô mở to vì phấn khích. Cô đi tới chỗ một cái máy sản xuất mắc áo bằng nhựa, “Ồ! Chúng tôi đã có những cái máy này khi tôi còn làm việc ở nhà máy.” Một người đàn ông tự hào đưa cho cô một chiếc mắc áo màu xanh nước biển vẫn còn ấm, tựa như chiếc bánh mì mới ra lò vậy. Xuân Minh và Phú Quý ghé vào các gian hàng triển lãm, đưa danh thiếp và lấy các cuốn catalog hàng hóa. Mục đích của họ là gặp các nhà sản xuất phụ tùng hoặc các nhà phân phối chính, những người mua trực tiếp từ nhà máy và chào mức giá thấp nhất. Mọi người đều khẳng định mình là nhà cung cấp chính thức, nhưng khi họ chào giá, bạn biết là họ đang nói dối.

“Cô đang làm gì?” Một người đàn ông ở một gian hàng triển lãm hỏi Xuân Minh. Cô đề cập đến một loại lưới cửa, do dự một chút, và nói: “Chúng tôi làm nhiều thứ lắm. Hãy xem danh thiếp của tôi.” Đôi lúc cô mặc cả. “Bao nhiêu?” Nhặt lên một mũi khoan và cầm trong tay ước lượng xem nó nặng bao nhiêu, tựa như cô đang mua hành ở chợ. Rồi: “Đắt thế? Khi chúng tôi tới, ông phải đưa ra một giá mềm hơn đấy.”

Tôi ngơ ngác và thấy lúng túng trong hội chợ khuôn đúc này. Một gian hàng đang trưng bày thứ gì đó giống như một cục pin vàng cỡ lớn, một gian khác bán một ống hình trụ bằng kim loại có các lỗ sắp thành hàng, giống như một chiếc lô quần tóc kiểu cổ. Tôi thấy một mớ các tua nhựa nhiều màu sắc sỗ giống như các sinh vật Tinkertoy. Quảng cáo xung quanh các gian hàng triển lãm không có tác dụng nhiều lắm. Các bảng quảng cáo mô tả những phụ tùng kim loại trên nền trời xanh hoặc đường chân trời thành phố, hoặc thỉnh thoảng là một nhóm bánh răng gộp lại thành hình tròn, tựa như đang di chuyển trong một quỹ đạo. Một vài bảng hiệu bằng tiếng Anh, nhưng chỉ là một thứ ngôn ngữ gồm hầu hết các danh từ bị nhồi nhét lại với nhau, giống như là một chiếc xe tải Mack Truck lèn đầy hàng. Nào là traction drive speed accelerator (máy gia tốc truyền động kéo). Nào là Turret punch press (máy dập-đột tháp xoay). Còn có electrical discharge machines (máy phóng điện) và centerless grinding (mài không tâm) và alloy quenching furnaces (lò tôi hợp kim).

Ngành công nghiệp này hầu như gồm toàn những người đàn ông vai u thịt bắp trông giống các vệ sĩ, mặc dù thỉnh thoảng cũng có một phụ nữ từ phòng tiếp thị của nhà máy bị buộc phải đến làm việc tại triển lãm. Quầy hàng hấp dẫn nhất trong triển lãm thuộc về Công ty khuôn công nghiệp chính xác Eva. Ba cô gái trẻ mặc áo sơ mi bó sát phân phát các tờ rơi trong khi một video về các bánh răng phụ tùng với nền nhạc disco rộn rã trình chiếu ở màn hình đằng sau họ.

Đến giữa buổi sáng, Xuân Minh và Phú Quý đã xách nặng trĩu tay các túi đựng catalog, giống như những khách hàng đi càn quét khu mua sắm mùa Giáng sinh. Họ xếp gọn ghế các chiến lợi phẩm này và tiếp tục đi tham quan khu triển lãm. Vào buổi trưa, Xuân Minh gọi cho một người bạn cũng muốn bắt đầu kinh doanh khuôn đúc và đề nghị Xuân Minh hợp tác cùng cô ta. Người bạn đó thậm chí còn chưa rời khỏi nhà. Đó là lúc mà Xuân Minh biết rằng liên minh với Phú Quý, cô đã chọn đúng đối tác kinh doanh.

CỬA HÀNG MỚI của họ nằm ở Trung tâm Máy móc và Phần cứng Quốc tế Trường Vinh, khu thương xá gồm các cửa hàng bán phụ tùng máy móc nằm gần nhà máy điện tử Bộ Bộ Cao. Nó nằm giữa một hàng dài các cửa hàng giống hệt nhau. Tầng dưới có một khu vực hội họp và các kệ trưng bày sản phẩm mẫu, trong khi tầng hai là nơi ở của họ. Trên sàn chỉ có một tấm đệm đơn nơi Phú Quý nằm ngủ. Trong tháng tiếp theo, Xuân Minh chuyển đến sống cùng. Cô và Phú Quý sơn lại các bức tường thành màu trắng tinh, chất đồ đạc vào cái bếp nhỏ gồm bộ nồi và bát đĩa cùng nồi cơm điện của Xuân Minh. Họ mang chiếc giường đôi của cô lên gác và tạo ra một phòng khách ấm cúng với các kệ để đồ, một cái ti vi, một chiếc tràng kỷ. “Nếu nơi tôi sống không sạch sẽ và thoải mái, tôi không thể làm việc được,” Xuân Minh nói. Nhưng dù có trang trí cho căn phòng, giờ đây cô đang sống trong một khu thương xá bán phụ tùng máy móc. Nếu còn nhiều điều đáng để sống hơn là việc kiếm tiền, bạn không thể nhìn thấy những điều ấy ở đây.

Xuân Minh phàn nàn một điều về nơi ở mới của cô - “Em không thể mang người tình về nhà được nữa” - nhưng chuyện hẹn hò của cô xem ra chẳng bị ảnh hưởng chút nào. Cô ở cả một ngày tại khu nghỉ dưỡng ven biển với một anh chàng làm trong ngành tài chính. Trong khi đang kể cho tôi nghe chuyện đó, tình trạng hôn nhân của anh ta chuyển từ “anh ta đã lập gia đình” sang “anh ta lập gia đình”. Cô đã gặp một anh chàng đẹp trai ở nhà hàng và bắt đầu quan hệ với anh ta mặc dầu anh ta đã có bạn gái. Cô cắt đứt mối quan hệ này khi anh ta bắt đầu sửa sang căn hộ của mình, một tín hiệu đối với Xuân Minh rằng anh ta sắp lấy vợ. Cô cũng đang chơi trò tán tỉnh với một anh chàng cô gặp trên mạng.

“Anh ta là bác sĩ phẫu thuật,” cô kể với tôi. “Anh ta rất béo, nhưng là người tốt bụng. Anh ta chắc hẳn đã lập gia đình.”

“Anh ta *chắc hẳn* đã có vợ à?” Tôi hỏi.

“Em không biết. Anh ta sẽ không nói với em đâu.”

“Cô đã hỏi anh ta chưa?”

Cô đã từng hỏi. “Anh có gia đình rồi phải không?” Cô hỏi.

“Nếu cô nghĩ là tôi đã lập gia đình,” anh ta đáp, “thì tôi đã lập gia đình.”

Những người đàn ông đã có gia đình nhưng lại giả vờ chưa có là mối nguy hiểm số một đối với chuyện hẹn hò ở Đông Quán. Phú Quý, bạn kinh doanh của Xuân Minh, đã dính líu với một người đàn ông như vậy; Lưu Hoa Xuân, cô bạn gần đây đã mua chiếc Buick, từng bị lừa hai lần. Ở một nơi mà người ta sẵn sàng nói dối theo phản xạ vì công việc, thì sự dối trá ngấm một cách tự nhiên vào các mối quan hệ cá nhân. Nói dối thường là một lựa chọn thực dụng bởi vì nó sẽ giúp bạn đạt được điều mình muốn. Rốt cuộc là những lời nói dối cũng sẽ đến lúc bị lộ, nhưng có vài người nghĩ rằng chuyện đó còn lâu mới xảy đến.

Xuân Minh có quy tắc riêng của mình cho các mối quan hệ này. Không ai nên bị làm tổn thương, và cũng không bên nào nên quá đòi hỏi. “Dĩ nhiên, em muốn tìm được người đàn ông đích thực của đời mình và lập gia đình,” cô nói với tôi. “Nhưng vì em chưa tìm được, nên cặp kè với một người mình không yêu thì cũng không sao. Bạn vẫn có thể tận hưởng thời gian sống bên nhau. Bạn vẫn có thể ngả đầu lên vai anh ta khi bạn mệt mỏi và có được cảm giác an toàn.”

Một lần tôi hỏi Xuân Minh liệu cô có bao giờ gặp được một người đàn ông lớn tuổi hơn cô mà vẫn còn độc thân không. Lúc tôi hỏi cô tôi nghĩ đó thật là một câu hỏi ngốc nghếch - tất nhiên là cô đã gặp rồi - cho tới khi cô trả lời.

“Ít, ít lắm,” cô nói. Cô nghĩ một lúc. “Ông chủ cũ của em.” Rồi cô làm mặt xấu. “Những người đàn ông chưa lập gia đình đều không tốt.” Tất nhiên, điều đó cũng không có nghĩa là những người đàn ông đã lập gia đình thì tốt.

TRONG THỜI GIAN SỐNG Ở KHU THƯƠNG XÁ BÁN PHỤ TÙNG MÁY MÓC, Xuân Minh và Phú Quý nghĩ ra một cách bẫy đàn ông. Họ gửi thông tin cá nhân của một người phụ nữ hai mươi tư tuổi tưởng tượng lên một trang web, bên cạnh là bức ảnh của một cô gái đẹp mà họ đã tải về từ Internet. “Cô ấy cao 1 mét 65, nói được tiếng Anh và Pháp, làm trong lĩnh vực thương mại quốc tế, thích nhạc jazz,” Xuân Minh kể với tôi. Cô ngừng lại. “Em thậm chí còn không biết nhạc jazz là gì.” Những người đàn ông bị quyến rũ và chat với cô. Xuân Minh biết nhiều người trong số họ, và một trong số đó là một người tình thời vụ đã từng nói với cô rằng anh ta không bao giờ gặp phụ nữ trên mạng. Cô cắt đứt quan hệ với anh ta sau khi bắt quả tang anh ta đang tán tỉnh một cô nàng fan nhạc jazz tưởng tượng. Anh chàng làm công tác quy hoạch thành phố mà cô từng có quan hệ - Anh ta rất xấu trai - cũng gọi đến. Nhưng Xuân Minh đã trở nên thù địch với anh ta, cô phát hiện ra rằng anh ta rêu rao khắp nơi về việc đã ngủ với cô. “Chúng em dụ

cho đàn ông nói chuyện với mình rồi tấn công lại họ,” Xuân Minh giải thích. “Nhưng họ chai mặt lắm, bởi vì họ vẫn hy vọng rằng bạn sẽ cho họ một cơ hội.”

Cô cho tôi xem một đoạn trao đổi giữa người phụ nữ ảo và anh chàng làm công tác quy hoạch thành phố.

Tôi nghĩ có lẽ anh trông giống một con lợn, cô viết. Một con lợn béo.

Thực ra, tôi trông giống con chuột hơn.

Một con chuột à? Như thế chẳng iẽ không kinh tởm hơn sao?

Cô gọi anh ta là đồ lợn béo vài lần nữa, trong khi anh ta liều lĩnh cố gắng giữ cho cuộc trò chuyện tiếp diễn. Rồi tôi thấy Xuân Minh đăng nhập vào hai tài khoản cùng lúc, tài khoản của cô và của người phụ nữ trẻ kia. Người phụ nữ trẻ kia ngay lập tức bị tấn công dồn dập bằng các lời nhảm.

Cô có phải là người Hồ Nam không?

Cô đang làm gì thế?

Trong bức ảnh, trông cô trẻ hơn tuổi hai tu!

Xuân Minh lờ chúng đi. Cô đang dùng nick của mình chat với một người có thể hẹn hò, mặc dầu anh ta còn xa mới được vào hạng để xét duyệt: bốn mươi hai tuổi, ly dị vợ, có một con trai.

Ngày mai anh có rỗi không?

Có, còn em thì sao? Mai chúng ta gặp nhau được không?

Em có hẹn với bạn ngày mai rồi.

Thế ngày kia đi ăn tối nhé?

Cô đồng ý. Nếu chúng ta gặp nhau mà cảm thấy không hợp, cô viết, thì đừng tiếp tục đi ăn cùng nhau nữa.

Xuân Minh còn có một số biện pháp đề phòng khác. Cô không bao giờ cho một người đàn ông lạ số điện thoại di động, để anh ta không thể tìm thấy cô nếu mọi việc không tốt đẹp. Cô thậm chí còn không cho anh ta biết tên, thay vào đó cô dùng tên giả - Linh. Sau khi Xuân Minh giải thích các quy tắc này và nêu ra chi tiết các kế hoạch của cô, cô nói: “Bây giờ em muốn gặp với một người đàn ông chưa bao giờ lên mạng.”

“Có ai mà lại chưa bao giờ lên mạng chứ?” Phú Quý nói.

“Từ khi có Internet,” Xuân Minh than thở, “quan hệ giữa người với người trở nên giả dối.”

“Từ khi có điện thoại di động, quan hệ giữa người với người trở nên giả dối,” Phú Quý nói. “Chị luôn luôn có thể nói dối và nói là chị đang ở một nơi nào đó mà thực tế không phải vậy.”

LẦN TIẾP THEO GẶP XUÂN MINH, tôi hỏi cô cuộc hẹn hò với người đàn ông bốn

mười hai tuổi đã diễn ra thế nào.

Cô nhăn mặt. “Không ổn.”

“Anh ta có vấn đề gì à?”

Cô trở lên đỉnh đầu. “Trên đỉnh đầu của anh ta có một vết...”

“Gì cơ? Một vết hói à?”

“Một vết nơi tóc rất thưa,” cô nói. “Em không thích những người đàn ông tóc thưa. Không thể thấy chỗ đó trong bức ảnh anh ta đã gửi cho em.” Người đàn ông này còn có một cô con gái mười bảy tuổi mà anh ta đã không đề cập đến trong những lần chat trên mạng. Hói đầu và một cô con gái đã lớn - cả hai đều là những điểm không thể chấp nhận được đối với Xuân Minh. Bạn phải tự đặt nghi vấn đối với một người đàn ông nghĩ rằng mình có thể giấu được hai điều này trong một thời gian dài.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi quan hệ của Xuân Minh với ông chủ của cô tiếp tục xấu đi sau khi cô chấm dứt không làm việc gì cho công ty sơn nữa. Tháng Tư năm 2005 - vào khoảng thời gian mà cô chuyển vào sống tại khu thương xá bán phụ tùng máy móc - chủ tịch Trần giảm lương của cô 500 nhân dân tệ và cấm cô không được đăng ký thêm khách hàng mới ở Thâm Quyến nữa. Vào tháng Năm cô chính thức bị sa thải. Vào tháng Sáu cô biết được rằng công ty sẽ không trả cho cô số tiền hoa hồng cô kiếm được vào đầu năm đó. Cộng thêm cả tiền kết thúc hợp đồng lao động, công ty nợ cô mười một nghìn nhân dân tệ, tương đương với hơn 1.300 đô la Mỹ. Xuân Minh cố gắng liên lạc với chủ tịch Trần, nhưng chiến thuật quản lý của ông ta trong trường hợp cụ thể này là không trả lời điện thoại. *Để duy trì vầng hào quang của mình và gia tăng tầm quan trọng, bạn phải xuất hiện càng ít càng tốt.* Trong bữa trưa với tôi và một người bạn nữa, cô ngẫm nghĩ về các phương án có thể thực hiện. “Bây giờ em chỉ cần xem ông ta định đưa cho em bao nhiêu tiền,” cô nói. “Nếu không đủ, em sẽ kiện ông ta.”

“Kiện tụng thì rắc rối lắm,” người bạn của Xuân Minh nói. “Có những cách khác để cô lấy được tiền về.” Anh ta có gương mặt mỏng, làn da căng dính sát vào gò má và tóc rất ngắn khiến anh ta luôn có vẻ mặt đầy hoảng hốt. Anh ta làm trong lĩnh vực giao hàng.

“Những cách khác là những cách nào?” Tôi hỏi.

Anh ta nói rằng một người anh em họ của anh ta bị khách hàng nợ tiền. “Một ngày nợ tôi đứng ở chỗ đỗ xe của công ty của vị khách hàng này. Tôi nhìn thấy một chiếc Benz đậu ở đó. “Đây là xe của chủ tịch công ty à?” Tôi hỏi mọi người. “Đúng là như vậy.” Bạn của Xuân Minh điều tra thêm một chút và gọi cho chủ tịch công ty đó. “Tôi nói với ông ta tôi biết địa chỉ nhà ông ta. Tôi nói với ông ta tuổi của các con ông. Công ty đó lập tức trả chín mươi phần trăm số tiền nợ.”

Một vài tuần sau, Xuân Minh quyết định đệ đơn kiện lên Sở Lao động ở Quảng Châu, thủ phủ của tỉnh. “Một đơn kiện như vậy sẽ có tác động lớn đến nội bộ công ty,” cô nói với tôi. “Một khi Sở Lao động bắt đầu điều tra, tất cả nhân viên sẽ bắt đầu suy nghĩ: “Thế còn số tiền công ty nợ mình thì sao?” Công ty sẽ phải đối xử với họ tốt hơn.” Cô phấn khích, cả tôi cũng vậy. Cuộc sống có nhiều điều bất công, Xuân Minh biết điều đó cũng như mọi người khác. Tuy nhiên cô tin rằng sự bất công mà cô phải chịu có tính chất quan trọng và cô sẵn sàng đi tới tòa án để đòi công lý. Đó là điều cuối cùng mà tôi có thể mong đợi.

BUỔI SÁNG NGÀY THỨ HAI KẾ TIẾP, chúng tôi đi xe buýt tới Quảng Châu. Xuân Minh vẫn ăn vận hợp thời trang như mọi khi, áo len ôm màu đen, quần kaki, và đi giày cao gót. Chúng tôi đi tàu điện ngầm tới Sở Lao động của tỉnh và ngay lập tức bị đẩy sang Phòng Lao động của quận.

Văn phòng có một dãy quầy giao dịch dài, với ghế dành cho khách một bên và ghế dành cho viên chức nhà nước ở một bên. Việc sắp xếp này nhằm để giao tiếp với chính quyền được dễ dàng hơn, nhưng không bao giờ có cảnh mỗi người dân làm việc với một viên chức, ít nhất có khoảng nửa tá người túm tụm lại quanh mỗi chiếc ghế, để tranh thủ vào ngồi ngay khi ghế trống. Trong lúc chờ đợi, họ lắng nghe các vụ kiện của người khác và thường xuyên góp ý. Một người đàn ông trung niên đang ngồi trên ghế khi chúng tôi tới, giải thích rất dài dòng về việc ông chủ của ông ta đã biến mất như thế nào mà chưa trả tiền cho ông ta. Xuân Minh chen lên hàng đầu và cúi mình thấp xuống bên cạnh ông ta, tựa như cậu bé nhật bóng ở trận đấu tennis đang chuẩn bị nhảy lên. Khi người đàn ông ngừng lại để thở, cô cướp lời luôn. “Xin lỗi, tôi chỉ có một câu hỏi ngắn gọn thôi.”

Vị công chức xem qua tài liệu của cô: hợp đồng lao động, thư sa thải, một bản sao giấy đăng ký kinh doanh của công ty. Các giấy tờ này cho thấy tại sao công nhân bình thường hầu như không thể đâm đơn kiện. Họ hiếm khi ký hợp đồng lao động và họ không được phép tiếp cận với giấy đăng ký kinh doanh của công ty, mà Xuân Minh có được vì các khách hàng của cô đôi khi muốn nhìn thấy các giấy tờ này. Vị công chức này nói với cô cần phải lấy bản sao của giấy chứng nhận cho chi nhánh của công ty ở Quảng Châu.

Nhưng lúc này đã gần trưa, các cơ quan của chính quyền ở thành phố đang đóng cửa. Trong thế giới nơi hầu hết mọi người làm việc không ngừng nghỉ, các viên chức nhà nước Trung Quốc tận hưởng hai tiếng nghỉ ăn trưa và một giấc ngủ thật đầy. Khi Xuân Minh ghé vào một cơ quan để hỏi mấy câu ngắn gọn, người gác cổng có vẻ khó chịu. “Họ vẫn còn đang ngủ.”

TRONG LÚC ĂN CƠM ở một quán ăn trưa tự phục vụ, Xuân Minh nghĩ ra kế hoạch B. Cô mở hộp danh thiếp và lấy ra một chiếc. GORAN WIDSTROM, CHỦ TỊCH TẬP ĐOÀN. Ông ta là người đứng đầu công ty mẹ của công ty cũ của cô, có trụ sở tại Thụy Điển. Ông ta đã đến thăm văn phòng ở Đông Quán nhiều năm trước và để lại ấn tượng

cho Xuân Minh là một người tốt bụng.

“Chủ tịch Trần không biết là em có danh thiếp của ngài Wei-si-te-ling,” cô sử dụng tên phiên âm cho cái tên tiếng Thụy Điển kia. Tay cô vuốt ve mép của tấm danh thiếp. Một khi Wei-si-te-ling biết được chuyện gì đang xảy ra, ông ta sẽ giúp cô lấy lại tiền. Xuân Minh hỏi tôi liệu tôi có thể gọi cho ông ta được không. Tôi liếc nhìn đồng hồ. Người Thụy Điển giờ này vẫn đang ngủ, giống như các công chức Trung Quốc vậy. Chúng tôi nán lại chờ và uống rất nhiều cốc trà đặc.

“Đôi khi em tự hỏi em vất vả như vậy là vì cái gì,” Xuân Minh nói. “Em đọc trong một cuốn sách rằng thành công là nói những gì bạn muốn nói và làm những gì bạn muốn làm. Giờ đây em không cảm thấy điều đó.”

“Cô muốn làm gì?” Tôi hỏi.

“Em muốn đi học. Em thực sự muốn học tiếng Anh.” Đột nhiên nước mắt cô dâng trào. Cô lau mắt bằng khăn giấy một cách mạnh tay.

Như bình thường, tôi không mong đợi điều này xảy ra. “Cô đã làm được rất nhiều việc,” tôi nói. “Chỉ cần đọc lại nhật ký và cô có thể thấy là cô đã tiến xa như thế nào.”

“Không phải bận tâm về em đâu,” cô nói. “Em dễ khóc lắm. Mọi người nghĩ rằng em thật kỳ lạ.” Cô thấm nước mắt lần cuối, mỉm cười với tôi, rồi đứng dậy thực hiện cuộc chiến với nạn quan liêu.

XUÂN MINH GHÉ VÀO ba cơ quan thương nghiệp trong buổi chiều hôm đó để tìm giấy phép của văn phòng chi nhánh công ty cũ của cô. Sở Thương nghiệp thành phố bảo cô phải lên Sở Thương nghiệp tỉnh, Sở Thương nghiệp tỉnh lại bảo cô phải xuống Phòng Thương nghiệp quận. Mỗi công chức lại nói một kiểu khác nhau. Cuối cùng một người phụ nữ ở Phòng Thương nghiệp quận nói rằng cô có thể in giấy phép này với giá sáu mươi nhân dân tệ. Một khi tiền xen vào câu chuyện, hy vọng đã le lói. Đã 4 giờ 10 phút khi Xuân Minh với giấy phép trong tay chạy vào Sở Lao động thành phố để nộp đơn khiếu nại, băng qua các biển chỉ dẫn nói rằng xin đừng làm ồn, hút thuốc, hoặc khạc nhổ. Nhưng cô lại đến nhầm chỗ. Quận, chứ không phải thành phố, là nơi phụ trách văn phòng đại diện là chi nhánh của các doanh nghiệp nước ngoài, một công chức nói với cô. Anh ta đưa cho cô quyền hướng dẫn giải thích điều này.

Ngay trước lúc năm giờ, Xuân Minh quay lại Phòng Lao động quận - lần thứ ba trong ngày cô đến đây. Và cũng lần thứ ba, cùng một vị công chức ở sau quầy giao dịch thấp tè đó từ chối cô. “Cô phải đến Sở Lao động thành phố. Họ phụ trách các doanh nghiệp nước ngoài.”

“Họ không phụ trách văn phòng đại diện là chi nhánh của các doanh nghiệp nước ngoài,” Xuân Minh vừa đáp trả, vừa quăng quyền tài liệu xuống bàn. Tay công chức cầm quyền tài liệu lên, các tài liệu giấy luôn gây ấn tượng với mọi người ở Trung Quốc. Tay

công chức đọc quyển tài liệu rồi đặt xuống. Một cách chậm rãi, ý nghĩ lóe lên đối với anh ta là anh ta thực sự phải làm một chút việc hôm nay. Anh ta chỉ cho cô đến cuối quầy giao dịch để lấy mẫu đơn kiện.

Khi Xuân Minh điền vào mẫu đơn, cô nhận ra việc kiện tụng có vẻ phức tạp hơn cô tưởng. Cô sẽ phải gặp ông chủ cũ để đàm phán về việc hòa giải, đấy là điều mà cô không mong muốn nhất. Cô sẽ phải quay trở lại Quảng Châu để đàm phán và trả chi phí dù cho cô có lấy được tiền hay không. Nhưng không có thời gian để nghĩ kỹ về việc này, bởi vì cô đang hối hả điền vào các mẫu biểu, dài những bốn trang và phải điền hai bản. Các viên chức nhà nước đang đứng dậy đi về, các phụ nữ kéo khóa túi xách lại với vẻ dứt khoát.

“Chờ đã, tôi cần đệ đơn kiện này vào hôm nay,” Xuân Minh nói to.

Người phụ nữ cuối cùng trong văn phòng đứng dậy và tắt máy tính.

“Đã 5 giờ 28 phút rồi. Cô có thể hoàn tất giấy tờ trong vòng hai phút được không?” Cô ta nói đầy vẻ bức bối.

“Cô có thể giúp đỡ chúng tôi không? ” Tôi hỏi. “Sáng nay chúng tôi đã phải đi từ Đông Quán đến đây.”

“Tôi cũng ở xa lắm,” người phụ nữ đáp.

Cuối cùng Xuân Minh bỏ cuộc, cô sẽ phải quay lại vào một ngày khác. “Họ hoàn toàn không có tí trách nhiệm nào trong công việc,” cô nói với tôi khi cánh cửa sắt của Phòng Lao động đóng sầm lại sau lưng chúng tôi.

KHI ĐÃ RA NGOÀI VĨA HÈ, Xuân Minh bắt đầu nghi hoặc. Kiện tụng thật quá phức tạp. Một vụ tố tụng có thể đem lại rắc rối cho Wei-si-te-ling, các nhà đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc luôn luôn dễ bị tổn thương. Cô có niềm tin vào sự can thiệp mang tính cá nhân hơn, thậm chí là từ một người sống cách cô bảy múi giờ và cô hầu như không quen biết gì ông ta.

“Một khi đã nói chuyện được với ông ấy qua điện thoại, em chắc chắn ông ấy sẽ nhận ra em,” Xuân Minh nói. “Và rồi chúng em có thể nói về điều đó.”

Tôi bảo cô rằng hầu như chắc chắn là một thư ký sẽ trả lời cuộc gọi. Wei-si-te-ling chắc hẳn là rất bận rộn, tôi nói, cô không nên nuôi hy vọng.

“Khi em gặp ông ấy ở Trung Quốc, ông ấy không cư xử như một người quan trọng và bận rộn. Em cảm thấy ông ấy là một người thực sự hiểu được thế nào là sống.” Có có niềm tin đó ở bản thân mình và sự quan trọng của chính cô. Khi cô gặp được Wei-si-te-ling, vị chủ tịch toàn cầu của một công ty sơn Thụy Điển, cô chắc chắn rằng hai người bọn họ có thể nói chuyện như bạn bè, như những người bình đẳng. Nhưng tất nhiên đó là một sự tự tin mù quáng đã khiến Xuân Minh trở thành một con người như ngày hôm nay.

Tôi bấm số điện thoại trên danh thiếp. Hệ thống trả lời tự động đáp lại với giọng của một thư ký, đúng như những gì tôi nghĩ. Tôi đã nói những gì Xuân Minh nhờ tôi nói.

Tôi đại diện cho cô Ngô ở phòng bán hàng ở Đông Quán. Cô ấy đã gặp ông trong một buổi họp nhóm ở Đông Quán vào cuối năm 2003. Cô ấy đã rời công ty nhưng luôn luôn hết sức ngưỡng mộ ông.

Giờ đây cô ấy bị sa thải mà không có lý do, công ty đã không trả số tiền hoa hồng còn nợ cô ấy. Cô ấy muốn đâm đơn kiện đến Phòng Lao động, nhưng cô ấy không biết điều này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến ông và công ty của ông. Cô ấy tự hỏi liệu ông có thể giúp cô ấy được không.

Wei-si-te-ling không bao giờ gọi lại.

Xuân Minh không bao giờ quay lại Quảng Châu để đâm đơn kiện nữa. Ông chủ cũ của cô đề nghị trả một phần trong số tiền ông ta nợ cô, như vậy với cô là đủ. Quá nhiều điều trong cuộc sống của cô đang thay đổi. Cô quyết định rời công ty khuôn, cô sẽ bán lại cổ phần của mình cho Phú Quý, người sẽ trả khoản tiền đầu tư cho cô sau. Công ty có hai khách hàng thường xuyên và bắt đầu hòa vốn. “Chúng em chưa kiếm được nhiều tiền,” Xuân Minh nói. “Nhưng thậm chí nếu em kiếm được nhiều tiền, em cũng không thấy thỏa mãn. Chỉ kiếm tiền không thôi là chưa đủ ý nghĩa của cuộc sống.”

Cô dự định về nhà vào dịp Tết Trung thu, ngày Tết âm lịch kỷ niệm vụ mùa. Sau rất nhiều năm ở thành phố, Xuân Minh vẫn tính thời gian bằng các ngày lễ tết cổ truyền. Cô xem chúng như là những kỳ nghỉ tự nhiên giữa các giai đoạn trong cuộc sống của cô. Khi cô quay trở lại Đông Quán, cô sẽ dành hai năm để học tiếng Anh. Cô đã quyết định rồi, cô nói với tôi như vậy. “Em muốn học tiếng Anh để có cuộc sống hạnh phúc hơn.”

13. Tình yêu và tiền bạc

Cuộc sống của Mẫn chẳng có gì khiến cô vừa lòng kể từ khi cô quay lại chỗ làm sau chuyến về thăm nhà nhân dịp năm mới. Cô chẳng học được điều gì mới mẻ trong công việc, và lương cô vẫn thấp. Cô có thể thấy được vị trí của mình tồi tệ như thế nào khi so sánh với những người khác: bởi vì cô làm việc ở phòng nhân sự, cô biết được những người khác trong nhà máy kiếm được bao nhiêu tiền. Và cô cũng không hài lòng với bạn trai. Là một trợ lý ở khu vực sản xuất, A Kiệt kiếm được hơn Mẫn mỗi tháng ba trăm nhân dân tệ, nhưng công việc của anh ta đã đi đến đường cùng. Anh ta chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở, một sự thật mà từ trước đến nay Mẫn chưa đề cập đến. Có một lần anh ta gợi ý cô đi theo anh ta đến Bắc Kinh, nơi anh có thể kiếm được chân bảo vệ. Cô bác bỏ lời đề nghị ấy. “Người ta coi thường nghề bảo vệ,” cô kể với tôi. “Thậm chí nghề đó còn thấp cấp hơn là một công nhân bình thường.”

Tính e thẹn của A Kiệt, một đặc điểm phổ biến ở nông thôn, trở thành điều gây khó khăn trở ngại. Trong một bữa tối với bạn của Mẫn từ hồi ở nhà máy cũ, Lâm Gia, và hai chị gái của cô, A Kiệt không nói một lời nào trong suốt bữa ăn. Sau đó Lâm Gia gửi lời nhận xét cho Mẫn qua tin nhắn đi động: *Tớ vừa nói chuyện với các chị và mọi người đều cho rằng anh ta quá yếu đuối. Anh ta không xứng với cậu.* Từ Trường Sa, nơi chị Quế Mẫn của cô tìm được việc làm bán hàng cho một ngân hàng, chị ấy đổ thêm dầu vào lửa: *Trong xã hội này, người quá hiền lành thì không thể tồn tại được.*

Mẫn lo lắng rằng sự thiếu tham vọng của A Kiệt đã làm ảnh hưởng đến cô. “Từ khi hẹn hò với anh ấy, tôi chẳng học hành gì cả,” cô phàn nàn. “Tôi không thể cứ tiếp tục vui chơi như thế này mãi được. Nếu cứ như thế này một vài năm nữa, thì cả đời tôi cũng sẽ như vậy.” A Kiệt có lý do để yên tâm về tình trạng hiện tại của anh ta. Hai phần ba công nhân và tất cả các ông chủ trong nhà máy đều quê ở Hồ Nam, quê nhà của anh. Anh ta có nhiều bạn ở chỗ làm, trong khi Mẫn lại cô đơn hơn bao giờ hết kể từ khi chị cô đi khỏi. Cô không có bạn trong nhà máy, cách lựa chọn có chủ ý của cô. “Nếu bạn trở nên thân thiết với ai đó,” cô nói, “sẽ dễ dàng hơn cho họ khi phản bội bạn.”

TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI, tôi không biết nhiều về nhà máy nơi Mẫn làm việc. Nhà máy này thuộc sở hữu của Hồng Kông, sản xuất túi xách - đó là tất cả những gì cô nói. Trên chuyến đi tàu về quê cô, cô đã làm tôi ngạc nhiên với món quà năm mới của mình: ví đựng tiền lẻ của Coach, với logo chữ C viết hoa là biểu tượng của công ty, mép viền da tuyết nhưng màu nâu. Tôi cho đó là đồ nhái, giống như rất nhiều thứ ở Đông Quán. Chỉ tình cờ tôi mới biết rằng nhà máy của Mẫn sản xuất túi xách cho một vài thương hiệu nổi tiếng nhất trong ngành kinh doanh đó: Coach, LeSportsac, Dooney & Bourke, Lacoste. Vì vậy cái ví cô tặng tôi là đồ hiệu thật sự - nó phải có giá khoảng năm mươi đô la khi được bày bán ở Mỹ.

Một đêm sau khi Mẫn đã quay trở lại Đông Quân, tôi hỏi cô và A Kiệt bằng cách nào mà họ có được những chiếc túi đó. “Nếu chị là bạn của những người bảo vệ, chị có thể đem túi xách ra khỏi nhà máy,” A Kiệt nói.

“Nghĩa là các anh ăn cắp túi à?” Tôi hỏi.

“Chúng tôi làm việc ở khu vực sản xuất,” A Kiệt nói, một cách thản nhiên. “Nếu dây chuyền sản xuất đã hoàn thành một đơn đặt hàng, chúng tôi có thể yêu cầu họ làm thêm một vài cái túi nữa. Rồi nếu kết bạn được với những người bảo vệ, bạn có thể mang túi ra ngoài.”

“Nhà máy không quan tâm đến việc này à?” Tôi hỏi.

Anh ta nhún vai. “Chỉ cần chúng tôi hoàn thành đơn đặt hàng, họ không quan tâm nữa.”

“Tôi mới đem một cái túi xách ra khỏi nhà máy hôm nay,” A Kiệt tiếp tục. “Giá của nó là hai trăm đô la Mỹ. Chị có thích không? Sao chị không đến xem thử nhỉ?”

Tôi vội nói mình không cần túi xách. “Anh nên đem làm quà cho mẹ anh thì hơn,” tôi nói.

“Mẹ anh ấy sống ở nông thôn,” Mẫn nói. “Bà biết làm gì với một cái túi xách kia chứ?”

Phòng ở của Mẫn và A Kiệt ngập trong các loại túi Coach: một chiếc ví với chữ C hoa trang trí, một chiếc ví da màu đen với chỉ khâu màu tương phản, một chiếc xách tay xinh xắn bằng da tuyết nhưng màu đỏ tía - “Dùng để đựng đồ trang điểm,” Mẫn mạo muội nói. Ở một trong những chiếc túi tôi tìm thấy một tấm thẻ in chữ tiếng Anh để ở một ngăn phía trong:

SẢN PHẨM KINH ĐIỂN KIỂU MỸ

Vào năm 1941, sự bóng bẩy của một chiếc găng tay bóng chày tiêu biểu cho nước Mỹ đã gợi cảm hứng cho người sáng lập của Coach tạo nên một bộ sưu tập túi xách, từ cùng chất liệu da mềm cao cấp dùng để làm loại găng tay này. Sau khi xử lý da, sáu người thợ làm đồ da tạo nên mười hai chiếc túi xách mang thương hiệu Coach với tỷ lệ hoàn hảo và sự tinh tế vượt qua thời gian. Những chiếc túi này mới tinh, thiết thực, và phụ nữ ở khắp mọi nơi đều yêu thích. Một sản phẩm kinh điển kiểu Mỹ đã ra đời.

Trong thế giới của Mẫn, những chiếc túi Coach dao động khá lớn về mặt giá trị. Cô tặng chiếc ví có hoa văn chữ C hoa cho cô bạn gái Lâm Gia, người đã cho cô ở nhờ khi cô còn đang tìm việc làm. Khi chị của Lâm Gia tổ chức đám cưới ở một trong những khách sạn lớn nhất thành phố, Mẫn đem theo một chiếc túi xách đắt tiền làm quà tặng. Nhưng hầu hết các ngày còn lại những chiếc ví bán với giá hàng trăm đô la Mỹ ở Mỹ lại vô giá trị, vì hầu như không có ai trong số bạn bè người quen của Mẫn đã từng sử dụng hay biết giá

trị của chúng. Mẫn để chìa khóa và chứng minh thư trong chiếc túi xách ưa thích của cô - một chiếc túi Lacoste dáng hobo bằng da tuyết nhưng; màu xanh - nhưng không bao giờ cô đem ra khỏi phòng. Một thứ đẹp như vậy, cô đoán, sẽ bị ăn cắp trong nháy mắt.

MÃN QUYẾT ĐỊNH sẽ tiếp tục ở lại làm việc tại nhà máy. Mùa hè đã đến vùng châu thổ Châu Giang, với nhiệt độ hằng ngày lên tới hơn 90 độ F (30 độ C). Vào ban đêm khu ký túc xá ngọt ngào khó thở, ở khu vực sản xuất, mùi hóa chất đậm đặc tới mức cứ một lúc lại có một cô gái ngất trên dây chuyền lắp ráp và được đưa ra ngoài. Vào mùa hè, tham vọng cá nhân thường ngủ say, giống như động vật ngủ đông.

Nhưng có nhiều điều ảnh hưởng tới quyết định của Mẫn hơn là vấn đề thời tiết. Trong bữa ăn một ngày tháng Sáu năm 2005, cô nói với tôi rằng cô đã báo trước với ông chủ, nhưng rồi lại rút lại lời thông báo ấy sau khi A Kiệt nài nỉ cô ở lại. “Vì vậy tôi nói với A Kiệt năm nay tôi sẽ ở đây,” Mẫn nói. “Sang năm mới, tôi sẽ cùng anh ấy về thăm nhà anh. Sau Tết, tôi sẽ thôi việc và kiếm một công việc mới. Sang năm sau nữa, anh ấy sẽ cùng tôi về thăm nhà tôi.”

Khi chúng tôi tiếp tục nói chuyện, những điều cô vừa nói dần dần sáng tỏ: cô đã vạch ra kế hoạch cho hai năm tới, và cho cả cuộc đời cô. Ở tuổi mười chín, cô đã đồng ý lấy A Kiệt.

“Khi nào cô sẽ lấy chồng?” Tôi hỏi.

“Có lẽ là ba năm nữa.”

“Cô đã nói với cha mẹ chưa?”

“Chưa. Em không cần phải nói với cha mẹ cho đến khi em đưa A Kiệt về thăm nhà dịp năm mới vào hai năm sau.”

“Tại sao cô không về nhà vào năm sau?”

“Em chỉ có thể nói với cha mẹ rằng nhà máy không cho nghỉ.”

“Ý cô là nói dối à?”

“Phải.” Che giấu cha mẹ một số chuyện là bản năng thứ hai của cô. Chị gái cô đang sống ở Trường Sa với bạn trai, nhưng khi gọi điện về nhà, Quế Mẫn giả bộ rằng mình vẫn ở Đông Quan và yêu cầu Mẫn che giấu. So với việc đó, sự lảng tránh của Mẫn không đến nỗi quá tệ.

Không phải ai cũng tôn trọng việc đính hôn của Mẫn. Cô bạn Lâm Gia và hai người chị gái của cô ta tiếp tục nói xấu A Kiệt. *Người Hồ Nam nghèo lắm! Anh ta chẳng có tí kỹ năng thực tế nào cả. Em tìm một người khác đi.* Vào một ngày cuối tuần tháng Bảy, Lâm Gia quyết định giới thiệu cho Mẫn một anh bạn học từ hồi còn ở nhà, anh ta làm ở khu vực ngoại ô hẻo lánh là Thanh Khê nhưng anh ta sống trong thị trấn. “Tó đã có bạn trai rồi,” Mẫn

phản đối. Nhưng cô cũng tò mò đến mức không từ chối thẳng thừng.

Vào buổi tối hôm trước ngày hẹn gặp mặt, cô đến ngủ qua đêm tại căn hộ của tôi. Mẫn đi xe buýt đến, không mang theo gì, là cách mà những người dân ở nông thôn bộc lộ hai bàn tay trắng khi đến nhà người khác chơi. Tôi tìm chiếc áo phông và quần cộc cho cô thay khi đi ngủ rồi đưa cô ra ngoài mua bàn chải răng. Vào khoảng mười giờ, điện thoại của Mẫn đổ chuông khi chúng tôi đang xem ti vi, cô trả lời mà không chào hỏi gì người kia và nói chuyện một lúc. “Chúng ta sẽ đi gặp Lâm Gia vào ngày mai,” cô nói.

Chuông điện thoại lại reo. Tôi đoán cả hai lần đều là A Kiệt gọi, nhưng thực ra đó lại là anh bạn trai đang được giới thiệu. Anh ta thậm chí chưa gặp Mẫn, nhưng đã gọi điện liên tục cho cô. “Lâm Gia đã kể với anh ta là tôi xinh đẹp và thông minh, vì vậy anh ta rất muốn gặp tôi,” Mẫn nói. Trong suốt cả buổi tối, điện thoại của Mẫn rung liên tục vì anh chàng này tiếp tục nhắn tin cho cô. Vào tầm 11 giờ 30, điện thoại reo khi chúng tôi chuẩn bị đi ngủ. “Chúng tôi sắp đi ngủ,” Mẫn nói, “Nếu anh không chấm dứt ngay việc gọi điện cho tôi, tôi sẽ tắt điện thoại.”

CUỘC HẸN DIỄN RA tại một nhà hàng *dim sum* (*điểm tâm*) ồn ào đến điếc tai. Lâm Gia đã ở đó với chị cả của cô, Lâm Tuyết, chồng và con gái bốn tuổi của Lâm Tuyết, chị gái thứ hai của cô, người cha đã cao tuổi của bọn họ, và một người họ hàng mới từ quê lên. Chàng trai họ định giới thiệu cho Mẫn tên là Trương Bân, có gương mặt hẹp, mắt tròn sẫm màu, gò má nhọt nhọt đỏ bừng vì lo lắng. Anh ta mặc áo sơ mi trắng và quần màu xanh kẻ sọc nhỏ. Anh ta đi với một người bạn làm cùng ở nhà máy. Đây là một cuộc gặp mặt với mười một người tham dự trong đó hai nhân vật chính chưa biết mặt nhau.

Ngay khi Mẫn và tôi vừa ngồi xuống, Lâm Tuyết nhào người về phía chúng tôi. “Anh ấy tốt nghiệp đại học và là người quản lý dây chuyền lắp ráp ở nhà máy đấy,” cô ta thì thầm. “Anh ấy rất cần cù”

Chồng của Lâm Tuyết bị kẹp giữa Mẫn và anh chàng kia một cách đầy lúng túng, hai người bọn họ không nói gì với nhau trong suốt cả bữa ăn. Từ xa, Lâm Gia cười khúc khích và đưa ra những lời gợi ý. *Tại sao hôm nay cậu lại im lặng thế nhỉ? Tiếp theo cậu định làm gì?* Giữa bữa ăn, chàng trai rời khỏi bàn và ra đứng một mình cạnh cửa sổ nhà hàng, ngó mông lung ra ngoài. Anh ta trông tựa như người hùng lãng mạn trong một bộ phim truyền hình Trung Quốc, sẵn sàng để khám phá các mối quan hệ lãng mạn. Trong phim truyền hình, Mẫn sẽ đi ra và đứng bên anh ta. Thay vào đó cô quay sang tôi và nói thầm: “Em thường không thích các anh chàng trông như thế kia.”

Sau bữa ăn, chồng của Lâm Tuyết nhìn thấy một đồng nghiệp và đi tới chào hỏi. Chàng trai lấy dũng khí quay sang nói chuyện với chúng tôi. “Tôi rất vui khi gặp cô và bạn của cô,” anh ta nói với Mẫn. Chúng tôi nâng chén trà lên uống. Mẫn không nói năng gì.

CÔ GỌI CHO TÔI VÀO LÚC MƯỜI MỘT GIỜ tối hôm đó. “Chúng em vừa mới về

nhà," cô thở hốt hên nói. Sau bữa trưa, cô và Lâm Gia đã đi công viên chơi cùng với anh chàng kia và bạn anh ta. Họ đi lên đồi tới tháp truyền hình rồi đi vòng quanh thành phố.

"Anh ta thế nào?" Tôi hỏi.

"Ồn cả. Chị nghĩ thế nào về anh ta?"

"Tôi không quen anh ta," tôi nói nước đôi. "Anh ta có vẻ là người tốt."

"Có tốt hơn A Kiệt không?" Cô nhấn mạnh.

"Thế cô thấy thế nào?"

"Em thấy được," cô nói. "Anh ta biết cách cư xử đấy."

Đêm hôm đó, anh chàng kia gọi cho cô. Lần đầu tiên Mẫn nói với anh ta là cô đã có bạn trai. "Hãy cho anh một cơ hội," anh chàng nói.

Sau đó mọi việc bắt đầu diễn tiến rất nhanh. Mẫn mua một sim điện thoại mới. Kể từ khi yêu A Kiệt, cô dùng chung điện thoại với anh ta, dùng một số điện thoại di động riêng là một tuyên bố của sự độc lập.

Một vài ngày sau Lâm Tuyết có việc ở gần chỗ tôi ở, và chúng tôi ăn trưa với nhau. "Mẫn đang thân thiết với anh chàng đó!" Cô tiết lộ với tôi ngay khi chúng tôi gặp nhau. "Bây giờ cô ấy muốn rời nhà máy để thoát khỏi A Kiệt." Lâm Tuyết rất vui vẻ nhưng cũng có phần hơi hoảng sợ trước sự mai mối thành công của mình. "Tôi nói với cô ấy đừng vội vàng hấp tấp. Liệu cô ấy đã chắc chắn về điều đó chưa?"

Hôm sau Mẫn gọi cho tôi. Cô có tin khẩn cấp, nhưng không phải là tin mà tôi đang chờ đợi. "Em vừa nói chuyện với cha mẹ," cô nói.

"Ông bà có khỏe không?" Tôi hỏi.

"Em sẽ về nhà. Em muốn lấy bằng tốt nghiệp."

Bằng tốt nghiệp là vấn đề mâu thuẫn tồn tại từ lâu giữa Mẫn và cha mẹ cô. Bởi vì rời trường sớm một học kỳ, cô đã không lấy bằng tốt nghiệp trước khi đi. Những nhà tuyển dụng thường muốn xem bằng tốt nghiệp, mặc dầu Mẫn có thể trình bày để được nhận vào làm các công việc mà cô mong muốn, nhưng ngày càng khó khăn hơn khi giải thích tại sao cô đã ra trường hai năm mà vẫn chưa lấy được bằng. Cô đã yêu cầu cha đi tới trường để lấy bằng hộ, nhưng ông từ chối. Ông hy vọng có thể ngăn cô nhảy việc. Để giúp đỡ cha mẹ, Mẫn có việc làm là đủ - họ không hiểu rằng có thể có những công việc khác tốt hơn. Mẫn cố gắng giải thích. "Đối với công việc này thì con không có triển vọng gì cả," cô nói trong một lần gọi điện về nhà.

"Con thậm chí còn không học đại học," mẹ cô nói. "Làm sao con có thể nói về triển vọng được?" Mẫn thất vọng đến mức gác máy ngay.

Một vài ngày sau trong bữa ăn tối, Mẫn kể cho tôi anh chàng kia hai mươi tư tuổi, là quản lý trưởng trong một nhà máy sản xuất máy ảnh kỹ thuật số". "Anh ấy rất tốt," cô nói. "Anh ấy là người tốt bụng và có giáo dục. Anh ấy biết cách cư xử đúng mực. Anh ấy quan tâm đến mọi người, về mọi mặt, anh ấy đều hơn A Kiệt." Mẫn nói cô sẽ về nhà vào cuối tháng này sau khi lĩnh lương, lấy bằng tốt nghiệp, rồi quay lại và tìm một công việc mới ở gần nhà máy của anh kia.

Tôi hỏi tại sao cô lại phải rời khỏi nhà máy ngay lập tức như vậy.

"Em không dám chia tay với A Kiệt," cô nói. "Em không biết anh ta sẽ phản ứng thế nào."

"Ý cô là sao?"

"Vài ngày trước, Lâm Gia nhận được cuộc gọi từ một kẻ lạ mặt. "Đừng có xía vào chuyện không phải của mày," một giọng đàn ông đe dọa cô ta. "Đừng có nói với Mẫn là A Kiệt không xứng đáng với cô ấy." Đe dọa kiểu đầu gấu để duy trì mối quan hệ: tôi không tưởng tượng được rằng A Kiệt lại có gan làm như vậy."

"Vậy cô không định nói gì với A Kiệt à?" Tôi hỏi.

"Em sẽ gọi cho anh ta sau khi em rời nhà máy," cô nói. "Em sẽ nói với anh ta rằng em ra đi và anh ta đừng nên cố gắng tìm em làm gì."

"Liệu anh ta có chấp nhận điều đó không?"

Cô nhún vai. "Em không biết nữa. Nhưng anh ta sẽ không biết được làm thế nào để tìm được em." Cô dự định sẽ rời nhà máy mà không mang theo gì để không ai nghi ngờ là cô bỏ đi mãi mãi. "Tôi sẽ chỉ thay quần áo và mang theo những kinh nghiệm đã đạt được trong năm vừa qua," Mẫn nghiêm nghị nói. "Những thứ khác em có thể mua lại sau."

MỌI VIỆC ĐÃ KHÔNG DIỄN RA như dự tính. Vào đầu tháng Tám, tôi nhận được e-mail của Mẫn. Cô vẫn làm ở nhà máy đó. *Anh bạn mới của em thì ổn, cô viết, nhưng tìm việc làm ở gần chỗ anh ấy không được tốt lắm. Có lẽ anh ấy và em làm bạn thì hợp hơn.* Em gái Sa của cô đã tốt nghiệp trường dạy nghề và muốn tới Đông Quan làm việc. Mẫn tìm được một người quê ở thị trấn gần làng cô hiện làm ở phòng vận chuyển tại nhà máy nơi cô đang làm, anh ta có thể kiếm cho Sa chân thư ký bộ phận vận chuyển. Chỉ có một vấn đề: Sa mới mười bảy tuổi, điều đó có nghĩa là cô chưa đủ tuổi đi làm. Mẫn trả ba mươi nhân dân tệ cho một người chuyên sửa ngày sinh trên các chứng minh thư do chính phủ cấp. Theo chứng minh thư đã sửa của Sa, cô sinh vào tháng Sáu năm 1986, trong khi Mẫn sinh vào tháng Tư cùng năm. Nếu có ai đó xem kỹ chứng minh thư của hai chị em, họ có thể sẽ thắc mắc. Nhưng không có ai làm việc đó bao giờ.

Giờ đây em cảm thấy ít bị áp lực hơn trước nhiều, thật sự đấy, Mẫn viết cho tôi như vậy.

Lúc đó là cuối tháng Chín năm 2005, thời tiết mát mẻ hơn là dấu hiệu của cô. Một tháng sau khi Sa đến, Mẫn lại nhảy việc.

Cô tìm được việc làm trợ lý ở phòng mua sắm của một nhà máy phần cứng cách nơi em gái cô làm hai tiếng đồng hồ đi xe buýt. Mẫn ra đi mà không dàn xếp mọi chuyện với A Kiệt. Cô cũng không liên lạc gì với anh chàng kia nữa. Giải pháp của cô cho các vấn đề rắc rối này là chiến thuật duy nhất mà cô biết: tiếp tục di chuyển.

Lần này cô kiếm việc dễ dàng hơn vì cuối cùng cô đã lấy được bằng tốt nghiệp. Cha cô đã đến trường lấy bằng tốt nghiệp nhưng từ chối gửi cho cô, ông vẫn cố gắng không cho cô nhảy việc. Mẫn nói dối và bảo với cha là nhà máy của cô có luật mới - ai không có bằng tốt nghiệp sẽ bị đuổi việc. Khi cha cô nghe thấy điều này, ông hoảng sợ và thậm chí còn trả thêm tiền để gửi bằng tốt nghiệp theo đường chuyển phát nhanh. Mẫn cười phá lên khi cô kể cho tôi nghe chuyện này.

Nhà máy mới của Mẫn sản xuất các phụ tùng kim loại cho bộ nguồn máy tính, màn hình máy tính, và đầu máy DVD. Giờ làm việc của cô kéo dài tới mười một giờ một ngày, được nghỉ ngày Chủ nhật. Cô kiếm được một nghìn nhân dân tệ một tháng, và nếu làm tốt, cô sẽ được thăng cấp lên vị trí tự mình mua bán vật liệu. Cô bắt đầu đọc một cuốn sách có tên là *Lên kế hoạch sản xuất và mua bán vật tư*.

Năm ngoái, cô đã gửi về nhà năm nghìn nhân dân tệ - hơn sáu trăm đô la Mỹ - nhưng cha mẹ cô nghĩ như thế là quá ít. “Con cái các gia đình khác ít được học hành hơn,” cha cô nói. “Làm sao mà chúng lại gửi tiền về nhà nhiều hơn con nhỉ?”

“Cha của những người khác kiếm đủ tiền để con cái họ không phải đi ra thành phố làm việc,” Mẫn vặc lại.

Giờ đây cô nhìn cha mẹ với con mắt khắt khe hơn. Khi cha Mẫn làm việc một thời gian ngắn tại một nhà máy giày ở Ôn Châu vào cuối những năm 1990, ông đã bị ốm và phải quay về nhà. Mẹ cô cũng đi làm một năm mà chẳng để dành được đồng nào. Họ đã thất bại trong khi Mẫn đang thành công, và lần đầu tiên cô nhận ra điều này. “Họ đã nếm trải cuộc sống của một người di trú. Họ nên biết cuộc sống đó vất vả như thế nào,” Mẫn kể với tôi. “Họ vẫn nghĩ rằng bọn em ra thành thị đi làm và kiếm tiền thật dễ dàng.”

Năm tháng sau khi được nhận vào làm, Mẫn được đề bạt lên chức mua sắm các phụ tùng khuôn cho nhà máy. Đó là cơ hội lớn của cô: người phụ nữ trẻ trước đó đang giữ chức vụ này về thăm nhà và cha mẹ cô ta phát hiện ra rằng cô ta có bạn trai ở trên thành phố. “Họ giữ cô ta ở nhà và không cho cô trở lại đi làm nữa,” Mẫn nói, “vì vậy em có cơ hội.” Với nhiệm vụ mới này, cô nhận được tiền lương là 1.200 nhân dân tệ một tháng và từ sáu nghìn đến mười nghìn tiền lại quả một năm. Trong sáu tháng đầu tiên, cô để dành được ba mươi nghìn nhân dân tệ - gần 4.000 đô la Mỹ - và gửi về nhà khoảng 1.300 đô la

Mỹ. Lần đầu tiên, cô mở một tài khoản ngân hàng tại thành phố”, đi ngược lại nguyện vọng của cha mẹ cô. Họ muốn cô gửi tất cả tiền kiếm được về nhà.

“Nếu công ty biết được em nhận tiền lại quả, họ sẽ sa thải em ngay lập tức,” Mẫn kể với tôi.

“Nhưng ai cũng làm vậy mà, đúng không?” Tôi hỏi cô.

“Phải. Nhưng đó là điều mà chúng em không bao giờ đề cập đến.”

Chúng tôi đang ngồi trong một cửa hàng McDonald’s tại khu thương xá gần nhà máy của cô. Mẫn gọi cà phê đá và khoai tây chiên, giờ đây cô thường xuyên ăn ở ngoài. Tôi nhớ lại lần đầu tiên cô đến một cửa hàng McDonald’s, hai năm trước, khi cô gi sát mũi vào chiếc Big Mac của mình để ngửi ngửi và ăn từng lớp một của chiếc sandwich. Bằng giọng nói thì thầm, nhìn xung quanh để chắc chắn là không có đồng nghiệp nào của mình ở quanh đây, cô kể cho tôi nghe về công việc của mình. Các nhà cung cấp thường trả tiền lại quả bằng 10 phần trăm giá trị hợp đồng mua hàng. Mẫn gặp họ ở xa nhà máy để lấy tiền, bằng tiền mặt. Ngân hàng nơi cô mở tài khoản ở rất xa nhà máy, nơi cô sẽ không tình cờ chạm trán bất cứ ai quen biết khi đi nộp tiền. Những người làm ở phòng mua sắm thường hay bị ghen tị ở nhà máy bởi vì công việc của họ có nhiều lợi lộc. Khi Mẫn tình cờ gặp đồng nghiệp ở bên ngoài, cô sẽ chào và trả tiền ăn cho họ để được lòng mọi người.

Thành công mang lại nhiều áp lực hơn. “Trong quá khứ nếu em không thích công việc của mình, em chỉ cần bỏ việc là xong,” cô nói. “Bây giờ em lại lo lắng về việc điều gì sẽ xảy ra nếu công ty không còn cần em nữa.”

NGAY KHI Mẫn BẮT ĐẦU kiếm được nhiều tiền hơn, quan hệ giữa cô và cha mẹ thay đổi. Họ ngừng than phiền về việc cô gửi về nhà quá ít tiền và bắt đầu mơ tưởng về việc sử dụng số tiền tiết kiệm của cô như thế nào. Họ muốn mua một biệt thự ở Vũ Huyệt, thị xã gần nhà, có giá khoảng 120.000 nhân dân tệ, tức là khoảng mười lăm nghìn đô la Mỹ. Cha cô ngấm ngầm lên kế hoạch nuôi tôm, cần khoảng ba mươi đến năm mươi nghìn nhân dân tệ. Ông đã mất tiền trong vụ bông năm ngoái và không còn tiền nữa. Mẫn loại bỏ cả hai kế hoạch. “Cha không thể kiếm tiền trong nháy mắt,” cô lên lớp cha mình. “Cha phải thực hiện dần dần từng bước một.”

Đối với tôi thật đáng ngạc nhiên khi Mẫn nhanh chóng đảo lộn cấu trúc quyền lực trong gia đình cô. Khi ông nội tôi trở về làng sau bảy năm ở Mỹ, ông bị cha đánh vì tội dám tự tiện thay đổi ngành học. Ông đã trở nên hiện đại, một người được giáo dục tại nước ngoài, nhưng ông vẫn không nhận được dù chỉ là một chút sự kính nể trong mắt cha mình. Ngược lại, Mẫn vẫn có thể ra lệnh từ xa đối với các vấn đề của gia đình. Cô giám sát việc mua bán của cha và từ chối các kế hoạch kinh doanh của ông; sự thật là 1.300 đô la Mỹ cô gửi về nhà đã đem lại cho cô quyền đó.

Cũng có một sự khác biệt trong giai cấp, điều ở Trung Quốc có mối tương quan rất lớn với trình độ giáo dục của một con người. Cụ nội tôi là một người đàn ông được học hành đầy đủ, điều này mang lại cho ông địa vị xã hội mặc dầu ông không bao giờ đi xa nhà. Những công nhân di trú như Mẫn đến từ bậc thang thấp nhất trong xã hội - nếu thành công ở thành phố, họ lập tức sẽ vượt lên tất cả các thành viên khác trong gia đình. Mẫn nhanh chóng điều khiển một cách tích cực cuộc sống của các em. Cô hứa với em trai nhỏ rằng sẽ cho cậu ta học tiếng Anh ở Đông Quán vào mùa hè nếu cậu ta học tốt ở trường. Tình trạng tài chính được cải thiện của cô đã thay đổi vận mệnh của Tú, em gái nhỏ tuổi nhất, người đã trượt kỳ thi vào trường phổ thông trung học. Khi ba người chị lớn bị thi trượt, họ đều chuyển sang học trường dạy nghề rồi ra đi làm. Nhưng giờ đây Mẫn có khả năng trả thêm phí tổn để Tú học trung học phổ thông - trong ba năm, sau đó cô bé sẽ thi đại học.

“Điểm số của em thế nào?” Mẫn hỏi em gái khi cô gọi điện về nhà.

“Em không biết,” Tú nói, cô bé vốn rất nhút nhát.

“Em có biết là chị phải đi làm ở đây để em được đi học không?” Mẫn hỏi. “Em nên học hành cho tốt và đừng có làm chị thất vọng đấy.”

“Em biết,” em gái cô trả lời. “Em sẽ cố gắng ạ.”

Mẫn còn gây ảnh hưởng đến việc làm của chị gái cô. Công việc và mối quan hệ của Quế Mẫn đều đổ vỡ, vì vậy cô đã trở lại Đông Quán làm việc trong một nhà máy sản xuất búa. Mẫn nghĩ rằng chị cô đã quá lớn tuổi nên không thể nhảy việc thường xuyên. “Chị cần ổn định ở một chỗ và tự mình phát triển,” Mẫn bảo chị cô.

Mùa hè năm 2006, Mẫn về thăm nhà. Cô mang về cho gia đình một chiếc ti vi hiệu Trường Hồng, một đầu máy DVD, và năm nghìn nhân dân tệ làm quà cho cha. Cô mua một chiếc áo sơ mi giá tám mươi nhân dân tệ. Đó là chiếc áo sơ mi đẹp nhất mà ông từng có, và ông mặc nó trong suốt thời gian Mẫn về thăm nhà. Cha Mẫn vừa mừng sinh nhật lần thứ năm mươi và ông đã đi xem bói. Thầy bói phán rằng sau tuổi năm mươi, ông sẽ gặp nhiều may mắn hơn. Nhờ có cô con gái thứ hai, lời phán này đã trở thành hiện thực.

Vào dịp Tết âm lịch năm 2007, tôi quay trở lại quê Mẫn. Cô được nghỉ hai tuần vì có một đám cưới ở quê. Anh họ và là hàng xóm của Mẫn cưới một cô gái sống cách đó nhiều làng. Trong cả năm, anh ta làm việc trong một đội xây dựng ở Urumqi^[33] xa xôi - bốn mươi bốn giờ đi bằng tàu hỏa - còn cô gái làm nghề thêu quần áo trong một nhà máy ở Vũ Hán, cách ba giờ đi xe buýt. Họ được một bà mối giới thiệu với nhau vào năm ngoái và đã đính hôn ngay lập tức. Vào năm tiếp theo, họ *tan lian ai* (đàm luyện ái) - "nói chuyện về tình yêu" hay tán tỉnh - qua điện thoại. Quy trình này có vẻ lạc hậu đối với tôi - đầu tiên bạn đính hôn, sau đó bạn bắt đầu hẹn hò - nhưng dù là như vậy, đó cũng là sự nhân

nhượng đối với các cách thức hiện đại bởi vì nó cho phép đôi bạn trẻ tìm hiểu về nhau trước khi lấy nhau.

Vào buổi tối mà tôi đến, Mẫn đưa tôi sang nhà hàng xóm gặp anh họ. Hai năm trước, phòng ngủ chính trong nhà của gia đình anh ta chỉ là một căn phòng trống, sàn trát xi măng. Giờ đây căn phòng được lát gạch hoa và chập kín đồ nội thất: tủ áo, trường kỷ, và bàn uống nước. Một chiếc giường đôi trải đệm hồng với chữ *Happiness* (Hạnh phúc) bằng tiếng Anh chạy dọc mặt đệm được viết bằng lối chữ bay bướm. Ở phía trên giường là tấm ảnh chụp trong ảnh viện, trong đó người anh họ mặc bộ com lê dạ tiệc ba vạt màu ngà, còn vợ sắp cưới của anh ta mặc bộ váy dạ hội hở lưng.

“Chị ấy xinh quá!” Mẫn thốt lên.

“Ngày mai cô ấy sẽ không xinh đâu,” anh họ cô đùa.

“Anh nói gì thế!” Mẫn nói. “Một cô dâu trong ngày cưới của mình là xinh đẹp nhất.”

Mặc dầu theo truyền thống người con trai sống cùng vợ trong nhà bố mẹ sau khi cưới, anh họ của Mẫn và người vợ mới cưới chỉ sống vài ngày ở đây trước khi quay trở lại làm việc. Trên khắp nông thôn Trung Quốc có vô số căn phòng như vậy, được trang bị nội thất và trang trí với một số tiền đáng kể, rồi sẽ trống vắng hầu như suốt năm.

SÁNG SỚM HÔM SAU, thanh niên nam trong làng khởi hành đến nhà cô dâu, mang theo những cái thúng mây truyền thống đặt trên quang gánh để mang của hồi môn về. Nông dân đã mang gánh trên vai những thúng giỏ bằng cách này trong hàng thế kỷ, nhưng những thanh niên này là người di trú nơi thành phố, hầu hết là ở trong các nhà máy. Chỉ có một người đàn ông lớn tuổi hơn là trông thoải mái trong việc giữ thăng bằng chiếc quang gánh trên vai. Chú rể mặc bộ com lê màu xanh kẻ sọc nhỏ, đi đôi giày da có mác hằn hoi, miệng vẫn tiếp tục gièm pha về vẻ ngoài của người vợ chưa cưới vào mọi dịp có thể. “Khi chị thấy cô ấy hôm nay,” anh ta bảo tôi, “chị sẽ sợ hãi.” Mẫn và chị gái cô sẽ tháp tùng cô dâu đi về quê mới. Trước đó họ chưa bao giờ tham gia vào một đám cưới ở nông thôn.

Ở nhà cô dâu, hàng xóm tụ tập đông nghịt trên khoảnh sân bùn để xem lễ cưới. Căn phòng chính chập kín của hồi môn của cô, giống như đợt bán hàng giảm giá ở một cửa hàng bán đồ gia dụng: tủ lạnh, máy điều hòa, bình đun nước nóng, máy giặt, ti vi màu có độ phân giải cao, máy nghe nhạc, và máy hát karaoke. Trong căn phòng bên cạnh, cô dâu cúi đầu ngồi trên giường trong khi mẹ cô, bà nội cô, và các bà cô bà dì than khóc rền rĩ - theo phong tục truyền thống than khóc tiễn cô dâu về nhà chồng.

Đến lượt các nam thanh niên chạy vào nhà để “trộm” của hồi môn trong khi gia đình và bạn bè cô dâu cố gắng chống lại họ. Mất hơn một tiếng đồng hồ để mang mọi thứ ra ngoài sân, nơi chúng được đặt vào các thúng mây hoặc buộc chặt vào quang gánh bằng tre. Chú rể bị bắt đội chiếc mũ lừa bằng giấy, trên mặt vẽ ria mép, cặp kính mắt, ngoài ra

còn một cái bô treo trên cổ anh ta. Anh ta dẫn đầu đoàn diễu hành ra khỏi làng. Điều này giống như việc các nạn nhân trong Cách mạng Văn hóa phải diễu qua các con phố, ngoại trừ việc anh ta luôn mỉm cười.

TIỆC CUỐI BUỔI TRƯA ở nhà cô dâu tuân theo các luật lệ đã định sẵn. Có mười hai món ăn, pháo châm ngòi nổ đi đùng nhiều lần trong thời gian các món ăn được phục vụ. Bữa tiệc bao gồm mỗi bàn một con cá, một con gà xấp mười hai quả trứng luộc kỹ xung quanh, và viên bánh ngọt gạo nếp hình tròn biểu tượng cho hạnh phúc viên mãn. Các món ăn được phục vụ lần lượt từng món và được dọn đi trước khi ăn hết, để đảm bảo cuộc hôn nhân luôn luôn được dư dả.

Vào buổi chiều, cô dâu khởi hành về nhà chú rể. Mẫn và chị cô là phù dâu, nhưng nhiều khách mời trong đám cưới đi theo để đảm bảo cô dâu không bị cướp mất. Đoàn người sẽ chỉ bước đi vài bước trước khi ngừng lại trên đường bắt Mẫn và Quế Mẫn hát một bài. Đám rước nhích về phía trước, dừng lại, rồi lại đề ra thêm nhiều hình phạt. Hầu như cả làng đều tham gia vào trò vui bắt nạt Mẫn và Quế Mẫn.

Hát to lên nào!

Một bài chưa đủ!

Mặc dầu tất cả chỉ là đóng kịch, nhưng sự việc có vẻ không phải là đùa. Hai người đàn ông lực lưỡng và nhiều phụ nữ trung niên dẫn đầu các cuộc tấn công. Mẫn và Quế Mẫn trở nên bối rối, họ hát bằng giọng trẻ con run run, mắt dán xuống đất. Đột nhiên tôi cảm thấy mình là một kẻ ngoài cuộc - đơn độc, đứng nhìn từ xa các gương mặt Trung Quốc quen thuộc đang bị những người khác bao vây. Thậm chí một việc vô hại như hẹn hò mà không biết nhau từ trước dường như cũng chỉ ra một khiếm khuyết trong tính cách dân tộc, sự bất lực trước việc phá vỡ sự trói buộc và dám có các hành động cá nhân. Và giờ đây tôi cảm nhận rằng cuộc Cách mạng Văn hóa bắt nguồn sâu xa từ động lực của làng quê Trung Quốc, nơi các lễ nghi của nó bắt người ta phải tôn trọng sự an toàn của cả nhóm. Sẽ nguy hiểm nếu ở một mình; trong đám đông, bạn sẽ có được sự tự tin và sức mạnh. Khi những người dân làng hét vào mặt Mẫn và Quế Mẫn yêu cầu hát to hơn, hay rửa xả các màn trình diễn của họ, giọng nói cực đoan nhất luôn thắng. Hai cô gái trẻ cúi đầu đứng ở trung tâm của đám đông, chờ cho màn kịch này kết thúc.

Cuối cùng chúng tôi thấy bạn bè của chú rể ở con đường trước mặt. Các chàng thanh niên từng người một tiến lên phía trước để điều đình nhằm giải thoát cho cô dâu, mời thuốc lá hoặc trình diễn các màn ứng khẩu trong khi dân làng tiếp tục hăm dọa và thóa mạ. Cuối cùng chú rể xông vào đám đông, ôm lấy cô dâu, và mang cô ra chiếc xe ô tô màu đen đang chờ sẵn, chiếc ô tô này đã được thuê cho dịp trọng đại này.

Ở nhà chú rể, mọi người lại tiếp tục ngồi vào bàn ăn uống linh đình mặc dầu vẫn đang còn no sau bữa ăn trưa. Tôi cứ chờ đợi một nghi thức hoặc lời tuyên bố để chính thức hóa cuộc hôn nhân, nhưng chẳng có gì cả. Theo các tập tục này, hôn nhân được thể hiện

với nhiều ý nghĩa khác nhau: một sự trao đổi của cải giữa các gia đình, việc đổi đầu của các làng. Nhưng không có tục lệ nào đề cao một sự đồng thuận giữa cô dâu và chú rể, vấn đề ở chỗ đây là sự kết hợp của hai cá nhân có vẻ hầu như là ngẫu nhiên. Khi rượu đã rót xong, Quế Mẫn quay sang anh họ và người vợ mới cưới của anh ta, nâng cốc chúc một câu truyền thống: “Sớm sinh quý tử.”

KHOẢNG THỜI GIAN CÒN LẠI TRONG CHUYẾN THĂM CỦA TÔI trôi qua rất nhanh. Gia đình Mẫn lên núi để khấu đầu quỳ lạy trước mộ ông bà tổ tiên. Cô ngưỡng mộ ngôi nhà gạch ba tầng mà chú cô đã xây bằng tiền kiếm được từ việc làm thợ nề, ngôi nhà sẽ bị bỏ không cho đến khi ông quay lại vào năm tới mang tiền về để trang trí nội thất cho ngôi nhà. Một ngày khác, cô đến thăm một bà dì đang bán quần áo trên thành phố để thảo luận về khả năng chung vốn mở một cửa hàng. Một buổi tối, một ông chú khác đưa về nhà một anh chàng có thể làm bạn trai giới thiệu cho chị của Mẫn. Quế Mẫn không nói gì với anh ta trong suốt buổi tối, nhưng sau khi anh ta đi ngủ cô tuyên bố lời kết án anh chàng ấy: “Trí óc anh ta không được nhanh nhạy cho lắm.” Anh chàng đã biến mất trước bữa ăn sáng.

Trong buổi sáng cuối cùng tôi ở đó, Mẫn đưa tôi ra bến xe buýt - một tuần nữa cô mới quay lại Đông Quán. Cô mặc một chiếc áo khoác có thắt lưng màu hồng dưa hấu, quần bò ngố màu đen, và đi boots cao gót. Hồ Đào, bạn trai cũ mà cô đưa ra thành phố hai năm về trước, đã nổi lại quan hệ với cô. Anh ta muốn họ quay lại với nhau, và sẽ giới thiệu Mẫn với mẹ anh ta vào chiều muộn ngày hôm đó.

“Nếu em không tìm được ai để lấy, em luôn có thể lấy anh ta trong một vài năm nữa,” Mẫn nói. Một chàng trai trẻ cùng quê khác đã mở một cửa hàng trong thị trấn cũng hy vọng được gặp cô. Mẫn dường như không lo lắng gì về triển vọng kết hôn của mình. Bốn chị em gái trong gia đình được mong đợi là sẽ lấy chồng theo thứ tự, giống như trong một cuốn tiểu thuyết của Jane Austen. Chỉ cần Quế Mẫn vẫn độc thân, không ai ép buộc Mẫn cả.

Ở bến xe, tôi mua vé xe buýt về Vũ Hán. Tôi ngồi ở ghế bên cạnh cửa xe vẫy tay chào tạm biệt Mẫn, Mẫn mỉm cười và vẫy tay chào lại. Trời bắt đầu mưa, vì vậy cô tạt vào một cửa hàng gần đó để trú mưa. Khi xe buýt bắt đầu khởi hành, tôi thấy Mẫn chăm chú nhắn tin bằng máy điện thoại di động. Cô đang xem xét nơi tiếp theo cô sẽ đến, và như thường lệ cô đã có một kế hoạch.

14. Lăng mộ của hoàng đế

Vào mùa thu năm 1987, người anh họ Lập Giao của cha tôi ngồi xuống viết một bức thư cho Hội nghị hiệp thương chính trị của hai tỉnh Đông Bắc, bức thư có nhan đề “Về vấn đề bia mộ của ông Trương Sơn Phu cần được nhanh chóng khắc chữ.” Bác Lập Giao hy vọng có thể khắc một bài văn bia lên tấm bia mộ của ông chú mình, người đã mất bốn mươi một năm về trước.

Ông Trương Sơn Phu là chú tôi. Tôi thực sự mong muốn rằng vấn đề khắc bia mộ cho chú tôi sẽ được giải quyết thật nhanh chóng, điều này sẽ rất có tác dụng trong việc phát triển công tác Mặt trận Thống nhất ở nước ngoài của chúng ta.

Một bản thảo của bức thư viết tay, dài mười hai trang, đã được các con của bác Lập Giao đưa lại cho tôi. Họ không thể kể cho tôi câu chuyện của gia tộc, nhưng trên những trang giấy xù xì bác Lập Giao đã trình bày mọi thứ - tư liệu lịch sử cá nhân về những năm tháng ông nội tôi ở Mỹ, những đóng góp của ông đối với ngành khai thác mỏ của Trung Quốc trong thời kỳ chiến tranh, vụ sát hại và chôn cất ông.

Đằng trước ngôi mộ là một tấm đá cẩm thạch nhỏ màu đen được khắc dòng chữ “MỘ CỦA ÔNG TRƯƠNG SÂN PHU”, mỗi chữ có kích thước chừng mười xăngtimét. Ở phía bên phải đằng trước ngôi mộ có một tấm bia. Trên bia chưa được khắc chữ gì...

Vào mùa thu năm 1948, Thẩm Dương được giải phóng. Ở công viên Bắc Lăng gần tấm bia Hạ Mã, là ngôi mộ của ông Trương Sơn Phu và một tấm bia trắng trơn... Bà Lý Hương Hành cùng các con đã chuyển tới sống ở Đài Loan... Cháu của bà là Trương Lập Giao ở lại Đại lục và không đi cùng họ. Sau tháng Một năm 1949, anh ta không còn liên hệ gì với họ nữa.

Năm 1979, bác Lập Giao quay lại thăm mộ lần đầu tiên sau ba mươi năm. Ngôi mộ đã biến mất, những gì còn lại của ông nội tôi đã bị vứt rải rác khắp nơi. Nhưng tấm bia không chữ vẫn còn - như bà nội tôi đã tiên liệu, sự trống trơn đó đã bảo vệ nó khỏi sự xâm hại. Trong bức thư của mình, bác Lập Giao đã xin phép nhà cầm quyền để sửa chữa ngôi mộ và dựng một tấm bia có khắc chữ. Nhưng bởi vì ngôi mộ nằm ở một vị trí nổi bật trong một công viên, đây không phải là điều mà ông có thể tự ý làm được.

Con thứ hai và con cả của ông Trương Sơn Phu có một tình yêu sâu sắc với Tổ quốc vĩ đại của chúng ta là đã trở về thăm quê nhiều lần, dành nhiều tâm huyết để xây dựng đất nước... Tôi nghe nói rằng gần đây Ủy ban Trung ương Đảng đã đề xuất việc đẩy mạnh công tác Mặt trận Thống nhất ở nước ngoài, để có thêm đồng minh và đạt được sự ủng hộ rộng khắp.

“Mặt trận Thống nhất” có ý chỉ các chính sách của Đảng Cộng sản để thu phục sự trung thành của những người Trung Quốc ngoài Đảng, bao gồm cả những người sống ở Hồng Kông, Đài Loan, và ở nước ngoài. Là một người kỳ cựu đối với các phong trào

chính trị, bác Lập Giao biết rằng một lời yêu cầu cá nhân đại diện cho người chú sẽ không được để ý. Vấn đề này cần phải gắn với chủ nghĩa yêu nước, và nhất thiết phải mô tả nó như là một vấn đề của dân tộc, chứ không phải chỉ của gia tộc. Cả cuộc đời của ông nội tôi đã bị gò ép trong khuôn khổ đó, và bây giờ thậm chí cả khi ông đã chết cũng vẫn noi theo nếp đó.

Chính quyền không hồi âm ngay lập tức. Hai tháng sau bác Lập Giao viết lá thư thứ hai, tiếp tục đề nghị chính quyền hỗ trợ và nêu rõ rằng ông sẽ chịu mọi phí tổn liên quan đến việc khắc bia. Vào tháng Mười một năm sau, sau khi lời đề nghị đã được phê duyệt, một tấm bia mới cuối cùng đã được dựng lên ở mộ của ông nội tôi. Bác Lập Giao viết lá thư cuối cùng, có nhan đề “Giấc mơ ấp ủ từ lâu của tôi và gia đình tôi ở trong và ngoài Trung Quốc đã được thực hiện.”

Bởi vì tấm bia không chữ nay đã thành tấm bia có chữ, con cháu của chúng tôi sẽ có nơi để thờ cúng cha ông yêu dấu của mình. Về vấn đề này, chúng cảm thấy thật là may mắn.

Bác Lập Giao mất vào tháng Hai năm 2006, gần một năm sau khi tôi ghé thăm gia đình ông ở Cáp Nhĩ Tân. Ông đã sống đủ lâu để nhìn thấy ba người con của mình ổn định công ăn việc làm tại chính trường đại học nơi ông đã từng giảng dạy, và một đứa cháu gái cũng theo học tại trường. Năm 1985, ông được nhận bằng khen giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, và là người duy nhất trong trường đại học nơi ông công tác được nhận vinh dự này. Đối với gia đình ông, điều này làm dịu đi những nỗi đau mà ông đã phải gánh chịu. “Đối với cha tôi, người đã phải sống qua thời kỳ đó, tôi nghĩ rằng ông là người có tấm lòng quảng đại,” chị Ân Kiều con gái ông nói với tôi. “Mọi người quý mến sự hòa nhã của ông. Có tới bốn trăm người đã tham dự đám tang của ông. Chúng tôi không ngờ lại đông tới như vậy.”

Cho tới tận lúc chết, chị nói, bác Lập Giao vẫn tin vào Đảng Cộng sản. Ông không bao giờ nói về việc các cuộc tấn công chính trị đã đẩy cha mình tới chỗ tự tử. Ông cũng không day nghiến về những gì đã phải chịu đựng. Cha tôi nói rằng đã nhiều lần ông hỏi bác Lập Giao về những trải nghiệm của ông trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, nhưng bác Lập Giao không bao giờ nói ra cả. “Cha tin rằng bác Trương Lập Giao đã thực sự bị tẩy não,” cha tôi nói. “Bất cứ khi nào ông ấy nói về chuyện đó, ông ấy sẽ chỉ nói về mọi việc đã từng tốt đẹp như thế nào, Đảng Cộng sản đã từng tốt đẹp như thế nào. Cha nghĩ cho đến tận cuối đời ông ấy vẫn sợ hãi. Nhiều người đã phải chịu quá nhiều đau khổ lại nghĩ rằng hiện tại cũng chỉ là một phong trào chính trị khác. Họ không bao giờ chắc chắn rằng mọi việc sẽ không lại như thời kỳ đó.”

Con gái của bác Lập Giao lại có một cách diễn giải khác. “Cha tôi không bao giờ kể cho cha cô nghe những điều này,” chị nói với tôi. “Tôi nghĩ rằng ông cảm thấy cha cô sống ở nước ngoài, đây là vấn đề bên bối riêng của dân tộc.” Theo cách nghĩ của chị, không phải sự sợ hãi mà là sự hồ thẹn đã khiến cha chị im lặng.

Vào ngày cuối cùng của năm 2005, tôi đến thăm mộ ông nội ở một công viên Thẩm Dương. Trong buổi sáng lạnh lẽo, không khí bùng lên với mùi than bị đốt cháy, mặt trời lơ lửng trên không trung lạnh lẽo và nhọt nhạt như một trái chanh. Công viên nhan nhản những người, hầu hết là những người đã về hưu. Các ông già uể oải chạy bộ, trong khi các bà già tập thái cực quyền dưỡng sinh. Trên một cây cầu dành cho người đi bộ, tôi dừng lại nhìn xuống hồ ở bên dưới, nơi tuyết đã được dọn sạch để tạo ra một đường trượt tuyết hình bầu dục. Mọi người trượt với tư thế thu mình lấy đà của các nhà trượt tuyết thi đấu trong giải vô địch. Một người phụ nữ trung niên mặc nhiều lớp quần áo, đeo mặt nạ phẫu thuật trùm kín mặt - phụ kiện phổ biến trong mùa đông khắc nghiệt ở Thẩm Dương. Khi tôi đứng nhìn, bà cố gắng trượt về phía trước được một lúc, giữ thăng bằng trên một chân với chân kia duỗi dài ra đằng sau. Bà gần như bị ngã nhào ra đằng trước, lấy lại thăng bằng, và nhìn xung quanh xem có ai để ý không.

Tôi tiếp tục đi cho tới khi đến chỗ hai tấm bia Hạ Mã, một đôi cột trụ có khắc văn tự Mãn Châu đánh dấu sự bắt đầu của “đoạn đường thần thánh” đến lăng mộ của hoàng đế nhà Thanh. Ở bên tay trái, tôi thấy một ngôi mộ trên một khoảnh đất nhỏ được phát quang sạch sẽ bao quanh bởi các cây thông.

Tấm bia đánh dấu ngôi mộ của ông nội tôi cao khoảng sáu mét, làm bằng xi măng màu xám khắc các chữ màu đỏ:

TƯỜNG NIỆM ÔNG TRƯƠNG SÂN PHU MỘT KỸ SƯ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP
MỎ TRUNG QUỐC QUÊ Ở TỈNH CÁT LÂM, HUYỆN CỬU ĐÀI, LÀNG LỤC ĐÀI
1898-1946

Tôi chậm rãi đọc những dòng chữ khắc trên bia mộ, từng từ một, và cảm thấy được an ủi. Bài văn bia chỉ gồm bốn dòng và đưa ra những thông tin bình dị nhất - nhưng tất cả đều đúng sự thực. Không có điều gì bị làm giả, chính trị không xâm phạm vào những dòng chữ này. Nếu bạn phải mô tả một cuộc đời trong ba mươi lăm chữ tượng hình tiếng Hán, thì đây dường như là một sự đánh giá đúng đắn đối với một con người - năm sinh và năm mất, công việc, quê quán, và tên họ.

Tôi đứng đó nhìn tấm bia, không biết là nên làm gì để đánh dấu dịp này. Tôi không quỳ lạy khẩn vái hay đốt vàng mã, chỉ đơn giản là đứng trước ngôi mộ của ông nội tôi. Không ai làm phiền tôi. Một vài người đàn ông chơi đá cầu ở gần bia Hạ Mã, nhưng họ không làm ảnh hưởng gì đến tôi. Cuối cùng tôi cũng phải đi, vì trời quá lạnh.

Khi tôi đi khỏi, một người đàn ông đi xe đạp ngang qua. Một chiếc đài cassette buộc vào đằng sau xe của anh ta đang bật bài hát phổ biến năm đó của những người di trú, một bài hát từ một nơi rất xa, nơi mỗi đường phố đều có nhà máy.

Anh yêu em

Yêu em

Như chuột yêu gạo

Dù cho bao gió mưa

Anh sẽ luôn ở bên em

Khi tôi nghĩ về cuộc đời ông nội tôi, hầu như toàn là nỗi buồn về cơ hội đã mất. Khi còn là một thanh niên, ông đã rời nhà - đến Bắc Kinh, đến Mỹ - để theo đuổi việc học hành và để phục vụ đất nước. Ông đã sống trong môi trường nước ngoài, và đã đấu tranh để tìm được mục đích sống, nhưng lúc nào ông cũng làm việc chăm chỉ. Cảm giác trách nhiệm đã đưa ông đến thăm mỏ Phú Thuận mặc cho nhiều lời can ngăn. Trong đêm mùa đông cuối cùng của cuộc đời mình, khi những người đàn ông có vũ trang nhảy lên chuyến tàu đâm ông bằng lưỡi lê, tất cả những chuyện học hành và cố gắng đó đã trở thành vô nghĩa. Đó là loại vũ lực tàn bạo nhất; trước những thứ vũ khí đó, lý tưởng của một con người chẳng có nghĩa lý gì.

Nhưng tôi có cảm giác không phải là một sự tình cờ khi mọi việc diễn biến như nó đã xảy ra. Khi đọc nhật ký của ông nội, hay nhìn những người lớn tuổi quây lấy Mẫn và chị cô trong đám cưới ở làng, tôi cảm thấy tựa như đang chứng kiến mối quan tâm lo lắng đến gia tộc và dân tộc bao trùm tất cả, và chúng bó buộc rất nhiều người - hàng triệu hàng triệu người - trong những cuộc đời mà họ không bao giờ muốn lựa chọn. Nếu không phải vì lợi ích của dân tộc, ông nội tôi sẽ không trở thành một kỹ sư mỏ, và ông sẽ không phải đến mỏ Phú Thuận. Nhưng ông sinh ra là người Trung Quốc, vì vậy ông đã làm những điều đó. Đó cũng là lý do tại sao bác Lập Giao và bác Triệu Hồng Chí lại ở lại vào mùa thu năm 1948, đó cũng là lý do vì sao cha tôi lại kìm nén nhiều cảm xúc như vậy. Nó cũng dẫn đến việc bác Nellie của tôi bày tỏ cảm xúc của mình qua thi ca, và nó cũng khiến cho các con của bác Lập Giao không nhắc nhiều đến quá khứ. Chỉ có Trương Hồng chọn cách nhớ lại những ký ức đau buồn, và đối với ông ta ký ức này đã trở thành một loại tra tấn.

Và có lẽ, tôi, cũng như vậy, có nhiều tính cách Trung Quốc hơn là tôi biết. Bởi vì giờ đây tôi đã hiểu tất cả những điều đó - hiểu tại sao một con người lựa chọn không kể lại câu chuyện của mình, hay không thể kể lại, hay không thừa nhận về bất kỳ cảm xúc nào, bởi vì cảm xúc sẽ lấn át bạn theo một cách khác. Tôi hiểu bài thơ mà bác Nellie viết cho cha mình, trong đó bác cố gắng kiềm chế cảm xúc của mình, gò ép nỗi buồn cá nhân thành một điều thích hợp và có tầm quan trọng hơn. Trong những vần thơ cuối cùng, bác không kiềm chế nổi - *Nhưng con ghét điều ấy! Cha ơi* - cảm xúc dâng trào, vết thương bí mật đột nhiên mở toang cho cả thiên hạ biết.

Tìm hiểu về câu chuyện của gia tộc cũng thay đổi cách nhìn của tôi về các đô thị nhà máy ở miền Nam. Có nhiều điều để không ưa thế giới những người di trú của Mẫn và Xuân Minh: chủ nghĩa vật chất, tham nhũng, tính thô tục của cuộc sống hằng ngày.

Nhưng giờ đây họ có cơ hội để rời làng quê thay đổi vận mệnh của mình, để tưởng tượng ra một cuộc sống khác hẳn và biến nó thành hiện thực. Cuộc hành trình mà ông nội tôi đã thực hiện là một trong nhiều triệu cuộc hành trình mà các thanh niên thực hiện hằng ngày - họ rời nhà, họ đến một miền đất lạ, họ làm việc chăm chỉ. Nhưng giờ đây mục đích của họ không phải là thay đổi vận mệnh của đất nước Trung Quốc. Họ quan tâm đến vận mệnh của chính mình, và tự đưa ra những quyết định. Nếu đó là một thế giới xấu xí, ít nhất đó vẫn là thế giới của riêng họ.

Có lẽ đất nước Trung Quốc trong thế kỷ hai mươi đã phải trải qua quá nhiều điều sai lầm khiến nhân dân không thể bắt đầu lại như xưa, lần này họ theo đuổi những mục đích cá nhân và loại bỏ gánh nặng của gia đình, lịch sử, và dân tộc. Trong một thời gian dài tôi đã nghĩ Đông Quân là một thành phố không có quá khứ, nhưng giờ đây tôi nhận ra rằng không hẳn là như vậy. Quá khứ luôn ở đó, gọi nhớ lại cho chúng tôi: lần này - có lẽ, hy vọng là như vậy, chống lại mọi bất lợi - chúng ta sẽ đi đúng hướng.

Người họ hàng cuối cùng mà tôi nói chuyện về lịch sử gia tộc là cô Irene, em gái cha tôi. Cô chỉ mới bảy tuổi khi cha mất, và cô chỉ có một ký ức về ông: ông quay về nhà sau một chuyến công tác với hàng ria mép chưa cạo, ông thom vào bụng khiến bà cô ngất ngèo.

Sau khi mất, ông nội tôi vẫn tồn tại trong cuộc sống của các con mình. Khi cô Irene quá mệt mỏi với việc học hành, bà nội tôi sẽ nói: “Cha con đã hy sinh vì Tổ quốc. Con phải học hành chăm chỉ để noi gương cha.” Bắc Kinh có mười hai tuyến xe điện, tất cả đều được đặt tên theo các liệt sĩ hy sinh vì Tổ quốc, chú Luke của tôi nhớ rằng đã từng đi trên tuyến xe điện Trương Sơn Phu khi còn nhỏ. Một mỏ trong khu liên hợp Phủ Thuận được đặt tên là mỏ Sơn Phu, một con đường ở Thẩm Dương được đặt tên là đường Sơn Phu, và nhà ga biệt lập nơi ông bị lôi ra khỏi tàu hỏa và bị giết chết được đổi tên là Trương Sơn Phu. Với sự hy sinh của mình, ông nội tôi đã được khắc ghi vào sông núi Trung Hoa. Nhưng rồi tất cả những cái tên này đã bị đổi lại sau khi Đảng Cộng sản giành được quyền lực.

Một lần khi cô Irene đang học trung học cơ sở ở Đài Loan, lớp học của cô đi tham quan. Họ nhìn thấy một hiện vật trưng bày về một người đã bị giết, với mô tả về vụ giết người và những bức ảnh về cái xác đầy vết thương của ông. “Cô đã nghĩ, “Người đàn ông tội nghiệp”,” cô Irene nhớ lại, “rồi cô nhìn thấy tên của cha mình.” Cô ngất đi. Những bức ảnh đó là một phần trong chiến dịch tuyên truyền chống cộng của chính phủ, nhưng trước đó cô Irene chưa bao giờ nhìn thấy chúng. Cô thậm chí còn không nhận ra gương mặt cha mình - chỉ nhận ra tên của ông.

Trong số những người con đã rời Trung Quốc, cô Irene là người duy nhất biết về mẹ mình khi đã là người lớn. Chị và các anh trai đi sang Mỹ rồi, cô ở một mình với mẹ và

được nghe rất nhiều câu chuyện của mẹ. Sau khi sang Mỹ, cô Irene quay lại Đài Loan và ở bên bà nội tôi vào mùa hè khi bà mất. Nhiều người đã chia sẻ ký ức của mình với tôi, nhưng ký ức của cô Irene lại khác. Theo lời kể của cô, bà nội tôi là một người phụ nữ có tư tưởng độc lập, người đã chống lại truyền thống và luôn mong muốn được đi ra nước ngoài, ông nội tôi là một người trẻ tuổi nổi loạn, người mà lý tưởng yêu nước đã tạo nên một hố sâu ngăn cách với gia đình ông. Gánh nặng của thế hệ ông nội tôi đã khiến mọi việc đều được nhìn nhận bằng các thuật ngữ chính trị, nhưng những câu chuyện của cô Irene đã mang lại sắc thái cá nhân cho cuộc sống của họ.

Hồi tiếc cho đến tận cuối đời. Nhiều người đã nói với tôi rằng những từ này, được khắc trên các đồ tùy táng của ông cố nội tôi, thể hiện sự hối tiếc của ông đối với việc quân Nhật chiếm đóng Mãn Châu. Nhưng cô Irene có cách diễn giải khác. Khi ông nội tôi quay về nhà sau bảy năm ở nước Mỹ, cha của ông muốn ông ở lại Lục Đài để trông nom điền sản của gia đình, ông cố nội đã rất giận dữ khi chàng thanh niên quyết định đi xa nhà. Cuộc xâm lược của Nhật Bản đã cắt đứt liên lạc giữa cha và con mà không cho họ cơ hội hòa giải. “Đó là sự hối tiếc với cách đối xử với con cái của ông,” cô tôi nói. Câu chuyện của cô về cái chết của ông nội tôi cũng có sự khác biệt. Khi ông nằm đó hấp hối vì các vết thương, theo nhiều nguồn tài liệu mà tôi đã đọc, ông nội tôi nghĩ về bốn phận của mình đối với đất nước. *Tôi là người của chính phủ trung ương,* ông đã nói. *Chết vì bốn phận của mình, tôi không có điều gì hối hận.* Nhưng cô Irene nói với tôi rằng ông đã cố gắng viết điều gì đó lên một mảnh giấy, dùng chính máu của mình để viết. Một trong những người thuộc nhóm của ông trốn thoát được mà không bị thương, và ông ta đã đưa mảnh giấy đó cho bà nội tôi. Mảnh giấy đó chỉ có vài chữ. “Mẹ của cô không thể luận được nhiều chữ trong đó,” cô Irene nói, “nhưng bà có thể đọc thấy tên mình.”

Trong tất cả những điều mà tôi đã đọc và nghe về ông nội tôi, tôi không tìm thấy dấu vết nào của cá nhân - cả cuộc đời ông dường như tập trung vào việc cứu dân tộc Trung Hoa. Đó là hình ảnh của một người đàn ông thể hiện trong những bức thư và trong các cuốn nhật ký của ông. Tôi muốn yêu thích ông, nhưng tôi càng tìm hiểu về ông bao nhiêu thì ông dường như càng xa lạ bấy nhiêu. Ông giống như một người biến mất bên trong câu chuyện của chính mình, và điều này đối với tôi thật kinh khủng. Nhưng có lẽ còn một vài điều nữa - một vài điều mà tôi không thể thấy, từ những ánh sáng le lói trong các câu chuyện mà cô Irene kể cho tôi.

TÔI KHÔNG ĐỊNH nói chuyện với cô Irene, bởi lúc ấy cô còn quá nhỏ chắc gì có thể nhớ về cuộc sống và cái chết của cha mình. Tôi đã nói chuyện với cha tôi, bác Nellie, bác Luke, gia đình bác Lập Giao, và nhiều người họ hàng khác. Tất cả mọi người đều có cách che đậy những câu chuyện của mình, thậm chí ngay cả khi kể lại các câu chuyện đó.

Chúng tôi không biết nhiều về lịch sử của gia đình. Chúng tôi chưa bao giờ có cơ hội nói chuyện về điều đó.

Thực tế là kinh nghiệm của tôi với Trung Quốc rất nông cạn.

Cha của ông nội tôi. Không ai biết tên ông ấy cả.

Hàng tháng sau khi tôi đã nói chuyện với tất cả mọi người, một hôm cô Irene gọi điện cho tôi. Cô nghe tin tôi đang viết một cuốn sách, nên cô muốn nói về bà nội tôi.

“Hãy để cô kể cho cháu nghe,” cô nói, “các anh trai và chị gái của cô không biết về bà nội như cô biết đâu.” Tôi không có ý nghĩ là sẽ hỏi về bà nội. Bà không bao giờ đi xa nhà, bà không để lại giấy tờ viết tay nào cả. Cuộc đời bà có nhiều điều để tìm hiểu chăng? Nhưng nhiều trong số những chi tiết sống động nhất về lịch sử gia tộc tôi - mâu thuẫn giữa bà nội tôi và cha chồng, việc ông nội tôi bị đánh theo gia pháp - đều do cô Irene cung cấp. Sau cuộc trò chuyện qua điện thoại đầu tiên của chúng tôi, cô gửi cho tôi một e-mail. Về mặt cảm xúc, bức thư này không hề giống với bất kỳ cảm xúc nào mà những người khác trong gia đình đã bộc lộ.

Mẹ của cô (là bà nội cháu) sinh ra trong một gia đình Trung Quốc hết sức truyền thống, với gia quy hà khắc. Bà đã được hấp thụ nền giáo dục rất cao, một điều hết sức bất bình thường đối với một phụ nữ vào thời đó. Sau đó bà rất thành công trong sự nghiệp. Bà đã một tay dạy dỗ các con nên người trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt với nguồn tài chính hạn hẹp. Cô rất yêu bà và vô cùng kính trọng bà. Cô chỉ hiểu rõ bà sau khi các anh trai và chị gái rời khỏi nhà.

Sau cuộc trò chuyện ngắn ngủi của chúng ta, cô bắt đầu nghĩ về những thay đổi, thách thức mà phụ nữ Trung Quốc phải đối mặt, có lẽ đó là lý do tại sao phụ nữ Trung Quốc lại mạnh mẽ như vậy. Trong gia đình chúng ta, bà nội, cô, và cháu, ba thế hệ này bao trùm cả trăm năm lịch sử với những biến động quan trọng nhất trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Trung Quốc. Chúng ta đã hy sinh, đau khổ, rồi chúng ta lại đứng dậy.

Cô mong nhận được hồi âm của cháu và nói chuyện với cháu.

Thương yêu,

Cô Irene

Cô nói với tôi rằng cô đã “nghỉ hưu một nửa” trên cương vị CEO của một công ty công nghệ sinh học của Mỹ. Nhưng chúng tôi vẫn phải lên lịch cho cuộc điện đàm trước một tuần; chồng cô, người đã nghỉ hưu hoàn toàn, sắp xếp các việc hậu cần giúp cô. Ở Trung Quốc ngày nay, những người phụ nữ như cô tôi gọi là *nu qiangren* (nữ cường nhân). Vào thời gian đã hẹn trước, tôi nhắc điện thoại gọi cho cô Irene, và đây là cách cô bắt đầu câu chuyện của mình: Cô sẽ kể cho cháu những gì cô biết.

15. Sức khỏe hoàn hảo

Thỉnh thoảng Xuân Minh lại nói tiếng Anh trong lúc ngủ mơ. Cô thấy mình đang ở một nơi với người nước ngoài, giống như thư viện Đông Quán, cô trò chuyện với họ bằng tiếng Anh và họ đáp lại.

Tôi hỏi Xuân Minh cảm giác thế nào khi mơ thấy một ngôn ngữ mà bạn không thể nói.

“Em không thể mô tả được,” cô nói. “Tất cả những gì em biết là trong giấc mơ đó em nói tiếng Anh.”

Trong một số buổi học mà cô đã tham dự ở lớp Tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp, Xuân Minh vẫn còn chưa thuộc hết bảng chữ cái. Để phát âm, cô dựa vào bảng chữ cái phiên âm quốc tế, hệ thống ký hiệu thường được sử dụng để học ngoại ngữ. Những ký hiệu kỳ quặc này trở thành chìa khóa của cô đối với việc học tiếng Anh, một dãy các cánh cửa bị khóa mà đằng sau đó ngôn ngữ đang chờ đợi để được giải thoát là tuôn ra như thác lũ. “Em nghĩ rằng bí quyết của việc học tiếng Anh là các ký hiệu ngữ âm,” Xuân Minh nói với tôi. Có nhiều người nói về việc học tiếng Anh, nhưng không có ai mà tôi từng gặp lại mang vào đó nhiều ý nghĩa hơn Xuân Minh.

Nếu tôi học tiếng Anh, tôi có thể nhìn thấy thế giới nhiều hơn. Tôi có thể tận hưởng cuộc sống nhiều hơn. Tôi muốn tìm kiếm nhiều loại hình hạnh phúc mới. Nếu tôi không học tiếng Anh, tôi sẽ luôn cảm thấy giới hạn của cuộc đời mình.

Tháng Chín năm 2005, chín tháng sau khi cô tới thăm Bảo tàng Khoa học Đông Quán, Xuân Minh lại đến gặp ông Ngô. Có khoảng một tá các cô gái trẻ đang theo học tại trường này, các lớp học vẫn được tổ chức tại căn hộ của ông ta. Họ học và ở trọ tại đó miễn phí và lần lượt nấu các bữa ăn. Để đổi lại, họ biên soạn giáo trình cho dự án soạn sách giáo khoa của ông Ngô. Các học viên sống trong các phòng ngủ chật hẹp đằng sau phòng học. Mỗi phòng có bốn chiếc giường tầng, với quần áo treo đầy trên các khung giường và các xô nước đặt trên sàn nhà. Các căn phòng này giống như căn phòng trong ký túc xá của công nhân nằm trong khuôn viên một nhà máy.

Ông Ngô vắng nhà khi chúng tôi đến. Học sinh cũ của ông, cô giáo tiếng Anh Lưu Nghi Hà, dẫn chúng tôi đi xem một vòng. Ngày hôm nay bị cắt điện, Xuân Minh đi qua các căn phòng ngột ngạt bừa bộn vô cùng.

“Chúng em ở đây hầu như cả ngày,” một học viên tên là Tiêu Dung Lệ nói. “Thầy Ngô không cho chúng em ra ngoài.”

“Ông ấy không cho các cô ra ngoài à?” Xuân Minh trông có vẻ lo lắng.

“Ông ấy cho rằng việc đó không tốt cho chuyện học hành.”

“Một khi cô ra ngoài, cô sẽ bắt đầu nghi ngờ,” Lưu Nghi Hà giải thích. “Đó là lý do tại

sao các cô gái ở đây đều cắt tóc thật ngắn.”

“Ai cũng phải cắt tóc à?”

“Phải, vì vậy họ sẽ không bị phân tán tư tưởng về việc làm đẹp.”

Tôi nói chuyện với Tiêu Dung Lệ bằng tiếng Anh, cô nói nhanh và tự tin. Cô hai mươi tuổi, đến từ tỉnh Tứ Xuyên. Cô đã từng làm việc ở một nhà máy của Samsung và đến học tiếng Anh kiểu đây chuyên lắp ráp một năm về trước. Bây giờ cô học mười tiếng một ngày.

“Cô có học vào ngày cuối tuần không?” Tôi hỏi.

Tiêu Dung Lệ phải hỏi tôi bằng tiếng Trung từ “weekend” (ngày cuối tuần) nghĩa là gì.

Có, cô nói, cô cũng học cả vào ngày cuối tuần.

Tôi hỏi cô tại sao cô lại đến Đông Quán, và cô im lặng một lúc. Đổi sang nói bằng tiếng Trung, tôi hỏi liệu cô có hiểu câu hỏi đó không.

“Đó là một câu chuyện dài,” cô nói nghiêm túc. “Em đang cố gắng tìm hiểu xem làm thế nào để diễn đạt được.”

Cuối cùng, bằng tiếng Anh: “I came to Dongguan to work.” (Em đến Đông Quán để làm việc.)

Cô muốn trở thành một người phiên dịch đồng bộ, một lựa chọn nghề nghiệp kỳ lạ ở Đông Quán, nơi không có nhu cầu nhiều về các phiên dịch tầm cỡ Liên Hợp Quốc. “Thầy giáo của chúng em nói rằng đó là mức cao nhất của việc học ngoại ngữ,” cô nói. “Em muốn đạt được mức cao nhất ấy.” Rõ ràng là Tiêu Dung Lệ không nghĩ nhiều về việc cô sẽ làm gì với tiếng Anh, điều đó sẽ tính sau. Giờ đây cô chỉ quyết tâm một cách đơn thuần.

SAU ĐÓ CHÚNG TÔI GẶP ÔNG NGÔ tại một quán cà phê gần căn hộ của ông ta. Tôi lắng nghe một phần câu chuyện khi ông ta nói với Xuân Minh về bộ óc, tay phải, tay trái, nhãn cầu. Tôi để ý rằng sau mỗi câu ông ta đều khẽ mỉm cười - có lẽ ông ta đã đọc trong một quyển sách rằng như vậy sẽ khiến người ta yêu thích ông ta hơn.

“Các học viên của chúng tôi có thể làm sáu trăm câu trong vòng một giờ.” Mỉm cười.

“Sáu trăm câu cơ à...”

“Không phải tất cả, chỉ những người xuất sắc nhất,” ông Ngô đính chính lại một cách nhanh chóng.

“Ý ông là, họ có thể đọc sáu trăm câu trong vòng một giờ?” Xuân Minh hỏi.

“Đọc ư? Không! Họ có thể đọc một trăm lẻ tám câu trong một phút! Tôi đang nói về chuyện viết lách.”

Xuân Minh quay sang tôi. “Chị có thể viết được sáu trăm câu trong vòng một giờ

không?”

“Tôi đảm bảo rằng cô ta không thể làm được đâu,” ông Ngô nói đầy vẻ tự mãn. Mím cười.

Tôi cân nhắc việc chỉ ra rằng điều này có lẽ không phải là kỹ năng quan trọng nhất, nhưng tôi quyết định không nói gì. Đầu tôi bắt đầu đau buốt.

“Vậy điều ông vừa nói có nghĩa là tiềm năng của hầu hết mọi người đều đang không được phát triển,” Xuân Minh nói. “Tôi đồng ý với điều đó.” Cô có vẻ ấn tượng với lời quảng cáo của ông Ngô, và cô hỏi về học viên giỏi nhất của ông ta. “Thế Lưu Nghi Hà thì sao? Ông có cho rằng cô ấy đã làm tốt không?”

“Cô ấy thì cũng ổn,” ông Ngô nói. “Rất cuộc là, cô ấy đã học ở trường của tôi được một năm. Nhưng về mặt viết câu, cô ấy không thể sánh được với các học viên khác. Cô Tiêu Dung Lệ đó có thể viết được sáu trăm câu trong một giờ đấy.”

Xuân Minh hỏi về các quy tắc của trường. Ông Ngô cấm các học viên ra ngoài vào ban đêm và đánh thức họ dậy vào sáu giờ sáng hằng ngày để tập thể dục. Họ được phép ra ngoài mỗi tuần một lần, vào các tối Chủ nhật, để mua vật dụng cá nhân cần thiết, mỗi cô gái được gọi điện thoại về nhà mỗi tháng một lần. Các cô bị cấm có khách đến chơi. Tất nhiên, ông Ngô nói, học viên lớn tuổi hơn như Xuân Minh có thể thuê một căn hộ gần đó và chỉ cần lên lớp vào ban ngày. Nhưng nếu không có sự tận tâm tuyệt đối, thì ông hoài nghi về các cơ hội của cô. “Học hành là một công việc gian khổ,” ông ta nói gay gắt, lần này ông ta quên phải mím cười.

XUÂN MINH THÍCH Ý TUỞNG của sự toàn tâm toàn ý và sự biến đổi, nhưng cô chần chừ trước điều kiện sống trong trường và sự cách trở của khu vực sống đó. Trong lúc đó, cô vừa mới đầu tư vào một công ty mới. Bỏ việc để đi học tiếng Anh - một vụ đầu tư mà phải ít nhất một năm nữa mới nhận được lãi - sẽ khiến cho tất cả bạn bè cô ngạc nhiên. Trên chuyến xe buýt trở về nhà, cô nghiền ngẫm về việc này. “Bạn bè mà nghe tin em vừa mới mở một công ty rồi lập tức rút lui để đi học tiếng Anh, thì họ sẽ nghĩ em là con người rất kỳ quặc.”

“Nhưng tôi cá là họ sẽ cảm thấy ghen tị đấy,” tôi nói, nghĩ lại tất cả các lần mà những con người xa lạ bộc lộ sự ngưỡng mộ đối với tiếng Anh của tôi.

“Em không biết,” Xuân Minh nói. “Nhưng sau khi em học tiếng Anh và kiếm được việc làm mới, đó là khi họ sẽ thấy được thành quả của em.” Ở bên ngoài cửa sổ xe buýt, các nhà máy đã lên đèn. “Em có thể cắt đứt mọi liên lạc với bạn bè trong vòng hai năm,” Xuân Minh nói, “khi học xong em có thể gặp lại họ.” Cô đang chuẩn bị, có lẽ vậy, từ bỏ thế giới. Nhưng cô lại đang ở bên ngoài, đó là nơi mà sự ngờ vực bắt đầu.

Hai tháng sau tôi mới gặp lại Xuân Minh. Cô về nhà để thăm gia đình. (“Ở nhà lúc nào

cũng vậy. Thậm chí còn nghèo hơn trước.") Cô đã nhớ hai cái răng để chuẩn bị đeo nẹp, phương án cô đã chọn thay vì làm răng giả bằng sứ. Vào một buổi tối khi đang quay về Đông Quán, cô ngồi trong xe ô tô của một người bạn khi một chiếc Toyota phóng nhanh qua giao lộ nơi họ đang dừng lại, đâm vào bên trái xe, và rồ máy chạy mất. Người đàn ông ngồi ở ghế trước phải nhập viện, khâu mấy mũi ở đầu. Xuân Minh, người ngồi ở băng sau gần chỗ chiếc xe bị đâm, bị trật khớp vai.

Tôi gặp cô hai ngày sau vụ tai nạn. Cô vẫn còn đau, không thể nhấc tay lên được. "Khi nghĩ về chuyện này, em cảm thấy thực sự sợ hãi," cô nói. "Cô phải thực sự trân trọng những gì mình đang có." Chúng tôi ngồi trên chiếc tràng kỷ trong căn phòng ở tầng trên của cửa hàng bán phụ tùng máy móc. "Em đã bắt gặp một cơ hội mới," Xuân Minh nói. "Bất cứ khi nào em nghĩ về nó, em lại cảm thấy giấc mơ của em đã trở lại."

Tôi chờ đợi.

Cô thì thầm hai từ: "Bán hàng trực tiếp."

Hoàn Mỹ, công ty cô đã làm việc vào năm 1996, không bị giải thể sau khi có lệnh cấm của chính phủ đối với *truyền tiêu*, bán hàng mạng lưới. Nó đã trang bị lại ngành kinh doanh của mình và mở rộng phạm vi sang một loạt mặt hàng chăm sóc sức khỏe: các thức ăn giàu chất xơ, thuốc axit amin, các sản phẩm bổ trợ từ phấn hoa. Công ty đang làm ăn phát đạt, cả ba ông chủ sáng lập công ty là người Malaysia gốc Hoa đều lái xe Mercedes-Benz. Xuân Minh bắt đầu ăn sáng hằng ngày bằng bột dinh dưỡng Hoàn Mỹ pha với nước và bán các sản phẩm cho bạn bè cô.

Trong chốc lát cô đã trở thành chuyên gia về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Chỉ có năm phần trăm dân số khỏe mạnh và bảy mươi phần trăm "sức khỏe tốt giả tạo," cô nói cho tôi biết. Triệu chứng của sức khỏe tốt giả tạo, theo một trong những cuốn sách chăm sóc sức khỏe mới của cô, là *dễ mệt mỏi, ngủ mơ nhiều, dễ bị kích động, hay bị cảm, thiếu tập trung*. Phần lớn cuộc trò chuyện của cô là về các chức năng của cơ thể, với các giai thoại liên quan đến bạn bè và các nhân vật lịch sử như bà vợ Tưởng Giới Thạch. *Tôi có một người bạn đã không làm sạch ruột trong bốn ngày liền. Tổng Mỹ Linh thường làm sạch ruột của bà ấy để loại bỏ chất độc.*

Xuân Minh bắt đầu tham dự các buổi học thúc đẩy động lực cho các nhân viên bán hàng của Hoàn Mỹ. Cô lấy bút của tôi và viết:

Đọc 10.000 quyển sách không bằng đi 10.000 dặm.

Đi 10.000 dặm không bằng gặp 10.000 người.

Gặp 10.000 người không bằng có được một người thành đạt chỉ cho bạn đường đi nước bước.

Có được một người thành đạt chỉ cho bạn đường đi nước bước không bằng cùng người đó đi tới thành công.

Cô đặt bút xuống. “Đó là nội dung của buổi học.”

Tôi hỏi Xuân Minh làm thế nào mà cô lại quay lại lĩnh vực này. Vài tháng trước, một người bạn cũ từ thời *truyền tiêu* liên lạc với cô. Anh ta quay lại Hoàn Mỹ và muốn cô là thành viên trong mạng lưới của anh ta. Các nhân viên bán hàng hưởng lợi tức trên doanh số của tất cả các nhân viên cấp dưới, và anh ta nhớ rằng Xuân Minh rất có tài năng trong lĩnh vực bán hàng. Anh ta bảo cô rằng, ngành công nghiệp bán hàng trực tiếp bây giờ là hợp pháp và đưa cho cô đĩa DVD quảng cáo của Hoàn Mỹ. Cô lúc đó đang chú tâm vào công ty mới nên bảo anh ta cô không hứng thú với việc này.

Một hôm, Xuân Minh nghe trên mục tin tức rằng chính phủ đã thông qua một đạo luật hợp pháp hóa việc bán hàng trực tiếp; bạn cô, hóa ra là đã nói sự thật. Cô tìm lại chiếc DVD mà anh ta đưa cho cô và bật lên xem. “Vào những năm 1980, những người sản xuất băng cassette đã kiếm được rất nhiều tiền,” người kể chuyện trong bộ phim nói. “Vào những năm 1990, Internet đã tạo ra nhiều triệu phú. Thế kỷ hai một là kỷ nguyên phát triển rực rỡ của bán hàng trực tiếp. Nếu bạn loại bỏ bán hàng trực tiếp, là bạn loại bỏ cơ hội thành công.” Bộ phim không phủ nhận rằng mọi người nghi ngờ ngành công nghiệp này - trên thực tế, những nghi ngờ này là hạt nhân của những lời tranh luận. Càng nhiều người từ chối Hoàn Mỹ, thì càng nhiều cơ hội cho những người nắm lấy nó đầu tiên. Đây là một sự khơi gợi kiểu kinh Phúc âm, với một điểm khác biệt: nếu bạn đến với Chúa Jesus muộn trong đời, bạn vẫn có thể được cứu rỗi. Nhưng nếu bạn chậm chân trong việc gia nhập đội ngũ bán hàng trực tiếp, bạn sẽ mất mát về mặt tài chính cho tất cả những người xây dựng mạng lưới của họ trước bạn.

“Ngày nay từ trong tâm khảm bạn biết về cơ hội này,” người đàn ông trong bộ phim nói. “Bạn không thể giả vờ là mình không biết.”

XUÂN MINH BÁN CỔ PHẦN CỦA MÌNH ở công ty bán phụ tùng khuôn cho Phú Quý, đối tác làm ăn của cô. Cô rời khỏi cửa hàng và thuê một căn hộ rộng rãi ở khu phố buôn bán của Đông Quán. Tại lối vào, cô treo một tấm poster trải dài từ sàn đến trần nhà với hình ảnh khu nhà máy liên hợp Hoàn Mỹ bên dưới khẩu hiệu “Nguyên nhân Hoàn Mỹ, Cuộc sống Hoàn Mỹ”. Cô mua những chiếc tủ kính cao, chất vào đó sữa tắm, thức ăn dinh dưỡng, và hỗn hợp đồ uống dạng bột. Các tấm poster dán quanh căn hộ quảng cáo lô hội, phấn hoa, sữa ong chúa, trà bổ dưỡng, quả sa cước, và “viên nang mềm vị tỏi” - “loại này tốt cho những người quá cân và đang chữa bệnh ung thư,” Xuân Minh bảo tôi. Từ khu thương xá bán phụ tùng máy móc, cô đã chuyển tới sống ở một nơi trông giống như gian hàng triển lãm sản phẩm.

Hằng ngày cô dùng bốn sản phẩm của công ty: một bữa ăn giàu chất xơ để làm sạch bộ máy tiêu hóa, một loại trà bổ dưỡng, một loại bột gồm lô hội, khoáng chất, phấn hoa rất tốt cho da, và bột dinh dưỡng cho bữa sáng. Cô trông cũng không khỏe hơn hay yếu hơn so với trước kia, nhưng cuối cùng cô đã đi nẹp răng, làm tóc xoăn và nhuộm màu da cam,

màu bánh bí ngô. Cuốn kinh thánh mới của cô là *Con đường dẫn tới giàu có bằng việc bán hàng trực tiếp: Các luận cứ chủ yếu*, và cô học thuộc những sự kết hợp của thức ăn có thể ảnh hưởng xấu đến việc hấp thụ chất dinh dưỡng của cơ thể. Trong mọi trường hợp, cô cảnh báo tôi, không được ăn thịt chó với tôi. Tôi không được uống rượu cao lương và cà phê cùng một lúc. Danh sách “Một trăm điều cảnh báo đối với sức khỏe” chứa đầy đủ các triệu chứng dẫn đến chứng nghi bệnh: *da khô hay da dầu - “Xem này, em nghĩ chị có triệu chứng này,” Xuân Minh nói - hơi thở nặng mùi, hay nổi nóng, khó ngủ, khó tập trung, hay bị chảy nước mắt.*

Sau khi chịu đựng hai buổi truyền giáo của Xuân Minh, tôi kết luận rằng, các nhà sáng lập ra công ty Hoàn Mỹ - những người Malaysia lái xe Mercedes, đại loại như thế - phải là các thiên tài. Sức khỏe là nỗi ám ảnh dân tộc ở Trung Quốc. Hầu hết người dân không có bảo hiểm sức khỏe và sống trong nỗi sợ hãi bị phá sản vì bệnh tật. Người Trung Quốc thích bàn luận về ốm đau và các phương thuốc dân gian các câu hỏi về khả năng sinh đẻ hoặc tình trạng đường ruột của một người được coi là những câu hỏi hoàn toàn bình thường, thậm chí là đối với những người mới gặp. Di sản nghìn năm của y học cổ truyền dựa trên việc điều chỉnh sự cân bằng giữa thức ăn và thảo mộc, khiến mọi người đều tự cho mình là chuyên gia. Trong chốc lát người Trung Quốc đã chuyển sang một thế giới dư dả ăn uống mà họ chưa kịp quen, nơi mà đồ ăn hại cho sức khỏe cũng giống như một thứ virus mà cơ thể họ chưa được miễn dịch. Ai cũng có thể thấy được những điều sẽ giúp họ cải thiện sức khỏe - bỏ thuốc lá, tập thể dục, ăn ít chất béo - nhưng toa thuốc của Hoàn Mỹ thì quyến rũ hơn, một phương thức chữa bệnh màu nhiệm trong vỏ bọc khoa học. Và nó có thể làm cho bạn trở nên giàu có.

“Trong vòng ba năm, em sẽ đạt được mục đích tự do và độc lập về mặt tài chính,” Xuân Minh nói. “Đến năm 2008, tối thiểu em sẽ có thu nhập từ một trăm nghìn đến hai trăm nghìn nhân dân tệ một tháng. Đến lúc đó em sẽ có ô tô riêng, và tự do trong việc sử dụng thời gian của mình. Em có thể đi bất cứ đâu em muốn, bất cứ khi nào em muốn.”

Cuối cùng tôi đánh bạo hỏi cô: “Tại sao cô lại chọn bán hàng trực tiếp thay vì tiếng Anh?”

Cô gật đầu. Đây là một thói quen mới: khi nào tôi đặt câu hỏi thì cô sẽ gật đầu, vì giờ đây cô luôn có câu trả lời. “Nếu chị không làm bán hàng trực tiếp hôm nay, chị không thể làm việc đó vào ngày mai,” cô nói. “Nếu em tham gia hôm nay, em có thể thuyết phục bạn bè tham gia mạng lưới của mình. Nếu em đợi đến ngày mai, thì ngược lại em sẽ thuộc mạng lưới của họ. Trong một hoặc hai năm sau khi em kiếm đủ tiền, em sẽ học tiếng Anh thì chẳng phải là tốt hơn sao?” Một ý tưởng mới đã bước vào thế giới của cô và cô sắp xếp lại cuộc sống quanh nó. Các lớp học tiếng Anh, hay là quả sa cực và viên nang mềm vị tỏi - mỗi thứ đều là một cách để trở thành một con người khác. Giờ đây cô dường như không còn nhớ gì đến những điều đã xảy ra trước đó.

Ngay sau khi vào làm tại Hoàn Mỹ, Xuân Minh tham gia hội nghị bán hàng do công ty tổ chức. Xe ô tô loại lớn từ khắp mọi miền đất nước đổ về Trung Sơn, cách Đông Quán về phía Nam một tiếng đi xe, nơi có trụ sở chính của công ty, có cả một nhà máy sản xuất và khách sạn năm sao thuộc sở hữu của công ty nữa. Chỉ những người bán được nhiều nhất mới được mời - nhấn mạnh vào cấp bậc là một trong những nguyên tắc tổ chức của công ty - nhưng nhiều nhà quản lý đã thuê xe để đưa những người nhân viên mới đi, để họ có thể “tự bản thân trải nghiệm về Hoàn Mỹ.” Vẫn có hàng triệu người Trung Quốc xem một chuyến đi trên xe ô tô qua đêm đến nhà máy là một kỳ nghỉ.

Không ai ra về mà lại không mang theo ấn tượng: chỉ những công ty kinh doanh sản phẩm chăm sóc sức khỏe cực kỳ thành công mới có thể sở hữu một khách sạn sang trọng. “Đây là nơi tất cả các quản lý nghỉ lại khi họ đến tham dự các lớp đào tạo,” Xuân Minh nói. “Tôi sẽ sớm trở thành một nhà quản lý trẻ.” Cô đang mặc một chiếc áo vest mỏng bằng vải chéo go hợp thời trang với tóc buộc đuôi ngựa thật chặt, theo kiểu Pippi Tất dài, mắt cô mở to đầy háo hức giống như cô gái lần đầu đến hội chợ tỉnh. Chỗ đỗ xe của khách sạn Kim Cương Vàng đông nghịt người: những ông già mắt kèm nhèm, những người di trú trong bộ com lê lưng thụng, các bà nội trợ, phụ nữ nông dân với những bờ vai nghiêng nghiêng và làn da thô ráp do làm việc đồng áng nhiều. Họ là những thành viên ít được ưu đãi nhất trong xã hội, được tụ tập với nhau bởi sự sùng bái đối với Hoàn Mỹ. Tôi chợt lóe lên ý nghĩ rằng đám đông này là một dạng thị trường phản việc làm.

Xuân Minh len lỏi trong đám đông chỉ tỏ các gương mặt nổi tiếng. “Ồ! Em đã thấy người phụ nữ kia trong ảnh! Bà ấy kiếm được năm trăm nghìn nhân dân tệ một tháng.” Cô tiến lên đi về phía một phụ nữ trung niên khác. “Em đã nghe chị nói chuyện về đề tài ‘Sản phẩm làm thay đổi đời tôi’, “ Xuân Minh nói. “Em rất xúc động.” Người phụ nữ cười nhũn nhặn.

Xuân Minh quay sang tôi. “Bà ấy trước kia làm nghề rửa bát.”

Chúng tôi đi vào khách sạn, để chiêm ngưỡng tiền sảnh khách sạn làm bằng đá cẩm thạch. Hàng người xếp hàng trước cửa nhà vệ sinh nữ rất dài, Xuân Minh nhận cơ hội này gặp gỡ mọi người - để *duanlian* (*đoàn luyện*), nghĩa là tự mình rèn luyện. “Chị từ đâu đến thế?” Cô hỏi người phụ nữ mặc bộ váy màu hồng có lớp bèo nhún lò xo ở phần hông.

“Hồ Nam,” người phụ nữ trả lời.

“Chỗ nào ở Hồ Nam thế?”

“Trường Sa.”

“Tôi nghe nói việc kinh doanh ở Trường Sa đang thực sự khởi sắc!” Xuân Minh nói. “Da chị đẹp quá!” Người phụ nữ đi vào buồng vệ sinh, và Xuân Minh lập tức quay sang

người phụ nữ đứng đằng sau cô. “Chị từ đâu đến thế?”

Đến giữa buổi sáng, khí thế hùng hục ở trụ sở chính của Hoàn Mỹ đã lên đến đỉnh điểm. Những nhóm người đầy phấn khởi tạo dáng chụp ảnh trước cửa vào của tòa nhà, đám đông tràn ngập sảnh khách sạn nơi quảng cáo về Hoàn Mỹ phát liên tục trên các màn hình ti vi. Vào lúc 10 giờ 30 phút các quản lý có doanh số cao nhất bước lên thảm đỏ được trải từ khoảng giữa bãi đỗ xe. Hai bên là các nhân viên mới đứng sắp thành hàng, nhiều người đeo các dải băng đề tên của những người bán hàng giỏi nhất. Tiếng rầm rập vang lên khi các nhà quản lý diễu hành vào tòa nhà để bắt đầu ba ngày đào tạo về việc làm thế nào để bán được nhiều hơn nữa các sản phẩm của Hoàn Mỹ.

Tôi vào cửa hàng và nói với ông chủ “Tôi đến từ công ty Hoàn Mỹ.”

Ông ta nói: “Cút.”

Tôi lặp lại một lần nữa.

Ông ta nói: “Mẹ mày.”

(Cười)

Tôi bước ra ngoài. Tôi nghĩ rằng, người tiếp theo sẽ không đến mức vô văn hóa như vậy. Vì vậy tôi vào cửa hàng kế tiếp nói chuyện với ông chủ. Ông ấy trở thành khách hàng, và đã mua sáu mươi nghìn nhân dân tệ tiền hàng.

(Vỗ tay)

Vào cuối ngày hôm đó, Xuân Minh tham gia một buổi “chia sẻ” cho các nhân viên bán hàng của Hoàn Mỹ. Có hơn một trăm người tụ họp để nghe các bài diễn thuyết truyền cảm hứng trong một thính phòng bừa bộn mà trên sân khấu vẫn còn treo những đồ trang trí từ dịp năm mới. Một người phụ nữ mặc bộ quần áo màu kem bước lên sân khấu. Cô tham gia Hoàn Mỹ vào năm 1996, rồi bỏ công ty sau khi có lệnh cấm của chính phủ, rồi lại quay trở lại, giống như Xuân Minh.

Tôi muốn hỏi những người phụ nữ đang có mặt tại đây: Các bạn có hài lòng với cuộc sống hiện tại không? Bạn có muốn thay đổi cuộc sống hiện tại không?

Có!

Bạn có hài lòng với việc chỉ cần lấy được người chồng tốt không?

Không!

Tôi không tin. Tôi biết có một vài người phụ nữ có mặt tại đây nghĩ rằng chỉ cần lấy được người chồng tốt là đủ. Nhưng nếu bạn không có tri thức và không chịu khó trau dồi, bạn có thể giữ được chồng mình không?

Không!

Đúng như vậy. Chúng ta sống trong một xã hội rất thực dụng.

Tất cả diễn giả đều nói mà không cần cầm theo giấy. Họ dùng cử chỉ của đôi bàn tay, giao tiếp qua đôi mắt và mỉm cười. Họ biết làm thế nào để lặp lại các mẫu câu, để tạo nên nhịp điệu kích thích đám đông. Tay họ không hề run rẩy. Một giáo viên dạy nhạc đã về hưu đi lên sân khấu và biến mất sau bức phát biểu, chỉ thấy được đám tóc xoăn màu xám. Bà sáu mươi tuổi và nói bằng giọng nói nhẹ nhàng, điềm đạm của một giáo viên.

Hồi trước trông tôi già hơn bây giờ nhiều. Tôi thường bị cảm lạnh. Tôi luôn mệt mỏi. Từ đầu đến chân, tôi mắc rất nhiều bệnh: sung huyết, đường ruột, bệnh phổi, bệnh ngoài da, mất ngủ, đau tim, mỏi mắt. Đi bộ chỉ khoảng nửa tiếng là tôi đã thấy mệt.

Vào tháng Mười một năm 2003, một đồng nghiệp giới thiệu tôi với Hoàn Mỹ. Tuần đầu tiên sau khi sử dụng sản phẩm của Hoàn Mỹ, một bên mũi của tôi đã thông. Tuần tiếp theo, bên kia cũng được thông nốt.

(Vỗ tay)

Trong vòng hai tuần, Hoàn Mỹ đã giúp tôi chữa khỏi hẳn chứng cảm lạnh. Sau một vài tháng, tôi có thể đi bộ cả ngày.

(Vỗ tay)

Tôi có thể ngủ ngon cả đêm.

(Vỗ tay)

Tôi rất biết ơn quản lý Trần. Các vấn đề về sức khỏe của tôi rất nghiêm trọng. Ông ấy đã hướng dẫn tôi cách sử dụng nhiều loại sản phẩm khác nhau với đúng liều lượng.

Ở Trung Quốc, những người có xuất thân thấp kém hiếm khi có cơ hội đứng nói trước đám đông. Nhưng ở đây họ đã làm được điều đó, người nào cũng không cảm thấy có lỗi và tràn đầy niềm tin rằng câu chuyện cá nhân của mình là rất thú vị. Họ là những diễn giả tốt hơn nhiều so với hầu hết các giáo sư và quan chức của Trung Quốc mà tôi từng gặp - thậm chí còn tốt hơn cả những lãnh đạo cấp cao nhất của đất nước, những người xuất hiện mỗi năm một lần trong cuộc họp báo được phát sóng trực tiếp, trông giống như những tượng sáp được đẩy từ viện bảo tàng vào khán phòng.

Một người phụ nữ mặc áo phao có làn da hồng hào khỏe mạnh của người nông dân bước lên sân khấu. Bà ta có chất giọng chua ngoa và nói bằng thổ âm Quảng Đông nặng nên rất khó nghe.

Trước kia, sức khỏe của tôi rất tồi tệ. Tuần nào tôi cũng phải đến bệnh viện vì cảm lạnh, hoa mắt chóng mặt, đau đầu. Một người bạn giới thiệu tôi với Hoàn Mỹ, và tôi bắt đầu đi nghe các bài giảng. Qua các khóa đào tạo của Hoàn Mỹ, tôi đã thay đổi chính bản thân mình.

Trước kia, tôi không nói được tiếng phổ thông. Tôi không dám đứng trước đám

đồng như thế này để chia sẻ các kinh nghiệm của mình. Tôi cảm thấy mình rất thấp kém. Chúng ta đều là những con người bình thường. Nhưng nhờ có Hoàn Mỹ, chúng ta đã trở nên khỏe mạnh, chúng ta đã được đào tạo, chúng ta đã kết bạn được với nhiều người. Đó là những thứ mà tiền bạc không thể mua được.

Trong nhiều tháng sau cuộc hội nghị bán hàng đó, Xuân Minh chờ đợi nhà nước ban hành giấy phép kinh doanh cho Hoàn Mỹ. Nếu không có giấy phép này, cô sẽ không thể đào tạo được một mạng lưới các nhân viên bán hàng sẽ giúp cô kiếm được nhiều tiền. Nhưng cô lại bắt đầu nghe thấy tin đồn bất lợi: các lãnh đạo cấp cao của Hoàn Mỹ kiếm tiền không phải bằng cách bán hàng, mà là thu tiền học phí cắt cổ đối với các lớp đào tạo. Có vẻ như là Hoàn Mỹ - “Nguyên nhân Hoàn Mỹ, Cuộc sống Hoàn Mỹ” - cũng không tốt đẹp gì hơn mô hình bán hàng đa cấp.

Một lần nữa, bán hàng trực tiếp lại giăng bẫy Xuân Minh. Cô đã vay tiền bạn bè để thuê và trang trí căn hộ ở khu trung tâm, vì vậy cô đi làm nhân viên bán hàng cho một nhà máy thuộc sở hữu của một gia đình sản xuất keo dán cho giày dép, túi xách. Cô chuyển vào sống trong một căn hộ một phòng ở một tòa nhà lợp ngói cạnh nhà máy sản xuất keo dán đó. Với sự thay đổi cuộc sống mới nhất này, kiểu tóc của cô cũng thay đổi theo. Mái tóc uốn xoắn của Xuân Minh đã dài ra và cô để tóc kiểu tia so le. Nhưng cô chẳng có thời gian mà buồn bã thất vọng. Một người đàn ông mới đã bước vào cuộc đời cô, một người Mỹ tuổi trạc ngũ tuần tên là Cáp-Uy Đới-Mông-Đức (Ha-wei Dai-meng-de).

BẠN SẼ CHUẨN BỊ đối mặt với những gì bạn đã tìm kiếm trong suốt những năm tháng đang đãng đã qua.

Harvey Diamond là một bậc thầy người Mỹ về chăm sóc sức khỏe, người tin tưởng rằng hầu hết các loại thuốc đều độc hại và cơ thể con người có khả năng tự chữa lành. Ông ta đưa ra lời khuyên về việc thường xuyên áp dụng chế độ “ăn kiêng một loại” - chỉ ăn hoa quả, rau củ, nước ép hoa quả, hay thức ăn tươi sống trong một số ngày nhất định - không ăn sản phẩm từ động vật, như là một cách làm sạch cơ thể và chống lại bệnh tật. Bộ sách *Fit for Life (Phù hợp với Cuộc sống)* của ông ta, theo các thông tin được quảng bá, đã bán mười hai triệu bản và được dịch ra ba mươi ba thứ tiếng.

Mùa hè năm 2006, Xuân Minh tình cờ bắt gặp các ý tưởng của ông ta trong một hiệu sách ở Đông Quán. Cô ngay lập tức bị mê hoặc bởi câu chuyện của Cáp-Uy Đới-Mông-Đức, người đã bị khốn khổ vì sức khỏe yếu kém cho tới khi ông khám phá ra phương thức chữa bệnh đã thay đổi cuộc đời ông. Xuân Minh đọc một mạch cuốn sách mới nhất của Cáp-Uy đến hai lần. Cô bắt đầu sử dụng hoa quả hoặc nước ép rau củ quả hằng ngày vào bữa sáng, còn bữa trưa và tối, cô chỉ ăn rau và cơm. Cô uống ba lít rượu nước một ngày và đi đâu cũng mang theo một chai nước, theo đúng chỉ dẫn trong cuốn sách của Cáp-Uy. Triết lý ẩn chứa trong cuốn sách của ông rất hấp dẫn cô. *Hãy có trách nhiệm với sức*

khỏe của bạn, ông ta viết. Hãy làm lại cuộc đời. Hành động của bạn mang theo kết quả. Đây là những nguyên lý của phong trào tự lực của người Mỹ, phản ánh một niềm tin tha thiết với cơ hội thứ hai, những điều rất phù hợp với người di trú trẻ tuổi đến từ vùng nông thôn, những người mới chỉ đang có cơ hội đầu tiên. Ngoài những lời khuyên về việc ăn kiêng liên quan đến rau củ quả, hầu hết những gì Cáp-Uy nói chỉ là những kiến thức thông thường đối với bất kỳ trẻ em Mỹ nào đang độ tuổi đi học: ăn trái cây và rau củ, ăn ít thịt, tập thể dục. Nhưng đối với Xuân Minh, kiến thức dinh dưỡng cơ bản là một khám phá mới mẻ về việc cô có thể tạo dựng cả cuộc đời mình, giống như những gì Cáp-Uy đã làm.

CĂN HỘ TẬP THỂ MỚI CỦA XUÂN MINH rất xoàng xĩnh. Chiếc giường mắc màn chống muỗi choán hầu hết căn phòng, chiếc bàn và cái giá sách kê sát sạt vào một bên. Căn hộ có một phòng tắm nhỏ nhưng không có bếp, một cái bàn thấp đặt cạnh cửa ra vào chất đầy cần tây, cà rốt, cam, táo và cà chua. Khi tôi đến thăm, việc đầu tiên Xuân Minh làm là vo lấy một mớ trái cây và gọt cắt trong bồn rửa cho tôi. Đột nhiên chế độ ăn kiêng gồm toàn rau quả trở thành trật tự tự nhiên của vũ trụ, còn cô đã trở thành một chuyên gia trong lĩnh vực sinh học tiến hóa.

Răng sắc nhọn vốn dùng để ăn thịt, nhưng chúng ta chỉ có hai cái răng sắc nhọn. Điều đó có nghĩa là chúng ta sinh ra để ăn chủ yếu là rau và rất ít thịt.

Gặp bất cứ ai, tôi cũng bảo họ: “Hãy uống thêm nước.” Giờ đây tôi có thể nhìn một người và chỉ cần từ chất lượng của làn da tôi có thể nói được người đó có vấn đề về sức khỏe hay không.

Người Trung Quốc quá nghiện dùng thuốc thang. Khi một đứa trẻ bị sốt, họ tiêm thuốc để hạ sốt. Nhưng sốt là cách mà cơ thể chống lại bệnh tật. Sốt là tốt đối với con người.

Tôi đồng ý với nhiều điều cô nói. Người Trung Quốc quả đã phụ thuộc quá nhiều vào thuốc, và họ có nỗi sợ hãi không lành mạnh đối với việc uống nước. Đối với tôi dường như cả đất nước này bài trừ nước một cách thường xuyên. Người ta thường nói rằng phụ nữ không nên uống nước lạnh vì nó sẽ làm hỏng tử cung, uống nước vào ban đêm sẽ gây đau bụng. Nhưng như mọi khi Xuân Minh trở nên cực đoan. “Sau khi đọc cuốn sách này, em đã không ăn cơm trong vòng một tuần,” cô bảo tôi. “Em chỉ xay trái cây và rau thành nước để uống.” Trong ngày hôm đó, cô đã uống hai cốc nước cà chua và táo.

Cáp-Uy khuyên các độc giả của mình là nên xây dựng việc ăn kiêng theo chế độ thực phẩm tươi một cách từ từ. *Nỗ lực của bạn để tăng cường sức khỏe và tránh bệnh tật không cần phải là một hành trình đầy áp lực. Đó có thể là một việc thú vị. Đây không phải là một cuộc đua!* Có lẽ là ông ta chưa gặp người nào giống như Xuân Minh. Cô đã thấy được lợi ích từ việc này: cô không còn bị chảy nước mũi, không còn bị táo bón và rụng lông mi. Các nốt ruồi của cô cũng nhỏ hơn, vết sẹo trên chân mờ đi, răng cô trở nên trắng hơn. Cô đã ngừng sử dụng kem đánh răng.

Cuộc truy tìm sức khỏe hoàn hảo của Xuân Minh đã được chứng minh là một lợi ích

trong công việc mới của cô. Vào cuối ngày làm việc, cô sẽ đứng ở bên ngoài cổng của một nhà máy giày hay túi xách để hỏi các công nhân họ của ông chủ nhà máy và họ của người đứng đầu phòng sản xuất. Rồi cô sẽ gọi cho các lãnh đạo cấp cao đó, giả bộ đã từng làm ăn với họ hoặc có một người bạn chung. Với sự vô tổ chức của nơi làm việc ở Đông Quán, không ai vặn vẹo gì cô và hầu như ai cũng đồng ý gặp. Sau khi cô đến gặp họ bàn chuyện làm ăn, Xuân Minh sẽ gửi một lá thư cảm ơn cùng với một vài cuốn sách chăm sóc sức khỏe làm quà. Trong lá thư, cô viết:

Tôi biết rằng ông rất bận. Tôi xin giới thiệu với ông bộ sách chăm sóc sức khỏe này và hy vọng rằng ông có thể xem qua trong lúc rảnh rỗi. Tôi nghĩ ông sẽ thu được rất nhiều lợi ích từ những cuốn sách này. Tôi thực lòng muốn giới thiệu những cuốn sách này. Tôi tin rằng đây là những cuốn sách hay nhất về chăm sóc sức khỏe mà tôi từng đọc.

Dù cho chúng ta có hợp tác làm ăn hay không thì cũng không có vấn đề gì. Chúng ta vẫn có thể làm bạn với nhau. Mỗi công ty phải có sự lựa chọn riêng của mình. Tất nhiên, nếu ông muốn cho tôi một cơ hội, tôi sẽ trân trọng nó và sẽ làm hết khả năng của mình để cung cấp cho công ty ông dịch vụ hài lòng nhất.

Cô đã tiếp cận được cả trăm khách hàng tiềm năng theo cách này và đã có bốn khách hàng thường xuyên.

Tôi cố gắng hình dung một độc giả người Mỹ điển hình của Cáp-Uy. Có lẽ đó là một người đàn ông thừa cân đã chán ngấy việc ăn kiêng để giảm cân được một thời gian rồi lại tăng cân^[34], hay một phụ nữ trung niên lo lắng về bệnh ung thư vú có tính di truyền trong gia đình, hay một người đã về hưu hàng sáng thức dậy đều sử dụng hỗn hợp các phương thuốc trị bệnh khác nhau. Tất cả những người này, bạn có thể nói như vậy, là nạn nhân của cuộc sống hiện đại, của các tiến bộ công nghệ y học và thức ăn chế biến sẵn. Họ mong đợi một cách sống khỏe mạnh, đơn giản, và thuần khiết. Xuân Minh đã lớn lên ở nông thôn, nơi mọi người ăn rau và gạo và hầu như không có ai phải đến bệnh viện hay ăn thức ăn mua ở cửa hàng. Giờ đây cô mong muốn cùng một điều với người Mỹ. Cho dù tốt hơn hay tệ hơn, thì đó là một thước đo xem cô đã tiến được bao xa trên bước đường của mình.

Hầu hết những người tôi biết ở Đông Quán đều là những người đầy nỗ lực. Trong một chừng mực nào đó, đây là sự lựa chọn cá nhân: một người tham vọng sẽ có nhiều khả năng cởi mở với những cái mới hơn, và điều đó bao gồm việc nói chuyện với tôi. Tôi không thể nói rằng Mẫn và Xuân Minh là điển hình cho lực lượng đông đảo các công nhân di trú của Trung Quốc. Họ chỉ là những cô gái trẻ mà cuối cùng tôi đã viết về và quan tâm đến, những người tôi biết rõ nhất. Nhưng cuộc sống và những đấu tranh của họ mang tính điển hình cho vùng nông thôn ngày nay - và cho cả nước Trung Quốc của gia tộc tôi nữa, những người nỗ lực để bù đắp cho tất cả những gì đã mất hoặc bị bỏ lại

đằng sau. Cuối cùng thì, xuyên qua thời gian và các tầng lớp giai cấp, đây là câu chuyện của Trung Quốc: rời nhà ra đi, chịu đựng khổ cực, và tạo dựng một cuộc đời mới. Họ cũng chống lại những trở ngại, nhưng có lẽ những thử thách đó cũng không đáng sợ hơn những gì mà những người mới đặt chân lên nước Mỹ một thế kỷ trước đã phải đối mặt.

Thành công hay không, sự di trú vẫn thay đổi số mệnh. Các nghiên cứu về những người di trú gần đây đưa ra giả thuyết rằng hầu hết trong số họ không định quay về nông thôn. Những người thành công sẽ có thể mua căn hộ và định cư ở thành phố nơi họ đang làm việc, những người khác có lẽ cuối cùng sẽ chuyển về các thị trấn và thành phố ở gần làng quê của mình mở cửa hàng, nhà hàng, hoặc buôn bán nhỏ như tiệm làm đầu hay hiệu may. Các doanh nghiệp đó, đến lượt mình, lại có khuynh hướng thuê những người di trú quay trở lại, những người được xem là có khả năng hơn những người chưa bao giờ ra khỏi quê hương.

Khi tôi gần gũi hơn với các cô công nhân, tôi không thể không lo lắng cho họ. Họ chấp nhận những rủi ro đó, và họ bị bao quanh bởi nạn tham nhũng hay những con người bất lương. Họ có những điểm yếu chết người: sự liều lĩnh giúp họ vươn lên trong cuộc sống có thể lại khiến họ thất bại. Mẫn đưa ra các quyết định cốt yếu trong cuộc đời trong nháy mắt, Xuân Minh chớp lấy bất cứ trào lưu thời thượng nào ngang qua đời cô. Lưu Nghi Hà đã quá vội vã khi cải thiện tiếng Anh của mình theo cách cô mong muốn. Về một số khía cạnh, tôi có lẽ còn hiểu họ rõ hơn là những người bạn cũ của họ. Là một người ngoài cuộc cũng có lợi - tôi không liên quan gì đến thế giới của họ nên họ cảm thấy thoải mái khi thổ lộ với tôi. Họ cũng khao khát muốn biết về thế giới của tôi, hỏi tôi về cung cách người Mỹ ăn uống, hẹn hò, cưới hỏi, kiếm tiền, và nuôi dạy con cái. Có lẽ sự tồn tại của tôi khích lệ họ, một sự hứa hẹn rằng có ai đó hiểu và quan tâm đến những gì họ đang phải trải qua. Nhưng trong suốt thời gian mà tôi biết họ, những cô gái di trú không bao giờ nhờ tôi giúp đỡ, và thậm chí hiếm khi xin lời khuyên. Cuộc sống là một điều mà họ phải một mình đối mặt, và họ đã nói điều đó với tôi kể từ lần đầu gặp gỡ. *Tôi chỉ có thể dựa vào bản thân mình.*

Lần đầu tôi gặp Ngô Xuân Minh, cô đang làm việc cho một công ty nước ngoài, kiếm được một nghìn đô la Mỹ một tháng, sống trong căn hộ ba phòng ngủ ở khu vực sầm uất của Đông Quận. Lần cuối tôi gặp cô, hai năm rưỡi sau đó, cô đang làm việc cho một công ty Trung Quốc, kiếm được một trăm năm mươi đô la Mỹ một tháng, sống trong một căn hộ một phòng ở khu vực tập trung các nhà máy giày nhỏ của thành phố với điều kiện làm việc tồi tệ. Dù tính toán theo cách nào chăng nữa, cô đã thụt lùi một quãng dài. Nhưng cô lại thanh thản hơn so với trước kia. Trong thành phố nơi một chiếc Mercedes là thước đo cho mọi thứ trên đời, theo một cách nào đó Xuân Minh đã phá vỡ các rào cản và tự xây dựng chuẩn mực đạo đức cá nhân cho mình.

“Trước kia em luôn thấy thèm khát,” cô nói với tôi. “Nếu em nhìn thấy một cái áo len

mà mình thích, em phải ngay lập tức có được nó. Bây giờ nếu em không ăn những thứ ngon nhất hay mua những thứ tốt nhất, cũng không phải là vấn đề gì to tát. Nếu em nhìn thấy bạn bè hay người thân trong gia đình được hạnh phúc, đó mới là điều thực sự ý nghĩa.” Cô không còn hoảng sợ vì việc vẫn còn độc thân ở tuổi ba mươi hai, và cô cũng chấm dứt các cuộc hẹn hò với những người đàn ông quen qua mạng. “Em tin rằng em sẽ trở nên ngày càng xinh đẹp, ngày càng khỏe mạnh, tình trạng kinh tế của em sẽ ngày một tốt hơn,” cô nói.

Xuân Minh hy vọng một ngày nào đó cô sẽ có con, và thường hỏi tôi về quan điểm nuôi dạy con cái của người Mỹ. “Em muốn con mình lớn lên có cuộc sống hạnh phúc và đóng góp cho xã hội,” cô nói.

“Đóng góp cho xã hội?” Tôi giật mình hỏi cô. “Ý cô là sao?”

“Ý em không phải là cần trở thành một nhà khoa học lớn hay đại loại như vậy,” Xuân Minh nói. “Có bao nhiêu người có thể làm được như vậy? Em nghĩ là nếu người ta sống một cuộc sống hạnh phúc và là người tốt, đó là đóng góp cho xã hội rồi.”

Lần cuối tôi đến Đông Quán là vào tháng Hai năm 2007. Không khí có mùi khói và lạnh lẽo, đường phố đông nghịt công nhân chuẩn bị về thăm nhà vào dịp năm mới. Một người lái xe ở nhà máy của Xuân Minh chuẩn bị đi giao hồng bao - một phong bì màu đỏ đựng tám trăm nhân dân tệ - cho một khách hàng và tham dự tiệc cuối năm của công ty khách hàng đó. Anh ta thuyết phục Xuân Minh đi cùng vì cô biết cách nói chuyện, và cô mời tôi. Bữa tiệc có lẽ được tổ chức ở một nhà hàng náo nhiệt, cô nói, là cách mà hầu hết các nhà máy đều làm ngày nay.

Khi chúng tôi đến nhà máy giày thời trang Wonder, cô rất thất vọng. Các công nhân đang ăn ở nhà ăn của nhà máy tại các bàn tròn lớn dưới ánh đèn huỳnh quang. Đó là nơi họ ăn uống hằng ngày, mặc dầu ngày hôm nay mỗi bàn có cả một con cá to. Các món ăn đều nhiều dầu mỡ, Xuân Minh chỉ nhón mấy miếng rau, cũng được chao dầu. Ở trước căn phòng, ông chủ nhà máy hướng dẫn các công nhân chơi các trò giành ghế theo nhạc^[35] và nói thầm^[36]. Ông ta nhớ tên các nhân viên của mình và trêu đùa các nhân viên đã có người yêu. “Tôi có thể thấy ông chủ này là người tốt,” Xuân Minh nói.

Sau bữa tôi là đến màn rút thăm trúng thưởng. Các công nhân bỏ lại đồ ăn và bia tiến lên phía trước, giống như một tiểu đoàn nhận được lệnh tấn công. Hơn một trăm công nhân, hầu hết là thiếu niên mặc áo sơ mi cộc tay đồng phục của nhà máy. Một vài cậu thanh niên trẻ đến mức trông giống con gái. Ở mọi nhà máy, rút thăm trúng thưởng là tiêu điểm của các bữa tiệc mừng năm mới. Đối với tôi, đó là trò chơi hết sức kỳ quặc; đối với các công nhân, đó là sự ngẫu nhiên đầy kinh ngạc khi mà một lần trong thế giới này, bạn chẳng mất gì mà vẫn có thể có được thứ gì đó. Giải thưởng cao nhất tối nay là chặn

len, rồi đến khăn quàng cổ, máy sấy tóc, và phích nước. Còn có giải thưởng bằng tiền mặt gồm năm mươi, một trăm, và hai trăm nhân dân tệ. Những người không được giải gì có thể nhận được giải khuyến khích, khăn mặt và một muống xà phòng giặt đựng trong một cái túi to. Khi các công nhân nghe thấy điều này, họ vỗ tay reo hò cũng to như khi nghe bất kỳ giải thưởng nào khác.

Với tư cách là một trong các nhà cung cấp của nhà máy, Xuân Minh được mời lên rút thăm cho các giải thưởng một trăm nhân dân tệ. Cô tiến về phía trước của căn phòng, cầm lấy micro, và dễ dàng tiếp tục nghi thức.

Tất cả các bạn có muốn nhà máy làm ăn phát đạt trong năm 2007 không?

Có!

Tất cả các bạn có muốn ông chủ kiếm được nhiều tiền, để các bạn có thể nhận lương cao hơn và nhiều phần thưởng hơn không?

Có!

Tất cả các bạn có hứa rằng năm nay sẽ làm việc chăm chỉ để biến những ước muốn này thành hiện thực không?

Có!

Trong những ngày còn làm ở nhà máy, Xuân Minh kể với tôi là cô, rất hiếm khi được gặp người ở thế giới bên ngoài. Khi có cơ hội gặp gỡ, sẽ cảm thấy rất mới mẻ, và bạn sẽ cố gắng học hỏi mọi thứ có thể. Giờ đây cô nói chuyện với các bạn trẻ này tựa như cô đã quen biết họ cả đời, giọng nói của cô rộn ràng khắp căn phòng. *Tôi cũng như tất cả các bạn.* Các công nhân chen lấn tiến về phía trước, hoan hô vị khách mời và tiếp tục vỗ tay liên miên không dứt, tựa như họ không muốn đêm nay kết thúc.

CÁC NGUỒN TƯ LIỆU

Tôi muốn tìm hiểu về thế giới nhà máy giống như cách các công nhân di trú đã làm - từ dưới lên trên và từ trong ra ngoài. Nhưng trong quá trình nghiên cứu tài liệu cho cuốn sách này, tôi còn được biết thêm từ những văn bản tài liệu đã cung cấp các ngữ cảnh và bối cảnh cho những thứ lần đầu tôi mắt thấy tai nghe. Tôi liệt kê ra đây các nguồn tài liệu hữu dụng nhất đối với tôi.

Trong cuốn sách này, tôi đã sử dụng hệ thống Latin hóa tiêu chuẩn của tiếng Trung Quốc là *hanyu pinyin* (*Hán ngữ phan âm*), để phiên âm tên của người và địa danh. Vào thời Quốc dân Đảng, một hệ thống phiên âm khác được sử dụng - Bắc Kinh (Beijing) được gọi là Peking hoặc Peiping, thủ đô thời chiến Trùng Khánh (Chongqing) được viết là Chungking,... Để rõ ràng, tôi đã sử dụng cách phiên âm hiện tại, với một ngoại lệ: ở Trung Quốc ngày nay họ của gia tộc tôi được viết là Zhang, nhưng tôi vẫn giữ lại cách viết cũ là Chang - một cái tên báo hiệu cho bất cứ ai sinh ra và lớn lên ở Đại lục rằng lịch sử của tôi không hoàn toàn chỉ là của riêng họ.

Chương 1: RA ĐI

Con số tiền lương tối thiểu ở đây áp dụng với tỉnh Quảng Đông vào năm 2004, khi Mẫn và các phụ nữ trẻ khác mà tôi quen ở Đông Quán bắt đầu đến làm việc. Tiền lương tối thiểu khu vực này kể từ đó đã tăng lên, từ khoảng 70 đô la Mỹ đến 110 đô la Mỹ.

Số lượng công nhân di trú ở Trung Quốc, đến cuối năm 2006, theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia. Số liệu này bao gồm cả những người quê ở nông thôn Trung Quốc đang sống xa nhà.

Tỷ giá quy đổi nhân dân tệ - đô la Mỹ được sử dụng trong cuốn sách này là 8:1.

Về các thông tin liên quan đến sự di trú ở Trung Quốc:

Du Yang và Albert Park. “Qianyi yu jianpin: laizi nonghu diaocha de jingyan zhengju” [Migration and casting off poverty: empirical proof from a survey of rural households (Sự di trú và việc loại bỏ sự đói nghèo: các bằng chứng về mặt kinh nghiệm từ cuộc khảo sát với các hộ gia đình ở nông thôn)]. *Zhongguo renkou kexue* [Tạp chí khoa học Nhân khẩu Trung Quốc] 4 (2003): 56-62.

Gaetano, Arianne M., và Tamara Jacka, eds. *On the Move: Women and Rural-to-Urban Migration in Contemporary China* (Đang chuyển động: Phụ nữ và sự di trú từ nông thôn ra thành thị ở Trung Quốc đương đại). New York: Columbia University Press, 2004.

Jacka, Tamara. *Rural Women in Urban China: Gender, Migration, and Social Change* (Phụ nữ nông thôn ở thành thị Trung Quốc: Giới tính, di trú, và thay đổi mang tính

xã hội). Armonk, N.Y.: M. E. Sharpe, 2006.

Lee Ching-kwan. "Production Politics and Labour Identities: Migrant Workers in South China" (Chính sách sản xuất và nhận dạng lao động: Các công nhân di trú ở miền Nam Trung Quốc). Trong *China Review* 1995. Biên tập bởi Lo Chi Kin, Suzanne Pepper, và Tsui Ki Yuen. Hong Kong: Chinese University Press (Nhà in Đại học Trung Quốc), 1995.

Li Qiang. "Zhongguo waichu nongmingong jiqi huikuan zhi yanjiu" [Research on migrant workers' remittances (Nghiên cứu về việc gửi tiền của các công nhân di trú)]. *Shehuixue yanjiu* [Nghiên cứu xã hội học] 4 (2001).

Ma, Lawrence J.C., và Biao Xiang. "Native Place, Migration and the Emergence of Peasant Enclaves in Beijing" (Quê hương, sự di trú và sự xuất hiện các khu vực của những người nông dân ở Bắc Kinh). *China Quarterly* 155 (tháng Chín 1998): 546-581.

Murphy, Rachel. *How Migrant Labor Is Changing Rural China* (Cách thức lao động di trú đang thay đổi nông thôn Trung Hoa). Cambridge, U.K.: Cambridge University Press, 2002.

Pun Ngai. *Made in China: Women Factory Workers in a Global Workplace* (Sản xuất ở Trung Quốc: Các nữ công nhân công xưởng tại nơi làm việc toàn cầu). Durham, N.C.: Duke University Press, 2005.

Tan Shen. *Funü yu laogong* [Women and Labor (Phụ nữ và Lao động)]. Ấn bản lưu hành nội bộ. 2002.

West, Loraine A., và Yaohui Zhao, eds. *Rural Labor Flows in China* (Các luồng lao động nông thôn ở Trung Quốc). Berkeley, Calif.: Institute of East Asian Studies (Viện Nghiên cứu Đông Á), 2000.

Zhang Hong. "China's New Rural Daughters Coming of Age: Downsizing the Family and Firing Up Cash-Earning Power in the New Economy" (Những cô gái nông thôn mới đến tuổi trưởng thành ở Trung Quốc: Giảm quy mô gia đình và tăng khả năng kiếm tiền trong nền kinh tế mới). *Signs: Journal of Women in Culture and Society* 32.3 (2007).

Chương 2: THÀNH PHỐ

Không có một con số chính thức nào về việc có bao nhiêu phần trăm dân số ở Đông Quảng là phụ nữ. Tôi sử dụng con số bảy mươi phần trăm, dựa trên ước lượng của các chuyện gia tuyển dụng lao động, văn phòng phó thị trưởng thành phố, và các khảo sát trên các báo địa phương.

Về các thông tin liên quan đến phát triển kinh tế ở Đông Quảng:

Vogel, Ezra F. *One step Ahead in China: Guangdong Under Reform* (Một bước tiến ở

Trung Quốc: Quảng Đông trong thời kỳ cải cách). Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1989.

Chương 3: CHẾT NGHÈO LÀ CÓ TỘI

Về các thông tin liên quan đến ngành công nghiệp bán hàng trực tiếp ở Trung Quốc:

Ho, Herbert H. *The Developments of Direct Selling Regulation in China, 1994-2004* (Sự phát triển của quy định bán hàng trực tiếp ở Trung Quốc, 1994-2004). Washington, D.C.: U.S.-China Business Council, 2004.

Chương 5: NHỮNG CÔ GÁI CÔNG XƯỞNG

Các chỉ dẫn về việc làm nghề nông từ lịch truyền thống của Trung Quốc được nêu trong chương này áp dụng đối với tỉnh Hà Bắc thuộc đồng bằng Hoa Bắc.

Về các thông tin liên quan đến thế hệ mới của những người di trú ở Trung Quốc:

Lin Xue. “Liangdai dagongzhe de bieyang rensheng” [The different life experiences of two generations of migrant workers (Những trải nghiệm cuộc sống khác nhau của hai thế hệ công nhân di trú)]. *Dagongmei* [Migrant Women (Những phụ nữ di trú)] 4 (2004): 24-25.

Wang Chunguang. “Xinshengdai nongcun liudong renkou de shehui rentong yu chengxiang ronghe de guanxi” [Characteristics of the new generation of flowing population from rural China (Các tính chất thế hệ mới của dân số từ nông thôn Trung Quốc)]. *Shehuixue yanjiu* [Nghiên cứu xã hội học] 3 (2001): 63-76.

Về các thông tin liên quan đến ngành công nghiệp giày thể thao:

Vanderbilt, Tom. *The Sneaker Book: Anatomy of an industry and an Icon* (Cuốn sách về giày thể thao đế mềm: Giải phẫu một ngành công nghiệp và một biểu tượng). New York: New Press, 1998.

Chương 6: TẮM BIA VÔ DANH

Về lịch sử thời kỳ đầu của gia tộc, tôi dựa vào một tài liệu chưa được xuất bản của người họ hàng là Trương Đồng Hiến, cũng như:

Zhang Dianjun biên soạn. *Jilin Zhangshi zongpu* [Jilin Zhang Family Genealogy, revised edition (Phả hệ gia tộc họ Trương ở Cát Lâm, bản đã sửa chữa)]. Chưa được xuất bản. 1993.

Về lịch sử của Mãn Châu:

Elliott, Mark C. *The Manchu Way: The Eight Banners and Ethnic Identity in Late Imperial China* (Cách của người Mãn Châu: Bát Kỳ và sự xác định dân tộc ở Trung Hoa đế quốc thời kỳ sau). Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2001.

Gottschang, Thomas R. và Diana Lary. *Swallows and Settlers: The Great Migration from North China to Manchuria* (Chim nhận và Những người đi khai hoang: Cuộc di

trú vĩ đại từ vùng Hoa Bắc lên Mãn Châu). Ann Arbor, Mich.: Center for Chinese Studies (Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc), 2000.

Hosie, Alexander. *Manchuria: Its People, Resources and Recent History* (Mãn Châu: Con người, Tài nguyên và Lịch sử cận đại). Boston: J.B. Millet, 1910.

Lee, Robert H.G. *The Manchurian Frontier in Ch'ing History* (Biên giới Mãn Châu trong lịch sử nhà Thanh). Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1970.

Về thông tin liên quan đến giáo dục truyền thống đối với trẻ em Trung Quốc:

Saari, Jon L. *Legacies of Childhood: Growing up Chinese in a Time of Crisis, 1890-1920* (Di sản của tuổi thơ: Những người Trung Quốc lớn lên trong thời khủng hoảng, 1890-1920). Cambridge, Mass.: Council on East Asian Studies, 1990.

Về lịch sử của Đại học Bắc Kinh:

Weston, Timothy B. *The Power of Position: Beijing University, Intellectuals, and Chinese Political Culture, 1898-1929* (Quyền lực của địa vị: Đại học Bắc Kinh, Trí thức, và Văn hóa chính trị Trung Quốc, 1898-1929). Berkeley, Calif.: University of California Press, 2004.

Về tài liệu liên quan đến sinh viên Trung Quốc ở Mỹ:

Ye Weili. *Seeking Modernity in China's Name: Chinese Students in the United States, 1900-1927* (Tìm kiếm sự hiện đại trong tên gọi của Trung Quốc: Sinh viên Trung Quốc ở Mỹ, 1900-1927). Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2001.

Về tài liệu liên quan đến thời kỳ Quốc dân Đảng:

Eastman, Lloyd E., và các đồng tác giả. *The Nationalist Era in China, 1927-1949* (Thời kỳ Dân quốc ở Trung Hoa, 1927-1949). Cambridge, U.K.: Cambridge University Press (Nhà xuất bản Đại học Cambridge), 1991.

Sheridan, James E. *China in Disintegration: The Republican Era in Chinese History, 1912-1949* (Trung Quốc phân hóa: Thời đại Dân quốc trong lịch sử Trung Hoa, 1912-1949). New York: Free Press, 1975.

Về thông tin liên quan đến Mãn Châu trong thời nội chiến và trong vụ ám sát Trương Sơn Phu, ông nội tôi:

Chang Kia-Ngau. *Last Chance in Manchuria: The Diary of Chang Kia-Ngau* (Cơ hội cuối cùng ở Mãn Châu: Nhật ký của Chang Kia-Ngau). Biên tập bởi Donald G. Gillin và Ramon H. Myers. Stanford, Calif.: Hoover Institution Press, 1989.

Levine, Steven I. *Anvil of Victory: The Communist Revolution in Manchuria, 1945-1948* (Cái đe của thắng lợi: Cuộc Cách mạng cộng sản ở Mãn Châu, 1945-1948). New York: Columbia University Press, 1987.

Nie Shiqi. "Jingdao Zhang Shenfu xiansheng" [In respectful mourning of Mr. Zhang Shenfu (Tưởng nhớ ông Trương Sơn Phu)]. *Central Daily News*, 13 tháng Ba, 1946: 5.

Su Lin. "Shei zhi "Zhang Shenfu" xiangxi qingkuang" [Who knows the detailed circumstances of Zhang Shenfu? (Ai biết về chi tiết tình hình vụ việc Trương Sơn Phu?)] *Huashang chenbao* [Shenyang Chinese Business Morning View] 29 tháng Sáu, 2001: 1.

Tao Gang. "Yizuo bei - yituan mi" [A stele - a mystery (Một tấm bia - một bí mật)]. *Liaoshen Evening News* [Shenyang], 29 tháng Năm, 2000: 2.

Tung Wen-ch'i. *The Reminiscences of Mr. Tung Wen-ch'i* (Hồi ký của ông Đồng Văn Kỳ). Chang Yu-fa và Shen Sung-chiao soạn. Taipei: Institute of Modern History (Viện Lịch sử Hiện đại), 1986.

Zhang Lijiao. Drafts of letters to the Heilongjiang and Liaoning Provincial Political Consultative Committees and the Heilongjiang Office for Overseas Chinese Affairs (Bản nháp các bức thư gửi Hội nghị Hiệp thương chính trị tỉnh Hắc Long Giang và Liêu Ninh và gửi Sở Hoa Kiều Hắc Long Giang). Tháng Mười 1987.

"Zhang Shenfu beihai shi yubu yinmou" [Zhang Shenfu's murder was a prearranged conspiracy (Vụ án mạng của Trương Sơn Phu là một âm mưu được sắp đặt từ trước)]. *Xinhua Daily News*, 9 tháng Ba, 1946: 2.

"Zhang Shenfu deng yunan jingguo" [Events surrounding the murders of Zhang Shenfu and others (Các sự kiện xung quanh vụ án mạng của Trương Sơn Phu và những người khác)]. *Central Daily News*, 5 tháng Ba, 1946: 3.

"Zhang Shenfu deng zao cansha" [Zhang Shenfu and others are murdered (Trương Sơn Phu và những người khác bị ám sát)]. *Central Daily News*, 10 tháng Hai, 1946: 2.

Chương 7: VUÔNG VÀ TRÒN

Ding Yuanzhi. *Fang yu yuan* [Vuông và Tròn]. Guangzhou: Guangzhou Publishing House (Nhà xuất bản Quảng Châu), 1996.

Guangyi Teaching and Research Section. *Liyi suzhi* [Etiquette and Quality (Phép xã giao và Phẩm chất)]. Chưa được xuất bản. 2003.

- *Shejiao koucai* [Xã giao khẩu tài (Xã giao và tài ăn nói)]. Chưa được xuất bản. 2003.

Xiao Jin. "Zhuanxing shiqi de Zhongguo jiaoyu gaige zhuanxiang hefang" [China's educational reform in transition: Is it transforming? (Cải cách giáo dục ở Trung Quốc trong thời kỳ quá độ: Có phải là đang thay đổi?)]. *Hongfan yanjiu* [Legal and Economics (Luật pháp và kinh tế)] 3.2 (2006): 144-183.

Xiao Jin và Mun C. Tsang. "Human Capital Development in an Emerging Economy: The Experience of Shenzhen, China" (Phát triển nguồn nhân lực ở một nền kinh tế đang phát triển: Kinh nghiệm của Thâm Quyến, Trung Quốc). *China Quarterly* 157 (tháng Ba 1999): 72-114.

Chương 8: HẸN HÒ TÁM PHÚT

Về tài liệu liên quan đến ảnh hưởng của việc di trú đối với thái độ về việc kết hôn của phụ nữ nông thôn Trung Quốc:

Chen Yintao. "Dagongmei de hunlian guannian ji qi kunrao" [Rural working women's attitudes toward love and marriage and their dilemmas (Thái độ của phụ nữ nông thôn đang làm việc tại thành phố đối với tình yêu và hôn nhân cùng với tình trạng tiến thoái lưỡng nan của họ)]. *Renkou yanjiu* [Nghiên cứu dân số] 21, số 2 (tháng Ba 1997): 39-44.

Connelly, Rachel, và các đồng tác giả. "The Impact of Migration on the Position of Women in Rural China" (Ảnh hưởng của việc di trú đối với địa vị của phụ nữ ở nông thôn Trung Quốc). Bài trình bày tại Hội nghị thường niên của Hiệp hội Dân số Mỹ. 2003.

Zhang Hong. "Labor Migration, Gender, and the Rise of Neo-Local Marriages in the Economic Boomtown of Dongguan, South China" (Lao động di trú, giới tính, và sự gia tăng của các cuộc hôn nhân địa điểm mới ở thành phố bùng nổ kinh tế Đông Quán, miền Nam Trung Quốc). *Journal of Contemporary China*, sắp xuất bản.

Zheng Zhenzhen. "Guanyu renkou liudong dui nongcun funü yingxiang de yanjiu" [A study on the impact of migration on rural women (Nghiên cứu về ảnh hưởng của việc di trú đối với phụ nữ nông thôn)]. *Funü yanjiu luncong* [Collected Studies on Women (Tập hợp các bài nghiên cứu về phụ nữ)] 6 (2001): 38-41.

- "Impact of Migration on Gender Relationships and Rural Women's Status in China" (Ảnh hưởng của việc di trú đến quan hệ giới tính và địa vị của phụ nữ nông thôn ở Trung Quốc). Dự án nghiên cứu của UNESCO. 2006.

Chương 9: TIẾNG ANH KIỂU DÂY CHUYỀN LẤP RÁP

Về các thông tin liên quan đến công ty Tiếng Anh Bạc Thang:

"Jiazhang zhiyi Jieti Yingyu" [Parents are suspicious of Ladder English (Các bậc cha mẹ nghi ngờ về Tiếng Anh Bạc Thang)]. *Xinwen chenbao* [Shanghai Morning Post], 2 tháng Hai, 2005.

Mu Yi, Zeng Le, và Liu Jun. "Lao yuangong tibao "Jieti Yingyu" piancai shu" [Old employees expose fraudulent tactics of "Ladder English" (Các nhân viên cũ tiết lộ thủ đoạn gian lận của "Tiếng Anh Bạc Thang")]. *Xinkuaibao* [Guangzhou New Express Daily], 2 tháng Hai, 2005.

Chương 11: NHÀ SỬ HỌC TRONG GIA TỘC TÔI

Về các thông tin liên quan cách hành văn mang tính lịch sử Trung Quốc và bảng phả hệ truyền thống:

Beasley, W.G., và E.G. Pulleyblank, eds. *Historians of China and Japan* (Các nhà sử học của Trung Quốc và Nhật Bản). London: Oxford University Press, 1961.

Jing Jun. *The Temple of Memories: History, Power, and Morality in a Chinese Village* (Ngôi đền ký ức: Lịch sử, quyền lực, và đạo đức ở một ngôi làng Trung Quốc). Stanford, Calif.: Stanford University Press, 1996.

Meskill, Johanna M. "The Chinese Genealogy as a Research Source" (Bảng phả hệ Trung Quốc như là một nguồn tư liệu nghiên cứu). Trong *Family and Kinship in Chinese Society* (Gia đình và Họ hàng trong xã hội Trung Quốc). Biên tập bởi Maurice Freedman, 139-161. Stanford, Calif.: Stanford University Press, 1970.

Van der Sprenkel, Otto Berkelbach. "Genealogical Registers" (Đăng ký phả hệ). *Essays on the Sources for Chinese History* (Các bài luận về nguồn tư liệu cho lịch sử Trung Quốc). Biên tập bởi Donald D. Leslie, Colin Mackerras, và Wang Gungwu, 83-98. Canberra: Australian National University Press, 1973.

Chương 15: SỨC KHỎE HOÀN HẢO

Về các thông tin liên quan đến kế hoạch chăm sóc sức khỏe và ăn kiêng của Harvey Diamond:

Diamond, Harvey. *Fit for Life: A New Beginning* (Phù hợp với cuộc sống: Một sự khởi đầu mới). New York: Kensington, 2000.

Về thông tin liên quan đến những người di trú trở về, tôi dựa vào công trình nghiên cứu của Gong Weibin ở trường Hành chính Quốc gia Trung Quốc, cũng như của:

Ma Zhongdong. "Urban Labour-Force Experience as a Determinant of Rural Occupation Change: Evidence from Recent Urban-Rural Return Migration in China" (Kinh nghiệm về lực lượng lao động thành phố như là một yếu tố quyết định của việc thay đổi nghề nghiệp ở nông thôn: Bằng chứng từ việc di trú quay lại từ thành phố" về nông thôn gần đây ở Trung Quốc). *Environment and Planning A* 33 (2001): 237-255.

LỜI CẢM ƠN

Viết một cuốn sách, như một người bạn đã có lần nhắc nhở tôi, không phải là một hoạt động theo nhóm. Tuy nhiên, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới những người đã giúp tôi hoàn thành dự án này.

Trước hết tôi muốn cảm ơn những người, bạn của tôi ở Đông Quán, những người đã dạy tôi rất nhiều điều về thành phố này, nơi mà tất cả chúng ta đều là người ngoài. Lỗ Thanh Mẫn và Ngô Xuân Minh đã vô cùng rộng lượng khi mở lòng mình với tôi, cho tôi sự tin tưởng, kiên nhẫn, thời gian, và tình bạn bền lâu. Trương Thiến Thiến và Giả Kế Mai đã cho tôi thấy cuộc sống ở đây chuyển lấp rập, trong khi Giang Hải Yến và Trần Anh chia sẻ sự đấu tranh của họ để vượt qua được điều đó. Lưu Nghi Hà đã mở rộng tầm mắt cho tôi về cách học tiếng Anh ở một thành phố công xưởng.

Luke Lee và Allen Lee ở công ty Dụ Nguyên đã minh họa chuyện làm việc ở một nhà máy giày và cho tôi ra vào thoải mái ở khu liên hợp Đông Quán của công ty họ. Tôi cũng cảm ơn William Anderson và Kitty Potter ở công ty Adidas đối với việc mở đường cho những chuyến thăm đó. Ông Đặng Thuận Chương và các giáo viên khác ở trường Trí Đồng đã vui lòng cho tôi được dự thính các lớp học về Công sở của họ. Câu lạc bộ Kết bạn Đông Quán đã mở rộng cửa chào đón và kết nạp tôi làm thành viên. Ben Schwall đã tháp tùng tôi trong một chuyến du hành vào thế giới ngầm trong quán karaoke. Cô Lâm Tuyết chia sẻ nhiều hiểu biết về đời sống ở nhà máy và trở thành người bạn tốt đầu tiên của tôi ở Đông Quán. Đàm Thân ở Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc đã cho tôi lời khuyên vô giá về việc thám hiểm các thành phố nhà máy ở đồng bằng Châu Giang. Và cha mẹ Mẫn là những người chủ nhà tốt bụng khi tôi đến thăm làng quê của họ.

Viết cuốn sách này đã cho tôi cơ hội để hiểu thêm về những thành viên của gia tộc tôi ở rải rác nhiều nơi trên thế giới. Các cô bác Nellie Chao, Luke Chang, và Irene Chow sẵn lòng dành thời gian và chia sẻ các hồi ức với tôi, đặc biệt là bác Nellie đã chia sẻ bài thơ của bác. Người vợ góa của bác Trương Lập Giao là bác Chu Thư Lan, và các con của họ, Trương Tống, Trương Kỳ, Trương Ân Kiều đã chào đón tôi đến nhà như một người em gái nhỏ và chia sẻ với tôi thư từ và những hồi ức cùng với những món ăn Đông Bắc ngon lành. Ông Trương Hồng đã dành những khoảnh khắc tốt nhất trong ba ngày để kể cho tôi tất cả những gì ông biết về lịch sử gia tộc chúng tôi. Ở Bắc Kinh, bà trẻ Trương Liên nấu nướng ở nhà cho tôi ăn, cho tôi các bài báo đã được cắt ra, và ký ức của bà về việc lớn lên ở Lục Đài. Bác Triệu Hồng Chí đã đưa tôi đến ngôi nhà cũ của gia tộc ở số 6 và nhớ rất nhiều chi tiết mà những người khác đã quên. Ở Lục Đài, anh Trương Đồng Hiến là một hướng dẫn viên am hiểu - một trong nhiều nhà lịch sử cá nhân mà tôi có cơ hội được gặp gỡ.

Tôi thật may mắn vì đã được làm việc với các đồng nghiệp tài năng và tận tụy trong những năm làm việc ở tờ *Wall Street Journal* (Nhật báo Phố Wall). Marcus Brauchli đã dạy tôi viết báo, tôi cảm kích tình bạn và sự giúp đỡ của anh kể từ khi chúng tôi gặp nhau trong một rạp chiếu phim ở Prague. Ian Johnson luôn hết sức rộng rãi khi chia sẻ kiến thức và hiểu biết của mình, anh cũng rất tốt bụng khi đã duyệt lại bản thảo và cung cấp những bình luận có ích - và hóm hỉnh. Jonathan Kaufman là người bảo vệ nhiệt thành cho những bài báo đầu tiên của tôi về các công nhân di trú, và Mike Miller đã dành đất những bài báo đó theo cách mà mỗi nhà báo đều lấy làm cảm kích rằng mình xứng đáng nhận được. Sophie Sun, Kersten Zhang, và Thôi Dung cung cấp cho tôi sự hỗ trợ nghiên cứu vô giá, tôi cảm ơn họ vì sự hóm hỉnh tuyệt vời và sự kiên nhẫn với những đòi hỏi bất tận của tôi. Urban Lehner, Reg Chua, và John Bussey đã hỗ trợ sự nghiệp của tôi ở tờ báo và cho phép tôi rời khỏi để bắt đầu viết cuốn sách này. Lily Song, Dou Changlu, và Yue Dingxian hỗ trợ tôi bằng nhiều cách trong suốt những năm qua. Tôi đã nhận được nhiều lợi ích từ tình bạn và những cuộc trò chuyện với các bạn phóng viên của tôi: Kathy Chen, Charles Hutzler, Karby Leggett, Peter Wonacott, Matt Forney, Matt Pottinger, Jason Dean, David Murphy, Joseph Kahn, Craig Smith và Rebecca Blumenstein.

Tôi xin cảm ơn Doug Hunt, với những nhận xét sâu sắc trong lần đọc bản thảo đầu đã giúp tôi giải quyết những vấn đề chủ chốt đối với cuốn sách này. Susan Jakes gợi ý vô số những điều để cải thiện và đã hướng cho tôi tới những tác phẩm tham khảo đầy hữu dụng sau khi đọc bản thảo - tôi cảm ơn cô về điều này và về tình bạn trong suốt những năm qua. Tôi cảm kích trước những lời bình luận của Michael Meyer, Terzah Becker, và Trương Hồng ở Đại học Colby, tất cả đã duyệt lại bản thảo với sự cẩn trọng vô cùng. Hà Hồng Linh và Quách Đạo Bình đã kiên nhẫn giải mã những cuốn nhật ký của ông nội tôi, và Travis Klingberg đưa ra lời khuyên vô giá về các thành phần thị giác của cuốn sách. Cảm ơn Jane Lee và Jen Lin-Liu về tình bạn và sự khích lệ kể từ ngày tôi quyết định viết cuốn sách này.

Tôi vô cùng cảm ơn Cindy Spiegel, biên tập viên của tôi ở Spiegel & Grau, vì những lần đọc bản thảo đầy thông cảm và sâu sắc - không nhà văn nào có thể mong đợi tốt hơn thế. Rất cảm ơn Chris Calhoun, đại diện của tôi, vì niềm tin tưởng từ đầu và sự hỗ trợ không ngừng nghỉ, và cảm ơn Marcy Posner về việc tiến hành các thủ tục liên quan đến bản quyền ở nước ngoài một cách lão luyện.

Lời cảm ơn chân thành nhất dành cho cha mẹ tôi, những người đã dạy tôi tiếng Trung, kể cho tôi nghe về Trung Quốc và để tôi tự do học nhiều điều. Cha tôi đã vô cùng kiên nhẫn lắng nghe nhiều câu hỏi, còn mẹ tôi có những sửa chữa vô cùng có ích sau khi đọc bản thảo. Công việc đã khiến tôi phải xa nhà cũng mang tôi lại gần với cha mẹ hơn. Tôi cảm ơn anh trai Justin, người luôn ủng hộ và hiểu tôi mặc dầu đã chọn một con đường vào đời khác biệt hoàn toàn.

Và với Peter Hessler - cảm ơn anh đã dành cho em những khả năng này, trong cuộc sống và trong việc viết văn. Mọi nhà văn đều cần một độc giả như anh.

1. Đông Quán (còn gọi là Đông Hoàn): thành phố thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, nằm bên bờ sông Châu Giang, giữa Quảng Châu, Thâm Quyển, là một trong Quảng Đông tứ tiểu hồ thời kỳ đổi mới (Nam Hải, Thuận Đức, Đông Quán, Trung Sơn), cũng là một trong những khu gia công chế xuất lớn nhất thế giới.
2. Quảng Châu có biệt hiệu là "thành phố hoa" (Hoa Thành).
3. Hãng bán lẻ đồ gia dụng của Thụy Điển.
4. Tên ghép nhái của McDonald's và KFC, hai chuỗi cửa hàng bán thức ăn nhanh của Mỹ.
5. Nhái theo tên Hyatt, chuỗi khách sạn quốc tế lớn thuộc tập đoàn Global Hyatt Corporation.
6. 25 xu Mỹ tương đương 2 nhân dân tệ.
7. Tiếng Anh trong nguyên bản: Inferior Protection Bureau. Còn gọi là: Po Leung Kuk (Bảo lương cục), hoặc Society for the Protection of Women and Children; một tổ chức xã hội để ngăn ngừa việc bắt cóc
8. Nguyên văn: benign circle. Đối nghĩa với vicious circle (cái vòng luẩn quẩn).
9. Tiểu thuyết gia người Mỹ (1871-1945), tác giả của tiểu thuyết *Jennie Gerhardt*, *Chị Carrie*.
10. Nữ tiểu thuyết gia người Mỹ (1862-1937), tác giả của tiểu thuyết *The Age of Innocence* (thời thơ ngây) đoạt giải Pulitzer năm 1920
11. Tiểu thuyết gia người Mỹ (1843-1916), tác giả tiểu thuyết *The Ambassador* (Ngài đại sứ).
12. Một trong hai loại sản phẩm đặc trưng nhất của chuỗi cửa hàng McDonald's.
13. Một điệu múa Mỹ Latinh mà những người người tham gia nối đuôi nhau thành một hàng uốn khúc.
14. Nguyên văn: city block, nghĩa là một khoảng không gian bao quanh bởi bốn con phố cắt nhau.
15. Pre-law: chứng chỉ phải có khi học ở trường Luật
16. Trùm gangster nổi tiếng nước Mỹ đầu thế kỷ 20.
17. Lúc này Triều Tiên bị sáp nhập vào Nhật Bản.
18. Marshall Field (1834-1906), người sáng lập ra Marshall Field and Company, chuỗi cửa hàng bán lẻ có trụ sở chính tại Chicago, được đánh giá là một trong mười nhà tài phiệt giàu nhất mọi thời đại.
19. "Bản thổ" Trung Quốc bao gồm những vùng đất lịch sử lâu đời của Trung Quốc, đối

lập với các vùng đất sáp nhập sau này của đế quốc Trung Hoa xưa và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày nay. Các vùng lãnh thổ thường được coi là nằm ngoài “bản đồ” Trung Quốc bao gồm Tân Cương, Tây Tạng, Đông Bắc (Mãn Châu) và Nội Mông.

[20.](#) Chu Chí Nhu (1898-1986), tự Bách Phúc, người Lâm Hải, Thái Châu, Triết Giang. Thượng tướng cấp một của Không quân chính quyền Quốc dân Đảng.

[21.](#) Trương Ái Lôi là tên tiếng Hán của bà Nellie

[22.](#) “Thời đại Mới”: phong trào phát triển mạnh vào thập kỷ 1970, hướng tới tâm linh, thần bí phương Đông.

[23.](#) Tập đoàn Hoa Vi (Huawei) này đã có trụ sở tại Việt Nam.

[24.](#) Class nghĩa là lớp học, tầng lớp, giai cấp; còn crass là thô bỉ, dăn dộn.

[25.](#) Một bộ phim hài lãng mạn năm 1953, do Audrey Hepburn và Gregory Peck thủ vai chính. Trong phim Audrey Hepburn đóng vai công chúa còn Gregory Peck là chàng phóng viên nghèo. Hai người đã có một ngày lãng mạn bên nhau khi chàng phóng viên đưa công chúa đến một thế giới mà nàng chưa từng biết đến.

[26.](#) Một thị trấn thuộc Đông Quán.

[27.](#) Đây là một câu sai chính tả.

[28.](#) Đây là bài thơ *Về quê mà ngẫu hứng viết lên (Hồi hương ngẫu thư)* của Hạ Tri Chương đời Đường, qua bản dịch của Nguyễn Ngọc Hùng:

Trẻ đi, già trở lại nhà

Giọng quê không đổi, sương pha mái đầu.

Trẻ con nhìn lạ không chào

Hỏi rằng khách lạ chốn nào đến chơi?

[29.](#) Kháng (kang): một loại bức hình chữ nhật xây trên nền đất dùng làm chỗ ngủ, thường thấy ở các làng phía Bắc Trung Quốc. Kháng gồm ba phần: một bếp lò, giường và một ống khói. Hơi nóng từ lò được dẫn qua các ống khói nằm dưới chiếc giường và khói thoát ra ở miệng ống. Bề mặt của giường kháng là đất nung và chiếc chiếu rom to được đặt lên trên để làm giảm sức nóng và tránh bị bắn. Một tấm chăn bông chăn dày là lớp phủ thứ hai, tiếp theo là chăn nhồi bông và ga trải giường.

[30.](#) Tiếng Anh trong nguyên bản: *When you throw a meat bun at a dog, it is gone forever* (Khi bạn ném miến thịt cho chó, là mất luôn miến thịt).

[31.](#) Loại thuyền cổ đáy bằng có hai mũi cong, phổ biến ở Venice.

[32.](#) Teletubbies là chương trình truyền hình của BBC dành cho trẻ em khoảng 2-3 tuổi, được sản xuất từ năm 1997 đến năm 2001.

[33.](#) Thủ phủ khu tự trị Tân Cương.

34. Nguyên văn: Yo-yo dieting, hay chu kỳ thay đổi cân nặng, là sự giảm và tăng cân lặp đi lặp lại do việc ăn kiêng nghèo calo quá mức.

35. Musical chairs: trò chơi trong đó những người tham gia sẽ đi vòng quanh một dãy ghế (thiếu một ghế) cho đến khi nhạc dừng lại, người nào không giành được ghế để ngồi vào sẽ phải rời khỏi trò chơi.

36. Telephone: trò chơi trong đó người chơi đầu tiên nói thầm một cụm từ hoặc một câu vào tai người chơi bên cạnh, mỗi người chơi lần lượt thì thầm những gì mình nghe được cho người bên cạnh, người chơi cuối cùng sẽ đọc to cụm từ hoặc câu đó cho cả nhóm.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

Phần 1: Thành phố

1. Ra đi
2. Thành phố
3. Chết nghèo là có tội
4. Chợ việc làm
5. Những cô gái công xiềng
6. Tấm bia vô danh
7. Vuông và tròn
8. Hẹn hò tám phút
9. Tiếng Anh kiểu dây chuyền lắp ráp

Phần Hai: Làng quê

10. Làng quê
11. Nhà sử học trong gia tộc tôi
12. Thương xá Hoa Nam
13. Tình yêu và tiền bạc
14. Lăng mộ của hoàng đế
15. Sức khỏe hoàn hảo

CÁC NGUỒN TƯ LIỆU

LỜI CẢM ƠN